

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

5

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

TẬP

5

Tháng Năm - tháng Chạp 1901

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Hà Nội - 2005

Những tác phẩm của V. I. Lê-nin trong tập này in theo bản dịch
của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội

© Nhà xuất bản Tiến bộ, 1975

Л 10 102 — 392
014(01) — 75 714—74

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khẳng định chủ nghĩa Mác — Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động là vấn đề có tính nguyên tắc đối với cách mạng Việt Nam; là bước phát triển về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu mọi mặt do công cuộc đổi mới đất nước mang lại trong những năm qua thật đáng trân trọng và khích lệ, đồng thời đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Với tinh thần đó, việc tìm hiểu, nghiên cứu có hệ thống và vận dụng sáng tạo những tư tưởng, những tinh hoa của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với chúng ta hiện nay.

Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu lý luận của đông đảo bạn đọc, đặc biệt là của các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên các trường đại học, nhân dịp kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Vladimira Ilích Lê-nin (22-4-1870 — 22-4-2005), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản Bộ sách quý *V. I. Lê-nin - Toàn tập* gồm 55 tập và 2 tập Tra cứu.

Bộ sách *V. I. Lê-nin - Toàn tập* ra mắt bạn đọc lần này được xuất bản theo đúng nguyên bản của Bộ *V. I. Lê-nin - Toàn tập*, tiếng Việt, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, hợp tác với Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, xuất bản vào những năm 70-80 thế kỷ XX.

* *
*

Tập 5 của Bộ sách *V. I. Lê-nin - Toàn tập* này gồm các tác phẩm của Lênin viết vào giai đoạn từ tháng Năm đến tháng Chạp năm 1901. Đặc điểm lớn nhất của xã hội Nga thời kỳ này là chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, làm bùng nổ phong trào cách mạng chống lại chế độ Nga hoàng, thổi bùng khí thế cách mạng của nông dân, công nhân, trí thức và cả những người dân chủ xã hội đòi hỏi cấp bách phải xây dựng một Đảng cộng sản để lãnh đạo.

Nội dung chủ yếu của tập này, trình bày tác phẩm chính của V. I. Lê-nin viết trong thời gian này nói về xây dựng Đảng mác-xít về cách mạng ruộng đất, kịch liệt đấu tranh với bọn vô chính phủ, định ra sách lược với phái tự do và quan trọng alf chỉ ra triển vọng tươi sáng cho phong trào cách mạng Nga.

Nội dung những tác phẩm chính trong tập này được phân tích khá toàn diện trong phần *Lời tựa* in ở đầu sách, do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin (Liên Xô) viết cho lần xuất bản bằng tiếng Việt.

Phần phụ lục và các Bản chỉ dẫn (với những số trang tương ứng của phần nội dung trong tập) ở cuốn sách được trình bày hết sức khoa học và chuẩn xác; đây là phần tra cứu rất bổ ích, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong nội dung tác phẩm, giúp bạn đọc hiểu sâu sắc hơn tư tưởng của V. I. Lê-nin.

Chú thích cuối trang bằng dấu (*) là của V. I. Lê-nin; Chú thích bằng chữ số Ả-rập ⁽¹⁾ là của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước đây).

Hy vọng Bộ sách sẽ là tài liệu nghiên cứu và tham khảo bổ ích cho bạn đọc.

Tháng 3 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI TỰA

Tập 5 trong V. I. Lê-nin Toàn tập gồm những tác phẩm của Lê-nin viết vào thời kỳ từ tháng Năm đến tháng Chạp 1901.

Đặc điểm của tình hình thời kỳ này ở nước Nga là việc đẩy mạnh phong trào cách mạng chống lại chế độ Nga hoàng và tất cả những tàn tích của chế độ nông nô đã kìm hãm sự phát triển về kinh tế và chính trị của đất nước. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng nổ lúc đó cũng cuốn luôn theo cả nước Nga. Do đặc điểm của nền kinh tế nước Nga là chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ bên cạnh rất nhiều tàn tích của chế độ nông nô, cho nên những hậu quả của cuộc khủng hoảng đó, — cuộc khủng hoảng xảy ra đúng vào lúc mất mùa và đói kém ở nhiều tỉnh, — biểu hiện ra hết sức rõ rệt. Những xí nghiệp cỡ trung bình và cỡ nhỏ thì bị chèn ép và phá sản. Nền công nghiệp được tập trung mạnh hơn, những tổ chức độc quyền của bọn tư bản bắt đầu xuất hiện. Chủ nghĩa tư bản ở nước Nga trở thành chủ nghĩa đế quốc.

Cuộc khủng hoảng đó đã tăng cường khí thế cách mạng trong quần chúng nhân dân và làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh giai cấp. Những cuộc đấu tranh của công nhân ngày càng có tính chất quần chúng và chính trị. Từ những cuộc bãi công kinh tế và đấu tranh đòi cải thiện điều kiện lao động và sinh hoạt, công nhân đã chuyển sang công khai đấu tranh chính trị chống lại chế độ Nga hoàng, chuyển sang bãi

công và biểu tình chính trị. Phong trào công nhân được nâng lên một mức cao hơn.

Do ảnh hưởng cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân mà cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn cũng trở nên gay gắt. Những đợt nổi dậy và những cuộc đấu tranh của nông dân chống lại bọn địa chủ ngày càng dồn dập và càng có tính chất quần chúng. Phong trào sinh viên được đẩy mạnh, phong trào hội đồng địa phương và phong trào chủ nghĩa tự do trở nên sôi nổi. Cách mạng ở nước Nga chín muồi.

Thời kỳ đó, phong trào dân chủ-xã hội cũng đã có quy mô to lớn. Các ban chấp hành và các nhóm hoạt động đã xuất hiện trong nhiều thành phố lớn (Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Tu-la, I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xcơ, Ô-đét-xa, Khác-cốp, Ba-cu, Ti-phlít và các thành phố khác). Nhưng tất cả những tổ chức ấy chưa gắn bó với nhau và còn đi chậm hơn so với cao trào tự phát của quần chúng. Điều thiết yếu lúc đó là phải thống nhất được tất cả các lực lượng dân chủ-xã hội cách mạng, mở rộng cuộc đấu tranh với lễ lối hoạt động thủ công, với những tư tưởng dao động, với "chủ nghĩa kinh tế". Nhiệm vụ phải xây dựng một đảng vô sản có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân trong cuộc cách mạng sắp tới được đặt ra trước những người dân chủ-xã hội một cách ngày càng khẩn thiết.

Nội dung chủ yếu của tập này là những tác phẩm phát triển hơn nữa tư tưởng mà Lê-nin đã đề ra về việc xây dựng một đảng công nhân mác-xít tập trung và có tính chiến đấu ở Nga, về việc thảo ra những nguyên tắc về cơ cấu tổ chức của đảng, vạch ra cương lĩnh, đường lối và sách lược của đảng trong những điều kiện cách mạng đang tới gần. Những tác phẩm đó phản ánh cuộc đấu tranh của V.I.Lê-nin chống lại "phái kinh tế" và bọn xét lại, bảo vệ lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác; phản ánh hoạt động của Lê-nin nhằm đoàn kết đảng dân chủ-xã hội cách mạng và lãnh đạo phong trào cách mạng nước Nga.

Mở đầu tập này là bài báo "Bắt đầu từ đâu?" đăng trong số 4 báo "Tia lửa" vào tháng Năm 1901, trong đó Lê-nin giải thích rõ những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của đảng dân chủ-xã hội, trình bày kế hoạch xây dựng một đảng mác-xít toàn Nga. Lê-nin cho rằng trong những điều kiện của chế độ chuyên chế và bị cảnh sát truy nã thì khâu cơ bản — mà phải bắt đầu từ đó để xây dựng đảng — là ra một tờ báo mác-xít bất hợp pháp toàn Nga. Người viết: "Theo ý chúng tôi thì điểm xuất phát của hoạt động, bước thực tiễn đầu tiên để tiến tới thành lập cái tổ chức mong muốn, và cuối cùng, sợi dây chính mà nếu nắm được nó thì chúng ta sẽ có thể không ngừng phát triển, củng cố và mở rộng tổ chức ấy, — phải là việc thành lập tờ báo chính trị toàn Nga" (xem tập này, tr. 10).

Bài báo đó nêu lên ý nghĩa quan trọng của tờ báo trong việc tổ chức và tiến hành công tác tuyên truyền, cổ động có hệ thống, mang tính nguyên tắc và toàn diện, trong việc tổ chức công tác của đảng dân chủ-xã hội về mặt giáo dục chính trị, giáo dục tư tưởng và tổ chức quần chúng. Lê-nin chỉ ra rằng tờ báo không những phải trở thành người tuyên truyền tập thể và người cổ động tập thể, mà còn phải là người tổ chức tập thể. Người đặc biệt nhấn mạnh vai trò của tờ báo là một công cụ chủ yếu để đoàn kết các ban chấp hành của đảng dân chủ-xã hội về mặt tư tưởng và tổ chức. Mạng lưới thông tin viên địa phương được lập ra xung quanh tờ báo nhằm mục đích cung cấp tin và bài cho tờ báo và phân phát tờ báo đó ở địa phương, "sẽ là cái khung của chính cái tổ chức mà chúng ta cần có, — Lê-nin viết, — tức là một tổ chức khá lớn để có thể bao trùm được toàn quốc; khá rộng rãi và bao gồm được nhiều mặt để có thể tiến hành một sự phân công chặt chẽ và tỉ mỉ; khá vững chắc để có thể kiên trì không ngừng tiến hành công tác của mình trong mọi hoàn cảnh, trong mọi "bước ngoặt" và trước mọi sự bất ngờ; khá mềm dẻo để có thể, một mặt thì tránh

các trận đánh công khai trực diện với một kẻ địch đông hơn đã tập trung tất cả lực lượng vào một nơi duy nhất, và mặt khác lại biết lợi dụng sự chậm chạp, thiếu linh hoạt của địch mà tấn công chúng vào nơi và vào lúc chúng ít ngờ nhất" (tr. 13-14).

Trong bài báo "Mạn đàm với những người bảo vệ chủ nghĩa kinh tế", Lê-nin đã vạch trần những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái "kinh tế", vạch trần ra rằng họ không am hiểu vấn đề tương quan giữa những yếu tố "vật chất" tự phát và những yếu tố tư tưởng tự giác của phong trào. Lê-nin đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của hệ tư tưởng mác-xít cách mạng đối với đảng của giai cấp công nhân, vai trò của đảng trong phong trào công nhân với tư cách là người lãnh đạo chính trị, nhà tư tưởng, lãnh tụ của quần chúng được trang bị bằng lý luận tiên tiến và có khả năng lãnh đạo phong trào. Lê-nin viết: "Phái kinh tế" "không hiểu rằng, "nhà tư tưởng" chỉ xứng đáng với danh hiệu nhà tư tưởng khi nào họ đi *trước* phong trào tự phát, chỉ đường cho nó, khi nào họ biết giải quyết, trước những người khác, tất cả các vấn đề lý luận, chính trị, sách lược và các vấn đề về tổ chức mà "những yếu tố vật chất" của phong trào húc phải một cách tự phát" (tr. 445 - 446).

Lê-nin phơi bày một cách sâu sắc thực chất cơ hội chủ nghĩa của "chủ nghĩa kinh tế". Người chỉ ra rằng "chủ nghĩa kinh tế", với tính cách là một trào lưu, có những đặc điểm: về phương diện nguyên tắc, chủ nghĩa ấy là sự tầm thường hoá chủ nghĩa Mác và sự bất lực trước những luận điệu "phê phán" hiện đại, những luận điệu thực ra là biến dạng của chủ nghĩa cơ hội; về phương diện chính trị, chủ nghĩa ấy là khuynh hướng muốn thu hẹp sự cổ động chính trị và đấu tranh chính trị, không hiểu rằng nếu không nắm được quyền lãnh đạo phong trào dân chủ chung thì đảng dân chủ-xã hội không thể nào lật đổ được chế độ chuyên chế; về phương diện sách lược, chủ nghĩa ấy hoàn toàn thiếu kiên

định; về phương diện tổ chức, chủ nghĩa ấy không hiểu rằng tính chất quần chúng của phong trào chẳng những không làm giảm đi, mà, ngược lại, còn nâng cao hơn nữa trách nhiệm của đảng dân chủ-xã hội phải "thành lập một tổ chức vững mạnh và tập trung của những người cách mạng, một tổ chức có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh có chuẩn bị, cũng như lãnh đạo mọi cuộc bùng nổ bất ngờ, và sau rốt, là lãnh đạo cuộc tấn công quyết liệt cuối cùng" (tr. 448).

Những bài phát biểu của V. I. Lê-nin tại đại hội "thống nhất" các tổ chức Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài, "Lời tựa cho cuốn "Những văn kiện của đại hội "thống nhất"", tiểu luận "Trả lời Ban chấp hành Xanh Pê-téc-bua" và những bài khác in trong tập này đã làm sáng tỏ về cuộc đấu tranh của V.I. Lê-nin và những người dân chủ - xã hội cách mạng bảo vệ những tư tưởng của tờ "Tia lửa" và sách lược chống "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" đang tuyên truyền những quan điểm của bọn theo "chủ nghĩa kinh tế". Trong những tác phẩm này, Lê-nin đã giải thích rõ ràng việc hợp nhất với "Hội liên hiệp" chỉ thực hiện được trên cơ sở hội đó hoàn toàn từ bỏ việc ve vãn "chủ nghĩa kinh tế" và chủ nghĩa Béc-stanh, đồng thời công nhận những nguyên tắc và sách lược của đảng dân chủ-xã hội cách mạng. Trong bài tiểu luận "Tình hình công việc ở nước ngoài", Người thông báo về việc hợp nhất các tổ chức ở ngoài nước của báo "Tia lửa" và "Bình minh" và tổ chức cách mạng "Người dân chủ-xã hội" thành "Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài".

Giữ vị trí đáng kể trong tập này là tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"", nó nhằm bảo vệ và phát triển hơn nữa lý luận mác-xít về vấn đề ruộng đất. Trong tác phẩm này, Lê-nin đã phê phán toàn diện bọn xét lại Nga là Bun-ga-cốp, Tséc-nốp và bọn xét lại Đức là Đa-vít, Héc-tơ, v.v., những kẻ lên tiếng "phê phán" học

thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác, toan chứng minh rằng lý luận mác-xít không áp dụng được vào nông nghiệp, phủ nhận quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp.

Lê-nin đã chỉ ra tính thiếu căn cứ khoa học của cái mốt "phê phán chủ nghĩa Mác", phanh phui bản chất của những quan điểm lý luận của bọn xét lại mà chung quy cũng là nhai đi nhai lại một cách bất lực những luận cứ cũ rích của các nhà kinh tế học tư sản phản động. Lê-nin đập tan những lời bịa đặt dối trá của bọn xét lại về tính ổn định của các hộ tiểu nông và trung nông trong nông nghiệp, vạch trần mưu toan của chúng muốn bỏ qua những vấn đề xã hội cực kỳ quan trọng nói lên thực chất của vấn đề ruộng đất, xoá nhoà những nguyên nhân thực sự của tình trạng lạc hậu trong nông nghiệp và sự cùng khổ của quần chúng nông dân, những nguyên nhân ấy là ở những tàn dư của chế độ nông nô, ở chế độ tư hữu về ruộng đất, ở hệ thống các mối quan hệ tư bản chủ nghĩa. Lê-nin viết: "Tên biện hộ tư sản tất nhiên là ra sức bỏ qua những nguyên nhân xã hội và lịch sử của tình trạng nông nghiệp lạc hậu và đổ lỗi cho "tính bảo thủ của những lực lượng của giới tự nhiên" và cho "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ". Quy luật khét tiếng này không chứa đựng gì hết ngoài những lời biện hộ và sự ngốc nghếch" (tr. 286-287).

Trên cơ sở phân tích sâu sắc theo quan điểm mác-xít những tài liệu kinh tế nông nghiệp của Nga, Đức, Đan-mạch, Lê-nin đã chứng minh một cách hùng hồn rằng những quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản do Mác phát hiện cũng tác động cả trong nông nghiệp. Nông nghiệp cũng là nơi đang diễn ra quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa với tất cả những mâu thuẫn vốn có của nó. Việc tập trung sản xuất, sự phân hoá giai cấp nông dân, tình trạng nền kinh tế trung nông bị đẩy lùi và bị phá sản, một số lượng ít ỏi những kẻ giàu có tăng lên, đa số dân cư nông thôn bị vô sản hoá, sự gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp

ở nông thôn, tất cả những hiện tượng đó tăng lên mạnh. Lê-nin viết: "... Thống kê về *toàn bộ* dân cư nông nghiệp đã nêu lên cho chúng ta một cách hoàn toàn rõ ràng chính hai quá trình vô sản hoá mà chủ nghĩa Mác chính thống luôn luôn nói đến, và bọn phê phán cơ hội chủ nghĩa cố gắng che đậy bằng những câu sáo rỗng: một mặt thì nông dân càng ngày càng mất nhiều ruộng đất, dân cư nông nghiệp bị tước đoạt, họ phải chạy vào các thành phố hoặc là biến từ những công nhân có ruộng đất thành những công nhân không có ruộng đất; mặt khác thì "những khoản lương phụ" phát triển trong nông dân, nghĩa là nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, sự kết hợp này là bước đầu của quá trình vô sản hoá và luôn luôn làm tăng thêm túng thiếu (kéo dài ngày lao động, ăn uống giảm sút v.v.)" (tr. 271-272). Lê-nin chỉ ra rằng, sự gay gắt của tất cả các mâu thuẫn ở nông thôn tất yếu dẫn tới sự bất bình tăng lên của quần chúng nông dân, rằng nông dân lao động có thể trở thành người bạn đồng minh đáng tin cậy của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng sắp tới.

Lê-nin đã tiếp tục phát triển hơn nữa học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác về vấn đề ruộng đất. Người đã đề ra những luận điểm về sự cạnh tranh trong nông nghiệp, về sự tồn tại hai loại độc quyền trong đó: độc quyền tư hữu về ruộng đất và độc quyền kinh doanh tư bản chủ nghĩa đối với ruộng đất; Người đã khôi phục và phát triển học thuyết mác-xít về địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối. Tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" phát triển những tư tưởng và luận điểm mà Lê-nin đã đưa ra trong tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", là cơ sở cho cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ-xã hội Nga do Lê-nin soạn thảo và cho sách lược của đảng đối với giai cấp nông dân.

Ở tập này, trong các luận cương "Chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa xã hội", Lê-nin đã vạch rõ thực chất xã

hội và nội dung chính trị của chủ nghĩa vô chính phủ. Lê-nin chỉ ra rằng, chủ nghĩa vô chính phủ đòi đóng vai trò đại biểu cho quyền lợi của giai cấp công nhân, nhưng thực ra nó chỉ là một trào lưu tiểu tư sản, là "mặt trái của *chủ nghĩa cá nhân* tư sản" biểu hiện tâm trạng "của người trí thức hay tên lưu manh bị mất hướng". Thế giới quan của chủ nghĩa vô chính phủ xây dựng trên cơ sở một sự không hiểu biết về nguyên nhân của sự bóc lột, của vai trò nền đại sản xuất trong sự phát triển xã hội và tính tất yếu phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, không hiểu biết về cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, về vai trò của nhà nước. Chủ nghĩa vô chính phủ đứng trên lập trường bảo vệ những người tư hữu nhỏ và nền kinh tế tiểu nông, phủ nhận sự cần thiết phải tổ chức và giáo dục công nhân, đồng thời dẫn tới chỗ là "dưới hình thức phủ nhận chính trị, đem giai cấp công nhân phụ thuộc vào chính trị *tư sản*".

Trong bài "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", Lê-nin đã vạch ra sách lược của đảng mác-xít đối với giai cấp tư sản tự do. Trên cơ sở tài liệu bản "Điều trần" mặt của bộ trưởng Bộ tài chính Vít-te và lời tựa của R.N.X.(Xto-ru-vê) viết cho bản điều trần đó, Lê-nin đã vạch rõ khuynh hướng của chính phủ Nga hoàng muốn hạn chế vai trò của hội đồng địa phương, mà họ coi như là một sự nhượng bộ đối với phong trào cách mạng trong những năm 60. Bài này đã vạch trần những ảo tưởng của phái tự do, phái này bất chấp thực tế khách quan và không hiểu thực chất của hội đồng địa phương, nên đã coi hội đồng địa phương là mầm mống của chế độ tự quản lập hiến. Lê-nin đã vạch trần thực chất chính trị của chủ nghĩa tự do, tính chất cách mạng giả hiệu của những người theo chủ nghĩa tự do Nga, việc họ không muốn và không có khả năng bảo vệ ngay cả những yêu sách ít nhiều mang tính chất dân chủ. Lê-nin chỉ rõ rằng, tất cả những

mưu đồ của chủ nghĩa tự do Nga chung quy cũng chỉ là nhằm lợi dụng khí thế cách mạng của quần chúng để đem cách mạng ra doạ nạt chế độ Nga hoàng và giành những cải cách nhỏ mọn, có lợi cho giai cấp tư sản và bọn địa chủ đã tư sản hoá. Lê-nin cho rằng đảng dân chủ - xã hội, trong khi ủng hộ tất cả những phong trào chống chế độ chuyên chế, phải vạch trần những ảo tưởng của chủ nghĩa tự do Nga, "chính sách phản bội của cái hùng biện khoác lác và của sự nhu nhược nhục nhã", giải thích rõ tác hại của những ảo tưởng của chủ nghĩa tự do đối với phong trào cách mạng.

Trong bài "Về tạp chí "Tự do"", Lê-nin đã vạch trần lập trường cơ hội chủ nghĩa của nhóm xuất bản tạp chí này là nhóm "Tự do". Lê-nin phê phán tạp chí này đã xuyên tạc và tầm thường hoá những tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Lê-nin dạy cách viết sao cho được thật sự đại chúng và dễ tiếp thu đối với anh em công nhân, dùng những thí dụ đơn giản nhất rút trong xã hội để giúp họ hiểu những kết luận và luận điểm phức tạp của học thuyết uyên thâm của chủ nghĩa Mác.

Nhiều bài trong tập này là mẫu mực của thể văn chính luận cách mạng của Lê-nin. Những bài đó vạch trần ách thống trị cảnh sát của chế độ Nga hoàng, vạch rõ những nguyên nhân kinh tế - xã hội và chính trị khiến cho khí thế cách mạng tất yếu phải tăng lên, xác định triển vọng của phong trào cách mạng ở Nga. Trong bài "Những bài học của khủng hoảng" Lê-nin đã chỉ ra rằng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, thì tính chất gay gắt của mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa sản xuất ngày càng có tính chất xã hội và việc chiếm hữu tư nhân vẫn đang tồn tại, sẽ làm cho những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ đang lay chuyển toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa, trở thành một hiện tượng tất yếu. Lê-nin chỉ ra rằng: "Những cuộc khủng hoảng lớn sẽ trở thành điều có thể xảy ra và không tránh khỏi sẽ xảy ra, đó chỉ là vì lực lượng sản xuất *xã hội* mạnh mẽ bị sự chi phối của một nhóm nhà giàu chỉ cắm đầu đi tìm

lợi lộc" (tr. 103). Những cuộc khủng hoảng là người bạn đường không thể tránh khỏi của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chúng đang tạo cơ sở cho những cuộc khủng hoảng mới sâu sắc hơn và sẽ dẫn chủ nghĩa tư bản đến chỗ diệt vong.

Lê-nin vạch trần những mưu đồ của bọn tán dương chủ nghĩa tư bản và bọn xét lại muốn xem khủng hoảng như một hiện tượng ngẫu nhiên đối với chủ nghĩa tư bản. Lê-nin vạch ra sự phi lý trong luận cứ của bọn xét lại. Lê-nin viết: "Khủng hoảng chứng minh rằng những người xã hội chủ nghĩa nào mà hai năm trước đây đã tuyên bố om sòm rằng hiện nay nạn khủng hoảng có lẽ trở nên ít xảy ra hơn (những người này tự xưng là "nhà phê phán", có lẽ là vì họ đã chép lại học thuyết của những nhà kinh tế học tư sản một cách không có phê phán) thì thật là thiếu cận biết bao" (tr. 104-105).

Bài báo nhấn mạnh rằng những cuộc khủng hoảng sẽ còn tiếp tục xảy ra cho đến khi những đội quân vô sản xã hội chủ nghĩa lật đổ được ách thống trị của tư bản và của chế độ tư hữu. Bài báo lấy dẫn chứng nước Nga cho thấy rằng chính những tác động tàn phá hết sức mãnh liệt và gay gắt của khủng hoảng đã dạy cho những người công nhân nhận thức quyền lợi giai cấp của mình, đoàn kết với nhau chặt chẽ hơn và tổ chức nhau lại để hành động quyết liệt chống lại chủ nghĩa tư bản.

Những bài "Trận kịch chiến mới", "Bước đầu của những cuộc biểu tình", "Lời thú nhận quý giá" và những bài khác đã đánh giá cao trào cách mạng của công nhân, việc công nhân chuyển từ những cuộc bãi công kinh tế sang những cuộc bãi công và biểu tình chính trị, sang hình thức đấu tranh công khai chống chế độ chuyên chế của Nga hoàng. Lê-nin nêu lên sự trưởng thành về trình độ giác ngộ chính trị và về tính tích cực cách mạng của giai cấp công nhân, Người nhấn mạnh nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội là phải lãnh đạo phong trào công nhân, đấu tranh giành bá quyền lãnh đạo cho giai cấp vô sản, giải thích cho quần chúng thấy rõ sự cần thiết phải đấu tranh "giành tự do cho toàn dân".

Nhiều bài báo đã trình bày tình trạng khổ cực của giai cấp nông dân Nga bị khủng hoảng và đói kém đẩy tới chỗ phá sản và chết mòn; những bài ấy cho thấy quần chúng nông dân đã thức tỉnh khỏi tình trạng ngoan ngoãn phục tùng từ bao đời nay và khỏi cảnh tăm tối để vươn tới cuộc đấu tranh cách mạng chống bọn địa chủ. Trong các bài "Nạn đói" và "Thái độ đối với cuộc khủng hoảng và nạn đói", mà khi in trong tạp chí "Bình minh" được tập hợp lại dưới một đầu đề chung là "Bình luận tình hình trong nước", cũng như các bài "Cuộc đấu tranh với những kẻ đói" và những bài khác đã vạch trần chính sách nông nô của chính phủ Nga hoàng bảo vệ quyền lợi của bọn địa chủ, hòng che giấu tình cảnh cơ cực của những người nông dân lâm vào nạn đói và khủng bố những cá nhân có lòng từ thiện vì họ cứu giúp những người bị đói. Lê-nin chỉ rõ sự sợ hãi của chế độ Nga hoàng trước cuộc khởi nghĩa nông dân, mưu đồ của nó muốn dùng bạo lực để đè bẹp hoặc dùng các mưu kế để ngăn chặn cuộc đấu tranh cách mạng của nông dân. Lê-nin giải thích rõ rằng thông tri của chính phủ về việc cứu trợ những người bị nạn đói, thực tế chỉ là lời "tuyên chiến chống lại những người bị nạn đói" và những người cứu giúp họ; những luật lệ tạm thời về việc tổ chức công ăn việc làm cho những người bị nạn đói là những "luật lệ khổ sai" nhằm o ép và nô dịch nông dân. Trong bài "Bọn chủ nông nô đang hoạt động", Lê-nin đã vạch trần thực chất nông nô, phản động của đạo luật chính phủ về việc chia công điền ở Xi-bi-ri cho tư nhân nhằm mục đích thoả mãn những nhu cầu của bọn chủ nô và thiết lập ở Xi-bi-ri một chỗ dựa vững chắc cho chế độ chuyên chế. Những tác phẩm này đã nêu rõ sự phản kháng tăng lên trong nông dân, nhấn mạnh những quyền lợi chung trong cuộc cách mạng sắp tới của công nhân và nông dân, những con người gắn bó với nhau "...không những do thất nghiệp và đói rét, mà còn do sự áp bức của cảnh sát nữa, sự áp bức này tước đoạt khả năng

đoàn kết và tự vệ của công nhân, tước đoạt cả của nông dân sự giúp đỡ của những người có lòng tốt quyền giúp họ. Đối với hàng triệu nhân dân mất hết mọi tư liệu sinh hoạt thì bàn tay nặng nề của bọn cảnh sát, so với trước lại càng nặng gấp trăm lần" (tr. 106).

Trong phần "Các tài liệu chuẩn bị" có in các đề cương, những bản tóm tắt, các dị bản ban đầu và các tài liệu khác chuẩn bị cho những bài báo "Những kẻ áp bức hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do" (in lần đầu tiên), "Bọn chủ nông nô đang hoạt động", "Trận kịch chiến mới" và những bài khác.

Xét về nội dung, bài "Những điểm sửa chữa và những nhận xét đối với bản dự thảo điều lệ của tổ chức dân chủ-xã hội Nga ở nước ngoài" (in lần đầu tiên) gần giống với bài tiểu luận "Tình hình công việc ở ngoài nước". Những bài này cho thấy rõ hoạt động của V.I.Lê-nin trong việc thống nhất các tổ chức ngoài nước của đảng dân chủ-xã hội cách mạng Nga, cuộc đấu tranh của Lê-nin nhằm bảo vệ vai trò lãnh đạo của tờ "Tia lửa" trong việc thống nhất đó, bảo vệ những nguyên tắc và sách lược của tờ "Tia lửa" trong hoạt động của nó.

Bài "Nhận xét về bài báo của Ri-a-da-nốp "Hai sự thật"" (in lần đầu tiên), do Lê-nin viết cho tờ "Tia lửa", đã nói lên công tác biên tập của V. I. Lê-nin trong tờ "Tia lửa". Lê-nin phê phán những quan điểm chủ quan của tác giả, phê phán tác giả không biết phân tích tình hình, phê phán việc tác giả đánh giá quá cao vai trò của N. C. Mi-khai-lốp-xki trong phong trào giải phóng.

Những tài liệu chuẩn bị cho tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" vì rất nhiều nên tập hợp thành một tập riêng.

*Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin
trực thuộc Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Liên-xô*

BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU 1?

Viết xong vào tháng Năm 1901

*In vào tháng Năm 1901, trên báo
"Tia lửa", số 4*

Theo đúng bản in trên báo

Câu hỏi: "làm gì?" trong những năm gần đây đã được nêu lên trước những người dân chủ - xã hội Nga một cách đặc biệt mạnh mẽ. Đây không phải là vấn đề chọn con đường đi (như vào khoảng cuối những năm 80 và đầu những năm 90), mà là vấn đề xét xem chúng ta phải thực hiện những bước thực tiễn nào và cụ thể phải thực hiện như thế nào trên một con đường đã được định rõ. Đây là vấn đề phương pháp và kế hoạch hoạt động thực tiễn. Và phải thừa nhận rằng trong chúng ta, vấn đề tính chất và phương pháp đấu tranh đó, vấn đề cơ bản đối với một đảng hoạt động thực tiễn, vẫn chưa được giải quyết, vẫn còn gây ra những sự bất đồng nghiêm trọng, bộc lộ rõ tình trạng không ổn định và dao động đáng tiếc về tư tưởng. Một đảng thì xu hướng "kinh tế"², cái xu hướng cố gắng cắt bớt và thu hẹp công tác tổ chức chính trị và cổ động chính trị lại, vẫn hoàn toàn chưa chết hẳn. Đảng khác thì xu hướng chiết trung vô nguyên tắc, cái xu hướng muốn phỏng theo mọi "trào lưu" mới mà không biết phân biệt những nhu cầu trước mắt với những nhiệm vụ cơ bản và những đòi hỏi thường xuyên của toàn bộ phong trào, vẫn còn kiêu hãnh ngẩng đầu lên như xưa. Như mọi người đều biết, xu hướng đó đã bắt rễ trong tạp chí "Sự nghiệp công nhân"³. Lời tuyên bố "có tính chất cương lĩnh" mới đây của họ — một bài báo rất kêu với cái đầu đề rất kêu "Một bước ngoặt lịch sử" (số 6, ""Sự

nghiệp công nhân" khổ nhỏ⁴⁾ — đã chứng thực một cách đặc biệt rõ ràng nhận định trên đây. Mới ngày hôm qua, ta còn ve vãn "chủ nghĩa kinh tế", còn công phần đối với việc cương quyết lên án tờ "Tư tưởng công nhân"⁵⁾, còn "làm dịu bớt" cách Plê-kha-nốp đặt vấn đề đấu tranh chống chế độ chuyên chế, — thế mà ngày hôm nay ta lại đã trích dẫn câu của Liép-nếch: "Nếu hoàn cảnh thay đổi trong 24 giờ thì cũng cần phải thay đổi sách lược trong 24 giờ", ta lại đã nói tới "một tổ chức chiến đấu vững mạnh" để tấn công trực tiếp, để công phá chế độ chuyên chế; tới "việc cổ động chính trị và cách mạng (thật là kiên quyết: vừa cách mạng lại vừa chính trị!) rộng rãi trong quần chúng"; tới "việc không ngừng kêu gọi phản đối ngoài đường phố"; tới "việc tổ chức những cuộc biểu tình ngoài đường phố có tính chất chính trị rõ rệt (sic! ¹⁾)", v. v., v. v..

Có lẽ chúng ta đã có thể bày tỏ sự hài lòng về việc tờ "Sự nghiệp công nhân" đã thấm nhuần được mau chóng đến thế cương lĩnh do chúng ta đề ra trong số đầu của báo "Tia lửa"⁶⁾: xây dựng một đảng vững mạnh, có tổ chức, không những để giành lấy những nhượng bộ riêng lẻ mà còn để đoạt lấy chính thành trì của chế độ chuyên chế nữa, nhưng do những người đã thấm nhuần được như vậy không có một quan điểm kiên định nào cả nên chúng ta hoàn toàn không thể hài lòng được.

Đương nhiên là tờ "Sự nghiệp công nhân" đã uống công mượn danh của Liép-nếch. Trong vòng 24 tiếng đồng hồ, có thể thay đổi sách lược cổ động về một vấn đề riêng nào đó, sách lược về việc thực hiện một chi tiết nào đó của tổ chức đảng, nhưng còn đối với vấn đề xét xem có phải là nói chung, luôn luôn và tuyệt đối cần phải có một tổ chức chiến đấu và cần phải tiến hành công tác cổ động chính trị trong quần chúng hay không, thì ngay cả trong 24 tháng,

1) — như thế đấy!

chứ không phải chỉ trong 24 giờ thôi, cũng chỉ có những kẻ hoàn toàn vô nguyên tắc mới có thể thay đổi quan điểm của mình. Việc ra những sự khác nhau về hoàn cảnh, việc ra sự thay đổi về các thời kỳ thì thật là đáng tức cười: xây dựng tổ chức chiến đấu và tiến hành cổ động chính trị là điều nhất thiết phải làm, bất kể là trong hoàn cảnh "bình thường, hòa bình" thế nào đi nữa, trong thời kỳ "tinh thần cách mạng giảm sút" thế nào đi nữa. Hơn nữa: chính trong hoàn cảnh ấy, trong những thời kỳ ấy lại đặc biệt cần làm công tác nói trên, vì đợi đến lúc bùng nổ và bốc cháy, mới xây dựng tổ chức thì đã muộn mất rồi; tổ chức phải được chuẩn bị sẵn sàng để có thể mở rộng hoạt động ngay lập tức. "Thay đổi sách lược trong 24 giờ"! Nhưng muốn thay đổi sách lược thì trước hết phải có sách lược đã, còn nếu không có một tổ chức vững mạnh, thành thực đấu tranh chính trị trong bất cứ hoàn cảnh nào, thời kỳ nào, thì không thể nói đến một kế hoạch hoạt động có hệ thống, được soi sáng bằng những nguyên tắc vững chắc và được thực hiện một cách triệt để, và chỉ có kế hoạch hoạt động như thế mới đáng được gọi là sách lược. Thật vậy, hãy nhìn xem: người ta đã nói với chúng ta rằng "giai đoạn lịch sử" đã đặt ra trước đảng ta một vấn đề "hoàn toàn mới", vấn đề khủng bố. Ngày hôm qua, vấn đề "hoàn toàn mới" là vấn đề tổ chức chính trị và cổ động chính trị; ngày hôm nay, lại là vấn đề khủng bố. Há chẳng phải lạ lùng hay sao, khi có những người quên mất lai lịch của họ đến như thế mà lại bàn đến sự thay đổi căn bản về sách lược?

May thay, tờ "Sự nghiệp công nhân" đã nói không đúng. Vấn đề khủng bố hoàn toàn không phải là vấn đề mới, và chúng ta chỉ cần nhắc lại một cách vắn tắt những quan điểm đã được xác định của đảng dân chủ - xã hội Nga là cũng đủ rõ.

Về nguyên tắc, chúng ta không bao giờ từ chối và không thể từ chối được khủng bố. Đó là một trong những hành

động quân sự có thể hoàn toàn có lợi và thậm chí cần thiết trong một lúc chiến đấu nhất định, trong một tình trạng quân đội nhất định và trong những điều kiện nhất định. Nhưng thực chất của vấn đề chính là ở chỗ sự khủng bố được nêu lên ngày nay hoàn toàn không phải như là một trong những hành động của một đạo quân đang tác chiến, một hành động gắn liền chặt chẽ và phối hợp với toàn bộ hệ thống chiến đấu, mà là một phương pháp tấn công riêng lẻ, độc lập, không phụ thuộc vào bất kỳ một đạo quân nào cả. Và lại trong điều kiện thiếu một tổ chức cách mạng trung ương, trong điều kiện những tổ chức cách mạng địa phương còn yếu ớt thì khủng bố cũng không thể là cái gì khác thế được. Chính vì thế mà chúng ta tuyên bố kiên quyết rằng phương pháp đấu tranh ấy trong những hoàn cảnh hiện nay là không hợp thời, không hợp lý, nó làm cho những chiến sĩ tích cực nhất xa rời nhiệm vụ thật sự và quan trọng nhất của họ đối với toàn bộ phong trào, nó không làm rối loạn lực lượng của chính phủ mà lại làm rối loạn lực lượng của cách mạng. Các bạn hãy nhớ đến những biến cố mới đây: trước mắt chúng ta, những tầng lớp rộng rãi quần chúng công nhân thành thị và "dân thường" thành thị lao vào chiến đấu, thế mà những người cách mạng thì lại không có được một bộ tham mưu gồm những người lãnh đạo và tổ chức. Trong những điều kiện đó mà những người cách mạng kiên nghị nhất lại quan tâm đến khủng bố thì như thế há chẳng phải là có nguy cơ làm yếu những đội ngũ chiến đấu, những đội ngũ duy nhất mà người ta có thể đặt hy vọng thực sự vào đó, hay sao? Như thế há chẳng phải là có nguy cơ cắt đứt mối liên hệ giữa những tổ chức cách mạng với những lớp quần chúng rời rạc, bất mãn, phản kháng và sẵn sàng chiến đấu nhưng lại yếu ớt chính vì sự rời rạc của họ, hay sao? Thế mà mối liên hệ ấy chính lại là bảo đảm duy nhất cho thắng lợi của chúng ta. Chúng ta hoàn toàn không có ý phủ nhận mọi ý nghĩa của những cuộc tấn công anh dũng riêng lẻ,

nhưng nghĩa vụ của chúng ta là phải hết sức đề phòng xu hướng ham mê khủng bố, coi khủng bố là phương pháp đấu tranh chính và chủ yếu, xu hướng mà hiện nay có rất và rất nhiều người đang ngả theo rất mạnh. Khủng bố không bao giờ có thể trở thành những hành động quân sự thông thường được: nhiều lắm thì nó cũng chỉ có thể dùng được với tư cách là một trong những biện pháp xung kích quyết liệt. Thử hỏi: trong lúc này, chúng ta có thể *kêu gọi* xung kích như thế được không? Hình như từ "Sự nghiệp công nhân" nghĩ rằng có thể được. Ít ra thì nó cũng kêu lên: "Hãy tổ chức các đội xung kích đi!" Nhưng sự sốt sắng ấy lại cũng thiếu suy xét. Phần chủ yếu trong lực lượng quân sự của chúng ta là những người tình nguyện và nghĩa quân. Quân đội thường trực, chúng ta chỉ có một vài đội nhỏ, mà lại là chưa được động viên, chưa có liên hệ với nhau, chưa biết cách xếp được thành những đội ngũ quân sự thông thường chứ đừng nói gì đến những đội xung kích nữa. Trong những điều kiện như thế, những ai có khả năng nhìn tổng quát những điều kiện chung của cuộc đấu tranh của chúng ta, và không quên những điều kiện đó ở mỗi "bước ngoặt" của những biến cố lịch sử, – tất phải thấy rõ rằng lúc này khẩu hiệu của chúng ta không phải là "tiến lên xung kích" mà phải là: "tổ chức vây hãm thành địch một cách đúng đắn". Nói một cách khác: nhiệm vụ trực tiếp của đảng chúng ta không thể là kêu gọi những lực lượng hiện có tấn công ngay bây giờ, mà phải là kêu gọi xây dựng một tổ chức cách mạng có khả năng thống nhất mọi lực lượng và lãnh đạo phong trào, không phải chỉ trên danh nghĩa mà là trên thực tế, nghĩa là lúc nào cũng sẵn sàng ủng hộ mọi cuộc phản kháng, mọi cuộc bùng nổ, sử dụng những cơ hội đó để mở rộng và củng cố lực lượng quân sự cần thiết cho trận đánh quyết liệt.

Bài học của những biến cố tháng Hai và tháng Ba⁷ hết sức to lớn, khiến ngày nay khó mà có người phản đối kết

luận nói trên về nguyên tắc. Nhưng yêu cầu lúc này đòi hỏi chúng ta phải giải quyết vấn đề, không phải là về nguyên tắc mà là về thực tiễn. Đòi hỏi không những phải hiểu rõ ràng xem đó chính là tổ chức gì, cần thiết cho chính công tác nào, mà còn phải vạch ra một *kế hoạch* tổ chức nhất định để có thể bắt tay một cách toàn diện vào việc xây dựng tổ chức đó. Vì tầm quan trọng cấp bách của vấn đề, nên về phía chúng tôi, chúng tôi quyết định lưu ý các đồng chí tới bản phác thảo kế hoạch mà chúng tôi đã phát triển một cách chi tiết trong cuốn sách đã chuẩn bị đưa in⁸.

Theo ý chúng tôi thì điểm xuất phát của hoạt động, bước thực tiễn đầu tiên để tiến tới thành lập cái tổ chức mong muốn, và cuối cùng, sợi dây chính mà nếu nắm được nó thì chúng ta sẽ có thể không ngừng phát triển, củng cố và mở rộng tổ chức ấy, — phải là việc thành lập tờ báo chính trị toàn Nga. Chúng ta cần trước hết là tờ báo, — không có nó thì không thể tiến hành được một cách có hệ thống cuộc tuyên truyền cổ động hết sức có nguyên tắc và toàn diện. Đó là nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên của phong trào dân chủ - xã hội nói chung, và đó là nhiệm vụ đặc biệt cấp bách trong lúc này, lúc mà sự lưu ý đến chính trị, đến những vấn đề xã hội chủ nghĩa đã được nhóm lên trong các tầng lớp nhân dân rộng rãi nhất. Không lúc nào người ta lại cảm thấy một cách mạnh mẽ như lúc này là cần phải bổ sung vào sự cổ động rời rạc thông qua ảnh hưởng cá nhân, thông qua báo chí địa phương, sách v.v., bằng một sự cổ động đều đặn, tổng hợp mà chỉ có báo chí ra đều kỳ mới làm được. Vị tất đã phải là quá đáng nếu nói rằng mức độ xuất bản (và phổ biến) tờ báo được nhiều kỳ và đều đặn sẽ có thể dùng để đánh giá đúng nhất xem cái ngành đầu tiên nhất, thiết yếu nhất của hoạt động quân sự của chúng ta được xây dựng vững vàng như thế nào. Thế nữa, cái chúng ta cần, chính là tờ báo chung cho toàn Nga. Nếu như chúng ta không biết và chừng nào chúng ta còn chưa

biết thống nhất tác động của chúng ta đối với nhân dân và đối với chính phủ bằng những lời nói của báo chí thì ý muốn thống nhất những phương pháp tác động khác, phức tạp hơn, khó khăn hơn, nhưng lại kiên quyết hơn, sẽ chỉ là một ảo tưởng. Phong trào của chúng ta, cả về tư tưởng, về mặt thực tiễn, lẫn về mặt tổ chức, gặp khó khăn nhất là ở chỗ nó bị rời rạc, ở chỗ đại bộ phận những người dân chủ - xã hội hầu như bị thu hút hoàn toàn vào các công tác thuần túy địa phương, nó thu hẹp tầm mắt và phạm vi hoạt động của họ, hạn chế sự khôn khéo và rèn luyện của họ trong công tác bí mật. Phải tìm nguồn gốc sâu xa nhất của sự dao động, ngả nghiêng mà chúng tôi đã nói ở trên, ở ngay trong sự rời rạc ấy. Và bước tiến *đầu tiên* trên con đường khắc phục thiếu sót ấy, trên con đường biến những phong trào địa phương thành phong trào thống nhất toàn Nga, phải là thành lập tờ báo toàn Nga. Cuối cùng, cái mà chúng ta nhất thiết cần phải có, là một tờ báo *chính trị*. Trong hoàn cảnh châu Âu ngày nay, không có cơ quan chính trị thì không thể có phong trào đáng gọi là phong trào chính trị. Không có nó thì tuyệt đối không thể thực hiện được nhiệm vụ của chúng ta là: tập trung mọi phần tử bất mãn và phản kháng về mặt chính trị; thông qua họ mà làm nảy nở phong trào cách mạng của vô sản. Chúng ta đã đi bước đầu, chúng ta đã làm thức tỉnh trong giai cấp công nhân lòng ham say tố cáo về mặt "kinh tế" trong các nhà máy. Chúng ta phải đi tiếp bước sau là: làm thức tỉnh trong mọi tầng lớp nhân dân có đôi chút giác ngộ, sự ham say tố cáo về mặt *chính trị*. Không nên bối rối khi thấy những lời tố cáo về mặt chính trị lúc này còn rất yếu ớt, hiếm hoi, rụt rè đến thế. Nguyên do của tình trạng đó tuyệt nhiên không phải là ở chỗ có sự thỏa hiệp phổ biến với chế độ chuyên chế cảnh sát đầu. Nguyên do là ở chỗ những người có khả năng và sẵn sàng tố cáo không có diễn đàn để có thể nói được, — không có những thính giả có nhiệt tình nghe và khích lệ các diễn

giả; là ở chỗ, trong nhân dân, họ không thấy ở đâu có lực lượng nào đáng để họ có thể đến phản nản về cái chính phủ "có quyền lực vạn năng" ở Nga. Nhưng bây giờ đây, tất cả những tình trạng đó thay đổi một cách rất nhanh chóng. Lực lượng ấy đã có, đó là giai cấp vô sản cách mạng, giai cấp này đã chứng tỏ rằng không những nó sẵn sàng nghe theo và ủng hộ lời kêu gọi đấu tranh chính trị mà còn sẵn sàng dùng cảm nhảy vào chiến đấu. Bây giờ, chúng ta có thể và phải lập diễn đàn cho toàn dân tố cáo chính phủ Nga hoàng; diễn đàn ấy phải là tờ báo dân chủ - xã hội. Khác với các giai cấp và tầng lớp khác của xã hội Nga, giai cấp công nhân Nga thường xuyên quan tâm đến những kiến thức chính trị, họ thường xuyên (chứ không phải chỉ trong thời kỳ sôi sục đặc biệt) có một yêu cầu rất lớn về sách báo bất hợp pháp. Trong điều kiện có những yêu cầu rộng lớn như thế, trong điều kiện ta đã bắt đầu đào tạo được những người lãnh đạo cách mạng có kinh nghiệm, trong điều kiện giai cấp công nhân đã tập trung đến mức độ khiến họ thực tế trở thành chủ nhân ở những khu công nhân các thành phố lớn, ở những thị trấn có nhà máy, ở những nơi có công xưởng, — thì việc tổ chức một tờ báo chính trị là một việc hoàn toàn hợp với sức của giai cấp vô sản. Và thông qua giai cấp vô sản, tờ báo sẽ thâm nhập vào hàng ngũ những người tiểu thị dân ở thành thị, những người làm nghề thủ công ở nông thôn, vào nông dân và sẽ trở thành tờ báo chính trị thực sự của toàn dân.

Tuy nhiên, vai trò của tờ báo không phải chỉ đóng khung ở chỗ phổ biến tư tưởng, giáo dục chính trị và thu hút những bạn đồng minh chính trị. Tờ báo không những chỉ là người tuyên truyền tập thể và cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể. Về ý nghĩa cuối cùng này, có thể ví tờ báo với những cái giống dựng lên chung quanh tòa nhà đang xây dựng, nó vạch rõ chu vi của công trường, làm cho những người thợ xây dựng dễ dàng liên lạc với

nhau, giúp họ phân phối công tác và nhận xét những kết quả chung do lao động có tổ chức đã đạt được. Nhờ có tờ báo và gắn liền với tờ báo, một tổ chức cố định tự nó sẽ thành hình, nó không những chỉ làm các công tác địa phương mà còn làm cả công tác chung thường xuyên nữa, nó giúp cho những nhân viên của nó quen việc theo dõi chăm chú những biến cố chính trị, đánh giá ý nghĩa của những biến cố ấy và ảnh hưởng của những biến cố ấy đến các tầng lớp khác nhau trong nhân dân, và vạch ra cho đảng cách mạng những phương pháp hợp lý để tác động đến những biến cố ấy. Nguyên một nhiệm vụ về mặt kỹ thuật — bảo đảm cung cấp tài liệu cho tờ báo một cách đúng đắn và phổ biến đúng đắn tờ báo ấy — cũng đã buộc phải xây dựng một mạng lưới những thông tin viên địa phương của một đảng thống nhất; những thông tin viên này phải liên hệ với nhau một cách sinh động, hiểu biết hoàn cảnh chung của công việc, quen với việc thực hiện đều đặn những nhiệm vụ nhỏ nhặt của công tác chung toàn Nga, thử sức lực của mình trong việc tổ chức những hoạt động cách mạng này khác. Mạng lưới thông tin viên ấy* sẽ là cái khung của chính cái tổ chức mà chúng ta cần có, tức là một tổ chức khá lớn để có thể bao trùm được toàn quốc; khá rộng rãi và bao gồm được nhiều mặt để có thể tiến hành một sự phân công chặt chẽ và tỉ mỉ; khá vững chắc để có thể kiên trì không ngừng tiến hành công tác *của mình* trong mọi hoàn cảnh, trong mọi "bước ngoặt" và trước mọi sự bất ngờ;

* Đương nhiên là những thông tin viên ấy chỉ có thể làm việc đắc lực với điều kiện là họ hết sức gần gũi với các ủy ban địa phương (các nhóm, các tổ) của đảng ta. Và nói chung toàn thể kế hoạch do chúng ta nêu lên dĩ nhiên chỉ có thể thực hiện được với điều kiện là các ủy ban hết sức tích cực ủng hộ nó; những ủy ban này đã nhiều lần cố gắng để đi tới sự thống nhất đảng, và chúng tôi tin rằng họ sẽ đạt được sự thống nhất không hôm nay thì ngày mai, không dưới hình thức này thì dưới hình thức khác.

khá mềm dẻo để có thể, một mặt thì tránh các trận đánh công khai trực diện với một kẻ địch đông hơn đã tập trung tất cả lực lượng vào một nơi duy nhất, và mặt khác lại biết lợi dụng sự chậm chạp, thiếu linh hoạt của địch mà tấn công chúng vào nơi và vào lúc chúng ít ngờ nhất. Ngày hôm nay đang đặt ra trước mắt chúng ta một nhiệm vụ tương đối dễ dàng là ủng hộ sinh viên biểu tình ngoài đường trong các thành phố lớn. Ngày mai, có thể sẽ có nhiệm vụ khó khăn hơn, – thí dụ: ủng hộ phong trào những người thất nghiệp ở một quận nào đó. Ngày kia, chúng ta phải đứng sẵn ở vị trí của mình để tham gia với tư cách là người cách mạng vào một cuộc nổi dậy của nông dân. Hôm nay chúng ta phải lợi dụng tình hình chính trị nghiêm trọng do chính phủ tạo nên với cuộc tấn công của nó vào các hội đồng địa phương. Ngày mai chúng ta phải ủng hộ sự căm phẫn của nhân dân chống lại tên ác quỷ quá quắt nào đấy của chế độ Nga hoàng và phải dùng tẩy chay, đả kích, biểu tình, v.v. mà dạy cho nó một bài học, khiến nó phải rút lui công khai. Chỉ có một đạo quân chính quy luôn luôn chiến đấu mới có thể tự rèn luyện đến mức độ lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu như thế. Và nếu chúng ta thống nhất được lực lượng của mình để quản trị một tờ báo chung, thì công tác ấy sẽ đào tạo, sẽ làm nảy ra không những những người tuyên truyền giỏi giang nhất, mà cả những người tổ chức khéo léo nhất, những lãnh tụ chính trị tài tình nhất của đảng, có thể trong giờ phút cần thiết đưa ra khẩu hiệu kêu gọi một cuộc chiến đấu quyết liệt, và lãnh đạo cuộc chiến đấu ấy.

Để kết luận, xin có một vài lời để tránh mọi sự hiểu lầm có thể xảy ra. Chúng ta luôn luôn chỉ nói đến chuẩn bị có hệ thống, có kế hoạch, nhưng như thế hoàn toàn không phải là chúng ta muốn nói rằng chế độ chuyên chế chỉ có thể sụp đổ vì một cuộc vây hãm đúng hay vì một cuộc xung kích có tổ chức. Quan điểm đó sẽ là một giáo lý

vô nghĩa. Trái lại, hoàn toàn có thể, và về mặt lịch sử lại càng có nhiều khả năng hơn, là chế độ chuyên chế sẽ sụp đổ dưới áp lực của một trong những cuộc bùng nổ tự phát hay của những sự rối ren chính trị không lường trước được vẫn thường xuyên đe dọa từ mọi phía. Nhưng không có một đảng chính trị nào lại có thể dựa vào những sự bùng nổ và rối ren như thế để xây dựng hoạt động của mình nếu họ không muốn rơi vào chủ nghĩa mạo hiểm. Chúng ta phải đi con đường của chúng ta, kiên trì tiến hành công tác của mình một cách có hệ thống, và chúng ta càng ít dựa vào ngẫu nhiên bao nhiêu thì chúng ta càng chắc chắn sẽ không bị bất ngờ trước bất cứ "những bước ngoặt lịch sử" nào.

TRẬN KỊCH CHIẾN MỚI

Chúng ta hình như đang sống trong thời kỳ mà phong trào công nhân ở nước ta, với một sức mạnh không gì kìm hãm nổi, lại dẫn đến những cuộc xung đột gay gắt. Những cuộc xung đột đó, một mặt thì hết sức làm cho chính phủ và các giai cấp hữu sản khiếp sợ, mặt khác lại hết sức khích lệ và làm vui sướng những người xã hội chủ nghĩa. Đúng, mặc dầu cuộc đàn áp quân sự có gây cho chúng ta nhiều hy sinh tổn thất to lớn, nhưng những cuộc xung đột đó đã khích lệ chúng ta và làm cho chúng ta vui sướng, vì giai cấp công nhân, bằng hành động phản kháng của mình, đã tỏ ra rằng họ không cam chịu hoàn cảnh của họ, họ không muốn là kẻ nô lệ nữa, họ không âm thầm chịu khuất phục trước bạo lực và chuyên quyền. Chế độ hiện hành, ngay cả trong thời kỳ mà tiến trình sự vật diễn ra một cách bình thản nhất, cũng sẽ thường xuyên và nhất định gây ra cho giai cấp công nhân vô vàn hy sinh tổn thất. Hàng ngàn, hàng vạn người, suốt đời lao động để làm giàu cho kẻ khác, đã chết gục vì đói rét và nạn thiếu ăn thường xuyên, họ đã chết non, chết yếu vì bệnh tật, gây ra bởi những điều kiện lao động ghê tởm, bởi hoàn cảnh nhà cửa tồi tàn, bởi thiếu sự nghỉ ngơi. Và thật là xứng đáng với danh hiệu anh hùng, những ai đã lựa chọn con đường sau đây: thà hy sinh trong cuộc chiến đấu trực diện chống lại những kẻ bênh vực và bảo vệ chế độ xã hội bỉ ổi đó, còn hơn là chết dần, chết mòn, như kiểu

con ngựa già bị vùi dập, phải làm việc đến kiệt sức và ngoan ngoãn. Chúng ta hoàn toàn không muốn nói rằng đánh nhau với cảnh binh là hình thức đấu tranh hay nhất. Trái lại, chúng ta luôn luôn vạch cho công nhân thấy là vì lợi ích của họ, cần phải tiến hành đấu tranh bình tĩnh và kiên định hơn, cần phải tập trung mọi sự bất bình vào việc ủng hộ cuộc đấu tranh có tổ chức của đảng cách mạng. Nhưng tinh thần chống đối trong quần chúng công nhân chính là nguồn gốc chủ yếu nuôi dưỡng phong trào dân chủ - xã hội cách mạng; mà trong hoàn cảnh giai cấp công nhân còn phải sống dưới ách áp bức và bạo lực thì tinh thần chống đối này không thể không thỉnh thoảng nổ ra thành những cuộc bùng nổ tuyệt vọng. Và những cuộc bùng nổ đó làm cho quảng đại công nhân đang còn bị đè bẹp dưới cảnh thiếu thốn và tối tăm, thức tỉnh, hướng tới một cuộc sống có ý thức, gieo rắc trong số những người đó lòng căm thù chính đáng đối với bọn áp bức và kẻ thù của tự do. Chính vì thế mà tin tức về trận kịch chiến, chẳng hạn như trận kịch chiến xảy ra ngày 7 tháng Năm tại nhà máy Ô-bu-khốp, đã buộc chúng ta phải hô to: "Cuộc khởi nghĩa công nhân đã bị dập tắt, khởi nghĩa công nhân muôn năm!".

Đã có thời kỳ, cách đây tương đối không lâu lắm, khởi nghĩa công nhân còn là một ngoại lệ hiếm hoi, chỉ phát sinh trong những điều kiện đặc biệt nào đó mà thôi. Bây giờ không phải như thế nữa. Mấy năm trước đây, chúng ta đã trải qua thời kỳ công nghiệp phồn thịnh; lúc đó công việc buôn bán tiến hành nhộn nhịp và nhu cầu về nhân công còn khá lớn. Thế mà, công nhân vẫn tiến hành hàng loạt bãi công để giành lấy những điều kiện lao động tốt hơn: công nhân đã hiểu rằng họ không được bỏ lỡ cơ hội, rằng họ phải lợi dụng chính lúc bọn chủ kiểm soát được lợi nhuận cao để có thể bắt chúng phải nhượng bộ dễ dàng hơn. Và đến nay, khủng hoảng đã thay thế cho phồn thịnh: hàng hóa còn ứ đọng trong tay bọn chủ xưởng, lời lãi của chúng

càng giám sát, những vụ vỡ nợ phá sản càng nhiều thêm; công xưởng thu hẹp việc sản xuất, dân thợ và hàng loạt công nhân bị hất ra hè phố trong tay không có lấy một mẩu bánh mì. Công nhân buộc phải dốc sức đấu tranh không còn là để cải thiện tình cảnh của họ nữa, mà chính là để duy trì mức sinh hoạt cũ, để giảm bớt những tổn thất mà bọn chủ đã trút vào đầu họ. Cứ như thế, phong trào công nhân ngày càng sâu rộng: thoạt đầu là cuộc đấu tranh trong những điều kiện riêng lẻ, đặc biệt; rồi đến cuộc đấu tranh ngoan cường và liên tục trong thời kỳ công nghiệp hưng thịnh và thương mại phồn vinh; cuối cùng cũng cuộc chiến đấu liên tục và ngoan cường như thế trong thời kỳ khủng hoảng. Bây giờ chúng ta đã có thể nói rằng: phong trào công nhân đã trở thành một hiện tượng thường xuyên trong đời sống của chúng ta, và bất kỳ trong hoàn cảnh như thế nào, phong trào đó cũng sẽ cứ lớn mạnh.

Nhưng tình trạng khủng hoảng thay thế cho thời kỳ phồn thịnh của công nghiệp không phải chỉ dạy cho công nhân thấy rằng, đối với họ, thống nhất đấu tranh đã trở thành một điều tất yếu thường xuyên. Sự thay thế đó còn đập vỡ những ảo tưởng có hại bắt đầu hình thành từ thời kỳ phồn thịnh của công nghiệp. Ở một đôi nơi, nhờ bãi công, công nhân đã buộc được bọn chủ phải nhượng bộ một cách tương đối dễ dàng, do đó người ta đã bắt đầu thổi phồng ý nghĩa của cuộc đấu tranh "kinh tế" lên và đã bắt đầu quên mất rằng với nghiệp đoàn (phường hội) của công nhân và bãi công thì giới làm cũng sẽ chỉ giành được những điều kiện có lợi hơn một chút để bán món hàng - sức lao động, mà thôi. Phường hội và bãi công trở nên bất lực khi mà tình trạng khủng hoảng làm cho "món hàng" đó không tìm được thị trường tiêu thụ nữa; phường hội và bãi công không thể làm thay đổi được những điều kiện đã biến sức lao động thành hàng hóa, những điều kiện đã trói chặt quảng đại quần chúng lao động vào cảnh thất nghiệp và thiếu thốn hết sức

nặng nề. Muốn thay đổi những điều kiện đó, cần phải có một cuộc đấu tranh cách mạng chống lại toàn bộ chế độ chính trị và xã hội hiện hành, và cuộc khủng hoảng công nghiệp sẽ bắt buộc đông đảo công nhân phải nhận rõ chân lý đó là đúng đắn.

Chúng ta hãy quay trở lại cuộc kịch chiến ngày 7 tháng Năm. Chúng tôi sẽ trích dẫn dưới đây những tài liệu nhận được về các cuộc bãi công và nổi dậy của công nhân thành phố Pê-téc-bua hồi tháng Năm⁹. Ở đây, chúng ta sẽ phân tích bản thông tin của cảnh sát về cuộc kịch chiến ngày 7 tháng Năm. Thời kỳ gần đây, chúng ta đã khá quen với các bản thông cáo của chính phủ (và cả của cảnh sát nữa) về những cuộc bãi công, biểu tình và xung đột với quân đội; hiện tại chúng ta đã có khá nhiều tài liệu để phán đoán về mức độ đáng tin cậy của những bản thông cáo nói trên; đôi khi qua làn khói mù dối trá của cảnh sát, chúng ta lại có thể đoán biết được ngọn lửa công phần của quần chúng.

Bản thông cáo chính thức công bố: "Ngày 7 tháng Năm năm nay, sau buổi nghỉ cơm trưa, tại nhà máy đúc thép Ô-bu-khốp ở làng A-lếch-xan-đrốp-xcô-i-ê, dọc theo đại lộ Slít-xen-bua, gần 200 công nhân các phân xưởng khác nhau của nhà máy đã bỏ việc và trong cuộc trình bày với trung tá I-va-nốp, phó giám đốc nhà máy, họ đã đưa ra nhiều yêu sách không có căn cứ".

Nếu như công nhân bỏ việc mà không báo trước hai tuần lễ - cứ cho là sự bỏ việc ấy không phải do những hành động trái pháp luật của bọn chủ gây nên, một điều rất nhiều khi xảy ra - thì ngay cả theo pháp luật Nga hoàng (gần đây luật pháp Nga hoàng lại được bổ sung và tăng cường một cách có hệ thống chống lại công nhân), thì đó cũng chỉ là một tội vi cảnh thuộc phạm vi xét xử của ban hòa giải. Nhưng chính phủ Nga, với những sự nghiệt ngã của nó, càng ngày càng rơi vào tình trạng nực cười: một mặt thì

nó ban bố những sắc lệnh quy định nhiều hành động phạm pháp mới (ví dụ như: tự ý bỏ việc, hoặc tham gia tụ họp, làm tổn hại đến tài sản của người khác, hoặc dùng bạo lực chống lại lực lượng vũ trang), tăng thêm hình phạt về tội bãi công v.v.; mặt khác thì cả về mặt vật chất lẫn về mặt chính trị nó đều không còn có khả năng thi hành những luật pháp đó và trừng phạt công nhân theo luật pháp. Không còn có khả năng vật chất để truy tố hàng nghìn, hàng vạn người về tội bỏ việc, bãi công và "tụ họp". Không còn có khả năng chính trị để cứ mỗi vụ như thế xảy ra lại mở những phiên tòa xét xử, vì dù có xoay sở bố trí được thành phần của tòa án, dù có cất xén được tính chất công khai của nó đi thì bóng dáng tòa án cũng vẫn cứ tồn tại, và dĩ nhiên "tòa án" ở đây không phải là để xét xử công nhân, mà chính là để xét xử chính phủ. Và những hình luật trước đây được ban bố nhằm mục đích trực tiếp là làm dễ dàng cho cuộc đấu tranh *chính trị* của chính phủ chống lại giai cấp vô sản (đồng thời cũng nhằm *che đậy* tính chất chính trị của cuộc đấu tranh đó bằng những lý do "nhà nước" về "trật tự xã hội", v.v.) thì nhất định những hình luật đó bị đẩy xuống hàng thứ yếu bởi cuộc đấu tranh chính trị *trực tiếp*, bởi cuộc xung đột công khai ngoài đường phố. "Cơ quan tư pháp" đã tự lột bỏ cái mặt nạ vô tư và cao cả, đã chạy dài để nhường đất dụng võ cho cảnh sát, hiến binh và quân cô-dắc, tức là bọn đã được nhân dân thết cho một mẻ đá cuội.

Thật vậy, độc giả hẳn còn nhớ lời của chính phủ khi vin vào những "yêu sách" của công nhân. Theo quan điểm luật pháp, thì bất kể yêu sách của công nhân như thế nào, hễ bỏ việc, tức là phạm pháp. Nhưng chính phủ chính là đã mất khả năng dựa vào bản thân cái sắc lệnh vừa ban bố, và nó đã cố bào chữa cho cuộc đàn áp "bằng những phương tiện riêng", tuyên bố rằng yêu sách của công nhân là vô căn cứ. Ai là quan tòa trong vấn đề này? Trung tá I-va-nốp, phó

giám đốc nhà máy, tức là bản thân ban giám đốc mà công nhân đã khiêu nại! Không có gì lạ khi công nhân đã dùng đá cuội để đáp lại những sự giải thích như thế của bọn cầm quyền!

Và khi công nhân đã tóa hết xuống mặt đường, cắt đứt sự đi lại của xe ngựa chạy bằng đường ray thì cuộc giao chiến thực sự bắt đầu. Rõ ràng là công nhân đã tận lực chiến đấu, vì họ đã *hai lần* đánh bật cuộc tấn công của cảnh sát, hiến binh, kỵ binh và đội vũ trang của nhà máy*, — mặc dầu vũ khí duy nhất của công nhân chỉ là đá cuội. Nếu tin vào bản thông cáo của cảnh sát thì quả thật có "mấy tiếng nổ" từ đám đông phát ra, — nhưng không có ai bị thương vì mấy tiếng nổ đó cả. Ngược lại, có đá cuội bay như "*mưa rào*" và trong khi kháng cự lại, công nhân không những chỉ tỏ ra ngoan cường, mà còn tỏ ra nhanh trí, biết thích ứng ngay với hoàn cảnh, và lựa chọn được hình thức đấu tranh tốt nhất. Họ chiếm các sân lân cận, và *nấp sau các hàng rào*, họ choảng đá vào đám quân ăn cướp của Nga hoàng, họ choảng mạnh đến nỗi ngay cả *sau* ba loạt súng nổ làm chết một công nhân (chỉ có một người à?) và làm bị thương tám (?) (một người đến hôm sau thì tắt thở), ngay cả sau khi tình hình đã diễn ra như thế rồi, mặc dù quân chúng phải thoái lui, nhưng cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn, và các đại đội thuộc trung đoàn bộ binh ở Ôm-xơ được điều về đây vẫn phải làm nhiệm vụ "quét sạch công nhân" ở các sân lân cận.

* Nhân tiện xin nói thêm. Bản thông cáo của chính phủ cho biết rằng "đội vũ trang của nhà máy" đã ở vào thế sẵn sàng tác chiến trong sân nhà máy" và chỉ sau đó thì hiến binh, kỵ binh và tuần cảnh mới được điều động tới. Từ bao giờ và tại sao đội *vũ trang* của nhà máy lại ở vào thế *sẵn sàng tác chiến* trong sân nhà máy? Phải chăng là từ mồng một tháng Năm? Phải chăng là người ta đã chờ đợi cuộc biểu tình của công nhân? Về vấn đề này chúng ta không biết; nhưng có điều không nghi ngờ gì nữa là chính phủ đã dụng ý bưng bít những tài liệu có thực, những tài liệu mà chính phủ đã nắm được, về nguyên nhân gây ra bất mãn và căm phẫn trong công nhân, về sự bành trướng của tình hình bất mãn và căm phẫn này.

Chính phủ đã thắng. Nhưng, mỗi cuộc thắng lợi như thế đều sẽ không ngừng đưa nó xích gần tới thất bại cuối cùng. Mỗi trận giao chiến với nhân dân đều sẽ làm tăng thêm số công nhân cầm phấn và sẵn sàng chiến đấu, sẽ đào tạo thêm số lãnh tụ có kinh nghiệm hơn, được vũ trang đầy đủ hơn và hành động gan dạ hơn. Những lãnh tụ phải cố gắng hoạt động theo kế hoạch nào, điều này chúng tôi đã có dịp nói tới. Chúng tôi đã nhiều lần chỉ rõ là tuyệt đối cần thiết phải có một tổ chức cách mạng vững chắc. Nhưng về những sự kiện như sự kiện ngày 7 tháng Năm thì chúng ta cũng không nên bỏ qua điều sau đây.

Gần đây, người ta nói nhiều rằng cuộc đấu tranh ngoài đường phố chống lại quân đội hiện đại là việc không thể làm được và vô hy vọng; những đầu óc "phê phán" đặc biệt kiên trì điều đó, họ đưa ra luận điệu cũ rích của các học giả tư sản và coi đó là những kết luận mới mẻ của nền khoa học không thiên vị, xuyên tạc lời của Ăng-ghe-nh chỉ nói — và nói một cách hầy còn dè dặt — về sách lược nhất thời của những người dân chủ - xã hội Đức¹⁰. Chỉ qua thí dụ một cuộc xô xát riêng lẻ, chúng ta cũng thấy ngay rằng tất cả những lời ba hoa đó là hoàn toàn vô nghĩa. Đấu tranh ngoài đường phố là việc có thể làm được, còn nếu như chính phủ phải đối phó với nhân dân không phải chỉ ở một nhà máy mà thôi, thì tình trạng tuyệt vọng không phải là về phía những người đấu tranh, mà chính là về phía chính phủ. Trong cuộc xô xát ngày 7 tháng Năm, công nhân không có gì ngoài đá cuội cả, nhưng tất nhiên là đến lần sau, tên thị trưởng thành phố không thể ngăn cản họ trang bị bằng thứ vũ khí khác. Công nhân không được chuẩn bị từ trước, họ chỉ có 3 ngàn rưỡi người thế mà đã đánh lui hàng mấy trăm kỵ binh, hiến binh, tuần cảnh và bộ binh. Các bạn hẳn còn nhớ, cảnh sát đầu đã phải dễ dàng xung phong được vào *một* ngôi nhà, ngôi nhà số 63 ở đại lộ Slít-xen-bua!¹¹ Và các bạn thử nghĩ xem, nếu như chúng

phải "*quét sạch công nhân*", không phải chỉ ở hai, ba sân nhà mà cả những khu công nhân ở thành phố Pê-téc-bua, thì liệu chúng có thể sẽ tiến hành được dễ dàng chăng! Và khi tình hình đưa đến trận chiến đấu quyết định thì bọn chúng chắc cũng phải "*quét sạch*" ra khỏi tất cả các nhà cửa và sân vườn ở thủ đô, không phải chỉ công nhân, mà tất cả những ai hiện nay còn chưa quên vụ thảm sát bỉ ổi ngày 4 tháng Ba¹², tất cả những ai không cam chịu khuất phục cái chính phủ cảnh sát, mà chỉ là sợ cái chính phủ đó và chưa tin vào lực lượng của mình.

Các đồng chí! Hãy cố gắng thu thập tên, họ những người đã chết và bị thương trong ngày 7 tháng Năm. Toàn thể công nhân thủ đô hãy tưởng nhớ đến họ và hãy chuẩn bị mở một cuộc chiến đấu mới, quyết liệt chống lại chính phủ cảnh sát để giành lấy tự do cho nhân dân!

"Tia lửa" số 5,
tháng Sáu 1901

Theo đúng bản in trên báo
"Tia lửa"

TÀI LIỆU MẬT

Chúng tôi xin lưu ý bạn đọc đến bản điều trần của Vít-te, in tại nhà xuất bản Đít-xơ ở Stút-ga, do tờ "Bình minh"¹³ xuất bản. Nhằm mục đích chống lại dự án của viên cựu bộ trưởng Bộ nội vụ Gô-rê-mư-kin về việc áp dụng chế độ hội đồng địa phương vào các tỉnh chưa có chế độ hội đồng địa phương, bản "Điều trần" là một tài liệu đáng được chú ý với tính cách là một tài liệu bộc lộ một cách vô liêm sỉ những khát vọng thâm kín nhất của các nhà cầm quyền ở nước ta. Chúng tôi hy vọng rằng trong số báo sắp tới của chúng tôi, chúng tôi sẽ nói được tử mỉ về tài liệu đáng chú ý đó cũng như về lời tựa của ông R. N. X. viết cho tài liệu đó. Lời tựa này, tuy bộc lộ cho ta thấy rõ là tác giả hiểu ý nghĩa chính trị của phong trào công nhân Nga, nhưng về tất cả các mặt khác thì nó lại có đặc điểm là non nớt về tư tưởng chính trị, một đặc điểm thông thường và tiêu biểu của những người tự do chủ nghĩa ở nước ta.

"Tia lửa" số 5,
tháng Sáu 1901

Theo đúng bản in trên báo
"Tia lửa"

NHỮNG KẺ ÁP BỨC CÁC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHỮNG AN-NI-BAN CỦA PHÁI TỰ DO¹⁴

Viết xong vào tháng Sáu 1901
In lần đầu vào tháng Chạp
1901, trên tạp chí "Bình minh",
số 2-3
Ký tên: T. P.

Theo đúng bản in trên tạp
chí, có đối chiếu với bản in
trong Văn tập: VI. I-lin.
"Trong 12 năm", 1907

№ 2-3

Декабрь
1901-го г.



Die
Morgenröthe

Heft 2-3
Dezember 1901

ЗАРЯ

Соціаль-демократическій
научно-политическій журналъ.
Издается при ближайшемъ
участіи Г. В. Плеханова, В. И.
Засуличъ и П. Б. Аксельрода.

Цѣна 3 руб.

Stuttgart
J. H. W. Dietz Nachf. (G. m. b. H.)
1901

Bìa tạp chí "Bình minh" số 2 - 3, 1901, tức là tạp chí đăng những tác phẩm của V. I. Lê-nin: "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", bốn chương đầu của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" (dưới nhan đề "Các ngài "phê phán" trong vấn đề ruộng đất") và "Điểm qua tình hình trong nước".

Nếu nói về nông dân Nga, người ta cho rằng họ nghèo hơn hết là về ý thức đối với sự nghèo khổ của họ, thì nói về người dân hay thân dân Nga, người ta có thể bảo rằng, vốn đã nghèo về quyền lợi công dân, họ lại còn đặc biệt nghèo về ý thức đối với tình trạng bị tước quyền hành. Giống như người mu-gích đã quen với sự bần cùng không có lối thoát của mình, đã quen sống không nghĩ ngợi gì đến nguyên nhân và khả năng loại trừ sự nghèo khổ đó, người dân Nga nói chung cũng đã quen với quyền lực vạn năng của chính phủ, đã quen sống mà không nghĩ ngợi gì đến vấn đề xét xem là quyền lực vạn năng đó có thể tiếp tục duy trì được hay không, và có phải là bên cạnh đó có những hiện tượng đang làm suy sụp chế độ chính trị đã già cỗi hay không. Thuốc "giải độc" đặc biệt hiệu nghiệm chống lại tình trạng thiếu ý thức chính trị và mê muội đó thường là "những tài liệu bí mật"* chứng minh rằng không phải chỉ có bọn côn đồ hung bạo nào đó hoặc những kẻ thù không đội trời chung với chính phủ, mà ngay cả những nhân viên chính phủ, cho đến cả các bộ trưởng và Nga hoàng, cũng đều công nhận sự lung lay của hình

* Tất nhiên, tôi chỉ nói về loại "giải độc" – hoàn toàn không phải là duy nhất và hoàn toàn không phải là đặc biệt có "tác dụng mạnh" – lấy trong những bài viết trên báo chí.

thức cai trị quân chủ chuyên chế và tìm mọi biện pháp để cải thiện tình thế của mình vì nó hoàn toàn không làm cho chúng hài lòng chút nào. Bản điều trần của Vít-te là thuộc về loại tài liệu đó; sau khi cãi nhau với bộ trưởng Bộ nội vụ Gô-rê-mư-kin về vấn đề thành lập các cơ quan hội đồng địa phương ở các vùng biên giới, Vít-te định đặc biệt bày tỏ sự sáng suốt của hắn và lòng trung thành của hắn đối với nền quân chủ chuyên chế bằng cách viết một bản cáo trạng chống hội đồng địa phương*.

Hội đồng địa phương bị lên án là không thể tương dung được với nền quân chủ chuyên chế, đứng về bản chất mà nói thì nó có tính chất lập hiến, sự tồn tại của nó nhất định sẽ đưa tới những sự xô xát và xung đột giữa các đại biểu của xã hội và chính phủ. Bản cáo trạng được thảo ra trên cơ sở một tài liệu rất (tương đối) phong phú và trình bày không đến nỗi dở lắm; và vì nó là bản cáo trạng về một vấn đề chính trị (hơn nữa lại khá độc đáo) nên có thể tin rằng người ta sẽ đọc nó một cách cũng thú vị và bổ ích không kém gì đọc những bản cáo trạng về các vụ án chính trị trước đây đã đăng trên mặt báo.

I

Chúng ta thử xét xem ý kiến khẳng định rằng hội đồng địa phương của chúng ta mang tính chất lập hiến, có được các sự kiện chứng minh không, và nếu có, thì đến mức độ nào và chính là với ý nghĩa nào.

Trong vấn đề này, thời kỳ thực hiện chế độ hội đồng địa phương có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Sự sụp

* "*Chế độ quân chủ chuyên chế và hội đồng địa phương*. Điều trần mặt của bộ trưởng tài chính X. I-u. Vít-te, với lời tựa và chú thích của R. N. X." Do tờ "Bình minh" xuất bản. Stuttgart, Verlag von J. H. W. Dietz Nachf.¹⁾, 1901, tr. XLIV và 212.

1) — Stút-ga. Nhà xuất bản của những người kế thừa I. G. V. Đít-xơ.

đổ của chế độ nông nô là một bước ngoặt lịch sử lớn lao, nó không thể không xé toang cả bức màn cánh sát che giấu những mâu thuẫn giữa các giai cấp. Giai cấp đoàn kết nhất, có học thức nhất, quen nắm quyền lực chính trị nhất, — giai cấp quý tộc — cũng đã để lộ ra hết sức rõ ràng cái nguyện vọng muốn hạn chế chính quyền quân chủ chuyên chế bằng những cơ quan đại diện. Việc bản điều trần của Vít-te nhắc đến sự kiện này thật hết sức bổ ích. "Ngay trong các hội nghị của quý tộc những năm 1859 - 1860, người ta cũng đã tuyên bố về sự cần thiết phải có "đại biểu" chung của giai cấp quý tộc, và về "quyền của đất nước Nga được cử đại biểu của mình vào hội đồng chính quyền tối cao". "Người ta nói cả đến hai tiếng "hiến pháp" nữa". "Cả một số những uỷ ban tỉnh phụ trách vấn đề nông dân và những uỷ viên các ban được triệu tập tham gia các bộ biên tập, đều cũng đã chỉ rõ sự cần thiết phải kêu gọi xã hội tham gia quản lý. Trong nhật ký của mình, năm 1859, Ni-ki-ten-cô viết: "Các đại biểu rõ ràng là mong muốn một hiến pháp".

"Khi mà, sau khi công bố Luật 19 tháng Hai 1861, những hy vọng đặt vào chế độ quân chủ chuyên chế đó tỏ ra hoàn toàn không thể thực hiện được, hơn nữa những phân tử "đỏ" hơn ở ngay trong bản thân bộ máy hành chính (như N. Mi-li-u-tin) đã bị gạt ra khỏi việc thi hành Luật đó, thì phong trào đòi quyền "đại diện" trở nên nhất trí hơn. Phong trào đó thể hiện ra trong các đề nghị được nêu lên ở nhiều cuộc hội nghị của quý tộc năm 1862 và ngay cả trong rất nhiều bản kiến nghị của các hội nghị đó ở Nốp-gô-rôt, Tu-la, Xmô-len-xcơ, Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, Tve. Bản kiến nghị đáng chú ý hơn cả là bản của Mát-xcơ-va, yêu cầu quyền tự trị địa phương, xử án công khai, yêu cầu nông dân nhất thiết phải mua lại đất của mình, yêu cầu ngân sách công khai, tự do báo chí và triệu tập Đu-ma dân biểu toàn quốc

* Đơ-gô-ma-nốp. "Chủ nghĩa tự do của hội đồng địa phương ở Nga", tr. 4. Tác giả bản điều trần, ông Vít-te, thường thường không nói là ông ta sao chép lại của Đơ-gô-ma-nốp (chẳng hạn, xem "Điều trần", tr. 36 - 37 và bài nói trên, tr. 55 - 56), mặc dầu ở những chỗ khác ông ta trích dẫn Đơ-gô-ma-nốp.

ở Mát-xơ-va do tất cả các giai cấp cử ra để dự thảo một bản dự án cải cách hoàn chỉnh. Gay gắt hơn cả là những nghị quyết và bản kiến nghị của quý tộc thành phố Tve ngày 2 tháng Hai, về sự cần thiết phải có một loạt cải cách về dân sự và kinh tế (chẳng hạn như san bằng quyền lợi giữa các đẳng cấp, bắt buộc nông dân phải mua lại đất đai), và về việc "triệu tập các đại biểu toàn nước Nga, coi đó là phương tiện duy nhất để giải quyết một cách thích đáng những vấn đề do Luật 19 tháng Hai nêu ra mà vẫn chưa được giải quyết" *.

Đra-gô-ma-nốp viết tiếp: Mặc dầu những người đề xướng bản kiến nghị Tve ** bị trừng phạt về mặt hành chính và về mặt tư pháp, (cũng không phải trực tiếp do bản kiến nghị, mà là do việc viện lý do một cách gay gắt để thoái thác một cách tập thể chức vụ trọng tài hoà giải), những lời tuyên bố tinh thần của bản kiến nghị Tve có nói trong các cuộc hội nghị quý tộc năm 1862 và đầu năm 1863, đồng thời trong các cuộc hội nghị người ta còn thảo ra cả những dự thảo về quyền tự trị địa phương nữa.

Trong lúc đó thì phong trào đòi hiến pháp cũng diễn ra trong giới "trí thức bình dân" và ở đây nó biểu hiện ra bằng những hội kín và những tờ truyền đơn có ít nhiều tính chất cách mạng: "Đại Nga" (xuất bản từ tháng Tám đến tháng Mười một 1861; tham gia ấn loát có cả sĩ quan, như Ô-bru-tsep, v. v.), "Đu-ma dân biểu toàn quốc" (1862), "Ruộng đất và tự do" (1862 - 1863)... Kèm theo tờ "Đại Nga" có cả bản dự thảo kiến nghị, mà theo nhiều người nói thì sẽ được đệ lên nhà vua nhân dịp kỷ niệm 1.000 năm thành lập nước Nga vào tháng Tám

* Đra-gô-ma-nốp, 5. Lược trích trong "Điều trần", tr. 64, nhưng không phải là trích dẫn Đra-gô-ma-nốp, mà là do Đra-gô-ma-nốp trích dẫn "Cái chuông" ¹⁵ số 126 và "Revue des deux Mondes" ¹⁶, 1862, ngày 5 tháng Sáu.

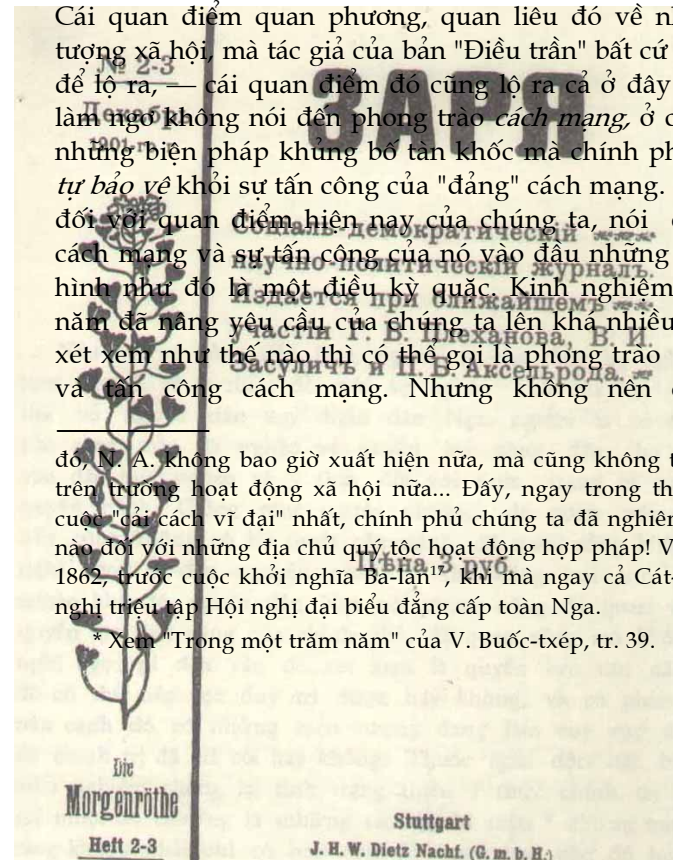
** Nhân tiện xin nói thêm. Cách đây không lâu, (ngày 19 tháng Tư năm nay, tức 1901) một trong những người đề xướng đó, Ni-cô-lai A-léch-xan-đrô-vích Ba-cu-nin, em của M. A. Ba-cu-nin nổi tiếng, đã qua đời ở trang viên của ông ta tại tỉnh Tve. N. A. cùng với người em là A-léch-xây và những vị trọng tài hoà giải khác đã ký bản kiến nghị năm 1862. Tác giả bài báo về N. A. Ba-cu-nin đăng trong một tờ báo của chúng ta cho biết rằng kiến nghị đó đã làm cho những người ký bị trừng trị. Sau khi bị giam một năm ở pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xơ, những người bị giam được phóng thích; song N. A. và em ông ta là A-léch-xây vẫn không được ân xá (họ không ký bản xin khoan hồng), do đó người ta không cho họ giữ những chức vụ xã hội nữa. Sau vụ

1862". À mà trong bản dự thảo kiến nghị đó còn nói: "Cúi xin bệ hạ cho phép triệu tập ở một trong hai thủ đô của tổ quốc Nga chúng ta — ở Mát-xơ-va hay Pê-téc-bua — những đại diện của dân tộc Nga để họ thảo bản hiến pháp cho nước Nga..." *

Nếu chúng ta còn nhớ lại tờ truyền đơn "Nước Nga trẻ" ¹⁸, nhớ lại vô số các cuộc bắt bớ và trừng phạt tàn khốc đối với những tội phạm "chính trị" (Ô-bru-tsep, Mi-khai-lốp, v. v.), kết thúc bằng vụ xử án khổ sai Tséc-nư-sép-xki một cách phi pháp và gian lận, thì chúng ta sẽ thấy rõ được cái hoàn cảnh xã hội đã đẻ ra cuộc cải cách hội đồng địa phương. Nói rằng "tư tưởng khi lập ra những cơ quan hội đồng địa phương chắc chắn là tư tưởng chính trị", rằng trong các giới cầm quyền "chắc chắn là người ta đã chú ý" đến xu hướng tự do và lập hiến của xã hội, như thế là bản "Điều trần" của Vít-te chỉ nói có *một nửa* sự thật. Cái quan điểm quan phương, quan liêu đó về những hiện tượng xã hội, mà tác giả của bản "Điều trần" bất cứ ở đâu cũng để lộ ra, — cái quan điểm đó cũng lộ ra cả ở đây nữa, ở chỗ làm ngo không nói đến phong trào *cách mạng*, ở chỗ che đậy những biện pháp khủng bố tàn khốc mà chính phủ dùng để *tự bảo vệ* khỏi sự tấn công của "đảng" cách mạng. Đành rằng, đối với quan điểm hiện nay của chúng ta, nói đến "đảng" cách mạng và sự tấn công của nó vào đầu những năm 60 thì hình như đó là một điều kỳ quái. Kinh nghiệm lịch sử 40 năm đã nâng yêu cầu của chúng ta lên khá nhiều trong việc xét xem như thế nào thì có thể gọi là phong trào cách mạng và tấn công cách mạng. Nhưng không nên quên rằng,

đó, N. A. không bao giờ xuất hiện nữa, mà cũng không thể xuất hiện trên trường hoạt động xã hội nữa... Đấy, ngay trong thời kỳ những cuộc "cải cách vĩ đại" nhất, chính phủ chúng ta đã nghiệm trị như thế nào đối với những địa chủ quý tộc hoạt động hợp pháp! Và đấy là năm 1862, trước cuộc khởi nghĩa Ba-lan ¹⁹, khi mà ngay cả Cát-cốp cũng đề nghị triệu tập Hội nghị đại biểu đẳng cấp toàn Nga.

* Xem "Trong một trăm năm" của V. Bước-txép, tr. 39.



bấy giờ, sau ba mươi năm của chế độ Ni-cô-lai, không một ai có thể thấy trước được tiến trình phát triển sắp tới của các sự biến, không một ai có thể xác định được sức phản kháng thực sự của chính phủ, thực lực của sự phẫn nộ của nhân dân. Phong trào dân chủ ở châu Âu sôi nổi trở lại; làn sóng sôi sục ở Ba-lan; sự bất bình ở Phần-lan; việc tắt cả các báo chí và toàn thể giai cấp quý tộc đòi hỏi những cải cách chính trị; sự phổ biến tờ "Cải chuồng" khắp nước Nga; sự tuyên truyền mạnh mẽ của Tséc-nư-sép-xki là người đã biết dùng cả những bài báo đặt dưới sự kiểm duyệt mà giáo dục những *nhà cách mạng* chân chính; sự xuất hiện các tờ truyền đơn; làn sóng phẫn nộ của nông dân mà "thường thường"* người ta đã phải dùng lực lượng

* L. Pan-tê-lê-ép. "Trích hồi ức về những năm 60", tr. 315 của văn tập "Trên vị trí vinh quang"¹⁹. Bài đó đã góp nhặt được một số sự kiện rất thú vị về làn sóng cách mạng năm 1861 - 1862 và về sự phản động cảnh sát... "Đến đầu năm 1862, không khí trong xã hội hết sức căng thẳng; một tình hình rất nhỏ cũng có thể đẩy cuộc sống đi theo hướng này hay hướng khác. Những vụ cháy hồi tháng Năm 1862 ở Pê-téc-bua chính đã đóng vai trò đó". Những vụ cháy đó bắt đầu ngày 16 tháng Năm và diễn ra đặc biệt dữ dội trong những ngày 22 và 23 — trong ngày 23, có năm vụ cháy; ngày 28 tháng Năm thì cung điện A-prắc-xin cùng với một vùng rất rộng chung quanh bốc cháy. Trong dân chúng có dư luận buộc tội cho sinh viên đốt, và các báo cũng lập lại dư luận đó. Vì tờ truyền đơn "Nước Nga trẻ" tuyên bố phải đấu tranh đẫm máu với toàn bộ chế độ đương thời và nói rằng mọi biện pháp đều tốt, nên người ta cho đó là một chứng cứ xác minh những lời đồn về các vụ mưu đốt đó. "Sau ngày 28 tháng Năm, tình hình ở Pê-téc-bua như là thiết quân luật". Người ta giao cho một uỷ ban đặc biệt mới lập ra thi hành những biện pháp *đặc biệt* để bảo vệ thủ đô. Thành phố bị chia làm ba khu vực, đứng đầu là các tổng đốc. Toà án quân sự được thành lập để xét xử các vụ cháy. Báo "Người đương thời"²⁰ và "Lời nói nước Nga"²¹ bị đóng cửa 8 tháng, tờ "Ban ngày"²² và Ác-xa-cốp bị đình bản, các luật lệ tạm thời rất nghiêm ngặt đối với báo chí (những luật này được thông qua ngay từ ngày 12 tháng Năm, *tức là trước các vụ cháy*). Như thế, "*tiến trình của cuộc sống*" đã chuyển về những biện pháp phản động một cách đột ngột và không liên quan gì đến các vụ cháy, bắt chấp

quân sự và phải đổ máu để *buộc* họ công nhận cái "Luật"²⁵ đã tước đoạt hết tài sản của họ; việc các quý tộc (những viên trọng tài hòa giải²⁶) đã tập thể từ chối không áp dụng "Luật" như thế; những vụ lộn xộn của sinh viên; — trong những điều kiện như thế, ngay cả một nhà chính trị thận trọng và tỉnh táo nhất cũng sẽ phải nhận rằng một cuộc bùng nổ cách mạng rất có thể xảy ra, và khởi nghĩa nông dân là một nguy cơ rất nghiêm trọng. Chính phủ quân chủ chuyên chế thấy sứ mệnh tối cao của họ là, một mặt thì bảo vệ cho bằng được quyền lực vạn năng và sự vô trách nhiệm của bọn triều thần và đội quân quan lại hút máu; mặt khác, là ủng hộ những đại diện xấu xa nhất của các giai cấp bóc lột, — cho nên trong những điều kiện nói trên, một chính phủ như thế *không thể có hành động nào khác* ngoài việc thủ tiêu không chút thương tâm một số cá nhân, những kẻ thù giặc ngọ và bất khuất của ách bạo ngược và bóc lột (tức là những người "cầm đầu" của "đảng cách mạng"), hăm dọa và mua chuộc khối đông những người bất bình

ý kiến của ông Pan-tê-lê-ép) và những luật lệ về việc kiểm soát các nhà in đã được công bố; theo sau đó là rất nhiều cuộc bắt bớ có tính chất chính trị (các vụ bắt bớ Tséc-nư-sép-xki, N. Xéc-nô - Xô-lô-vi-ê-vích, Rư-ma-ren-cô, v. v.), các trường học chủ nhật và các phòng đọc sách của nhân dân bị đóng cửa, việc xin phép tổ chức những buổi diễn giảng tại X. Pê-téc-bua bị làm khó dễ, phân hội 2 của Quỹ tương tế nhà văn²³ bị đóng cửa, và ngay cả Câu lạc bộ đánh cờ²⁴ cũng bị đóng cửa.

Uỷ ban điều tra đã không tìm ra một mối liên quan nào giữa các vụ cháy và chính trị cả. Một uỷ viên của uỷ ban, Xtôn-bốp-xki, đã kể lại cho ông Pan-tê-lê-ép biết "trước uỷ ban, ông ta đã làm thế nào để vạch mặt được những nhân chứng giả chủ yếu, bọn này hình như chỉ là công cụ của những nhân viên cảnh sát mà thôi" (325 - 326). Như vậy là người ta có căn cứ rất vững để nghĩ rằng *những dư luận phao đồn sinh viên là thủ phạm các vụ cháy là do cảnh sát tung ra*. Như thế có nghĩa là việc lợi dụng hết sức đề mạt sự ngu muội của quần chúng để vu cáo những người cách mạng và những người chống đối cũng đã được sử dụng ngay cả trong lúc cao độ của "thời kỳ cải cách vĩ đại".

bằng những nhượng bộ nhỏ nhặt. Đối với những kẻ nào thích im hơi lặng tiếng hơn là thốt ra những lời ca tụng ngu ngốc hoặc giả dối về "sự giải phóng vĩ đại" thì bỏ tù; đối với những kẻ nào hết lời ca ngợi chủ nghĩa tự do của chính phủ và hân hoan với thời đại tiến bộ đó thì ban cho những cải cách (*những cải cách vô hại đối với nền quân chủ chuyên chế và đối với các giai cấp bóc lột*).

Chúng tôi không muốn nói rằng chiến thuật cảnh sát-phản động có tính toán đó đã được tất cả hay thậm chí dù chỉ một số thành viên trong giới cầm quyền nhận thức một cách rõ ràng và thực hành một cách có hệ thống. Dĩ nhiên những thành viên cá biệt của giới cầm quyền, do sự hạn chế của họ, có thể không ngẫm nghĩ về toàn bộ chiến thuật đó và hân hoan một cách ngây thơ với "chủ nghĩa tự do" mà không nhận thấy cái vỏ cảnh sát của nó. Song nhìn toàn bộ thì rõ ràng là kinh nghiệm tập thể và trí tuệ tập thể của bọn cầm quyền bắt buộc chúng phải không ngừng theo đuổi chiến thuật đó. Không phải vô cơ mà số đông quan lại và công chức cao cấp đã trải qua một quá trình phục vụ lâu dài dưới triều Ni-cô-lai và một thời kỳ tập sự cảnh sát, đã trải qua có thể nói là mọi cuộc thử thách thực sự. Họ còn nhớ các vị hoàng đế khi thì vượt ve chủ nghĩa tự do, khi thì trở thành những tay đao phủ giết những người như Ra-đi-sép hoặc "xua" bọn A-rắc-tsê-ép ra sát hại thần dân như thế nào; họ còn nhớ ngày 14 tháng Chạp 1825²⁷ và họ đã làm cái nhiệm vụ sen đầm châu Âu mà chính phủ Nga đã làm trong những năm 1848 - 1849²⁸. Kinh nghiệm lịch sử của nền quân chủ chuyên chế không những bắt chính phủ phải theo đuổi một sách lược dọa dẫm và mua chuộc, mà còn đẩy nhiều kẻ theo chủ nghĩa tự do độc lập khuyến khích chính phủ dùng sách lược đó. Để chứng minh sự đúng đắn của ý kiến này, xin dẫn ra lập luận của Cô-sê-lép và Ca-vê-lin. Trong cuốn "Hiến pháp, nền quân chủ chuyên chế và Đu-ma dân biểu toàn quốc" (Lai-pxích, 1862),

A. Cô-sê-lép *chống lại* hiến pháp, tán thành Đu-ma dân biểu toàn quốc có tính chất tư vấn và thấy trước ý kiến phản đối như sau:

"Triệu tập Đu-ma dân biểu toàn quốc có nghĩa là dẫn nước Nga đến cách mạng, tức là lập lại ở nước ta những États généraux¹⁾ mà về sau đã biến thành Hội nghị quốc ước và kết thúc những hoạt động của nó bằng những sự kiện năm 1792, bằng những việc tù đầy, máy chém, noyades²⁾, v. v." "Không! thưa các ngài — Cô-sê-lép trả lời, — không phải việc triệu tập Đu-ma dân biểu toàn quốc mở ra, chuẩn bị trường hoạt động cho một cuộc cách mạng theo cách hiểu của các ngài; mà cách mạng có thể xảy ra một cách nhanh chóng hơn và chắc chắn hơn chính là do những hành động không kiên quyết và mâu thuẫn của chính phủ: tiến lên rồi lại thụt lùi, do những mệnh lệnh và luật lệ khó thực hiện, do những xiềng xích ràng buộc tư tưởng và lời nói, do sự theo dõi của cảnh sát (công khai và tẻ hơn nữa là bí mật) đối với hành động của các đảng cấp và những cá nhân riêng lẻ, do những sự trừng trị nhỏ nhặt đối với một số người, sự lãng phí ngân khố, chi tiêu và khen thưởng quá nhiều và không hợp lý, sự bất lực của các nhân vật cầm quyền và sự xa rời của họ đối với tình hình thực tế nước Nga, v.v., v. v.. Một điều càng chắc chắn hơn nữa là cách mạng (vẫn theo cách hiểu của các ngài) ở một nước vừa mới thoát khỏi ách áp bức lâu đời, có thể bùng nổ là do những vụ hành hình quân sự, là trại giam và đầy ải: bởi vì vết thương cũ đang đau thì vô cùng nhức nhối và đau buốt hơn là vết thương mới bị. Nhưng xin các ngài đừng sợ: cuộc cách mạng diễn ra ở Pháp mà các ngài cho là do những nhà báo và các nhà văn khác, thì sẽ không diễn ra ở ta đâu. Chúng ta cũng hy vọng rằng ở Nga sẽ không có (mặc dầu trả lời vấn đề này thì khó hơn) các hội của những kẻ có đầu óc nóng nảy, liều lĩnh, những kẻ chọn việc giết người làm phương tiện để đi đến mục đích của họ. Song có một điều chắc chắn hơn nhiều và nguy hiểm hơn nhiều là: dưới ảnh hưởng của sự chia rẽ, sẽ nảy sinh ra sự đoàn kết — mà cảnh sát của nông dân và tiểu thị dân, và cảnh sát bí mật không nhận thấy — giữa nông dân và tiểu thị dân, và đi theo họ sẽ là những người thanh niên và không phải là thanh niên, những nhà sáng tác và những người gắn bó với "Đại Nga", "Nước Nga trẻ", v. v.. Một sự đoàn kết như thế, nó thủ tiêu tất cả và tuyên truyền quyền bình đẳng nhưng không phải là bình đẳng

1) — Hội nghị ba đảng cấp

2) — Đìm chết người hàng loạt

trước luật pháp, mà là bình đẳng trái với luật pháp (thật là một thứ chủ nghĩa tự do có một không hai! Dĩ nhiên, chúng ta tán thành quyền bình đẳng, nhưng tán thành quyền bình đẳng *không trái với* luật pháp, — cái luật pháp phá huỷ quyền bình đẳng!), nó không tuyên truyền cho chế độ cộng đồng nhân dân, có nguồn gốc trong lịch sử, mà tuyên truyền cho cái quái thai của chế độ đó, không tuyên truyền cho một chính quyền của lý trí đáng sợ đối với một số chính khách, mà tuyên truyền cho một chính quyền của sức mạnh thô bạo mà chính họ rất thích sử dụng, — một sự đoàn kết như thế, theo tôi, ở nước ta, có nhiều khả năng hơn và nó có thể mạnh hơn rất nhiều so với phái đối lập ôn hoà, có thiện ý và độc lập đối với chính phủ, phái đối lập mà bọn quan lại rất căm ghét và tìm mọi cách lấn át và cố bóp chết. Các ngài đừng cho rằng đảng của tờ báo ở trong nước, bí mật và vô danh, là có ít người và yếu ớt, và các ngài chớ tưởng rằng các ngài đã nắm được gốc ngọn của nó; không! với việc cấm thanh niên học đến nơi đến chốn, xem những trò nghịch ngợm ngang như là phạm tội quốc sự, với mọi sự trừng phạt và theo dõi vụn vặt, các ngài đã tăng sức mạnh của đảng đó lên mười lần, gieo rắc và tăng cường nó khắp trong nước. Các nhân vật cầm quyền ở ta sẽ dùng biện pháp gì khi sự đoàn kết nói trên dẫn đến sự bùng nổ? — Lực lượng quân sự ư? Nhưng liệu có thể dựa vào nó một cách chắc chắn không?" (tr. 49 -51).

Những câu văn vẻ trong đoạn trên đây chẳng đã toát ra một cách rõ ràng cái sách lược: tiêu diệt những "đầu óc liêu lĩnh" và những người chủ trương "đoàn kết giữa nông dân và tiểu thị dân", còn đối với "phe đối lập có thiện ý và ôn hoà" thì thoả mãn và làm tan rã bằng những nhượng bộ nhỏ đấy ư? Nhưng chính phủ lại tỏ ra khôn hơn và khéo hơn là các ngài Cô-sê-lép đã tưởng tượng, và chính phủ đó đã trốn thoát được bằng những nhượng bộ nhỏ hơn một Đu-ma dân biểu toàn quốc có tính chất "tư vấn".

Và đây là bức thư riêng của C. Đ. Ca-vê-lin gửi cho Ghéc-txen ngày 6 tháng Tám 1862: " ... Theo tôi, những tin tức ở Nga không đến nỗi xấu lắm. Người bị bắt không phải là Ni-cô-lai mà lại là A-lếch-xan-đơ Xô-lô-vi-ê-vích. Những cuộc bắt bớ không làm tôi ngạc nhiên, và tôi thừa nhận là nó không có gì đáng ghét cả. Đảng cách mạng cho rằng tất cả mọi biện pháp để lật đổ chính phủ đều thích dụng cả,

còn chính phủ thì tự bảo vệ bằng mọi phương tiện. Còn những việc bắt bớ và tù đầy dưới thời Ni-cô-lai đề tiện thì lại là việc khác. Người ta chết vì tư tưởng, vì chính kiến, vì lòng tin và lời nói của mình. Tôi mong rằng anh sẽ đứng vào địa vị của chính phủ, và khi đó tôi sẽ xem anh hành động như thế nào để đối phó với những đảng hoạt động vừa bí mật vừa công khai chống lại anh. Tôi yêu Tséc-nư-sép-xki, rất, rất yêu, song tôi chưa bao giờ thấy một brouillon" (người hay gây gổ, thích kiếm chuyện, khó giao du, gieo rắc những sự cãi vã), "một người không tế nhị, một người tự tin nào như ông ta cả. Chết vì một việc không ra gì, đúng là vì một việc không ra gì cả! Các vụ cháy có liên quan đến các tờ truyền đơn, điều đó bây giờ không còn một ai nghi ngờ nữa". Đây là một điển hình về lối suy nghĩ thâm thuý kiểu học giả tôi đòi! Những người cách mạng phải chịu tội về tất cả mọi việc, vì họ quá ư tự tin đến mức họ huýt còi phản đối bọn tự do chủ nghĩa nói suông, vì họ quá ư gây gổ đến mức họ hoạt động bí mật và công khai chống chính phủ, vì họ quá ư không tế nhị đến mức bị rơi vào ngục Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xcơ. Cả hẳn nữa, — nếu hẳn — một giáo sư tự do — lên nắm chính quyền, thì đối với những người như thế, chắc hẳn cũng sẽ trả thù "bằng mọi phương tiện".

II

Như vậy, cuộc cải cách các hội đồng địa phương là một trong những nhượng bộ mà làn sóng sôi sục của xã hội và làn sóng tấn công cách mạng đã bắt chính phủ

* Chúng tôi trích dẫn tập thư tín giữa C. Đ. Ca-vê-lin và I. X. Tuốc-ghe-nép với A. I. Ghéc-txen do Đra-gô-ma-nốp xuất bản, theo bản dịch tiếng Đức: Bibliothek russischer Denkwürdigkeiten, herausgegeben von Th. Schiemann, Bd. 4, S. 65 - 66 Stuttgart, 1894¹⁾.

1) — Tủ sách những di tích văn học Nga, do T. Si-man xuất bản, t. 4, tr. 65 - 66. Stút-ga, 1894

quản chủ chuyên chế phải thực hiện. Chúng tôi đã nói một cách đặc biệt tỉ mỉ về đặc điểm của cuộc tấn công này để bổ sung và sửa chữa sự trình bày của bản "Điều trần", vì tác giả quan liêu của nó làm mờ mất cuộc đấu tranh đã đưa đến sự nhượng bộ đó. Song bản "Điều trần" cũng đã tả được một cách khá rõ ràng tính chất nửa vờ, nhát gan của sự nhượng bộ nói trên:

"Lúc đầu, khi mới đề cập đến cuộc cải cách các hội đồng địa phương, rõ ràng là người ta có ý định thực hiện bước đầu trên con đường thành lập các cơ quan đại diện*; song sau đó, khi bá tước Va-lu-ép thay thế bá tước Lan-xcôi và N. A. Mi-li-u-tin, thì cái nguyện vọng hoạt động theo tinh thần "hòa giải", "mềm mỏng và quanh co thoái thác", đã biểu hiện ra rất rõ; nguyện vọng đó, chính bản thân viên cựu bộ trưởng Bộ nội vụ cũng không phủ nhận. Bấy giờ ông ta bảo: "Bản thân chính phủ cũng chưa có ý định rõ ràng". Tóm lại, người ta đã mưu toan — tiếc thay, mưu toan đó rất thường được những nhân vật cầm quyền lập đi lập lại và luôn luôn đem lại những kết quả tiêu cực cho tất cả mọi người — hoạt động một cách quanh co giữa hai ý kiến trái ngược nhau và, nhằm thoả mãn khuynh hướng tự do chủ nghĩa, duy trì trật tự hiện tại..."

Mấy chữ "tiếc thay" giả dối ở đây thật hết sức buồn cười! Ở đây, ông bộ trưởng của chính phủ cảnh sát đem trình bày thành một sự việc ngẫu nhiên, cái sách lược mà chính phủ đó *không thể nào không thi hành*, cái sách lược mà chính phủ đã theo khi ban hành đạo luật về thanh tra công xưởng, đạo luật rút ngắn ngày làm việc (mùng 2 tháng Sáu 1897), — cái sách lược mà ngay cả hiện nay nữa (1901), chính phủ đó vẫn tiến hành bằng cách đưa tướng Van- nốp-xki ra ve vãn "xã hội"²⁹.

* "Rõ ràng" là tác giả bản "Điều trần", khi dẫn lời của Lơ-roa-Bô-li-ơ, đã rơi vào chỗ khuếch đại một cách quan liêu như người ta thường thấy. "Rõ ràng" là cả Lan-xcôi lẫn Mi-li-u-tin đều không có một ý định nào thật sự rõ rệt cả, và lấy những câu nói quanh co của Mi-li-u-tin ("về nguyên tắc, ông ta là người ủng hộ hiến pháp, nhưng lại cho rằng thực hiện hiến pháp là quá sớm") để cho đấy là "bước đầu", thì thật là lỗ bịch.

"Một mặt, bản giải thích đạo luật về các cơ quan hội đồng địa phương nói rằng nhiệm vụ của đạo luật đang được dự thảo đó là, trong chừng mực có thể, phát triển một cách toàn diện và triệt để những nguyên tắc tự quản địa phương, rằng "hội đồng địa phương chỉ là một cơ quan đặc biệt cũng của một chính quyền mà thôi"... Cơ quan ngôn luận hồi bấy giờ của Bộ nội vụ, tờ "Bưu cục phương Bắc"³⁰, trong các bài của nó đã ám chỉ rõ rệt rằng các cơ quan đang được lập ra sẽ là trường học của các cơ quan đại diện.

Mặt khác... trong bản giải thích gọi các cơ quan hội đồng địa phương là những cơ quan có tính chất cá biệt và xã hội, cũng phục tùng luật pháp chung giống như các hội và cá nhân...

Bản thân những điều khoản của Luật 1864, và đặc biệt là tất cả những biện pháp sau đó của Bộ nội vụ đối với các cơ quan hội đồng địa phương, đều chứng minh một cách khá rõ ràng là người ta rất sợ "tính chất độc lập" của các cơ quan đó, sợ việc để cho những cơ quan đó phát triển một cách thoả đáng, vì *họ hoàn toàn hiểu rõ rằng việc đó sẽ dẫn đến đâu*". (Do chúng tôi viết ngả tất cả)... "Rõ ràng là những người phải hoàn thành cuộc cải cách các hội đồng địa phương đã thực hiện cuộc cải cách đó *chỉ vì phải nhượng bộ dư luận xã hội*, để, như bản giải thích đã nói, "chấm dứt những sự đời chờ không tương và những xu hướng tự do đang nảy sinh trong các đảng cấp khác nhau nhân việc thành lập các cơ quan hội đồng địa phương"; đồng thời những người đó hiểu rõ nó (?cải cách?) và *cố không cho các cơ quan hội đồng địa phương phát triển một cách thoả đáng*, cố cho nó một tính chất cá biệt, cố hạn chế quyền hạn của nó, v. v.. Trong khi vỗ về thái tự do chủ nghĩa bằng những hứa hẹn, bảo rằng bước đầu sẽ không phải là bước cuối cùng, trong khi nói, hay đúng hơn là trong khi lập lại cái luận điệu của những người ủng hộ xu hướng tự do chủ nghĩa về sự cần thiết phải trao cho các cơ quan hội đồng địa phương một quyền lực thật sự và độc lập, thì bá tước Va-lu-ép *ngay từ khi thảo Luật 1864, đã tìm mọi cách hạn chế quyền lực đó và đặt những cơ quan hội đồng địa phương dưới sự bảo hộ hành chính nghiêm ngặt*..."

Vì không có được một tư tưởng chủ đạo nào, vì chúng là sự thoả hiệp giữa hai khuynh hướng trái ngược nhau, nên các cơ quan hội đồng địa phương, dưới cái hình thái do Luật 1864 đề ra, một khi được đem ra áp dụng thì tỏ ra vừa không phù hợp với tư tưởng tự quản là cơ sở của chúng, lại vừa không phù hợp với cái chế độ hành chính mà nó bị gắn vào một cách máy móc, với cái chế độ hành chính vẫn không được cải cách và vẫn không thích ứng với những điều kiện mới của cuộc sống. Luật 1864 đã cố ghép hai vật không thể phù hợp với nhau, và do đó mà đồng thời thoả mãn cả những người tán thành lẫn những

người phản đối chế độ tự quản của các hội đồng địa phương. *Đối với loại người trước, người ta đưa ra cái vỏ bề ngoài và những hy vọng ở tương lai, còn để làm bằng lòng loại người sau, thì quyền lực của các cơ quan hội đồng địa phương được quy định một cách hết sức co dãn*".

Đôi khi các vị bộ trưởng chúng ta vô ý đã thốt ra những danh từ chính xác làm sao, khi họ muốn hắt cẳng một đồng sự nào đó và để tỏ rằng họ suy nghĩ sâu sắc; và thật là hữu ích đối với tất cả những người phạm tục Nga lương thiện và đối với tất cả những kẻ mê tín những cải cách "vĩ đại", nếu họ đem những di huấn vĩ đại sau đây của trí tuệ cảnh sát cho vào khung sơn son thếp vàng rồi treo lên vách: "vỏ về phái tự do chủ nghĩa bằng những lời hứa hẹn, bảo rằng bước đầu sẽ không phải là bước cuối cùng", "đưa ra" cho họ "cái vỏ bề ngoài và những hy vọng ở tương lai"! Nhất là hiện giờ, khi đọc mỗi bài báo hay một bài tiểu luận về "sự bảo trợ ân cần" của tướng Van- nốp-xki, nếu nhớ đến những điều răn nói trên thì thật là bổ ích.

Như thế, các hội đồng địa phương ngay từ đầu đã buộc phải làm cái bánh xe thứ năm trong chiếc xe của bộ máy nhà nước Nga, cái bánh xe mà bọn quan lại *cho phép* chỉ trong chừng mực không đụng chạm đến quyền lực vạn năng của chúng, còn vai trò của đại biểu của dân chúng thì bị giới hạn trong lĩnh vực thuần túy thực tiễn, trong việc thi hành có tính chất thuần túy kỹ thuật một số nhiệm vụ cũng do bọn quan lại nói trên vạch ra. Hội đồng địa phương không có các cơ quan chấp hành của mình, nó buộc phải hoạt động thông qua cảnh sát, các hội đồng địa phương không có liên hệ với nhau, các hội đồng đó ngay từ đầu đã bị đặt ngay dưới sự kiểm soát của bộ máy hành chính. Và sau khi làm cái việc nhượng bộ không hại gì cho bản thân nó, ngay sau khi ban bố chế độ hội đồng địa phương, chính phủ đã bắt tay vào việc lấn át và hạn chế nó một cách có hệ thống: bọn quan lại rất quyền thế đó đã *không*

thể nào chung sống được với chế độ đại diện các đảng cấp do bầu cử mà ra, và chúng ra tay bóp chết nó bằng mọi cách. Tập tài liệu về sự bức hại đó, mặc dầu rõ ràng không được đầy đủ, là một phần rất đáng chú ý đến trong bản "Điều trần".

Chúng ta đã thấy bọn tự do đã hành động một cách nhát gan và không hợp lý như thế nào đối với phong trào cách mạng đầu những năm 60. Đáng lẽ ủng hộ "sự đoàn kết giữa tiểu thị dân và nông dân với những người gắn bó với *"Đại Nga"*", thì họ lại sợ sự "đoàn kết" đó và mang nó ra dọa chính phủ. Đáng lẽ đứng lên bênh vực những người cầm đầu phong trào dân chủ đang bị chính phủ khủng bố, thì họ lại giả dối bảo rằng họ không chịu trách nhiệm và biện hộ cho chính phủ. Và họ đã phải chịu hình phạt chính đáng vì chính sách phản bội của cái hùm biện khoán lác và sự nhu nhược nhục nhã đó. Sau khi đã trị xong những người không những có khả năng bàn suông tán hươu, mà còn có khả năng *đấu tranh* cho tự do, chính phủ đã tự cảm thấy đủ sức mạnh để có thể gạt phái tự do ra khỏi những vị trí nhỏ nhất và thứ yếu mà họ đã chiếm lĩnh "với sự cho phép của cấp trên". Khi bị "sự đoàn kết giữa tiểu thị dân và nông dân" với những người cách mạng đe dọa một cách nguy kịch, thì bản thân Bộ nội vụ cũng lắm bầm nói về "trường học của các cơ quan đại diện", nhưng khi những người hay huyết sáo phản đối và "những kẻ hay gây gỗ" "không tế nhị và tự tin" đã bị gạt đi rồi, — thì người ta liền bóp nghẹt các vị "học viên" chẳng khách khí một tí nào. Bản bi hùng ca bắt đầu: các hội đồng địa phương chạy vạy xin mở rộng quyền hạn, còn người ta thì cứ kiên quyết *tước dần* từng quyền hạn một của hội đồng địa phương, và trả lại những cuộc xin xỏ đó bằng những lời giáo huấn của "bậc phụ mẫu". Nhưng ta hãy để cho những ngày tháng lịch sử nói lên, ngay cả dù chỉ là những ngày tháng dẫn ra trong bản "Điều trần".

Ngày 12 tháng Mười 1866, thông tư của Bộ nội vụ đặt những nhân viên của hội đồng địa phương hoàn toàn dưới quyền các cơ quan chính phủ. Ngày 21 tháng Mười một 1866 ra đời đạo luật hạn chế quyền của các hội đồng địa phương trong việc đánh thuế các cửa hàng công thương nghiệp. Trong hội nghị của Ban thường trực của Hội đồng địa phương Pê-téc-bua năm 1867, người ta phê phán kịch liệt đạo luật đó và thông qua (theo đề nghị của bá tước A. P. Su-va-lốp) một nghị quyết yêu cầu chính phủ để cho "cơ quan hành chính trung ương và hội đồng địa phương hiệp lực và cùng nhau" nghiên cứu thảo luận những vấn đề mà đạo luật đã đề cập tới. Chính phủ bèn đáp lại việc yêu cầu đó bằng cách đóng cửa các cơ quan hội đồng địa phương ở Pê-téc-bua và bằng các cuộc đàn áp: chủ tịch Ban thường trực của Hội đồng địa phương Xanh Pê-téc-bua là Cru-dê bị đày đi Ô-ren-bua, bá tước Su-va-lốp bị đày đi Pa-ri, còn thượng nghị sĩ Li-u-bô-sin-xki thì bị bắt buộc phải từ chức. Cơ quan của Bộ nội vụ, tờ "Bưu cục phương Bắc"¹³⁰ đăng một bài, trong đó nói: "sở dĩ có biện pháp trừng phạt nghiêm khắc như vậy là vì hội nghị các hội đồng địa phương ngay khi khai mạc đã hoạt động không phù hợp với pháp luật" (với pháp luật nào? và tại sao những người vi phạm pháp luật lại không bị truy tố *trước tòa án?* vì người ta chẳng vừa mới lập một tòa án khẩn cấp, công bằng và khoan hồng đấy ư?) "và đáng lẽ ủng hộ các hội nghị của các hội đồng địa phương các tỉnh khác, sử dụng quyền hạn mà họ được nhà vua ban để thật sự chăm lo đến lợi ích kinh tế - hội đồng địa phương mà họ được uỷ thác" (tức có nghĩa là, đáng lẽ phải ngoan ngoãn phục tùng và làm theo những "quan điểm" của bọn quan lại), "thì lại không ngừng bộc lộ khuynh hướng muốn thông qua việc trình bày sự việc một cách không chính xác và giải thích không đúng dẫn các đạo luật mà *gây nên lòng không tin và không kính trọng chính phủ*". Không lạ gì

là sau cái bài học như thế, "các hội đồng địa phương khác không ủng hộ Hội đồng địa phương Pê-téc-bua, mặc dầu ở đâu thì luật 21 tháng Mười một 1866 cũng gây nên một sự bất bình rất mãnh liệt; nhiều người trong hội nghị đã cho rằng điều đó giống như một sự thủ tiêu hội đồng địa phương".

Ngày 16 tháng Chạp 1866 xuất hiện bản "giải thích" của Thượng nghị viện ban cho các vị tỉnh trưởng được quyền không phê chuẩn bất cứ người nào được hội nghị hội đồng địa phương đề cử ra, nếu tỉnh trưởng thấy họ là người đáng nghi. Ngày 4 tháng Năm 1867 — lại một bản giải thích khác của Thượng nghị viện nói rằng: đem những đề nghị của hội đồng địa phương mà báo cho tất cả các tỉnh khác biết là một việc làm trái với pháp luật, bởi vì các cơ quan hội đồng địa phương chỉ được giải quyết những công việc của địa phương mà thôi. Ngày 13 tháng Sáu 1867, người ta công bố ý kiến của Hội đồng nhà nước đã được nhà vua phê chuẩn, cấm việc đăng các nghị quyết, những bản tường thuật về các phiên họp, những bản tham luận trong các phiên họp, v. v. của các hội nghị dân biểu ở địa phương, ở thành phố và của các tổ chức đảng cấp, nếu không có sự đồng ý của tỉnh trưởng địa phương. Thứ nữa, cũng luật đó đã mở rộng quyền lực của các vị chủ tịch các hội nghị hội đồng địa phương, cho họ có quyền giải tán hội nghị và bắt họ phải giải tán những hội nghị nào thảo luận các vấn đề không phù hợp với luật pháp, *nếu không thì họ sẽ bị trừng phạt*. Xã hội đã đón đạo luật đó thật không thân thiện một chút nào, và xem nó như là một sự hạn chế nghiêm trọng hoạt động của hội đồng địa phương. "Tất cả mọi người đều biết rằng — Ni-ki-ten-cô viết trong nhật ký của ông ta — những đạo luật mới đã trói chặt tay chân của hội đồng địa phương, và đã cho các chủ tịch hội nghị và các vị tỉnh trưởng một quyền lực hầu như không hạn chế đối với hội đồng địa phương". Thông tư ngày 8

tháng Mười 1868 đã quyết định giao cho các tỉnh trưởng quyền xét chuẩn y việc in những bản báo cáo ngay cả của các Ban thường trực của hội đồng địa phương, và đã hạn chế sự liên hệ giữa các hội đồng địa phương. Năm 1869, người ta lập thêm chức thanh tra các trường quốc dân nhằm mục đích gạt hội đồng địa phương ra khỏi việc thực sự quản lý công tác giáo dục nhân dân. Đạo luật của Hội đồng bộ trưởng được nhà vua phê chuẩn ngày 19 tháng Chín 1869, công nhận rằng "các cơ quan hội đồng địa phương, về thành phần cũng như về nguyên tắc cơ bản, đều không phải là cơ quan chính quyền nhà nước". Luật ngày 4 tháng Bảy 1870 và thông tư ngày 22 tháng Mười 1870 đã thông qua và tăng cường sự lệ thuộc của nhân viên hội đồng địa phương vào các vị tỉnh trưởng. Năm 1871, bản huấn thị gửi cho các thanh tra các trường quốc dân đã quy định cho họ có quyền cách chức các thầy giáo mà họ cho là đáng nghi, có quyền đình chỉ mọi quyết định của hội đồng nhà trường và đưa vấn đề ra cho đốc học khu giải quyết. Ngày 25 tháng Chạp 1873, A-lếch-xan-đrơ II, trong sắc thư gửi cho bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân tỏ ý lo ngại rằng *do sự chăm sóc chưa được ân cần đầy đủ của đốc học khu*, nhà trường quốc dân có thể trở thành *"một công cụ làm đôi phong bại tục quần chúng, như một số khuynh hướng đã để lộ ra"*, và đã ra lệnh cho những nhà đứng đầu quý tộc phải, bằng cách tham gia hết sức trực tiếp, góp phần vào việc đảm bảo ảnh hưởng thuần phong mỹ tục cho các trường đó. Sau đấy, năm 1874, lại ban hành Luật mới về các trường quốc dân, giao tất cả quyền hành chỉ đạo các trường vào tay các hiệu trưởng. Hội đồng địa phương bèn "kháng nghị" — nếu có thể không mĩa mai mà cho rằng việc xin xét lại luật đó với sự tham dự của những đại biểu của hội đồng địa phương (như việc yêu cầu của Hội đồng địa phương Ca-dan năm 1874), là một kháng nghị. Tất nhiên là lời xin đó bị gạt đi. Vân vân và vân vân.

III

Đấy là khoa học đầu tiên dạy cho những người công dân Nga trong "trường học của các cơ quan đại diện", do Bộ nội vụ lập ra. May mắn thay, ngoài những học viên chính trị, — mà nhân những lời tuyên bố có tính chất lập hiến trong những năm 60 họ đã viết: "Đã đến lúc cần vứt bỏ những cái ngu xuẩn và bắt tay vào việc, mà việc thì hiện nay là ở các cơ quan hội đồng địa phương, chứ không có ở đâu nữa*", thì ở Nga còn có những người "hay gây gỗ" không thoả mãn với cái "tế nhị" đó, họ đã đi tuyên truyền cách mạng trong nhân dân. Mặc dầu họ đi dưới ngọn cờ của thứ lý thuyết mà về bản chất là một lý thuyết không cách mạng, nhưng sự tuyên truyền của họ cũng đã gây nên sự bất bình và phản kháng trong các tầng lớp rộng rãi những thanh niên có học thức. Bất chấp cái lý thuyết không tưởng, một thứ lý thuyết phủ nhận đấu tranh chính trị, phong trào đã dẫn đến một cuộc xung đột gay gắt giữa một nhóm người anh hùng với chính phủ, dẫn đến một cuộc đấu tranh cho nền tự do về chính trị. Nhờ có cuộc đấu tranh đó, và chỉ nhờ có nó, mà tình hình lại thay đổi một lần nữa, chính phủ lại một lần nữa bắt buộc phải nhượng bộ, và giới tự do chủ nghĩa lại một lần nữa chứng tỏ rằng họ chưa chín muồi về chính trị, họ bất lực trong việc ủng hộ các chiến sĩ và làm áp lực thật sự đối với chính phủ. Những khát vọng lập hiến của hội đồng địa phương đã lộ ra một cách rõ ràng, nhưng hoá ra chỉ là "một cơn hăng" bất lực, mặc dầu bản thân chủ nghĩa tự do của hội đồng địa phương đã tiến một bước trông thấy về chính trị. Đặc biệt đáng chú ý là mưu toan của họ muốn thành lập một đảng bất

* Thư của Ca-vê-lin gửi cho gia đình năm 1865 nói về đề nghị của quý tộc Mát-xơ-va xin "triệu tập hội nghị những người trên đất Nga để thảo luận những vấn đề chủ yếu, chung cho toàn thể quốc gia".

hợp pháp và lập ra cơ quan ngôn luận chính trị riêng của họ. "Điều trần" của Vít-te kết hợp những tài liệu trích trong một số tác phẩm bất hợp pháp (Kên-nan, Đra-gô-ma- nốp, Ti-khô-mi-rốp), để nói rõ cái "con đường hiểm hóc" (tr. 98) mà các hội đồng địa phương đã đi vào. Cuối những năm 70 có mấy cuộc đại hội những người theo phái tự do trong các hội đồng địa phương. Phái tự do đã quyết định "có những biện pháp để chấm dứt, dù chỉ là tạm thời, những hoạt động phá hoại của đảng cách mạng cực đoan, bởi vì họ tin rằng, dùng những biện pháp hoà bình sẽ không thể đạt được gì hết nếu những người khủng bố, với những lời đe dọa và những hành động bạo lực của họ, vẫn tiếp tục làm cho chính phủ phần nộ và lo lắng" (tr. 99). Như vậy, đáng lẽ phải lo mở rộng cuộc đấu tranh, vận động những giai tầng xã hội ít nhiều đồng đạo ủng hộ những người cách mạng lẻ tẻ, tổ chức một cuộc tấn công chung nào đấy (dưới hình thức biểu tình, hội đồng địa phương từ chối không thi hành các món chi bắt buộc, v. v.), thì những người của phái tự do chủ nghĩa lại bắt đầu với cái "tế nhị" nói trên: "không làm phần nộ" chính phủ! cố gắng đạt tới mục đích bằng "những phương pháp hoà bình", những phương pháp đã chứng minh một cách hùng hồn sự vô giá trị của chúng trong những năm 60!*. Tất nhiên là những người cách mạng đã hoàn toàn

* Đra-gô-ma-nốp nói rất đúng: "Thực ra thì chủ nghĩa tự do ở Nga không thể nào có "những phương pháp hoà bình" hoàn toàn, vì mọi sự tuyên bố về việc thay đổi cơ quan chỉ đạo tối cao ở ta đều bị luật pháp cấm. Những người của phái tự do chủ nghĩa trong hội đồng địa phương cần phải kiên quyết vượt qua sự cấm đoán đó, để ít ra thì cũng qua đó mà tỏ rõ lực lượng của mình trước chính phủ và trước những người khủng bố. Chính vì những người tự do chủ nghĩa trong hội đồng địa phương không tỏ ra có một lực lượng như thế, cho nên họ đã có dịp sống cho đến ngày mà chính phủ có ý định thủ tiêu ngay cả những cơ quan hội đồng địa phương đã bị cắt xén rồi". (s. đ. d., tr. 41 - 42).

không chịu chấm dứt hoặc đình chỉ những hoạt động quân sự. Bảy giờ hội đồng địa phương phải thành lập "liên đoàn những phần tử chống đối", sau đó trở thành "Hội liên minh hội đồng địa phương và tự quản" hoặc "Liên minh hội đồng địa phương". Cương lĩnh của Liên minh hội đồng địa phương đòi: 1) tự do ngôn luận và báo chí; 2) đảm bảo tự do thân thể và 3) triệu tập hội nghị lập hiến. Mưu toan xuất bản những cuốn sách mỏng bí mật ở Ga-li-xi-a không thành (cảnh sát Áo bắt được cả bản thảo lẫn người có ý định in những cuốn sách đó) và từ tháng Tám 1881 thì tờ tạp chí "Tiếng nói tự do"³¹ do Đra-gô-ma-nốp (cựu giáo sư trường đại học tổng hợp Ki-ép) biên tập và phát hành ở Giơ-ne-vơ trở thành cơ quan của "Liên minh hội đồng địa phương". "Rốt cuộc, — chính Đra-gô-ma-nốp đã viết năm 1888, — ... kinh nghiệm xuất bản tờ "Tiếng nói tự do", cơ quan ngôn luận của hội đồng địa phương, không thể nào coi là thành công được, ít ra cũng vì chỉ mãi đến cuối 1882 thì những tài liệu của bản thân các hội đồng địa phương mới được gửi đến ban biên tập một cách đều đặn, mà đến tháng Năm 1883 thì việc xuất bản đã đình chỉ rồi" (s. đ. d., tr. 40). Sự thất bại của tờ báo của phái tự do là kết quả tự nhiên của sự non yếu của phong trào tự do chủ nghĩa. Ngày 20 tháng Mười một 1878, A-lếch-xan-đơ II đã đọc diễn từ trước các đại biểu các đảng cấp, tỏ ra hy vọng ở "sự giúp đỡ" của họ, "để ngăn chặn những thanh niên đã bị lầm lạc, không để cho họ đi con đường khốc hại mà những kẻ khả nghi đang ra sức lôi kéo họ vào". Sau đó, cả trong tờ "Truyền tin của chính phủ"³² (1878, số 186) cũng xuất hiện lời kêu gọi sự giúp đỡ của xã hội. Đáp lại việc đó, năm hội nghị các hội đồng địa phương (Khác-cốp, Pôn-ta-va, Tséc-ni-gốp, Xa-ma-ra và Tve) đã tuyên bố cần phải triệu tập Hội nghị đại biểu đảng cấp toàn Nga. "Cũng có thể nghĩ", — tác giả "Điều trần" Vít-te viết, sau khi đã trình bày tỉ mỉ nội dung của những

kiến nghị đó, trong số kiến nghị này chỉ có 3 bản đăng được toàn bộ lên báo, — "rằng những lời tuyên bố của các hội đồng địa phương đòi triệu tập Hội nghị đại biểu đảng cấp toàn Nga còn có thể nhiều hơn nữa, nếu như Bộ nội vụ không kịp thời có những biện pháp ngăn cản: gửi thông tư cho những người đứng đầu của bọn quý tộc chủ tọa các hội nghị hội đồng địa phương các tỉnh yêu cầu cấm ngay cả việc đọc những bản kiến nghị như thế trong hội nghị. Ở một số nơi đã xảy ra những vụ bắt bớ và tù đày các đại biểu, còn ở Tséc-ni-gốp thì hiến binh thậm chí vào cả trong phòng họp, dùng vũ lực giải tán hội nghị" (104).

Các báo chí tự do chủ nghĩa ủng hộ phong trào đó, đơn thỉnh nguyện của "25 công dân có tên tuổi ở Mát-xcơ-va" gửi cho Lô-rít - Mê-li-cốp đề nghị triệu tập hội nghị độc lập gồm những đại biểu của hội đồng địa phương, và đề nghị hội nghị đó sẽ tham gia vào việc điều khiển quốc gia³³. Đưa Lô-rít - Mê-li-cốp lên làm bộ trưởng Bộ nội vụ, chính phủ *hình như* đã nhượng bộ. Song đây chỉ là *hình như* mà thôi, vì người ta không những đã không thực hiện những biện pháp kiên quyết nào, mà cũng không có những lời tuyên bố tích cực và rõ ràng nào. Lô-rít - Mê-li-cốp triệu tập những người biên tập các báo chí ở Pê-téc-bua và trình bày "cương lĩnh" của hấn: tìm hiểu nguyện vọng, nhu cầu, v. v. của dân chúng, tạo cho các hội đồng địa phương, v. v. có khả năng sử dụng những quyền hạn hợp pháp (cương lĩnh của phái tự do đảm bảo cho các hội đồng địa phương những "quyền" mà luật pháp đã cắt dần của họ một cách có hệ thống!) v. v.. Tác giả "Điều trần" viết:

"Qua những người nói chuyện với ông ta — chính vì thế mà họ được mời đến — cương lĩnh của ông bộ trưởng được phổ biến đi khắp nước Nga. Về thực chất thì cương lĩnh ấy không hứa hẹn gì rõ rệt. Mọi người đều có thể tìm thấy trong đó cái gì tùy ý thích, nghĩa là tất cả hoặc không có

gì hết. Một trong những tờ truyền đơn bí mật hồi bấy giờ đã có lý của nó (chỉ là lý "của nó" chứ tuyệt đối không phải là của "mọi người" ư?) khi nói đến cương lĩnh đó, bảo rằng trong đó vừa thấy "đuôi cáo" ve vẩy đồng thời lại vừa thấy cả "mồm sói" nghiêng răng³⁴. Việc đả kích đó vào cương lĩnh và tác giả của nó lại càng dễ hiểu vì trong khi giới thiệu cương lĩnh ấy cho đại diện các báo chí, bá tước đã khấn khoản khuyên họ "không nên kích thích và khuấy động các đầu óc của xã hội một cách vô ích với những ảo tưởng hão huyền của mình". Song những người phái tự do trong hội đồng địa phương đã không nghe *chân lý* đó của tờ truyền đơn bí mật và coi cái ve vẩy đó của "đuôi cáo" là "phương châm mới" mà người ta có thể tin được. Bản "Điều trần" của Vít-te lặp lại lời của cuốn sách bí mật "Ý kiến của các hội nghị hội đồng địa phương về tình hình hiện nay ở Nga": "Phái hội đồng địa phương đã tỏ ra tin và đồng tình với chính phủ, như thể là sợ đi quá, sợ đưa ra cho chính phủ những yêu cầu quá đáng". Thật là một lời thú nhận đặc trưng của những người ủng hộ hội đồng địa phương đã tự do phát biểu ý kiến: Liên minh hội đồng địa phương, tại đại hội năm 1880, mới vừa quyết định "đấu tranh đòi cho được việc thành lập cơ quan dân biểu trung ương với điều kiện không thể thiếu được là một viện và đầu phiếu phổ thông", — thì bây giờ đây, cái nghị quyết *đấu tranh đòi cho được* đó đang được thực hiện bằng sách lược "*không đi quá*", "*tin và đồng tình*" với những lời tuyên bố mập mờ nước đôi và hoàn toàn không chịu một trách nhiệm nào cả! Với một sự ngây thơ không thể tha thứ được, những người phái hội đồng địa phương tưởng rằng đưa đơn thỉnh nguyện có nghĩa là "đấu tranh đòi cho được" — nên những đơn thỉnh nguyện "từ các hội đồng địa phương bay ra từng đống". Ngày 28 tháng Giêng 1881, Lô-rít - Mê-li-cốp trình lên hoàng đế một bản báo cáo về việc thành lập một ban gồm đại biểu các hội đồng địa phương để thảo các bản dự

luật theo đúng "ý chí của đảng chí tôn", — chỉ là với quyền tư vấn thôi. Hội nghị đặc biệt, do A-lếch-xan-đơ II chỉ định, đã đồng ý biện pháp đó; kết luận của Hội nghị ngày 17 tháng Hai 1881 được Nga hoàng phê chuẩn; Nhà vua đã tán thành cả bản thông cáo của chính phủ mà Lô-rít - Mê-li-cốp đã đệ trình.

Tác giả bản "Điều trần" Vít-te viết: "Không còn nghi ngờ gì nữa, lập một ban chỉ thuần túy có tính chất tư vấn như thế chưa phải đã là lập ra hiến pháp". Nhưng — ông ta viết tiếp — vị tất đã có thể phủ nhận được rằng đây là một bước tiến hơn nữa (sau những cải cách những năm 60) về phía hiến pháp, chứ không phải về phía nào khác. Và tác giả lặp lại tin tức của các báo chí ngoại quốc viết rằng A-lếch-xan-đơ II, khi phát biểu về bài diễn văn của Lô-rít-Mê-li-cốp, nói: "Thì đây chính là États généraux³⁵... "Cái mà người ta đề nghị với chúng tôi không phải cái gì khác hơn là hội nghị những người có tên tuổi của Lu-i XVI³⁶.

Về phía chúng tôi, chúng tôi thấy rằng thực hiện bản dự án của Lô-rít - Mê-li-cốp có thể là một bước tiến về phía hiến pháp trong những điều kiện nhất định, song cũng có thể không phải như thế: tất cả đều tùy ở chỗ cái gì sẽ thắng — áp lực của đảng cách mạng và của phái tự do chủ nghĩa hay là sự phản kháng của đảng những kẻ kiên quyết ủng hộ nền quân chủ, là một đảng rất mạnh mẽ, đoàn kết nhất trí và không từ một thủ đoạn nào. Nếu nói về cái đã diễn ra rồi chứ không phải về cái có thể diễn ra, thì phải nhận một sự thực hiển nhiên là chính phủ *dao động*. Một số thì chủ trương kiên quyết đấu tranh chống phái tự do chủ nghĩa, còn số khác lại muốn nhượng bộ. Song — và đây là điều đặc biệt quan trọng — ngay cả số này nữa cũng dao động, không có một cương lĩnh nào hoàn toàn rõ ràng và không vượt lên khỏi cái trình độ của bọn quan lại chuyên xoay xở.

"Bá tước Lô-rít - Mê-li-cốp — tác giả bản "Điều trần" Vít-te nói — hình như sợ nhìn thẳng vào sự việc, sợ quy định cương lĩnh của ông ta một cách hoàn toàn chính xác; ông ta tiếp tục — sự thực là theo một hướng khác — cái chính sách thoái thác trước đây, mà chính bá tước Va-lu-ép đã thi hành đối với các cơ quan hội đồng địa phương.

Như các báo chí hợp pháp thời đó cũng đã nêu lên một cách đúng đắn, chính bản thân cái cương lĩnh do Lô-rít - Mê-li-cốp đưa ra có đặc điểm là hết sức mập mờ. Tính mập mờ đó cũng biểu hiện trong tất cả những hoạt động về sau này và trong lời nói của bá tước. Một mặt, ông ta tuyên bố rằng chế độ quân chủ "tách rời dân chúng", rằng "ông ta xem sự ủng hộ của xã hội là một lực lượng chủ yếu...", xem dự thảo cải cách "không phải là một cái gì đã dứt khoát, mà đây chỉ là bước đầu", v. v.. Đồng thời, mặt khác, bá tước đã tuyên bố với đại diện các báo chí rằng: "... những hy vọng mà người ta gây ra trong xã hội chẳng qua chỉ là những ảo tưởng hão huyền...", và trong bản báo cáo dâng lên Hoàng đế, ông ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng Hội đồng đại biểu đẳng cấp toàn Nga sẽ là "một thí nghiệm nguy hiểm muốn trở lại cái đã qua...", rằng biện pháp do ông ta thảo ra sẽ không có một ý nghĩa nào cả về mặt hạn chế nền quân chủ chuyên chế, vì nó không có gì giống với những hình thức lập hiến phương Tây. Nói chung, theo như lời nhận xét đúng đắn của L. Ti-khó-mi-rốp, bản thân bản báo cáo đó có một hình thức hết sức mơ hồ lộn xộn" (tr.117).

Nhưng đối với những *chiến sĩ* đấu tranh cho tự do thì Lô-rít - Mê-li-cốp, vị anh hùng "chuyên chính của trái tim"³⁷ khét tiếng đó đã đưa "sự tàn ác lên tới trình độ chưa từng thấy trước đây và sau này, với việc xử tử một cậu bé 17 tuổi, vì tìm thấy ở cậu ta một tờ truyền đơn in. Lô-rít - Mê-li-cốp không quên những xô héo lánh xa xôi nhất ở Xi-bi-ri, để làm cho tình cảnh những người bị đày ở đây vì tội tuyên truyền, càng thêm tồi tệ" (V. Da-xu-lích, trong tờ "Người dân chủ - xã hội"³⁸, số 1, tr. 84). Trong lúc chính phủ ngả nghiêng dao động như thế, chỉ có lực lượng nào có khả năng đấu tranh thực sự thì mới hòng đạt đến một hiến pháp được, nhưng lực lượng đó không có: những người cách mạng đã dốc cạn hết lực lượng của mình với ngày mồng 1 tháng Ba³⁹, trong giai cấp công nhân chưa có một phong trào rộng rãi và cũng chưa có một tổ chức

vững mạnh, phái tự do chủ nghĩa cả lần này nữa cũng tỏ ra kém phát triển về chính trị, đến nỗi ngay sau vụ giết A-lếch-xan-đơ II họ chỉ biết có đi xin xỏ thôi. Hội đồng địa phương và thành phố đi xin xỏ, báo chí tự do chủ nghĩa ("Trật tự"⁴⁰, "Quốc gia"⁴¹, "Tiếng nói"⁴²) cũng đi xin xỏ, những tác giả phái tự do chủ nghĩa của các bản phúc trình (hầu tước Vê-lê-pôn-xki, giáo sư Tsi-tsê-rin và giáo sư Gra-đốp-xki — bản "Điều trần" của Vít-te trình bày nội dung của những bản đó theo cuốn sách xuất bản ở Luân-đôn*: "Hiến pháp của bá tước Lô-rít - Mê-li-cốp", nhà xuất bản Quĩ báo chí tự do Nga, Luân đôn, 1893) cũng đi xin xỏ, dưới một hình thức đặc biệt xu thời, khôn khéo và che đậy, họ nghĩ ra "những mưu mô khôn khéo để đưa Hoàng thượng qua cái ranh giới mà họ thiết tha mong đợi một cách sao cho bản thân Hoàng thượng không hay biết gì cả". Dĩ nhiên, tất cả những việc xin xỏ thận trọng và những âm mưu khôn khéo đó hoá ra chỉ là con số không vì thiếu lực lượng cách mạng, và đảng quân chủ đã thắng, thắng mặc dầu ngày 8 tháng Ba 1881, trong Hội đồng bộ trưởng, đa số (7 chống 5) *tán thành* dự án của Lô-rít - Mê-li-cốp. (Trong cuốn sách đó nói như vậy, song không hiểu tại sao Vít-te, tác giả bản "Điều trần", người đã chép lại nó một cách rất nhiệt tâm, lại tuyên bố: "Việc gì đã xảy ra trong hội nghị mùng 8 tháng Ba đó và kết quả của hội nghị ra sao, điều đó không biết được xác thực; căn cứ vào những tin đồn lọt ra báo chí ngoại quốc là không thận trọng", tr. 124). Ngày 29

* Tác giả bản "Điều trần", nói chung, như chúng ta thấy, đã chép lại, đã trích dẫn một cách hết sức kỹ lưỡng những cuốn sách bất hợp pháp và thú nhận rằng "báo chí bí mật và sách báo ngoại quốc, với những quan điểm của họ, đã nhận xét khá đúng về tình hình vấn đề" (tr. 91). Ở vị bác học Nga nghiên cứu môn "quốc gia học" đó, chỉ có một vài tài liệu mới lượm lặt chưa nghiên cứu nào đó là của ông ta, còn tất cả những quan điểm chủ yếu về các vấn đề chính trị ở Nga ông ta đều buộc phải mượn ở các sách báo bí mật.

tháng Tư 1881 ra đời bản tuyên ngôn — mà Cát-cốp gọi là "bánh trời cho" — về việc củng cố và bảo vệ nền quân chủ chuyên chế⁴³.

Lần thứ hai, sau cuộc giải phóng nông dân, làn sóng cách mạng bị đánh lui, và phong trào tự do chủ nghĩa sau đó và do đó đã bị chế độ phản động thay thế lần thứ hai, điều mà xã hội tiến bộ Nga, dĩ nhiên, than khóc một cách cay đắng. Chúng ta thật là những người thầy than khóc: chúng ta than khóc sự không biết tùy cơ ứng biến và lòng tự tin của những người cách mạng khi họ trêu chọc chính phủ; chúng ta than khóc sự không kiên quyết của chính phủ khi chính phủ không thấy một lực lượng thực sự nào trước mắt, bèn giả vờ nhượng bộ và cho bằng tay này, rồi lấy lại bằng tay kia; chúng ta than khóc "thời đại không có tư tưởng và không có lý tưởng", khi chính phủ, sau khi thanh toán xong những người cách mạng không được nhân dân ủng hộ, đang ra sức lấy lại những cái đã bị mất và tự củng cố để chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới.

IV

Thời đại "chuyên chính của trái tim" — như người ta đã đặt tên cho Bộ của bộ trưởng Lô-rít - Mê-li-cốp — đã chỉ cho những người thuộc phái tự do ở nước ta thấy rằng ngay cả "chủ nghĩa lập hiến" của một bộ trưởng, thậm chí là của một thủ tướng đi nữa, trong khi chính phủ hoàn toàn dao động, trong khi đại đa số trong Hội đồng chính phủ tán thành "bước đầu tiến đến cải cách", cũng hầu như không đảm bảo được gì hết, nếu không có một lực lượng xã hội quan trọng có thể bắt chính phủ phải đầu hàng. Điều đáng chú ý là chính phủ A-lếch-xan-đơ III, ngay cả sau khi đưa ra bản tuyên ngôn về việc củng cố nền quân chủ chuyên chế, cũng không phải là giới ngay tất cả nhanh vượt của hấn ra, nó cho là cần thiết phải thử tìm cách phỉnh phờ "xã hội" trong

một thời gian nào đó nữa. Khi nói "phình phờ", chúng tôi không có ý gán cho chính sách của chính phủ một kế hoạch theo kiểu Mác-ki-a-vê-li⁴⁴ nào đó của bộ trưởng này hay bộ trưởng nọ, của một quan lại cao cấp này hay quan lại cao cấp khác, v. v.. Không thể khẳng định quá mạnh rằng phương pháp nhượng bộ đối trá và những bước hình như rất quan trọng để "nghênh tiếp" dư luận xã hội đã thâm nhập vào xương tủy của mọi chính phủ hiện đại, kể cả chính phủ Nga, bởi vì ngay cả chính phủ Nga trong khoảng thời gian nhiều thế hệ cũng đã nhận thấy cần thiết phải đếm xỉa đến dư luận xã hội bằng cách này hoặc bằng cách khác, và trong khoảng thời gian nhiều thế hệ cũng đã giáo dục được nhiều nhà chính khách thành thạo trong nghệ thuật xã giao đối nội. Một nhà ngoại giao như thế, có sứ mệnh yếm hộ cho cuộc rút lui của chính phủ vào một chính sách hoàn toàn phản động, là bá tước I-gna-chi-ép, bộ trưởng Bộ nội vụ, người đã thay thế Lô-rít - Mê-li-cốp. I-gna-chi-ép đã nhiều lần tỏ ra là một kẻ thuần tuý my dân và lừa bịp, đến nỗi tác giả bản "Điều trần" Vít-te đã biểu thị không ít "lòng khoan hậu cảnh sát" khi gọi thời kỳ làm bộ trưởng của hắn là "một mưu toan đã bị thất bại, muốn thiết lập một đất đai với quyền tự quản ở địa phương và với một Nga hoàng chuyên chế đứng đầu". Đành rằng chính "công thức" này đã được I. X. Ác-xa-cốp đưa ra hồi bấy giờ, công thức đó đã bị chính phủ lợi dụng vào những mục đích ve vãn của mình, nó đã bị Cát-cốp đá kích khi chứng minh một cách vững chắc mối quan hệ tất yếu giữa tự quản địa phương với hiến pháp. Song thật là thiếu cặn, *nếu giải thích* nguyên nhân của một sách lược mà mọi người đều biết của chính phủ cảnh sát (sách lược nhất định có tính chất cố hữu của nó, do bản chất của nó đẻ ra) là do quan điểm chính trị này hay quan điểm chính trị khác chiếm ưu thế trong một thời nhất định.

I-gna-chi-ép ra bản thông tư hứa hẹn rằng chính phủ "sẽ áp dụng những biện pháp cấp bách, để quy định những

cách thức đúng đắn đảm bảo cho các nhà hoạt động địa phương giành được những thành công to lớn nhất khi tham gia tích cực vào việc thực hiện những mệnh lệnh của Hoàng thượng". Các hội đồng địa phương đáp lại lời "kêu gọi" đó bằng những cuộc chạy chọt xin xỏ "triệu tập các đại biểu của dân chúng" (trích ở báo cáo phúc trình của đại biểu Hội đồng địa phương Tsê-rê-pô-ve-txơ; viên tỉnh trưởng cũng không cho in ra ngay cả ý kiến của đại biểu Hội đồng địa phương Ki-ri-lốp). Chính phủ đề nghị các tỉnh trưởng gác lại "không giải quyết" những vụ xin xỏ đó, "và bấy giờ hình như người ta cũng dùng những biện pháp khác để làm cho những việc xin xỏ như thế không xảy ra trong các hội nghị khác". Người ta đang tiến hành một mưu toan khét tiếng nhằm triệu tập, theo sự lựa chọn của các bộ trưởng, những người hiểu biết rộng" (để thảo luận các vấn đề hạ thấp giá chuộc lại ruộng đất, chính đốn lại việc di cư, cải cách hành chính địa phương v. v.). "Công việc của các tiểu ban chuyên viên không gây được sự đồng tình trong xã hội, còn đối với các hội đồng địa phương, thì *mặc dầu đã có đủ mọi biện pháp phòng ngừa trước*, thậm chí nó vẫn gây nên sự phản đối trực tiếp. Mười hai hội nghị hội đồng địa phương đề nghị rằng: không phải chỉ mời họ tham gia hoạt động lập pháp trong trường hợp cá biệt và do chính phủ chỉ định, mà là thường xuyên và do các hội đồng địa phương chọn". Ở Hội đồng địa phương Xa-ma-ra, một đề nghị tương tự như thế đã bị chủ tọa hội nghị cất đi, "sau đó hội nghị tự giải tán để phản đối" (Đra-gô-ma-nốp, s. đ. đ., tr. 29; "Điều trần", tr. 131). Việc bá tước I-gna-chi-ép bịp các vị dân biểu thể hiện rất rõ trong sự việc sau đây chẳng hạn: "Vị thủ lĩnh quý tộc Pôn-ta-va, ông U-xti-mô-vích, tác giả dự thảo kiến nghị lập pháp năm 1879, tuyên bố công khai trong hội nghị quý tộc của tỉnh là ông ta được bá tước I-gna-chi-ép *bảo đảm chắc chắn* (sic!)¹⁾ rằng chính phủ sẽ kêu gọi các đại

1) — như thế đấy !

biểu trong nước tham gia công việc lập pháp" (Đra-gô-ma-nốp, như trên).

Việc yểm hộ cho chính phủ chuyển qua một phương châm mới hẳn đã kết thúc với những thủ đoạn đó của I-gna-chi-ép, và Đ. A. Tôn-xtôi, được cử làm bộ trưởng Bộ nội vụ ngày 30 tháng Năm 1882, không phải vô cớ mà được ban cho cái biệt hiệu là "bộ trưởng đấu tranh". Những lời cầu xin của các hội đồng địa phương, ngay cả xin triệu tập những đại hội cá biệt nào đó đi nữa, cũng đều bị gạt phăng đi một cách trắng trợn, và thậm chí đã có trường hợp, căn cứ vào lời kêu ca của viên tỉnh trưởng nói rằng hội đồng địa phương (Tsê-rê-pô-ve-txo) đã "phản đối luôn", người ta vẫn đem thay thế ban thường trực hội đồng địa phương bằng một uỷ ban của chính phủ và những nhân viên ban thường trực đó đã bị đưa đi đày. Đ. A. Tôn-xtôi, người học trò và người nối nghiệp trung thành của Cát-cốp, đã quyết định thi hành cả một "cải cách" các cơ quan hội đồng địa phương, xuất phát từ ý nghĩ cơ bản (được lịch sử thật sự chứng thực, như ta đã thấy) là "phái đối lập với chính phủ đã xây cho họ một vị trí vững chắc trong hội đồng địa phương" (tr. 139 của "Điều trần": trích dự án đầu tiên về cải cách hội đồng địa phương). Đ. A. Tôn-xtôi dự kiến thay thế các ban thường trực hội đồng địa phương bằng những cơ quan phục tùng tỉnh trưởng, và tất cả mọi nghị quyết của hội nghị hội đồng địa phương đều phải đưa tỉnh trưởng thông qua. Đấy quả là một cải cách "triệt để", song có một điều hết sức đáng chú ý là, ngay cả vị học trò của Cát-cốp ấy, vị "bộ trưởng đấu tranh", "cũng không từ bỏ — theo lời của chính tác giả bản "Điều trần" — cái chính sách quen thuộc của Bộ nội vụ đối với các cơ quan hội đồng địa phương. Tư tưởng của ông ta — muốn về thực chất thủ tiêu hội đồng địa phương — ông ta không nói thẳng ra trong bản dự án; dưới hình thức phát triển một cách đúng đắn nguyên tắc tự quản, ông ta mong muốn để lại hình thức bên ngoài của hội đồng địa phương,

nhưng tước bỏ hết tất cả nội dung ở bên trong". Trong Hội đồng nhà nước, cái quốc sách "đuôi cáo" khôn ngoan đó còn được bổ sung và phát triển thêm, và kết quả là đạo luật năm 1890 về hội đồng địa phương "là một biện pháp nửa vời mới trong lịch sử các cơ quan hội đồng địa phương. Luật đó không thủ tiêu hội đồng địa phương, nhưng làm cho hội đồng địa phương mất hết mọi đặc tính và màu sắc; nó không thủ tiêu nguyên tắc là hội đồng địa phương đại diện cho mọi đẳng cấp, song nó lại làm cho hội đồng địa phương nhuộm màu đẳng cấp;... nó không làm cho các cơ quan hội đồng địa phương trở thành những cơ quan chính quyền thực sự, ... mà nói rộng sự bảo trợ của các tỉnh trưởng đối với những cơ quan đó,... nó tăng cường quyền phản kháng của tỉnh trưởng". "Luật ngày 12 tháng Bảy 1890, theo dụng ý của người thảo ra nó, là một bước trên con đường đi tới thủ tiêu các cơ quan hội đồng địa phương, chứ tuyệt nhiên không phải là một sự cải tổ căn bản quyền tự quản của các hội đồng địa phương".

"Biện pháp nửa vời" mới — như bản "Điều trần" trình bày tiếp — không thủ tiêu phái đối lập với chính phủ (lẽ dĩ nhiên là không thể nào thủ tiêu được phái đối lập với chính phủ phản động bằng cách tăng cường tính chất phản động đó), mà chỉ làm cho *một số* biểu hiện của sự đối lập ấy trở nên kín đáo. Sự đối lập đó đã biểu hiện ra, thứ nhất là ở chỗ một số đạo luật chống hội đồng địa phương — nếu có thể nói được như vậy — gặp phải sự phản kháng và de facto¹⁾ không thực hiện được; thứ hai là ở chỗ lại có những sự cầu xin có tính chất lập hiến (hay ít ra cũng là có mùi vị lập hiến). Loại đối lập thứ nhất vấp phải đạo luật ngày 10 tháng Sáu 1893 chẳng hạn, là luật quy định rất tỉ mỉ việc tổ chức công tác y tế của hội đồng địa phương. "Các cơ

1) — thực tế

quan hội đồng địa phương đều đã đồng tâm chống lại Bộ nội vụ khiến cho phải lùi bước. Phải ngừng việc thi hành điều lệ đã soạn xong, xếp nó lại một bên để soạn một bộ luật đầy đủ và thảo một dự án mới, dựa trên những nguyên lý hoàn toàn ngược lại (nghĩa là có lợi hơn cho các hội đồng địa phương)". Luật ngày 8 tháng Sáu 1893 về việc đánh giá các bất động sản, vì áp dụng một cách bình quân nguyên tắc điều chỉnh thuế và lấn át quyền của hội đồng địa phương trong việc đánh thuế, cũng gặp phải sự không đồng tình, và trong rất nhiều trường hợp luật đó đã "thực tế hoàn toàn không được áp dụng". Lực lượng của các cơ quan y tế và thống kê — các cơ quan này do hội đồng địa phương lập ra và đã mang lại khá nhiều lợi ích cho nhân dân (dĩ nhiên đây là so với chế độ quan lại) — hoá ra là đủ để làm tê liệt những điều lệ chế tạo ra trong các bản giấy ở Pê-téc-bua.

Loại đối lập thứ hai biểu hiện cả trong hội đồng địa phương mới năm 1894, khi những kiến nghị của các hội đồng địa phương gửi cho Ni-cô-lai II lại một lần nữa gợi ra một cách hết sức rõ ràng những yêu cầu của họ đòi mở rộng quyền tự quản và đã gây nên những chữ "nổi tiếng" về những ước mơ vô nghĩa.

"Các khuynh hướng chính trị" của hội đồng địa phương đã không biến mất đi, thật đáng lo sợ cho các vị bộ trưởng. Tác giả bản "Điều trần" dẫn những lời than phiền cay đắng của viên tỉnh trưởng Tve (trích trong báo cáo của y năm 1898) về "nhóm cố kết chặt chẽ của những người có xu hướng tự do chủ nghĩa", tập trung trong tay tất cả sự chỉ đạo công việc của hội đồng địa phương tỉnh. "Qua bản báo cáo cũng của viên tỉnh trưởng đó trong năm 1895 thì thấy rõ là cuộc đấu tranh với phái đối lập trong hội đồng địa phương là một nhiệm vụ nặng nề của chính quyền địa phương, và đôi khi nó thậm chí còn đòi hỏi các vị thủ lĩnh quý tộc làm chủ tọa trong các hội nghị hội đồng địa phương cái

"can đảm của người công dân" (thì ra thế đấy!) để thực hiện những thông tư mật của Bộ nội vụ về những vấn đề mà các cơ quan hội đồng địa phương không được đụng đến". Và tiếp sau đó là đoạn kể lại rằng trước khi hội nghị khai mạc, ông thủ lĩnh quý tộc tỉnh đã giao lại quyền chủ tọa cho vị thủ lĩnh quý tộc huyện (Tve), vị thủ lĩnh quý tộc huyện Tve lại giao cho một vị khác ở Nô-vô-toóc, vị này cũng bị ốm và đã giao lại quyền chủ tọa cho một vị khác nữa ở Xta-ri-txa. Như vậy, ngay cả những vị thủ lĩnh quý tộc cũng chạy trốn, không muốn thi hành những trách nhiệm cảnh sát! Tác giả bản "Điều trần" than vãn: "Với đạo luật năm 1890, hội đồng địa phương đã mang màu sắc đảng cấp, thành phần thân chính phủ được tăng cường trong các cuộc hội nghị, tất cả các vị thủ lĩnh quý tộc huyện và các vị trưởng quan địa phương đều được đưa vào các hội nghị hội đồng địa phương tỉnh, và nếu một hội đồng địa phương mất hết bản sắc, mang tính chất đảng cấp và quan liêu như thế vẫn tiếp tục biểu hiện khuynh hướng chính trị, thì đấy là một điều đáng được suy nghĩ". ... "Hành động chống đối đã không bị thủ tiêu: một sự bất bình ngấm ngấm, một sự đối lập lặng lẽ, chắc chắn vẫn tồn tại và sẽ tồn tại chừng nào mà cái hội đồng địa phương gồm các đảng cấp vẫn chưa chết hẳn". Đây là đỉnh cao nhất của trí tuệ quan liêu: nếu một cơ quan đại nghị bị cắt xén mà vẫn gây ra sự bất bình, thì sự thủ tiêu bất cứ một cơ quan đại nghị nào — theo lô-gích giản đơn của con người mà nói — sẽ làm tăng thêm sự bất bình và đối lập đó. Ông Vít-te tưởng tượng rằng, nếu đóng cửa một trong số những cơ quan đã đem truyền bá ra ngoài dù chỉ là một chút bất bình thôi, thì sự bất bình sẽ biến mất! Nhưng các độc giả có nghĩ rằng vì thế mà Vít-te sẽ đề nghị một cái gì kiên quyết như việc thủ tiêu hội đồng địa phương không? Không! Hoàn toàn không phải như thế! Đả kích chính sách quanh co cho sướng miệng, bản thân Vít-te không

đề nghị gì hết, ngoài chính sách đó, — và cũng không thể đề nghị được cái gì chừng nào mà y vẫn còn khoắc trên mình chiếc áo bộ trưởng của chính phủ quân chủ chuyên chế. Vít-te lắm bầm một điều gì đấy hoàn toàn vô nghĩa lý về "con đường thứ ba": không phải sự thống trị của bọn quan lại và không phải chế độ tự quản, mà là một cuộc cải cách hành chính có thể "tổ chức đúng đắn" "việc tham gia của các thành phần xã hội vào các cơ quan chính quyền". Nói một điều vô nghĩa như thế rất dễ, nhưng ngày nay — sau mọi cuộc thí nghiệm với "những người hiểu biết rộng" — thì một điều bày đặt ra như thế không còn lừa bịp được ai nữa: quá rõ ràng là *nếu không có hiến pháp* thì mọi "sự tham gia của các thành phần xã hội" sẽ là một ảo tưởng, sẽ là sự lệ thuộc của xã hội (người này hay người khác của xã hội được "mời" ra) vào bọn quan lại. Trong khi công kích biện pháp cá biệt của Bộ nội vụ — thực hiện chế độ hội đồng địa phương ở các vùng biên cương, — Vít-te hoàn toàn không thể nêu một điều gì mới đối với vấn đề chung mà bản thân ông ta đã đưa ra, ông ta chỉ nhắc lại những biện pháp cũ nửa vời, những sự nhượng bộ vờ vĩnh, hứa hẹn đủ mọi phúc lợi, và không thực hiện một lời hứa hẹn nào. Không thể nhấn mạnh được một cách đầy đủ rằng, trong vấn đề chung về "xu hướng của đường lối chính trị trong nước" thì Vít-te và Gô-rê-mư-kin chỉ là một, và sự tranh luận giữa họ chỉ là sự tranh luận giữa những người cùng bọn, là một sự cãi lộn trong gia đình trong giới hạn của một bè đảng. Một mặt, Vít-te hấp tấp tuyên bố rằng "trước đây tôi không đề nghị và hiện nay cũng không đề nghị thủ tiêu các cơ quan hội đồng địa phương, cũng như trật tự hiện hành... về việc thủ tiêu chúng (những hội đồng địa phương đang tồn tại) thì trong những điều kiện hiện nay vị tất đã có thể nói đến được". Vít-te, "về phía mình, lại nghĩ rằng, với việc thành lập ở địa phương một chính quyền mạnh mẽ của chính phủ thì sẽ có thể tin cậy nhiều vào các

hội đồng địa phương", và v. v.. Sau khi đã tạo ra một cơ quan quan liêu mạnh để đối lập với tổ chức tự quản (tức là sau khi đã làm yếu tổ chức tự quản), thì có thể "tin cậy" ở nó hơn. Thật là một luận điệu cũ rích! Ông Vít-te chỉ sợ "các cơ quan đại diện cho mọi đẳng cấp", ông ta "hoàn toàn không quan niệm và không cho rằng hoạt động của các loại tập đoàn, các hội, các tổ chức gồm đại diện các đẳng cấp hoặc các tổ chức nghề nghiệp là nguy hại cho chế độ chuyên chế". Ví dụ, đối với "công xã nông thôn"; thì ông Vít-te không chút mảy may ngờ vực rằng nó có thể nguy hại cho chế độ quân chủ do tính chất "cổ lỗ" của nó. "Ưu thế của những quan hệ ruộng đất và những quyền lợi gắn với ruộng đất làm cho dân chúng ở nông thôn có những đặc điểm tinh thần khiến họ thờ ơ với tất cả những việc gì vượt ra ngoài giới hạn chính trị của làng xóm họ... Người nông dân của chúng ta bận các việc họp hành thu thuế thân, chia các khoảnh đất, v. v.. Ngoài ra, họ lại là những người mù chữ và nửa mù chữ — *thế thì làm gì có thể có chính trị ở đây nữa?*" Như các bạn thấy, ông Vít-te rất tỉnh táo. Đối với các tổ chức có tính chất đẳng cấp, ông ta tuyên bố rằng, về sự nguy hiểm của họ đối với chính quyền trung ương "thì sự chia rẽ về quyền lợi của họ có một ý nghĩa rất quan trọng. Lợi dụng sự chia rẽ đó, khi chống lại những đòi hỏi chính trị của một đẳng cấp thì chính phủ lúc nào cũng có thể tìm được ở những đẳng cấp khác một chỗ dựa và một lực lượng đối lập lại". Bản thân "cương lĩnh" của Vít-te: "sự tham gia, một cách có tổ chức đúng đắn, của những thành phần xã hội vào các cơ quan chính quyền", chẳng qua chỉ là một trong vô số các mưu toan của nhà nước cảnh sát nhằm "chia rẽ" dân chúng.

Mặt khác, cả ông Gô-rê-mư-kin, người mà ông Vít-te bút chiến rất kịch liệt, cũng thi hành cái chính sách chia rẽ và lấn át một cách có hệ thống đó. Ông ta chứng minh (trong bản đệ trình, mà Vít-te đã trả lời) sự cần thiết phải

lập ra những chức vụ quan lại mới để giám sát hội đồng địa phương; ông ta thậm chí chống lại cả việc cho phép tiến hành những đại hội chỉ hoàn toàn có tính chất địa phương của những nhà hoạt động hội đồng địa phương; ông ta hết sức bênh vực đạo luật 1890, một bước để tiến tới thủ tiêu hội đồng địa phương; ông ta sợ các hội đồng địa phương sẽ đưa "những vấn đề có tính khuynh hướng" vào chương trình những công tác đánh giá, ông ta sợ thống kê của hội đồng địa phương nói chung; ông ta chủ trương cần phải rút nhà trường quốc dân ra khỏi tay các hội đồng địa phương và giao cho các cơ quan chính phủ quản lý; ông ta chứng minh rằng các hội đồng địa phương không đủ sức tiến hành công tác lương thực (độc giả có thấy không: những nhà hoạt động hội đồng địa phương gây ra "những quan niệm cường điệu về quy mô của tai hoạ và về những nhu cầu của dân chúng bị nạn mất mùa" !!); ông ta bảo vệ những luật lệ quy định phạm vi đánh thuế của hội đồng địa phương "nhằm mục đích bảo vệ cho nông nghiệp khỏi bị tình trạng hội đồng địa phương tăng các thứ thuế lên quá mức". Như vậy Vít-te hoàn toàn có lý khi ông ta tuyên bố: "Tất cả chính sách của Bộ nội vụ đối với hội đồng địa phương là dần dần, nhưng kiên quyết, phá hoại các cơ quan của nó, dần dần làm giảm ý nghĩa của nó đi, và cũng dần dần tập trung các chức năng của nó vào trong tay các cơ quan của chính phủ. Có thể nói mà không khuếch đại một chút nào rằng, khi nào "những biện pháp được áp dụng trong thời gian gần đây nhằm chấn chỉnh lại một số ngành kinh tế và hành chính của các hội đồng địa phương", đã nêu lên trong bức thư đệ trình (của Gô-rê-mư-kin), sẽ được thực hiện một cách tốt đẹp, thì thực tế là ở nước ta sẽ không còn một sự tự quản nào hết, — các cơ quan hội đồng địa phương sẽ chỉ còn để lại một ý niệm và một cái vỏ bên ngoài, mà không có một nội dung thực tế gì nữa". Do đó, chính sách của Gô-rê-mư-kin (chính sách của Xi-pi-a-ghin lại còn hơn thế nữa) và chính sách

của Vít-te, đều dẫn đến cùng một kết quả giống nhau, và sự đấu tranh trong vấn đề hội đồng địa phương và chủ nghĩa lập hiến, chúng tôi nhắc lại, chỉ là một cuộc tranh cãi trong gia đình. Giữa những kẻ yêu nhau thì cãi nhau chỉ là một thứ tiêu khiển dẫu dàng. Đây là tổng kết cuộc "đấu tranh" giữa các ông Vít-te và Gô-rê-mư-kin. Còn việc tổng kết của chúng tôi trong vấn đề chung về nền quân chủ chuyên chế và hội đồng địa phương, nên tiến hành gắn liền với việc phân tích bài tựa của ông R. N. X. * thì tiện hơn.

V

Bài tựa của ông R. N. X. có rất nhiều điểm đáng chú ý. Bài ấy đã đề cập đến những vấn đề rộng lớn nhất: việc cải tạo nước Nga về mặt chính trị, những phương pháp khác nhau của việc cải tạo đó, ý nghĩa của những lực lượng này hoặc những lực lượng khác đang dẫn tới cuộc cải tạo. Mặt khác, rõ ràng là ông R. N. X. có những quan hệ chặt chẽ với các giới tự do chủ nghĩa nói chung, và đặc biệt là với những nhóm tự do chủ nghĩa trong hội đồng địa phương, cho nên, không nghi ngờ gì cả, ông ta là một cái gì mới mẻ trong dàn hợp xướng những người viết sách báo "bí mật" ở nước ta. Vì vậy, để giải thích vấn đề có tính chất nguyên tắc về ý nghĩa chính trị của hội đồng địa phương và để tiếp xúc với làn gió và... tôi không nói: với những trào lưu, mà chỉ nói là với những xu hướng trong các giới thân cận với phái tự do chủ nghĩa, — thì rất nên bàn tỉ mỉ hơn về bài tựa đó, phân tích cái mới đó là cộng hay trừ, cộng bao nhiêu, trừ bao nhiêu và tại sao?

Đặc điểm chủ yếu của các quan điểm của ông R. N. X. là như sau. Như người ta sẽ thấy rõ qua rất nhiều đoạn của

* Đây là biệt hiệu của ông Xtơ-ru-vê¹⁾.

1) Chú thích của tác giả trong lần xuất bản năm 1907.

bài tựa mà chúng tôi trích ra dưới đây, ông ta chủ trương phát triển một cách hòa bình, tiệm tiến, hết sức hợp pháp. Mặt khác, ông ta hết lòng chống lại chế độ quân chủ chuyên chế và khao khát tự do chính trị. Song sở dĩ chế độ quân chủ chuyên chế là chế độ quân chủ chuyên chế, chính là vì nó cấm đoán và khùng bố mọi "sự phát triển" đến tự do. Mâu thuẫn đó quán triệt toàn bộ bài tựa của ông R. N. X., làm cho lập luận của ông ta hết sức không triệt để, không vững vàng và hết sức lung lay. Kết hợp chủ nghĩa lập hiến với việc lo sao cho nước Nga quân chủ phát triển một cách hoàn toàn hợp pháp, — điều đó chỉ có thể làm được khi ta giả thiết, hay ít nhất là khi ta cho rằng *tự bản thân nó*, chính phủ quân chủ chuyên chế sẽ hiểu rõ, sẽ bị mệt mỏi, sẽ nhượng bộ, v. v.. Và từ chỗ phần nộ cao cả của người công dân, ông R. N. X. cũng có khi đã rơi xuống cái quan điểm tầm thường của chủ nghĩa tự do kém phát triển nhất. Xin đơn cử một ví dụ. Ông R. N. X. nói về mình: "...chúng tôi, những người coi cuộc đấu tranh giành tự do chính trị cho những người giác ngộ hiện đại của nước Nga là lời thề An-ni-ban của họ, lời thề cũng thiêng liêng như cuộc đấu tranh trước đây để giải phóng nông dân đối với những người những năm 40..." và: "...dấu đối với chúng tôi, những người đã đọc "lời thề An-ni-ban", thề đấu tranh với chế độ quân chủ chuyên chế, có nặng nề mấy chăng nữa", v. v.. Nói rất hay, rất mạnh! Những lời mạnh mẽ đó sẽ có thể dùng để trang điểm cho bài tựa, nếu như toàn bộ bài ấy đều thấm nhuần cái tinh thần đấu tranh kiên quyết, không điều hoà đó ("lời thề An-ni-ban!"). Những lời mạnh mẽ đó — chính vì chúng mạnh mẽ như thế — sẽ vang lên một cách giả tạo, nếu bên cạnh những lời đó lại thấy thoáng qua cái âm điệu điều hoà và an ủi một cách giả tạo, cái mưu toan đưa ra — mặc dầu hết sức gượng ép — cái quan điểm phát triển một cách hoà bình, hết sức hợp pháp. Khốn thay, ở ông R. N. X. có quá đủ những âm điệu và mưu toan như thế. Ví dụ

ông ta dành đến cả một trang rưỡi để "luận chứng" tỉ mỉ cho tư tưởng bảo rằng "chính sách nhà nước dưới triều đại Ni-cô-lai II, đứng về quan điểm đạo đức và chính trị mà nói, thì còn đáng chỉ trích nghiêm khắc hơn (do chúng tôi viết ngả) là việc chia lại những phần đất quân cấp trong những cải cách A-lếch-xan-đơ II dưới triều đại A-lếch-xan-đơ III". Tại sao lại đáng chỉ trích nghiêm khắc hơn? Thì ra vì A-lếch-xan-đơ III đấu tranh chống lại cách mạng, còn Ni-cô-lai II thì chống lại "những nguyện vọng hợp pháp của xã hội Nga"; A-lếch-xan-đơ thì chống lại những lực lượng xã hội giác ngộ về chính trị, còn Ni-cô-lai thì "chống lại những lực lượng xã hội hoàn toàn hoà bình và lắm lúc thậm chí còn hoạt động mà không có một tư tưởng chính trị gì rõ rệt" ("thậm chí không nhận thức rõ là công tác văn hoá có ý thức của họ phá hoại chế độ nhà nước"). Thật ra điều này hết sức sai sự thật, sau đây chúng ta sẽ lại nói đến. Nhưng ngoài việc đó ra, không thể nào không nêu ra sự lạ lùng của bản thân tiến trình lập luận của tác giả. Ông ta lên án chế độ quân chủ chuyên chế và trong hai nhà chuyên chế, nếu ông ta lên án một vị nghiêm khắc hơn, thì đó không phải là do tính chất của đường lối chính trị — đường lối đó vẫn như cũ, — mà vì trước mặt vị đó (hình như) không có những người "gây gổ", là những người "tất nhiên" sẽ gây nên sự phản kháng gay gắt, do đấy mà không có cơ để đàn áp. Chính trong việc dùng một lý lẽ như thế chẳng đã lộ ra sự nhượng bộ rõ rệt đối với lý do trung quân ái quốc bảo rằng đối với đức vua của chúng ta, không có gì là đáng lo sợ trong việc triệu tập những người yêu quý, vì tất cả những người đó không bao giờ dám nghĩ tới một điều gì vượt ra khỏi cái giới hạn của những khát vọng hoà bình và sự hợp pháp triệt để, đấy ư? Chúng ta không lấy làm lạ, khi chúng ta đọc thấy "tiến trình tư tưởng" (hoặc tiến trình nói dối) như thế ở ông Vít-te, người đã từng viết trong bản điều trần của mình rằng: "Hình như là ở chỗ nào không có

đảng phái chính trị, không có cách mạng, không một ai tranh giành quyền của chính quyền tối cao, — thì ở đây không nên đem chính quyền đối lập với nhân dân hoặc xã hội ..." * v. v.. Chúng ta không lấy làm lạ khi thấy một lập luận như thế ở ông Tsi-tsê-rin; ông này trong bản điều trần gửi cho bá tước Mi-li-u-tin sau ngày 1 tháng Ba 1881, đã tuyên bố rằng "chính quyền trước hết cần phải tỏ rõ nghị lực của mình, chứng minh là nó không cuốn ngọn cờ của nó lại trước sự đe dọa", rằng "trật tự quân chủ chỉ phù hợp với những cơ quan tự do khi nào những cơ quan này là kết quả của một sự phát triển hoà bình, là sáng kiến bình tĩnh của bản thân chính quyền tối cao", và ông ta đã khuyên nên lập một chính quyền "mạnh và tự do chủ nghĩa" hoạt động với sự giúp đỡ của "một cơ quan lập pháp được củng cố và đổi mới với những thành phần được bầu cử ra"**. Còn đối với một người như ông Tsi-tsê-rin chẳng hạn, thì công nhận cái chính sách của Ni-cô-lai II đáng chỉ trích hơn, là một việc hoàn toàn tự nhiên, bởi vì trong triều đại của đức vua ấy, sự phát triển một cách hoà bình và sáng kiến bình tĩnh của bản thân chính quyền tối cao *có thể* đã đưa đến những cơ quan tự do rồi. Nhưng loại lập luận như thế ở miệng của một người đã từng thề lời thề chiến đấu của An-ni-ban, có thật tự nhiên, có thật đúng đắn không?

Và cả về thực tế ông R. N. X. cũng không đúng. "Bây giờ,— ông ta nói khi so sánh triều đại hiện nay với triều đại trước đây, — ... không một ai thực sự nghĩ đến một cuộc cách mạng bạo lực, như những nhà hoạt động thuộc nhóm "Dân ý" nữa". Parlez pour vous, monsieur! Xin ông hãy nói cho bản

* Tr. 205. "Điều đó thật ngạc", ông R. N. X. nói khi chú giải ở đoạn này. Hoàn toàn đúng. Song đây há chẳng cũng là thứ đất sét nặn ra những lập luận trên đây của ông R. N. X. ở tr. XI - XII trong bài tựa của ông ta hay sao?

** "Điều trần" của Vít-te, tr. 122- 123. "Hiến pháp của bá tước Lô-rít-Mê-li-cốp", tr. 24.

thân ông thôi! Chúng tôi biết một cách đích xác rằng phong trào cách mạng ở Nga trong triều đại gần đây không những không chết đi và không yếu đi so với triều đại trước, mà ngược lại, nó lại tái sinh và lớn mạnh lên gấp nhiều lần. Và phong trào "cách mạng" gì mà trong số người tham gia lại không có một ai thực sự nghĩ đến một cuộc cách mạng bạo lực? Có thể người ta sẽ phản đối chúng tôi rằng, trong những dòng trích dẫn trên của ông R. N. X. không có ý nói đến một cuộc cách mạng bạo lực nói chung, mà có ý nói đến một cuộc cách mạng riêng theo kiểu của nhóm "Dân ý", tức là một cuộc cách mạng đồng thời vừa có tính chất chính trị, vừa có tính chất xã hội, một cuộc cách mạng không những nhằm lật đổ nền quân chủ chuyên chế, mà còn nhằm cướp chính quyền nữa. Ý kiến phản đối đó không có căn cứ, bởi vì thứ nhất, đối với chế độ quân chủ chuyên chế với tư cách là chế độ quân chủ chuyên chế (nghĩa là đối với chính phủ quân chủ, chứ không phải đối với "giai cấp tư sản" hay đối với "xã hội"), thì điều quan trọng hoàn toàn không phải là người ta muốn lật đổ nó *để làm gì*, mà là *cái sự thật là* người ta muốn lật đổ nó. Và, thứ hai, chính những nhà hoạt động thuộc nhóm "Dân ý", ngay từ đầu triều đại A-lếch-xan-đơ III, đã "đệ" lên chính phủ hai điều cần chọn lấy một, đúng như những người dân chủ - xã hội đã đặt ra trước Ni-cô-lai II: hoặc đấu tranh cách mạng, hoặc từ bỏ chế độ quân chủ chuyên chế. (Xem bức thư của Ban chấp hành của tổ chức "Dân ý" gửi A-lếch-xan-đơ III ngày 10 tháng Ba 1881, trong đó đặt hai điều kiện: 1. ân xá đối với tất cả những tội phạm chính trị và 2. triệu tập đại biểu của toàn thể nhân dân Nga, với quyền phổ thông đầu phiếu và tự do báo chí, tự do ngôn luận và hội họp). Và chẳng chính bản thân ông R. N. X. biết rất rõ là có rất nhiều người, không phải chỉ trong giới trí thức, mà cả trong giai cấp công nhân nữa, "đang thật sự nghĩ" đến một cuộc cách mạng bạo lực: các bạn hãy nhìn vào trang XXXIX và những trang sau đó trong bài của ông

ta, trong đó nói đến "đảng dân chủ - xã hội cách mạng", đảng có đủ "cơ sở quần chúng rộng rãi và lực lượng trí tuệ", đang tiến tới một cuộc "đấu tranh chính trị kiên quyết", "một cuộc đấu tranh đẫm máu của nước Nga cách mạng chống chế độ quân chủ - quan liêu" (XLI). Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, "những lời nói có thiện ý" đó của ông R. N. X. chỉ là một thủ đoạn đặc biệt, một mưu mô nhằm tác động đến chính phủ (hay là đến "dư luận xã hội") bằng cách thuyết phục người ta tin tưởng vào sự khiêm tốn của ông ta (hay của người khác).

Vả lại, ông R. N. X. nghĩ rằng có thể giải thích khái niệm đấu tranh một cách rất rộng rãi. Ông ta viết: "Thủ tiêu hội đồng địa phương sẽ đem lại cho công tác tuyên truyền cách mạng một con chủ bài rất lớn — chúng tôi hoàn toàn khách quan (sic!) khi nói điều đó, mà không có cảm giác gì ghê tởm đối với cái người ta thường gọi là hoạt động cách mạng, nhưng chúng tôi lại không tán dương và ham thích cái hình thức đấu tranh đó (sic!) cho tiến bộ chính trị và xã hội". Câu này thật rất đáng chú ý. Nếu đưa ra xem xét kỹ cái câu quasi¹⁾ - thông thái phổ trương một cách hoàn toàn không hợp lúc cái "khách quan" đó (một khi tác giả đã tự mình đặt vấn đề thích hình thức hoạt động này hay hình thức hoạt động khác, thích hình thức đấu tranh này hay hình thức đấu tranh kia, thì nói đến sự khách quan trong thái độ của mình cũng giống như so sánh hai lần hai với một cây nến⁴⁵⁾, — thì sẽ tìm ra được ở đó một luận cứ hết sức cũ kỹ: các ngài cầm quyền, các ngài có thể tin ở tôi nếu tôi đem cách mạng ra dọa các ngài, vì tôi không ưa cách mạng một chút nào cả. Viện dẫn sự khách quan chẳng qua chỉ là một lá nho để che đậy lòng căm ghét chủ quan đối với cách mạng và hoạt động cách mạng mà thôi. Mà ông R. N. X. thì cần đến sự che đậy đó, vì một sự căm ghét như

1) — có vẻ

vậy hoàn toàn không thể nào dung hợp được với lời thề đấu tranh An-ni-ban.

Nhưng chúng ta có nhầm lẫn đối với vị An-ni-ban đó chăng? Ông ta đã thề lời thề đấu tranh với những người La-mã thực chẳng, hay là chỉ đấu tranh cho sự tiến bộ của Các-ta-giơ, sự tiến bộ mà cuối cùng, dĩ nhiên đã làm hại cho La-mã? Có thể hiểu chữ đấu tranh một cách không "hẹp hòi" như thế được chăng? Ông R. N. X. cho rằng có thể. Cuộc đấu tranh chống nền quân chủ chuyên chế — nếu đối chiếu lời thề An-ni-ban với đoạn đã trích dẫn trên đây thì phải như vậy — biểu hiện ở những "hình thức" khác nhau: một hình thức là đấu tranh cách mạng, bí mật; còn hình thức khác là nói chung, "đấu tranh cho sự tiến bộ về chính trị và xã hội", tức là nói một cách khác, hoạt động hòa bình, hợp pháp nhằm gieo rắc văn hóa trong cái giới hạn mà chế độ quân chủ cho phép. Chúng tôi không chút nghi ngờ rằng, dưới chế độ quân chủ chuyên chế cũng có thể tiến hành một hoạt động hợp pháp thúc đẩy sự tiến bộ của nước Nga: trong một số trường hợp thì thúc đẩy khá nhanh sự tiến bộ về kỹ thuật, trong một số ít trường hợp thì thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, với một mức độ chẳng nghĩa lý gì, và trong những trường hợp hoàn toàn đặc biệt và với những phạm vi rất nhỏ bé thì thúc đẩy sự tiến bộ về chính trị. Có thể tranh cãi về vấn đề: cái tiến bộ tí xíu đó lớn bằng chừng nào và có khả năng đạt được mức độ nào thứ tiến bộ đó, những trường hợp tiến bộ cá biệt đó có khả năng nào trong việc làm tê liệt sự hủ hoá đồng đảo quần chúng về mặt chính trị mà chế độ quân chủ chuyên chế đã gây ra ở khắp mọi nơi, một cách thường xuyên. Nhưng lấy cái hoạt động hoà bình công khai mà đưa — dù chỉ là một cách gián tiếp — vào khái niệm đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế, như thế có nghĩa là góp phần vào việc hủ hóa quần chúng đó, có nghĩa là làm yếu cái ý thức vốn đã hết sức yếu ớt trong người thường dân Nga

về trách nhiệm của mình, với tư cách là một người công dân, đối với *tất cả* mọi hành động của chính phủ.

Tiếp thay, Ông R. N. X. không phải là người duy nhất trong số những nhà văn bất hợp pháp muốn xoá nhoà sự phân biệt giữa đấu tranh cách mạng và công tác giáo dục một cách hoà bình. Ông R. N. X. có vị tiền bối là ông R. M., tác giả bài "Thực tại của nước ta" đăng trong một tờ báo nổi tiếng, tờ "Phụ trương đặc biệt của báo "Tư tưởng công nhân"⁴⁶ (tháng Chín 1899). Phản đối những người dân chủ - xã hội - cách mạng, ông ta viết: "Vì cuộc đấu tranh cho quyền tự quản xã hội của các thành phố và các hội đồng địa phương, đấu tranh cho nhà trường công cộng, đấu tranh cho toà án công cộng, đấu tranh cho sự cứu tế xã hội đối với dân chúng bị đói, v. v. đều là đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế... Cuộc đấu tranh xã hội đó, do một sự hiểu lầm kỳ quái nào đấy mà đã không làm cho nhiều nhà văn cách mạng Nga chú ý tới một cách có thiện ý, cuộc đấu tranh đó, như chúng ta đã thấy, đã được xã hội Nga tiến hành không phải chỉ từ hôm qua... Vấn đề thực sự là ở chỗ những tầng lớp xã hội riêng rẽ đó làm thế nào... để tiến hành cuộc đấu tranh đó chống chế độ quân chủ chuyên chế một cách có kết quả hơn... Còn đối với chúng ta, vấn đề chính là: công nhân chúng ta cần tiến hành như thế nào cuộc đấu tranh xã hội đó chống chế độ quân chủ chuyên chế, — những người cách mạng chúng ta coi phong trào công nhân là phương tiện tốt nhất để lật đổ nền quân chủ chuyên chế" (tr. 8 - 9). Như bạn đọc thấy đấy, ông R. M. cho là không cần thiết phải che đậy ác cảm của ông ta đối với những người cách mạng; ông ta tuyên bố thẳng rằng sự đối lập hợp pháp và công tác hoà bình đã là đấu tranh với nền quân chủ, và thậm chí cho rằng vấn đề chủ yếu là xét xem công nhân cần phải tiến hành cuộc đấu tranh " *ấy*" như thế nào. Ông R. N. X. hoàn toàn không phải là chất phác và thành thật như thế đâu, song sự giống nhau giữa các khuynh hướng chính trị ở vị theo chủ nghĩa tự do

của chúng ta và vị hết sức tán thành phong trào thuần túy công nhân đã lộ ra một cách khá rõ rệt*.

Còn về "chủ nghĩa khách quan" của ông R. N. X., thì chúng ta cần thấy rằng đôi khi ông ta vút hẳn nó đi. Ông ta "khách quan" khi nói đến phong trào công nhân, đến sự lớn mạnh về tổ chức của nó, đến cuộc đấu tranh tương lai không thể tránh được giữa những người dân chủ - xã hội cách mạng với nền quân chủ, khi nói rằng việc tổ chức những người tự do chủ nghĩa thành một đảng bí mật sẽ là kết quả không thể tránh khỏi của việc thủ tiêu hội đồng địa phương. Tất cả những điều đó được trình bày một cách rất khéo léo và rất tinh tảo, tinh tảo đến nỗi có thể vui sướng khi thấy trong các nhóm tự do chủ nghĩa phổ biến một quan niệm đúng đắn về phong trào công nhân ở Nga. Nhưng khi ông R. N. X. bắt đầu, không phải nói về cuộc đấu tranh với kẻ thù, mà nói về khả năng kẻ thù có thể "nhẫn nhục", — thì ông ta liền mất ngay cái "khách quan" của mình, bộc lộ những cảm giác của mình, và thậm chí từ chỗ dùng thể kể chuyện, ông đã chuyển sang thể mệnh lệnh.

" Sự việc sẽ không dẫn đến một cuộc đấu tranh cuối cùng và đẫm máu giữa nước Nga cách mạng với chế độ quân chủ - quan liêu, chỉ trong trường hợp nếu trong những người nắm chính quyền có những người

* "Các tổ chức kinh tế của công nhân — ông R. N. X. nói ở một chỗ khác — là trường học giáo dục chính trị thực sự cho quần chúng công nhân". Chúng tôi muốn khuyên tác giả thận trọng hơn khi dùng cái từ còn con "thực sự" đó, cái từ đã bị các hiệp sĩ của chủ nghĩa cơ hội làm hỏng đi rồi. Không thể phủ nhận rằng, trong những điều kiện nhất định, thì cả các tổ chức kinh tế của công nhân cũng có thể đem lại cho họ nhiều về mặt giáo dục chính trị (cũng như không thể phủ nhận rằng, trong những điều kiện khác, chúng có thể đem lại một cái gì đó để làm hỏng họ về mặt chính trị). Song giáo dục chính trị thực sự cho quần chúng công nhân, thì chỉ có sự tham gia mọi mặt của họ vào phong trào cách mạng, cho đến cả chiến đấu công khai ở đường phố, cho đến cả nội chiến chống lại bọn bảo vệ chế độ nô lệ về chính trị và kinh tế, mới đem lại cho họ được.

có đủ can đảm nhẫn nhục trước lịch sử và làm cho nhà chuyên chế nhẫn nhục trước lịch sử... Không còn nghi ngờ gì nữa, trong số quan lại cao cấp có những người không tán thành cái chính sách phản động... Họ là những người duy nhất có khả năng đến gần ngai vàng, nhưng họ lại chưa bao giờ dám lớn tiếng nói rõ quan niệm của mình... Nhưng cũng có thể là cái bóng đen to lớn của sự trừng phạt lịch sử không thể tránh khỏi, cái bóng đen của những sự kiện vĩ đại sẽ làm cho giới cầm quyền dao động, và sẽ phá huỷ kịp thời cái chế độ hà khắc của nền chính trị phản động. Muốn thế, giờ đây chỉ cần tương đối ít... Có thể là nó (chính phủ) cũng sẽ hiểu không chậm quá cái nguy cơ rất tai hại muốn giữ chế độ quân chủ chuyên chế bằng mọi cách. Có thể là tuy chưa vấp phải cách mạng nhưng bản thân nó sẽ bị mệt mỏi vì cuộc đấu tranh của nó với sự phát triển tự nhiên, cần thiết về mặt lịch sử, của tự do, và sẽ dao động trong chính sách "không điều hoà" của nó. Khi không còn triệt để trong cuộc đấu tranh với tự do, nó bắt buộc sẽ phải mở cửa ngày càng rộng cho tự do. Có thể... không, không phải chỉ có thể, mà *sẽ là như thế!*" (Do tác giả viết ngả).

A-men! Đối với đoạn độc thoại thiện ý và cao siêu ấy, chúng ta chỉ còn có thể nói như thế mà thôi. An-ni-ban của chúng ta tiến nhanh đến nỗi đã xuất hiện trước mắt chúng ta dưới một hình thức thứ ba: hình thức thứ nhất — đấu tranh với chế độ quân chủ; hình thức thứ hai — gieo rắc văn hóa; hình thức thứ ba — kêu gọi kẻ thù nhẫn nhục và mưu toan dọ nó bằng một cái "bóng". Kinh khủng thay! Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông R. N. X. đáng kính rằng chính những cái "bóng" ấy là cái mà bọn giả nhân giả nghĩa trong chính phủ Nga sợ nhất trần đời. Và ngay trước khi niệm câu thần chú bóng đen đó, tác giả của chúng ta, sau khi chỉ rõ sự phát triển của các lực lượng cách mạng và sự bùng nổ cách mạng tương lai, đã kêu lên: "Chúng tôi hết sức đau buồn khi thấy trước những sự hy sinh kinh khủng về nhân lực và về lực lượng văn hóa, gây nên bởi cái chính sách bảo thủ - xâm lược ấy, một chính sách điên rồ không có ý nghĩa chính trị và cũng không có một chút căn cứ đạo đức nào". Cái kết thúc của sự suy luận ấy về sự bùng nổ cách mạng đã hé cho ta thấy cái vực sâu thăm biết bao của những

giáo lý và những lời đường mật! Tác giả hoàn toàn không hiểu một chút gì rằng nếu như nhân dân Nga, dầu chỉ có một lần, cho chính phủ một bài học thích đáng, thì điều đó sẽ có một ý nghĩa lịch sử to lớn biết chừng nào. Đáng lẽ phải chỉ rõ những "sự hy sinh kinh khủng" do chế độ chuyên chế đã và đang gây nên mà nhân dân phải chịu đựng, để gây căm hờn và phẫn nộ, kích thích sự sẵn sàng và hăng say chiến đấu, — đáng lẽ làm như thế thì ngài lại viện dẫn đến những sự hy sinh *tương lai* để làm cho người ta rời bỏ đấu tranh. Hừ, thôi đi, thưa các ngài! Thà hoàn toàn không suy luận đến "cuộc bùng nổ cách mạng", còn hơn là phá hỏng suy luận đó bằng cách kết thúc như vậy. *Làm* "những sự kiện vĩ đại" thì rõ ràng là các ngài không muốn, các ngài chỉ muốn nói đến "cái bóng của những sự kiện vĩ đại" và chỉ nói với một mình "những người có khả năng đến gần ngai vàng".

Ai cũng rõ rằng loại đàm thoại với bóng và về bóng như thế đây rầy trên báo chí hợp pháp ở nước ta. Để làm cho những bóng đó có tính chất hiện thực, thường người ta hay dẫn ra "những cải cách vĩ đại" để làm ví dụ, và ca tụng những cải cách đó một cách đối trá có điều kiện. Đối với nhà văn bị kiểm duyệt, đôi khi không thể không tha thứ sự đối trá đó, vì họ không thể dùng cách khác để tỏ nguyện vọng muốn cải cách chính trị của họ. Nhưng đối với ông R. N. X. thì không có kiểm duyệt. "Những cải cách vĩ đại — ông ta viết — được nghĩ ra không phải là để đem lại thắng lợi to lớn cho bọn quan lại". Các bạn xem, lời ca ngợi đó quanh co đến mức độ nào. *Do ai* "nghĩ ra"? Do Ghéc-txen, Tséc-nư-sép-xki, Un-cốp-xki và những người đi với họ chăng? Nhưng những người đó đòi hỏi vô cùng nhiều hơn điều mà "những cải cách" đã thực hiện, và do những đòi hỏi đó mà họ bị cái chính phủ tiến hành những "cải cách vĩ đại" đó khủng bố. — Hay là do chính phủ và những người đã tán tụng một cách mù quáng và hùa theo

nó mà nhe răng cắn những kẻ "gây sự" chẳng? Nhưng chính phủ đã làm mọi cái có thể được và không thể được, để nhân nhượng càng ít càng tốt, để cắt xén những yêu sách dân chủ và cắt xén *chính là* "để đem lại thắng lợi to lớn cho bọn quan lại". Ông R. N. X. biết rất rõ tất cả những sự kiện lịch sử đó và sở dĩ che đậy những việc ấy đi, chỉ vì nó bác bỏ hoàn toàn cái lý thuyết khoan hậu của ông ta về khả năng "nhẫn nhục" của nhà chuyên chế. Trong chính trị không có chỗ cho sự nhẫn nhục, và chỉ có sự ngây ngô vô hạn (sự ngây ngô vừa thần thánh vừa lấu lỉnh) mới có thể coi cái biện pháp cảnh sát lâu đời sau đây là sự nhẫn nhục: divide et impera, chia để trị, nhân nhượng cái không quan trọng để giữ lại cái chủ yếu, cho bằng tay trái và lấy lại bằng tay phải. "... Chính phủ A-lếch-xan-đơ II, khi nghĩ ra và thi hành "những cải cách vĩ đại" đã đồng thời không đặt cho mình cái mục đích tự giác là bất cứ bằng một giá nào cũng phải cắt đứt cho bằng được mọi con đường hợp pháp đi đến tự do chính trị của nhân dân Nga, đã không đứng trên quan điểm đó để cân nhắc mỗi bước đi của mình, mỗi điều khoản luật lệ". Điều đó *không đúng sự thật*. Chính phủ A-lếch-xan-đơ II, "khi nghĩ ra" cũng như khi thi hành những cải cách đó, đã đặt cho mình ngay từ đầu một mục đích hoàn toàn tự giác là không nhượng bộ những yêu sách đòi tự do chính trị đã được nêu ra ngay từ lúc đó. Chính phủ ngay từ đầu đến cuối đã cắt đứt mọi con đường hợp pháp đi đến tự do, vì nó đã dùng khủng bố để đáp lại ngay cả những sự thỉnh cầu thông thường, vì nó đã không bao giờ cho phép ngay cả là tự do nói về tự do. Để bác những lời tán tụng của ông R. N. X., chỉ cần dẫn ra dù chỉ là những sự kiện trình bày trong bản "Điều trần" của Vít-te mà chúng tôi đã trích dẫn trên kia, cũng đủ. Nói về những người trong chính phủ A-lếch-xan-đơ II, bản thân Vít-te phát biểu, chẳng hạn như thế này: "Cần phải thấy rằng những nhà hoạt động lỗi lạc của nhà nước thời kỳ những năm

60, mà tên tuổi vinh quang còn sẽ được giữ trong hậu thế biết ơn, lúc sinh thời đã làm biết bao nhiêu điều vĩ đại mà những người nối tiếp họ chưa chắc đã làm được; và họ đã nỗ lực để đổi mới chế độ nhà nước và chế độ xã hội của chúng ta theo những niềm tin thành khẩn của họ, với lòng trung thành vô hạn đối với Hoàng thượng và không ngược lại nguyện vọng của Người" (tr. 67 "Điều trần"). Đây, sự thật vẫn là sự thật: theo những niềm tin thành khẩn, với lòng trung thành vô hạn đối với Hoàng thượng cầm đầu một bầy cảnh sát...

Sau những điều nói trên, chúng ta không nên ngạc nhiên nữa khi thấy ông R. N. X. bàn rất ít về vấn đề quan trọng nhất là: vai trò của hội đồng địa phương trong cuộc đấu tranh cho tự do chính trị. Ngoài những dẫn chứng thông thường về công việc "thực tiễn" và "giáo dục" của hội đồng địa phương, ông ta nói lướt qua về "ý nghĩa giáo dục và chính trị" của nó, bảo rằng "hội đồng địa phương có ý nghĩa chính trị", rằng hội đồng địa phương, như ông Vít-te đã thấy rõ, "nguy hiểm (đối với chế độ hiện hành) chỉ vì xu hướng lịch sử của sự phát triển của nó với tính cách là phôi thai của một chế độ lập hiến". Và để kết luận những nhận xét mà ông ta như thể vì tình cờ đã để rơi tòm đó, ông ta đả kích những người cách mạng: "Chúng tôi đánh giá cao tác phẩm của ông Vít-te không phải chỉ vì nó nói lên sự thật về chế độ quân chủ chuyên chế, mà cũng còn vì nó là một chứng chỉ chính trị quý giá mà bản thân chủ nghĩa quan liêu đã cấp cho hội đồng địa phương. Cái chứng chỉ đó dùng để làm câu trả lời tuyệt tác cho tất cả những ai không đủ học thức chính trị hoặc vì ham mê những câu cách mạng (sic!) mà trước kia đã không muốn và hiện nay vẫn không muốn thấy ý nghĩa chính trị lớn lao của hội đồng địa phương Nga và của hoạt động giáo dục hợp pháp của nó". Thế thì ai đã tỏ ra không đủ học thức hoặc ham mê những câu trống rỗng? Ở đâu và khi nào? Ông R. N. X. không đồng ý với ai

và tại sao? Đối với điều này, không có câu trả lời, và sự đả kích của tác giả không nói gì hết, ngoài việc tuyên bố về ác cảm của ông ta đối với những người cách mạng, mà chúng ta đã quen với ác cảm đó ở những đoạn khác trong bài của ông ta. Điều chú giải sau đây, còn lạ lẫm hơn, cũng không làm sáng tỏ sự việc ra một tí nào: "Với những lời đó, chúng tôi hoàn toàn không muốn (!) xúc phạm đến những người hoạt động cách mạng, những người mà trước hết không thể không đánh giá cao tinh thần dũng cảm của họ trong cuộc đấu tranh chống bạo ngược". Nói như thế để làm gì? để đi đến đâu? Có một mối liên hệ nào giữa tinh thần dũng cảm và sự không biết đánh giá hội đồng địa phương? Ông R. N. X. thật ra càng ngày lại càng tệ hơn: lúc đầu thì "xúc phạm" đến những người cách mạng bằng những lời kết tội vu vơ và "vô danh" (nghĩa là không rõ nhằm chống ai) buộc cho họ là dốt nát và thích những câu trống rỗng, và giờ đây lại "xúc phạm" thêm đến họ bằng cách nghĩ rằng có thể bắt họ nuốt viên thuốc kết tội dốt nát đó, nếu đem mạ vàng nó đi bằng lời công nhận cái tinh thần dũng cảm của họ. Và thêm vào lối nói mập mờ, ông R. N. X. lại tự mâu thuẫn, và tuyên bố — làm như thể ông ta một lòng một dạ nhất trí với "những người say sưa với những câu cú cách mạng" — rằng "hội đồng địa phương Nga hiện thời... không phải là một đại lượng chính trị có thể thông qua lực lượng trực tiếp của mình mà gây lòng kính phục đối với kẻ khác, hoặc làm cho người khác phải sợ hãi... Nó hiện đang trầy trật lắm mới bảo vệ được cái vị trí nhỏ nhất của nó"... "Chỉ trong tương lai xa xôi và chỉ trong mối liên hệ với sự phát triển của toàn bộ nền văn hóa trong nước thì bản thân những cơ quan như thế (như hội đồng địa phương)... mới có thể đe dọa được chế độ ấy (quân chủ chuyên chế)".

VI

Vậy chúng ta hãy thử phân tích cái vấn đề mà ông R. N. X. nói đến một cách giận dữ và không có nội dung đến như thế. Những sự kiện mà chúng ta đưa ra trên đây, chứng tỏ rằng "ý nghĩa chính trị" của hội đồng địa phương, tức là ý nghĩa của nó, với tính cách là một yếu tố trong cuộc đấu tranh giành tự do chính trị, chủ yếu là như sau. Thứ nhất, tổ chức đó của các đại diện của những giai cấp hữu sản ở nước ta (và đặc biệt là của quý tộc có ruộng đất) thường xuyên đem những cơ quan được bầu cử ra đối lập với bộ máy quan liêu, gây nên những cuộc xung đột thường xuyên giữa chúng, luôn luôn chỉ rõ tính chất phản động của bọn quan lại Nga hoàng vô trách nhiệm, ủng hộ sự bất bình và nuôi dưỡng sự đối lập với chính phủ quân chủ *. Thứ hai, các hội đồng địa phương, bị gấn như bánh xe thứ năm vào cái xe quan liêu chủ nghĩa, đang cố gắng củng cố cái địa vị của chúng, cố gắng khuếch trương thanh thế của chúng, cố gắng — và thậm chí, theo lối nói của Vít-te, "đi một cách không tự giác" — đạt tới hiến pháp, bằng cách xin xoá hiến pháp. Vì thế mà chúng tỏ ra là một đồng minh vô dụng của chính phủ trong cuộc đấu tranh của chính phủ chống những người cách mạng; chúng giữ một thái độ trung lập thân thiện đối với những người cách mạng và mặc dầu là gián tiếp, nhưng rõ ràng chúng đã giúp cho họ, bằng cách gây ra, trong những giờ phút gay go, những sự dao động trong những biện pháp khủng bố của chính phủ. Tất nhiên, không thể coi những cơ quan mà từ trước đến nay giỏi lắm cũng chỉ có khả năng làm những việc xin xoá tự do chủ nghĩa và trung lập thân thiện, là một nhân tố độc lập "lớn", hoặc một nhân tố độc

* Xem giải thích hết sức tỉ mỉ khía cạnh đó của vấn đề trong cuốn của P. B. Ác-xen-rốt "Hoàn cảnh lịch sử và mối quan hệ qua lại giữa dân chủ tự do chủ nghĩa và dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Nga" (Giơ-ne-vơ, 1898), nhất là tr. 5,8, 11 - 12, 17 - 19.

lập nào đó nói chung trong cuộc đấu tranh chính trị, nhưng phủ nhận vai trò của một trong những nhân tố *phụ* của hội đồng địa phương thì không nên. Với ý nghĩa đó chúng tôi thậm chí cũng sẵn sàng — nếu độc giả muốn — thừa nhận rằng hội đồng địa phương là một mẫu của hiến pháp. — Có thể bạn đọc sẽ bảo: vậy là anh đồng ý với ông R. N. X. chứ gì, vì ông ta cũng không khẳng định điều gì hơn. Hoàn toàn không phải như thế. Chính ở đây mới bắt đầu sự bất đồng ý kiến giữa chúng tôi.

Hội đồng địa phương là một mẫu của hiến pháp. Cứ cho là như thế đi. Nhưng đó chính là cái mẫu mà người ta dùng để làm cho "xã hội" Nga *không chú ý* đến hiến pháp. Đó chính là cái vị trí tương đối rất không quan trọng mà chế độ quân chủ chuyên chế nhượng bộ cho phong trào dân chủ đang lên để giữ lại những vị trí chủ yếu, để chia rẽ và ly gián những kẻ nào đòi những cải cách chính trị. Chúng ta đã thấy rằng sự ly gián đó, trên cơ sở "tín nhiệm" hội đồng địa phương ("phôi thai của chế độ lập hiến"), đã được thực hiện như thế nào trong những năm 60, và cả trong những năm 1880 - 1881. Vấn đề thái độ của hội đồng địa phương đối với sự tự do về chính trị là trường hợp cá biệt của vấn đề chung về thái độ của cải cách đối với cách mạng. Và thông qua trường hợp cá biệt đó chúng ta có thể thấy tất cả cái hẹp hòi và ngu xuẩn của thuyết Béc-stanh⁴⁷, một cái thuyết hợp thời trang chủ trương thay thế cuộc đấu tranh cách mạng bằng cuộc đấu tranh đòi cải cách, thuyết đó tuyên bố (qua miệng ông Béc-đi-a-ép chẳng hạn) rằng "nguyên tắc của tiến bộ là: tốt hơn thì càng tốt". Nguyên tắc đó, trong hình thái chung, cũng không đúng như nguyên tắc ngược lại — xấu hơn thì càng tốt. Tất nhiên, những người cách mạng không bao giờ từ chối cuộc đấu tranh đòi cải cách, không bao giờ từ chối việc chiếm lĩnh một vị trí đầu là không quan trọng và có tính chất cục bộ của địch, *nếu* vị trí đó tăng cường cuộc tấn công của họ và

làm cho họ dễ dàng giành được thắng lợi hoàn toàn. Song họ cũng không bao giờ quên rằng có những trường hợp chính kẻ thù nhượng bộ một vị trí không quan trọng nào đấy để ly gián những người tấn công, và đánh bại họ được dễ dàng hơn. Những người cách mạng không bao giờ quên rằng chỉ luôn luôn nhìn thấy "mục đích cuối cùng", chỉ có đứng trên quan điểm của toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng để đánh giá mỗi bước của "phong trào" và mỗi cải cách cá biệt, thì mới có thể đảm bảo cho phong trào khỏi những bước sai lệch và những sai lầm nhục nhã.

Mặt đó của vấn đề — ý nghĩa của hội đồng địa phương, với tính cách là công cụ *cứng cố* chế độ quân chủ chuyên chế bằng một sự nhượng bộ nửa vời, với tính cách là công cụ lôi kéo một bộ phận nhất định của xã hội tự do chủ nghĩa về phía quân chủ chuyên chế, — chính mặt đó, ông R. N. X. hoàn toàn không hiểu. Ông ta ưa nặn ra cho mình một sơ đồ lý thuyết giáo điều, cái sơ đồ gắn liền trực tiếp hội đồng địa phương với hiến pháp theo "công thức": tốt hơn thì càng tốt. "Nếu trước hết anh thủ tiêu hội đồng địa phương ở Nga, — ông ta nói với Vít-te, — rồi sau đó mới mở rộng quyền cá nhân, thì anh đã bỏ mất một cơ hội tốt nhất để mang lại cho nước nhà một hiến pháp ôn hoà, là hiến pháp mà về mặt lịch sử sẽ mọc lên trên cơ sở tự quản địa phương với màu sắc đảng cấp. Thế nào chẳng nữa, làm như vậy thì anh cũng phục vụ rất kém cho sự nghiệp của chủ nghĩa bảo thủ". Thật là một quan niệm cân đối và đẹp đẽ biết bao! Tự quản địa phương với màu sắc đảng cấp, — người bảo thủ sáng suốt, có khả năng đến gần ngai vàng — một hiến pháp ôn hoà. Chỉ tiếc là trong thực tế, những người bảo thủ sáng suốt đã nhiều lần nhờ có hội đồng địa phương mà tìm được "cơ hội tốt" để *không* "đem lại cho" nước nhà một hiến pháp.

"Quan niệm" hoà bình của ông R. N. X. đã biểu lộ ra

trong cái công thức của khẩu hiệu của ông ta mà ông ta dùng để kết thúc bài báo và in — chính với tính cách là một khẩu hiệu — thành một dòng riêng, với những chữ đậm nét: "Quyền hạn và các hội đồng địa phương có quyền lực ở khắp nước Nga!" Cần phải công khai thừa nhận rằng đây là sự ve vãn một cách xấu xa đối với những thành kiến chính trị của đông đảo những người tự do chủ nghĩa Nga, giống như chúng ta thấy từ "Tư tưởng công nhân" ve vãn những thành kiến chính trị của đông đảo quần chúng công nhân. Chúng ta có nghĩa vụ phải chống lại sự ve vãn đó cả trong trường hợp thứ nhất cũng như trong trường hợp thứ hai. Đây là cái thành kiến cho rằng hình như chính phủ A-lếch-xan-đrơ II không cắt con đường hợp pháp đi tới tự do, — hình như sự tồn tại của hội đồng địa phương là một cơ hội tốt nhất để đem lại cho nước nhà một hiến pháp ôn hoà, — hình như khẩu hiệu: "quyền hạn và các hội đồng địa phương có quyền lực" có thể làm ngọn cờ cho một phong trào — đây tôi chưa nói là phong trào cách mạng, mà ngay dù là phong trào lập hiến. Đó không phải là ngọn cờ giúp cho ta tách kẻ thù ra khỏi những người đồng minh, có thể hướng phong trào và lãnh đạo phong trào; đó là cái giẻ rách, nó sẽ chỉ giúp cho những người không đáng tin cậy nhất len lỏi vào phong trào, nó giúp cho chính phủ lại một lần nữa dễ thực hiện mưu toan trốn thoát bằng những lời hứa hẹn rất kêu và những cải cách nửa vời. Thật thế, không cần phải là nhà tiên tri cũng nói trước được rằng: phong trào cách mạng chúng ta sẽ đạt đến cao độ của nó — phong trào tự do chủ nghĩa sẽ tăng lên gấp mười lần trong xã hội — và trong chính phủ sẽ xuất hiện những Lô-rít - Mê-li-cốp và I-gna-chi-ép mới, bọn này sẽ viết lên trên lá cờ của chúng: "quyền hạn và các hội đồng địa phương có quyền lực". Ít ra thì đây cũng là lối thoát không có lợi nhất cho nước Nga và có lợi nhất cho chính phủ. Nếu một bộ phận khá đông những người tự do chủ nghĩa tin vào

lá cờ đó, và sau khi say sưa đi theo nó, bèn đánh vào sau lưng những người cách mạng — "gây sự", thì những người cách mạng có thể bị cô lập, và chính phủ sẽ cố đảm bảo cho mình những nhượng bộ tối thiểu, hạn chế trong một hiến pháp quý tộc và có tính chất tư vấn nào đấy. Âm mưu đó có thành công không, — điều đó còn tùy ở kết cục của cuộc chiến đấu quyết liệt giữa giai cấp vô sản cách mạng với chính phủ — nhưng chúng ta có thể cam đoan chắc chắn là những người tự do chủ nghĩa sẽ bị lừa gạt. Nhờ khẩu hiệu loại như khẩu hiệu mà ông R. N. X. đưa ra ("hội đồng địa phương có quyền lực" hoặc "chế độ hội đồng địa phương", v. v.), chính phủ sẽ dụ họ, như những con chó con, tách rời khỏi những người cách mạng, và khi đã dụ được họ rồi thì sẽ tóm lấy cổ tay họ và quật họ với những chiếc gậy của cái gọi là phản động. Và, thưa các ngài, bây giờ chúng tôi sẽ không khỏi nói: *thật đáng kiếp các ngài!*

Và vì lẽ gì mà đáng lý phải yêu cầu thủ tiêu chế độ quân chủ chuyên chế thì người ta lại nêu — như là một khẩu hiệu để kết thúc — cái nguyện vọng ôn hoà và thận trọng đó lên? Thứ nhất, vì chủ nghĩa không luận phi-li-xtanh, nó muốn "phục vụ cho chủ nghĩa thủ cựu" và tin rằng chính phủ sẽ cảm động vì thái độ ôn hoà đó và sẽ chịu "nhẫn nhục" trước nó. Thứ hai, là để "liên hiệp những người tự do chủ nghĩa". Thực tế, có thể là khẩu hiệu: "quyền hạn và các hội đồng địa phương có quyền lực" sẽ liên hiệp được *tất cả* những người tự do chủ nghĩa, — cũng hết như khẩu hiệu "mỗi đồng một xu" sẽ liên hiệp được (theo ý kiến của "phái kinh tế") *tất cả* công nhân. Nhưng há chẳng phải một sự liên hiệp *như thế* sẽ có hại chứ không có lợi, hay sao? Liên hiệp là có lợi, khi nào nó nâng những người được liên hiệp lên tới trình độ của cái cương lĩnh giác ngộ và kiên quyết của người đi liên hiệp. Liên hiệp là có hại, khi nó hạ những người được liên hiệp xuống ngang trình độ những

thành kiến của quần chúng. Mà trong đông đảo những người tự do chủ nghĩa nước Nga, rõ ràng là rất phổ biến cái thành kiến bảo rằng, hội đồng địa phương thực sự là "phôi thai của chế độ lập hiến"*, chỉ tình cờ do âm mưu của những sủng thần vô đạo đức mà sự phát triển một cách hoà bình "tự nhiên" và tiệm tiến của nó bị kìm hãm, — rằng chỉ cần vài lần cầu xin là đủ làm cho nhà chuyên chế chịu "nhấn nhục", — rằng công tác giáo dục hợp pháp nói chung, và công tác giáo dục của hội đồng địa phương nói riêng, có một "ý nghĩa chính trị lớn lao", nó giải thoát cho những kẻ chỉ thù địch ngoài

* Về vấn đề: có thể mong đợi được những gì ở hội đồng địa phương, những lời bình luận sau đây của công tước P. V. Đôn-gô-ru-cốp trong tờ "Báo khổ nhỏ"⁴⁸ của ông, xuất bản vào những năm 60 (Buốc-txép, s.d.d., tr. 64 - 67), không phải là không đáng chú ý: "Khi nghiên cứu những nguyên tắc chủ yếu làm cơ sở cho các cơ quan của hội đồng địa phương, chúng ta lại thấy vẫn cái tư tưởng thâm kín, song luôn luôn lộ ra ngoài, của chính phủ — làm cho người ta choáng váng vì lòng cao thượng của mình; tuyên bố âm ỉ: "đấy nhé, tôi đã biểu cho các anh biết là bao nhiêu!" Nhưng về thực chất thì cố cho càng ít càng tốt, và khi cố cho càng ít càng tốt thì lại cố gắng đặt những chướng ngại để cho những người được cho cũng không thể nào sử dụng những cái đã biểu... Hiện nay, trong cái trật tự quân chủ chuyên chế, những cơ quan hội đồng địa phương sẽ không đem lại và không thể đem lại lợi ích gì, sẽ không có và không thể có ý nghĩa gì, nhưng những cơ quan đó có rất nhiều mầm phát triển tốt trong tương lai... Chắc hẳn là vận mệnh đã uỷ thác cho những cơ quan hội đồng địa phương mới làm cơ sở cho chế độ lập hiến tương lai ở Nga... Nhưng trong khi chưa thực hiện hình thức quản trị theo hiến pháp ở Nga, trong lúc chế độ quân chủ chuyên chế đang còn tồn tại, trong lúc không có tự do báo chí, thì những cơ quan hội đồng địa phương vẫn phải chịu là một bóng ma chính trị, là những cuộc họp *câm lặng* của các đại biểu hội đồng địa phương". Như vậy là ngay hồi bấy giờ, giữa cao trào những năm 60, Đôn-gô-ru-cốp cũng không để cho mình quá lạc quan. Và từ bấy đến nay, 40 năm qua, đã dạy chúng ta rất nhiều và đã chỉ cho thấy rằng hội đồng địa phương đã được "vận mệnh" (và một phần cũng là được chính phủ) quy định là cơ sở cho cả một loạt biện pháp làm *choáng váng* những người theo phái lập hiến.

miệng với chế độ quân chủ chuyên chế, khỏi cái nhiệm vụ tích cực ủng hộ, dưới hình thức này hoặc hình thức khác, cuộc đấu tranh cách mạng chống lại chế độ quân chủ, và những điều khác nữa, v. v.,v. v.. Liên hiệp những người tự do chủ nghĩa lại — đó là một việc rõ ràng là hữu ích và đáng mong ước, song phải là một sự liên hiệp đặt cho mình cái mục đích đấu tranh chống những thành kiến cũ kỹ, chứ không phải ve vãn chúng, nâng cao trình độ trung bình của sự phát triển (nói cho đúng hơn là sự kém phát triển) của chúng ta về chính trị, chứ không phải chỉ khẳng định sự phát triển đó, — tóm lại, liên hiệp để ủng hộ cuộc đấu tranh bất hợp pháp, chứ không phải để nói những câu trống rỗng, cơ hội chủ nghĩa về ý nghĩa chính trị to lớn của hoạt động hợp pháp. Nếu không thể biện hộ cho việc đưa ra trước công nhân cái khẩu hiệu: "tự do bãi công" v. v., thì cũng không thể biện hộ cho việc đưa ra trước những người tự do chủ nghĩa cái khẩu hiệu: "các hội đồng địa phương có quyền lực". *Dưới chế độ quân chủ chuyên chế* bất cứ hội đồng địa phương nào, dầu là rất, rất, rất có "quyền lực", cũng nhất định sẽ là cái quái thai không có năng lực phát triển, còn *khi có hiến pháp*, thì hội đồng địa phương sẽ mất ngay cái ý nghĩa "chính trị" hiện nay của nó.

Liên hiệp những người tự do chủ nghĩa có thể tiến hành dưới hai hình thức: bằng cách lập một đảng tự do chủ nghĩa độc lập (dĩ nhiên là không hợp pháp) và bằng cách tổ chức sự giúp đỡ của những người tự do chủ nghĩa đối với những người cách mạng. Chính ông R. N. X. nói đến khả năng thứ nhất, nhưng... nếu coi những điều đó là biểu hiện thực tế của các triển vọng và khả năng thắng lợi của chủ nghĩa tự do, thì chúng cũng không đưa đến một sự lạc quan đặc biệt nào. Ông ta viết: "Nếu không có hội đồng địa phương, thì những người tự do chủ nghĩa của các hội đồng địa phương sẽ phải lập một đảng tự do chủ nghĩa hay là rời khỏi sân khấu lịch sử, với tính cách là một lực lượng có tổ chức. Chúng

tôi tin chắc rằng, tổ chức những người tự do chủ nghĩa vào một đảng bất hợp pháp, đầu rất ôn hoà về cương lĩnh và biện pháp, sẽ là cái kết quả tất yếu của việc thủ tiêu hội đồng địa phương". Nếu chỉ có "thủ tiêu" mà thôi, thì phải còn đợi rất lâu nữa, bởi vì ngay Vít-te cũng không muốn thủ tiêu hội đồng địa phương, còn chính phủ Nga thì nói chung rất chăm lo giữ lại cái bề ngoài, ngay cả nội dung bên trong hoàn toàn bị gạt đi hết. Đảng của những người tự do chủ nghĩa sẽ rất ôn hoà, — điều đó là hoàn toàn tự nhiên, và ta không thể chờ đợi một cái gì khác hơn ở phong trào của giai cấp tư sản (đảng tự do chủ nghĩa chỉ có thể tồn tại được dựa vào một phong trào như thế). Nhưng hoạt động của đảng đó, những "biện pháp" của nó phải gồm những gì? Ông R. N. X. không giải thích điều đó. "Bản thân nó, — ông ta bảo, — với tư cách là một tổ chức gồm những phần tử đối lập ôn hoà nhất và ít hoạt động nhất, đảng tự do chủ nghĩa bất hợp pháp không thể phát triển một hoạt động đặc biệt rộng rãi và đặc biệt mạnh mẽ"... Chúng tôi nghĩ rằng, trong một lĩnh vực nhất định, ngay dù là bị hạn chế bởi những giới hạn của quyền lợi địa phương, và chủ yếu là quyền lợi của hội đồng địa phương, đảng tự do chủ nghĩa hoàn toàn có thể phát triển một hoạt động vừa rộng rãi vừa mạnh mẽ — ví dụ như tổ chức những cuộc tố giác chính trị chẳng hạn... "Nhưng khi có một sự hoạt động như thế của các đảng khác, nhất là đảng dân chủ - xã hội hay công nhân, thì đảng tự do chủ nghĩa — đầu là không có thoả thuận trực tiếp với những người dân chủ - xã hội — vẫn có thể tỏ ra là một nhân tố rất quan trọng"... Hoàn toàn đúng; cho nên tự nhiên là bạn đọc chờ đợi tác giả vạch lên cái công việc của "nhân tố" đó, ít ra cũng là những nét hết sức khái quát. Nhưng đáng lẽ phải làm như thế thì ông R. N. X. lại đi tả sự trưởng thành của đảng dân chủ - xã hội cách mạng và kết thúc: "Khi có một phong trào chính trị rõ rệt... thì phe đối lập tự do chủ nghĩa, dù chỉ có tổ chức

đôi chút thôi, cũng có thể đóng một vai trò chính trị to lớn: các đảng ôn hoà, với sách lược khéo léo, khi nào cũng được lợi do cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt giữa những thành phần xã hội cực đoan"... Và chỉ có thế! "Vai trò" của "nhân tố" (nhân tố này đã kịp biến từ đảng thành "phe đối lập") là ở chỗ "được lợi" do cuộc đấu tranh ngày càng trở nên gay gắt. Về sự tham gia của những người tự do chủ nghĩa vào cuộc đấu tranh thì không hé đến nửa lời, còn về việc phái tự do chủ nghĩa được lợi thì lại nhắc đến. Đó là một sự lơ lơ có thể nói là do trời định...

Những người dân chủ - xã hội Nga không bao giờ nhắm mắt mà không thấy rằng tự do chính trị mà họ đấu tranh giành lấy trước hết, thì sẽ có lợi *trước hết* cho giai cấp tư sản. Chỉ có người xã hội chủ nghĩa nào đã lún sâu vào những thành kiến xấu xa nhất của chủ nghĩa không tưởng hay của chủ nghĩa dân túy phản động, thì mới lấy lý do đó để chống lại cuộc đấu tranh với nền quân chủ chuyên chế. Giai cấp tư sản sẽ lợi dụng tự do để an hưởng những thành quả của họ, còn giai cấp vô sản thì cần đến tự do để mở hết sức rộng rãi cuộc đấu tranh của họ cho chủ nghĩa xã hội. Và đảng dân chủ - xã hội sẽ không ngừng tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng, đầu thái độ của các tầng lớp khác nhau trong giai cấp tư sản đối với cuộc đấu tranh đó có thể nào chẳng nữa. Vì lợi ích của cuộc đấu tranh chính trị mà chúng ta phải ủng hộ mọi sự đối lập với ách quân chủ chuyên chế, không kể nó biểu hiện ra vì lý gì và không kể nó biểu hiện ở tầng lớp xã hội nào. Vì thế mà đối với chúng ta, sự đối lập của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa ở nước ta nói chung, và của những người trong hội đồng địa phương ở nước ta nói riêng, không phải là không đáng chú ý. Nếu những người tự do chủ nghĩa biết tổ chức nhau lại thành một đảng bất hợp pháp — thì càng tốt; chúng ta sẽ chào mừng sự lớn mạnh về ý thức chính trị trong các giai cấp hữu sản, chúng ta sẽ ủng hộ những đòi hỏi của họ, chúng ta sẽ cố gắng

làm cho hoạt động của những người tự do chủ nghĩa và những người dân chủ - xã hội sẽ bổ sung lẫn cho nhau*. Nếu họ không biết tổ chức như thế — thì cả trong trường hợp đó (trường hợp này thì chắc hơn) chúng ta sẽ không "bỏ mặc" họ, chúng ta sẽ cố gắng củng cố những mối liên hệ với những cá nhân riêng rẽ, giới thiệu họ với phong trào chúng ta, ủng hộ họ bằng cách vạch mặt trên báo chí công nhân tất cả và bất cứ hành động xấu xa nào của chính phủ và mọi âm mưu của chính quyền địa phương, lôi cuốn họ ủng hộ những người cách mạng. Sự trao đổi giúp đỡ lẫn nhau như thế giữa những người tự do chủ nghĩa và những người dân chủ - xã hội hiện nay cũng đang diễn ra, nó chỉ cần được mở rộng và củng cố. Tuy bao giờ cũng sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, nhưng chúng ta không bao giờ, bất cứ trong trường hợp nào, từ chối việc đấu tranh kiên quyết với những ảo tưởng, còn rất nhiều trong cái xã hội Nga kém phát triển về chính trị nói chung, và trong xã hội tự do chủ nghĩa của Nga nói riêng. Sau khi sửa đổi câu nói nổi tiếng của Mác về cuộc cách mạng năm 1848 thì về thực chất, cả về phong trào cách mạng ở Nga chúng ta có thể nói rằng sự tiến bộ của nó không phải ở chỗ giành được một số thành quả tích cực nào đó, mà ở chỗ giải thoát được những ảo tưởng có hại⁵⁰. Chúng ta đã tự giải thoát khỏi những ảo tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ và của chủ nghĩa xã hội dân túy, khỏi thái độ coi thường chính trị, khỏi

* Bốn năm trước đây, người viết những dòng này đã có lần nói rõ lợi ích của một đảng tự do, khi nói đến đảng "Dân quyền"⁴⁹. Xem "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga" (Giơ-ne-vơ, 1898): "... Nhưng nếu đảng đó ("Dân quyền") cũng gồm cả những nhà chính trị thật sự, không phải xã hội chủ nghĩa, những người dân chủ không phải xã hội chủ nghĩa, chứ không phải là những nhà chính trị đeo mặt nạ, — thì như thế, đảng đó có thể có ích khá lớn khi ra sức găn giữ những phần tử đối lập về chính trị trong giai cấp tư sản nước ta ..." (tr. 26)¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2. tr. 578.

lòng tin vào sự phát triển độc đáo của nước Nga, khỏi quan niệm cho rằng nhân dân sẵn sàng làm cách mạng, khỏi cái lý thuyết cho rằng giới trí thức anh hùng sẽ là người cướp chính quyền và tiến hành cuộc độc chiến với chế độ quân chủ.

Đã đến lúc mà những người tự do chủ nghĩa ở nước ta cần tự giải thoát khỏi cái ảo tưởng — hầu như vô căn cứ nhất về mặt lý luận, nhưng lại hết sức dai dẳng trong thực tiễn — cho rằng hình như vẫn còn có thể thương nghị được với chế độ quân chủ chuyên chế Nga, hình như hội đồng địa phương nào đó là phôi thai của chế độ lập hiến, hình như những người thành thật theo phái lập hiến có thể thực hiện được lời thề An-ni-ban của họ bằng cách nhẫn nại hoạt động hợp pháp và nhẫn nại kêu gọi kẻ thù quy phục.

LỜI THỨ NHẬN QUÝ GIÁ

Gần đây làn sóng đấu tranh của công nhân lại bắt buộc khắp nơi phải bàn tán nhiều về nó. Và cả giới cầm quyền cũng đâm lo lắng, lo lắng thật sự: điều này có thể thấy rõ, khi giới cầm quyền đã xét là cần thiết phải "phạt" đình chỉ xuất bản một tuần lễ ngay cả một tờ báo hết sức có thiện ý và xưa nay vẫn vốn vãn tán tình nhà đương cục, như tờ "Thời mới"⁵¹, vì trong số báo 9051 (ra ngày 11 tháng Năm) có đăng bài "Về những vụ lộn xộn trong công nhân". Tờ báo bị phạt, tất nhiên không phải là do nội dung bài báo; nội dung bài báo đó chứa đầy những tình cảm tốt đẹp nhất đối với chính phủ và sự quan tâm chân thành nhất đến lợi ích của chính phủ. Bất kỳ cuộc thảo luận nào về những sự kiện "làm chấn động xã hội" đó, bất kỳ cuộc nhắc nhở nào về tính chất phổ biến và tầm quan trọng của các sự kiện đó, cũng đều bị coi là nguy hiểm. Tờ thông tư bí mật (cũng ra ngày 11 tháng Năm) mà chúng tôi dẫn ra dưới đây, quy định rằng *chỉ khi nào được phép của Cục cảnh sát*⁵² thì báo chí mới được đăng những bài nói về những vụ lộn xộn trong các công xưởng và nhà máy của chúng ta và về thái độ của thợ đối với chủ, - tờ thông tư đó đã chứng tỏ rõ hơn bất cứ một suy luận nào rằng chính chính phủ có xu hướng muốn coi các cuộc đấu tranh của công nhân là những sự kiện có tầm quan trọng quốc gia. Bài báo đăng trong tờ "Thời mới" sở dĩ đặc biệt đáng chú ý chính vì nó đã nêu lên toàn bộ cương

lĩnh của nhà nước; về thực chất toàn bộ cương lĩnh này chung quy lại là nhằm bóp nghẹt sự bất bình bằng một vài bố thí nhỏ nhặt và có phần nào đối trá, ban ra dưới nhãn hiệu rất kêu là bảo trợ, ân cần v.v. và tạo nên lý do cho bọn quan lại tăng cường giám sát. Nhưng bản cương lĩnh không lấy gì làm mới đó thể hiện, nếu có thể nói như thế, sự khôn ngoan "tuyệt đỉnh" của các chính khách đương thời, thậm chí không chỉ ở Nga, mà cả ở các nước phương Tây nữa: trong một xã hội còn dựa trên chế độ tư hữu và dựa trên tình trạng một nhóm thợ phủ đàn áp hàng triệu nhân dân lao động nghèo khổ, thì chính phủ không thể không là người bạn và người đồng minh trung thành nhất của bọn bóc lột, không thể không là tên lính gác trung thành nhất bảo vệ quyền lực của chúng. Nhưng ở thời đại chúng ta hiện nay, nếu muốn là một tên lính gác đáng tin cậy, mà chỉ có súng cối, lưỡi lê và roi da thì không đủ: còn cần phải làm cho các tầng lớp bị bóc lột nghĩ rằng chính phủ đứng trên các giai cấp, rằng chính phủ không phục vụ lợi ích của quý tộc và tư sản, mà phục vụ lợi ích của chính nghĩa, rằng chính phủ quan tâm bảo vệ những người nghèo khổ và yếu đuối, chống lại bọn giàu có và cường bạo v.v.. Na-pô-lê-ông III ở Pháp, Bi-xmác và Vin-hem II ở Đức đã tốn khá nhiều công sức để ve vãn công nhân như thế. Nhưng ở châu Âu, do có ít nhiều tự do báo chí và quyền dân biểu, do có đấu tranh tuyển cử và có các chính đảng đã hình thành, cho nên tất cả những mưu mô giả nhân giả nghĩa đó đã bị vạch trần quá ư nhanh chóng. Ở châu Á, kể cả ở Nga, do quần chúng nhân dân còn bị u mê, ngu muội, do những thành kiến làm cho người ta giữ vững lòng tin vào Đức vua còn mạnh, cho nên những âm mưu lừa bịp như trên còn thu được kết quả lớn. Thế nhưng, *sự thất bại* của chính sách nói trên trong vòng từ 10 đến 20 năm gần đây là một trong những dấu hiệu rất ư đặc biệt, chứng tỏ rằng tinh thần Âu châu đang thâm nhập cả vào nước Nga. Chính sách đó được

lặp đi lặp lại nhiều lần, nhưng lần nào cũng thế, cứ vài năm sau khi ban bố một sắc lệnh "bảo trợ" nào đó đối với công nhân (chỉ hình như là bảo trợ thôi), thì tình hình lại trở lại như cũ: số công nhân bất mãn tăng thêm, sự bất bình lan rộng và những làn sóng đấu tranh sôi sục hơn; chính sách "bảo trợ" lại được đưa ra một cách ôn ào, âm ỉ, những lời nói hoa mỹ về sự bảo trợ ân cần đối với công nhân lại được tuôn ra từng tràng; một sắc lệnh nào đó lại được ban bố, trong đó bên cạnh một chút xíu điều có lợi cho công nhân, là cả một đống những điều rỗng tuếch và đối trá, - và sau một vài năm thì đầu lại hoàn đầy. Chính phủ quay cuồng y như con sóc chạy trên cái bánh xe đu; nó ra sức cầm miếng giẻ rách để bưng chỗ này, bịt chỗ kia, hòng ngăn cản nổi bất bình của công nhân, nhưng nổi bất bình đó vẫn bùng nổ ra hoặc ở nơi này hoặc ở nơi khác, và nổ ra ngày càng mạnh hơn.

Quả vậy, mời các bạn hãy nhớ lại những cái mốc lớn nhất, đánh dấu lịch sử "pháp chế công nhân" ở Nga. Vào cuối những năm 70 nổ ra những cuộc bãi công rất lớn ở Pê-téc-bua; những người xã hội chủ nghĩa tìm cách lợi dụng cơ hội đó để đẩy mạnh việc tuyên truyền cổ động. A-lếch-xan-đơ III bèn đưa pháp chế công xưởng vào trong cái gọi là chính sách "nhân dân" của y (thực ra là chính sách quý tộc - cảnh sát). Năm 1882, ban thanh tra công xưởng được thành lập; lúc đầu, ban này thậm chí công bố cả những báo cáo của họ. Tất nhiên là những báo cáo đó không làm vừa lòng chính phủ, và chính phủ đã *đình chỉ việc công bố những báo cáo đó*. Những sắc lệnh về việc giám sát công xưởng trở thành đúng là miếng giẻ rách. Năm 1884 - 1885 đến. Cuộc khủng hoảng trong công nghiệp gây ra một phong trào rộng lớn của công nhân và hàng loạt những cuộc bãi công hết sức mạnh mẽ ở vùng trung tâm (đặc biệt là cuộc bãi công ở xưởng Mô-rô-dốp⁵³). Chính sách "bảo trợ" lại được đưa ra, — lần này Cát-cốp đã nêu vấn đề đó rất mạnh

trên tờ "Tin tức Mát-xcơ-va"⁵⁴. Y giận điên người lên vì những người bãi công ở Mô-rô-dốp đã được đưa ra xử ở Tòa hội thẩm; y gọi một trăm linh một câu chất vấn mà tòa đặt trước các hội thẩm nhân dân là "một trăm linh một phát súng chào mừng vấn đề công nhân được phơi bày ra trước toàn nước Nga", nhưng đồng thời, y cũng đòi "nhà nước" phải đứng về phía công nhân, đình chỉ những khoản phạt vô lý, vì chính những khoản phạt đó, cuối cùng, đã dẫn công nhân xưởng Mô-rô-dốp tới bãi công. Sắc lệnh năm 1886 ra đời, nó tăng cường gấp bội việc giám sát các công xưởng và nó cấm chỉ những vụ phạt tùy tiện làm lợi cho bọn chủ xưởng. Qua được mười năm, làn sóng đấu tranh mới của công nhân lại bùng nổ. Những cuộc bãi công năm 1895, và đặc biệt là cuộc bãi công lớn năm 1896⁵⁵ đã làm cho chính phủ phải run sợ (đặc biệt là vì hiện nay những người dân chủ - xã hội đã thường xuyên kể vai sát cánh với công nhân), và thế là chính phủ lại, một cách nhanh chóng chưa từng thấy, công bố một sắc lệnh, "bảo trợ" (ngày 2 tháng Sáu 1897) về việc rút ngắn ngày lao động; tại tiểu ban nghiên cứu sắc lệnh nói trên, các viên chức của Bộ nội vụ, kể cả tên thủ trưởng Cục cảnh sát, đều lớn tiếng gào thét; cần phải làm cho công nhân các công xưởng thấy chính phủ là người bênh vực thường xuyên của họ, người bảo trợ họ một cách công minh và nhân từ (xin đọc cuốn "Những tài liệu bí mật về sắc lệnh ngày 2 tháng Sáu 1897). Thế rồi, sắc lệnh bảo trợ đó ngấm ngấm bị cắt xén bằng đủ mọi cách và bị hủy bỏ bởi những thông tư cũng của cái chính phủ đó. Một cuộc khủng hoảng công nghiệp mới lại nổ ra, — công nhân đã nhiều lần nhận rõ rằng không có "sự bảo trợ" nào của chính phủ cảnh sát lại có thể đem đến cho họ đời sống cải thiện và quyền tự do chăm lo đến đời sống của họ, — những làn sóng sôi sục mới và những cuộc đấu tranh mới ngoài đường phố lại nổ ra, — nỗi lo âu mới của chính phủ lại xuất hiện, — và lần này, trên báo "Thời mới" lại phun ra những bài diễn

vấn mới kiểu cảnh sát về "sự bảo trợ của chính phủ". Thưa các ngài, cứ nước đổ lá khoai mãi như thế mà không chán hay sao?

Không, dĩ nhiên là chính phủ không bao giờ lại ngấy việc lập lại những mưu mô nhằm làm cho công nhân ngành phải khiếp sợ, nhằm dùng một miếng bố thí nào đó để lôi kéo những ai còn yếu đuối, ngờ nghếch và nhút nhát hơn. Nhưng cả chúng ta nữa, chúng ta cũng không bao giờ ngấy việc vạch trần ý nghĩa thực của những âm mưu đó, việc lột mặt nạ những yếu nhân "nhà nước", là bọn vừa mới hôm qua đây còn hạ lệnh cho quân lính bắn giết công nhân nhưng hôm nay lại đã lớn tiếng hô hào bảo trợ, là bọn vừa mới hôm qua đây còn nói đến sự công minh và bảo trợ đối với công nhân nhưng hôm nay đã lại ra sức tóm bắt để đem ra cho cảnh sát tàn sát mà không cần xét xử rất nhiều phần tử ưu tú trong công nhân và giới trí thức. Do đó, chúng ta thấy cần phải bàn về "bản cương lĩnh nhà nước" của tờ "Thời mới", trước khi có một sắc lệnh "bảo trợ" mới nào đó ra đời. Và lại, những lời thú nhận của một cơ quan ngôn luận "có uy tín" trong lĩnh vực chính trị đối nội ở nước ta, rất đáng được lưu ý.

Tờ "Thời mới" bắt buộc phải thừa nhận rằng những "hiện tượng đáng tiếc xung quanh vấn đề công nhân" — không phải là việc ngẫu nhiên. Tất nhiên cả những người xã hội chủ nghĩa cũng có lỗi ở đây (tờ báo tránh dùng danh từ đáng sợ đó, họ ưa nói lảm nhảm về "những tà thuyết nguy hại", về "việc tuyên truyền những tư tưởng chống đối nhà nước, chống đối xã hội"), nhưng ... nhưng vì sao chính những người xã hội chủ nghĩa lại giành được sự ủng hộ trong hàng ngũ công nhân? Báo "Thời mới" tất nhiên không bỏ lỡ dịp để xỉ vả công nhân: công nhân đã quá "thấp kém và dốt nát" nên sẵn lòng nghe theo lời tuyên truyền của những người xã hội chủ nghĩa, có hại cho sự thịnh vượng của cảnh sát. Thế là cả công nhân lẫn những người xã hội chủ nghĩa đều có lỗi, — và chính là với những người phạm lỗi đó mà bọn

sen dầm, từ lâu, đã tiến hành một cuộc đấu tranh tuyệt vọng, nhét họ chặt ních vào các nhà tù và các nơi đầy ải. Nhưng việc bắt tù, đầy ải, không giúp ích được gì cả. Rõ ràng là *trong tình hình sinh hoạt của công nhân các công xưởng và nhà máy đang có những điều kiện* "phát sinh và duy trì sự bất bình đối với tình trạng hiện tại của họ" và do đó "tạo điều kiện thuận lợi" cho chủ nghĩa xã hội được "tiếp thu". "Lao động nặng nhọc của công nhân các công xưởng và nhà máy trong hoàn cảnh ăn, ở cực kỳ khó khăn, chỉ đủ cho họ sống qua ngày, khi họ còn có sức làm việc; nhưng nếu rủi ro mà họ phải thất nghiệp, trong một thời gian ít nhiều bị kéo dài đó, thì họ sẽ trở nên khốn khổ, như tình trạng công nhân các xưởng dầu ở Ba-cu mà gần đây các báo đã đăng tin". Thế là bọn bên vực chính phủ đã phải thừa nhận: sở dĩ chủ nghĩa xã hội được tiếp thu, chính là do thực trạng khốn khổ của công nhân. Nhưng họ thú nhận một cách rất là mơ hồ, không dứt khoát và còn rất nhiều dè dặt. Điều đó chứng tỏ rõ ràng rằng những hạng người ấy không có và không thể mảy may có ý định đụng chạm đến "quyền sở hữu thiêng liêng" của bọn tư bản đang áp bức công nhân. Báo "Thời mới" viết: "Thật đáng tiếc, chúng ta biết quá ít về tình trạng thực tế xung quanh vấn đề công nhân ở Nga". Đúng, thật là đáng tiếc! Và sở dĩ "chúng ta" biết quá ít, chính là vì chúng ta đã để cho chính phủ cảnh sát khống chế báo chí và bưng bít mọi lời tố giác trung thực về tình trạng chướng tai gai mắt trong xã hội chúng ta. Trái lại, "chúng ta" còn cố ý làm cho công nhân không cảm ghét cái chính phủ kiểu châu Á, mà lại đi cảm ghét "những người dị tộc": báo "Thời mới" có ý ám chỉ các "ban quản trị công xưởng người dị tộc", gọi họ là những "kẻ thô bạo, tham lam". Chỉ có những công nhân lạc hậu nhất và tối tăm nhất mới bị mắc vào cái bẫy lừa gạt như thế; họ nghĩ rằng mọi sự bất hạnh của họ là do "bọn Đức" hoặc

"bọn Do-thái" mà ra, và họ không hiểu rằng chính công nhân Đức và công nhân Do-thái cũng đang thống nhất đấu tranh chống lại bọn bóc lột Đức và Do-thái ở nước mình. Nhưng ngay cả những công nhân không biết đến điều đó cũng có rất nhiều dịp để thấy rõ rằng bọn tư bản Nga là kẻ "tham lam" nhất và thô bỉ nhất, rằng cảnh sát Nga và chính phủ Nga hoàng là kẻ "thô bạo" nhất.

Một điều cũng đáng chú ý là báo "Thời mới" đã than tiếc rằng công nhân không được tối tăm và dễ bảo như nông dân. Báo "Thời mới" than thở rằng công nhân đã "liạ bỏ tổ ấm nông thôn của họ", rằng "tại các vùng có nhà máy và công xưởng, quần chúng đông đảo từ tứ phương đã tập hợp lại", rằng "người dân quê liạ bỏ làng xóm của họ, liạ bỏ những lợi ích và mối quan hệ kinh tế và xã hội, tuy giản dị (vấn đề là ở đây) nhưng độc lập của làng xóm cũ". Thật vậy, không than khóc làm sao được kia chứ? "Người dân quê" bị ràng buộc vào cái tổ ấm của mình, lại sợ bị mất cái tổ ấm ấy nên không dám đề ra yêu sách đối với địa chủ, không dám uy hiếp nó bằng những cuộc bãi công, v. v.; người dân quê không biết đến tình hình ở các nơi khác, chỉ quan tâm đến làng xóm nhỏ bé của mình (những kẻ ủng hộ chính phủ gọi đó là "những lợi ích độc lập" của người dân quê; đối với nhà chức trách thì còn có gì có thể dễ chịu hơn là: người dân quê nên yên phận mình, đừng dúng vào chính trị?) — mà ở cái làng xóm nhỏ bé đó thì bọn địa chủ địa phương — địa chủ hoặc phú nông — nắm chắc mọi người như đếm trên đầu ngón tay, và từ đời ông qua đời cha, dân quê chỉ biết truyền cho nhau cái khoa học nô lệ dạy cách lệ thuộc chứ chẳng có ai thức tỉnh ý thức cho họ. Còn ở công xưởng thì nhân dân "tập hợp từ tứ phương lại", họ không bị ràng buộc vào một tổ ấm nào (vì làm việc ở đâu cũng vậy thôi), họ đã trải qua mọi thử thách, họ mạnh dạn và quan tâm đến tất cả mọi việc ở trên đời.

Mặc dầu có sự chuyển biến đáng thương hại từ người

nông dân hèn mọn thành người công nhân có ý thức, song những nhà tiên tri cảnh sát của chúng ta vẫn hy vọng sẽ lừa gạt được quần chúng công nhân bằng "sự bảo trợ của nhà nước đối với việc cải thiện sinh hoạt công nhân". Báo "Thời mới" củng cố mối hy vọng đó bằng lập luận nhạt nhẽo như sau: "Chủ nghĩa tư bản ở phương Tây kiêu hãnh và toàn năng; nhưng ở ta, hiện nay chủ nghĩa tư bản vẫn còn như một đứa trẻ nhỏ yếu ớt, chỉ có thể bước dò dẫm nếu có người dắt, và chính phủ hiện đang dắt nó đi"... Nhưng, họa may chỉ có người nông dân hèn mọn mới tin vào luận điệu cũ rích về thế lực vạn năng của chính quyền! Công nhân thì lại quá ư nhiều lần thấy rõ các nhà tư bản đã "dắt" những viên chức cảnh sát, tôn giáo, quan lại quân sự và dân sự. Và báo "Thời mới" lại nói tiếp: thế thì tất cả vấn đề bây giờ là chính phủ phải "*đòi cho kỳ được*" việc cải thiện đời sống công nhân, nghĩa là phải đòi hỏi bọn chủ xưởng cải thiện sinh hoạt cho công nhân. Các bạn thấy không, thật là đơn giản: hạ lệnh — và thế là mọi việc đều được giải quyết xong. Nhưng đây chỉ là chuyện nói bép xép trên mồm, còn thực tế thì những chỉ thị của các nhà cầm quyền — ngay cả những chỉ thị "giản dị" nhất, ví dụ như việc xây dựng bệnh xá ở trong các công xưởng — cả hàng chục năm qua vẫn không được bọn tư bản thực hiện. Và lại, chính phủ sẽ không dám đòi hỏi bọn tư bản một điều gì đáng kể, nếu không đụng chạm đến quyền tư hữu "thiên liêng". Và lại, chính phủ cũng không có ý muốn thực sự cải thiện sinh hoạt công nhân, vì trong hàng nghìn trường hợp bản thân chính phủ lại là ông chủ, bản thân chính phủ lừa gạt và ức hiếp công nhân nhà máy Ô-bu-khốp và hàng trăm nhà máy khác và hàng vạn công nhân viên bưu điện, hỏa xa, v. v., v. v.. Báo "Thời mới" cũng tự cảm thấy rằng không ai còn tin tưởng vào những chỉ thị của chính phủ hiện hành; báo đó bèn tìm lấy những tấm gương cao thượng trong lịch sử để làm chỗ dựa cho mình. Về việc

cải thiện sinh hoạt công nhân, báo đó viết: việc đó cần phải làm, "như nửa thế kỷ trước đây chính phủ đã nắm trong tay vấn đề nông dân, chính phủ lúc đó đã thực hiện theo phương châm khôn khéo là: thà tiến hành việc cải thiện từ trên xuống để đề phòng bên dưới khởi yêu cầu, còn hơn là chờ đợi yêu cầu từ bên dưới lên".

Thật quá là một lời thú nhận quý giá! Trước khi có cuộc giải phóng của nông dân, Nga hoàng hé cho quý tộc biết về một cuộc khởi nghĩa nhân dân có thể xảy ra và nói: giải phóng từ trên xuống, còn hơn là đợi cho bên dưới vùng lên tự giải phóng. Và bây giờ một tờ báo bợ đỡ chính phủ cũng thừa nhận rằng tinh thần của công nhân đã làm cho tờ báo đó hốt hoảng, không kém gì tinh thần của nông dân "trước ngày giải phóng". "Thà từ trên xuống, còn hơn là từ dưới lên"! Nhưng tên bồi bút của nền chuyên chế thật là vô cùng lảm lẩn, khi chúng tìm ra "sự giống nhau" giữa những yêu cầu cải tạo trước kia và hiện nay. Nông dân đòi hủy bỏ pháp chế nông nô, nhưng họ hoàn toàn không phản đối chính quyền Nga hoàng và vẫn tin tưởng ở Nga hoàng. Công nhân khởi nghĩa, thì trước hết và nhiều nhất là chống lại chính phủ; công nhân thấy rằng tình trạng họ không có chút quyền nào trước chế độ chuyên chế cảnh sát đã trói buộc chân tay họ trong cuộc đấu tranh chống chủ tư bản, do đó họ đòi giải phóng khỏi sự độc đoán và lộng quyền của chính phủ. Công nhân cũng sục sôi "trước ngày giải phóng", — nhưng đây sẽ là sự giải phóng của toàn thể nhân dân, giành lấy tự do chính trị trong tay chế độ chuyên chế.

* *

*

Các bạn có biết là người ta muốn thông qua cuộc cải cách to lớn nào mà bưng bít nổi bất bình của công nhân và biểu thị cho công nhân thấy "sự bảo trợ của nhà nước" hay không? Nếu tin vào những lời đồn đại khá dai dẳng thì

Bộ tài chính đang xung đột với Bộ nội vụ: Bộ nội vụ đòi chuyển ban thanh tra công xưởng trực thuộc vào cơ quan của Bộ nội vụ, cho rằng làm như thế thì ban thanh tra sẽ bớt dung túng bọn tư bản, sẽ chăm lo nhiều hơn đến công nhân và do đó mà ngăn ngừa được làn sóng công phần. Vậy công nhân hãy chuẩn bị đón một ân huệ mới của Nga hoàng: những viên thanh tra công xưởng sẽ mặc bộ áo mới, sẽ nhập vào biên chế một cơ quan khác (chắc chắn là được tăng thêm lương), hơn nữa lại là một cơ quan đã từ lâu và rất thân ái (nhất là Cục cảnh sát) chăm sóc đến công nhân.

"Tia lửa", số 6, tháng Bảy
1901

Theo đúng bản in trên báo
"Tia lửa"

NHỮNG BÀI HỌC CỦA KHỦNG HOẢNG

Khủng hoảng công thương nghiệp kéo dài đến nay thế là đã gần hai năm rồi. Và hình như khủng hoảng ngày càng mở rộng, bao trùm những ngành công nghiệp mới, lan tràn đến những khu vực mới và càng trở nên trầm trọng hơn vì lại có thêm nhiều ngân hàng phá sản. Bắt đầu từ tháng Chạp năm ngoái, tờ báo của chúng ta số nào cũng đều vạch rõ bằng cách này hay bằng cách khác sự phát triển của khủng hoảng và tác dụng tai hại của khủng hoảng. Hiện nay đã đến lúc phải đặt vấn đề chung về nguyên nhân và ý nghĩa của hiện tượng đó. Đối với nước Nga, hiện tượng đó tương đối còn mới mẻ cũng như toàn bộ chủ nghĩa tư bản nước ta còn mới mẻ. Ở những nước tư bản chủ nghĩa cũ, tức là ở những nước mà phần lớn sản phẩm sản xuất ra để bán, phần lớn công nhân đã không có ruộng đất lại cũng không có công cụ lao động, phải bán sức lao động của mình, làm thuê trong xí nghiệp của người khác, làm thuê cho những người tư hữu có ruộng đất, công xưởng, máy móc v. v., — ở những nước tư bản chủ nghĩa thì khủng hoảng là một hiện tượng cũ, lâu lâu lại diễn đi diễn lại như bệnh kinh niên phát ra vậy. Cho nên khủng hoảng có thể dự đoán được, và khi chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển đặc biệt mau chóng ở nước Nga, thì trong sách báo dân chủ - xã hội người ta cũng đã dự đoán cuộc khủng hoảng hiện nay rồi.

Trong cuốn sách nhỏ "nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga", viết cuối năm 1897, có nói: "Hiện nay, rõ ràng là chúng ta đang trải qua một thời kỳ của chu kỳ (vòng quay lặp đi lặp lại của cũng những sự kiện cũ, giống như vòng quay của bốn mùa xuân, hạ, thu, đông) tư bản chủ nghĩa, trong đó công nghiệp "hung thịnh", thương nghiệp rất hoạt động, công xưởng chạy suốt ngày đêm và những nhà máy mới, những xí nghiệp mới, những công ty cổ phần, những đường sắt, v. v., v. v., mọc lên vô số, như nấm mọc sau một trận mưa. Chẳng cần phải là nhà tiên tri cũng đoán trước được rằng tiếp sau cái thời kỳ "hung thịnh" đó của công nghiệp, nhất định sẽ là thời kỳ khủng hoảng (nghiêm trọng hoặc ít hoặc nhiều). Khủng hoảng đó sẽ làm cho một khối đồng đảo tiểu chủ bị bán cùng, sẽ làm cho một khối đồng đảo công nhân bị thất nghiệp..."¹⁾ Và khủng hoảng đã xảy ra, một cuộc khủng hoảng trầm trọng chưa từng thấy ở nước Nga. Vậy thì cái gì quyết định thứ bệnh kinh niên ghê gớm đó của xã hội tư bản chủ nghĩa, cứ tái phát rất đều đến nỗi có thể dự đoán trước được?

Sản xuất tư bản chủ nghĩa chỉ có thể phát triển theo kiểu nhảy vọt, tiến hai bước, lùi một bước (thậm chí có khi lùi cả hai bước nữa). Như chúng tôi đã vạch ra, sản xuất tư bản chủ nghĩa là sản xuất để mà bán, là sản xuất hàng hóa để tung ra thị trường. Mà nắm giữ sản xuất là các nhà tư bản riêng rẽ, mỗi cá nhân đơn độc sản xuất, không một ai có thể biết đúng được thị trường đang cần bao nhiêu sản phẩm và cần những sản phẩm gì. Họ sản xuất một cách hủ họa, họ chỉ lo đua vượt nhau. Hoàn toàn tự nhiên là số lượng được sản xuất ra có thể không phù hợp với nhu cầu trên thị trường. Và khi thị trường rộng lớn đột ngột mở rộng ra phạm vi mới, rộng lớn từ trước đến

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 579-581.

nay chưa từng biết đến, thì khả năng đó lại đặc biệt lớn. Khi bắt đầu thời kỳ công nghiệp "hưng thịnh" mà chúng ta vừa trải qua cách đây chưa bao lâu thì tình hình đã xảy ra đúng là như thế. Bốn tư bản toàn châu Âu thò nanh vuốt ra nắm lấy một phần thế giới có hàng trăm triệu người, tức là châu Á, nơi mà cho mãi đến nay chỉ mới có Ấn-độ và một bộ phận nhỏ vùng biên giới là có liên hệ mật thiết với thị trường toàn thế giới mà thôi. Con đường sắt phía Nam Ca-xpien đã bắt đầu "mở cửa" Trung Á cho bốn tư bản; "Đường sắt Xi-bi-ri to lớn" (nói to lớn ở đây không những chỉ bề dài của nó mà còn chỉ việc những người kiến trúc ăn cướp tiền bạc của nhà nước một cách vô hạn độ và bóc lột công nhân làm đường một cách vô hạn độ) đã mở cửa Xi-bi-ri; Nhật-bản đã bắt đầu biến thành nước công nghiệp và đã định chọc thủng bức Vạn lý trường thành của Trung-quốc, nó phát hiện ra cái miếng mồi ngon lành mà bốn tư bản Anh, Đức, Pháp, Nga và thậm chí cả Ý nữa đã lập tức ngoạm lấy ngay. Việc xây dựng những đường sắt rất lớn, việc mở rộng thị trường toàn thế giới, tăng thêm thương nghiệp — tất cả những điều đó dẫn đến kết quả là công nghiệp bỗng dựng hoạt động lên, xí nghiệp mới tăng thêm, người ta điên cuồng săn đuổi theo thị trường tiêu thụ, săn đuổi theo lợi nhuận, lập ra những công ty mới, bỏ vào sản xuất nhiều tư bản mới, trong đó có một phần là tiền để dành không nhiều lắm của các nhà tư bản nhỏ. Việc toàn thế giới điên cuồng săn đuổi theo những thị trường mới chưa ai biết đến đã đưa tới khủng hoảng lớn, — điều đó không có gì lạ cả.

Để có một quan niệm rõ ràng về sự săn đuổi đó, thì cần chú ý xem có những nhân vật lớn nào tham gia cuộc săn đuổi đó. Khi người ta nói: "xí nghiệp riêng lẻ", "nhà tư bản đơn độc", thì thường quên rằng cách nói đó thật ra là không chính xác. Về thực chất, chỉ có việc chiếm hữu lợi nhuận là còn riêng lẻ và đơn độc, còn bản thân sản xuất

thì đã có tính chất xã hội rồi. Những cuộc khủng hoảng lớn sẽ dĩ trở thành điều có thể xảy ra và không tránh khỏi sẽ xảy ra, đó chỉ là vì lực lượng sản xuất *xã hội* mạnh mẽ bị sự chi phối của một nhóm nhà giàu chỉ cắm đầu đi tìm lợi lộc. Về điểm này, chúng ta lấy công nghiệp Nga làm thí dụ để nói rõ. Trong thời gian gần đây, khủng hoảng đã mở rộng đến cả ngành dầu hoả rồi. Chiếm địa vị chi phối trong ngành công nghiệp đó là những xí nghiệp như: "Công ty dầu hoả của anh em Nô-ben" chẳng hạn. Năm 1899, công ty đó bán ra 163 triệu pút sản phẩm dầu hoả, trị giá tất cả đến 53,5 triệu rúp; và năm 1900, đã bán ra 192 triệu pút, trị giá tất cả đến 72 triệu rúp. Trong vòng một năm, trong xí nghiệp, sản xuất tăng thêm 18,5 triệu rúp! "Một xí nghiệp" như vậy sống dựa vào lao động liên hợp của hàng vạn và hàng chục vạn công nhân, người thì khai mỏ dầu và chế biến dầu, người thì chở dầu bằng ống dẫn dầu, đường sắt, đường bể, đường sông, người thì chế tạo máy móc, kho tàng, vật liệu, xà-lan, tàu thuỷ và những thứ khác cần thiết cho việc lấy dầu. Tất cả mấy vạn công nhân ấy đều làm việc cho cả xã hội, thế mà chi phối lao động của họ, lại là một nhóm triệu phú, chúng chiếm đoạt toàn bộ lợi nhuận do lao động có tổ chức ấy của quần chúng nhân dân tạo ra. (Số lợi nhuận ròng mà Công ty Nô-ben kiếm được năm 1899 là 4 triệu rúp, năm 1900 là 6 triệu rúp, trong đó các người có cổ phần cứ 5 000 rúp cổ phần thì được 1 300 rúp, còn 5 người quản lý thì được *thưởng* 528 000 rúp!) Nếu có mấy xí nghiệp như vậy lẫn xả vào chạy đua điên cuồng để giành một vị trí trên một thị trường mà chưa ai biết đến, thì việc xảy ra nạn khủng hoảng có gì là lạ?

Hơn thế nữa. Muốn kiếm được lợi nhuận trong xí nghiệp thì cần phải bán hàng hoá đi, phải tìm được khách hàng. Mà khách hàng phải là toàn thể dân cư, vì những xí nghiệp lớn sản xuất ra hàng đồng sản phẩm cao như núi. Nhưng trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, trong 10 người dân

thì có đến 9 người nghèo, tức là những công nhân kiếm được một số tiền công rất nhỏ, và đại đa số nông dân sống còn khổ hơn công nhân nữa. Trong thời kỳ hưng thịnh, công nghiệp lớn phóng tay ra sức sản xuất thật nhiều, kết quả là sản phẩm tung ra trên thị trường nhiều đến nỗi đại bộ phận nhân dân không có của không đủ sức mua. Số máy móc, công cụ, kho tàng, đường sắt v.v. đều ngày càng tăng thêm, nhưng sự tăng thêm đó thỉnh thoảng lại bị đứt quãng, vì tất cả những phương thức sản xuất được cải tiến đó, suy đến cùng, đều là vì đông đảo quần chúng nhân dân, mà đông đảo quần chúng nhân dân thì vẫn ở trong cảnh nghèo khổ, gần như cùng khổ. Khủng hoảng chứng minh rằng nếu ruộng đất, công xưởng, máy móc v.v. không bị chiếm đoạt trong tay một nhóm người tư hữu bòn rút hàng trăm triệu của nhân dân nghèo khổ, thì xã hội ngày nay có thể sản xuất ra rất nhiều sản phẩm để cải thiện đời sống cho toàn thể nhân dân lao động. Khủng hoảng chứng minh rằng công nhân không thể giới hạn cuộc đấu tranh để giành lấy những nhượng bộ riêng lẻ của nhà tư bản: trong thời kỳ công nghiệp phồn thịnh, người ta có thể giành được những sự nhượng bộ như thế (từ 1894 đến 1898, công nhân Nga nhờ đấu tranh kiên quyết mà đã nhiều lần giành được những sự nhượng bộ như thế), — nhưng khi khủng hoảng xảy ra thì bọn tư bản không những thu lại những nhượng bộ chúng đã chịu nhả ra trước kia, mà còn lợi dụng tình cảnh khó khăn của công nhân để hạ thấp tiền lương nhiều hơn nữa. Chừng nào những đạo quân giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa chưa lật đổ được sự thống trị của tư bản và chế độ tư hữu, thì chừng ấy tình hình đó tất nhiên vẫn còn kéo dài. Khủng hoảng chứng minh rằng những người xã hội chủ nghĩa nào mà hai năm trước đây đã tuyên bố om sòm rằng hiện nay nạn khủng hoảng có lẽ trở nên ít xảy ra hơn (những người này tự xưng là "nhà phê phán", có lẽ là vì họ đã chép lại học thuyết

của những nhà kinh tế học tư sản một cách không có phê phán) thì thật là thiếu cận biết bao.

Nạn khủng hoảng đã bóc trần toàn bộ tính chất vô lý của tình trạng sản xuất của xã hội phải chịu sự chi phối của chế độ tư hữu; nó cho người ta một bài học sâu sắc đến nỗi hiện giờ ngay cả báo chí tư sản cũng đòi hỏi phải tăng cường giám sát, thí dụ giám sát ngân hàng. Nhưng bất cứ một sự giám sát nào cũng không thể ngăn trở nhà tư bản xây dựng, trong thời kỳ phồn vinh, những xí nghiệp mà sau này không khỏi bị phá sản. An-tsep-xki, nguyên là người lập ra ngân hàng ruộng đất và thương nghiệp ở thành phố Khác-cốp, là ngân hàng đã bị phá sản, đã dùng đủ mọi thủ đoạn để kiếm hàng triệu rúp để xây dựng và ủng hộ những xí nghiệp khai mỏ hứa hẹn núi vàng, núi bạc. Sự đình trệ trong công nghiệp đã phá huỷ những ngân hàng và xí nghiệp mỏ đó (Công ty Đon-I-u-ri-ép). Nhưng sự "sụp đổ" đó của các xí nghiệp trong một xã hội tư bản chủ nghĩa có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là những nhà tư bản yếu, những nhà tư bản "cỡ nhỏ" bị bọn triệu phú lớn mạnh hơn chèn ép. Tên triệu phú An-tsep-xki thành Khác-cốp bị tên triệu phú Ri-a-bu-sin-xki ở Mát-xcơ-va thay thế, nhà tư bản giàu hơn đó sẽ bóc lột công nhân còn tàn khốc hơn nữa. Người giàu bạc nhất thay người giàu bạc nhì, sức mạnh của tư bản càng tăng thêm, rất nhiều người tư hữu nhỏ phá sản (ví dụ những người có số ít tiền gửi ngân hàng mất sạch toàn bộ tài sản khi ngân hàng phá sản), công nhân bần cùng hoá một cách đáng sợ, — đó là những hậu quả do nạn khủng hoảng gây ra. Ở đây chúng ta hãy nhắc lại cái việc mà báo "Tia lửa" đã tả: bọn tư bản kéo dài ngày làm việc, tìm cách thải công nhân giác ngộ, và lấy những nông dân ngoan ngoãn hơn vào làm thay.

Ảnh hưởng của khủng hoảng ở Nga, nói chung vô cùng mạnh hơn ở bất cứ nước nào khác. Ở nước ta, sự đình trệ của công nghiệp còn kèm theo sự nghèo đói của nông dân.

Công nhân thất nghiệp bị đuổi từ thành thị về nông thôn, nhưng nông dân thất nghiệp thì sẽ bị đuổi đi nơi nào? Người ta dùng thủ đoạn đuổi công nhân là định thanh trừ những người dân thành thị không yên phận, nhưng những người bị đuổi có lẽ sẽ làm thức tỉnh được ít nhất là một bộ phận nông dân ra khỏi tình trạng ngoan ngoãn phục tùng từ bao đời nay, và phát động họ đề ra không phải chỉ là một số thỉnh cầu mà là một số *yêu cầu* chẳng? Hiện nay công nhân và nông dân gần gũi nhau, không những do thất nghiệp và đói rét, mà còn do sự áp bức của cảnh sát nữa, sự áp bức này tước đoạt khả năng đoàn kết và tự vệ của công nhân, tước đoạt cả của nông dân sự giúp đỡ của những người có lòng tốt quyên giúp họ. Đối với hàng triệu nhân dân mất hết mọi tư liệu sinh hoạt thì bàn tay nặng nề của bọn cảnh sát, so với trước lại càng nặng gấp trăm lần. Sen đầm và cảnh sát ở thành thị, những trưởng quan địa phương và cảnh sát cấp dưới ở nông thôn thấy rõ rằng sự căm ghét của nhân dân đối với chúng ngày càng tăng lên, chúng bắt đầu sợ hãi không những hàng cơm ở nông thôn mà còn sợ cả những lời công bố trên báo chí về việc quyên tiền cứu tế. Sự quyên tiền cứu tế! có tạt giạt mình, câu nói ấy quả là đúng. Khi thằng ăn trộm thấy người qua đường cứu giúp người mất trộm một vật gì, thì thằng ăn trộm bắt đầu nghĩ rằng họ giúp đỡ lẫn nhau là để chung sức trị nó.

"Tia lửa", số 7, tháng Tám
1901

Theo đúng bản in trên báo
"Tia lửa"

BỌN CHỦ NÔNG NÔ ĐANG HOẠT ĐỘNG

Một đạo luật mới được ban bố: đạo luật ngày 8 tháng Sáu 1901 về việc phân ruộng đất công vùng Xi-bi-ri cho tư nhân. Luật mới này sẽ được áp dụng như thế nào, tương lai sẽ cho ta thấy rõ. Nhưng ngay tính chất của đạo luật này cũng đã đầy ý nghĩa, cũng đã chỉ rõ chân tướng và nguyện vọng thật của chính phủ Nga hoàng, nên nó đáng được ta phân tích một cách cặn kẽ và phổ biến một cách rộng rãi trong giai cấp công nhân và nông dân.

Từ lâu chính phủ đã làm cái việc bố thí cho quý tộc - địa chủ: tổ chức cho họ ngân hàng quý tộc, cho họ hàng ngàn đặc lợi khi cho họ vay hoặc hoãn nợ, giúp họ tổ chức bãi công của bọn triệu phú chủ xưởng đường để tăng giá và tăng lợi nhuận, lo lắng kiểm các ghế trưởng quan địa phương cho các cậu ấm quý tộc bị thất cơ lỡ vận, và bây giờ đây chính phủ lại tổ chức cho các quý tộc chủ hãng rượu bán rượu cho công quỹ một cách rất hời. Nhưng với việc phân phối ruộng đất, chính phủ không phải chỉ làm việc bố thí cho bọn bóc lột giàu có nhất, quý phái nhất, — nó còn tạo ra một giai cấp những kẻ bóc lột *mới*, đẩy hàng triệu nông dân và công nhân vào cảnh nô lệ thường xuyên cho địa chủ mới.

Chúng ta hãy phân tích những lý do chủ yếu của đạo luật mới. Trước hết, cần chú ý rằng đạo luật ấy, trước khi được ông bộ trưởng Bộ nông nghiệp và tài sản quốc

gia đưa ra Hội đồng nhà nước, thì đã được thảo luận trong *một phiên họp đặc biệt giải quyết những vấn đề thuộc đẳng cấp quý tộc*. Ai cũng biết rằng hiện giờ ở Nga những kẻ bị sa sút nhất không phải là công nhân và nông dân, mà là quý tộc - địa chủ, cho nên "phiên họp đặc biệt" đã tức tốc tìm biện pháp giúp họ. Đất công ở Xi-bi-ri sẽ được đem bán cho "tư nhân" hoặc cho họ thuê để tiến hành "kinh doanh tư nhân", hơn nữa lại *vĩnh viễn* cấm *hẩn* không cho những người không phải quốc tịch Nga và những người dị tộc (trong số người dị tộc kể cả người Do-thái) mua được những ruộng đất đó, dầu là có bằng cách nào chăng nữa; còn việc thuê những đất đai đó (chúng ta sẽ thấy đây là một biện pháp hời nhất cho bọn địa chủ tương lai) thì đặc biệt chỉ dành riêng cho những người quý tộc; đạo luật nói: "những người này, theo quan điểm của chính phủ, đều là những chủ đất đáng mong ước ở Xi-bi-ri, nếu xét về mặt vững chắc kinh doanh của họ". Như vậy, quan điểm của chính phủ là: để cho dân chúng cần lao bị bọn quý tộc chiếm hữu nhiều ruộng đất nô dịch. Nhiều đến mức nào, - điều đó thấy rõ ở chỗ, theo đạo luật, diện tích các khoảnh đất bán không được quá *ba ngàn đề-xi-a-tin*, còn diện tích đất cho thuê hoàn toàn không bị hạn chế, và thời hạn cho thuê được quy định *tới 99 năm!* Theo tính toán của chính phủ thì người địa chủ bị sa sút phải cần đất đai *hai trăm lần* nhiều hơn người nông dân là người mà ở Xi-bi-ri người ta chỉ chia cho mỗi hộ có 15 đề-xi-a-tin.

Hơn nữa đối với địa chủ, thì còn những đặc lợi và ngoại lệ nào mà đạo luật ấy lại không tính đến trước! Người thuê đất trong 5 năm đầu không phải trả gì hết. Nếu người ấy mua khoảnh đất mình đã thuê (theo đạo luật mới thì họ có *quyền* đó), thì có thể trả dần tiền mua đất trong 37 năm. Nếu được phép đặc biệt thì cũng có thể phân phối để bán hơn ba ngàn đề-xi-a-tin đất và bán với giá tự do, chứ không phải bán đấu giá, và tiền chưa trả hết thì được

hoãn trong một năm hoặc thậm chí trong 3 năm. Không nên quên rằng, nói chung, chỉ có bọn quan lại cao cấp và những người có quan hệ với cung đình, v.v. mới được lợi về luật mới đó, — đối với những người này, tất cả mọi đặc lợi và ngoại lệ ấy được người ta cho một cách dễ dàng, sau vài câu nói chuyện ở phòng khách với ngài tỉnh trưởng hay bộ trưởng.

Song — đây mới là điều tai họa. Tất cả các bọn tướng tá chiếm hữu ruộng đất kia có thể rút ra được cái lợi gì từ những khoảnh đất đó, dầu những khoảnh đất đó rộng hàng ba ngàn đề-xi-a-tin đi nữa, nếu không có người "mu-gích" bị bắt buộc phải làm thuê cho họ? Mặc dầu sự nghèo khổ của dân chúng ở Xi-bi-ri có tăng nhanh như thế nào chăng nữa, nhưng người nông dân ở đây cũng vẫn vô cùng độc lập hơn người nông dân "Nga", và họ chưa quen làm việc dưới roi vọt. Đạo luật mới cố bắt họ phải quen đi. Điều khoản 4 của đạo luật ấy nói: "Những đất đai dành cho kinh doanh tư nhân, *nếu có thể thì cắt xen kẽ* với những diện tích đã chia cho nông dân". Chính phủ Nga hoàng chăm lo đến "công ăn việc làm" của những nông dân nghèo. Cách đây mười năm chính ngài Éc-mô-lốp — là người giờ đây với danh nghĩa bộ trưởng Bộ nông nghiệp và tài sản quốc gia đã đưa ra Hội đồng nhà nước đạo luật về việc phân ruộng đất công ở Xi-bi-ri cho tư nhân — đã xuất bản một cuốn sách (không ký tên) nhan đề: "Mất mùa và sự khốn khổ của dân chúng". Trong cuốn sách này ông ta đã tuyên bố thẳng ra rằng, không có lý do gì để cho phép việc di cư sang Xi-bi-ri cho những người nông dân có thể có "công ăn việc làm" ở các địa chủ địa phương. Những nhà cầm quyền Nga không câu nệ gì trong việc biểu lộ quan điểm thuần túy phong kiến của họ: nông dân sinh ra là để làm cho địa chủ, bởi vậy ngay việc "cho phép" họ di cư đến chỗ họ muốn cũng không nên, nếu do việc di cư đó mà địa chủ mất nhân công rẻ tiền. Và khi nông dân, mặc dầu tất

cả những khó khăn trở ngại, quan liêu giấy tờ chậm chạp, và thậm chí cả sự cấm đoán công khai nữa, cứ tiếp tục di cư hàng trăm ngàn người sang Xi-bi-ri, - thì bấy giờ chính phủ Nga hoàng, giống như tên quản nô của lão địa chủ già, vội vàng chạy đuổi theo họ, để quấy rầy họ ngay ở nơi họ mới đến. Nếu những khoảnh đất rộng hàng ba ngàn đê-xi-a-tin của địa chủ quý tộc ở "xen kẽ" với những mảnh đất cần cỗi và những ruộng đất của nông dân (những mảnh tốt nhất trong số này đã bị chiếm rồi) thì có lẽ trong tương lai gần đây việc di cư sang Xi-bi-ri cũng chẳng còn gì là hấp dẫn. Và đời sống của nông dân chung quanh càng gay go thì đất đai của địa chủ mới này càng nhanh chóng lên giá: những người nông dân đó sẽ phải làm thuê với một giá rẻ mạt, và sẽ phải thuê ruộng đất của địa chủ mới với một giá đắt kinh khủng - hoàn toàn giống như ở "Nga". Đạo luật mới đã công khai quan tâm đến việc gấp rút tạo nên một thiên đường mới cho địa chủ và một địa ngục mới cho nông dân: có một khoản ngoại lệ về việc cho thuê đất trong *một vụ*. Nói chung thì phải được phép đặc biệt mới có thể đem ruộng đất công đã thuê ra phát canh, song nếu phát canh trong một vụ thì lại hoàn toàn tự do. Địa chủ có thể chỉ cần thuê một người quản lý, người này sẽ đem ruộng đất của chủ cho nông dân sống "xen kẽ" chung quanh trang trại địa chủ thuê từng đê-xi-a-tin một và sẽ gửi món tiền đó cho ông chủ.

Tuy vậy, không phải bao giờ những nhà quý tộc cũng muốn "kinh doanh" như thế. Họ có thể kiếm ngay được một món tiền lớn, nếu họ bán lại đất công cho những người chủ thực sự. Không phải không có lý do mà đạo luật mới được ban hành ngay trong thời buổi ở Xi-bi-ri người ta đang xây dựng đường sắt⁵⁶, khi việc đày ải sang Xi-bi-ri được bãi bỏ⁵⁷, còn việc di cư sang Xi-bi-ri lên đến những mức độ khổng lồ: tất cả những việc đó nhất định sẽ dẫn đến (và đang dẫn đến) việc nâng cao giá đất. Vì vậy việc

phân phối những đất công cho tư nhân hiện nay, về thực chất, có nghĩa là việc bọn quý tộc xoay công quỹ: đất công thì tăng giá, nhưng người ta lại đem nó cho thuê hoặc bán cho bất cứ một tướng nào với những điều kiện hơi đặc biệt, những vị này có lợi ngay về việc tăng giá đó. Ví dụ ở tỉnh U-pha, chỉ trong một huyện, quý tộc và quan lại đã đem những đất đai được mua (trên cơ sở của đạo luật như vậy) và làm như sau: họ trả cho công quỹ 60 ngàn rúp tiền mua đất, nhưng sau hai năm thì bán lại số đất ấy với giá 580 ngàn rúp, nghĩa là chỉ nhờ có bán lại mà kiếm được *hơn nửa triệu rúp!* Theo ví dụ đó, có thể thấy được bao nhiêu triệu rúp sẽ rơi vào túi những địa chủ sa sút, nhờ ở việc phân phối ruộng đất trên toàn vùng Xi-bi-ri.

Chính phủ và những người đứng về phía họ đã đưa ra đủ mọi lý do cao cả để che đậy việc ăn cắp trắng trợn đó. Người ta nói đến việc phát triển văn hóa ở Xi-bi-ri, đến ý nghĩa quan trọng của các doanh nghiệp kiểu mẫu. Thực ra thì những trang trại lớn đưa những người nông dân chung quanh vào một hoàn cảnh bế tắc, hiện nay chỉ có thể làm tăng cường những biện pháp bóc lột hết sức không văn minh mà thôi. Những doanh nghiệp kiểu mẫu không thể xây dựng nên do việc ăn cắp công quỹ, và việc phân phối đất sẽ chỉ đưa đến việc buôn đất của bọn quý tộc và quan lại, hoặc chỉ đưa đến sự thịnh hành các biện pháp kinh doanh nô dịch và cho vay nặng lãi. Quý tộc liên minh với chính phủ để gạt những người Do-thái và những người dị tộc khác ra khỏi đất công ở Xi-bi-ri (họ cố làm cho dân chúng tối tăm đốt nát tượng những người này là những kẻ bóc lột hết sức táng tận lương tâm), mục đích là để cho *chính họ* tiến hành một thứ kinh doanh bóc lột dễ tiện nhất mà không bị trở ngại.

Người ta còn nói đến ý nghĩa chính trị của đảng cấp quý tộc - địa chủ ở Xi-bi-ri: ở đây, trong giới trí thức có rất nhiều người bị đày cũ, những người khả nghi, vì thế họ

bảo để đối lại với những người đó, cần tạo nên một chỗ dựa vững chắc cho chính quyền nhà nước, một thành phần vững chắc "ở địa phương". Và trong những luận điệu này có sự thật nhiều hơn và sâu hơn là các từ "Người công dân"⁵⁸ và "Tin tức Mát-xcơ-va" tưởng tượng. Chính phủ cảnh sát đã đẩy đồng đảo dân chúng đứng lên chống lại họ, đến nỗi họ cần phải tạo ra một cách giả tạo những lớp người có thể dùng làm trụ cột cho quốc gia. Họ cần phải tạo ra một giai cấp những kẻ bóc lột lớn; tất cả cái gì bọn này có đều là do chính phủ ban, nên chúng phụ thuộc vào ơn huệ của chính phủ, chúng bòn rút được những thu nhập khổng lồ bằng những biện pháp kinh doanh đê tiện nhất (buôn bán, bóc lột), và vì thế mà chúng bao giờ cũng là những kẻ ủng hộ vững chắc của mọi sự chuyên quyền và áp bức. Một chính phủ Á châu thì cần có chỗ dựa trong một nhóm đại điền chủ Á châu, trong một hệ thống "phân phối đất" theo kiểu nông nô. Và nếu giờ đây không thể phân phối "đất có dân cư", thì có thể phân phối những đất đai nằm *xen kẽ* với đất của nông dân bản khổ; nếu không tiện biểu công khai hàng ngàn đê-xi-a-tin đất cho bọn triều thần nịnh hót, thì có thể che đậy việc chia bằng cách bán và "cho thuê" (trong 99 năm) với hàng ngàn điều kiện ưu đãi. Làm thế nào có thể không gọi chính sách ruộng đất đó là chính sách nông nô nếu đem so sánh với chính sách ruộng đất của những nước tiên tiến hiện đại, ví dụ như nước Mỹ? Ở đây *không ai dám* bàn bạc về việc được phép hay không được phép di cư, bởi vì mỗi người công dân đều có quyền tùy thích muốn di cư đến đâu cũng được. Ở đây, *theo luật pháp*, thì những đất bỏ không ở vùng biên cương, ai muốn làm ruộng cũng đều có quyền chiếm lấy dùng. Ở đây giai cấp được tạo ra không phải là một giai cấp vương hầu quan lại Á châu, mà là một giai cấp phéc-mi-ê kiên quyết, họ đã phát triển toàn bộ sức sản xuất của xứ sở. Ở đây giai cấp công nhân nhờ có nhiều đất bỏ không, nên đã đứng hàng đầu về mức sống.

Và chính phủ đã ban hành đạo luật nông nô đó vào lúc nào! Vào lúc khủng hoảng công nghiệp đang gay go nhất, khi mà hàng chục và hàng trăm ngàn người không tìm được việc làm; vào lúc nạn đói mới của hàng triệu nông dân đang diễn ra. Mọi sự quan tâm lo lắng của chính phủ đều tập trung nhằm làm sao dân chúng không "làm ồn ào" về nạn khốn quẫn. Vì thế họ đuổi những người thất nghiệp về quê hương, họ chuyển công tác lương thực từ tay các hội đồng địa phương vào tay các quan lại cảnh sát, họ cấm tư nhân tổ chức các nơi ăn cho người bị đói, họ bịt miệng các báo chí. Và một khi "tiếng ồn ào" về nạn đói — rất khó chịu đối với người no — đã chấm dứt, thì đức vua liền bắt tay vào giúp, giúp cho bọn địa chủ bị sa sút và các tướng lĩnh triều thần không may mắn. Xin nhắc lại: công việc của chúng ta hiện nay — chỉ là phổ biến tin tức về đạo luật mới. Khi đã biết đạo luật này thì những tầng lớp lạc hậu nhất trong công nhân, những người nông dân tối tăm và ngu muội nhất sẽ hiểu rõ chính phủ phục vụ cho ai, và nhân dân cần một chính phủ như thế nào.

"Tia lửa", số 8, ngày 10 tháng
Chín 1901

Theo đúng bản in trên báo
"Tia lửa"

ĐẠI HỘI HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Tình trạng xao động trong đời sống xã hội, như một làn sóng lan tràn khắp nước sau những sự kiện mùa xuân năm nay vẫn không chấm dứt; bằng những hình thức khác nhau, nó biểu lộ ra ở tất cả mọi tầng lớp xã hội Nga, mà tháng Giêng năm nay còn thờ ơ và xa lạ đối với công tác có ý thức của những người dân chủ - xã hội Nga. Chính phủ hết sức nỗ lực để hòng nhanh chóng làm yên lòng xã hội đang xao xuyên bằng những chiếc bong bóng xà phòng thường dùng, loại như bản tuyên ngôn ngày 25 tháng Ba về "sự bảo trợ ân cần", như cái gọi là cải cách Van-nốp-xki hay như cuộc chu du long trọng và buồn cười khắp nước Nga của Xi-pi-a-ghin và Sa-khốp-xcôi... Cũng có kẻ nào đó trong số kẻ tầm thường ngậy thơ người Nga sẽ thực sự yên tâm do những biện pháp ấy, song hoàn toàn không phải là mọi người đều như thế. Ngay cả những vị trong hội đồng địa phương hiện thời, một nửa là gồm những công chức khiếp nhược, hình như cũng đã bắt đầu thoát khỏi cái trạng thái không ngừng run sợ mà họ phải lâm vào do sống dưới thời đại khổ cực của "Đức vua - người sáng tạo ra hòa bình", một thời đại đã lui vào dĩ vãng.

Sau khi vứt bỏ những bức màn e lệ thô sơ, thì cụ lớn quan liêu chủ nghĩa đã gây ra cảm giác căm phẫn và ghê tởm ngay trong những người nhút nhát đó, những người hầu như không còn dũng cảm và đạo đức công dân nữa.

Người ta báo cho chúng tôi biết, cuối tháng Sáu, ở thành phố NN (vì lo xa chúng tôi không nêu tên thành phố) đã có một đại hội của những nhà hoạt động của hội đồng địa phương. Người ta bảo rằng ở đại hội có mặt độ 40 - 50 vị hội đồng địa phương của mấy tỉnh.

Dĩ nhiên các vị hội đồng địa phương họp nhau lại không phải để giải quyết những vấn đề chính trị, mà để giải quyết những nhiệm vụ hòa bình, thuần túy của hội đồng địa phương; họ họp nhau lại mà "không vi phạm thẩm quyền của họ và giới hạn quyền lực của họ", như luật lệ hội đồng địa phương (điều khoản 87) đã nói một cách văn vẻ; song le hội nghị đã được triệu tập mà nhà cầm quyền không hay biết và không cho phép, và do đó, nói theo lời lẽ của luật trên, thì hội nghị đã họp "với sự vi phạm trật tự hoạt động của các cơ quan hội đồng địa phương", còn các vị hội đồng địa phương dự hội nghị thì từ những vấn đề hiền lành, vô hại đã chuyển — mà họ không nhận thấy — sang thảo luận tình hình chung của sự vật. Lô-gích của cuộc sống là như thế: những vị hội đồng địa phương có lương tri, tuy đôi khi hết sức lảng tránh cự tuyệt chủ nghĩa cấp tiến và hoạt động bất hợp pháp, song cũng đã bị tình thế đẩy đến chỗ thấy cần thiết phải có tổ chức bất hợp pháp và phương thức hành động kiên quyết hơn. Lên án con đường tất nhiên và hoàn toàn đúng đắn đó dĩ nhiên không phải là chúng tôi. Đã đến lúc những nhà hoạt động trong hội đồng địa phương cũng phải chống lại, một cách kiên quyết và có tổ chức, cái chính phủ ngoan cố đã giết quyền tự quản của thôn xã, đã làm méo mó quyền tự quản ở tỉnh, huyện và thành phố, đã quai lười búa lên trên những tàn tích còn lại của các cơ quan hội đồng địa phương với tinh thần triệt để của một con lừa. Người ta bảo rằng ở đại hội, một vị hội đồng địa phương già cả và được kính nể, trong khi thảo luận vấn đề cần phải đấu tranh như thế nào chống luật hạn chế quyền đánh thuế của hội đồng địa phương, đã kêu lớn: "Những người hội

đồng địa phương đã đến lúc phải nói tiếng nói của họ, hoặc họ sẽ không bao giờ nói được nữa!". Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với tiếng hét của nhà hoạt động tự do chủ nghĩa sẵn sàng kêu gọi đấu tranh công khai chống chế độ chuyên chế quan lại ấy. Hội đồng địa phương đang đứng trước một cuộc phá sản bên trong. Và nếu những vị hội đồng địa phương ưu tú giờ đây không chịu dùng những biện pháp kiên quyết, nếu họ không đoạn tuyệt với cái "đầu óc Ma-ni-lốp" ⁵⁹ quen thuộc của họ, với những vấn đề nhỏ nhặt, thứ yếu của họ — với cái việc "tráng men" cho các chậu, như một trong các vị hội đồng địa phương đáng kính đã nói — thì hội đồng địa phương sẽ dần dần vắng người và trở thành một "công sở" bình thường thôi. Cái chết không vinh quang đó không thể nào tránh được, bởi vì không thể trong hàng chục năm chỉ làm có việc sợ hãi, cảm ơn và xin xỏ một cách hèn hạ, mà không bị trừng phạt; phải đe dọa, đòi hỏi và vứt bỏ cái trò ba hoa rỗng tuếch, phải bắt tay vào công việc thực sự.

"Tia lửa", số 8, ngày 10 tháng
Chín 1901

Theo đúng bản in trên báo
"Tia lửa"

VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ "NHỮNG KẺ PHÊ PHÁN MÁC" ⁶⁰

Các chương I - IX viết xong
vào tháng Sáu - tháng Chín
1901; các chương X - XII viết
xong vào mùa thu 1907.

Các chương I - IV in lần đầu
vào tháng Chạp 1901, trên tạp
chí "Bình minh", số 2 - 3; các
chương V - IX in lần đầu vào
tháng Hai 1906 trên tạp chí
"Giáo dục", số 2; các chương X -
XI in lần đầu vào năm 1908,
trong Văn tập: VI. I-lin. "Vấn
đề ruộng đất". Phần I. Xanh Pê-
téc-bua; chương XII in lần đầu
vào năm 1908 trong Văn tập
"Đời sống hàng ngày". Xanh
Pê-téc-bua.

Các chương I - IX theo đúng
bản in trên tạp chí, có đối
chiếu với bản in trong Văn
tập "Vấn đề ruộng đất"; các
chương X - XI theo đúng bản
in trong Văn tập "Vấn đề
ruộng đất"; chương XII theo
đúng bản in trong Văn tập
"Đời sống hàng ngày".

XV.

1906.

9

ОБРАЗОВАНИЕ.

ЖУРНАЛЪ

*Литературный**и**общественно-политическій.**№ 2.*

С.-ПЕТЕРБУРГЪ.

Типо-литографія В. М. Вольфа. Разъѣзжая, 15.

1906.

Bìa trong tạp chí "Giáo dục", số 2, 1906; trong số này đã đăng những chương V - IX của tác phẩm của V. I. Lê-nin "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác".

"... Chứng minh... rằng chủ nghĩa Mác giáo điều đã bị đuổi ra khỏi trận địa của nó trong lĩnh vực các vấn đề ruộng đất, — như thế có khác nào như xô cái cánh cửa mở sẵn"... Tạp chí "Cửa cải nước Nga" ⁶¹ năm ngoái đã mượn lời ông V. Tséc-nốp để nói lên điều đó (1900, số 8, tr. 204). Cái "chủ nghĩa Mác giáo điều" ấy có một tính chất mới kỳ quái làm sao! Đã bao nhiêu năm nay những người có học thức và có học thức nhất ở châu Âu đã tuyên bố một cách trịnh trọng (và các nhà viết báo, viết tạp chí cũng lặp đi lặp lại mãi) rằng chủ nghĩa Mác đã bị "các nhà phê phán" đuổi ra khỏi trận địa của nó, — thế mà mỗi nhà phê phán mới khi bắt đầu nổ súng thì lại cứ ra sức nã vào cái trận địa gọi là đã bị tiêu diệt rồi đó. Ông V. Tséc-nốp, chẳng hạn, cả trong tạp chí "Cửa cải nước Nga" lẫn trong tập "Trên vị trí quang vinh", *suốt trong 240 trang*, ông đã "xô cái cánh cửa mở sẵn", trong khi "nói chuyện" với bạn đọc về một cuốn sách của Héc-xơ. Cuốn sách của Héc-xơ được trình bày lại rất tỉ mỉ đó đã được dịch ra tiếng Nga rồi, mà cuốn sách ấy thì lại nói chuyện với chúng ta về một cuốn sách của Cau-xky. Ông Bun-ga-cốp để thực hiện lời hứa của mình là sẽ bác bỏ Cau-xky, ông đã xuất bản cả một pho sách nghiên cứu gồm hai tập. Hiện nay, quả thực không ai còn tìm thấy được tàn tích của cái "chủ nghĩa Mác giáo điều" đó nữa, vì nó đã bị cái đống sách báo phê phán chất thành núi kia nghiền tan nát rồi.

I

"QUY LUẬT" RUỘNG ĐẤT GIẢM BỚT MÀU MỠ

Trước hết, chúng ta hãy xét toàn bộ bộ mặt lý luận của các nhà phê phán. Ngay trong tạp chí "Bước đầu"⁶², ông Bun-ga-cốp đã viết một bài chống lại "Vấn đề ruộng đất" của Cau-xky và đã để lộ ra ngay tất cả những thủ đoạn "phê phán" của mình. Với một sự hùng hổ và lỗ mãng phi thường của một anh chàng kỹ sĩ thực sự, ông ta đã "đánh" cho Cau-xky "không còn manh giáp"; gán cho Cau-xky những lời mà ông này không hề nói; buộc tội Cau-xky là đã không biết gì về những tình tiết và ý kiến mà chính Cau-xky đã trình bày một cách chính xác; lấy những kết luận do Cau-xky đã rút ra đem trình bày với bạn đọc như là những kết luận phê phán của bản thân mình. Với cái vẻ một người thông thái, ông Bun-ga-cốp buộc tội Cau-xky là đã lẫn lộn kỹ thuật với kinh tế, — nhưng trong khi làm như thế, bản thân ông ta chẳng những đã để lộ rõ quan niệm hết sức lầm lẫn của mình, mà còn để lộ ra rằng ông ta không chịu đọc nốt những trang mà ông ta đã trích dẫn trong sách của đối phương. Đương nhiên là bài của nhà giáo sư tương lai đây rầy những lời công kích nhằm tai nhằm chống lại những người xã hội chủ nghĩa, chống "thuyết về phá sản", chống chủ nghĩa không tưởng, chống sự tin tưởng vào những phép màu nhiệm, v. v.*. Hiện nay trong luận văn tiến sĩ của ông ta ("Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp", Xanh Pê-téc-bua, 1900), ông Bun-ga-cốp đã triệt

* Lúc đó tôi đã trả lời ngay bài của ông Bun-ga-cốp trong tạp chí "Bước đầu" bằng bài "Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp". Vì tạp chí "Bước đầu" đóng cửa, nên bài của tôi đã đăng trên tạp chí "Đời sống"⁶³, 1900, số 1 và 2¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 121-193. Đây là chú thích của tác giả viết cho bản in năm 1908.

để thanh toán với chủ nghĩa Mác và đã đưa sự tiến hóa "phê phán" của mình đến cái điểm kết lõ-gích của nó.

Ông Bun-ga-cốp đã đặt "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" làm hòn đá tảng cho "lý luận về phát triển nông nghiệp" của ông ta. Ông ta đưa lại cho chúng ta những đoạn trích dẫn trong các tác phẩm của các tác giả kinh điển đã xác lập "quy luật" đó (theo quy luật này thì mỗi lần bỏ thêm lao động và tư bản vào ruộng đất, sẽ không đem lại một số lượng sản phẩm bổ sung thích ứng nhưng lại đem lại một số lượng sản phẩm bổ sung giảm bớt đi). Ông ta lại báo cho chúng ta biết một danh sách những nhà kinh tế học Anh đã thừa nhận quy luật ấy. Ông ta nói chắc rằng quy luật ấy "có một ý nghĩa phổ biến", rằng đó là "một chân lý hoàn toàn hiển nhiên, tuyệt đối không thể nào phủ nhận được", "chỉ cần khẳng định nó một cách rõ ràng là đủ", v.v. và v.v.. Ông Bun-ga-cốp càng nói lên dứt khoát ý kiến của mình, thì người ta càng thấy rõ ông ta *đi lùi* về với chính trị kinh tế học tư sản, đã làm lu mờ các quan hệ xã hội bằng những "quy luật vĩnh hằng" hư cấu. Thật thế, sự "hiển nhiên" của cái "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" khét tiếng đó chung quy là ở chỗ nào? Ở chỗ là nếu việc liên tục bỏ thêm lao động và tư bản vào ruộng đất mà đem lại một số lượng sản phẩm vẫn nguyên như cũ, chứ không giảm bớt đi, như thế thì nói chung không có lý do gì để mở rộng thêm diện tích canh tác, như thế thì số lượng lúa mì thêm vào có thể được sản xuất trên cùng một diện tích ruộng đất như cũ, dù cho diện tích đó có nhỏ đến đâu đi chăng nữa, và như thế thì "người ta có thể tiến hành nông nghiệp của toàn trái đất trên một đê-xi-a-tin ruộng đất mà thôi". Đây là cái luận cứ mà người ta vẫn thường đưa ra (*và là cái luận cứ duy nhất*) để bênh vực cho cái quy luật "phổ biến" ấy. Nhưng chỉ cần suy nghĩ một tý thôi cũng đủ cho mọi người thấy rằng cái luận cứ đó chỉ là một khái niệm trừu tượng trống rỗng, nó đã bỏ rơi mất điều trọng yếu

nhất là: trình độ kỹ thuật và tình trạng lực lượng sản xuất. Về thực chất, bản thân cái khái niệm: "bỏ thêm (hoặc bỏ một cách liên tục) lao động và tư bản" cũng *giả định* sự thay đổi phương thức sản xuất, cách tân kỹ thuật. Để tăng thêm số lượng tư bản đầu tư vào ruộng đất trên một quy mô rất lớn, thì cần phải *phát minh* ra máy móc mới, chế độ canh tác mới, phương pháp mới để nuôi dưỡng súc vật, để vận chuyển sản phẩm, v.v. và v.v.. Dĩ nhiên là có thể tiến hành (và người ta đang tiến hành) việc "bỏ thêm lao động và tư bản" với một quy mô tương đối nhỏ và trên cơ sở một trình độ kỹ thuật nhất định và không thay đổi: trong trường hợp đó, "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" được áp dụng đến *một mức độ nào đó*, áp dụng theo cái nghĩa là tình trạng kỹ thuật không thay đổi đặt ra cho việc bỏ thêm lao động và tư bản những phạm vi tương đối rất chật hẹp. Như vậy, chúng ta không có được một quy luật phổ biến, mà lại có một "quy luật" cực kỳ tương đối, — tương đối đến nỗi không thể nói đến một "quy luật" nào cả, và thậm chí cũng không thể nói đến một đặc trưng trọng yếu nào của nông nghiệp cả. Giả thử có một tình trạng như sau: áp dụng chế độ luân canh ba thửa, gieo hạt giống theo lối cổ truyền, chăn nuôi súc vật để lấy phân, thiếu đồng cỏ cải tiến và nông cụ cải tiến. Rõ ràng là nếu tình hình như thế mà không thay đổi thì phạm vi thêm lao động và tư bản vào ruộng đất sẽ hết sức nhỏ hẹp. Nhưng ngay cả trong phạm vi hẹp đó mà việc bỏ thêm lao động và tư bản vẫn còn có thể tiến hành được, thì *cũng tuyệt nhiên không phải là bao giờ và không phải là nhất thiết* hiệu suất của mỗi lần đầu tư thêm đó phải giảm đi. Cứ lấy công nghiệp mà xét. Hãy hình dung, chẳng hạn, một cối xay bột hay một lò rèn trong thời kỳ trước khi có thương nghiệp thế giới và trước khi phát minh ra máy chạy bằng hơi nước. Trong tình trạng kỹ thuật như thế, thì phạm vi bỏ thêm lao động và tư bản vào lò rèn và vào cối xay chạy bằng gió và nước rất là

nhỏ hẹp; một điều nhất định đã xảy ra là cho đến khi những cải biến căn bản về phương pháp sản xuất chưa tạo ra được một cơ sở cho những hình thức công nghiệp mới, thì số lò rèn nhỏ và cối xay nhỏ vẫn tăng lên rất nhiều.

Như vậy là: "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" hoàn toàn không thể áp dụng được vào những trường hợp mà kỹ thuật đang phát triển và những phương pháp sản xuất đang biến đổi; nó chỉ được áp dụng một cách rất tương đối và có điều kiện vào những trường hợp mà kỹ thuật vẫn đứng nguyên, không biến chuyển. Vì thế cho nên cả Mác lẫn những người theo chủ nghĩa Mác đều không nói gì đến "quy luật" đó cả; chỉ có bọn đại biểu cho khoa học tư sản, loại như Bren-ta-nô mới làm rùm beng về cái quy luật đó, bọn này hoàn toàn không thể nào rời khỏi được những thiên kiến của chính trị kinh tế học cũ với những quy luật trừu tượng, vĩnh hằng và tự nhiên của nó.

Ông Bun-ga-cốp biện hộ cho cái "quy luật phổ biến" ấy với những luận cứ thật đáng buồn cười.

"Cái mà trước kia giới tự nhiên đem lại biểu không cho con người, thì nay con người phải tự tay làm lấy: gió và mưa xói đất lên, còn đất thì đầy rẫy chất màu mỡ, con người chỉ cần ra sức chút ít là có thể có được cái cần thiết. Cùng với thời gian, con người phải gánh vác một phần lao động sản xuất ngày càng nhiều lên; bất cứ ở đâu cũng thế, quá trình nhân tạo ngày càng thay thế cho quá trình tự nhiên. Song nếu trong công nghiệp điều đó biểu hiện thắng lợi của con người đối với giới tự nhiên, thì trong nông nghiệp điều đó lại chứng tỏ rằng khó khăn trong đời sống ngày càng tăng vì tặng vật của giới tự nhiên ngày càng giảm bớt.

Trong trường hợp ở đây, tình trạng khó khăn về sản xuất lương thực tăng lên được thể hiện trong tình trạng lao động của con người tăng lên hay là được thể hiện trong tình trạng sản phẩm của lao động của con người, chẳng hạn như công cụ sản xuất hay phân bón, v. v., tăng lên thì cũng

thế thôi" (ông Bun-ga-cốp muốn nói: tình trạng khó khăn về sản xuất lương thực tăng lên được thể hiện trong tình trạng lao động của con người tăng lên hay là được thể hiện trong tình trạng sản phẩm của lao động của con người tăng lên, thì cũng thế thôi); "chỉ có điều quan trọng là: về sự khó khăn ấy, con người càng ngày càng phải trả một giá đắt hơn. Đem lao động của con người mà thay cho lực lượng của tự nhiên, đem những nhân tố nhân tạo mà thay cho nhân tố tự nhiên trong sản xuất, chính đó là quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" (tr. 16).

Rõ ràng là thành tích của hai ông Xtơ-ru-vê và Tu-gan — Ba-ra-nốp-xki làm cho ông Bun-ga-cốp mất ăn mất ngủ: hai ông đã đi đến kết luận rằng không phải con người làm việc nhờ vào máy móc, mà chính là máy móc làm việc nhờ vào con người. Cũng giống như các nhà phê phán đó, ông Bun-ga-cốp đã rơi xuống trình độ của kinh tế học tầm thường, khi ông ta nói đến việc lao động của con người *thay thế* cho lực lượng của tự nhiên, v. v.. Nói chung, không thể lấy lao động của con người mà thay thế cho lực lượng của tự nhiên, cũng như không thể đem ác-sin¹⁾ mà thay thế cho pút²⁾ vậy. Cả trong công nghiệp lẫn trong nông nghiệp, con người chỉ có thể sử dụng được tác dụng của lực lượng tự nhiên khi nào họ nắm được tác dụng của những lực lượng đó, và dùng máy móc, dụng cụ, v. v., để làm cho việc sử dụng đó được *dễ dàng*. Câu chuyện nói rằng con người nguyên thủy có được đủ mọi thứ cần dùng của mình là do giới tự nhiên đem lại tặng không cho họ, — câu chuyện đó là một câu chuyện bịa đặt ngu xuẩn làm cho ngay cả những sinh viên mới bước vào đại học cũng phải chê cười ông Bun-ga-cốp. Trước thời đại chúng ta không có thời đại hoàng kim nào cả; và con người nguyên thủy thì hoàn toàn bị các khó khăn

1) — ác-sin: một đơn vị đo chiều dài bằng 0,71m

2) — pút: một đơn vị đo trọng lượng bằng 16,38 kg

của đời sống và các khó khăn trong cuộc đấu tranh với giới tự nhiên áp đảo. Việc dùng máy móc và các phương pháp sản xuất cải tiến làm cho con người được vô cùng dễ dàng trong cuộc đấu tranh đó nói chung, và trong việc sản xuất lương thực, nói riêng. Sản xuất lương thực không có gì khó khăn hơn, nhưng công nhân kiếm lương thực thì khó khăn hơn; khó khăn hơn là vì sự phát triển tư bản chủ nghĩa đã làm cho địa tô và giá ruộng đất tăng lên, đã tập trung nông nghiệp trong tay bọn tư bản lớn và nhỏ, và đã tập trung nhiều hơn nữa máy móc, dụng cụ và tiền bạc, tức là tập trung những cái mà nếu thiếu thì không thể nào sản xuất có kết quả. Cho rằng việc giới tự nhiên giảm bớt tặng vật là nguyên nhân làm cho điều kiện sinh hoạt của công nhân càng ngày càng khó khăn hơn, — như thế có nghĩa là người ta đã trở thành kẻ biện hộ cho chủ nghĩa tư bản.

"Chấp nhận quy luật đó, — ông Bun-ga-cốp nói tiếp, — chúng tôi tuyệt nhiên không có ý khăng định rằng khó khăn không ngừng tăng lên trong việc sản xuất lương thực; chúng tôi cũng không hề phủ nhận bước tiến đã đạt được trong nông nghiệp. Khăng định điều thứ nhất, và phủ nhận điều thứ hai, đều là trái với sự thật hiển nhiên. Không nghi ngờ gì cả, khó khăn đó không phải là tăng lên một cách không ngừng, sự phát triển tiến theo con đường quanh co ngoắt ngoéo. Những phát minh trong nông học và những cải tiến kỹ thuật đều biến ruộng đất cằn cỗi thành ruộng đất phì nhiêu và tạm thời thủ tiêu cái xu thế biểu lộ trong cái quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" (ibid.¹⁾).

Thật là sâu sắc đấy chứ?

Tiến bộ kỹ thuật là một xu thế "tạm thời"; còn quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ, tức là giảm bớt (nhưng không phải luôn luôn như thế) năng suất của những sự đầu tư thêm tư bản trên cơ sở kỹ thuật không thay đổi, thì lại

1) — ibidem: như trên

"có một ý nghĩa phổ biến" đấy! Như thế hoàn toàn chẳng khác gì nói rằng: tàu hỏa đở ở các ga là một quy luật phổ biến của vận tải chạy bằng hơi nước, còn tàu hỏa vận chuyển giữa hai ga là một xu thế tạm thời, một xu thế làm cho quy luật phổ biến về việc đở lại không phát huy được tác dụng.

Cuối cùng, có vô vàn tài liệu rõ ràng là bác bỏ tính chất phổ biến của quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ: tài liệu về dân cư nông nghiệp và dân cư phi nông nghiệp. Bản thân ông Bun-ga-cốp đã thừa nhận rằng "nếu mỗi nước chỉ giới hạn ở những tài nguyên thiên nhiên của mình, thì việc sản xuất lương thực sẽ đòi hỏi phải có một số lượng lao động và, do đó, một số lượng dân cư nông nghiệp thường xuyên tăng lên một cách tương đối" (xin hãy chú ý điểm cuối cùng đó!) (tr. 19). Người ta cho rằng số dĩ dân cư nông nghiệp ở Tây Âu giảm đi, thì đó là do việc nhập khẩu lúa mì đã khiến cho người ta loại trừ được tác dụng của quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ. — Giải thích như thế thật là tuyệt, chứ còn gì nữa! Nhà học giả của chúng ta đã quên mất một điều nho nhỏ là: hiện tượng nhân khẩu nông nghiệp giảm sút một cách tương đối đã thấy trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả những nước nông nghiệp lẫn những nước nhập khẩu lúa mì. Nhân khẩu nông nghiệp giảm sút một cách tương đối ở Mỹ và ở Nga; ở Pháp thì từ cuối thế kỷ XVIII, nhân khẩu nông nghiệp giảm đi (xin xem những con số trong cũng cuốn sách đó của ông Bun-ga-cốp, II, tr. 168), chẳng những thế, sự giảm sút tương đối đó thậm chí có lúc lại biến thành giảm sút tuyệt đối, còn tình trạng nhập siêu về lúa mì, thì ngay từ những năm 30 và 40 đã là hoàn toàn không đáng kể, và *chỉ từ sau năm 1878* thì mới hoàn toàn không còn có năm nào xảy ra tình trạng xuất siêu về lương thực nữa*. Ở nước Phổ,

* "Statistique agricole de la France (Enquête de 1892)". P. 1897, P. 113¹⁾

1) — "Thống kê nông nghiệp nước Pháp (Điều tra năm 1892)". Pa-ri, 1897, tr. 113

nhân khẩu nông nghiệp giảm đi một cách tương đối từ 73,5% năm 1816 xuống 71,7% năm 1849, và xuống 67,5% năm 1871, còn nhập khẩu đại mạch chỉ bắt đầu từ đầu những năm 60, và nhập khẩu tiểu mạch bắt đầu từ đầu những năm 70 (như trên, II, 70 và 88). Sau rốt, nếu chúng ta lấy những nước Âu châu nhập khẩu lúa mì ra mà xét, — chẳng hạn như nước Pháp và nước Đức, trong khoảng mười năm vừa qua, — thì chúng ta sẽ thấy *một bước tiến rõ rệt* trong nông nghiệp đã xảy ra đồng thời với *một sự giảm sút tuyệt đối* về số lượng công nhân dùng trong nông nghiệp: ở Pháp, con số đó giảm từ 6 913 504 năm 1882 xuống 6 663 135 năm 1892 ("Statist. agric.", ph. II, tr. 248 - 251), và ở Đức thì giảm từ 8 064 000 năm 1882 xuống 8 045 000 năm 1895*. Như vậy có thể nói rằng *toàn bộ* lịch sử thế kỷ XIX, thông qua vô vàn tài liệu về những nước khác nhau nhất, đã chứng minh một cách không thể nào chối cãi được rằng cái quy

* "Statistik des Deutschen Reichs", Neue Folge. Bd. 112: "Die Landwirtschaft im Deutschen Reich". Berlin, 1898, S. 6¹⁾. Tiến bộ kỹ thuật diễn ra trong khi nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống, — sự thật đó dĩ nhiên không làm cho ông Bun-ga-cốp hài lòng chút nào cả, vì nó hoàn toàn phá hoại cái chủ nghĩa Man-tuyt⁶⁴ của ông ta. Cho nên "nhà học giả nghiêm túc" của chúng ta đã dùng đến cái ngón xảo trá sau đây: đáng lẽ xét nông nghiệp theo cái nghĩa đen của nó (tức là công việc canh tác, chăn nuôi, v. v.), thì ông ta lại xét (sau khi dẫn ra các tài liệu về số lượng sản phẩm *nông nghiệp* từng héc-ta tăng lên!) "nông nghiệp theo nghĩa rộng", tức là cái nghĩa mà tài liệu thống kê Đức căn cứ vào đó đã kê cả nghề trồng trọt trong nhà kính, nghề làm vườn để bán, và *cả lâm nghiệp lẫn ngư nghiệp nữa!* Như vậy là tổng số người thực sự tham gia "nông nghiệp" tăng lên!! (Bun-ga-cốp, II, 133). Những con số dẫn ra trên kia là về những người lấy nông nghiệp làm nghề *chủ yếu*. Số người lấy nông nghiệp làm nghề phụ đã tăng từ 3 144 000 lên 3 578 000. Đem cộng những con số đó vào những con số trước kia, như thế là không đúng lắm; nhưng dù có làm như thế thì con số tăng lên cũng rất ít: từ 11 208 000 lên 11 623 000.

1) — "Thống kê của Đế quốc Đức". Loại mới. Tập 112: "Nông nghiệp trong Đế quốc Đức". Béc-lanh, 1898, tr. 6

luật "phổ biến" ruộng đất giảm bớt màu mỡ đã *hoàn toàn không phát sinh được tác dụng* trước cái xu thế "tạm thời" của tiến bộ kỹ thuật cho phép một dân số nông nghiệp đang giảm sút đi một cách tương đối (và thậm chí đôi khi tuyệt đối) có thể sản xuất được một số lượng sản phẩm nông nghiệp ngày càng tăng cho một khối dân cư ngày càng tăng.

Nhân đây xin nói thêm rằng, số tài liệu thống kê to lớn đó cũng hoàn toàn bác bỏ hai điểm chủ yếu sau đây trong "lý luận" của ông Bun-ga-cốp: một là, lời khẳng định của ông ta nói rằng "hoàn toàn không thể ứng dụng được vào nông nghiệp" cái lý luận cho rằng tư bản bất biến (công cụ sản xuất và nguyên liệu sản xuất) tăng nhanh hơn tư bản khả biến (sức lao động). Ông Bun-ga-cốp nói rất trịnh trọng rằng lý luận đó sai, và để luận chứng cho ý kiến của mình, ông ta dẫn ra: a) "giáo sư A. Xơ-voóc-txốp" (con người mà điểm nổi tiếng hơn cả là ở chỗ đã cho lý luận của Mác về tỷ suất lợi nhuận bình quân là một thứ tuyên truyền có ác ý); và b) sự việc là trong điều kiện kinh doanh được đầy mạnh thì số công nhân theo từng đơn vị diện tích ruộng đất đều tăng lên. Đó là một thí dụ chứng tỏ thái độ cố ý không muốn hiểu Mác, thái độ mà bọn đại biểu cho phái phê phán theo thời trang vẫn thường để lộ ra. Xin cứ thử nghĩ mà xem: cái lý luận nói rằng tư bản bất biến tăng nhanh hơn tư bản khả biến bị bác bỏ bởi cái sự kiện là *tư bản khả biến* tăng lên theo từng đơn vị diện tích ruộng đất ! Ông Bun-ga-cốp *không thấy được* rằng chính những tài liệu thống kê mà ông ta đã dẫn ra khá nhiều đó lại xác nhận lý luận của Mác. Nếu trong toàn bộ nông nghiệp nước Đức, số công nhân giảm đi từ 8 064 000 người năm 1882 xuống 8 045 000 người năm 1895 (và nếu thêm vào đó số người lấy nông nghiệp làm nghề phụ thì con số đó tăng lên từ 11 208 000 lên 11 623 000 người, tức là chỉ tăng lên 3,7%) trong lúc mà cũng trong thời kỳ đó, số gia súc tăng từ 23 000 000 lên

25 400 000 con (đây là tính tất cả thành gia súc lớn), nghĩa là hơn 10%; nếu số trường hợp dùng 5 loại máy nông nghiệp trọng yếu nhất tăng từ 458 000 lên 922 000, nghĩa là quá gấp đôi; nếu số phân bón được nhập khẩu đã tăng từ 636 000 tấn (1883) lên 1 961 000 tấn (1892), và số bột pô-tát nhập khẩu tăng từ 304 000 xen-tơ-ne kép¹⁾ lên 2 400 000 *, — thì như vậy há chẳng rõ ràng là tỷ lệ của tư bản bất biến so với tư bản khả biến đã tăng lên hay sao? Ấy là chúng ta chưa nói rằng những tài liệu tổng quát đó đã che giấu, trong một phạm vi rất lớn, tiến bộ của đại sản xuất. Điểm đó, sau này chúng ta sẽ bàn đến.

Hai là, tiến bộ của nông nghiệp trong tình hình nhân khẩu nông nghiệp giảm đi hay tăng lên tuyệt đối nhưng không đáng kể — đã hoàn toàn bác bỏ cái mưu toan vô lý của ông Bun-ga-cốp hòng làm sống lại chủ nghĩa Man-tuyt. Trong số những người "nguyên là mác-xít" Nga, ông Xơ-ru-vê vị tất đã không phải là người đầu tiên thực hiện mưu toan đó trong cuốn "Những ý kiến phê phán" của ông ta, nhưng, như lệ thường, ông ta cũng chỉ có được những ý kiến ngập ngừng, nửa vờ và không rõ ràng, những ý kiến không được suy nghĩ chín chắn và không thành một hệ thống quan điểm. Ông Bun-ga-cốp thì dững cảm hơn và triệt để hơn: ông ta không chút ngần ngại biến cái "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" thành "một trong những quy luật trọng yếu nhất trong lịch sử của văn minh" (sic! tr. 18). "Nếu không có quy luật đó, thì người ta sẽ không thể nào hiểu được toàn bộ lịch sử thế kỷ XIX... với những vấn đề về giàu có và nghèo khổ của nó". "Tôi không chút nào nghi ngờ rằng vấn đề xã hội, dưới cái cách đặt vấn đề hiện nay

* "Statist. d. D. R.", 112, S. 36 ²⁾; Bun-ga-cốp, II, 135.

1) — tức là tạ (100kg).

2) — "Thống kê của Đế quốc Đức", tập 112, tr. 36 ★; Bun-ga-cốp, II, tr. 135

của nó, lại không mật thiết liên hệ khá nhiều với quy luật đó" (nhà học giả nghiêm túc của chúng ta đã tuyên bố như thế ngay ở trang 18 trong "trước tác nghiên cứu" của ông ta đấy)!. Ở cuốn sách đó, ông ta lại nói: "Không nghi ngờ gì cả, ở chỗ nào mà có nhân khẩu thừa, thì một phần nào đó của sự nghèo khổ phải được coi là *nghèo khổ tuyệt đối*, nghèo khổ do sản xuất, chứ không phải do phân phối" (II, 221). "Theo ý tôi thì vấn đề nhân khẩu, dưới cái cách đặt vấn đề riêng của nó, một cách đặt vấn đề do những điều kiện của sản xuất nông nghiệp sinh ra, chính là khó khăn chủ yếu — ít ra là hiện nay — mà chúng ta vấp phải trên con đường thực hiện rộng rãi đôi chút những nguyên tắc tập thể hoặc hợp tác trong kinh doanh nông nghiệp" (II, 265). "Quá khư để lại cho tương lai thừa hưởng vấn đề lúa mì, vấn đề còn ghê gớm và khó khăn hơn là vấn đề xã hội, — đó là vấn đề sản xuất chứ không phải vấn đề phân phối" (II, 455), vân vân, vân vân và vân vân. Chúng ta không cần phải nói về ý nghĩa khoa học của cái "lý luận" mật thiết gắn liền với quy luật phổ biến là quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ đó nữa, vì chúng ta đã phân tích quy luật đó rồi. Nhưng, việc ve vãn có tính chất phê phán đối với chủ nghĩa Man-tuyt trong sự phát triển lô-gích tất nhiên của nó, đã đưa đến chủ nghĩa biện hộ tư sản tầm thường nhất, — sự thật đó đã được những kết luận của ông Bun-ga-cốp mà chúng ta dẫn ra trên kia, chứng nhận một cách hết sức thành thật.

Trong bài sau, chúng ta sẽ nghiên cứu những tài liệu lấy trong một số xuất xứ mới do các nhà phê phán của chúng ta chỉ ra (các nhà phê phán luôn luôn lải nhải bên tai chúng ta rằng các nhà mác-xít chính thống tránh đi vào chi tiết), và chỉ ra rằng ông Bun-ga-cốp, nói chung, biến tiếng "nhân khẩu quá thừa" thành một khuôn sáo giúp cho ông ta tránh phải phân tích gì cả, đặc biệt là phân tích những mâu thuẫn giai cấp trong "nông dân". Giờ đây, chỉ giới hạn ở mặt lý luận chung của vấn đề ruộng đất, chúng ta còn phải bàn

đến lý luận địa tô. "Còn về Mác, — ông Bun-ga-cốp viết, — thì trong quyển III bộ "Tư bản", nếu lấy quyển này nguyên vẹn như hiện nay chúng ta thấy nó, so với lý luận địa tô chênh lệch của Ri-các-đô, ông không thêm được gì đáng chú ý cả" (tr. 87). Chúng ta hãy nhớ lấy những tiếng "không thêm được gì đáng chú ý cả" và đem lời phán quyết của nhà phê phán so sánh với lời tuyên bố sau đây mà trước kia ông đã nói: "Mặc dầu rõ ràng là phủ định quy luật đó (quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ), nhưng Mác vẫn tiếp thu những nguyên lý cơ bản trong lý luận địa tô của Ri-các-đô, tức là lý luận dựa trên quy luật đó" (tr. 13). Thế là, theo lời ông Bun-ga-cốp, Mác đã không thấy được mối liên hệ giữa lý luận địa tô của Ri-các-đô và quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ, và do đó khó thoát được ra khỏi cái vòng luẩn quẩn! Đối với một sự phân tích như thế, chúng ta chỉ có thể nói một điều là: không ai xuyên tạc Mác bằng những kẻ nguyên là người mác-xít, không ai lại sỗ sàng trắng trợn một cách không thể tưởng tượng được đến như thế để mà gán hàng nghìn tội đáng chết cho nhà trước tác mình phê phán.

Lời khẳng định của ông Bun-ga-cốp là sự xuyên tạc sự thật một cách trắng trợn. Thật ra, Mác không những đã thấy mối liên hệ giữa lý luận địa tô của Ri-các-đô và cái học thuyết sai lầm của ông ta về ruộng đất giảm bớt màu mỡ, mà lại còn hết sức dứt khoát vạch trần sai lầm của Ri-các-đô nữa. Ai đã đọc quyển III bộ "Tư bản", dù chỉ đọc "chăm chú" chút ít thôi, cũng đều không thể nào lại không thấy một điểm rất "đáng chú ý" là chính Mác đã *giải thoát* lý luận địa tô chênh lệch khỏi *mọi mối liên hệ* với cái "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" khét tiếng đó. Mác đã chỉ rõ rằng hiệu suất khác nhau của những sự đầu tư tư bản khác nhau vào ruộng đất, đó là điều kiện tất yếu và đầy đủ để hình thành ra địa tô chênh lệch. Ruộng đất sẽ chuyển từ tốt thành xấu hay ngược lại, từ xấu thành tốt,

hiệu suất của những sự đầu tư thêm tư bản vào ruộng đất giảm xuống hay tăng lên, vấn đề đó hoàn toàn không quan trọng gì cả. Trong thực tế, xảy ra đủ mọi thứ kết hợp của các trường hợp khác nhau đó, cho nên không thể nào đem gộp tất cả các kết hợp đó vào một quy tắc chung duy nhất được. Chẳng hạn, Mác trước hết miêu tả hình thái thứ nhất của địa tô chênh lệch do hiệu suất khác nhau của tư bản đầu tư vào những mảnh ruộng đất khác nhau sinh ra, rồi ông dùng đồ biểu để minh họa bản trình bày của mình (ông Bun-ga-cốp khi nói về những đồ biểu đó, đã nghiêm khắc trách cứ Mác là đã "quá ưa thích khoác cho những tư tưởng của mình — nhiều khi những tư tưởng rất giản đơn — một bộ áo toán học phức tạp". Cái bộ áo toán học phức tạp ấy chỉ giới hạn ở bốn phép tính số học, và những tư tưởng rất giản đơn, như chúng ta sẽ thấy, thì nhà giáo sư bác học của chúng ta lại hoàn toàn không hiểu gì cả). Sau khi phân tích những đồ biểu đó, Mác rút ra kết luận: "Thế là sụp đổ cái tiền đề sai lầm thứ nhất của địa tô chênh lệch vẫn thịnh hành ở Ve-xtơ (West), Man-tuyt, Ri-các-đô; cụ thể là họ cho rằng địa tô chênh lệch nhất thiết giả định việc chuyển sang những ruộng đất ngày càng xấu đi hoặc hiệu suất nông nghiệp không ngừng giảm xuống. Như chúng ta đã thấy, trong điều kiện chuyển sang những ruộng đất ngày càng tốt lên, vẫn có thể có địa tô chênh lệch; nếu đất tốt ở vào vị trí thấp nhất, thay thế cho đất xấu trước kia, thì cũng vẫn có thể có địa tô chênh lệch; địa tô chênh lệch có thể gắn liền với những tiến bộ không ngừng của nông nghiệp. Điều kiện duy nhất của địa tô chênh lệch là ở chỗ các loại đất xấu tốt không đều nhau". (Ở đây Mác không nói về hiệu suất bất đồng của những sự đầu tư tư bản liên tục vào ruộng đất, vì như vậy sẽ nảy ra hình thái *thứ hai* của địa tô chênh lệch, còn trong chương này, Mác chỉ nói đến hình thái *thứ nhất* của địa tô chênh lệch). "Chừng nào mà vấn đề là phát triển hiệu suất, thì địa tô chênh lệch còn

giả định rằng sự phì nhiêu tuyệt đối của toàn bộ diện tích nông nghiệp tăng lên không xóa bỏ tình trạng tốt xấu không đều đó, mà lại hoặc là làm tăng tình trạng đó lên, hoặc là để nguyên, hoặc chỉ làm giảm nó đi" ("Das Kapital", III, 2, S. 199)⁶⁵. Ông Bun-ga-cốp *không thấy được* chỗ khác nhau căn bản giữa lý luận của Mác về địa tô chênh lệch và lý luận của Ri-các-đô về địa tô. Ông ta thích tìm trong quyển III bộ "Tư bản" "một đoạn cho phép người ta nghĩ rằng Mác hoàn toàn không có thái độ phủ định đối với quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" (tr. 13, chú thích). Chúng tôi xin lỗi bạn đọc vì sẽ phải để quá nhiều giấy bàn về một đoạn văn hoàn toàn không quan trọng (đối với vấn đề mà chúng tôi và ông Bun-ga-cốp đang quan tâm đến). Nhưng biết làm thế nào được, một khi mà bọn anh hùng của phái phê phán hiện đại (bọn này đã cả gan buộc tội những người mác-xít chính thống là miệng lưỡi xảo trá) xuyên tạc cái tư tưởng hoàn toàn sáng tỏ của một học thuyết thù địch với chúng, bằng cách dẫn ra những đoạn tách rời khỏi toàn văn và dịch sai lạc đi? Ông Bun-ga-cốp dẫn ra đoạn văn mà ông ta đã tìm thấy như sau: "Đứng về quan điểm phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà xét, thì giá của sản phẩm (*nông nghiệp*) luôn luôn tăng lên một cách tương đối, *vì*" (chúng tôi đề nghị bạn đọc đặc biệt chú ý những chữ do *chúng tôi* viết ngả) "muốn có được sản phẩm thì phải bỏ ra một số chi phí nhất định, phải trả một cái gì mà trước đây người ta không phải trả". Và Mác nói tiếp rằng: những yếu tố tự nhiên chuyển vào trong sản xuất thành nhân tố của sản xuất, không tốn phí gì cả, chính là sức lao động sản xuất của tự nhiên cho không; nhưng nếu để sản xuất một sản phẩm phụ thêm người ta phải làm việc không có sự giúp đỡ của lực lượng tự nhiên đó thì như vậy người ta cần phải chi thêm tư bản mới, và điều đó sẽ dẫn đến chỗ làm cho sản xuất đắt hơn.

Về cái lối "trích dẫn" như thế, chúng ta cần phải nhận xét ba điểm. Một là, *ông Bun-ga-cốp đã tự ý đưa từ "vì"* vào

khiến cho câu trích dẫn có ý khẳng định tuyệt đối một "quy luật" nào đó. Trong nguyên văn ("Das Kapital", III, 2, S. 277 - 278) không nói "vì" mà nói "nếu"⁶⁶. Nếu người ta phải trả tiền một cái gì mà trước đây người ta không phải trả, thì giá sản phẩm luôn luôn tăng lên một cách tương đối; chẳng phải luận điểm đó cũng giống như là thừa nhận "quy luật" ruộng đất giảm bớt màu mỡ hay sao? Hai là, ông Bun-ga-cốp đưa thêm từ "nông nghiệp" đặt trong ngoặc đơn. Trong nguyên văn hoàn toàn không có từ đó. Có lẽ, với thái độ khinh suất của các ngài phê phán, ông Bun-ga-cốp đã đoán định rằng ở đoạn đó Mác chỉ có thể nói đến sản phẩm nông nghiệp thôi, vậy là ông ta vội vã đưa ra cho độc giả một lời "giải thích" hoàn toàn sai. Thật ra, ở đoạn đó, Mác nói về tất cả các sản phẩm nói chung; trước cái đoạn do ông Bun-ga-cốp dẫn ra, đã có những từ như sau của Mác: "nói chung cần phải có nhận xét như sau". Lực lượng cho không của giới tự nhiên cũng có thể dùng vào sản xuất công nghiệp — ngay trong phần nói về địa tô đó Mác cũng dẫn ra làm thí dụ một thác nước dùng trong một xưởng nào đó thay cho lực của hơi nước, — và nếu cần phải chế tạo ra thêm một số sản phẩm mà không có sự giúp đỡ của những lực lượng cho không đó, thì như vậy giá sản phẩm *luôn luôn* sẽ tăng lên một cách tương đối. Ba là, chúng ta phải xét toàn mạch văn trong đó có đoạn ấy. Trong chương đó, Mác nói về địa tô chênh lệch thu được từ ruộng đất canh tác xấu nhất và, như Mác *vẫn thường làm*, ông phân tích hai trường hợp mà ông cho là hoàn toàn bằng nhau, *hoàn toàn có thể xảy ra như nhau*: trường hợp thứ nhất là hiệu suất tăng lên của những sự đầu tư tư bản một cách liên tục (S. 274 - 276), và trường hợp thứ hai là hiệu suất giảm bớt của những sự đầu tư đó (S. 276 - 278)⁶⁷. Về trường hợp thứ hai trong số những trường hợp có thể xảy ra, Mác nói: "Về hiệu suất giảm xuống của ruộng đất trong điều kiện có những sự đầu tư tư bản một cách liên tục, xin xem

Li-bích... *Nhưng nói chung* cần có nhận xét như sau" (do chúng tôi viết ngả). Sau đó đến đoạn văn do ông Bun-ga-cốp "dịch", nói rằng nếu nay phải trả tiền cái mà trước kia không phải trả thì giá sản phẩm *luôn luôn* tăng lên một cách tương đối.

Chúng tôi xin để bạn đọc xét đoán xem nhà phê phán đã biến nhận xét của Mác về một trong những trường hợp có thể xảy ra thành sự thừa nhận của Mác coi trường hợp đó là một "quy luật" phổ biến, — như thế có phải là có thái độ câu thị khoa học không?

Và đây là ý kiến kết luận của ông Bun-ga-cốp về đoạn văn mà ông ta đã tìm được:

"Đoạn văn ấy, đương nhiên là không rõ ràng"... Hừ! Còn phải nói nữa! Sau khi ông Bun-ga-cốp thay từ này bằng từ khác thì đoạn văn đó thậm chí đã trở nên hoàn toàn vô nghĩa... "nhưng người ta không thể hiểu nó một cách nào khác hơn đó là một sự thừa nhận gián tiếp hay thậm chí trực tiếp" (xin hãy nghe đây!) "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ. Tôi không biết Mác có phát biểu công khai ý kiến của mình về quy luật đó ở chỗ nào khác không" (I, 14). Là một người nguyên theo chủ nghĩa Mác, thế mà ông Bun-ga-cốp lại "không biết" là Mác đã công khai tuyên bố những giả thiết của Ve-xơ, Man-tuyt và Ri-các-đô nói rằng tiền đề của địa tô chênh lệch là việc chuyển sang những ruộng đất xấu hơn hay mức độ màu mỡ của đất đai ngày càng giảm xuống — đều là hoàn toàn sai*. Ông ta "không biết"

* Cái giả thiết sai lầm của kinh tế học cổ điển, bị Mác bác đi đó, đã được cả nhà "phê phán" Bun-ga-cốp tiếp thu, đương nhiên là không có phê phán gì cả, theo gót thầy của ông ta là Bren-ta-nô. Ông Bun-ga-cốp viết: "Điều kiện làm cho địa tô xuất hiện là quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ..." (I, 90). "... Địa tô ở nước Anh... thực tế đã làm cho phân biệt rõ được những sự đầu tư tư bản liên tục có những hiệu suất khác nhau nhưng nói chung là ngày càng giảm xuống" (I, 130).

rằng suốt trong toàn bộ bản phân tích to lớn của Mác về địa tô, Mác đã *mấy chục lần* chỉ ra rằng mình coi hiệu suất giảm bớt hay tăng lên của những sự chi thêm tư bản đều là những trường hợp có thể xảy ra như nhau cả!

II

LÝ LUẬN ĐỊA TÔ

Ông Bun-ga-cốp nói chung đã không hiểu được lý luận địa tô của Mác. Ông tin rằng ông đã đập tan được lý luận đó bằng hai ý kiến phản đối sau đây: 1) Theo Mác thì tư bản nông nghiệp cũng tham dự vào việc bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận, vì thế địa tô là do lợi nhuận thặng dư vượt quá tỷ suất lợi nhuận bình quân mà ra. Ông Bun-ga-cốp cho như thế là sai vì tình trạng độc quyền về sở hữu ruộng đất thủ tiêu sự cạnh tranh tự do cần thiết cho quá trình bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận. Tư bản nông nghiệp không tham dự vào quá trình bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận. 2) Địa tô tuyệt đối chỉ là một trường hợp đặc biệt của địa tô chênh lệch, nên nếu đem phân biệt địa tô chênh lệch với địa tô tuyệt đối là sai. Phân biệt như thế là dựa trên hai giải thích hoàn toàn vũ đoán về một sự kiện duy nhất, tức là: sự độc quyền về một trong những nhân tố sản xuất. Ông Bun-ga-cốp quá tin chắc vào sức đả phá của lý lẽ của ông nên ông không thể không tuôn ra cả một tràng những tiếng nặng nề đối với Mác, như là: *petitio principii*¹⁾, phi mác-xít, bái vật giáo lô-gích, Mác mất tự do cất bổng tư tưởng lên, v. v.. Thế mà cả hai lý lẽ đó lại căn cứ trên một sai lầm khá thô bạo. Chính sự giản đơn hóa vấn đề một cách phiến diện trước đây đã khiến ông Bun-ga-cốp nâng một trong những trường hợp có thể xảy ra (hiệu suất của những sự

1) — luận cứ dựa trên một kết luận rút ra từ một luận điểm còn cần được chứng minh

đầu tư thêm tư bản bị giảm đi) lên thành quy luật phổ biến về ruộng đất giảm bớt màu mỡ, — thì nay trong trường hợp này lại buộc ông ta phải dùng đến khái niệm "độc quyền" một cách không phê phán gì cả, biến khái niệm đó thành một cái gì cũng phổ biến, và lẫn lộn những kết quả sinh ra, dưới tổ chức nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, một mặt là từ tình trạng *ruộng đất có hạn*, và mặt khác là từ *quyền tư hữu về ruộng đất*. Mà đây là hai cái khác nhau. Chúng ta hãy nói rõ điểm này.

Ông Bun-ga-cốp viết: "*Điều kiện* (tuy thế, đây không phải là nguồn gốc) sinh ra địa tô thì cũng chính là cái điều kiện sinh ra khả năng độc quyền về ruộng đất, — đó là tình trạng sức sản xuất của ruộng đất thì có hạn, còn nhu cầu của con người về sức sản xuất của ruộng đất lại tăng lên vô hạn độ" (I, 90). Đáng lẽ ông ta nên nói: "*ruộng đất có hạn*", chứ không nên nói "sức sản xuất của ruộng đất có hạn". (Như chúng tôi đã nói rõ rồi, sức sản xuất của ruộng đất có hạn, chung qui lại là trình độ nào đó của kỹ thuật "có hạn" và tình trạng nhất định nào đó của sức sản xuất có hạn.) Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, tình trạng ruộng đất có hạn giả định sự độc quyền về ruộng đất, *nhưng đây là nói về ruộng đất với tính cách là đối tượng kinh doanh chứ không phải ruộng đất với tính cách là đối tượng của quyền sở hữu*. Khi giả định rằng nông nghiệp tổ chức theo lối tư bản chủ nghĩa, tất nhiên cũng bao hàm cả cái ý giả định rằng tất cả ruộng đất đều bị các doanh nghiệp tư nhân riêng rẽ chiếm giữ; *nhưng tuyệt nhiên không bao hàm cái ý giả định* rằng toàn bộ ruộng đất là tài sản tư hữu của những nghiệp chủ đó hay của những người khác, hoặc giả định rằng đó là sở hữu tư nhân nói chung. Độc quyền về ruộng đất dựa trên quyền sở hữu và độc quyền về kinh doanh ruộng đất là hai việc hoàn toàn khác nhau, không phải chỉ về mặt lô-gích mà cả về mặt lịch sử nữa. Về mặt lô-gích, chúng ta hoàn toàn có thể hình dung được nền nông nghiệp

tổ chức theo lối thuần túy tư bản chủ nghĩa, trong đó hoàn toàn không có sở hữu tư nhân về ruộng đất, ruộng đất là sở hữu của nhà nước hay của một công xã v. v.. Về mặt thực tế, chúng ta thấy rằng trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển thì toàn bộ ruộng đất đều do các doanh nghiệp tư nhân, riêng rẽ chiếm giữ, nhưng các doanh nghiệp đó không những kinh doanh đất đai của mình, mà còn kinh doanh cả ruộng đất thuê của các tư nhân chủ ruộng đất, của nhà nước hay của những công xã⁶⁸ (chẳng hạn ở Nga, như mọi người đều biết, đứng đầu các doanh nghiệp tư nhân dựa trên ruộng đất của công xã nông dân, là những doanh nghiệp nông dân tư bản chủ nghĩa). Không phải là vô có mà Mác, ngay từ đầu bản phân tích của mình về địa tô, đã chỉ ra rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã gặp (và khống chế được) những hình thức chế độ sở hữu ruộng đất hết sức khác nhau: từ chế độ sở hữu thị tộc⁶⁹ và chế độ sở hữu phong kiến đến chế độ sở hữu công xã nông dân.

Như vậy, tình trạng ruộng đất có hạn tất nhiên chỉ giả định chế độ độc quyền kinh doanh ruộng đất (trong điều kiện chủ nghĩa tư bản thống trị). Thử hỏi những hậu quả tất yếu của sự độc quyền đó đối với vấn đề địa tô như thế nào? Tình trạng ruộng đất có hạn đưa đến chỗ giá cả lúa mì là do các điều kiện sản xuất quyết định trên cơ sở ruộng đất canh tác xấu, chứ không phải trên cơ sở ruộng đất trung bình. Giá cả lúa mì đó làm cho người phéc-mi-ê (= nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp) có thể trả được tiền phí tổn về sản xuất của anh ta, và đem lại cho anh ta mức lợi nhuận bình quân về tư bản của anh ta. Với ruộng đất tốt, người phéc-mi-ê thu được một món lợi nhuận thặng dư, đó là *địa tô chênh lệch*. Vấn đề tài sản tư hữu về ruộng đất có hay không, là một vấn đề hoàn toàn không có liên quan gì đến vấn đề sự hình thành của địa tô chênh lệch cả, vì trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa không thể nào tránh khỏi địa

tô chênh lệch, dù là trên những ruộng đất của công xã, của nhà nước, hay những ruộng đất không có chủ cũng vậy. Hậu quả duy nhất của tình trạng ruộng đất có hạn dưới chủ nghĩa tư bản là: địa tô chênh lệch hình thành do hiệu suất khác nhau của những sự đầu tư tư bản khác nhau. Ông Bun-ga-cốp lại thấy một hậu quả thứ hai, tức là sự xóa bỏ cạnh tranh tự do trong nông nghiệp, ông nói rằng vì thiếu sự cạnh tranh tự do đó nên tư bản nông nghiệp bị cản trở không tham dự được vào quá trình hình thành lợi nhuận bình quân. Hiển nhiên là ông ta lẫn lộn vấn đề kinh doanh ruộng đất với vấn đề quyền sở hữu ruộng đất. Kết luận duy nhất rút ra một cách lô-gích từ tình trạng ruộng đất có hạn (bất chấp quyền tư hữu về ruộng đất như thế nào) là toàn bộ ruộng đất sẽ bị bọn tư sản - phéc-mi-ê chiếm giữ; chứ tuyệt nhiên không thể từ tình trạng đó mà rút ra kết luận rằng cạnh tranh tự do giữa những phéc-mi-ê đó nhất thiết sẽ bị hạn chế như thế nào đó. Tình trạng ruộng đất có hạn là một hiện tượng chung nhất định in dấu vết của nó trên bất kỳ một nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa nào. Lịch sử đã chứng minh rõ rằng lẫn lộn hai điều khác nhau đó là thiếu lý do xác đáng về mặt lô-gích. Đây là chưa nói đến nước Anh: ở đây hiển nhiên là quyền sở hữu về ruộng đất tách rời khỏi việc kinh doanh canh tác; cạnh tranh tự do giữa các phéc-mi-ê là tình trạng gần như phổ biến; tư bản thu được trong thương nghiệp và công nghiệp trước đây và hiện nay đang được bỏ vào nông nghiệp với một quy mô hết sức rộng. Nhưng ở tất cả các nước tư bản khác (trái với ý kiến của ông Bun-ga-cốp là người, theo gót ông Xơ-ru-vê, đã hoài công tìm cách tách địa tô của "nước Anh" thành một cái gì hoàn toàn đặc thù) cũng vẫn xảy ra *chính cái quá trình* tách rời quyền tư hữu về ruộng đất với việc kinh doanh nông nghiệp, nhưng chỉ là dưới hình thức hết sức khác nhau (tô, cầm cố⁷⁰). Vì không thấy được quá trình đó (quá trình mà Mác đã hết sức nhấn

manh) nên có thể nói là, ông Bun-ga-cốp, không thấy được điều chủ yếu. Trong tất cả các nước Âu châu, sau khi chế độ nông nô bị sụp đổ, chúng ta thấy chế độ sở hữu ruộng đất mất tính chất đẳng cấp, tình trạng di nhượng ruộng đất, tư bản công nghiệp và thương nghiệp được đầu tư vào nông nghiệp, việc cho thuê ruộng đất và cầm cố ruộng đất tăng lên. Ở Nga cũng thế, tuy những tàn dư của chế độ nông nô còn hết sức nhiều, chúng ta cũng vẫn thấy, sau cải cách, số nông dân, người trí thức bình dân và thương nhân mua ruộng đất tăng lên và việc thuê ruộng đất của tư nhân, của nhà nước và của *công xã*, v. v., v. v., phát triển. Tất cả những hiện tượng đó chứng tỏ cái gì? Chứng tỏ rằng cạnh tranh tự do đã xuất hiện trong *nông nghiệp*, — *mặc dầu* có tình trạng độc quyền về *sở hữu ruộng đất*, và *mặc dầu* có vô vàn hình thức sở hữu ruộng đất. Trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, mỗi người có tư bản đều có thể đầu tư tư bản của mình vào nông nghiệp (bằng cách mua hoặc thuê ruộng đất) một cách cũng dễ dàng hoặc gần như dễ dàng như anh ta đầu tư vào bất cứ ngành thương nghiệp hay công nghiệp nào.

Trong khi chống lại lý luận về địa tô chênh lệch của Mác, ông Bun-ga-cốp nói rằng "tất cả những sự khác nhau đó (khác nhau về những điều kiện sản xuất sản phẩm nông nghiệp) đều trái ngược nhau và *có thể*" (những từ này do chúng tôi viết ngả) "thủ tiêu lẫn nhau; như Rốt-béc-tút đã nói, mức độ phì nhiêu có thể xóa bỏ những hậu quả của xa cách; biện pháp thâm canh vào ruộng đất phì nhiêu hơn sẽ bình quân hóa được mức độ phì nhiêu khác nhau" (I, 81). Nhưng nhà học giả nghiêm túc của chúng ta chớ nên quên rằng Mác đã thấy rõ điều đó và đã biết đánh giá điều đó một cách không đến nỗi phiến diện như thế. Mác viết: "Hiển nhiên là hai nguyên nhân khác nhau đó của địa tô chênh lệch như mức độ màu mỡ và vị trí" (vị trí của các khoảnh đất) "có thể tác động theo hướng ngược

lại nhau. Một miếng đất có thể ở vào một vị trí rất tốt nhưng lại rất kém màu mỡ, và ngược lại. Điểm đó rất quan trọng, vì nó giải thích cho ta thấy tại sao khi khai khẩn đất hoang ở một nước người ta cũng có thể bỏ những đất tốt hơn mà chuyển sang những đất xấu hơn, hoặc ngược lại. Cuối cùng, rõ ràng là tiến bộ của sản xuất xã hội một mặt thì nói chung là có tác dụng san bằng những sự chênh lệch do vị trí" (của các khoảnh đất) "gây ra, coi đó là nguyên nhân của địa tô chênh lệch, bằng cách tạo ra những thị trường địa phương và tạo ra vị trí thông qua việc thiết lập đường giao thông; và mặt khác thì làm tăng thêm sự khác nhau của những vị trí ruộng đất ở địa phương bằng cách làm cho nông nghiệp tách rời công nghiệp cũng như bằng cách một mặt thì hình thành những trung tâm sản xuất lớn, một mặt thì lại tăng cường tính chất cô lập tương đối của nông thôn" (relative Vereinsamung des Landes) ("Das Kapital", III, 2, 190)⁷¹. Như vậy là khi ông Bun-ga-cốp lặp đi lặp lại với vẻ đắc thắng luận điệu mà mọi người đều đã biết từ lâu nói rằng những sự khác nhau *có khả năng* thủ tiêu lẫn nhau, thì Mác đã đề ra vấn đề *sau đó* tức là vấn đề biến khả năng đó thành hiện thực, và chỉ ra rằng ngoài những tác dụng san bằng ra thì còn có tác dụng phân hóa nữa. Kết quả cuối cùng của những tác dụng trái ngược lẫn nhau ấy là, như mọi người đều biết, ở tất cả các nước, đâu đâu thì giữa các khoảnh đất cũng *có* những sự khác nhau rất lớn cả về màu mỡ lẫn về vị trí. Lời bác lại của ông Bun-ga-cốp chỉ chứng tỏ rằng ông ta không hề suy nghĩ chút nào về những ý kiến của ông ta.

Tiếp tục phản đối, ông Bun-ga-cốp nói rằng cái khái niệm về sự đầu tư lao động và tư bản cuối cùng và có hiệu suất thấp nhất, "đã được cả Ri-các-đô lẫn Mác dùng mà không phê phán gì cả. Không khó khăn gì mà không thấy rõ cái yếu tố tùy tiện trong khái niệm đó: cứ cho số tư bản đầu tư vào ruộng đất là *10 a*, và cứ mỗi *a* thêm vào sau đó thì

hiệu suất lại giảm bớt đi; tổng sản phẩm của ruộng đất sẽ là A . Rõ ràng là hiệu suất trung bình của mỗi a sẽ là $A/10$; và nếu toàn bộ tư bản được coi là một chỉnh thể, thì giá sẽ do chính ngay hiệu suất bình quân của tư bản quyết định" (I, 82). Để đáp lại câu đó, chúng tôi nói: rõ ràng là sau khi đưa ra những lời ba hoa về tình trạng "sức sản xuất của ruộng đất có hạn", ông Bun-ga-cốp không thấy được *điều nhỏ nhất* này là: ruộng đất có hạn. Sự có hạn đó — đối với bất cứ hình thức nào của *quyền sở hữu* về ruộng đất — cũng đều hoàn toàn không có quan hệ gì cả, nó tạo ra một thứ độc quyền nào đó, cụ thể là: vì tất cả ruộng đất đều bị bọn phéc-mi-ê chiếm giữ và vì thị trường yêu cầu tất cả lúa mì sản xuất trên toàn bộ ruộng đất, kể cả đất xấu nhất lẫn đất xa thị trường nhất, cho nên rõ ràng giá lúa mì là do giá sản xuất trên ruộng đất xấu nhất quyết định (hay do giá sản xuất khi có sự đầu tư tư bản cuối cùng và có hiệu suất thấp nhất quyết định). Cái "hiệu suất bình quân" của ông Bun-ga-cốp chẳng qua chỉ là một bài tập vu vơ về số học, vì tình trạng ruộng đất có hạn thực tế ngăn cản số bình quân đó hình thành. Để cho "hiệu suất bình quân" đó hình thành và quyết định giá cả, thì không những mỗi nhà tư bản phải có khả năng đầu tư vào nông nghiệp nói chung (vì như chúng tôi đã nói, vẫn có cạnh tranh tự do trong nông nghiệp), mà mỗi nhà tư bản còn phải luôn luôn có khả năng lập ra những doanh nghiệp nông nghiệp *mới*, ngoài những doanh nghiệp đã có. Nếu tình hình xảy ra như thế, thì giữa nông nghiệp và công nghiệp sẽ không có gì khác nhau cả và cũng sẽ không có một địa tô nào có thể xuất hiện được. Nhưng chính vì ruộng đất có hạn nên tình hình không xảy ra như thế.

Chúng ta bàn tiếp. Cho đến nay, trong nghị luận của chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn không nói đến vấn đề sở hữu về ruộng đất; chúng tôi thấy rằng phương pháp đó hoàn toàn cần thiết, vì những lý do lô-gích, và cũng vì những tài liệu

lịch sử nữa, những tài liệu này chứng minh rằng dưới bất cứ hình thức chiếm hữu ruộng đất nào, nông nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng vẫn cứ nảy sinh và phát triển. Bây giờ, chúng ta hãy đưa điều kiện mới đó vào. Giả định rằng tất cả mọi ruộng đất đều là sở hữu tư nhân. Như thế thì ảnh hưởng đến địa tô như thế nào? Chủ ruộng đất sẽ dựa trên cơ sở quyền sở hữu của hắn mà thu địa tô chênh lệch của phéc-mi-ê; vì địa tô chênh lệch là lợi nhuận thừa ra ngoài lợi nhuận bình thường, bình quân của tư bản và vì cạnh tranh tự do theo nghĩa tự do đầu tư tư bản vào nông nghiệp vẫn còn (respectively ¹⁾ vẫn được sự phát triển của tư bản tạo ra), cho nên chủ ruộng đất bao giờ cũng vẫn tìm ra được người phéc-mi-ê chỉ được thỏa mãn bởi lợi nhuận bình quân thôi và nộp cho hắn, tức là chủ ruộng đất, món siêu lợi nhuận. Chế độ tư hữu về ruộng đất không tạo ra địa tô chênh lệch, nó chỉ chuyển địa tô chênh lệch từ tay người phéc-mi-ê sang tay chủ ruộng đất mà thôi. Ảnh hưởng của quyền tư hữu về ruộng đất có phải chỉ có thế thôi không? Liệu chúng ta có thể nói rằng chủ ruộng đất sẽ cho phép người phéc-mi-ê khai thác *không* miếng đất xấu ở vào một vị trí tồi nhất và chỉ sinh được lợi nhuận bình quân cho tư bản thôi, hay không? Dĩ nhiên là không. Quyền sở hữu về ruộng đất là một độc quyền — cho nên, dựa trên cơ sở độc quyền đó, chủ ruộng đất đòi người phéc-mi-ê phải trả tiền về miếng đất đó nữa. Món tiền đó sẽ là *địa tô tuyệt đối*, địa tô này không dính dáng mảy may đến hiệu suất khác nhau của những sự đầu tư tư bản khác nhau và là *do quyền tư hữu về ruộng đất sản sinh ra*. Khi trách cứ Mác là đã vũ đoán giải thích bằng hai cách cùng một sự độc quyền như thế, ông Bun-ga-cốp đã không chịu khó suy nghĩ một chút đến sự thật là trên thực tế chúng ta thường hay gặp một sự độc quyền trên hai mặt; một là, độc quyền về kinh

1) — hoặc là

doanh ruộng đất (theo lối tư bản chủ nghĩa). Sự độc quyền này bắt nguồn từ chỗ ruộng đất có hạn, và do đó nó là điều tất yếu trong bất kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa nào. Sự độc quyền này đưa đến chỗ giá cả lúa mì là do những điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất quyết định; còn món lợi nhuận thặng dư do đầu tư vào đất tốt hơn hay do đầu tư có hiệu suất cao hơn của tư bản đầu tư vào mà có, là địa tô chênh lệch. Địa tô này hình thành hoàn toàn không tùy thuộc gì vào quyền tư hữu ruộng đất cả, quyền tư hữu chỉ làm cho chủ ruộng đất có thể chiếm địa tô của phéc-mi-ê mà thôi. Hai là, độc quyền về tư hữu ruộng đất. Vô luận đứng về mặt lô-gích hoặc về mặt lịch sử mà xét, sự độc quyền này cũng đều không có liên hệ mật thiết gì với sự độc quyền nói trên*. Đối với xã hội tư bản chủ nghĩa và đối với tổ chức nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, loại độc quyền này không có gì là *tất yếu* cả. Một mặt, chúng ta hoàn toàn có thể quan niệm một nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa không có quyền tư hữu về ruộng đất, vì thế nên nhiều nhà kinh tế học tư sản triệt để đã yêu cầu quốc hữu hóa ruộng đất. Mặt khác, ngay cả trong thực tế, chúng ta cũng thấy tổ chức nông nghiệp tư bản chủ nghĩa mà không có quyền tư hữu về ruộng đất, chẳng hạn như tổ chức nông nghiệp tư bản chủ nghĩa dựa trên ruộng đất quốc gia hoặc ruộng đất công xã. Cho nên phân biệt giữa hai thứ độc quyền đó là điều tuyệt đối cần thiết, và vì thế, ngoài địa tô chênh lệch ra, cũng cần phải thừa nhận sự tồn

* Vị tất đã cần phải nhắc lại cho bạn đọc thấy rằng ở đây chúng tôi đang bàn đến lý luận chung về địa tô và tổ chức nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa cho nên chúng tôi không đụng chạm đến những sự kiện cụ thể như sự lâu đời và tính chất phổ biến của quyền tư hữu về ruộng đất và ảnh hưởng phá hoại của cạnh tranh từ bên kia đại dương đối với hình thức độc quyền mà chúng tôi vừa nói đó, và phần nào đó, đối với cả hai hình thức độc quyền, v. v..

tại của địa tô tuyệt đối do quyền tư hữu về ruộng đất *sản sinh ra**.

Mác nhận định rằng số dư giá trị thặng dư của tư bản nông nghiệp có thể sản sinh ra địa tô tuyệt đối là vì trong nông nghiệp tỷ trọng của tư bản khả biến, trong tổng cấu thành của tư bản, thì cao hơn mức trung bình (giá thiết

* Trong phần hai, tập 2, quyển "Các học thuyết về giá trị thặng dư" ("Theorien über den Mehrwert". II Band, II Theil), xuất bản năm 1905, Mác giải thích về vấn đề địa tô tuyệt đối, lời giải thích đó xác nhận sự đúng đắn của lời giải thích của tôi (đặc biệt là về hai hình thức của độc quyền). Sau đây là đoạn văn của Mác nói về điểm đó: "Nếu ruộng đất là một yếu tố vô hạn, không những đối với tư bản và dân cư, mà cả trong thực tế nữa, nghĩa là nếu ruộng đất cũng "vô hạn" như "không khí và nước", nếu "ruộng đất tồn tại với một số lượng vô hạn" (trích dẫn lời Ri-các-đô), thì việc người này chiếm hữu ruộng đất, trong thực tế, không hề loại trừ việc người khác chiếm hữu ruộng đất. Như thế thì chế độ tư hữu ruộng đất không thể nào tồn tại được (không phải chỉ riêng chế độ tư hữu mà cả chế độ sở hữu "xã hội" và chế độ sở hữu nhà nước nữa). Trong trường hợp này, vả lại nếu ruộng đất ở chỗ nào cũng đều tốt xấu như nhau, thì không thể nào thu được địa tô cả... Tất cả cái cốt tủy của vấn đề là ở chỗ này: nếu ruộng đất đối với tư bản cũng tồn tại như bất kỳ lực lượng cơ bản nào của tự nhiên, thì tư bản trong lĩnh vực nông nghiệp cũng sẽ tác động hết như nó vẫn tác động trong bất kỳ lĩnh vực nào của công nghiệp. Như thế thì sẽ hoàn toàn không thể có chế độ sở hữu ruộng đất và cũng hoàn toàn không thể có địa tô... Ngược lại, nếu ruộng đất 1) có hạn, 2) là của sở hữu, nếu chế độ sở hữu về ruộng đất là điều kiện cho tư bản phát sinh — đó chính là tình trạng đã xảy ra trong các nước có sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển, còn trong các nước không có điều kiện đó tồn tại trước kia (như ở châu Âu, trước đây), nền sản xuất tư bản chủ nghĩa tự nó tạo ra điều kiện đó cho nó, chẳng hạn như ở Mỹ, — thì ruộng đất không phải là một trường hợp hoạt động mà tư bản có thể dễ dàng bước vào được. Vì thế, địa tô tuyệt đối tồn tại không tùy thuộc vào địa tô chênh lệch" (tr. 80, 81)⁷². Ở đây, Mác đã phân biệt được một cách hoàn toàn rõ ràng tình trạng ruộng đất có hạn với sự tồn tại của chế độ tư hữu về ruộng đất¹⁾.

1) Chú thích của tác giả trong lần xuất bản năm 1908.

như thế là hoàn toàn tự nhiên vì so với công nghiệp, kỹ thuật nông nghiệp rõ ràng là lạc hậu). Một khi đã như thế thì giá trị của nông phẩm nói chung là cao hơn giá sản xuất của chúng, và giá trị thặng dư cao hơn là lợi nhuận. Tuy thế, sự độc quyền về tư hữu ruộng đất không để cho số thặng dư đó hoàn toàn chuyển vào quá trình bình quân hóa lợi nhuận, và địa tô tuyệt đối là do từ số thặng dư đó mà rút ra*.

Ông Bun-ga-cốp rất không hài lòng về sự giải thích đó và kêu tướng lên: "Cái giá trị thặng dư đó là cái gì mà lại, cũng như nỉ dạ hay bông, hoặc một thứ hàng hóa nào đó có thể đủ hoặc không đủ để thỏa mãn một nhu cầu có thể được đề ra? Trước hết, đó không phải là một món đồ vật chất, đó là một khái niệm dùng để nói lên một quan hệ xã hội nhất định về sản xuất" (I, 105). Việc đem một "món đồ vật chất" đối lập với một "khái niệm" là một thí dụ nổi

* Chúng tôi muốn nói qua ở đây rằng chúng tôi cho là cần phải nói đặc biệt chi tiết về lý luận của Mác về địa tô, vì chúng tôi nhận thấy ông P. Ma-xlốp cũng hiểu sai lý luận đó ("Đời sống", 1901, số 3 và 4, "Bàn về vấn đề ruộng đất"); ông ta coi hiệu suất giảm xuống của những sự đầu tư thêm tư bản, nếu không phải là một quy luật thì cũng là một hiện tượng "thường thấy" và dường như là bình thường, ông ta đem gắn liền địa tô chênh lệch với hiện tượng đó và bác bỏ lý luận về địa tô tuyệt đối. Cái bài đáng chú ý đó của ông P. Ma-xlốp có nhiều nhận xét đúng về các nhà phê phán, nhưng nó có khá nhiều khuyết điểm do lý luận sai lầm của tác giả, như vừa nói ở trên (khi bênh vực chủ nghĩa Mác, ông ta lại không chịu khó xác định rõ ràng sự khác nhau giữa lý luận "của ông ta" với lý luận của Mác), cũng như do một số những lời khẳng định thiếu thận trọng và hoàn toàn không đúng, chẳng hạn, như nói rằng: ông Béc-đi-a-ép "hoàn toàn tự giải thoát khỏi ảnh hưởng của các tác giả tư sản" và có đặc điểm là "giữ được quan điểm giai cấp kiên định của mình, mà không làm hại gì đến tính khách quan"; rằng "về nhiều mặt, sự phân tích của Cau-xky có những chỗ... có dụng ý"; rằng Cau-xky "đã hoàn toàn không xác định được sự phát triển của các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp đang tiến theo hướng nào" v. v..

bật về cái triết học kinh viện mà ngày nay người ta rất thích đưa ra dưới cái dạng là "phê phán". Nếu không có những món "đồ vật chất" nhất định thích ứng với cái "khái niệm" về bộ phận sản phẩm xã hội, thì khái niệm đó phỏng có thể có ý nghĩa gì? Giá trị thặng dư là vật ngang giá bằng tiền của sản phẩm thặng dư do một bộ phận nhất định: nỉ, vải bông, lúa mì và mọi hàng hóa khác cấu thành. (Dĩ nhiên là không nên hiểu chữ "nhất định" theo cái nghĩa là khoa học có thể xác định cụ thể bộ phận đó, mà theo cái nghĩa là có thể biết được những điều kiện xác định một cách đại lược số lượng của bộ phận đó.) Trong nông nghiệp, sản phẩm thặng dư lớn hơn (theo tỷ lệ với tư bản) là trong các ngành công nghiệp khác, và số thặng dư đó (do sự độc quyền về sở hữu ruộng đất nên nó không tham dự vào việc bình quân hóa lợi nhuận) đương nhiên là có thể "đủ hoặc không đủ để thỏa mãn nhu cầu" của người chủ độc quyền về ruộng đất.

Chúng tôi sẽ không làm phiền độc giả mà đem trình bày tỉ mỉ cái lý luận về địa tô do ông Bun-ga-cốp đã sáng tạo ra, như ông đã nói một cách khiêm tốn, "với sự nỗ lực của bản thân mình" và "theo con đường riêng của mình" (I, 111). Chỉ một vài nhận xét cũng đủ nêu rõ được sản phẩm "lao động" đó của "sự đầu tư cuối cùng và ít hiệu suất nhất" của vị giáo sư đó. Cái lý luận "mới" về địa tô được xây dựng là dựa trên câu châm ngôn cũ kỹ: "đâm lao thì phải theo lao". Một khi đã có cạnh tranh tự do thì tuyệt đối không còn được có một sự hạn chế nào đối với nó nữa (mặc dầu cạnh tranh hoàn toàn tự do không hề có ở nơi nào cả). Một khi đã có độc quyền thì như thế là hết. Như thế nghĩa là địa tô hoàn toàn không phải là lấy từ giá trị thặng dư mà ra, thậm chí cũng hoàn toàn không phải là lấy từ sản phẩm nông nghiệp mà ra, mà lấy từ sản phẩm của lao động phi nông nghiệp; đó chỉ là một cống vật, một món thuế, một món khấu trừ trong tổng sản phẩm xã hội, một kỳ phiếu cấp cho kẻ sở

hữu ruộng đất. "Tư bản nông nghiệp với lợi nhuận của nó và lao động nông nghiệp, nông nghiệp nói chung với tư cách là lĩnh vực đầu tư lao động và tư bản, như vậy là thành một status in statu¹⁾ trong vương quốc chủ nghĩa tư bản.; tất cả (sic!) mọi định nghĩa về tư bản, giá trị thặng dư, tiền công và giá trị nói chung, thì đối với nông nghiệp đều là những đại lượng hư ảo" (I, 99).

Thế đấy! Thế đấy! Từ nay thì mọi cái đều rõ ràng rồi: cả bọn tư bản lẫn công nhân làm thuê trong nông nghiệp, tất cả đều là những đại lượng hư ảo. Nhưng nếu có đôi khi ông Bun-ga-cốp nói năng lung tung, thì cũng có đôi khi ông ta lập luận một cách cũng không phải là hoàn toàn không có lý. Mười bốn trang sau đó, chúng ta đọc thấy: "Việc sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp đã làm hao phí của xã hội một số lượng lao động nào đó; đây là giá trị của những sản phẩm đó". Tốt! Vậy ít ra thì những "định nghĩa" về giá trị cũng là những đại lượng không phải hoàn toàn là hư ảo. Và ở một đoạn sau: "Một khi sản xuất đã được tổ chức theo phương thức tư bản chủ nghĩa và tư bản đứng đầu sản xuất, thì giá lúa mì sẽ do giá sản xuất quyết định, nghĩa là hiệu suất của sự đầu tư lao động và tư bản nhất định nào đó sẽ được tính theo năng suất bình quân của xã hội". Tuyệt! Vậy là cả những "định nghĩa" về tư bản, giá trị thặng dư và tiền công, cũng đều là những đại lượng không phải hoàn toàn là hư ảo. Vậy là vẫn có cạnh tranh tự do (mặc dầu không phải là tuyệt đối), vì nếu tư bản không thể chuyển từ nông nghiệp vào công nghiệp và ngược lại, thì không thể "tính năng suất theo năng suất bình quân của xã hội". Và ở một đoạn sau nữa: "Nhờ có sự độc quyền về ruộng đất, nên giá cả vượt lên khỏi giá trị cho đến mức độ mà điều kiện thị trường cho phép". Hay đấy! Nhưng ông Bun-ga-cốp đã thấy ở đâu mà nói rằng cồng vạt, thuê,

1) — quốc gia trong một quốc gia

kỳ phiếu, v. v., đều phụ thuộc vào điều kiện của thị trường? Nếu nhờ sự độc quyền mà giá cả tăng lên đến mức độ mà điều kiện thị trường cho phép thì giữa cái lý luận "mới" về địa tô và cái lý luận "cũ" chỉ có chỗ khác nhau ở điểm này: tác giả vì đi "theo con đường riêng của mình", nên đã không hiểu được sự khác nhau giữa ảnh hưởng của tình trạng ruộng đất có hạn và ảnh hưởng của chế độ tư hữu về ruộng đất một bên, và bên nữa là không hiểu được mối liên hệ giữa khái niệm "sự độc quyền" và khái niệm "sự đầu tư lao động và tư bản cuối cùng và ít hiệu suất nhất". Vậy mà sau bảy trang khác tiếp theo (I, 120), ông Bun-ga-cốp lại hoàn toàn quên cái lý luận "của bản thân mình" và lại lập luận về cái "phương thức phân phối sản phẩm (nông nghiệp) đó cho người có ruộng, nhà tư bản phéc-mi-ê và những công nhân nông nghiệp", như thế há chẳng là kỳ hay sao? Đó là kết cục tuyệt vời của một sự phê phán tuyệt vời! Đó là kết quả xuất sắc của cái lý luận mới, đã làm cho khoa học chính trị kinh tế học từ nay thêm phong phú, *lý luận về địa tô của Bun-ga-cốp!*

III

MÁY MÓC TRONG NÔNG NGHIỆP

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang xem cái mà ông Bun-ga-cốp coi là trước tác "xuất sắc" của Héc-tơ ("Die agrari-schen Fragen im Verhältniss zum Sozialismus". Wien, 1899 ¹⁾). Bản dịch tiếng Nga của A. I-lin-xki, Xanh Pê-téc-bua, 1900). Nhưng, chúng ta sẽ để chút thì giờ để đồng thời phân tích những luận cứ giống nhau của hai tác giả đó.

Vấn đề máy móc trong nông nghiệp và vấn đề đại sản xuất và tiểu sản xuất trong nông nghiệp tức là vấn đề gắn

1) — "Những vấn đề ruộng đất và mối quan hệ của chúng với chủ nghĩa xã hội". Viên, 1899

liên với vấn đề trên, vẫn thường là cái cơ cho các nhà "phê phán" vin vào để "bác bỏ" chủ nghĩa Mác. Sau đây chúng ta sẽ phân tích tường tận một số tài liệu chi tiết cụ thể mà họ đã dẫn ra, còn bây giờ đây, chúng ta sẽ xem xét những kiến giải chung có liên quan đến vấn đề. Các nhà phê phán đã dành rất nhiều trang để đưa ra những lập luận hết sức tỉ mỉ chứng tỏ rằng việc dùng máy móc trong nông nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn hơn là trong công nghiệp, và vì thế nên máy móc được dùng ít hơn và ít quan trọng hơn. Tất cả điều đó đã được vạch ra một cách hoàn toàn rõ ràng, không ai có thể tranh cãi được, chẳng hạn, bởi chính ngay Cau-xky tức là người mà các ngài Bun-ga-cốp, Héc-xơ và Tséc-nốp chỉ nghe đến tên cũng đã gần như nổi xung lên rồi. Nhưng cái sự thật không thể tranh cãi được đó lại không mấy may bác bỏ được sự thật là việc dùng máy móc đang phát triển nhanh chóng cả trong nông nghiệp nữa và đang có một tác dụng cải biến mạnh mẽ đối với nông nghiệp. Tất cả các nhà phê phán chỉ có thể "trốn tránh" cái kết luận tất nhiên đó bằng những nghị luận sâu sắc như sau: ..."Đặc trưng của nông nghiệp là ở chỗ quá trình sản xuất bị tự nhiên thống ngự, và ý chí của con người không được tự do" (Bun-ga-cốp, I, 43)... "thay vào việc làm một cách không chắc chắn và không chính xác của con người, nó" (tức là máy móc trong công nghiệp) "tiến hành với một mức chính xác toán học, cả những công việc cực kỳ tinh vi cũng như những công việc vô cùng to lớn. Máy móc không thể làm được một cái gì tương tự như thế (?) trong việc sản xuất sản phẩm nông nghiệp, vì cho đến nay cái công cụ lao động này vẫn không nằm trong tay con người, mà nằm trong tay mẹ là giới tự nhiên. Đây không phải là một ẩn dụ đâu" (như trên). Thật thế, đây không phải là một ẩn dụ mà chỉ là một câu trống rỗng, vì ai cũng biết rằng cái máy cày chạy bằng hơi nước, máy gieo hạt, máy đập lúa, v.v., đều *làm được* công tác "chắc chắn và chính xác" hơn, do đó, nói "không thể làm được một cái gì tương

tự như thế" chỉ là nói bậy! Cũng hệt như nói rằng máy móc trong nông nghiệp "không thể cách mạng hoá *sản xuất* chút nào cả" (sic!) (Bun-ga-cốp, I, 43 - 44, trong đó ông dẫn ra ý kiến của các chuyên gia về việc chế tạo máy móc nông nghiệp, nhưng các chuyên gia đó chỉ nói đến sự khác nhau tương đối giữa máy móc trong nông nghiệp và máy móc trong công nghiệp thôi), hoặc nói rằng "máy móc không những không biến được công nhân thành vật phụ thuộc của nó (?) mà trái lại người công nhân vẫn còn giữ được vai trò trước kia của mình là lãnh đạo quá trình" (44), chẳng hạn như là người công nhân phục vụ máy đập lúa, chứ gì?

Ông Bun-ga-cốp ra sức làm giảm nhẹ tính ưu việt của máy cày chạy bằng hơi nước bằng cách viện dẫn Stum-phê và Cút-tơ-lép (mấy người này đã viết về khả năng của kinh tế nhỏ cạnh tranh với kinh tế lớn) và trái với những kết luận của các chuyên gia về chế tạo máy móc nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp (Phuy-linh, Pê-ren-xơ); ông ta lại còn đưa ra những lý lẽ, chẳng hạn như nói rằng máy cày chạy bằng hơi nước đòi hỏi phải có một thứ đất riêng * và "diện tích hết sức rộng" (theo ý kiến ông Bun-ga-cốp thì đó là một lý lẽ không phải chống là kinh tế nhỏ, mà là chống máy cày chạy bằng hơi nước!), rằng để cày sâu 12 *phân Anh* thì dùng súc vật *hơn* là dùng hơi nước v.v.. Có thể viết ra hàng pho sách với những lý lẽ như thế nhưng tuyệt nhiên không thể nào bác lại được sự thật là máy cày chạy bằng hơi nước tạo khả năng cày được rất sâu (sâu hơn 12 phân Anh), hay sự thật là việc dùng máy cày phát triển rất nhanh: ở nước Anh năm 1867 chỉ có 135 trang trại dùng máy cày hơi nước, thế mà năm 1871 đã có hơn 2.000 máy cày hơi

* Héc-xơ, với một vẻ đặc biệt "đắc thắng", đã nhấn mạnh điểm đó và chứng minh rằng lời nhận xét "tuyệt đối" (S. 65, bản dịch tiếng Nga, 156) cho rằng máy cày chạy bằng hơi nước hơn hẳn cày bằng ngựa "trong bất cứ hoàn cảnh nào" là sai. Đó chính như là người ta nói: xô một cánh cửa mở sẵn!

nước (Cau-xky); ở Đức số doanh nghiệp dùng máy cày chạy bằng hơi nước tăng từ 836 năm 1882 lên 1696 năm 1895.

Về vấn đề máy móc nông nghiệp, ông Bun-ga-cốp thường hay dẫn ra Phran-tơ Ben-dinh, người mà ông giới thiệu là "tác giả một chuyên đề về máy móc nông nghiệp" (I, 44). Nếu ở đây chúng ta không nêu rõ ông Bun-ga-cốp đã trích dẫn *như thế nào* và chính những nhân chứng ông đưa ra đã đập lại ông *như thế nào*, — thì thật là rất không công bằng.

Khi khẳng định rằng "kết cấu" của Mác theo đó tư bản bất biến tăng lên nhanh hơn tư bản khả biến, là một kết cấu không thể ứng dụng được vào nông nghiệp, ông Bun-ga-cốp dẫn chứng sự cần thiết phải ngày càng tiêu phí nhiều sức lao động hơn khi mà năng suất nông nghiệp tăng lên, và ngoài ra ông còn dẫn ra cả những con tính của Ben-dinh nữa. "Trong những hệ thống nông nghiệp khác nhau, nhu cầu chung về lao động của con người được biểu hiện như sau: chế độ kinh doanh luân canh ba thửa cần 712 ngày công; chế độ kinh doanh luân canh trồng rau theo lối Noóc-phôn-cơ cần 1 615 ngày công; chế độ kinh doanh luân canh đại quy mô trồng củ cải đường cần 3 179 ngày công", cứ tính trên từng 60 héc-ta. (*Franz Bensing*. "Der Einfluss der landwirtschaftlichen Maschinen auf Volks-und Privatwirtschaft", Breslau, 1897, S. 42 ¹⁾. Bun-ga-cốp, I, 32). Nhưng có điều không may là Ben-dinh muốn đưa ra những con tính đó chính là để chứng minh vai trò ngày càng tăng lên của máy móc: khi áp dụng những con số đó vào toàn bộ nông nghiệp ở Đức, Ben-dinh tính ra rằng số công nhân nông nghiệp hiện có chỉ có thể đủ để canh tác ruộng đất nếu thi hành chế độ luân canh ba thửa, và do đó nếu không dùng máy móc thì nói chung *không thể* thực hiện được chế độ luân canh

1) — *Phran-tơ Ben-dinh*. "Ảnh hưởng của máy móc nông nghiệp đối với kinh tế quốc dân và kinh tế tư nhân". Bre-xlau, 1897, tr. 42

trồng rau. Thế mà người ta biết rằng khi chế độ luân canh ba thửa cũ còn thịnh hành, thì máy móc cơ hồ như hoàn toàn không được sử dụng; do đó, con tính của Ben-dinh chứng minh *ngược hẳn* lại điều mà ông Bun-ga-cốp định chứng minh; cụ thể là: con tính đó chứng minh rằng sự tăng năng suất của nông nghiệp tất nhiên phải gắn liền với việc tư bản bất biến tăng lên nhanh hơn tư bản khả biến.

Ở một đoạn khác, khi khẳng định rằng "giữa tác dụng của máy móc trong công nghiệp chế biến và tác dụng của máy móc trong nông nghiệp có một sự khác nhau căn bản (sic!)", ông Bun-ga-cốp trích dẫn lời của Ben-dinh: "máy móc nông nghiệp không có khả năng làm cho sản xuất tăng lên một cách vô hạn như máy móc công nghiệp..." (I, 44). Ông Bun-ga-cốp lại không may. Ben-dinh chỉ ra sự khác nhau hoàn toàn không "căn bản" đó giữa máy móc nông nghiệp và máy móc công nghiệp ở đầu chương VI, nhan đề là: "Ảnh hưởng của máy móc nông nghiệp đối với tổng thu nhập". Sau khi phân tích tỉ mỉ, về từng loại máy, các tài liệu trong sách báo chuyên bàn về nông nghiệp và trong bản điều tra do ông ta tiến hành riêng, Ben-dinh đi đến kết luận chung như sau: khi dùng máy cày chạy bằng hơi nước thì tổng thu nhập tăng lên 10 phần trăm, dùng máy gieo hạt thì tăng lên 10 phần trăm, dùng máy đập lúa thì tăng lên 15 phần trăm; ngoài ra máy gieo hạt làm cho tiết kiệm được 20 phần trăm hạt giống; chỉ có dùng máy trong việc đào khoai là làm cho tổng thu nhập giảm xuống 5 phần trăm. Lời khẳng định của ông Bun-ga-cốp nói rằng: "vô luận như thế nào, máy cày chạy bằng hơi nước cũng là cái máy nông nghiệp duy nhất có thể có căn cứ nào đó về mặt kỹ thuật" (I, 47 - 48), lời khẳng định đó *vô luận như thế nào* thì cũng đã bị bác bỏ chính ngay Ben-dinh, người mà ông Bun-ga-cốp thiếu thận trọng đã viện dẫn ra ở đây.

Để cho người ta có được một khái niệm thật hết sức chính xác và hết sức hoàn chỉnh về ý nghĩa của máy móc

trong nông nghiệp, Ben-dinh làm một số phép tính hết sức tỉ mỉ về kết quả của việc kinh doanh không dùng máy, dùng một máy, dùng hai máy, v.v., và cuối cùng, dùng tất cả các máy quan trọng nhất kể cả máy cày chạy bằng hơi nước và đường sắt của nông nghiệp (Feldbahnen). Thành ra khi không dùng máy thì tổng thu nhập = 69 040 mác, chi phí = 68.615 mác, thu nhập ròng = 425 mác, hoặc 1,37 mác mỗi héc-ta; còn khi có dùng tất cả các máy quan trọng nhất thì tổng thu nhập = 81.078 mác, chi phí = 62.551,5 mác, thu nhập ròng = 18.526,5 mác, hay 59,76 mác mỗi héc-ta, tức là *gấp bốn mươi lần*. Và đây mới chỉ là ảnh hưởng của máy móc thôi, vì chế độ kinh doanh được coi như là không thay đổi gì cả! Lẽ tất nhiên là, như đã chứng tỏ cũng trong những phép tính ấy của Ben-dinh, dùng máy móc thì đồng thời tư bản bất biến tăng lên rất nhiều và tư bản khả biến (nghĩa là tư bản dùng để trả cho sức lao động, và bản thân số lượng công nhân) *giảm xuống*. Tóm lại, trước tác của Ben-dinh hoàn toàn bác lại ông Bun-ga-cốp và chứng tỏ tính ưu việt của sản xuất đại quy mô trong nông nghiệp cũng như chứng tỏ rằng quy luật tư bản bất biến phát triển nhờ có tư bản khả biến giảm sút đi, là quy luật có thể áp dụng được vào nông nghiệp.

Chỉ có một điểm làm cho ông Bun-ga-cốp và Ben-dinh gần nhau: đó là Ben-dinh có quan điểm thuần túy tư sản, hoàn toàn không hiểu được những mâu thuẫn vốn có trong chủ nghĩa tư bản và bình thản nhắm mắt trước hiện tượng máy móc loại trừ công nhân, v.v.. Người học trò ôn hoà và cẩn thận đó của các vị giáo sư người Đức nói đến Mác cũng với thái độ cừu thị y như ông Bun-ga-cốp. Chỉ có điều là Ben-dinh triệt để hơn: ông ta gọi Mác là "người phản đối máy móc" nói chung, cả trong nông nghiệp lẫn trong công nghiệp, vì như lời ông ta nói, Mác "xuyên tạc sự thật" khi nói đến ảnh hưởng tai hại của máy móc đối với công nhân và, nói chung, khi đổ tất cả mọi sự bất

hạnh lên đầu máy móc (Bensing, 1. c., S. 4, 5, 11¹⁾). Thái độ của ông Bun-ga-cốp đối với Ben-dinh lại một lần nữa chứng tỏ cho ta thấy các ngài "phê phán" đã học được của các nhà khoa học tư sản cái gì và họ nhắm mắt làm ngơ cái gì.

Cái bản sắc của sự "phê phán" của Héc-tơ như thế nào, thì cái thí dụ sau đây đủ chỉ cho ta thấy: ở trang 149 (bản dịch tiếng Nga) ông ta buộc tội Cau-xky là dùng cái "lối văn tạp đàm" và ở trang 150 ông ta "bác" cái ý kiến khẳng định rằng đại sản xuất ưu việt hơn tiểu sản xuất về mặt dùng máy móc, bằng những lý do sau đây: 1. những doanh nghiệp nhỏ nhờ vào các hội hợp tác, cũng *có thể* mua được máy móc. Xem đấy, như thế mà lại bác được *sự thật* là máy móc được dùng phổ biến hơn trong các doanh nghiệp lớn! Về vấn đề ai *có thể* hưởng được cái lợi của tổ chức hợp tác xã hơn, thì trong bài thứ hai, chúng tôi sẽ nói chuyện riêng với Héc-tơ. 2. Đa-vít đã chỉ ra trong tờ "Sozialistische Mo-natshefte"⁷³ (V,2) rằng việc dùng máy móc ở các doanh nghiệp nhỏ thì "phổ biến và tăng nhanh chóng... rằng ngay cả ở những doanh nghiệp rất nhỏ, người ta cũng thường (sic!) thấy những máy gieo hạt. Những máy cắt cỏ và các máy khác cũng như thế" (S. 63, bản dịch tiếng Nga, tr. 151). Nhưng nếu bạn đọc xem bài của Đa-vít *, thì sẽ thấy rằng tác giả lấy *những con số tuyệt đối* về số lượng các doanh nghiệp dùng máy móc, chứ không lấy tỷ lệ phần trăm những doanh nghiệp đó so với tất cả những doanh nghiệp thuộc một loại nhất định (đương nhiên là như Cau-xky vẫn làm).

Chúng ta hãy đem so sánh những con số đó về toàn bộ nước Đức năm 1895 **.

* Cuốn sách của Đa-vít "Chủ nghĩa xã hội và nông nghiệp" (Xanh Pê-téc-bua, 1906) đã lặp lại phương pháp sai lầm này (tr. 179)²⁾.

** "Stat.d.D.R", 112 Bd., S36. *

1) — loco citato — sách đã dẫn, tr. 4,5,11

2) Chú thích của tác giả trong lần xuất bản năm 1908

Các loại doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp	Số doanh nghiệp dùng máy móc					
		máy gieo hạt	%	máy gieo thường	%	máy cắt cỏ và máy gặt	%
Dưới 2 ha ¹⁾ . . .	3 236 367	214	0,01	14 735	0,46	245	0,01
2 đến 5 ha . . .	1 016 318	551	0,05	13 088	1,29	600	0,06
5 đến 20 ha . . .	998 804	3 252	0,33	48 751	4,88	6 746	0,68
20 đến 100 ha . .	281 767	12 091	4,29	49 852	17,69	19 535	6,93
100 ha trở lên . .	25 061	12 565	50,14	14 366	57,32	7 958	31,75
<i>Tổng cộng</i> . .	5 558 317	28 673	0,52	140 792	2,54	35 084	0,63

Chẳng phải là những con số trên đây chứng thực cho lời của Đa-vít và Héc-tơ nói rằng người ta "thường" thấy có những máy gieo hạt và cắt cỏ "ngay cả ở những doanh nghiệp rất nhỏ", đấy ư? Và nếu Héc-tơ rút ra cái "kết luận" rằng "đứng về mặt thống kê mà xét, luận điểm của Cau-xky hoàn toàn không đứng vững được trước sự phê phán", — thì như vậy thực ra ai là người thực sự đã dùng lối văn tạp dầm?

Có một điều nực cười cần phải nêu ra là tuy phủ nhận tính ưu việt của doanh nghiệp lớn trong việc dùng máy móc và phủ nhận cái sự thật do tình hình trên để ra, tức là lao động quá mức và tiêu dùng không đủ trong doanh nghiệp nhỏ, — nhưng khi các nhà "phê phán" không thể không tiếp xúc với tình hình thực tế (và khi họ quên mất "nhiệm vụ chính" của họ là bác lại chủ nghĩa Mác "chính thống") thì họ lại tự đập lại mình một cách không thương xót. Chẳng hạn, trong quyển II của trước tác của ông ta (tr. 115),

1) — Hektar — héc-ta

ông Bun-ga-cốp nói: "Trong doanh nghiệp lớn bao giờ cũng đầu tư tư bản nhiều hơn trong doanh nghiệp nhỏ, vì vậy dĩ nhiên là ở đó người ta ưa dùng những nhân tố sản xuất bằng máy móc hơn là dùng sức lao động sống". Ông Bun-ga-cốp, với tư cách là nhà "phê phán", theo bước các ngài Xơ-ru-vê và Tu-gan-Ba-ra-nốp-xki ngã về kinh tế học dung tục, đem những "nhân tố sản xuất" bằng máy móc mà đối lập với nhân tố sản xuất sống, — điều đó quả thật là hoàn toàn "tự nhiên". Nhưng việc ông ta khinh suất phủ nhận tính ưu việt của doanh nghiệp lớn thì có tự nhiên không?

Về sự tập trung trong sản xuất nông nghiệp, ông Bun-ga-cốp không tìm được một lời nào khác để diễn đạt hơn là những tiếng "quy luật tập trung thần bí", v.v.. Nhưng khi ông ta phải xem đến những tài liệu về nước Anh thì thấy rằng từ những năm 50 cho đến cuối những năm 70, đã có xu thế tập trung các trại ấp. Ông Bun-ga-cốp viết: "Những doanh nghiệp nhỏ chỉ sản xuất để tiêu dùng đều hợp lại thành những doanh nghiệp lớn hơn. Sự tập trung các khoảnh đất *như thế* tuy nhiên không phải là kết quả của sự đấu tranh giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ (?) mà là ý nguyện tự giác (!?) của địa chủ muốn tăng địa tô lên bằng cách đem hợp nhất nhiều doanh nghiệp nhỏ trả cho chúng một khoản địa tô rất thấp, thành những doanh nghiệp lớn có thể nộp cho chúng một khoản địa tô to lớn" (I, 239). Bạn đọc có hiểu không: **không phải** là đấu tranh giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ đâu, **mà là** sản xuất lớn loại trừ sản xuất nhỏ vì sản xuất nhỏ sinh lợi ít hơn. "Một khi nền kinh tế được kiến lập trên cơ sở tư bản chủ nghĩa thì không thể tranh cãi rằng trong những phạm vi nhất định nào đó, doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn chắc chắn là có ưu thế hơn doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa nhỏ (I, 239-240). Nếu đó là điều không thể tranh cãi gì được, vậy thì sao ông Bun-ga-cốp lại đang làm âm lên, và đã làm âm ì lên (trong tạp chí "Bước đầu") chống lại Cau-xky là người *mở đầu* chương của mình

nói về sản xuất lớn và sản xuất nhỏ (trong quyển "Vấn đề ruộng đất") với câu: "Nông nghiệp càng trở thành có tính chất tư bản chủ nghĩa thì sự khác nhau về chất lượng trong kỹ thuật giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ lại càng phát triển"?

Nhưng chẳng những thời kỳ phát đạt của nông nghiệp nước Anh, mà cả thời kỳ khủng hoảng cũng đưa tới những kết luận không lợi cho doanh nghiệp nhỏ. Những báo cáo của các tiểu ban công bố mấy năm gần đây "đều khẳng định với một sự cương quyết phi thường rằng khủng hoảng có ảnh hưởng nặng nề nhất chính là đối với các nghiệp chủ nhỏ" (I, 311). Một báo cáo về những người tiểu tư hữu có nói: "Nhà của họ tồi hơn những nhà loại vừa của công nhân... Tất cả họ đều làm lụng vô cùng vất vả và làm nhiều giờ hơn công nhân, vả lại nhiều người trong bọn họ nói rằng điều kiện vật chất của họ không bằng của công nhân, sinh hoạt cũng kém và ít khi được ăn thịt tươi"... "Người yeoman¹⁾ mà nợ nần nhiều thì bị quy trước nhất" (I, 316)... "Nhất nhất cái gì họ cũng phải bớt ăn bớt tiêu, công nhân thì chỉ có ít người phải làm như thế"... "Người phéc-mi-ê nhỏ chỉ có thể ứng phó được với hoàn cảnh chừng nào họ còn lợi dụng được lao động không công của các thành viên trong gia đình họ"... "Vị tất đã cần phải nói thêm rằng đời sống của người phéc-mi-ê nhỏ vô cùng gian khổ hơn đời sống của công nhân" (I, 320-321). Chúng tôi dẫn các đoạn văn đó để bạn đọc có thể xét đoán được sự đúng đắn của câu kết luận sau đây của ông Bun-ga-cốp: "Sự phá sản nghiêm trọng của các doanh nghiệp, được bảo toàn cho đến thời kỳ khủng hoảng nông nghiệp, chỉ (!) nói lên rằng trong những hoàn cảnh như thế thì những người sản xuất nhỏ sẽ bị quy chóng hơn là những người sản xuất lớn, — chỉ có thể thôi (sic!). Hoàn toàn không thể rút ra từ đó một kết luận chung nào về sinh lực kinh tế chung của những người sản xuất

1) — ở nước Anh, người có ít ruộng đất

nhỏ, vì trong thời kỳ đó, toàn bộ nền nông nghiệp nước Anh đang bị phá sản" (I, 333). Hay đấy chứ? Và trong chương nói về những điều kiện phát triển chung của kinh tế nông dân, ông Bun-ga-cốp thậm chí cũng đã khái quát hoá cái phương pháp suy luận tuyệt diệu đó: "Giá cả đột nhiên giảm xuống ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến tất cả mọi hình thức sản xuất; nhưng sản xuất của nông dân sử dụng được ít tư bản nhất cho nên tự nhiên là ít vững chắc hơn so với sản xuất lớn (điều này không can hệ mấy may đến vấn đề sinh lực chung của sản xuất của nông dân)" (II, 247). Như vậy, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, các doanh nghiệp sử dụng được ít tư bản đều ít vững chắc hơn; nhưng điều đó không can hệ gì đến sinh lực "chung" của các xí nghiệp đó cả!

Đứng về phương diện tính nhất quán trong lập luận mà nói, thì Héc-tơ cũng chẳng hơn gì. Ông ta "bác" Cau-xky (bằng những cách đã nói rõ trên kia), nhưng khi nói về nước Mỹ thì ông ta lại thừa nhận tính ưu việt của các doanh nghiệp lớn ở nước đó, là những doanh nghiệp cho phép "dùng máy móc trên một quy mô lớn hơn rất nhiều so với mức độ mà doanh nghiệp nhỏ ở nước ta cho phép" (S. 36, bản dịch tiếng Nga, 93); ông ta thừa nhận "nông dân Âu châu thường dùng những phương pháp sản xuất thủ cựu và nhân tuần; anh ta làm lụng vất vả quá sức (robotend) y như người công nhân vậy, để kiếm lấy miếng cơm, chứ không cần mong gì tốt hơn" (như trên). Héc-tơ nói chung thừa nhận rằng "sản xuất nhỏ dùng lao động tương đối nhiều hơn là sản xuất lớn" (S. 74, bản dịch tiếng Nga, 177); có lẽ ông ta có thể trao đổi được với ông Bun-ga-cốp những tài liệu về việc tăng thêm thu hoạch nhờ dùng máy cày chạy bằng hơi nước (S. 67 - 68, bản dịch tiếng Nga, 162 - 163), v. v..

Vì những quan điểm lý luận của các nhà phê phán của chúng ta về ý nghĩa của máy móc nông nghiệp không được vững chắc, cho nên tự nhiên là họ đã lặp lại một cách bất

lực những kết luận thuần túy phản động của bọn đại địa chủ có tâm trạng chống lại máy móc. Héc-tơ quả thật còn rất phân vân lưỡng lự về cái điểm gay go đó; khi nói về những "khó khăn" sử dụng máy móc trong nông nghiệp, ông ta nói: "có ý kiến cho rằng mùa đông thì giờ nhàn rỗi nhiều cho nên đập lúa bằng tay có lợi hơn" (S. 65, bản dịch tiếng Nga, 156 - 157). Rõ ràng là Héc-tơ muốn dùng cái lô-gích cố hữu của ông ta để rút ra ở đó cái kết luận rằng sự thật đó không nói lên rằng sản xuất nhỏ là không có lợi, không nói lên rằng các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa mà dùng máy móc là không có lợi, mà nói lên rằng máy móc là không có lợi! Nhưng không phải vô cớ mà ông Bun-ga-cốp lại trách Héc-tơ là "đã để cho ý kiến của đảng của mình ràng buộc nhiều quá" (II, 287). Dĩ nhiên là nhà giáo sư Nga không chịu sự "ràng buộc" nhục nhã đó và kiêu hãnh nói: "Tôi cũng vừa vãn thoát khỏi cái thiên kiến khá phổ biến đó, đặc biệt là trong các sách báo mác-xít, cái thiên kiến cho rằng máy móc nào cũng đều phải coi là tiến bộ" (I, 48). Đáng tiếc là những kết luận cụ thể hoàn toàn lại không phù hợp với cái trí tưởng tượng bay bổng phản ánh trong đoạn nghị luận tuyệt diệu đó. Ông Bun-ga-cốp viết: "Cái máy đập lúa chạy bằng hơi nước làm cho nhiều công nhân mất việc trong mùa đông, nó rõ ràng là một tai họa lớn cho công nhân, tai họa đó không thể lấy cái lợi về kỹ thuật mà bù lại được *. Gôn-tơ cũng đã chỉ rõ điểm đó và thậm chí còn đưa ra một ý muốn không tưởng" (II, 103), cụ thể là ý muốn hạn chế việc dùng máy đập lúa, đặc biệt là máy đập lúa chạy bằng hơi nước, "để,— như lời Gôn-tơ nói thêm, — cải thiện tình cảnh của những công nhân nông nghiệp và

* Xem q.I, tr. 51: "...máy đập lúa chạy bằng hơi nước... đảm nhiệm phần chủ yếu trong công việc thời kỳ mùa đông, là thời kỳ vốn đã có ít công việc (cho nên sự ích lợi của máy đó đối với toàn bộ (sic!!) nông nghiệp lại càng là một điều rất đáng ngờ; sau này chúng ta sẽ còn gặp hiện tượng đó nữa)".

cũng để giảm bớt hiện tượng di cư ra nước ngoài và di chuyển" (chúng tôi xin nói thêm rằng có lẽ Gôn-tơ nói di chuyển là di chuyển ra các thành thị).

Chúng tôi xin nhắc bạn đọc nhớ lại rằng chính cái ý kiến đó của Gôn-tơ cũng đã được Cau-xky nêu ra trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" của ông ta. Cho nên không phải là không bổ ích nếu ta đem thái độ của một người mác-xít chính thống hẹp hòi, đầu óc đầy những thiên kiến mác-xít đối với một vấn đề cụ thể về kinh tế (ý nghĩa của máy móc) và chính trị (có nên hạn chế dùng máy móc không?) mà so sánh với thái độ của một nhà phê phán hiện đại đã hoàn toàn thấm nhuần được toàn bộ tinh thần của "chủ nghĩa phê phán".

Cau-xky nói ("Agrarfrage", S. 41) rằng Gôn-tơ gán cho máy đập lúa một "ảnh hưởng tai hại" đặc biệt: máy đó làm cho công nhân nông nghiệp mất công việc chủ yếu trong mùa đông, nó xô họ ra thành thị và tăng cường hiện tượng giảm nhân số ở nông thôn. Và Gôn-tơ đề nghị hạn chế việc dùng máy đập lúa; ông ta đề nghị như thế — Cau-xky nói thêm — "bên ngoài tựa hồ như vì lợi ích của công nhân nông nghiệp, nhưng kỳ thực là vì lợi ích của bọn địa chủ, là những kẻ", như chính Gôn-tơ đã nói, "tuy có bị thiệt về sự hạn chế đó, nhưng sẽ được đền bù lại dư dả, nếu không phải là ngay lập tức, thì cũng về sau này, vì họ sẽ có thể có được nhiều công nhân hơn trong mùa hè". Cau-xky nói tiếp: "May thay, cái mối tình thân ái bảo thủ đó đối với công nhân chẳng qua chỉ là một thứ không tưởng phản động mà thôi. Máy đập lúa quá ư có lợi "ngay lập tức" thành ra địa chủ không thể nào lại không dùng nó để kiếm cái lợi "về sau". Vì vậy, máy đập lúa sẽ cứ tiếp tục cái sự nghiệp cách mạng của nó: nó sẽ xô công nhân nông nghiệp ra thành thị, do đó nó sẽ trở thành một công cụ mạnh mẽ, một mặt, làm cho tiền công ở nông thôn tăng lên, và mặt khác, làm cho công nghiệp chế tạo máy móc nông nghiệp phát triển **lên hơn nữa**".

Thái độ của ông Bun-ga-cốp đối với cách đặt vấn đề của người dân chủ-xã hội và người đại địa chủ là một thái độ hết sức điển hình: đó là một thí dụ thu nhỏ về cái lập trường của tất cả những "nhà phê phán" hiện đại nói chung, đứng vào lưng chừng giữa đảng của giai cấp vô sản và đảng của giai cấp tư sản. Nhà phê phán dĩ nhiên không phải là người hẹp hòi và rập khuôn đến mức đi theo quan điểm đấu tranh giai cấp và quan điểm thông qua chủ nghĩa tư bản để cách mạng hóa tất cả các quan hệ xã hội. Mặt khác, tuy nhà phê phán của chúng ta "đã khôn hơn", nhưng khi nhớ lại thời kỳ anh ta còn "trẻ và khờ dại", đã từng tán thành những thiên kiến của chủ nghĩa Mác thì anh ta lại không dám tiếp thu toàn bộ cương lĩnh của người bạn mới của anh ta là tên đại địa chủ, tên này đã đi một cách hoàn toàn hợp lý và hợp với lô-gích từ cái kết luận rằng máy móc có hại cho "toàn bộ nông nghiệp" mà chuyển sang cái ý muốn — cấm dùng máy móc! Thế là nhà phê phán tốt bụng của chúng ta lâm vào tình trạng con lừa Bu-ri-đan đứng giữa hai bó cỏ khô⁷⁴: một mặt, ông ta hoàn toàn không còn hiểu gì nữa về đấu tranh giai cấp và hiện nay đi đến chỗ nói rằng máy móc có hại cho "toàn bộ nông nghiệp", mà quên mất rằng *toàn bộ* nông nghiệp hiện đại thì chủ yếu là do bọn chủ thầu nắm, và bọn này thì chỉ quan tâm đến lợi nhuận của chúng mà thôi, — ông ta đã quên hẳn "những năm thanh xuân" khi còn là người mác-xít, đến nỗi hiện nay ông đưa ra câu hỏi cực kỳ vô lý rằng cái lợi về kỹ thuật của máy đập có "bù lại" được ảnh hưởng tai hại của nó gây ra cho công nhân hay không (nhưng ảnh hưởng tai hại đó thì không những chỉ do máy đập lúa chạy bằng hơi nước, mà còn do cả máy cày chạy bằng hơi nước, máy gặt, máy quạt ngũ cốc v.v. nữa)? Thậm chí ông ta cũng không thấy rằng về thực chất tên đại địa chủ chỉ muốn nô dịch người công nhân được nhiều hơn, cả trong mùa đông lẫn mùa hè. Nhưng mặt khác, ông ta lại nhớ lại một cách mơ hồ cái thành kiến

"giáo điều chủ nghĩa" lỗi thời cho rằng cấm dùng máy móc là một điều không tưởng. Đáng thương hại cho ông Bun-ga-cốp, không biết ông có thoát ra khỏi được cái hoàn cảnh khó chịu đó không?

Một điều đáng chú ý là trong khi hết sức cố gắng làm giảm bớt ý nghĩa của máy móc nông nghiệp và thậm chí đưa ra cả "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ", các nhà phê phán của chúng ta đã quên không nói đến (hay đã có ý không muốn nói đến) cuộc cách mạng kỹ thuật mới mà kỹ thuật điện đang chuẩn bị trong nông nghiệp. Trái lại, Cau-xky — người mà ông P.Ma-xlốp nhận xét một cách cực kỳ bất công là "đã phạm một sai lầm nghiêm trọng ở chỗ hoàn toàn không xác định được rõ ràng sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp đang phát triển theo hướng nào" ("Đời sống", 1901, số 3, tr. 171) — Cau-xky đã vạch ra ý nghĩa của điện lực trong nông nghiệp ngay từ 1899 ("Agrarfrage"). Hiện nay, triệu chứng của cuộc cách mạng kỹ thuật sau này càng rõ rệt hơn nhiều. Người ta đang tìm cách làm sáng tỏ về mặt lý luận ý nghĩa của kỹ thuật điện trong nông nghiệp (xem Dr. Otto Pringsheim. "Landwirtschaftliche Manufaktur und elektrische Landwirtschaft", Brauns Archiv¹⁾, XV, 1900, S. 406 - 418 và bài của C. Cau-xky trong báo "Neue Zeit"⁷⁵, XIX, I, 1900 - 1901, số 18, "Die Elektrizität in der Landwirtschaft²⁾"); các nhà địa chủ - thực tiễn đều lên tiếng nêu kinh nghiệm của mình trong việc áp dụng điện lực (Prinh-xhêm dẫn ra cuốn sách của A-đôn-phơ Dây-phéc-hen trong đó tác giả nêu lại kinh nghiệm thu hút được trong doanh nghiệp của ông ta), họ coi điện là một phương tiện làm cho nông nghiệp lại sinh lợi, họ kêu gọi chính phủ và các địa chủ hãy lập ra các trạm

1) — Bs. Ôt-tô Prinh-xhêm. "Công trường thủ công nghiệp và nông nghiệp điện khí hoá". Văn khố Bra-un

2) — "Điện lực trong nông nghiệp"

điện lực trung ương và tổ chức sản xuất thật nhiều điện lực cho các hộ nông nghiệp (năm ngoái, có một quyển sách xuất bản ở Cơ-ních-xbe, của P. Ma-cơ, một địa chủ Đông Phổ — P. Mack. "Der Aufschwung unseres Landwirtschaftsbetriebes durch Verbilligung der Produktionskosten. Eine Untersuchung über den Dienst, den Maschinenteknik und Elektrizität der Landwirtschaft bieten"¹⁾).

Prinh-xhêm có một ý kiến nhận xét mà chúng tôi cho là rất chính xác, nói rằng: về trình độ kỹ thuật chung và có lẽ cả về trình độ kinh tế nữa, nông nghiệp hiện đại đang xích lại gần hơn nữa tới một giai đoạn phát triển công nghiệp mà Mác gọi là "công trường thủ công". Lao động thủ công và hiệp tác giản đơn chiếm ưu thế, máy móc sử dụng một cách thất thường, sản xuất quy mô tương đối hẹp (nếu lấy tổng số lượng sản phẩm bán ra hàng năm của một xí nghiệp, chẳng hạn, mà xét), phạm vi thị trường tương đối hẹp, trong phần lớn các trường hợp; sản xuất lớn và sản xuất nhỏ còn có liên hệ với nhau (cũng giống như thợ thủ công trong mối quan hệ của họ đối với chủ công trường thủ công lớn, tiểu sản xuất cung cấp sức lao động cho đại sản xuất, — hoặc đại sản xuất mua "bán thành phẩm" của tiểu sản xuất, chẳng hạn, nghiệp chủ lớn mua củ cải đường, súc vật, gà vịt, v.v., của nghiệp chủ nhỏ), — tất cả những dấu hiệu đó thực tế nói lên rằng nông nghiệp chưa đạt đến giai đoạn "đại công nghiệp cơ khí" chân chính, hiểu theo nghĩa Mác nói. Trong nông nghiệp chưa có một "hệ thống máy móc" kết hợp thành một cơ cấu sản xuất thống nhất.

Lẽ tự nhiên, không nên khuếch đại sự so sánh đó: một mặt thì nông nghiệp có một số đặc điểm tuyệt đối không thể vượt qua được (nếu chúng ta gác ra một bên không nói tới

1) — P. Ma-cơ. "Nâng cao sản xuất nông nghiệp của chúng ta bằng cách giảm chi phí về sản xuất. Nghiên cứu công dụng của kỹ thuật cơ khí và điện lực đối với nông nghiệp"

cái khả năng quá ư xa xôi và còn là một vấn đề hoàn toàn chưa giải quyết ra sao cả, tức là khả năng sản xuất ra chất protit và thức ăn trong các phòng thí nghiệm). Do những đặc điểm riêng đó, nên đại sản xuất cơ khí trong nông nghiệp sẽ không bao giờ có *tất cả* những đặc điểm mà nó có trong công nghiệp. Mặt khác, ngay cả trong thời kỳ công trường thủ công, đại sản xuất trong công nghiệp cũng đã chiếm ưu thế và về mặt kỹ thuật cũng hơn hẳn tiểu sản xuất. Đã lâu, nhà tiểu công nghiệp ra sức xoá bỏ sự hơn hẳn đó bằng cách kéo dài ngày lao động và giảm bớt tiêu phí, đây cũng là đặc trưng của người thợ thủ công và người tiểu nông hiện đại. Nhờ lao động thủ công chiếm ưu thế trong giai đoạn công trường thủ công, cho nên người sản xuất nhỏ còn có đôi chút khả năng đứng vững được trong một thời gian với những biện pháp "anh dũng" như thế; nhưng những người bị tình hình đó mê hoặc và nói đến sức sống của người thủ công (cũng giống như các nhà phê phán của chúng ta nói đến sức sống của người nông dân) thì lại rất nhanh chóng bị bác bởi cái "xu thế tạm thời" nó làm tê liệt cái "quy luật phổ biến" về sự đình đốn của kỹ thuật. Chúng ta hãy nhớ lại, chẳng hạn, những nhà điều tra người Nga đã điều tra về công nghiệp thủ công dệt ở tỉnh Mát-xcơ-va trong những năm 70. Về dệt vải bông, họ nói, người thợ dệt thủ công đã thất bại: máy đã thắng; nhưng trong nghề dệt lụa, thì người thợ thủ công vẫn còn có thể đứng vững được trong một thời gian, vì ở đây máy móc vẫn chưa được hoàn thiện lắm. Hai chục năm đã qua, và kỹ thuật đã đẩy sản xuất nhỏ ra khỏi một chỗ trú ẩn cuối cùng khác nữa của nó; dường như muốn nói với người có tai để nghe, có mắt để thấy — rằng nhà kinh tế học phải luôn luôn nhìn về phía trước, nhìn về hướng tiến bộ của kỹ thuật, nếu không thì bị lạc hậu ngay tức khắc, vì kẻ nào không chịu nhìn về phía trước thì kẻ đó quay lưng lại lịch sử: không có và cũng không thể có con đường nào trung gian cả.

Prinh-xhêm đã nhận xét rất xác đáng rằng: "Những tác giả nào, như Héc-tơ, mà nói về cạnh tranh giữa đại sản xuất và tiểu sản xuất trong nông nghiệp, nhưng lại không để ý đến vai trò của kỹ thuật điện, thì nên bắt đầu nghiên cứu lại"; nhận xét đó mà áp dụng cho tác phẩm gồm hai tập của ông Bun-ga-cốp thì lại càng có ý nghĩa mạnh mẽ hơn nữa.

Điện lực rẻ hơn là lực của hơi nước; nó có thể được vận chuyển dễ dàng hơn rất nhiều trên những khoảng cách rất lớn, máy móc nhờ nó có thể chạy được một cách chuẩn xác và ổn định hơn, và vì lẽ đó, nó được dùng một cách thuận lợi hơn trong việc đập lúa, canh tác, vắt sữa bò, thái thức ăn cho súc vật*, v.v.. Cau-xky tả một đại điền trang** của Hung-ga-ri, trong đó điện lực được truyền đi từ một trung tâm phát điện về tất cả các ngả tới những nơi xa trong điền trang và được dùng để chạy máy nông nghiệp, thái củ cải đỏ, đưa nước lên cao, đốt đèn, v.v., v.v.. "Muốn bơm 300 héc-tô-lít một ngày từ cái giếng sâu 29 mét vào một bể chứa cao 10 mét, và muốn chuẩn bị lương thực cho 240 bò cái, 200 bò con và 60 bò đực và ngựa cày kéo, nghĩa là để thái củ cải đỏ, v.v., thì phải dùng 4 ngựa trong mùa đông và 2 ngựa trong mùa hè, như vậy tốn phí 1.500 gun-đen¹⁾. Ngày nay, người ta không dùng ngựa mà dùng một động cơ ba mã lực và một động cơ năm mã lực, tốn phí tất cả là 700 gun-đen, nghĩa là ít hơn 800 gun-đen" (Kautsky, 1.c.). Ma-cơ tính giá một ngày làm việc của một con ngựa là 3 mác;

* Xin báo tin đó cho ông Bun-ga-cốp đừng cảm biết, vì ông là người đã nói một cách dửng dưng cảm và không có căn cứ rằng "có những ngành sản xuất nông nghiệp hoàn toàn không thể dùng được máy móc, như ngành chăn nuôi gia súc, chẳng hạn" (I, 49).

** Cũng lại xin báo tin cho ông Bun-ga-cốp biết, vì ông đã nói về "sự thoái hoá của kinh doanh lớn ở các đại điền trang"!

1) — tiền Hà-lan

nhưng nếu dùng điện lực để làm cũng một khối lượng công việc như thế thì tốn phí từ 40 đến 75 phen-ních¹⁾, nghĩa là tốn phí rẻ hơn được từ 400 đến 700 phần trăm. Ông ta nói: nếu trong 50 năm hay hơn thế nữa, 1 750 000 ngựa trong số ngựa dùng trong nông nghiệp ở Đức mà được thay thế bằng điện lực (năm 1895, có 2 600 000 ngựa + 1 000 000 bò đực + 2 300 000 bò cái được dùng vào việc canh tác trong nông nghiệp ở Đức, trong số đó có 1 400 000 ngựa và 400 000 bò đực được dùng trong những doanh nghiệp rộng trên 20 héc-ta), thì tốn phí từ 1 003 000 000 mác sẽ giảm xuống còn 261 000 000 mác, nghĩa là giảm bớt được 742 000 000 mác. Một thửa đất rất lớn hiện nay dùng để trồng lấy thức ăn cho gia súc sẽ có thể chuyển sang dùng để sản xuất lương thực cho con người để cải thiện ăn uống cho công nhân, tức là những người mà ông Bun-ga-cốp đã cố sức đem "tình trạng giảm bớt tặng vật của tự nhiên", "vấn đề lương thực" v.v., ra để đoạ. Ma-cơ kiên quyết nhấn mạnh là nên kết hợp nông nghiệp với công nghiệp để thường xuyên dùng được điện lực, và khuyên nên đào một con kênh ở Ma-du-ri làm nguồn điện lực cho 5 trung tâm có thể cung cấp năng lượng cho những nông hộ trong một phạm vi có bán kính từ 20 đến 25 ki-lô-mét; ông còn khuyên nên dùng than bùn để phát điện và đòi hỏi các nông hộ phải thống nhất lại: "chỉ có tổ chức hợp tác với công nghiệp và đại tư bản mới có thể làm cho ngành công nghiệp nước ta lại có lời được" (Mack, S. 48). Lẽ tự nhiên, việc dùng phương pháp sản xuất mới sẽ gặp nhiều khó khăn, nó không tiến hành theo con đường thẳng được, mà theo con đường khúc khuỷu quanh co, nhưng những phương pháp mới đó sẽ được dùng và việc cách mạng hoá nông nghiệp là không thể tránh được, — điều đó khó mà có thể nghi ngờ gì được. Prinh-xhêm nói rất đúng rằng: "Việc dùng động cơ điện thay cho đại bộ phận ngựa có nghĩa

1) — pfenning, tiền Đức = 1/100 mác

là mở ra cái khả năng dùng hệ thống cơ khí trong nông nghiệp... Cái mà lực của hơi nước không thể làm được, thì chắc chắn là kỹ thuật điện sẽ làm được: nông nghiệp, từ giai đoạn công trường thủ công cũ, sẽ chuyển sang giai đoạn đại sản xuất hiện đại" (l. c., tr. 414).

Chúng ta sẽ không nói đến việc đưa kỹ thuật điện vào nông nghiệp sẽ là (và hiện nay phần nào đã là) một thắng lợi to lớn như thế nào cho đại sản xuất: điều đó đã quá rõ ràng, bất tất phải nói nhiều. Tốt hơn hết là nên xem những doanh nghiệp hiện đại nào có những mầm mống của cái "hệ thống cơ khí" mà trạm trung tâm điện lực sẽ phát động. Vì muốn có một hệ thống cơ khí thì đầu tiên cần phải dùng thử các loại máy khác nhau và cần phải có những thí nghiệm sử dụng kết hợp nhiều máy cùng một lúc. Bản thống kê nông nghiệp ở Đức ngày 14 tháng Sáu 1895 đã giải đáp vấn đề đó. Chúng ta có những tài liệu chỉ rõ số doanh nghiệp trong mỗi nhóm đã dùng máy móc của mình hay thuê máy móc của người khác (ông Bun-ga-cốp đã lầm khi dẫn ra một phần những số liệu đó ở trang 114, quyển II, và tưởng rằng đó là chỉ con số những *máy* đã được dùng. Nhân tiện, xin nói thêm rằng việc thống kê con số những doanh nghiệp dùng máy móc của mình hay máy thuê không làm cho thấy tính ưu việt của đại sản xuất được rõ rệt bằng trong thực tế. Những doanh nghiệp lớn thường thường là có máy móc của mình, còn doanh nghiệp nhỏ thì buộc phải đi thuê máy với giá đắt ghê gớm). Các số liệu đó chỉ rõ việc sử dụng máy móc nói chung hoặc từng loại máy riêng một, cho nên chúng ta không thể xác định được số máy các doanh nghiệp trong mỗi nhóm dùng là *bao nhiêu*. Nhưng nếu trong mỗi nhóm ta thêm vào tổng số doanh nghiệp dùng mỗi loại máy riêng, thì chúng ta sẽ có được *con số những trường hợp dùng* tất cả các loại máy nông nghiệp. Chúng tôi xin dẫn ra dưới đây những số liệu sắp xếp theo cách như thế, chỉ rõ "hệ thống cơ khí" trong nông nghiệp đã được chuẩn bị như thế nào:

Quy mô các doanh nghiệp	Cho từng 100 doanh nghiệp	
	Số doanh nghiệp dùng máy móc nông nghiệp nói chung (1895)	Số trường hợp dùng loại máy nông nghiệp này hay loại máy nông nghiệp khác (1895)
Dưới 2 ha.....	2,03	2,30
2 đến 5 ha.....	13,81	15,46
5 đến 20 ha.....	45,80	56,04
20 ha đến 100 ha	78,79	128,46
100 ha trở lên.....	94,16	352,34
<i>Tổng cộng</i>	16,36	22,36

Như vậy, trong những doanh nghiệp nhỏ dưới 5 héc-ta (những doanh nghiệp này gồm hơn ba phần tư tổng số: 4.100.000 cái trong số 5.500.000, tức là 75,5%; nhưng chỉ chiếm 5.000.000 héc-ta trong tổng số là 32.500.000 héc-ta, nghĩa là 15,6%), số *trường hợp* dùng loại máy nông nghiệp này hay loại nông nghiệp khác (chúng tôi có kể cả máy vắt sữa trong đó) thì ít không đáng kể. Trong những doanh nghiệp trung bình (từ 5 đến 20 héc-ta) thì không đầy một nửa dùng máy móc nói chung, còn số trường hợp dùng máy nông nghiệp chỉ có 56% số doanh nghiệp. Chỉ có dưới chế độ đại sản xuất tư bản chủ nghĩa* chúng ta mới thấy *đa số* các doanh nghiệp (từ 3/4 đến 9/10) dùng máy móc và *bắt đầu hình thành hệ thống máy móc*: trong mỗi nông hộ có hơn một trường hợp dùng máy móc. Như thế nghĩa là

* Số doanh nghiệp trên 20 héc-ta thì chỉ có 300 000 cái trong số 5 500 000, nghĩa là chỉ có 5,5% tổng số; nhưng những doanh nghiệp đó chiếm 17 700 000 héc-ta ruộng đất trong số 32 500 000 hay 54,4% toàn bộ diện tích nông nghiệp.

có những doanh nghiệp dùng máy móc: chẳng hạn, những doanh nghiệp trên 100 héc-ta thì mỗi doanh nghiệp dùng *khoảng 4 máy* (352% so với 94% dùng máy móc nói chung). Trong số 572 đại điền trang (doanh nghiệp có từ 1 000 héc-ta trở lên), có 555 cái dùng máy móc; còn số trường hợp dùng máy móc là 2 800 tức là mỗi doanh nghiệp dùng *năm máy*. Qua đó ta thấy rõ loại doanh nghiệp nào đang chuẩn bị cuộc cách mạng "điện lực" và loại doanh nghiệp nào được lợi hơn cả về cuộc cách mạng đó.

IV

SỰ XOÁ BỎ TÌNH TRẠNG ĐỐI LẬP GIỮA THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN. NHỮNG VẤN ĐỀ PHỤ DO "CÁC NHÀ PHÊ PHÁN" NÊU LÊN.

Ở trên kia đã nói về Héc-tơ, bây giờ chúng ta chuyển sang bàn về ông Tséc-nốp. Vì Tséc-nốp chỉ "nói chuyện" về Héc-tơ thôi, nên ở đây chúng ta chỉ trình bày vắn tắt phương pháp suy luận của Héc-tơ (và phương pháp của ông Tséc-nốp diễn đạt lại lời của Héc-tơ) để chuyển sang (ở phần sau) phân tích một số tài liệu mới do "những nhà phê phán" đưa ra.

Để biết Héc-tơ là một nhà lý luận như thế nào, chỉ cần nêu *một* thí dụ cũng đủ. Ở ngay đầu cuốn sách của ông ta, chúng ta đã thấy một đoạn có đầu đề đầy tham vọng: "Khái niệm chủ nghĩa tư bản dân tộc". Héc-tơ không hơn không kém chỉ muốn định nghĩa chủ nghĩa tư bản. Ông ta viết: "Chúng ta đương nhiên có thể coi nó như một chế độ kinh tế quốc dân mà về mặt *pháp lý* thì dựa trên cơ sở những nguyên tắc tự do cá nhân và tự do tài sản được triệt để thực hiện, về mặt *kỹ thuật* thì dựa trên cơ sở sản

xuất quy mô rộng rãi"* (quy mô lớn chăng?), "về mặt *xã hội* thì dựa trên cơ sở là tách tư liệu sản xuất ra khỏi người trực tiếp sản xuất, về mặt *chính trị* thì dựa trên cơ sở là những người tư bản nắm chính quyền trung ương" (lực lượng chính trị tập trung của nhà nước chăng?) "do chỉ dựa trên cơ sở kinh tế của sự phân phối tài sản" (bản dịch tiếng Nga, tr. 37). Héc-tơ nói rằng định nghĩa này không đầy đủ, cần phải có giới hạn, thí dụ, bên cạnh đại sản xuất thì ở khắp nơi vẫn còn tồn tại chế độ nhận việc về làm tại nhà và việc thuê mướn những mảnh đất nhỏ. "Cái định nghĩa *hiện thực* (sic!) về chủ nghĩa tư bản nói rằng chủ nghĩa tư bản là một chế độ, trong đó sản xuất chịu sự kiểm soát" (thống trị và kiểm soát) "của những nhà tư bản" (những người có tư bản) "cũng không hoàn toàn thích hợp". Cái định nghĩa "hiện thực" cho rằng chủ nghĩa tư bản là sự thống trị của những nhà tư bản, chẳng phải là tuyệt diệu hay sao? Và thật là đặc sắc biết bao, cái mốt hiện tại đó, một cái mốt quasi¹⁾ — hiện thực chủ nghĩa nhưng kỳ thật lại là chiết trung chủ nghĩa, là cố sức liệt kê đầy đủ tất cả những đặc trưng cá biệt và những "nhân tố" cá biệt. Kết quả dĩ nhiên là cái ý định vô nghĩa lý muốn đem tất cả những đặc trưng riêng của những hiện tượng đơn lẻ nhét vào trong một khái niệm chung, hay ngược lại, "tránh động chạm đến những hiện tượng cực kỳ muôn hình muôn vẻ", — ý định này chỉ chứng tỏ là người ta không hiểu biết khoa học là gì cả, — đã đưa "nhà lý luận" đến chỗ chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Thí dụ: Héc-tơ đã quên cái việc nhỏ nhặt là sản xuất hàng hoá và sự chuyển

* Ông V. Tséc-nốp dịch ("Của cải nước Nga", số 4, 132): "trên cơ sở một nền sản xuất đã đạt đến trình độ phát triển cao". Đấy ông ta đã cố sức "hiểu" được những tiếng Đức "auf grosser Stufenleiter" như thế đó!!

1) — tựa hồ như là

hoá sức lao động thành hàng hoá! Nhưng ông ta lại dựng lên cái định nghĩa *dị truyền học* như sau (cần dẫn ra đây toàn bộ để trừng phạt kẻ dựng ra định nghĩa đó): chủ nghĩa tư bản là "một thứ trạng thái kinh tế quốc dân, trong đó thực hiện nguyên tắc tự do mậu dịch, tự do cá nhân và tự do sở hữu đạt tới điểm tối cao (tương đối) do sự phát triển kinh tế và những điều kiện kinh nghiệm của mỗi nền kinh tế quốc dân riêng quy định" (S. 10, bản dịch tiếng Nga, 38-39; bản dịch không hoàn toàn đúng). Ông V.Tséc-nốp đương nhiên là hết sức kính cẩn sao chép và tô vẽ những bóng bọt xà phòng này, ngoài ra lại còn đem khoản đái độc giả tờ "Cửa cải nước Nga" hơn ba mươi trang "phân tích" những kiểu chủ nghĩa tư bản dân tộc. Từ sự phân tích hết sức bổ ích này có thể rút ra một số chỉ dẫn hết sức quý giá và hoàn toàn không khuôn sáo chút nào cả, thí dụ như chỉ dẫn về "tính chất độc lập, kiêu hãnh và cương nghị của người Anh", về "sự vũng vàng" của giai cấp tư sản Anh và "sự hiềm kỵ" của chính sách đối ngoại của nó, về "lòng nhiệt tình sôi nổi của những dân tộc Rô-manh" và "tính chính xác của người Đức" ("Cửa cải nước Nga", số 4, tr. 152). Dĩ nhiên là chủ nghĩa Mác "giáo điều" bị thủ tiêu hoàn toàn bởi sự phân tích đó.

Sự phân tích của Héc-tơ về những tài liệu về cầm cố cũng không kém phần có tính chất đả phá. Ít nhất nó cũng làm cho ông Tséc-nốp khoái chí. Ông ta viết: "Sự thực là... chưa một ai bác bỏ được những tài liệu của Héc-tơ. Cau-xky trong khi trả lời cuốn sách của Héc-tơ đã phát triển rất lan man về một số tiểu tiết" (như những luận chứng về *những sự xuyên tạc* của Héc-tơ! Thật là những "tiểu tiết" thú vị!), "nhưng đối với luận cứ của Héc-tơ trong vấn đề cầm cố thì ông ta *không trả lời gì cả*" ("Cửa cải nước Nga", số 10, tr. 217, do ông Tséc-nốp viết ngả). Căn cứ theo những trích dẫn ở trang 238 cũng trong số tạp chí "Cửa cải nước Nga" này, người ta thấy rõ rằng ông Tséc-nốp

có biết trả lời của Cau-xky ("Zwei Kritiker meiner "Agrarfrage"¹⁾ trong tạp chí "Neue Zeit", 18, I; 1899-1900); ông Tséc-nốp cũng không thể không biết rằng tờ tạp chí đăng bài đó đã bị cơ quan kiểm duyệt cấm đưa vào Nga. Điều càng có ý nghĩa quan trọng để nói rõ lên bộ mặt thật của các "nhà phê phán" hiện đại là: những từ mà chính bản thân Tséc-nốp viết ngả là *hoàn toàn sai sự thật*, vì Cau-xky *đã trả lời* về vấn đề cầm cố cho Héc-tơ, Đa-vít, Béc-stanh, Síp-pen, Bun-ga-cốp e tutti quanti²⁾ rồi, ở tr. 472 - 477 của chính cái bài mà ông Tséc-nốp dẫn ra. Bất buộc phải khôi phục lại một sự thực đã bị xuyên tạc là một việc làm nhạt nhẽo vô vị, nhưng một khi đã gặp phải các ngài Tséc-nốp thì không thể bỏ qua nhiệm vụ này được.

Đương nhiên là Cau-xky trả lời Héc-tơ với cái cười nhạo báng, vì cả trong vấn đề này, Héc-tơ cũng tỏ rõ không có khả năng hiểu hay không muốn hiểu thực chất của vấn đề và thiên về lặp lại những luận cứ nhảm tai của các nhà kinh tế học tư sản. Trong "Agrarfrage" của Cau-xky nói về sự tập trung cầm cố (S. 88-89). Cau-xky viết: "Rất nhiều người cho vay lãi nhỏ ở nông thôn ngày càng bị đẩy xuống địa vị thứ yếu, nhường chỗ cho những tổ chức tư bản chủ nghĩa tập trung to lớn hay những tổ chức công cộng, độc quyền về cho vay cầm cố". Cau-xky kể ra một số tổ chức tư bản chủ nghĩa hay tổ chức công cộng về loại này; ông nói đến những hội hợp tác tín dụng ruộng đất (genossenschaftliche Bodenkreditinstitute) và chỉ ra rằng *quỹ tiết kiệm*, công ty bảo hiểm và nhiều tổ chức khác (S.89) đặt vốn của mình vào việc cầm cố v.v.. Thí dụ, ở nước Phổ có 17 hội hợp tác tín dụng tính đến năm 1887 đã phát hành 1.650 triệu mác phiếu cầm cố⁷⁶. "Những con số

1) — "Hai nhà phê phán bài "Vấn đề ruộng đất" của tôi"

2) Cách nói của Cau-xky: "Neue Zeit", tr. 472. (E tutti quanti có nghĩa là: và đồng bọn).

này đã chứng minh rằng số rất lớn địa tô đã tập trung vào một số nhỏ cơ quan trung ương" (do chúng tôi viết ngả) "nhưng quá trình tập trung này còn đang phát triển nhanh. Năm 1875 những ngân hàng cầm cố của nước Đức đã phát hành phiếu cầm cố với 900 triệu mác, năm 1888 là 2 tỷ rưỡi mác, năm 1892 số tiền này đã lên tới 3 400 triệu, tập trung ở 31 (năm 1875 có 27) ngân hàng" (S. 89). Sự tập trung địa tô đó chứng tỏ rõ ràng sự tập trung *quyền sở hữu ruộng đất*.

Héc-tơ, Bun-ga-cốp, Tséc-nốp và đồng bọn trả lời: không, "chúng tôi thấy một xu thế hết sức mạnh mẽ là sự phân tán chia nhỏ quyền sở hữu" ("Cửa cải nước Nga", số 10, 216), vì "hơn 1/4 số tiền cho vay cầm cố đã được tập trung trong tay những cơ quan tín dụng dân chủ (sic!) với số rất đông những người gửi những món tiền nhỏ" (như trên). Trong khi dẫn ra nhiều biểu đồ, Héc-tơ hết sức nhiệt tâm chứng minh rằng *những người gửi những món tiền nhỏ* chiếm đa số trong những người gửi tiền ở những quỹ tiết kiệm v.v.. Nhưng thử hỏi: tất cả những cái đó là để làm gì? Chính Cau-xky cũng đã nói đến công ty tín dụng và quỹ tiết kiệm (đương nhiên không phải như ông Tséc-nốp đã coi đó là những cơ quan đặc biệt "dân chủ"). Cau-xky nói về sự tập trung tô vào tay một số ít cơ quan trung ương, — thế mà người ta lại chỉ cho ông ta rằng ở những quỹ tiết kiệm số đông là những người gửi những món tiền nhỏ!! Và người ta gọi đó là "sự chia nhỏ quyền sở hữu"! Nhưng con số người gửi tiền ở ngân hàng cầm cố có liên quan gì đến nông nghiệp (ở đây là nói về sự tập trung tô)? Phải chăng công xưởng lớn không còn có nghĩa là tập trung sản xuất nữa vì những cổ phiếu của nó đã được phân phối trong một số lớn những người tư bản nhỏ? Trả lời Héc-tơ, Cau-xky viết: "Trước khi Héc-tơ và Đa-vít nói cho tôi biết, thì tôi không hề biết những quỹ tiết kiệm lấy tiền ở đâu ra. Trước đó tôi vẫn tưởng rằng những quỹ này hoạt

động với tiền tiết kiệm của bọn Rốt-sin-đơ và Van-đéc-bin-to".

Về việc chuyển những món cầm cố thành sở hữu của nhà nước, Héc-tơ nói: "Đó sẽ là phương tiện đấu tranh rất không lợi để chống lại đại tư bản, và đương nhiên là phương tiện rất tuyệt để kích động đạo quân to lớn, ngày càng đông, những người tiểu tư hữu, và nhất là những cố nông, nổi lên chống lại kẻ khởi xướng ra việc cải cách như vậy" (S. 29, bản dịch tiếng Nga, 78. Ông Tséc-nốp lặp lại một cách thích thú điều này ở tr. 217-218 tờ "Cửa cải nước Nga").

Ấy những người "tư hữu" đó mà Béc-stanh và đồng bọn kêu toáng lên rằng con số họ ngày càng tăng, là những người như thế đấy! - Cau-xky đáp lại. — Ấy là những người đầy tớ gái có 20 mác trong quỹ tiết kiệm! Cái luận cứ chống những người xã hội chủ nghĩa, nói rằng với sự "tước đoạt" của mình những người xã hội chủ nghĩa đã cướp bóc đạo quân đông đảo những người lao động, — cái luận cứ ấy thật là cũ rích và nhảm tai! Chính Ô-giê-ni Rích-tơ chứ không phải người nào khác, đã đặc biệt hăng hái nêu luận cứ này trong cuốn sách của mình xuất bản sau khi đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa⁷⁷ được hủy bỏ (bọn chủ xưởng đã mua hàng nghìn cuốn sách này để phát không cho công nhân của chúng). Trong cuốn sách ấy, Ô-giê-ni Rích-tơ đã đưa "chị Ác-nê-xa tiết kiệm" nổi tiếng của ông ta ra: chị này là một chị thợ may nghèo, có mấy chục mác để trong quỹ tiết kiệm và những người xã hội chủ nghĩa độc ác khi cướp chính quyền và chuyển những ngân hàng thành sở hữu của nhà nước, đã cướp mất của chị ta. Các ngài Bun-ga-cốp*, Héc-tơ và Tséc-nốp đã rút những luận cứ "phê phán" của mình từ ngọn nguồn như thế đấy!

* Ông Bun-ga-cốp cũng đưa luận cứ này ra để chống lại Cau-xky về vấn đề cầm cố trong tạp chí "Bước đầu", và bằng tiếng Đức cả trong "Văn khố" của Brau-nơ.

"Hồi đó, — Cau-xky nói về cuốn sách "trú danh" của O-giê-ni Rích-tơ, — tất cả những người dân chủ - xã hội đều nhất trí cười nhạo O-giê-ni Rích-tơ. Nhưng hiện nay trong số những người dân chủ - xã hội lại có những người, trong Cơ quan ngôn luận trung ương của chúng ta", (đây muốn nói về bài của Đa-vít trong tờ "Vorwärts"⁷⁸ thì phải) "đang cất lời tán tụng tác phẩm trong đó lặp lại cũng những tư tưởng ấy: Héc-tơ, chúng tôi hoan hô những chiến công của anh!

Đối với O-giê-ni đáng thương, đó là một thắng lợi thực sự trong lúc về già, và tôi không thể không dẫn thêm ra, để làm vui lòng ông ta, cái đoạn sau đây ở ngay trang đó trong cuốn sách của Héc-tơ: "Chúng ta thấy rằng tiểu nông, những người có nhà ở thành thị và đặc biệt là đại nông, đều bị những giai cấp hạ lưu và trung lưu tước đoạt; và rõ ràng phần lớn trong bọn họ đều là dân cư nông thôn" (Héc-tơ, S. 29, bản dịch tiếng Nga, 77. — Thuật lại một cách thích thú trong tờ "Cửa cải nước Nga" số 10, tr. 216 - 217). "Thuyết của Đa-vít về "làm rỗng" (Aushöhlung) chủ nghĩa tư bản bằng những hợp đồng tập thể về tiền lương (Tarifgemeinschaften) và những hợp tác xã tiêu thụ, hiện nay đã bị vượt qua rồi. Thuyết này bị lu mờ trước sự tước đoạt kẻ tước đoạt, theo kiểu Héc-tơ, bằng quy tế tiết kiệm. Chị Ác-nê-xa tiết kiệm, mà người ta cho là đã chết rồi, nay lại sống lại" (Kautsky, 1. c., S. 475); và các "nhà phê phán" Nga cùng với các nhà chính luận của tạp chí "Cửa cải nước Nga" vội vã đem chị "Ác-nê-xa tiết kiệm" sống lại này về nước Nga để làm nhục đảng dân chủ - xã hội "chính thống".

Và chính cái ngài V. Tséc-nốp ấy, kẻ đã mừng quỳnhnh trước những luận cứ của O-giê-ni Rích-tơ do Héc-tơ lặp lại, cái ngài V. Tséc-nốp ấy đang "chửi" Cau-xky đến vượt mặt không kịp, trên những trang của tạp chí "Cửa cải nước Nga" và của tuyển tập "Trên vị trí quang vinh" soạn tặng N. Mi-khai-lốp-xki. Nếu chúng tôi không nhặt ra một

ít hạt ngọc trong những lời chửi rủa đó thì sẽ không công bằng. Ông Tséc-nốp viết trong tạp chí "Cửa cải nước Nga" số 8, tr. 229: "Cau-xky lại theo Mác mà thừa nhận rằng tiến bộ của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa dẫn đến chỗ làm cho ruộng đất bị bạc màu: dưới hình thức những sản phẩm khác nhau, người ta thường xuyên lấy đi một cái gì đó của ruộng đất, đem ra bán ở thành thị và không bao giờ đưa trả trở lại cho ruộng đất cả... Như bạn đọc đã thấy, trong vấn đề quy luật phì nhiêu của đất đai, Cau-xky lặp lại một cách bất lực (sic!) lời của Mác, là người đã dựa vào thuyết của Li-bích. Nhưng, khi Mác viết cuốn thứ nhất của mình thì "luật khôi phục sự phì nhiêu" của Li-bích là đỉnh cao nhất trong nông học. Từ thời gian phát minh đó đến nay đã qua hơn nửa thế kỷ rồi. Trong kiến thức của chúng ta về quy luật phì nhiêu của đất đai đã có cả một cuộc cách mạng. Thế thì kết quả ra sao? Cả thời kỳ tiếp theo sau Li-bích, những phát minh tiếp theo của Pa-xtơ, Vin-ly, những thí nghiệm của Xô-la-ri về việc dùng chất đạm, những phát minh của Béc-tơ-lô, Hen-ri-ghen, Vi-lơ-phác-tơ và Vi-nô-gơ-rát-xki trong lĩnh vực vi khuẩn học của đất đai, — tất cả những cái đó không để lại cho Cau-xky một chút ấn tượng nào"... Ông Tséc-nốp thân yêu! Sao ông ta lại giống Vô-rô-si-lốp của Tước-ghê-nép⁷⁹ một cách lạ lùng: các bạn còn nhớ — trong cuốn "Khói" — chàng thanh niên Nga, giáo viên đại học, đã từng đi du lịch ngoại quốc không? Hẳn ta nói chung có đặc điểm là rất ít nói, nhưng thỉnh thoảng thì lại bốc lên, xổ ra hàng tràng tên những học giả lớn nhỏ, những nhân vật ít và rất ít người biết đến. Thật giống nhà học giả Tséc-nốp của chúng ta như đúc, người đã hoàn toàn đánh bại Cau-xky dốt nát kia. Nhưng... có lẽ chúng ta nên xem qua sách của Cau-xky chẳng? Hay ít nhất là chúng ta nên liếc qua bản mục lục của cuốn sách ấy chứ? Chúng ta sẽ thấy chương IV: "Nông nghiệp hiện đại", mục d) "phân bón, vi khuẩn". Chúng ta mở mục d) và đọc:

"Trong nửa thứ hai của mười năm qua, người ta đã phát hiện rằng giống cây đậu khác với những cây nông nghiệp khác là gần như tất cả chất đạm của nó không rút ở đất đai mà lại rút ở không khí ra, rằng nó không làm cho đất giảm chất đạm đi mà lại giàu thêm nhiều chất đạm. Nhưng nó chỉ có khả năng này trong trường hợp đất có một thứ vi sinh vật bám lấy rễ nó. Ở chỗ nào không có những vi sinh vật này, có thể dùng cách ghép thích hợp làm cho cây đậu có khả năng biến đất có ít chất đạm thành có nhiều chất đạm và như vậy là đã bón cho chỗ đất ấy đến mức nào đó cho những cây nông nghiệp khác. Thông thường, khi ghép vi khuẩn vào cây đậu và kết hợp với phân khoáng chất thích hợp (phân lân và bồ tạt), người ta có thể thường xuyên thu hoạch mùa màng rất tốt mà không cần phân chuồng. Chỉ nhờ có phát minh này, "kinh doanh tự do" mới có được cơ sở hoàn toàn ổn định" (Kautsky, 51 - 52). Người nào đã đặt cơ sở khoa học cho việc phát hiện ra một cách tài tình những vi khuẩn rút chất đạm như vậy? — chính là Hen-ri-ghe-n...

Cái tội của Cau-xky là ở chỗ ông ta có thói xấu (thói xấu này cũng thấy ở nhiều người trong phái chính thống hẹp hòi) không bao giờ quên rằng đảng viên của đảng xã hội chủ nghĩa chiến đấu thì ngay cả trong những tác phẩm nghiên cứu của mình cũng phải nhớ đến những độc giả công nhân, phải cố gắng viết sao cho *đơn giản*, không có những lời thừa không cần thiết, không có những màu mè bề ngoài của "học giả", những thứ đã làm cho phái suy đồi và những đại biểu có chức vị của khoa học quan phương say mê. Cả ở đây nữa Cau-xky cũng thích thuật lại một cách tỉ mỉ rõ ràng những phát minh mới nhất của nông học và lược bỏ những tên học giả không nói được chút gì cho chín phần mười độc giả. Bọn Vô-rô-si-lốp thì ngược lại: họ thích tuôn ra cả một chuỗi những tên học giả rút từ trong lĩnh vực nông học, chính trị kinh tế học, triết học phê phán, v. v., và

che lấp thực chất của vấn đề bằng những rác rưởi của học thuật.

Chẳng hạn, Vô-rô-si-lốp — Tséc-nốp đã dùng những lời vu cáo buộc cho Cau-xky là không biết tên những học giả và những phát minh của khoa học để che đậy, để lấp liếm cái tình tiết cực kỳ có ý nghĩa và bổ ích của những nhà phê phán theo thời trang tức là: cuộc tấn công của kinh tế học tư sản vào tư tưởng xã hội chủ nghĩa về vấn đề thủ tiêu tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn. Chẳng hạn, giáo sư Lu-i-ô Bren-ta-nô quả quyết rằng việc di cư từ nông thôn ra thành thị không phải là do những điều kiện xã hội nhất định nào đó gây ra mà là do sự *tất yếu tự nhiên*, do quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ gây ra*. Ông Bun-ga-

* Xem bài của Cau-xky trong báo "Neue Zeit" XIX, 2, 1900 - 1901, số 27: "Tolstoi und Brentano" 1). Cau-xky so sánh học thuyết Tôn-xtôi và kinh tế học tư sản với chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại; tuy học thuyết của Tôn-xtôi có tính chất ấu trĩ phản động, nhưng ông là người quan sát và phê phán sâu sắc chế độ tư sản; còn kinh tế học tư sản, mà "ngôi sao sáng" của nó là Bren-ta-nô (tất cả mọi người đều biết đây là vị thầy của các ngài Xtơ-ru-vê, Bun-ga-cốp, Héc-tơ và tutti quanti) thì tỏ ra mơ hồ, không thể tưởng tượng được, nó lẫn lộn hiện tượng của tự nhiên với hiện tượng xã hội, lẫn lộn các khái niệm năng suất với lợi nhuận, giá trị với giá cả v. v.. Cau-xky nói rất đúng rằng: "Nói đó là đặc điểm của cá nhân Bren-ta-nô không bằng nói đó là đặc điểm của trường phái của ông ta. Trường phái lịch sử của kinh tế học tư sản, dưới bộ mặt hiện đại của nó, thì cho rằng khuynh hướng đi đến nhận thức toàn bộ kết cấu xã hội là giai đoạn đã qua rồi (überwundener Standpunkt). Theo quan điểm này, thì khoa học kinh tế không nên nghiên cứu những quy luật xã hội và đưa những quy luật này tới một hệ thống hoàn chỉnh, mà chỉ nên hạn chế ở việc mô tả những sự kiện xã hội riêng biệt trong quá khứ và hiện tại. Như vậy là nó chỉ quen chú trọng mặt ngoài của hiện tượng. Và khi có một đại biểu nào của trường phái này thử khảo sát sâu hơn một chút nguyên nhân của hiện tượng, thì người đó hoàn toàn không tìm được phương hướng và cứ chạy xung quanh vấn đề một cách bất lực. Cách đây một thời gian, trong đảng

1) — "Tôn-xtôi và Bren-ta-nô"

cốp, theo bước ông thầy của ông ta, đã tuyên bố ngay trên tờ tạp chí "Bước đầu" (tháng Ba 1899, tr. 29) rằng tư tưởng về sự xóa bỏ tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn là "hoàn toàn hoang đường", nó "làm cho những nhà nông học phải mỉm cười". Héc-tơ viết trong cuốn sách của ông ta: "đành rằng xóa bỏ sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn là nguyện vọng chính đáng của những nhà không tưởng cũ (và cả của "Tuyên ngôn"), — nhưng chúng ta không tin rằng một chế độ xã hội có đủ mọi điều kiện để đưa văn hóa nhân loại tiến tới những đỉnh cao lại đi thủ tiêu thực sự những trung tâm nghị lực và văn hóa to lớn, tức là những thành thị lớn và, để chiều theo tình cảm mỹ học bị tổn hại, lại đi từ bỏ những kho tàng nghệ thuật và khoa học phong phú, những kho tàng mà nếu thiếu thì không thể có tiến bộ" (S. 76. Trong bản dịch tiếng Nga, tr. 182, dịch giả đã khôn khéo đem chữ "potenzirt" ¹⁾ dịch là "tiềm tàng". Với những bản dịch tiếng Nga như vậy thật là tệ hại! Ở tr. 270, cũng dịch giả này đã dịch câu: "Wer isst zuletzt das Schwein?" ²⁾ thành: "Rốt cuộc kẻ nào là con lợn?". Các bạn thấy đấy, Héc-tơ bênh vực trật tự tư sản chống lại những "không tưởng" xã hội chủ nghĩa bằng những câu, trong đó cũng "đấu tranh cho chủ nghĩa duy tâm" không kém gì trong các tài liệu của các ông Xơ-ru-vê và Béc-đi-a-ép! Nhưng

chúng ta cũng xuất hiện một xu hướng nhằm thay lý luận Mác nhưng không phải bằng lý luận nào khác, mà bằng trường phái lịch sử, đặc điểm của nó là không có lý luận gì cả (Theorielosigkeit), — xu hướng nhằm hạ thấp nhà lý luận xuống vai trò của nhà phóng sự. Người nào không muốn nhảy (Fortwurschteln) một cách vô ích từ sự biến này sang sự biến khác, mà muốn triệt để và cương quyết tiến lên tới đích vĩ đại, thì nên lấy việc làm lẫn mơ hồ của Bren-ta-nô mà chúng tôi phát hiện ra làm điều cảnh giác đối với phương pháp hiện nay của trường phái lịch sử" (S. 25).

1) — nghĩa bóng là phong phú

2) — "Rốt cuộc kẻ nào ăn thịt lợn?"

những câu ba hoa đầy chủ nghĩa duy tâm đó không ích gì cho việc bênh vực chế độ tư bản cả.

Việc những người dân chủ - xã hội biết quý trọng giá trị lịch sử của những trung tâm nghị lực và văn hóa to lớn đã được chứng minh bởi cuộc đấu tranh không điều hòa của họ chống lại tất cả những cái gì cột chặt nhân dân nói chung, nông dân và công nhân nông nghiệp nói riêng, vào một địa phương. Nhưng cũng vì thế mà, khác với những nhà phê phán, họ không bị lừa bịp bởi bất cứ một tên đại địa chủ nào vẫn ra sức tìm cách kiếm "việc" cho người "mu-gích" trong mùa đông. Nhưng việc công nhận dứt khoát tính chất tiến bộ của những thành thị lớn trong xã hội tư bản, không hề ngăn cản chúng tôi đưa vào trong lý tưởng của mình (và trong cương lĩnh hành động của mình, vì những lý tưởng không thực hiện được thì chúng tôi nhường cho các ông Xơ-ru-vê và Béc-đi-a-ép) sự xóa bỏ tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn. Cho như vậy là từ bỏ kho tàng khoa học và nghệ thuật, như thế là không đúng. Trái hẳn lại: làm như vậy là cần thiết để cho những kho tàng này *trở thành vừa tầm với toàn thể nhân dân*, để thủ tiêu tình trạng cách biệt của hàng triệu nhân dân nông thôn đối với văn hóa, tình trạng mà Mác gọi rất đúng là "trạng thái ngu muội của đời sống nông thôn"⁸⁰. Và hiện nay, khi đã có thể chuyển năng lượng điện đi rất xa, khi kỹ thuật vận tải đã được cải tiến đến mức, với chi phí rất ít (so với hiện nay), cũng có thể đưa hành khách đi với tốc độ hơn 20 dặm Nga một giờ *, thì hoàn toàn không có trở ngại nào về kỹ thuật khiến toàn thể nhân dân sống phân tán ít nhiều đều đặn trong cả nước, không hưởng dụng được những kho tàng khoa học và nghệ thuật hàng bao thế kỷ nay vẫn chỉ tích tụ ở một số ít trung tâm.

* Dự án thiết kế con đường như thế từ Man-se-xơ đến Li-vơ-pun không được nghị viện phê chuẩn chỉ là do sự phản đối vụ lợi của những vua đường sắt, bọn này sợ các công ty cũ sẽ bị phá sản.

Và nếu không có gì cản trở được việc xóa bỏ tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn (đương nhiên nên hiểu sự xóa bỏ này không tiến hành bằng một hành vi đơn độc mà bằng cả một loạt biện pháp) thì tuyệt nhiên cũng không phải chỉ độc có "tình cảm mỹ học" là đòi hỏi sự thủ tiêu đó. Ở những thành thị lớn, theo cách nói của Ăng-ghe-n, người ta ngạt thở trên đống phân của mình, và tất cả những người có khả năng đều thường kỳ chạy ra khỏi thành phố để tìm không khí mát mẻ và nước trong sạch⁸¹. Công nghiệp cũng phân tán ở khắp các địa phương vì nó cũng cần nước sạch. Sự khai thác những thác nước, kênh đào và sông để lấy năng lượng điện sẽ cho phép đẩy mạnh thêm "việc phân tán công nghiệp" này. Cuối cùng, — last but not least ¹⁾, — việc sử dụng hợp lý những rác bẩn của thành phố nói chung và phân người nói riêng rất cần cho nông nghiệp, cũng đòi phải xóa bỏ tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn. Chính cái điểm này của học thuyết Mác và Ăng-ghe-n là điểm mà các ngài phê phán định dùng những lý luận nông học của họ để bác bỏ (Ăng-ghe-n trong cuốn "Anti-Dühring" ⁸² đã trình bày vấn đề này một cách đặc biệt tỉ mỉ; các ngài phê phán không chịu phân tích kỹ, mà theo thường lệ chỉ thuật lại những mẫu ý kiến của anh chàng Bren-ta-nô nào đó). Trình tự suy luận của họ như sau: Li-bích chứng minh rằng lấy của ruộng đất ra bao nhiêu thì cần phải trả lại cho ruộng đất bấy nhiêu. Vì thế ông ta cho rằng tống những rác rưởi của thành phố ra biển, ra sông là lãng phí một cách ngu xuẩn và đã man những chất cần thiết cho nông nghiệp. Cau-xky đồng ý với lý thuyết của Li-bích. *Nhưng* nông học hiện đại chứng minh rằng hoàn toàn có thể khôi phục sức sản xuất của ruộng đất không cần phải dùng đến phân chuồng mà chỉ dùng phân nhân tạo, dùng cách ghép những vi khuẩn

1) — cuối cùng, đây là nói theo số thứ tự chứ không phải theo tầm quan trọng

nào đó vào loại cây đậu hút chất đạm v. v.. *Như vậy* Cau-xky và tất cả "những người thuộc phái chính thống" đều chỉ là những người lạc hậu.

Như vậy là, — chúng tôi trả lời, — cả ở đây nữa, các ngài phê phán cũng tiến hành một trong vô số những *sự xuyên tạc* vô tận của họ. Cau-xky, sau khi trình bày thuyết của Li-bích, đã chỉ ra *ngay lập tức* rằng nông học hiện đại đã chứng minh khả năng hoàn toàn "không cần đến phân chuồng" (S. 50, "Agrarfrage"; xem đoạn trích dẫn trên), nhưng ông cũng nói thêm: so với việc lãng phí phân người do hệ thống vệ sinh của thành phố gây ra thì đấy chỉ là một *biện pháp nhất thời* thôi. Đó chính là điểm mà lẽ ra các nhà phê phán phải bác bỏ nếu họ có khả năng tranh luận về thực chất, và chứng minh rằng đó không phải là một biện pháp nhất thời. Nhưng họ lại không suy nghĩ gì về điểm này. Đương nhiên là khả năng thay thế phân tự nhiên bằng phân nhân tạo và sự thay thế (*bộ phận*) đó cũng không thể bác một chút nào cái sự thật là việc vứt phí phân tự nhiên là không hợp lý và còn làm ô uế những sông ngòi và không khí vùng lân cận thành phố và xí nghiệp. Gần thành phố lớn hiện nay có những bãi tiêu nước cống, nó sử dụng rác rưởi của thành phố để trồng trọt rất có lợi, nhưng bằng cách ấy thì rác rưởi chỉ mới được sử dụng một phần rất nhỏ. Phân nhân tạo — Cau-xky nói, trong cuốn sách của ông ở trang 211, khi trả lời ý kiến bài bác cho rằng hầu như nông học hiện đại bác bỏ cái sự thật là thành thị bóc lột nông thôn về mặt nông nghiệp, cái ý kiến bài bác mà các ngài phê phán nêu lên với Cau-xky, coi đó là một cái mới — phân nhân tạo "đem lại khả năng ngăn ngừa tình trạng ruộng đất giảm bớt màu mỡ, nhưng sự cần thiết phải dùng ngày càng nhiều những thứ phân nhân tạo đó chỉ có nghĩa là thêm một gánh nặng nữa vào rất nhiều gánh nặng của nông nghiệp, những gánh nặng này *tuyệt nhiên không phải là một*

điều tất yếu tự nhiên, mà là do những quan hệ xã hội hiện có tạo ra" *.

Những từ do chúng tôi gạch dưới là "mấu chốt" của vấn đề mà những nhà phê phán cố sức làm cho rắc rối đi. Có những nhà văn giống như ông Bun-ga-cốp, đã dọa giai cấp vô sản rằng "vấn đề lương thực" còn đáng sợ hơn, quan trọng hơn vấn đề xã hội, họ tán dương việc hạn chế sinh đẻ bằng những phương pháp nhân tạo, cho rằng việc "điều tiết sự phát triển nhân khẩu" trở thành "điều kiện kinh tế cơ bản" (sic!) của phúc lợi của nông dân (II, 261), rằng việc điều tiết này đáng được "tôn trọng", rằng "việc tăng nhân số nông thôn gây cho những nhà đạo đức luận đa cảm (!?) nhiều phần nộ giả dối" (chỉ là phần nộ giả dối thôi ư? chứ không phải là phần nộ chính đáng đối với chế độ xã hội hiện thời à?), "làm như thể dâm dục vô độ (sic!) tự nó là một đức hạnh" (như trên), — lẽ tự nhiên là những nhà văn thuộc loại này không tránh khỏi việc cố hết sức làm lu mờ những trở ngại mà *chủ nghĩa tư bản* gây ra cho sự tiến bộ của nông nghiệp, cố hết sức trút tất cả mọi tội vào cái quy luật tự nhiên — "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ", nhằm làm cho người ta hiểu việc thủ tiêu tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn là "hoàn toàn ảo tưởng". Nhưng các ngài trong bọn Tséc-nốp tỏ ra vô cùng khinh suất khi họ lặp lại những lập luận như vậy và đồng thời trách những nhà phê phán chủ nghĩa Mác là "thiếu tính nguyên tắc, chiết trung chủ nghĩa và cơ hội chủ nghĩa" ("Của cải nước Nga", số 11, tr. 246)?! Ngài Tséc-nốp mà lại trách người khác là thiếu tính nguyên tắc và cơ hội chủ nghĩa à, — còn có thể có cái gì khôi hài hơn thế nữa không?

* Đương nhiên là phân nhân tạo — Cau-xky viết tiếp — không mất đi khi chủ nghĩa tư bản đổ; nó sẽ làm cho ruộng đất phì nhiêu bằng những chất đặc biệt, chứ không làm *toàn bộ* nhiệm vụ khôi phục độ phì nhiêu cho ruộng đất.

Tất cả những chiến công phê phán khác của Vô-rô-si-lốp của chúng ta, thì cũng hoàn toàn giống như chiến công mà chúng tôi vừa phân tích.

Nếu Vô-rô-si-lốp đoán chắc với các bạn rằng Cau-xky không hiểu sự khác nhau giữa tín dụng tư bản chủ nghĩa và cho vay nặng lãi, rằng Cau-xky tỏ ra hoàn toàn không thể hoặc không muốn hiểu Mác khi nói về người nông dân làm chức năng chủ xí nghiệp và, với tư cách như vậy, có một địa vị đối với giai cấp vô sản giống như địa vị của người chủ xí nghiệp, nếu Vô-rô-si-lốp vô ngục kêu lên rằng: "tôi dám nói như vậy vì tôi cảm thấy (sic!) có chỗ đứng rất vững" ("Trên vị trí quang vinh", tr. 169), — nếu như thế thì các bạn có thể yên tâm: Vô-rô-si-lốp lại lẫn lộn trắng đen một cách vô sỉ và cũng khoa trương một cách vô sỉ. Hẳn "không để ý" đến những đoạn trong sách của Cau-xky nói riêng về cho vay nặng lãi ("Agrarfrage", S. II, 102 - 104, đặc biệt là 118, 290 - 292) và mang hết sức ra để xô cái cánh cửa đã mở sẵn, rồi kêu tướng lên như thường lệ rằng Cau-xky mắc phải "chủ nghĩa hình thức giáo điều", "lãnh đạm đối với đạo đức", rằng người ta "đùa cợt trên đau khổ của nhân loại", v. v.. Còn như cái việc người nông dân làm chức năng chủ xí nghiệp, thì cái việc thật khó hiểu ấy, hình như vượt quá khả năng nhận thức của Vô-rô-si-lốp. Song chúng tôi cũng sẽ thử giải thích cho hẳn về điều này ở đoạn sau bằng những thí dụ hết sức cụ thể.

Nếu Vô-rô-si-lốp muốn chứng minh rằng hẳn là đại biểu chân chính của "lợi ích của lao động" và đả kích Cau-xky vì đã "gạt ra khỏi hàng ngũ giai cấp vô sản số rất đông công nhân chân chính" (như trên, tr. 167), như loại Lumpenproletariat¹⁾, đây tớ, thợ thủ công v. v., — như thế thì các anh nên hiểu rằng đó là Vô-rô-si-lốp lại lẫn lộn rồi. Cau-xky phân tích ở đây những đặc điểm của "giai cấp vô sản hiện

1) — vô sản lang thang, lưu manh

đại", giai cấp đã tạo ra "phong trào vô sản dân chủ - xã hội hiện đại" ("Agrarfrage", S. 306), còn bọn Vô-rô-si-lốp thì cho tới nay vẫn chưa có khám phá nào để chứng minh rằng lưu manh, thợ thủ công hay đầy tớ đã tạo ra phong trào dân chủ - xã hội. Lời trách cứ Cau-xky là đã "gạt" đầy tớ (hiện nay ở Đức họ đã bắt đầu tham gia phong trào), thợ thủ công v. v. ra khỏi hàng ngũ giai cấp vô sản, chỉ bộc lộ một cách đầy đủ tất cả tính chất vô sỉ của bọn Vô-rô-si-lốp, bọn này càng vui lòng tỏ ra ân cần đối với "những công nhân chân chính" vì những câu như thế ít có nghĩa thực tiễn và việc công kích *phần thứ hai* cuốn "Vấn đề ruộng đất", tức là phần đã bị cơ quan kiểm duyệt Nga cấm, ít nguy hiểm. Vả chăng, về tính chất vô sỉ này, ta còn thấy những điều châu ngọc này nữa: trong khi tặng bốc các ông N. — ôn và Ca-blu-cốp mà hoàn toàn không nói gì đến việc những nhà phê phán mác-xít công kích họ, ông Tséc-nốp đồng thời lại giả bộ ngây thơ hỏi: những người dân chủ - xã hội Đức gọi ai là những "đồng chí" Nga của họ? Nếu bạn đọc không tin rằng tạp chí "Cửa cải nước Nga" đã đặt những câu hỏi như vậy, thì xin hãy tìm xem tờ số 7, tr. 166.

Nếu Vô-rô-si-lốp quả quyết rằng lời "dự đoán" của Ăng-ghen — nói rằng phong trào công nhân Bỉ sẽ bị thất bại do ảnh hưởng của chủ nghĩa Pru-đông⁸³ — "đã bị phá sản", thì các bạn nên hiểu rằng Vô-rô-si-lốp lại đã xuyên tạc sự việc vì đã quá tin chắc, có thể nói là, hẳn "vô trách nhiệm". Đây là lời của hẳn ta: "Không phải vô cơ mà người Bỉ không bao giờ là người mác-xít chính thống cả, và cũng không phải vô cơ mà Ăng-ghen, không bằng lòng họ về điều này, đã dự đoán rằng phong trào Bỉ sẽ do ảnh hưởng của "những nguyên tắc của chủ nghĩa Pru-đông" mà sẽ tiến "von nichts durch nichts zu nichts"¹⁾. Than ôi! dự đoán của Ăng-ghen đã phá sản và tính chất rộng rãi và toàn diện của phong trào Bỉ đã làm

1) — "từ không thông qua không đi đến không"

cho phong trào đó ngày nay trở thành mẫu mực để cho nhiều nước "chính thống" học tập" ("Cửa cải nước Nga", số 10, tr. 234). Sự thật là như sau: năm 1872 (bảy mươi hai!) Ăng-ghen luận chiến trên tờ báo dân chủ - xã hội "Der Volksstaat"⁸⁴ với Muyn-béc-gơ, người Đức thuộc phái Pru-đông, và phản đối sự thổi phồng ý nghĩa của chủ nghĩa Pru-đông, ông viết: "Nước duy nhất mà phong trào công nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp của những "nguyên tắc" Pru-đông, đó là nước Bỉ, và chính vì thế nên phong trào công nhân Bỉ đã tiến, theo lời nói của Hê-ghen, "từ không thông qua không đi đến không" *.

Như vậy mà nói Ăng-ghen đã "dự đoán" hay "tiên đoán" cái gì thì thật là *hoàn toàn sai sự thật*. Ăng-ghen chỉ nói thẳng *cái gì đã có thật*, nghĩa là cái gì đã xảy ra trong năm 1872. Và đây là một sự việc lịch sử không còn gì nghi ngờ nữa: *lúc đó* phong trào Bỉ giẫm chân tại chỗ chính là do sự thống trị của chủ nghĩa Pru-đông; các lãnh tụ của chủ nghĩa này chống lại chủ nghĩa tập thể và phản đối sự hoạt động độc lập về chính trị của giai cấp vô sản. Chỉ tới năm 1879 mới thành lập "Đảng xã hội chủ nghĩa Bỉ" và chỉ từ lúc đó mới bắt đầu việc cổ động cho quyền đầu phiếu phổ thông; việc này đánh dấu thắng lợi của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa Pru-đông (người ta thừa nhận cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản đã được tổ chức thành chính đảng giai cấp độc lập) và bước đầu của những thắng lợi xuất sắc của phong trào. Cương lĩnh hiện tại của "Đảng công nhân Bỉ" tiếp thu (không kể một số điểm thứ yếu) *tất cả* những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác. Thế thì đến năm 1887, trong lời nói đầu viết cho lần xuất bản thứ hai

* Xem cuốn "Zur Wohnungsfrage". Zürich, 1887¹⁾, in lại những bài của Ăng-ghen viết năm 1872 phản đối Muyn-béc-gơ, và lời nói đầu của Người đề ngày 10 tháng Giêng 1887. Câu trích dẫn ở trang 56⁸⁵.

1) — "Về vấn đề nhà ở". Duy-rích, 1887

những bài của mình về vấn đề nhà ở, Ăng-ghe-n đặc biệt nhấn mạnh "sự tiến bộ to lớn của phong trào công nhân quốc tế trong 14 năm gần đây". Sự tiến bộ này, gắn liền chặt chẽ — ông nói — với việc gạt bỏ chủ nghĩa Pru-đông *trước đây* giữ địa vị thống trị và *ngày nay* hầu như người ta đã quên đi. Ăng-ghe-n chỉ rõ: "Ở Bỉ, những người Phla-măng gạt người Va-lon ra khỏi địa vị lãnh đạo phong trào, bác bỏ (abgesetzt) chủ nghĩa Pru-đông và đẩy phong trào lên mạnh mẽ" (tr. 4 của cuốn sách này, trong lời nói đầu)⁸⁶. Chẳng phải là tạp chí "Của cải nước Nga" đã trình bày rất đúng sự thật hay sao?

Nếu Vô-rô-si-lốp... nhưng thôi đủ rồi! Với một tờ tạp chí công khai có thể hàng tháng vu khống "chủ nghĩa Mác chính thống" như vu khống người đã chết, — chúng ta chắc chắn là không đối đáp kịp.

V

"SỰ PHỒN THỊNH CỦA NHỮNG DOANH NGHIỆP NHỎ HIỆN ĐẠI VÀ TIÊN TIẾN". TẤM GƯƠNG BA-ĐEN ¹⁾

— Hãy nói chi tiết, chi tiết ! — ngài Bun-ga-cốp kêu gào trong tạp chí "Bước đầu" (số 1, tr. 7 và 13), và khẩu hiệu này đã được tất cả "những nhà phê phán" lặp lại hàng trăm lần và bằng hàng trăm giọng.

Được rồi, các ngài ạ, chúng ta hãy đi vào chi tiết.

Khi các ngài nêu khẩu hiệu này ra để chống lại Cau-xky thì thật là hoàn toàn vô nghĩa, vì nhiệm vụ chính của việc

1) Các chương V - IX đã đăng trong tạp chí "Giáo dục" với chú thích sau đây của tác giả: "Những tiết này viết năm 1901. Phần thứ nhất xuất bản năm ngoái ở Ô-đét-xa thành sách nhỏ (Nhà xuất bản "Chim báo bão"). Phần thứ hai xuất bản lần đầu tiên. Mỗi tiết là một chỉnh thể ít nhiều độc lập. Đề mục chung các tiết là phân tích những lời phê phán chủ nghĩa Mác trong sách báo Nga".

nghiên cứu khoa học về vấn đề ruộng đất — một vấn đề đầy rẫy vô vàn những chi tiết không liên hệ với nhau — là phải trình bày tổng quát toàn bộ chế độ nông nghiệp hiện đại trong sự phát triển của nó. Khẩu hiệu của các anh chỉ che đậy tính thiếu nguyên tắc khoa học của các anh, và sự sợ hãi cơ hội chủ nghĩa của các anh đối với bất kể thế giới quan hoàn chỉnh và chín chắn nào. Và nếu các anh không nghiên cứu cuốn sách của Cau-xky theo lối Vô-rô-si-lốp, thì các anh sẽ có thể rút ở đó ra nhiều chỉ dẫn về cách sử dụng những tài liệu chi tiết và cách chỉnh lý những tài liệu ấy. Nhưng những tài liệu chi tiết đó thì các anh lại không biết sử dụng; chúng tôi sẽ chứng minh điều đó ngay tức khắc với hàng loạt những thí dụ mà *chính các anh đã lựa chọn*.

Trong bài phản đối Cau-xky nhan đề "Những người nông dân dã man", đăng trên tạp chí của các ngài Vô-rô-si-lốp "Sozialistische (??) Monatshefte" (III Jahrg., 1899, Heft 2), E. Đa-vít đặc biệt trình trọng dẫn chứng "một trong những *chuyên luận căn bản và thú vị nhất*" về kinh tế nông dân mới xuất bản, tức là bài "Drei Dörfer der badischen Hard" (Lpz. 1895) ¹⁾ của Mô-rít-xơ Hê-khtơ (Hecht). Héc-tơ bám lấy lời dẫn chứng này và lặp lại theo Đa-vít một vài con số trong "tác phẩm tuyệt vời" này (S. 68, bản dịch tiếng Nga, 164) và "ra sức giới thiệu" (S. 79, bản dịch tiếng Nga, 188) mọi người tìm đọc nguyên bản hoặc bản lược trích của Đa-vít. Trên tạp chí "Của cải nước Nga", ông Tséc-nốp vội vã thuật lại cả lời của Đa-vít lẫn lời của Héc-tơ, đem "những bức tranh rục rờ về sự phồn thịnh của những doanh nghiệp nhỏ, hiện đại và tiên tiến" (số 8, 206 - 209) do Hê-khtơ vẽ ra để đối lập lại với Cau-xky.

Chúng ta hãy xem tác phẩm của Hê-khtơ.

Hê-khtơ tả ba thôn Ba-đen ở cách Các-xru-e từ 4 đến

1) — "Ba thôn Ba-đen ở Hác-đơ" (Lai-pxích, 1895)

14 cây số: Hác-phen-đơ, Blan-kên-lốc và Phri-đrich-xtan. Mặc dầu ruộng đất ít, — mỗi hộ có khoảng từ 1 đến 3 héc-ta —, nông dân vẫn sống rất sung túc và văn minh, mùa màng thu hoạch rất cao. Đa-vít (và tiếp theo là Tséc-nốp) đem thu hoạch này so sánh với mức thu hoạch bình quân ở Đức (lấy đơ-pen-xên-tơ-ne ¹⁾ làm đơn vị, 1 héc-ta: khoai tây 150 - 160 và 87,8; mì đen và mì trắng 20 - 23 và 10 - 13; cỏ khô 50 - 60 và 28,6) và kêu tướng lên: thấy chưa? Đây là "những tiểu nông lạc hậu" của các anh đấy! Chúng tôi trả lời: thứ nhất, vì ở đây không có một sự so sánh nào giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ ở trong những điều kiện như nhau, thì coi đó là một luận cứ chống Cau-xky thật là buồn cười. Càng buồn cười hơn nữa khi chính ông Tséc-nốp ở tr. 229, số 8, tạp chí "Cửa cải nước Nga" khẳng định rằng trong "quan điểm thô sơ của Cau-xky" (quan điểm thành thị bóc lột nông thôn về nông nghiệp) "những khía cạnh đen tối của chủ nghĩa tư bản thậm chí đã bị phóng đại lên", thì ở tr. 209, để *chống lại* Cau-xky ông lại dẫn ra đúng cái thí dụ trong đó những trở ngại do chủ nghĩa tư bản gây ra đối với sự tiến bộ của nông nghiệp đã bị *gạt bỏ* bởi sự kiện là những thôn mà ông nêu ra đều ở gần thành thị. Trong khi tuyệt đại bộ phận dân cư ở nông thôn mất đi rất nhiều phân tự nhiên vì chủ nghĩa tư bản làm vợ người ở thôn quê đi và tập trung người ở thành thị, — thì một số rất nhỏ nông dân ngoại thành đã nhờ vị trí của mình mà thu được lợi đặc biệt và đã dựa vào sự bần cùng của số đông để làm giàu. Những thôn nói trên thu hoạch cao như thế cũng không có gì là lạ cả, khi mà những thôn ấy mỗi năm dùng 41.000 mác để mua phân ở những chuồng ngựa của nhà binh thuộc ba thành phố lân cận có quân đội đóng (Các-xru-e, Brúc-dan và Đuốc-lắc) và mua nước phân của những cơ quan vệ sinh thành phố (Hecht, S. 65); còn

1) Đơ-pen-xên-tơ-ne — 100 cân

phân nhân tạo thì chỉ mua có 7 000 mác*. Đem những doanh nghiệp nhỏ có những điều kiện như vậy làm thí dụ để bác tính ưu việt về kỹ thuật của những doanh nghiệp lớn, như thế chỉ chứng tỏ là mình bất lực. Thứ hai là, trong cái thí dụ này thực tế có bao nhiêu "tiểu nông chân chính", echte und rechte Kleinbauern, như Đa-vít nói và Héc-tơ và Tséc-nốp lặp lại theo? Họ *chỉ* viện đến diện tích ruộng đất lớn hay nhỏ ra làm căn cứ, như thế chứng tỏ đúng là họ không biết sử dụng những tài liệu chi tiết. Đối với nông dân ngoại thành, như mọi người đều biết, một đê-xi-a-tin đất thì bằng mười đê-xi-a-tin đất đối với nông dân ở những vùng xa xôi, vả lại do ở sát thành phố nên *kiểu* kinh doanh đã hoàn toàn biến đổi. Thí dụ, giá ruộng đất của thôn Phri-đrich-xtan, một thôn ít ruộng nhất và giàu nhất trong những thôn ngoại thành này, là 9 - 10 nghìn mác, cao gấp *năm lần* giá ruộng đất trung bình ở Ba-đen (1 938 mác) và cao hơn giá ruộng đất ở những vùng xa xôi của Đông Phổ *khoảng hai mươi lần*. Như vậy, theo quy mô sản xuất (chỉ số duy nhất chính xác nói rõ là doanh nghiệp lớn hay nhỏ) thì đó hoàn toàn không phải là những "tiểu" nông. Còn về *kiểu* kinh doanh của họ, thì chúng ta thấy ở đây mức phát triển của kinh tế *tiền tệ* và của *chuyên nghiệp hóa* trong nông nghiệp rất cao, như Hê-khơ

* Nhân tiện xin nói qua: ông Tséc-nốp đoán chắc với độc giả của tạp chí "Cửa cải nước Nga" rằng trong những thôn này, về mặt diện tích ruộng đất không có "sự chênh nhau rõ rệt". Nhưng nếu như yêu cầu nói chi tiết không phải là câu nói rỗng ở miệng ông ta, thì ông ta không thể quên được rằng đối với những nông dân ngoại thành này, số lượng đất đai ít quan trọng hơn rất nhiều so với số lượng phân. Về mặt này thì sự chênh nhau cực kỳ rõ rệt. Nông dân làng Phri-đrich-xtan thu hoạch cao nhất và là giàu nhất, mặc dầu ở đấy ít ruộng đất nhất; nhưng trong tổng số chi phí về phân trị giá 48 000 mác, làng đó đã chi phí 28 000 mác, làng có 258 héc-ta ruộng đất như thế là một héc-ta chi phí 108 mác. Thôn Hác-phen-đơ chỉ chi phí có 30 mác cho 1 héc-ta (12 000: 397 héc-ta) và thôn Blan-ken-lốc chỉ chi phí có 11 mác (8 000: 736 héc-ta).

đã đặc biệt nhấn mạnh. Họ trồng thuốc lá (45% diện tích trồng trọt của Phri-đrich-xtan), khoai tây thượng hạng (một phần để làm giống, một phần để cho "các nhà quý phái" — Hecht, 17 — ở Các-xru-e xoi), bán cho thành phố: sữa và bơ, lợn sữa và lợn, còn mua cho mình bột mì và cỏ khô. Nông nghiệp ở đây hoàn toàn mang tính chất buôn bán, và nông dân ngoại thành là một loại *tiểu tư sản* thuần túy nhất; do đó, nếu ông Tséc-nốp nghiên cứu thực sự những tài liệu chi tiết mà ông trích dẫn ở sách của người khác ra, thì có thể là ông ta sẽ gần gần hiểu được đôi chút "tính chất tiểu tư sản" của nông dân, một phạm trù thâm thúy khó hiểu đối với ông (xem tạp chí "Của cải nước Nga" số 7, tr. 163). Rất buồn cười là Héc-tơ và ông Tséc-nốp trong khi nói rằng mình không hiểu nổi làm thế nào mà nông dân lại làm chức năng chủ xí nghiệp, làm thế nào mà nông dân lại có thể lúc thì là công nhân lúc thì là chủ xí nghiệp, — thì lại dẫn chứng tài liệu nghiên cứu tỉ mỉ của chính tác giả đã nói thẳng ra rằng: "Nông dân thế kỷ XVIII có từ 8 đến 10 héc-ta ruộng đất là nông dân" ("*là* nông dân" đây, ngài Tséc-nốp ạ!) "và là người lao động chân tay: và người tiểu nông thế kỷ XIX tuy chỉ có 1 - 2 héc-ta ruộng đất, lại là người lao động trí óc, là chủ xí nghiệp và thương nhân" (Hecht, S. 69, xem tr. 12: "chủ hộ nông thôn trở thành *thương nhân và chủ xí nghiệp*". Do Hê-khơ viết ngả). Đây, khi Héc-tơ và ông Tséc-nốp "đả kích" Cau-xky là đã lẫn lộn nông dân với chủ xí nghiệp, thì như thế chẳng phải là theo lối Vô-rô-si-lốp hay sao?

Dấu hiệu nổi bật nhất của "tính chất chủ xí nghiệp" là việc dùng lao động làm thuê. Và điển hình nhất là không một người nào trong số những người quasi - xã hội chủ nghĩa đã từng dẫn chứng tác phẩm của Hê-khơ, *lại nói qua một lời nào* về sự việc này. Bản thân Hê-khơ là một Kleinbürger ¹⁾

1) — tiểu tư sản

điển hình nhất, hết sức có thiện ý, khâm phục trước tinh thần tôn giáo của nông dân, trước cái "ơn phụ mẫu" của những người cầm đầu vương quốc đối với họ, nói chung, và trước cái biện pháp "quan trọng" như mở lớp dạy làm bếp, nói riêng; vì thế tự nhiên là ông ta cố sức lấp liếm những sự thực ấy và chứng minh rằng không có "cái vực xã hội" nào chia cách giữa người giàu và người nghèo, giữa nông dân và cố nông, hay giữa nông dân và công nhân xí nghiệp. Hê-khơ viết: "Trong nông nghiệp không có lớp người *làm công nhật*. Đại đa số nông dân có thể dựa vào sự giúp đỡ của gia đình mà tự cày cấy lấy mảnh ruộng của mình; chỉ có rất ít người trong ba thôn này thấy cần dùng sức lao động của người khác trong thời gian thu hoạch hay trong việc xay giã. Những gia đình này "mời" ("*bitten*"), đây là theo lối nói của địa phương, một số nam, nữ "đến giúp" (những người này cũng không nghĩ rằng mình là "những người làm công nhật")" (31). Trong ba thôn này chỉ có rất ít nghiệp chủ mượn người làm công nhật, điều đó không có gì là lạ, vì có rất nhiều "nghiệp chủ", như chúng ta sẽ thấy, là công nhân xí nghiệp. Nói riêng, tỷ lệ số nông dân thuần túy phải thuê nhân công là bao nhiêu, Hê-khơ không cho biết; ông ta chỉ thích nhét đây vào bản luận án phó tiến sĩ (người Đức gọi là tiến sĩ) của ông — bản luận án này chỉ bàn về ba thôn thôi (mà một trong ba thôn đó là nơi chôn rau cắt rốn của Hê-khơ) — không phải những số liệu thống kê chính xác về các tầng lớp nông dân, mà là những lời bàn luận về ý nghĩa đạo đức cao cả của cần kiệm. (Mặc dầu vậy, và có lẽ chính vì vậy, Héc-tơ và Đavít vẫn hết sức ca tụng tác phẩm của Hê-khơ.) Chúng ta chỉ biết rằng ở Phri-đrich-xtan, cái thôn giàu nhất và thuần túy nông nghiệp, cách xa Các-xru-e hơn cả (14 cây số), thì tiền công của những người làm công nhật lại hạ nhất. Ở Phri-đrich-xtan, người làm công nhật mỗi ngày được 2 mác để sinh sống, ở Hác-phen-đơ (cách Các-xru-e 4 cây số, dân cư

là công nhân xí nghiệp) thì mỗi ngày được 3 mác. Đó là một trong những điều kiện "phồn vinh" của những "tiểu nông chân chính" mà các nhà phê phán rất khâm phục. Hê-khtơ cho chúng ta biết: "Trong ba thôn đó còn tồn tại quan hệ hoàn toàn gia trưởng giữa các ông chủ và *những người đầy tớ* (Gesinde = đầy tớ lẫn cố nông). "Chủ", tức là nông dân có 3 - 4 héc-ta, thì "xưng mày tao" với những nam, nữ cố nông và gọi họ bằng tên tục; còn những người này thì gọi nông dân là "bác trai" (Vetter), bà nông dân là "bác gái" (Base) và xưng "con" với họ... Những cố nông đều ăn cùng với gia đình và được coi như người trong gia đình" (S. 93). Về ý nghĩa của lao động làm thuê trong ngành trồng thuốc lá là một ngành đã được phát triển hết sức rộng rãi ở địa phương này và đòi hỏi đặc biệt nhiều nhân công, thì cái người "vững nhất" là Hê-khtơ lại im lặng không nói gì đến; nhưng vì ông ta cũng còn nói với một đôi lời về lao động làm thuê, cho nên dù sao thì về mặt năng lực nghiên cứu "chi tiết" cũng có thể xếp cái vị tư sản có thiện ý này cao hơn bọn Vô-rô-si-lốp của chủ nghĩa xã hội "phê phán".

Thứ ba là: người ta dẫn tác phẩm nghiên cứu của Hê-khtơ ra để bác cái sự thực là trong nông dân có tình trạng lao động quá sức và ăn đói. Nhưng hóa ra là cả ở đây nữa các nhà phê phán cũng muốn *lờ không nói đến* những sự thực thuộc loại này mà chính Hê-khtơ đã *chỉ ra*. Họ dựa vào cái khái niệm "trung" nông mà các nhà dân túy ở nước Nga và những nhà kinh tế học tư sản Tây Âu thường rất hay dùng để tô vẽ "nông dân". "Nói chung" nông dân của ba thôn này đều rất sung túc; nhưng ngay cái bản chuyên luận hết sức không vững của Hê-khtơ cũng cho thấy rõ là về mặt này bắt buộc phải phân ra ba nhóm lớn. Chừng một phần tư (hay là 30%) nghiệp chủ (đa số ở thôn Phri-đrich-xtan và một số ít ở Blan-kên-lốc) là những tiểu tư sản giàu có; những người này nhờ ở gần thủ đô mà phát tài, kinh doanh sữa rất lợi (mỗi ngày bán 10 - 20 lít sữa) và kinh

doanh thuốc lá (một thí dụ: thu nhập ròng của 1,05 héc-ta thuốc lá là 1.825 mác), nuôi lợn để bán (ở thôn Phri-đrich-xtan có 1.140 người thì 497 người nuôi lợn, ở thôn Blan-kên-lốc có 1.684 người thì 445 người nuôi lợn; ở thôn Hác-phen-đơ có 1.273 người thì 220 người nuôi lợn), v. v.. Trong cái thiếu số này (thực ra, chỉ trong cái thiếu số này mới có những dấu hiệu của cảnh "phồn thịnh" mà những nhà phê phán rất ư khâm phục), việc dùng công nhân làm thuê chắc chắn là hiện tượng khá phổ biến. Ở nhóm thứ hai, gồm đa số các nghiệp chủ ở thôn Blan-kên-lốc, thì mức sống thấp hơn rõ rệt; phân dùng ít hơn, mùa màng thu hoạch kém hơn, gia súc ít hơn (ở Phri-đrich-xtan tổng số súc vật tính thành loại lớn, thì 258 héc-ta có 599 con; ở Blan-kên-lốc, 736 héc-ta có 842 con; ở Hác-phen-đơ, 397 héc-ta có 324 con); trong nhà ít thấy "buồng sạch sẽ", hoàn toàn không phải là ngày nào cũng được ăn thịt; nhiều gia đình có hiện tượng là do thiếu tiền nên mùa thu thì bán lúa, mùa xuân lại đi mua * (những người Nga chúng ta rất quen với hiện tượng này). Trong nhóm này, trọng tâm thường xuyên chuyển *từ nông nghiệp sang công nghiệp*, và đã có 103 nông dân Blan-kên-lốc làm công nhân xí nghiệp ở Các-xru-e. Những nông dân này cùng với hầu hết nhân dân thôn Hác-phen-đơ hợp thành nhóm thứ ba (40 - 50% tổng số nông hộ). Ở đây nông nghiệp đã thành công việc phụ, chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm. Mức sống mặc dầu cao hơn ở Blan-kên-lốc (do ảnh hưởng của thủ đô), nhưng sự túng thiếu đã lộ ra rất

* Nhân tiện mà nói, Hê-khtơ cắt nghĩa rằng tình trạng lạc hậu về kinh tế của Blan-kên-lốc là do kinh tế tự nhiên chiếm ưu thế và do *chế độ công xã nông thôn tồn tại*: do chế độ này mà những người từ 32 tuổi đều được chia một mảnh đất (36a — Almendgut) không kể người đó "chăm hay lười, có dành dụm hay không" (S. 30). Nhưng Hê-khtơ lại phản đối phân chia đất của công xã; ông ta nói rằng đó là một loại cơ quan cứu tế xã hội (Altersversorgung) đối với những công nhân xí nghiệp già ngày càng đông ở Blan-kên-lốc.

rõ. Họ bán sữa đi và đôi khi mua về cho mình "bơ nhân tạo rẻ tiền hơn" (24). Số dê chăn nuôi tăng rất nhanh: từ 9 con năm 1855 lên đến 93 con năm 1893. Hê-khtơ viết: "Nguyên nhân của việc tăng này chỉ có thể là do số doanh nghiệp thực sự làm nghề nông đã biến đi và do giai cấp nông dân đã phân hóa (Auflösung) thành lớp công nhân công xưởng nông thôn nắm trong tay những ruộng đất cực kỳ phân tán" (27). Xin mở dấu ngoặc ở đây để nói thêm rằng trong toàn nước Đức số dê cũng tăng rất mạnh từ năm 1882 đến năm 1895: từ 2,4 triệu tăng lên tới 3,1 triệu; điều này chỉ rõ cái mặt trái của sự tiến bộ của "nông dân vững vàng", mà các ngài Bun-ga-cốp và các "nhà phê phán" - xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản vẫn tán tụng. Đa số công nhân phải đi bộ 3 ½ ki-lô-mét để đến nhà máy trong thành phố vì không dám bỏ ra mỗi tuần ngay cả là một mác (48 cô-péc) để mua vé xe lửa. Gần 150 công nhân trong số 300 công nhân người thôn Hác-phen-đơ thậm chí đã cho rằng 40 - 50 pơ-phen-ních một bữa cơm trưa ở "quán ăn đại chúng" là quá đắt đối với họ và họ đã bảo người nhà mang cơm đến. Hê-khtơ viết: "Cứ đến đúng 11 giờ là những chị phụ nữ nghèo khổ xếp bữa cơm trưa vào hộp đựng cơm và đem đến công xưởng" (79). Còn về nữ công nhân, họ cũng làm ở công xưởng 10 giờ một ngày, nhưng chỉ được tất cả có 1,10 - 1,50 mác (nam giới thì được 2,50 - 2,70 mác), và nếu trả công theo sản phẩm thì họ được 1,70 - 2 mác. "Một số nữ công nhân cố gắng tăng món tiền công ít ỏi này bằng cách nhận làm thêm những việc phụ: ở Blan-kên-lốc có 4 cô gái làm việc ở xưởng giấy của Các-xru-e, còn mang giấy về nhà để buổi tối dán những cái phễu bằng giấy; buổi tối từ 8 giờ đến 11 giờ (sic!) làm được 300 cái, do đó kiếm được 45 - 50 pơ-phen-ních; đó là một khoản phụ thêm vào số tiền công ít ỏi hàng ngày, dùng để chi về vé xe lửa. Ở Hác-phen-đơ, có một số phụ nữ làm ở nhà máy từ hồi còn con gái, được đem về nhà những đồ bằng bạc để đánh bóng

trong những buổi tối mùa đông và được thêm một số tiền công phụ rất nhỏ" (36). Hê-khtơ mỉa mai nói: "Công nhân Hác-phen-đơ sống được định cư không phải là nhờ vào pháp luật đế quốc, mà nhờ vào nghị lực của chính mình, họ có nhà ở, không phải ở chung với người khác, có mảnh đất nhỏ; nhưng điều quan trọng hơn rất nhiều so với những của cải thực tế đó là họ nhận thức được rằng tất cả những cái đó đều do sự cần cù của mình mà có. Công nhân Hác-phen-đơ cùng một lúc vừa là công nhân xí nghiệp lại vừa là nông dân. Người nào không có ruộng đất thì thuê một vài mảnh nhỏ để *tranh thủ thì giờ rỗi*, kiếm thêm ít tiền. Mùa hè, nếu công xưởng "chỉ" ("chỉ"!) bắt đầu làm việc từ 7 giờ thì người công nhân dậy từ 4 giờ để trồng khoai tây trên mảnh đất của mình hay đem cỏ cho bò ăn. Hay nếu buổi chiều anh ta về đến nhà lúc 7 giờ tối thì anh ta làm gì, nhất là về mùa hè? Thế là anh ta còn làm thêm chừng một hoặc một giờ rưỡi nữa trên mảnh đất của mình: anh ta không cần thu hoạch cao mà chỉ muốn sử dụng đầy đủ (sic!) sức lao động của mình..." Hê-khtơ còn nói nhiều những lời óng chuốt như vậy để rồi kết thúc cuốn sách của mình bằng những câu: "Nông dân nhỏ bé và công nhân xí nghiệp, cả hai (sic!) đều vươn lên địa vị tầng lớp hạng trung, và như thế không phải là do những biện pháp nhân tạo và bắt buộc, mà nhờ ở sự cần cù, nghị lực và đạo đức cao thượng mà họ bồi dưỡng cho mình*."

* Hê-khtơ còn nói rất nhiều, rất nhiều về cái "đạo đức cao thượng" này, khâm phục không kém Bun-ga-cốp trước cái "chính sách hôn nhân sáng suốt", "tinh rất mực cần cù", "tinh thần tiết kiệm" và "tinh ôn hòa", thậm chí còn dẫn ra "câu tục ngữ nổi tiếng của nông dân"; "Man sieht nicht auf die Goschen (d. h. Mund), sondern auf die Groschen", dịch thoát là: "nai lưng ra làm không phải để vào miệng mà để bỏ vào túi". Đề nghị bạn đọc hãy đem câu tục ngữ này so với "học thuyết" của giáo sư người Ki-ép Bun-ga-cốp, nói rằng: kinh tế nông dân (vì nó không cần đến địa tô, cũng không cần đến lợi nhuận) là "tổ chức nông nghiệp lợi nhất đối với xã hội (sic!)" (Bun-ga-cốp, I, 154).

"Ba thôn Hác-đơ ở Ba-đen hiện nay là đại biểu cho một *tầng lớp hạng trung rộng rãi, lớn lao*" (do Hê-khtơ viết ngả).

Hê-khtơ viết như vậy không có gì là lạ vì ông ta là một kẻ tán tụng chế độ tư sản tầm thường nhất. Nhưng đối với những kẻ tự xưng là theo chủ nghĩa xã hội để phỉnh phờ người khác, và hăng hái hơn cả Hê-khtơ trong việc tô son điểm phấn cho thực tế, giới thiệu sự phồn vinh của thiểu số tư sản là sự tiến bộ chung, và che đậy tình trạng vô sản hóa của đại đa số bằng cái con ngoáo ộp cũ rích là "sự hợp nhất nông nghiệp với công nghiệp", — thì phải gọi họ là gì mới xứng đáng?

VI

NĂNG SUẤT CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ DOANH NGHIỆP LỚN. MỘT THÍ DỤ LẤY Ở ĐÔNG PHỔ

Để cho có nhiều màu, nhiều vẻ, chúng ta hãy từ câu chuyện về miền Nam xa xôi của nước Đức chuyển sang nói về miền Đông Phổ gần với nước Nga hơn. Ở đây, chúng ta có một công trình nghiên cứu *chi tiết* cực kỳ bổ ích; ông Bun-ga-cốp yêu cầu chi tiết nhưng lại hoàn toàn không biết sử dụng công trình này. Ông Bun-ga-cốp viết: "Đem so sánh những tài liệu về năng suất thực tế của doanh nghiệp lớn và nhỏ không thể giải quyết được vấn đề tính ưu việt kỹ thuật của chúng, vì những doanh nghiệp được đem so sánh đó có thể ở vào những điều kiện kinh tế khác nhau. Nhiều lắm thì những tài liệu này cũng chỉ có thể dùng để thực tế xác nhận một kết luận phủ định cho rằng nền sản xuất lớn không có tính ưu việt kỹ thuật so với nền sản xuất nhỏ, không những về lý thuyết mà, dưới những điều kiện nhất định, cả trong thực tế nữa. Những sự so sánh như vậy không phải là ít trong sách báo kinh tế, dù thế nào đi nữa

cũng đủ để làm cho những bạn đọc không có định kiến và thiên kiến, mất hết tin tưởng vào tính ưu việt của nền sản xuất lớn nói chung" (I, 57 - 58). Trong chú thích có dẫn ra hai thí dụ. Thí dụ thứ nhất chính là tác phẩm của Au-ha-gghên mà Cau-xky trong "Agrarfrage", (S. 111) và Héc-tơ (S. 69, bản dịch tiếng Nga, 166) đã trích dẫn; cuốn sách này chỉ so sánh có hai doanh nghiệp ở Han-nô-vơ: một doanh nghiệp có 4,6 héc-ta và một doanh nghiệp có 26,5 héc-ta. Trong trường hợp này doanh nghiệp nhỏ thu hoạch mùa màng cao hơn doanh nghiệp lớn, và Au-ha-gghên tính ra rằng nó thu nhập được nhiều hơn doanh nghiệp lớn; nhưng Cau-xky đã chỉ ra rằng thu nhập cao hơn như thế là do *tiêu dùng không đủ mức* mà có. Héc-tơ đã thử bác điều này, nhưng kết quả thì vẫn như thường lệ; vì bài của Héc-tơ này đã được dịch ra tiếng Nga, còn bài của Cau-xky trả lời Héc-tơ thì ở nước Nga chưa được biết, nên chúng tôi xin tóm tắt nội dung của bài trả lời này (xem bài đăng trong "Neue Zeit", đã được trích dẫn ở trên). Héc-tơ, theo lệ thường, đã xuyên tạc luận cứ của Cau-xky, nói rằng Cau-xky chỉ viện dẫn đến sự việc là nghiệp chủ lớn nuôi cho con học trung học. Thực tế Cau-xky chỉ lấy việc này để nói lên mức sống, và nếu Héc-tơ nêu ra *toàn bộ ngân sách* của những gia đình được đem ra so sánh (cả hai gia đình đều có 5 người), thì đã có được những con số như sau: nghiệp chủ nhỏ — 1.158,40 mác; nghiệp chủ lớn — 2.739,25 mác. Nếu mức sinh hoạt của doanh nghiệp nhỏ *ngang với* của doanh nghiệp lớn thì như thế là doanh nghiệp nhỏ có mức thu nhập *ít hơn*; theo sự tính toán của Au-ha-gghên, thu nhập của doanh nghiệp nhỏ là 1.806 mác, nghĩa là 5,45% tiền vốn bỏ ra (33.651 mác), còn thu nhập của doanh nghiệp lớn là 2.720 mác, tức là 1,82% tiền vốn (149.559 mác). Đem trừ cái phần tiêu dùng không đủ mức của nghiệp chủ nhỏ đi, thì thấy rõ thu nhập của họ là *258 mác, tức 0,80%* tiền vốn! Và đấy là trong điều kiện đã bỏ ra một số lượng lao

động hết sức lớn: trong doanh nghiệp nhỏ, 3 lao động làm 4,6 héc-ta, nghĩa là một lao động làm 1,5 héc-ta; trong doanh nghiệp lớn, 11 lao động làm 26,5 héc-ta, nghĩa là một lao động làm 2,4 héc-ta (xem Héc-tơ, S. 75, bản dịch tiếng Nga, 179). Đó là chúng tôi chưa nói đến cái việc mà Cau-xky đã chế giễu một cách rất chính đáng, tức là việc nhà xã hội chủ nghĩa giả danh Héc-tơ so sánh lao động của con cái của người nông dân hiện đại với việc Ru-thơ mót lúa!⁸⁷ Còn về phần ông Bun-ga-cốp thì ông ta chỉ thông báo những số liệu về sản lượng thu hoạch chứ *không nói gì* đến mức sinh hoạt của nghiệp chủ nhỏ và nghiệp chủ lớn.

Vị chủ trương nghiên cứu chi tiết của chúng ta nói tiếp: "Còn một thí dụ nữa, chúng ta tìm thấy trong tác phẩm nghiên cứu mới nhất của *Karl Klawki*. "Ueber Konkurrenzfähigkeit des landwirtschaftlichen Kleinbetriebs" (trong "Thiel's Landwirtschaftliche Jahrbücher", 1899, Heft 3 - 4)¹⁾. Sự so sánh của Klawki là nói về Đông Phổ. Tác giả so sánh các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ, lấy mỗi loại 4 doanh nghiệp. Sự so sánh của ông ta có đặc điểm là: thứ nhất, thu và chi đều biểu hiện bằng tiền; thứ hai, tác giả đem giá trị sức lao động trong các doanh nghiệp nhỏ — ở đây không có sự mua bán sức lao động — cũng tính thành tiền và cho vào mục chi; phương pháp này chưa chắc đã thích hợp với mục đích của chúng ta" (sic! Ông Bun-ga-cốp quên không thêm rằng Klawki đem giá trị lao động của *tất cả* các doanh nghiệp tính thành tiền, và trước đó đã đem lao động của doanh nghiệp nhỏ đánh giá rẻ hơn!); "nhưng mặc dù thế chúng ta vẫn có...". Tiếp theo là biểu đồ, mà ở đây chúng tôi chỉ trích dẫn kết luận: lợi nhuận ròng trung bình về một moóc-ghen (= ¼ héc-ta) trong doanh nghiệp lớn là 10 mác, trong doanh nghiệp vừa là 18 mác, trong doanh nghiệp nhỏ là 12 mác.

1) — *Các-lơ Cláp-ki*. "Về khả năng cạnh tranh của nền sản xuất tiểu nông" (trong "Nông nghiệp niên giám của Tin", 1899, tập 3 - 4)

Bun-ga-cốp kết luận: "Thu nhập cao nhất ở đây là doanh nghiệp vừa, rồi đến doanh nghiệp nhỏ, sau mới đến doanh nghiệp lớn; như vậy là nông hộ lớn đứng sau cùng".

Chúng tôi chủ tâm chép lại *toàn bộ* lời của Bun-ga-cốp về sự so sánh doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ. Bây giờ chúng ta hãy xét xem tác phẩm thú vị của Klawki — tác phẩm diễn tả suốt 120 trang tình hình của 12 doanh nghiệp điển hình ở trong những điều kiện giống nhau — đã chứng tỏ cái gì. Chúng tôi xin dẫn ra trước hết những tài liệu chung về những doanh nghiệp đó, nhưng để cho đỡ tốn giấy và

Các loại doanh nghiệp	Thu chi trên từng moóc-ghen (¼ héc-ta), tính ra đồng mác:												Chi phí cho từng 100 mác sản phẩm *		Cho từng 100 moóc-ghen	
	Tổng thu nhập			Thu nhập do việc bán sản phẩm			Tiêu phí sản phẩm của mình			Tổng cộng						
	Nông nghiệp	Chăn nuôi	Tổng số	Nông nghiệp	Chăn nuôi	Tổng số	Nông nghiệp	Chăn nuôi	Tổng số	Thu nhập	Chi phí	Lợi nhuận ròng	Mác		Số ngày lao động làm thuê	Tổng số ngày lao động
													a	b		
Lớn	17	16	33	11	14	25	6	2	8	33	23	10	65	70	887	887
Vừa	18	27	45	12	17	29	6	10	16	45	27	18	35	60	744	924
Nhỏ	23	41	64	9	27	36	14	14	28	64	52	12	8	80	—	—

* a = nếu không tính giá trị sức lao động của nghiệp chủ và của gia đình anh ta ra thành tiền; b = nếu tính giá trị sức lao động của nghiệp chủ và của gia đình anh ta ra thành tiền.

để cho kết luận được rõ ràng, chúng tôi chỉ dẫn ra những số liệu *trung bình* về các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ (quy mô trung bình mỗi loại = 358; 50 và 5 héc-ta). (Xem biểu đồ, tr. 203. — *BT*).

Tựa hồ như *mọi* kết luận của ông Bun-ga-cốp đều được tác phẩm của Klawki xác nhận hoàn toàn: khi doanh nghiệp giảm qui mô đi thì tổng thu nhập sẽ tăng lên, thậm chí cả thu nhập do bán sản phẩm của từng moóc-ghen cũng tăng lên! Chúng tôi nghĩ rằng theo những phương pháp của Klawki, — những phương pháp này hiện rất phổ biến, tất cả những nhà kinh tế tư sản và tiểu tư sản về cơ bản đều dùng những phương pháp này, — thì ở mọi trường hợp, hay hầu hết mọi trường hợp đều rút ra được kết luận rằng tiểu sản xuất nông nghiệp là ưu việt. Cho nên *tất cả thực chất của vấn đề* là ở chỗ *phân tích những phương pháp đó*, — điều này các ngài Vô-rô-si-lốp hoàn toàn không chú ý tới —, và vì thế nên bản điều tra bộ phận của Klawki nói chung là rất đáng chú ý.

Hãy bắt đầu từ việc thu hoạch. Thì ra doanh nghiệp mà càng nhỏ đi thì thu hoạch về đại bộ phận ngũ cốc càng *giảm xuống* một cách đều đặn và rất rõ ràng. Thu hoạch (tính theo tạ cho từng moóc-ghen) về tiểu mạch: 8,7 - 7,3 - 6,4; về hắc mạch: 9,9 - 8,7 - 7,7; về đại mạch: 9,4 - 7,1 - 6,5; về yến mạch: 8,5 - 8,7 - 8,0; về đậu trắng: 8,0 - 7,7 - 9,2 *; về khoai tây: 63 - 55 - 42; về củ cải cho bò ăn: 190 - 156 - 117. Chỉ có đay thì không có doanh nghiệp lớn nào trồng cả, doanh nghiệp nhỏ (3 trong số 4 hộ) thu hoạch cao hơn doanh nghiệp vừa (2 trong số 4 hộ), tức là 6,2 "Stein" (= 18 ½ li-vơ) so với 5,5.

Ví lý do gì mà doanh nghiệp lớn lại có thu hoạch cao hơn? Klawki cho rằng 4 nguyên nhân sau đây có ý nghĩa quyết định: 1) các nghiệp chủ nhỏ hầu như không làm đre-

* Chỉ có 2 trong 4 doanh nghiệp là trồng đậu: trong nhóm các doanh nghiệp lớn và vừa thì có 3 trong số 4 doanh nghiệp là trồng đậu.

na-giơ⁸⁸, mà nếu có thì cũng là các nghiệp chủ nhỏ tự lắp lấy ống nên làm không tốt; 2) các nghiệp chủ nhỏ cày không sâu vì không có ngựa khỏe; 3) các nghiệp chủ nhỏ thường không đủ thức ăn cho gia súc; 4) việc sản xuất phân của các nghiệp chủ nhỏ kém hơn, rơm của họ cắt ngắn, phần lớn rơm dùng cho gia súc ăn (cũng lại có nghĩa là chất lượng thức ăn của gia súc kém hơn) và rơm để rải cho gia súc nằm thì ít hơn.

Như vậy là gia súc của các nghiệp chủ nhỏ thì yếu hơn, chất lượng kém hơn và nuôi dưỡng kém hơn. Tình hình này giải thích cho chúng ta hiểu cái hiện tượng kỳ lạ và đập vào mắt người ta hơn cả là: thu hoạch của các doanh nghiệp lớn thì cao hơn, nhưng thu nhập nông nghiệp mỗi moóc-ghen của họ, theo sự tính toán của Klawki, thì lại thấp hơn các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vấn đề là ở chỗ Klawki *trừ thức ăn cho gia súc ra*, không tính vào khoản thu mà cũng không tính vào khoản chi. Như vậy là đã san bằng một cách giả tạo và sai cái điều đã tạo ra trong thực tế sự chênh lệch rất lớn giữa các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp nhỏ, sự chênh lệch không có lợi cho các doanh nghiệp nhỏ. Theo cách tính như vậy thì rõ ràng là doanh nghiệp lớn thu nhập kém hơn, vì họ dùng một phần lớn diện tích canh tác để sản xuất thức ăn cho gia súc (mặc dầu tính theo đơn vị diện tích thì họ chăn nuôi ít gia súc hơn doanh nghiệp nhỏ rất nhiều), trong khi đó thì doanh nghiệp nhỏ "chỉ dùng" rơm làm thức ăn cho gia súc. Như vậy, "tính ưu việt" của sản xuất nông nghiệp nhỏ là ở chỗ nó *sử dụng một cách bừa bãi* ruộng đất (phân bón xấu) lẫn *gia súc* (thức ăn tồi). Dĩ nhiên là cách so sánh như vậy về thu nhập của các loại doanh nghiệp khác nhau mất hết ý nghĩa khoa học*.

* Cần phải chỉ ra rằng phương pháp coi ngang nhau một cách giả mạo như thế những đại lượng rõ ràng là chênh lệch trong các nông hộ nhỏ và lớn, không phải chỉ thấy trong những bản chuyên luận cá biệt mà cả ở trong đồng tài liệu thống kê nông nghiệp hiện đại nữa. Cả thống

Thêm nữa, trong số nguyên nhân của sự thu hoạch cao của ruộng đất ở các doanh nghiệp lớn, cần phải nêu ra việc họ thường (thậm chí gần như là độc nhất) làm mác-na-giơ đất đai⁸⁹, dùng nhiều phân nhân tạo hơn (chi phí cho 1 moóc-ghen: 0,81 mác - 0,38 mác - 0,43 mác) và Krafftuttermittel¹⁾ (ở doanh nghiệp lớn: 2 mác cho một moóc-ghen, ở những doanh nghiệp khác: không chi phí gì cả). Klawki liệt doanh nghiệp vừa vào loại doanh nghiệp lớn và nói: "Những doanh nghiệp nông dân của chúng ta không chi tiêu gì về Krafftuttermittel cả. Họ tiếp thu sự tiến bộ một cách rất khó khăn và đặc biệt là hà tiện trong việc chi tiêu tiền mặt" (461). Những doanh nghiệp lớn cũng cao hơn về mặt chế độ canh tác: chúng ta thấy rằng tất cả 4 doanh nghiệp lớn đều cải tiến chế độ luân canh, doanh nghiệp vừa thì chỉ có 3 (còn một doanh nghiệp vẫn dùng chế độ luân canh 3 thửa cũ), còn doanh nghiệp nhỏ thì chỉ có 1 (ở 3 doanh nghiệp vẫn còn chế độ luân canh 3 khu thửa). Cuối cùng, cả máy móc nữa thì các doanh nghiệp lớn cũng có nhiều hơn. Đành rằng bản thân Klawki có ý kiến là máy móc không có ý nghĩa đáng kể. Nhưng chúng ta không giới hạn ở "ý kiến" của ông ta, mà chúng ta sẽ trích những số liệu ra mà xét. Tám loại máy móc sau đây — máy xay chạy bằng hơi nước, máy xay chạy bằng ngựa, máy xát gạo, máy sàng, máy gieo hạt, máy rắc phân, máy cào cỏ do ngựa kéo, máy trục lăn⁹⁰ — phân phối giữa những loại doanh nghiệp nói trên như sau: 4 doanh nghiệp lớn có 29 chiếc (trong đó có một máy xay chạy bằng hơi nước); 4 doanh nghiệp vừa có

kê của Pháp lẫn của Đức đều dùng trọng lượng "binh quân" và giá "binh quân" của gia súc trong tất cả các loại doanh nghiệp. Thống kê của Đức thậm chí còn theo cách này để tính tổng giá trị của toàn bộ gia súc của các loại doanh nghiệp (xếp theo diện tích ruộng đất), nhưng đồng thời lại chú thích là sự giả định giá đồng loạt gia súc của những nhóm doanh nghiệp khác nhau là "không phù hợp với thực tế" (S. 35).

1) — chất ăn tinh cho gia súc

11 chiếc (không có lấy một máy xay chạy bằng hơi nước); 4 doanh nghiệp nhỏ chỉ có 1 chiếc (máy xay chạy bằng ngựa). Đương nhiên không "ý kiến" nào của bất cứ nhà sùng bái kinh tế nông dân nào có thể bắt buộc chúng ta nghĩ rằng máy xát gạo, máy gieo hạt, máy trục lăn v. v. lại không có ảnh hưởng gì đối với thu hoạch mùa màng cả. Nhân tiện xin nói thêm là ở đây chúng ta có những tài liệu về số máy móc nằm trong tay những nghiệp chủ nào đấy, khác với đồng tài liệu của thống kê Đức chỉ ghi những trường hợp dùng máy mà không phân biệt máy sở hữu hay máy thuê của người khác. Hiển nhiên cách ghi này cũng làm giảm bớt ưu thế của doanh nghiệp lớn, làm cho người ta không thấy rõ được những hình thức "cho thuê" máy mà Klawki đã mô tả như sau: "Nghiệp chủ lớn sẵn lòng cho nghiệp chủ nhỏ mượn máy trục lăn, máy cào cỏ bằng ngựa và máy xát gạo của mình, nếu nghiệp chủ nhỏ hứa giúp người gặt hái cho họ trong lúc mùa màng bận rộn" (443). Do đó, trong các trường hợp — vốn là rất hiếm, như chúng tôi đã chỉ ra, — sử dụng máy móc trong doanh nghiệp nhỏ, thì một số trường hợp lại là một hình thức biến tướng của việc mua sức lao động.

Chúng ta bàn tiếp. Còn có một trường hợp nữa về việc giả mạo đem so sánh với nhau những đại lượng rõ ràng là chênh lệch, — đó là phương pháp tính toán của Klawki cho rằng giá bán sản phẩm trong tất cả các loại doanh nghiệp đều ngang nhau cả. Trong khi tính toán đáng lẽ phải dựa vào những trường hợp bán chác thực tế thì tác giả lại dựa vào một sự giả định mà chính ông ta cũng chỉ ra là không đúng. Nông dân thường bán lúa ngay tại chỗ và thương nhân ở những thành phố nhỏ đánh sứt giá mua xuống rất nhiều. "Về mặt này các doanh nghiệp lớn có khá hơn, vì họ có thể đem ngay số lớn lương thực đến bán ở tỉnh lỵ. Làm như thế họ thường thu được mỗi tạ lúa cao hơn 20-30 pơ-phen-ních so với khi bán ở những thành phố nhỏ" (373). Các nghiệp chủ lớn lại biết định giá lúa của mình

khéo hơn (451) và bán theo cân chứ không bán theo đấu như nông dân vẫn bán, vì bán theo đấu thì không lợi cho người bán. Các nghiệp chủ lớn bán gia súc cũng theo cân, trong khi đó người ta mua gia súc của nông dân chỉ là theo cách đánh giá bằng mắt. Các nghiệp chủ lớn bán các sản phẩm bằng sữa cũng được giá cao vì họ có thể gửi nó ra bán ở thành phố và được giá cao hơn các nghiệp chủ vừa chỉ biết đem sữa làm thành bơ rồi bán cho thương nhân. Còn các nghiệp chủ vừa thì bơ của họ lại hơn bơ của các nghiệp chủ nhỏ (vì các nghiệp chủ vừa có dụng cụ cách ly, chế tạo được hàng ngày, v.v.) bơ của các nghiệp chủ nhỏ mỗi li-vơ bị trả hạ mất 5-10 pơ-phen-ních. Về gia súc chăn nuôi để bán thì các nghiệp chủ nhỏ phải bán sớm (chưa đủ lớn) hơn các nghiệp chủ vừa vì họ không đủ thức ăn cho gia súc (444). Tất cả những ưu thế này của doanh nghiệp lớn trên thị trường, với tư cách là người bán, đem gộp lại với nhau thì hoàn toàn không phải là nhỏ đâu, thế mà trong bản chuyên luận của Klawki, ông ta đã bỏ không tính đến, cũng y như các nhà lý luận sùng bái kinh tế nhỏ đã vứt bỏ *sự thật đó*, lấy cớ là *có thể* dùng hợp tác xã để giải quyết vấn đề này. Chúng tôi không muốn lẫn lộn tính hiện thực của chủ nghĩa tư bản với tính khả năng của thiên đường hợp tác xã tiểu tư sản: dưới đây, chúng tôi sẽ dẫn ra những *sự kiện* nói rõ trong thực tế thì với hợp tác xã ai là kẻ có lợi nhiều nhất.

Chúng ta cũng phải chỉ ra rằng Klawki "không tính", trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, đến lao động của chính bản thân các nghiệp chủ bỏ vào việc tháo nước và tất cả các loại công việc sửa chữa ("nông dân tự làm lấy") v.v.. Nhà xã hội chủ nghĩa gọi cái "ưu thế" này của nghiệp chủ nhỏ là Ueberarbeit, là lao lực quá mức, còn nhà kinh tế tư sản thì cho đó là một trong những mặt có lợi ("cho xã hội!") của kinh tế nông dân. Cũng phải chỉ ra rằng, theo Klawki, thì ở các doanh nghiệp vừa công nhân làm thuê được trả công

cao hơn và lương ăn tốt hơn ở các doanh nghiệp lớn nhưng phải làm việc căng hơn: nghiệp chủ "nêu gương" thúc đẩy người khác làm "chăm hơn và cẩn thận hơn" (465). Trong hai người chủ tư bản chủ nghĩa này (tên địa chủ hay "anh em" nông dân) kẻ nào, với số tiền công như nhau, đã bóp nặn được của công nhân nhiều lao động hơn, — điều đó, Klawki không tìm cách xác định rõ. Vì thế chúng ta chỉ vạch ra rằng chi phí bảo hiểm thương tật và già lão cho công nhân, đối với nghiệp chủ lớn là 0,29 mác một moóc-ghen, đối với nghiệp chủ vừa là 0,13 mác (ở đây người dân cày hạng nhỏ được lợi là nói chung không bảo hiểm cho mình — đương nhiên đó là "cái lợi" không nhỏ cho "xã hội" của tư bản và địa chủ), và sau đó dẫn thêm cái thí dụ về chủ nghĩa tư bản nông nghiệp Nga. Bạn đọc nào đã đọc cuốn sách của Sa-khốp-xcôi "Công việc thời vụ nông nghiệp", thì có lẽ đều nhớ cái nhận xét điển hình này: những người mu-gích chủ điền trang và những người Đức di dân (ở miền Nam) đều "lựa chọn" công nhân và trả công cao hơn những chủ thuê nhiều công nhân khoảng 15-20%, nhưng lại bóp nặn sức lao động của công nhân nhiều hơn tới 50%. Sa-khốp-xcôi đưa tin này từ năm 1896; và năm nay, chúng ta đọc, chẳng hạn, trên tờ "Báo công thương"⁹¹ cũng một tin như vậy từ Ca-khốp-ca: "...Nông dân và chủ điền trang, theo lệ thường, trả công cho những người làm thuê cao hơn (so với nhiều điền chủ lớn trả cho công nhân làm thuê) vì họ cần những công nhân lão luyện và khoẻ hơn" (số 109, ngày 16 tháng Năm 1901). Khó lòng mà có cơ sở để nghi rằng hiện tượng như thế chỉ riêng ở nước Nga mới có mà thôi.

Trong đồ biểu trình bày ở trên, bạn đọc có thể thấy hai phương pháp tính: một phương pháp tính cả sức lao động của nghiệp chủ quy thành tiền và một phương pháp thì không tính. Ông Bun-ga-cốp cho phương pháp tính cả sức lao động của nghiệp chủ là "không chắc đã đúng". Đương nhiên, một bản kê chính xác những khoản chi bằng hiện vật và bằng

tiền của chủ hộ và của cố nông thì sẽ đúng hơn rất nhiều, nhưng khi không có tài liệu này thì tất nhiên đành phải xác định những khoản chi bằng tiền của một gia đình *một cách phỏng chừng*. Thế thì *cái cách* mà Klawki tiến hành việc tính phỏng chừng đó thật là hết sức đáng chú ý. Các nghiệp chủ lớn đương nhiên không tự làm lấy; họ thậm chí có cả quản lý ăn lương để làm mọi việc điều khiển và đôn đốc công việc (trong bốn điền trang thì ba điền trang có quản lý, một điền trang không có quản lý; điền trang không có quản lý đó có 125 héc-ta, Klawki cho rằng gọi nó là điền trang nông dân lớn thì đúng hơn). Đối với hai đại điền trang, Klawki "tính" có 2 000 mác một năm "trả công" cho mỗi người chủ (công của chủ, thí dụ ở điền trang thứ nhất, nửa tháng một lần mấy ngày chủ nhân rời bỏ điền trang chính của mình để đi xem xét công việc của quản lý). Đối với người chủ có 125 héc-ta (người thứ nhất có 513 héc-ta), ông ta chỉ "tính" có 1.900 mác để trả công cho chính chủ nhân và 3 con trai của y. Có phải "tự nhiên" là có ruộng đất ít thì dự toán ít cũng phải "đủ" chứ gì? Đối với nghiệp chủ vừa, Klawki tính có 1.200 - 1.716 mác để trả công cho chồng, vợ và trong 3 trường hợp, cho cả con nữa. Đối với nghiệp chủ nhỏ — tính từ 800 đến 1.000 mác trả cho công việc của 4 - 5 (sic!) người, nghĩa là nhiều hơn một chút (nếu hơn) so với tiền công của một cố nông cùng với cả gia đình chỉ thu hoạch được tất cả có 800 - 900 mác. Như thế là ở đây đã có một bước tiến lớn rồi đấy: lúc đầu thì đem so sánh những cái rõ ràng là không thể so sánh được, nay tuyên bố rằng mức sinh hoạt *phải* giảm xuống khi quy mô các doanh nghiệp càng bé đi. Như vậy có nghĩa là thừa nhận trước cái việc chủ nghĩa tư bản làm cho mức sống của người tiểu nông thấp xuống, tuy rằng việc này tưởng chừng như đã bị những tính toán về mức "lợi nhuận ròng" bác bỏ!

Và nếu như thu nhập bằng tiền giảm đi cùng với quy mô của doanh nghiệp càng bé đi, theo như *giả định* của tác giả,

thì việc tiêu dùng giảm xuống đã được những tài liệu trực tiếp chứng minh. Ở các doanh nghiệp, số lượng tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp của một người (hai trẻ con tính bằng một người lớn) như sau: trong doanh nghiệp lớn — 227 mác (con số trung bình của 2 số), trong doanh nghiệp vừa — 218 mác (con số trung bình của 4 số), trong doanh nghiệp nhỏ — 135 (sic!) mác (con số trung bình của 4 số). Và lại doanh nghiệp càng lớn thì càng mua nhiều thực phẩm (S. 453). Chính bản thân Klawki đã nhận thấy rằng ở đây không thể không đặt vấn đề Unterkonsumption (tiêu dùng không đủ mức), là vấn đề mà ông Bun-ga-cốp đã phủ nhận và ở đây ông ta muốn *lờ đi không nói đến*, tỏ ra ông ta là kẻ ca tụng xã hội tư bản còn hơn cả Klawki. Còn Klawki thì cố sức thu nhỏ ý nghĩa của việc này lại. Ông ta nói: "Chúng tôi không thể khẳng định là có hiện tượng tiêu dùng không đủ mức trong doanh nghiệp nhỏ hay không, nhưng chúng tôi cho rằng đối với doanh nghiệp nhỏ thứ IV thì có thể là sự thực" (bình quân 97 mác một đầu người). "Sự thật là người nông dân nhỏ sống rất tiện (!) và họ đã bán nhiều thứ có thể nói là do họ bóp mồm bóp miệng mà có" (sich sozusagen vom Munde absparen)*. Người ta tìm cách chứng minh rằng sự việc này không bác bỏ được "năng suất" cao hơn của doanh nghiệp nhỏ: nếu nâng mức tiêu dùng lên

* Chẳng hạn, đáng chú ý là thu nhập do bán sữa và bơ của doanh nghiệp lớn là 7 mác một moóc-ghen, của doanh nghiệp vừa là 3 mác, của doanh nghiệp nhỏ là 7 mác. Vấn đề là ở chỗ tiểu nông "rất ít dùng bơ và sữa nguyên chất.., còn doanh nghiệp nhỏ thứ IV (mỗi người chỉ tiêu dùng sản phẩm làm ra trung bình là 97 mác) thì hoàn toàn không dùng" (450). Độc giả hãy so sánh sự việc này (trừ "các nhà phê phán" ra, mọi người đều biết rõ sự việc này từ lâu rồi) với những lập luận tuyệt vời của Héc-tơ (S. 113; bản dịch tiếng Nga, 270): "Có phải nông dân không đem sữa đổi được gì chẳng?" "Có phải nông dân không ăn thịt lợn" (nuôi bằng sữa bò) "chẳng?". Mấy câu danh ngôn này cần luôn luôn được ghi nhớ như là điển hình tối cao của việc tô điểm một cách dung tục nhất cho sự khốn cùng.

170 mác — mức này là hoàn toàn đủ (đủ đối với "người anh em nhỏ", chứ không phải đối với nhà điền chủ - tư bản, như chúng ta đã thấy), — thì kết quả là cứ mỗi moóc-ghen cần phải tăng khoản tiêu dùng và giảm khoản thu nhập do bán sản phẩm mà có, một số tiền từ 6 đến 7 mác. Trừ số này đi thì cũng còn được 29 - 30 mác (xem biểu đồ ở trên kia), nghĩa là dù sao cũng vẫn còn cao hơn ở doanh nghiệp lớn (S. 453). Nhưng nếu chúng ta nâng mức tiêu dùng lên, không phải là lên đến một số nào đó tùy tiện định ra (mà lại định thấp, vì cho rằng "rất đủ rồi"), mà lên đến 218 mác (= mức tiêu dùng thực tế ở doanh nghiệp vừa), thì chúng ta thấy rằng thu nhập do bán sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ tụt xuống tới 20 mác mỗi moóc-ghen, trong khi đó thu nhập của doanh nghiệp vừa là 29 mác và của doanh nghiệp lớn là 25 mác. Nghĩa là: chỉ cải chính *riêng một* sai lầm đó (trong số rất nhiều sai lầm kể ở trên) trong bản so sánh của Klawki, cũng đủ phá vỡ *tất cả* "ưu thế" của người tiểu nông.

Nhưng Klawki vẫn không ngừng tìm ra những ưu thế. Người tiểu nông "kết hợp nông nghiệp với thủ công nghiệp": ba tiểu nông (trong số 4 tiểu nông) "cần cù đi làm công nhật, ngoài tiền công ra họ còn được bữa cơm" (435). Nhưng ưu thế của tiểu nông nghiệp thì đặc biệt lớn trong thời kỳ khủng hoảng (như các độc giả Nga đã biết từ lâu qua những bài tập về đề tài này của nhiều người thuộc phái dân túy, mà hiện nay bọn ông Tséc-nốp lại đem hâm nóng lại): "Trong thời kỳ khủng hoảng nông nghiệp, và cả trong những thời kỳ khác cũng vậy, chính doanh nghiệp nhỏ lại sẽ tỏ ra vững chắc nhất, nó sẽ có thể bán được tương đối nhiều sản phẩm hơn những loại doanh nghiệp khác bằng cách hết sức giảm bớt chi phí gia đình, đành rằng sự giảm bớt này tất phải dẫn đến một sự tiêu dùng không đủ mức nào đó" (479 — kết luận cuối cùng của Klawki, xem S. 464). "Tiếc rằng nhiều doanh nghiệp nhỏ bắt buộc phải như vậy do phải trả nợ lãi cao. Nhưng bằng cách như vậy, mặc dầu rất vất

vả, họ đã có thể đứng vững và sống qua ngày được. Có lẽ, chính sự giảm nhiều tiêu dùng là nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm số doanh nghiệp của tiểu nông ở địa phương chúng tôi, như Cục thống kê toàn quốc đã chỉ ra". Klawki dẫn ra những tài liệu về khu hành chính Cơ-ních-xbe, trong đó từ năm 1882 đến năm 1895 số doanh nghiệp có dưới 2 héc-ta tăng từ 56 đến 79 nghìn, số doanh nghiệp có từ 2 đến 5 héc-ta tăng từ 12 đến 14 nghìn, số doanh nghiệp có từ 5 đến 20 héc-ta tăng từ 16 đến 19 nghìn. Đó là chính cái xứ Đông Phổ, nơi mà bọn ông Bun-ga-cốp cho là sản xuất nhỏ đã "lấn át" sản xuất lớn. Các ngài này đã giải thích một cách hời hợt những con số thống kê về diện tích, mà lại còn kêu gào đòi "chi tiết" nữa! Rất tự nhiên là Klawki cho rằng "nhiệm vụ quan trọng nhất của chính sách ruộng đất hiện nay để giải quyết vấn đề công nhân nông nghiệp ở phía Đông là khuyến khích những công nhân thạo việc nhất định cư lập nghiệp bằng cách tạo cho họ khả năng — nếu đời cha không được thì đời con (sic!) — mua được mảnh đất làm của riêng" (476). Nếu những cố nông đem tiền để dành được để mua miếng đất, "phần lớn đều lâm vào tình trạng túng bần về tiền" thì cũng không sao; "tự họ biết rõ như vậy, nhưng cái địa vị tự do hơn đã quyến rũ họ", cho nên tất cả nhiệm vụ của kinh tế học tư sản (và hiện nay, chắc cũng là nhiệm vụ của "những nhà phê phán") là nuôi dưỡng ảo tưởng này trong bộ phận lạc hậu nhất của giai cấp vô sản.

Như vậy trên tất cả các điểm, bài nghiên cứu của Klawki đều bác bỏ Bun-ga-cốp, người đã viện dẫn Klawki. Bài nghiên cứu đó đã chứng minh ưu thế kỹ thuật của doanh nghiệp lớn trong nông nghiệp, tình trạng lao động quá sức và ăn không đủ no của tiểu nông, tình trạng tiểu nông biến thành cố nông và người làm công nhật cho địa chủ; nó chứng minh mối liên hệ giữa hiện tượng tăng thêm số doanh nghiệp của tiểu nông với hiện tượng tăng thêm sự khốn cùng và vô sản hóa. Hai kết luận rút ra từ tác phẩm nghiên cứu này

có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về mặt nguyên tắc. Một là, chúng ta thấy rõ ràng cái trở ngại cho việc áp dụng máy móc trong nông nghiệp: đó là mức sống bị hết sức hạ thấp của người tiểu nông, họ sẵn sàng "không kể gì" đến lao động của mình, khiến cho đối với nhà tư bản, lao động chân tay rẻ hơn máy móc. Bất chấp những lời khẳng định của ông Bun-ga-cốp, những sự thực chứng minh đầy đủ rằng tình cảnh của tiểu nông trong nông nghiệp *hoàn toàn giống* tình cảnh của thợ thủ công trong công nghiệp dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Bất chấp những lời khẳng định của ông Bun-ga-cốp, chúng ta thấy rằng trong nông nghiệp mức tiêu dùng còn bị hạ thấp nhiều hơn nữa, cường độ lao động còn tăng lên mạnh hơn nữa, đó là những phương pháp để cạnh tranh với đại sản xuất. Hai là, trong tất cả những việc so sánh giữa thu nhập của những doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ trong nông nghiệp, nếu những kết luận nào mà quên ba tình hình sau đây: 1) *Nông dân* ăn ở và làm việc như thế nào? 2) *Gia súc* được nuôi dưỡng và làm việc như thế nào? 3) *Ruộng đất* được bón phân như thế nào, sử dụng có hợp lý không? — thì chúng ta đều phải dứt khoát coi là những kết luận hoàn toàn vô dụng và có tính chất biện hộ tầm thường. Tiểu nông nghiệp đứng vững được là nhờ mọi thủ đoạn tàn nhẫn: vung phí lao động và sức sống của nông dân, vung phí sức lực và chất lượng của gia súc, vung phí sức sản xuất của ruộng đất, vì thế tất cả những tác phẩm nghiên cứu nào không chú ý toàn diện đến tất cả những tình hình nói trên, thì chỉ có thể thuộc loại ngụy biện tư sản mà thôi *.

* Leo Huschke trong tác phẩm của mình "Landwirtschaftliche Reinertags-Berechnungen bei Klein-, Mittel- und Grossbetrieb dargelegt an typischen Beispielen Mittelthüringens" (Jena, 1902, Gustav Fischer) ¹⁾ đã

1) — Lê-ô-Hu-skê, "Việc tính thu nhập ròng của sản xuất nông nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, căn cứ vào những thí dụ điển hình ở Trung Thu-rinh-ghên" (I-ê-na, 1902, Gút-xtáp Phi-so)

Vì thế không lấy gì làm lạ rằng các ngài phê phán đã tấn công một cách đặc biệt dữ dội vào cái "lý luận" về tình trạng làm quá sức và tiêu dùng không đủ mức của các tiểu nông trong xã hội hiện đại. Ngay trên tạp chí "Bước đầu" (số 1, tr. 10) ông Bun-ga-cốp "sẵn sàng" đưa ra vô số "trích dẫn" chứng minh cái ngược lại với điều khẳng định của Cau-xky. Trong tác phẩm nghiên cứu của Hội liên hiệp chính trị xã hội ²⁾: "Bäuerliche Zustände" ("Tình cảnh nông dân") — ông Bun-ga-cốp lặp lại trong cuốn sách của mình — "Cau-xky, trong khi cố gắng cải tử hồi sinh (sic!) một giáo điều lỗi thời, đã chọn lấy một vài sự thực chứng minh rằng kinh tế nông dân bị đè nén là hiện tượng hoàn toàn dễ hiểu trong lúc này; độc giả hãy cứ đọc thấy rằng ở trong cuốn sách đó cũng có thể tìm được cả những chứng cứ hơi khác nữa" (II, 282). Chúng ta hãy thử "đọc thấy" và kiểm nghiệm lại "những trích dẫn" của nhà học giả nghiêm túc này nhiều

chỉ ra rất đúng rằng "chỉ riêng một việc đánh giá thấp" giá trị sức lao động của người tiểu nông cũng có thể có được một bản thống kê chứng minh ưu thế và khả năng cạnh tranh của nó đối với doanh nghiệp vừa và lớn (S. 126). Tiếc rằng tác giả không đi sâu vào ý kiến này và do đó không dẫn ra trong cuốn sách của mình những tài liệu có hệ thống về cách nuôi gia súc, về cách bón phân cho ruộng, về tình hình sinh hoạt của những người nông dân trong các loại doanh nghiệp. Chúng tôi hy vọng còn trở lại cuốn sách thú vị này của ông Hu-skê. Ở đây chỉ nêu ra ý kiến của ông ta cho rằng doanh nghiệp nhỏ bán sản phẩm với giá hạ hơn giá của doanh nghiệp lớn (S. S. 146, 155), và kết luận của ông ta: "doanh nghiệp nhỏ và vừa cố gắng khắc phục cuộc khủng hoảng xảy ra sau năm 1892 (giá nông sản phẩm rẻ mặt) bằng cách hết sức giảm chi phí bằng tiền, còn doanh nghiệp lớn thì khắc phục bằng cách tăng thu hoạch mùa màng nhờ vào tăng chi phí sản xuất (S. 144). Trong thời gian từ 1887 - 1891 đến 1893 - 1897, chi phí về lúa giống, gia súc và phân bón giảm sút ở những doanh nghiệp nhỏ và vừa và tăng lên ở những doanh nghiệp lớn. Trong doanh nghiệp nhỏ, những chi phí này là 17 mác mỗi héc-ta, trong doanh nghiệp lớn là 44 mác ³⁾.

2) Chú thích của tác giả trong bản in năm 1908.

khi chỉ là giản đơn lặp lại những trích dẫn của Héc-tơ (S. 77; bản dịch tiếng Nga, 183).

"Những tài liệu về Ai-xơ-nách cho ta bằng cơ chứng tỏ có sự cải tiến việc chăn nuôi, việc bón phân, việc dùng máy móc và nói chung về sự tiến bộ của sản xuất nông nghiệp..." Chúng ta hãy mở bài nói về Ai-xơ-nách ra xem ("Bäuerl. Zust.", I B.). Tình trạng của những chủ sở hữu có dưới 5 héc-ta (hạng này có 887 hộ trong số 1 116 hộ của khu vực này) "nói chung không khá mấy" (66). "Do họ kiếm được một khoản tiền công, với tính cách là người đi gặt thuê, làm công nhật v. v. cho các nghiệp chủ lớn, nên tình cảnh của họ tương đối khá" (67)... Nói chung, trong 20 năm qua đã có những tiến bộ kỹ thuật đáng kể nhưng "vẫn còn nhiều cái chưa làm được, đặc biệt là đối với những doanh nghiệp nhỏ bé hơn" (72)... "những doanh nghiệp nhỏ bé hơn đã phần nào dùng những bò yếu vào việc đồng áng..." Các nghề phụ: nghề rừng, nghề chở củi; nghề sau "đã thu hút mất sức lao động trong nông nghiệp" dẫn tới chỗ "hạ thấp phúc lợi" (69). "Nghề rừng cũng không cung cấp được đủ tiền công. Ở một vài khu, những người có ít ruộng đất (Grundstücksbesitzer) còn làm cả nghề dệt và được trả công rất tồi (leidlich). Trong trường hợp cá biệt — có nghề quán xì gà theo lối thủ công. Nói chung, thu nhập do nghề phụ cũng không đủ" (73)... Và tác giả là Ökonomie-Commissar Dittenberger ¹⁾, kết thúc bằng nhận xét nói rằng nông dân mặc dầu "sống giản dị" và "tiêu dùng ít ỏi" nhưng vẫn có sức lực và khoẻ mạnh, điều này thậm chí "thật là đáng ngạc nhiên vì giai cấp nghèo khổ nhất này ăn không đủ chất dinh dưỡng, thức ăn của họ chủ yếu là khoai tây" (74)...

Đấy! Các "học giả" theo kiểu Vô-rô-si-lốp đã bác "một thiên kiến lỗi thời của chủ nghĩa Mác, cho rằng kinh tế nông dân không có khả năng tiến bộ về kỹ thuật" như vậy đấy!

1) — ủy viên kinh tế Đít-tên-béc-gơ

"... Về vương quốc Dắc-dên, tổng thư ký Lăng-gơ-đoóc nói rằng ở tất cả các địa khu, đặc biệt là ở các địa phương ruộng đất phì nhiêu hơn, thì giữa đại điền trang và tiểu điền trang vị tất đã có sự chênh lệch về trình độ thâm canh". Anh chàng Vô-rô-si-lốp người Áo bác ý kiến của Cau-xky như vậy (Héc-tơ, S. 77; bản dịch tiếng Nga, 182 - 183) và anh chàng Vô-rô-si-lốp người Nga lặp lại theo như thế đấy (Bun-ga-cốp, II, 282, trích dẫn ở "Bäuerl. Zust.", II, 222). Chúng ta hãy mở trang 222 trong nguyên bản mà các nhà phê phán đã trích dẫn, và đọc cái đoạn tiếp ngay sau câu mà Héc-tơ đã trích dẫn: "Sự chênh lệch này thấy rõ hơn ở những vùng miền núi, là nơi mà những điền trang lớn hơn kinh doanh với số vốn luân chuyển tương đối lớn; nhưng cả ở đây nữa thì doanh nghiệp của nông dân cũng thường có thu nhập ròng không thấp hơn các điền trang đó, vì thu nhập thấp hơn đã được bù lại bằng sự tiết kiệm lớn hơn; với mức nhu cầu rất thấp (bei der vorhandenen grossen Bedürfnislosigkeit) sự tiết kiệm đó thường đi tới chỗ là sinh hoạt của nông dân tồi hơn sinh hoạt của công nhân công nghiệp đã quen với những nhu cầu rộng rãi hơn" ("Bäuerl. Zust.", II, 222). Và tiếp theo đó người ta cho biết thêm rằng chế độ luân canh đã trở thành chế độ canh tác chủ yếu, kể cả ở những nghiệp chủ vừa, và "chế độ luân canh ba thửa hầu như chỉ còn gặp ở những điền trang nhỏ của nông dân". Về vấn đề chăn nuôi, cũng thấy có sự tiến bộ ở khắp nơi. "Chỉ có về mặt chăn nuôi gia súc có sự dừng và sử dụng sản phẩm sữa, thì nông dân thường không bằng đại địa chủ" (223).

"Giáo sư Ran-ke — Bun-ga-cốp nói tiếp — xác nhận sự tiến bộ kỹ thuật trong kinh tế nông dân ở gần Muyn-khen, theo ông ta thì đó là điển hình cho toàn miền thượng Ba-vi-e". Chúng ta hãy mở bài của Ran-ke ra xem: có ba công xã của *nông dân hạng lớn* kinh doanh dựa vào công nhân làm thuê; trong số 119 nông dân thì 69 người có mỗi người

hơn 20 héc-ta, tất cả chiếm $\frac{3}{4}$ toàn bộ ruộng đất; thêm nữa là trong đó thì 38 "nông dân" có trên 40 héc-ta một người, bình quân mỗi người là 59 héc-ta, và tất cả chiếm gần 60% toàn bộ ruộng đất...

Chúng tôi nghĩ rằng như thế đủ nói lên được tính chất của những lời "trích dẫn" của các ông Bun-ga-cốp và Héc-tơ.

VII BẢN ĐIỀU TRA VỀ KINH TẾ NÔNG DÂN Ở BA-ĐEN

Héc-tơ viết: "Vì thiếu chỗ cho nên chúng tôi không thể nêu ra những ý kiến chi tiết và lý thú rút ra từ bản điều tra về 37 công xã ở Ba-đen. Phần lớn những ý kiến ấy đều giống những ý kiến đã nêu ra ở trên: bên cạnh những ý kiến tán thành, người ta còn gặp những ý kiến nghịch lại và những ý kiến lung chùng, *nhưng trong suốt ba tập báo cáo của cuộc điều tra không có một nơi nào mà những dự toán chi tiết về các khoản chi tiêu lại cho phép chúng ta kết luận rằng có "một tình trạng đói ăn"* (Unterkonsumption) và "một tình trạng thiếu thốn bản thủ và rất nhục nhã", v. v." (S. 79; bản dịch tiếng Nga, 188). Những chữ của Héc-tơ mà chúng tôi đã viết ngả, bao hàm, theo như thường lệ, *một điều hoàn toàn trái sự thật*: chính bản điều tra ở Ba-đen, mà ông ta dẫn chứng ra, đã dùng những tài liệu đầy đủ nhất để *chứng minh* rằng chính người tiểu nông đang ở trong tình trạng "tiêu dùng không đủ mức". Ở đây, việc Héc-tơ xuyên tạc sự thật gắn liền chặt chẽ với một lối mà bọn dân túy Nga đặc biệt ưa chuộng và ngày nay, bất kỳ bọn "phê phán" nào cũng đều lặp lại trong vấn đề ruộng đất, nghĩa là gắn liền chặt chẽ với những ý kiến hồ đồ vô căn cứ về "nông dân". Vì ở phương Tây, khái niệm "nông dân" còn mơ hồ hơn ở nước ta (không có dấu hiệu phân biệt đẳng cấp một cách rõ rệt), và vì những ý kiến và kết luận "trung bình" che lấp

mức "sung túc" tương đối (hoặc ít ra là không bị đói) của thiểu số và tình trạng cùng khổ của đa số, cho nên ở đây bọn người thuộc phái biện hộ tha hồ tung hoành. Bản điều tra ở Ba-đen chính là đã cho phép phân biệt ra những nhóm nông dân khác nhau, điều mà Héc-tơ, với tư cách là một người chủ trương "chi tiết hóa" không muốn nhận thấy. Trong 37 công xã điển hình, người ta đã chọn những doanh nghiệp điển hình của nông dân hạng lớn (Grossbauer), nông dân hạng trung và nông dân hạng nhỏ, cũng như của những người làm công nhật, tất cả là 70 doanh nghiệp nông dân (31 lớn, 21 vừa và 18 nhỏ) và 17 doanh nghiệp của người làm công nhật, và người ta đã nghiên cứu dự toán thu chi hết sức tỉ mỉ của các doanh nghiệp ấy. Chúng tôi không có khả năng phân tích *tất cả* những số liệu ấy, nhưng những *kết quả chính* mà chúng tôi dẫn ra dưới đây cũng đủ để có thể rút ra được những kết luận rất rõ ràng.

Trước hết chúng tôi nêu ra những số liệu về loại hình kinh tế chung của các doanh nghiệp nông dân hạng lớn (a) hạng trung (b) và hạng nhỏ (c) (rút trong Anlage VI: "Uebersichtliche Darstellung der Ergebnisse der in den Erhebungsgemeinden angestellten Ertragsberechnungen" ¹⁾; chúng tôi đã tổng kết những số liệu của biểu đồ đó về những Grossbauer, Mittelbauer và Kleinbauer ²⁾ theo từng nhóm riêng). Diện tích ruộng đất bình quân của từng nhóm: (a) 33,34 héc-ta, (b) 13,5 và (c) 6,96; diện tích đó tương đối cao đối với một xứ có chế độ chiếm hữu ít ruộng đất như Ba-đen, nhưng nếu loại trừ 10 doanh nghiệp trong những công xã số 20, 22 và 30 là những công xã có những ruộng đất đặc biệt rộng lớn (Kleinbauer có đến 43 héc-ta và Grossbauer có đến 170 héc-ta!) thì chúng ta có những con số bình thường hơn đối với Ba-đen): a) 17,8 héc-ta; b) 10,0 héc-ta và c) 4,25

1) — Phụ lục VI: "Điểm qua những kết quả của việc tính toán thu nhập trong các công xã được điều tra"

2) — Nông dân hạng lớn, hạng trung và hạng nhỏ

héc-ta. Số người trong gia đình: a) 6,4 người, b) 5,8 và c) 5,9 (những số liệu này cũng như tất cả những số liệu về sau là thuộc về tất cả 70 doanh nghiệp, trừ trường hợp có ghi chú riêng). Như thế là trong nhóm nông dân hạng lớn, gia đình đông hơn nhiều, nhưng mặc dù thế, đối với họ, việc thuê mướn lao động vẫn đóng một vai trò vô cùng quan trọng hơn. Nói chung, trong số 70 nông dân thì 54 người, nghĩa là trên $\frac{3}{4}$ tổng số, phải thuê mướn nhân công: cụ thể là 29 nông dân hạng lớn (trong số 31), 15 nông dân hạng trung (trong số 21) và 10 nông dân hạng nhỏ (trong số 18). Như thế là 93% nông dân hạng lớn và 55% nông dân hạng nhỏ không thể không thuê mướn nhân công. Những con số đó rất bổ ích để kiểm nghiệm lại một ý kiến phổ biến (mà bọn "phê phán" đã chấp nhận một cách không phê phán) cho rằng việc thuê mướn lao động không có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế nông dân hiện đại. Trong số nông dân hạng lớn (diện tích 18 héc-ta ruộng đất của họ thuộc hạng từ 5 đến 20 héc-ta mà, theo tất cả những ý kiến hồ đồ vô căn cứ, người ta đều kể là những doanh nghiệp nông dân thực sự), chúng ta thấy những doanh nghiệp thuần túy có tính chất tư bản chủ nghĩa: 24 doanh nghiệp có thuê mướn 71 cố nông, mỗi doanh nghiệp thuê gần ba cố nông, và 27 nghiệp chủ thuê mướn thợ làm công nhật tất cả là 4.347 ngày (mỗi nghiệp chủ thuê 161 ngày lao động). Xin hãy đối chiếu điều đó với diện tích ruộng đất của những nông dân hạng lớn, thuộc vùng lân cận Muyn-khen, những nông dân mà ông Bun-ga-cốp gan dạ đã dựa vào sự "tiến bộ" của họ để bác bỏ cái "thiên kiến mác-xít" cho rằng chủ nghĩa tư bản làm cho mức sống của nông dân thấp xuống!

Đối với nông dân hạng trung, chúng ta có những số liệu sau đây: 8 người thuê 12 cố nông, 14 người thuê 956 ngày lao động công nhật; đối với nông dân hạng nhỏ thì: 2 người thuê 2 cố nông, 9 người thuê 543 ngày lao động công nhật. Trong vòng hai tháng ($543 : 9 = 60$ ngày), nghĩa là trong lúc

thời vụ quan trọng nhất đối với người làm ruộng, một nửa tiểu nông không thể không thuê mướn lao động (mặc dù là so với những nông dân ở Phri-đrich-xtan mà các ông Tséc-nốp, Đa-vít và Héc-tơ rất vui lòng, thì diện tích ruộng đất của những tiểu nông ấy lớn hơn, nhưng khối lượng sản xuất của họ lại nhỏ hơn rất nhiều).

Kết quả kinh doanh như sau: 31 nông dân hạng lớn thu được 21.329 mác lợi nhuận ròng và bị lỗ 2.113 mác, nghĩa là lãi tất cả 19.216 mác hay là cứ mỗi doanh nghiệp lãi 619,9 mác (523,5 mác, nếu không kể năm doanh nghiệp ở các công xã số 20,22 và 30); lãi của doanh nghiệp hạng trung sẽ là 243,3 mác (272,2 nếu không tính ba công xã); và lãi của doanh nghiệp hạng nhỏ sẽ là 35,3 mác (37,1 nếu không kể ba công xã). Vì thế nên người tiểu nông, nói cho thật đúng, *đang sống trong cảnh giạt gấu vá vai và số dĩ sống được như thế chỉ là nhờ ở việc thu hẹp sự tiêu dùng lại*. Bản điều tra có công bố ("Ergebnisse etc." trong tập IV "Erhebungen", S. 138¹⁾) những tài liệu về số lượng sản phẩm quan trọng nhất tiêu dùng trong mỗi doanh nghiệp. Chúng tôi dẫn ra những số liệu đó, tính bình quân cho mỗi nhóm trong các nhóm nông dân nói trên: (xem biểu đồ, tr. 222. — BT).

Đấy, ngay cả thông qua những số liệu như thế mà ông Héc-tơ gan dạ vẫn "không nhận thấy" được cả tình trạng thiếu ăn lẫn tình cảnh túng thiếu! Chúng ta thấy rằng so với nông dân hạng trung và nông dân hạng lớn thì người nông dân hạng nhỏ đã phải rút mức tiêu dùng của mình xuống rất nhiều; còn về ăn và mặc, họ hầu như không có gì hơn người làm công nhật. Chẳng hạn về thịt, họ tiêu thụ ít hơn người nông dân hạng trung một lần rưỡi và ít hơn nông dân hạng lớn gần hai lần. Những số liệu ấy lại một lần nữa xác minh rằng những ý kiến nhận xét vô căn cứ là vô dụng biết bao và tất cả những sự tính toán về thu nhập nào mà

¹⁾ — "Kết quả v. v." trong tập IV "Điều tra", tr. 138

Nhóm nông dân	Tiêu dùng của 1 người ngày				Chi phí cho 1 người	
	Bánh mì và hoa quả	Khoai tây	Thịt	Sữa	Trong một ngày về tạp phẩm, về sườn và dầu đèn v. v.	Trong một năm về áo quần
					Li-vrơ	Gma
Nông dân hạng lớn	1,84	1,82	138	1,05	72	66
Nông dân hạng trung	1,59	1,90	111	0,95	62	47
Nông dân hạng nhỏ	1,49	1,94	72	1,11	57	38
Người làm công nhật	1,69	2,14	56	0,85	51	32

không kể đến sự chênh lệch trong mức sinh hoạt là giả mạo biết chừng nào. Chẳng hạn như nếu chúng ta *chỉ* lấy 2 cột cuối cùng của biểu đồ của chúng ta (để khỏi phải làm những con tính phức tạp về việc chuyển thực phẩm ra tiền) thì chúng ta sẽ thấy rằng "lợi nhuận ròng" không những của nông dân hạng nhỏ mà của cả nông dân hạng trung nữa đều là *một điều hư cấu thuần túy nhất*, mà chỉ có bọn tư sản thuần túy nhất như bọn Hê-khơ và Klawki hoặc bọn Vô-rô-si-lốp thuần túy nhất như bọn phê phán ở nước ta, mới có thể quan tâm đến được. Thật vậy, nếu chúng ta quy ước rằng chi phí của người nông dân hạng nhỏ về những sản phẩm phải trả bằng tiền cũng ngang với chi phí của người nông dân hạng trung, thì chi tiêu của người này sẽ tăng thêm *một trăm* mác, và chúng ta sẽ thấy một sự *thiếu hụt* to. Nếu nông dân hạng trung cũng chi tiêu ngang với mức của nông dân hạng lớn, thì chi tiêu của họ sẽ tăng thêm thêm 220 mác, và nếu họ không "thắt lưng buộc bụng" trong việc ăn uống thì

họ cũng sẽ bị thiếu hụt*. Việc giảm sút mức tiêu dùng của người nông dân hạng nhỏ có liên hệ mật thiết — điều đó tự nó cũng rất dễ hiểu — với việc giảm sút thức ăn của gia súc và với việc phục hồi một cách không đầy đủ (và cũng có thể là với sự phung phí một cách trực tiếp) sức sản xuất của đất đai, — việc giảm sút đó há không hoàn toàn xác minh những lời sau đây của Mác hay sao, những lời mà mỗi khi nghe nói đến thì bọn phê phán hiện đại đều nhún vai một cách rất kiêu kỳ: "Tư liệu sản xuất vô cùng phân tán và bản thân sản xuất trở lại trạng thái dã man. Sức người bị lãng phí vô chừng. Điều kiện sản xuất càng ngày càng xấu đi và tư liệu sản xuất càng ngày càng đắt đỏ, đó là quy luật tất yếu của chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ" ("Das Kapital", III, 2, 342)⁹³.

Chúng tôi lại nêu ra một sự xuyên tạc khác của ông Bunge-cốp cũng về bản điều tra Ba-đen ấy (bọn phê phán bổ sung lẫn cho nhau, nếu một người xuyên tạc một mặt này

* Ông Tséc-nốp "phản đối lại": chẳng phải là nghiệp chủ hạng lớn đã thu hẹp hơn nữa sự chi tiêu về ăn uống và các khoản chi tiêu khác của người làm công nhật cho hắn ta đấy ư? ("Của cải nước Nga", 1900, số 8, tr. 212). Lời phản đối đó chỉ lặp lại cái lối đã cũ của bọn Criven-cô, Vô-rôn-txốp, — nếu có thể nói được như thế, — cái lối *đem gán* những luận cứ của phái tự do - tư sản cho người mác-xít. Lời phản đối đó có một ý nghĩa đối với kẻ nào nói rằng đại sản xuất không những chỉ cao hơn về mặt kỹ thuật mà còn cao hơn ở chỗ nó cải thiện (hoặc ít ra cũng làm cho, nói chung, dễ chịu hơn) đời sống của người lao động. Những người mác-xít không nói như thế. Họ chỉ lột trần những phương pháp giả mạo để *tô hồng* đời sống của người tiểu nông hoặc bằng những ý kiến vô căn cứ về sự thịnh vượng (ông Tséc-nốp nói về Hê-khơ) hoặc bằng những tính toán về "thu nhập" nhưng đồng thời lại *lờ đi không nói đến* việc giảm bớt tiêu dùng. Giai cấp tư sản không thể không cố gắng tô hồng như thế, nuôi dưỡng cái ảo tưởng là công nhân có thể trở thành "nghiệp chủ", và người tiểu "chủ" có thể có thu nhập cao. Công việc của các nhà xã hội chủ nghĩa là lột trần sự dối trá đó và giải thích cho người tiểu nông là họ không có con đường nào thoát ngoài con đường gia nhập vào phong trào cách mạng của giai cấp vô sản.

của một nguồn tư liệu nào đó thì người kia lại xuyên tạc mặt khác). Ông Bun-ga-cốp nhiều lần trích dẫn bản điều tra Ba-đen, có nghĩa là *hình như* ông quen thuộc với nó. Thế mà ông còn giở trò nói như thế này: "Cái mà người ta gọi là tình cảnh mang công mắc nợ, đặc biệt và hầu như không thể tránh khỏi của người nông dân, — đây là lời mở đầu, II, 271, — là một trong những giáo điều bất di bất dịch của câu chuyện thần thoại về kinh tế nông dân mà người ta đã dựng lên trong các sách báo"... "Những tài liệu nghiên cứu mà chúng tôi nắm được có nêu lên rằng chỉ những người có ít ruộng đất nhất, chưa củng cố được sở hữu của mình (Tagelöhnerstellen) mới ở trong tình trạng mang công mắc nợ một cách trầm trọng. Và Spren-gơ nói lên cảm tưởng chung đối với những tài liệu của cuộc điều tra quy mô ở Ba-đen (trong phần chú thích ông có dẫn chứng bản điều tra) như sau: "... ở một số lớn địa phương đã được điều tra, thì chỉ có những khu của những người làm công nhật và những nông dân có ít ruộng đất mới có tình trạng mang công mắc nợ tương đối đáng kể, nhưng cả ở đây, trong đại đa số trường hợp, tình cảnh đó không tới mức đáng lo ngại..." (272). Thật là một điều kỳ quặc! Một mặt thì *viện dẫn chính ngay bản điều tra, mặt khác* lại chỉ dẫn ra cái "cảm tưởng chung" của một ông Spren-gơ nào đó khi viết về bản điều tra. Và lại ông Spren-gơ đã cố tình nói láo (ít nhất là trong đoạn mà ông Bun-ga-cốp đã trích dẫn, vì chúng tôi không được đọc tác phẩm của Spren-gơ). Những tác giả bản điều tra khẳng định rằng, trong đại đa số trường hợp, chính tình cảnh mang công mắc nợ của nông dân có ít ruộng đất *đạt* đến một mức đáng lo ngại. Đó là điều thứ nhất. Hai là, họ khẳng định rằng về phương diện công nợ, tình cảnh của nông dân hạng nhỏ không những thua kém nông dân hạng vừa và hạng lớn (điều đó Spren-gơ đã nhận thấy) mà còn thua *cả người làm công nhật nữa*.

Nói chung, cần phải nêu ra rằng những tác giả bản điều tra Ba-đen xác định một sự kiện vô cùng quan trọng là đối với những doanh nghiệp lớn thì *mức tối đa có thể nợ được* (nghĩa là mức cao nhất mà không sợ rơi vào nguy cơ phá sản) *cao hơn so với doanh nghiệp nhỏ*. Sau khi chúng tôi đã nêu ra ở trên những số liệu thống kê về kết quả kinh doanh của nông dân hạng lớn, hạng vừa và hạng nhỏ, thì điều đó không đòi hỏi có sự giải thích gì đặc biệt nữa. Đối với doanh nghiệp lớn cũng như doanh nghiệp vừa, tác giả của cuộc điều tra cho rằng mức nợ từ 40% đến 70% giá trị ruộng đất, — trung bình là 55%, — là mức có thể nợ được và không nguy hiểm (unbedenklich). Đối với doanh nghiệp, nhỏ (họ tính diện tích đất đai của doanh nghiệp này là từ 4 đến 7 héc-ta nếu là đất làm ruộng, và từ 2 đến 4 héc-ta nếu là đất trồng nho hoặc các cây thương nghiệp), họ thấy rằng "mức nợ tối đa... không được quá 30% giá trị cơ nghiệp, nếu giả định là *hoàn toàn* đảm bảo trả được lãi và nợ một cách *đúng đắn*" (S. 66, B. IV). Trong những công xã đã được điều tra (trừ những công xã có áp dụng Anerbenrecht¹⁾, chẳng hạn như Unadingen và Neukirch²⁾ thì tỷ lệ phần trăm công nợ (so với giá trị cơ nghiệp) từ các doanh nghiệp nhỏ tới các doanh nghiệp lớn đã hạ xuống một cách tương ứng. Tỷ dụ như trong công xã Dittwar³⁾, trong các doanh nghiệp có dưới ¼ héc-ta, tỷ lệ công nợ = 180,65%; từ 1 - 2 héc-ta là 73,07%; từ 2 - 5 héc-ta là 45,73%; từ 5 - 10 héc-ta là 25,34%; từ 10 - 20 héc-ta là 3,02% (S. 89 - 90 ibid). Nhưng chỉ một mình những con số về mức độ công nợ thì chưa nói lên được hết; và những tác giả bản điều tra kết luận như sau:

1) — quyền thừa kế, nó quy định rằng tài sản của một hộ nông dân chỉ được chuyển, một cách nguyên vẹn, không phân chia, cho một người thừa hưởng thôi

2) — U-na-đin-ghên và Nêu-kiéc

3) — Dích-va

"Như thế là những số liệu nói trên đã chứng thực một quan niệm rất phổ biến cho rằng những người sở hữu đất đai nông dân nằm ở ranh giới (ở giữa) giữa những người làm công nhật và những nông dân hạng trung (ở nông thôn thường thường người ta gọi những nông dân thuộc hạng này là "tầng lớp trung gian" — Mittelstand), thường thường đời sống của họ khó khăn hơn những nhóm trên và những nhóm dưới (sic!) về diện tích đất đai; vì nếu họ có thể thanh toán một cách dễ dàng những công nợ *vừa phải* thì tới một giới hạn công nợ nhất định, không cao lắm, họ phải rất khó khăn mới làm tròn những lời cam kết của mình, bởi vì họ không có khả năng có những khoản tiền công phụ *đều đặn* (của người làm công nhật v. v.) để do đó tăng thu nhập của mình ..." Những người làm công nhật, "do có những khoản tiền công phụ phần nào đều đặn, cho nên đời sống của họ thường thường căn bản khá hơn đời sống của những người thuộc "tầng lớp trung gian" vì, trong rất nhiều trường hợp, người ta đã tính toán và chứng minh rằng những khoản tiền công phụ thường thường là những khoản thu nhập ròng (nghĩa là bằng tiền) khá cao khiến cho họ có thể trả được cả những món nợ *lớn*" (67 l. c.)*. Và cuối cùng, các tác giả nhắc lại một lần nữa rằng so với mức tối đa có thể nợ được, thì tình hình công nợ của các doanh nghiệp nông dân hạng nhỏ "không phải không có phần nguy kịch", vì thế cho nên "khi mua ruộng đất, chính người nông dân hạng *nhỏ* và người làm công nhật gần kề với họ... là người trước tiên phải đặc biệt thận trọng về mặt kinh doanh" (98).

Đó, bộ mặt của tên cố vấn tư sản của người nông dân hạng nhỏ là như thế đấy! Một mặt nó duy trì trong các

* Các tác giả bản điều tra nói một cách đúng đắn rằng người nông dân hạng nhỏ tương đối ít bán lấy tiền mặt; trong khi đó thì nhu cầu của họ về tiền đặc biệt to lớn và tình cảnh thiếu vốn của họ làm cho họ phải đặc biệt thấm thía mỗi khi có dịch gia súc hoặc mưa đá, v. v..

tầng lớp vô sản và nửa vô sản niềm hy vọng là "nếu không phải đời cha, thì đến đời con" họ sẽ mua được miếng đất nhỏ, và, nếu làm ăn cần cù và chất bó, thì họ sẽ dựa vào miếng đất nhỏ đó mà có được những khoản "thu nhập ròng" to lớn; mặt khác, chính hẳn lại khuyên nông dân nghèo phải "đặc biệt thận trọng" khi mua ruộng đất, nếu như họ không có "những khoản tiền công đều đặn", nghĩa là nếu các ngài tư bản không cần đến các công nhân định cư. Thế mà lại có những tên "phê phán" ngu xuẩn cho lời dối láo vụ lợi đó và những lời nhảm tai chán ngấy đó, là những kết luận của một môn khoa học mới nhất!

Hình như những số liệu chi tiết về nông dân hạng lớn, hạng trung và hạng nhỏ mà chúng tôi đã trích dẫn, có thể làm cho ngay đến cả ông V. Tséc-nốp cũng hiểu được nội dung cụ thể của cái phạm trù "tính tiểu tư sản" áp dụng vào nông dân, cái phạm trù đã làm cho ông quá sợ hãi. Sự tiến hóa tư bản chủ nghĩa không những đã làm cho chế độ kinh tế *chung* của các nước phương Tây gần giống nhau, mà còn làm cho chế độ kinh tế của Nga cũng gần giống với chế độ kinh tế của các nước phương Tây, đến mức là những *đặc điểm cơ bản* của kinh tế nông dân ở Đức đồng thời cũng là những đặc điểm của nước Nga. Chỉ có một điều là quá trình phân hóa nông dân ở Nga — mà các sách mácxít Nga đã chứng minh một cách chi tiết — còn ở trong một giai đoạn phát triển sơ khai; nó chưa biểu lộ dưới những hình thức tương đối hoàn chỉnh, tỷ dụ như là nó chưa làm nổi lên được một loại hình nông dân hạng lớn (Grossbauer), một loại hình đặc biệt mà mới nhìn vào mọi người có thể thấy rõ được ngay: ở Nga việc tịch thu tài sản hàng loạt và tiêu diệt một bộ phận lớn nông dân hày còn che lấp rất nhiều "những bước đầu" của giai cấp tư sản nông thôn nước ta. Ở phương Tây, quá trình ấy bắt

đầu ngay từ trước khi chế độ nông nô bị xóa bỏ (xem Kautsky, "Agrarfrage", S. 27) và từ lâu nó đã dẫn tới, một mặt là sự thủ tiêu ranh giới đẳng cấp giữa kinh tế nông dân và kinh tế "tư hữu" (theo ý chúng tôi), và mặt khác, là sự hình thành giai cấp công nhân nông nghiệp làm thuê, một giai cấp đã được hình thành khá rõ ràng*. Nhưng thật là một sai lầm lớn nếu ta nghĩ rằng quá trình ấy đã dừng lại một khi những loại hình dân cư nông nghiệp mới đã được hình thành tương đối rõ ràng. Trái lại, quá trình ấy tiến mãi không ngừng, đương nhiên là khi nhanh khi chậm, tùy theo rất nhiều điều kiện khác nhau, với những hình thức muôn hình muôn vẻ nhất, tùy theo những điều kiện cạnh tác khác nhau v. v.. Dưới đây, chúng tôi sẽ dựa trên rất nhiều số liệu phong phú của thống kê Đức để chứng minh rằng quá trình vô sản hóa nông dân vẫn tiếp tục; nhưng thông qua những số liệu dẫn ra ở trên về nông dân hạng nhỏ, người ta cũng đã thấy điều đó một cách rõ ràng. Chỉ riêng một việc là không những công nhân nông nghiệp mà ngay cả nông dân cũng ngày càng bỏ nông thôn ra thành thị, chỉ riêng một việc đó cũng đã chứng minh một cách rõ ràng sự phát triển của quá trình vô sản hóa. Nhưng trước khi người nông dân bỏ nông thôn ra thành thị, tất nhiên họ đã phá sản rồi. Và trước khi bị phá sản, họ đã đấu tranh kịch liệt cho sự độc lập kinh tế của mình. Thì đây, những số liệu nói về việc sử dụng lao động làm thuê, về mức "thu nhập ròng", về mức tiêu dùng của các loại hình nông dân, đã nói lên cuộc đấu tranh ấy một cách nổi bật. Phương tiện đấu tranh chủ yếu là: "cần cù gian khổ" và chất bóp, dè xẻn: "nai lưng ra làm không phải để vào miệng mà để

* Về nước Pháp thế kỷ XIX, ông Bun-ga-cốp viết rằng: "Nông dân đã chia ra làm hai bộ phận khác hẳn nhau rồi: vô sản và những người sở hữu nhỏ" (II, 176). Chỉ có một điều đáng tiếc là tác giả hình dung sự "phân hóa" đến đó là chấm dứt: quá trình đó là một quá trình tiến lên không ngừng.

bỏ vào túi". Kết quả tất nhiên của cuộc đấu tranh là sự hình thành một thiểu số nghiệp chủ khá giả, sung túc (trong đại đa số trường hợp, đó là một thiểu số rất nhỏ, cụ thể là trong tất cả những trường hợp không có một điều kiện thuận lợi nào đặc biệt như là gấn thủ đồ, xây dựng đường xe lửa, mở thêm một ngành nông nghiệp thương phẩm có lợi nào đấy v. v.) và sự bần cùng hóa càng ngày càng tăng của một đa số đang vì đói ăn kinh niên và vì làm việc quá sức mà phá hủy sức lực con người và đang làm cho chất lượng ruộng đất và gia súc bị giảm sút. Kết quả tất nhiên của cuộc đấu tranh là sự hình thành một thiểu số doanh nghiệp *tư bản chủ nghĩa*, dựa trên cơ sở lao động làm thuê, còn đa số thì càng ngày càng cần phải đi kiếm "những khoản tiền công phụ", tức là trở thành những người công nhân công nghiệp và nông nghiệp làm thuê. Những số liệu về lao động làm thuê chứng minh một cách rõ ràng hơn hết cái xu hướng nội tại không thể tránh khỏi dưới chế độ xã hội hiện nay, cái xu hướng cố hữu của mỗi nhà sản xuất nhỏ muốn trở thành nhà tư bản nhỏ.

Chúng tôi hoàn toàn hiểu tại sao một mặt các nhà kinh tế học tư sản và một mặt khác, bọn theo chủ nghĩa cơ hội đủ các màu sắc, lại lẫn tránh và không thể không lẫn tránh khía cạnh ấy của sự việc. Sự phân hóa của nông dân đã chỉ cho chúng ta thấy những mâu thuẫn *sâu sắc nhất* của chủ nghĩa tư bản đang ở trong chính cái quá trình *xuất hiện* và phát triển của chúng; việc đánh giá toàn diện những mâu thuẫn ấy tất nhiên sẽ dẫn đến sự nhìn nhận tình thế bế tắc và tuyệt vọng của người nông dân hạng nhỏ (tuyệt vọng — nếu đứng ngoài cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản chống lại toàn bộ chế độ tư bản). Không có gì là lạ nếu người ta lại làm lơ không nói đến chính những mâu thuẫn sâu sắc nhất và ít phát triển nhất ấy: người ta mưu toan bỏ qua một sự thực là những người tiểu nông phải lao động quá sức mình và tiêu dùng thiếu thốn, một sự thực

mà chỉ có những kẻ thiếu lương tâm hoặc ngu dốt mới có thể phủ nhận; người ta lẽ dĩ nhiên nói đến vấn đề công nhân làm thuê cho giai cấp tư sản nông thôn và vấn đề làm thuê của bản nông. Tỉ dụ như ông Bun-ga-cốp trình bày cả "một bài tiểu luận về lý luận phát triển nông nghiệp", dùng những lời lẽ hùng hồn để bỏ qua* cả hai vấn đề cuối cùng nói trên! Ông nói: "Người ta có thể gọi kinh tế nông dân là một nền kinh tế hoàn toàn hoặc đại bộ phận dựa

* Hay là dùng những luận điệu quanh co không kém hùng hồn theo kiểu sau đây: "... nhiều những trường hợp kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, khi công nhân làm thuê trong công nghiệp tậu được một miếng đất..." "chỉ là một chi tiết (!?) trong chế độ kinh tế quốc dân; hiện nay chưa có (??) một cơ sở gì để coi đó là một biểu hiện mới của việc công nghiệp hóa nông nghiệp, của việc nông nghiệp đã mất tính chất phát triển độc lập — hiện tượng đó quá nhỏ bé (ở Đức chẳng hạn, những người làm việc trong ngành công nghiệp chỉ chiếm tất cả có 4,09% diện tích nông nghiệp)" (sic! — II, 254 - 255). Một là, *phần* ruộng đất nhỏ xíu trong tay hàng trăm nghìn công nhân không chứng tỏ rằng "hiện tượng đó nhỏ bé", mà chứng tỏ là, tư bản chủ nghĩa đã làm sa sút và vô sản hóa người làm ruộng nhỏ. Tất cả những người làm ruộng có một số ruộng đất dưới 2 héc-ta (mặc dù họ rất đông: 3,2 triệu trong số 5,5 triệu, tức là 58,2% gần *ba phần năm* tổng số) "chỉ" chiếm 5,6% diện tích nông nghiệp! Liệu nhà đại thông thái Bun-ga-cốp có rút được từ đó ra kết luận rằng tất cả "hiện tượng" sở hữu ruộng đất nhỏ và trồng trọt ít, nói chung là "một chi tiết" và "quá nhỏ bé", hay không?? Trong số 5,5 triệu người Đức làm ruộng thì 791 nghìn tức là 14,4% là những người công nhân công nghiệp làm thuê, mà trong số đó một phần rất lớn có dưới 2 héc-ta ruộng đất, cụ thể là 743 nghìn người tức là 22,9% so với tổng số những người làm ruộng có dưới 2 héc-ta. Hai là, theo như lệ thường, ông Bun-ga-cốp lại *xuyên tạc số liệu thống kê mà ông đã dẫn ra*. Vì sơ sót cho nên trong tài liệu về cuộc điều tra ở Đức mà ông đã dẫn ra ("Stat. d. D. R.", 112 B., S. tr. 49★), ông lại lấy con số diện tích ruộng đất của những người làm nghề công - nông nghiệp *độc lập*. Còn những người làm nghề công - nông nghiệp không *độc lập* (nghĩa là công nhân công nghiệp làm thuê) *chỉ* có 1,84% diện tích nông nghiệp. 791 nghìn công nhân làm thuê có 1,84% diện tích, còn 25 nghìn địa chủ thì có 24% diện tích. Chẳng phải đó là một "chi tiết" không đáng kể đấy ư?

vào lao động của bản thân gia đình nông dân: ít khi một nền kinh tế, ngay cả kinh tế nông dân, lại không dựa vào lao động của người khác — sự giúp đỡ của láng giềng hoặc nhất thời thuê mướn lao động, — nhưng điều đó không thay đổi (phải, tất nhiên!) bộ mặt kinh tế của nó" (I, 141). Héc-tơ thì ngây thơ hơn, và ở ngay đầu cuốn sách của mình đã rào trước rằng: "Dưới đây khi trình bày, tôi sẽ luôn luôn quan niệm doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp của nông dân là một doanh nghiệp trong đó chỉ có người chủ, những người trong gia đình của anh ta và nhiều nhất là từ 1 đến 2 công nhân" (S. 6, bản dịch tiếng Nga, 29). Khi vấn đề đề cập đến việc thuê mướn "một người làm công" thì những ông Kleinbürger của chúng ta lại mau chóng quên chính ngay những "đặc điểm" của ngành nông nghiệp mà các ông ấy bạ lúc nào cũng hay nói đến. Trong nông nghiệp, 1 hoặc 2 công nhân, — ngay cả nếu như họ chỉ làm việc mùa hè thôi, — hoàn toàn không phải là ít. Nhưng điều chủ yếu không phải là ở chỗ nhiều hay ít, mà là ở chỗ chính là những nghiệp chủ khá giả và sung túc hơn cả phải thuê mướn công nhân, — đó là những nghiệp chủ mà "sự tiến bộ" và "phồn vinh" của họ thường được các hiệp sĩ của giới tiểu tư sản nêu ra thành sự phồn vinh của quảng đại quần chúng dân cư. Và để cho lập luận ấy ra vẻ có cơ sở hợp lý hơn, các hiệp sĩ đó lại long trọng tuyên bố rằng: "Nông dân cũng là một người công nhân không khác gì người vô sản" (Bun-ga-cốp, II, 288). Và tác giả lại tỏ ra vui lòng về việc "các đảng công nhân ngày càng mất cái tính chất bài xích nông dân cố hữu của họ trước kia (cố hữu trước kia!)" (289). Các bạn thấy không, theo quan niệm "trước kia" ấy, "người ta đã quên rằng quyền sở hữu của nông dân không phải là một công cụ bóc lột mà là một điều kiện để sử dụng lao động". Người ta viết lịch sử như thế đó! Quả thật, chúng tôi không thể không nói rằng: các ngài có xuyên tạc sự thật, thì cũng nên có mức độ với!

Chính ông Bun-ga-cốp ấy đã viết một "bộ sách nghiên cứu" gồm 2 quyển, dày 800 trang, chứa đầy những "trích dẫn" (chúng tôi đã nhiều lần chứng minh tính chính xác của những trích dẫn đó) rút trong hết thảy mọi bản điều tra, mô tả, chuyên luận v. v., nhưng chẳng có một lần nào, *thật là chẳng có một lần nào* ông cố gắng, dù chỉ là xét xem những nông dân mà quyền sở hữu của họ là một công cụ bóc lột, có quan hệ như thế nào với những nông dân mà quyền sở hữu "chỉ" là một điều kiện để sử dụng lao động. *Tuyệt nhiên không có một lần nào* ông dẫn chứng những số liệu có hệ thống (như chúng ta đã thấy, những số liệu như thế nằm trong chính những nguồn mà ông đã trích dẫn ra) nói lên phương thức kinh doanh, mức sống v. v. của những nông dân có thuê mướn công nhân, của những nông dân không thuê mướn người và cũng không đi làm thuê, của những nông dân phải đi làm thuê. Hơn thế nữa. Chúng ta đã thấy rằng, để chứng thực "sự tiến bộ của kinh tế nông dân" (của kinh tế nông dân *nói chung!*) ông đã dẫn chứng những sự kiện có liên quan đến các Grossbauer, ông đã dẫn chứng những ý kiến xác nhận sự tiến bộ của người này và sự bần cùng hóa và vô sản hóa của người khác. Ông ta thậm chí còn coi sự hình thành ra "những doanh nghiệp nông dân vững chắc" là một dấu hiệu "cải thiện xã hội" (sic!) (II, 138; xem kết luận chung, tr. 456), làm như thế doanh nghiệp nông dân vững chắc không phải là đồng nghĩa với doanh nghiệp nông dân tư sản, tư bản chủ nghĩa! Mưu toan duy nhất của ông để thoát khỏi lưới mâu thuẫn ấy là lập luận sau đây, một lập luận còn lúng túng hơn nữa: "Cố nhiên, nông dân không phải là một khối thuần nhất: điều đó đã được chứng minh ở trên (chắc hẳn là ông đã chứng minh trong một đoạn lập luận về một chi tiết nhỏ nhặt, như là công việc làm thuê có tính chất công nghiệp của những người làm ruộng?); ở đây đã diễn ra cuộc đấu tranh liên tục giữa khuynh hướng phân hóa và khuynh hướng san bằng;

nhưng phải chăng những sự khác nhau và ngay cả sự đối lập về những quyền lợi riêng lại lớn hơn là sự khác nhau giữa những tầng lớp riêng của giai cấp công nhân, giữa công nhân thành thị và nông thôn, giữa lao động kỹ thuật và không kỹ thuật, giữa những thành viên của hội công liên và những người đứng ngoài tổ chức công đoàn? Chỉ có hoàn toàn không đếm xỉa đến những sự khác nhau ấy trong tầng lớp công nhân (những sự khác nhau ấy lại còn làm cho một số nhà nghiên cứu nào đó phân biệt thêm một tầng lớp thứ năm khác với tầng lớp thứ tư) mới có thể đem đối lập giai cấp công nhân có vẻ thuần nhất với giai cấp nông dân không thuần nhất" (288). Thật là một sự phân tích sâu sắc tuyệt vời! Lẫn lộn sự khác nhau giữa các nghề nghiệp với sự khác nhau giữa các giai cấp, lẫn lộn sự khác nhau trong đời sống hàng ngày với sự khác nhau về địa vị giai cấp trong toàn bộ chế độ sản xuất xã hội, — điều đó minh họa một cách rõ ràng biết chừng nào tính chất hoàn toàn không có nguyên tắc khoa học của bọn "phê phán" theo thời trang* và khuynh hướng thực tiễn của nó nhằm xóa bỏ

* Chúng tôi xin nhắc lại rằng việc dẫn chứng tính chất *có vẻ* thuần nhất của giai cấp công nhân là một luận cứ phổ biến của E. Béc-stanh và của tất cả những người thuộc phái Béc-stanh. Còn về vấn đề "phân hóa" thì ngay trong cuốn "Những ý kiến phê phán", ông Xtơ-ru-vê đã lập luận một cách thâm thúy như sau: có sự phân hóa và có sự san bằng, đối với một nhà nghiên cứu khách quan thì đó là những quá trình có tính chất quan trọng ngang nhau (cũng y như đối với nhà sử học khách quan của Sê-đrin, thì I-di-a-xláp đánh bại I-a-rô-xláp hoặc là I-a-rô-xláp đánh bại I-di-a-xláp, thì cũng thế cả)⁹⁴. Có sự phát triển của kinh tế tiền tệ, nhưng cũng có những hiện tượng quay trở lại nền kinh tế tự nhiên. Có sự phát triển của nền sản xuất công xưởng lớn, nhưng cũng có sự phát triển của chế độ làm công ở nhà theo lối tư bản chủ nghĩa (Bun-ga-cốp, II, 88: "Hausindustrie"¹⁾... chưa phải là gần bị tiêu diệt ở Đức"). Nhà thông thái "khách quan" phải cố gắng gom góp

1) — công nghiệp làm ở nhà

chính ngay cái khái niệm "giai cấp", gạt bỏ chính ngay cái ý niệm về đấu tranh giai cấp. Công nhân nông nghiệp làm được 50 cô-péc một ngày; người mu-gích căn cơ, có thuê người làm công nhật, mỗi ngày kiếm được 1 rúp; công nhân nhà máy ở thủ đô kiếm được 2 rúp một ngày; người chủ một xưởng nhỏ ở tỉnh kiếm được 1 ½ rúp một ngày. Bất kỳ một người công nhân có chút ý thức nào cũng có thể phân biệt được không một chút khó khăn, đại biểu của những "tầng lớp" khác nhau ấy là thuộc về giai cấp nào, hoạt động xã hội của những "tầng lớp" ấy có những khuynh hướng nào. Nhưng đối với những đại biểu của khoa học kinh viện hoặc là đối với bọn "phê phán" hiện đại thì đó lại là một điều huyền thâm mà bọn họ không thể nào lĩnh hội được.

VIII
NHỮNG SỐ LIỆU TỔNG QUÁT
CỦA THỐNG KÊ NÔNG NGHIỆP ĐỨC
VỀ NHỮNG NĂM 1882 VÀ 1895.
VẤN ĐỀ CÁC DOANH NGHIỆP HẠNG VỪA

Sau khi đã xem xét những số liệu chi tiết về kinh tế nông dân, — những số liệu ấy đặc biệt quan trọng đối với chúng ta, vì trung tâm của vấn đề ruộng đất hiện nay chính là những vấn đề về kinh tế nông dân, — bây giờ chúng ta hãy xét sang những số liệu tổng quát của thống kê nông nghiệp Đức và kiểm nghiệm lại những kết luận do bọn "phê phán" đã rút ra từ những số liệu ấy. Chúng tôi dẫn ra một cách tóm tắt những kết quả thống kê chính những năm 1882 và 1895: (xem biểu đồ, tr. 235. — *BT.*)

những sự kiện nhỏ, phân tích "mặt này", "mặt khác", "chuyển (cũng như Vác-nơ của Gơ-tơ⁹⁵) từ sách này sang sách khác, từ tờ này sang tờ khác", mà không may mắn tìm ra được cho mình những quan điểm nhất quán, vạch ra được một khái niệm tổng quát về toàn bộ quá trình nói chung.

Nhóm doanh nghiệp	Số doanh nghiệp (nghìn)		Diện tích nông nghiệp (nghìn ha)		Số tương đối		Số tăng giảm tuyệt đối	
	1882	1895	1882	1895	Doanh nghiệp	Diện tích	Doanh nghiệp	Diện tích
Dưới 2 héc-ta	3 062	3 236	1 826	1 808	58,0	5,6	+ 174	— 18
Từ 2 đến 5 héc-ta	981	1 016	3 190	3 286	18,6	10,1	+ 35	+ 96
Từ 5 đến 20 héc-ta	927	999	9 158	9 722	17,6	29,9	+ 72	+ 564
Từ 20 đến 100 héc-ta	281	282	9 908	9 870	5,3	30,3	+ 1	— 38
Trên 100 héc-ta	25	25	7 787	7 832	0,5	24,1	± 0	+ 45
<i>Tổng số</i>	5 276	5 558	31 869	32 518	100	100	+ 282	+ 649

Do có tình hình thay đổi như thế, cái tình hình mà những người mác-xít và bọn "phê phán" đã giải thích khác nhau, chúng ta cần phải xem xét ba tình huống: sự phát triển về số lượng của những doanh nghiệp nhỏ nhất, sự phát triển của các điền trang lớn, nghĩa là những doanh nghiệp có từ 1.000 héc-ta trở lên mà trong biểu đồ vắn tắt của chúng ta thì xếp cùng loại với tất cả các doanh nghiệp có từ 100 héc-ta trở lên, và cuối cùng, sự phát triển của các doanh nghiệp nông dân hạng vừa (từ 5 đến 20 ha) một sự kiện nổi bật hơn cả và gây ra nhiều tranh luận hơn cả.

Sự phát triển về số lượng của các doanh nghiệp nhỏ nhất nói lên rằng sự nghèo đói và vô sản hoá phát triển rất mạnh, vì tuyệt đại đa số những nghiệp chủ có dưới 2 héc-ta ruộng đất không thể sinh sống thuần tuý bằng nghề làm ruộng mà phải sống dựa vào tiền công, nghĩa là bằng cách làm thuê. Tất nhiên có trường hợp ngoại lệ; nếu trồng những loại cây đặc biệt, trồng nho, làm vườn, trồng những cây công nghiệp có tính chất hàng hoá, trồng trọt chung quanh các thành phố nói chung v.v., thì cũng có thể có những nông dân độc lập (thậm chí đôi khi lại không phải là thuộc hạng nhỏ) mặc dù chỉ có một héc-ta rưỡi đất mà thôi. Nhưng trong tổng số 3 triệu *doanh nghiệp*, thì những ngoại lệ như thế hoàn toàn không đáng kể. Những số liệu thống kê Đức về những nghề nghiệp chủ yếu của nông dân thuộc các nhóm khác nhau đã chỉ rõ rằng cái khối đông đảo những "nông dân" hạng nhỏ ấy (gồm gần 3/5 tổng số nghiệp chủ) là những *công nhân làm thuê*. Đây là tóm tắt những số liệu ấy: (xem biểu đồ, tr. 237. — BT.)

Từ đó chúng ta thấy rằng trong tổng số nông dân Đức chỉ có 45%, tức là *dưới một nửa*, là những nông dân độc lập và lấy nghề nông làm nghề *chính*. Và ngay trong số những nông dân độc lập ấy, thì *một phần năm* (20,1%) còn có thêm những nghề phụ. 17,5% nông dân thì có nghề chính là buôn bán, làm công nghệ, làm nghề trồng rau v. v. ("độc lập", có

Nhóm nông dân	Chủ nông hộ làm nghề nông là nghề <i>chính</i> (%)					Tỷ lệ (%) các chủ nông hộ độc lập có nghề phụ
	Độc lập		Lao động không độc lập	Các nghề khác	Tổng số	
	Nghề nông	Buôn bán và các nghề khác				
Dưới 2 héc-ta	17,4	22,5	50,3	9,8	100	26,1
Từ 2 đến 5 héc-ta	72,2	16,3	8,6	2,9	100	25,5
" 5 " 20 "	90,8	7,0	1,1	1,1	100	15,5
" 20 " 100 "	96,2	2,5	0,2	1,1	100	8,8
Trên 100 héc-ta	93,9	1,5	0,4	4,2	100	23,5
<i>Tổng số</i>	45,0	17,5	31,1	6,4	100	20,1

nghĩa là giữ địa vị làm chủ chứ không phải làm công nhân trong các nghề ấy). *Gần một phần ba* (31,1%) là công nhân làm thuê ("không độc lập" trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp khác nhau). 6,4% nông dân, chủ yếu là có một công vụ (quân đội, công chức v.v.), làm những nghề tự do v.v.. Còn trong số những nông dân có dưới 2 héc-ta, thì *một nửa* là công nhân làm thuê; trong số 3,2 triệu "nghiệp chủ", thì nông dân "độc lập" là một thiểu số nhỏ con, tất cả chỉ có 17,4% tổng số. Và lại ngay trong 17 phần trăm ấy thì *một phần tư* (26,1%) có nghề phụ, nghĩa là họ cũng là những công nhân làm thuê nhưng không phải kể theo nghề chính (như 50,3% nói trên) mà kể theo nghề phụ. Và ngay trong số những nông dân có từ 2 đến 5 héc-ta thì chỉ có quá nửa một chút (546 nghìn trong số 1.016 nghìn) là nông dân độc lập không có nghề phụ nào.

Do đó chúng ta thấy rằng ông Bun-ga-cốp mô tả sự việc một cách sai lầm lạ lùng đến như thế nào khi ông ta khẳng định (một cách sai lầm, như chúng ta đã chứng minh ở trên) rằng tổng số người thực sự làm nghề nông tăng lên và giải

thích điều đó bằng "sự phát triển của các doanh nghiệp độc lập, — như chúng ta đã biết, trước hết là của các doanh nghiệp nông dân hạng vừa trong khi số doanh nghiệp lớn giảm đi" (II, 133). Nếu trong tổng số doanh nghiệp mà phần số doanh nghiệp nông dân hạng vừa tăng lên nhiều hơn cả (từ 17,6% tới 18%, nghĩa là + 0,4%), thì điều đó vẫn hoàn toàn không có nghĩa rằng dân cư nông nghiệp tăng lên trước hết là do các doanh nghiệp nông dân hạng vừa tăng lên. Để trả lời câu hỏi là hạng nào đã góp phần nhiều nhất vào tổng số nghiệp chủ được tăng lên, chúng ta có những số liệu trực tiếp, không thể hiểu theo hai nghĩa được: tổng số các doanh nghiệp tăng thêm 282 nghìn, trong đó số các doanh nghiệp có dưới 2 héc-ta tăng thêm 174 nghìn. Như vậy, dân cư nông nghiệp tăng lên (nếu người ta quan sát được và trong chừng mực người ta quan sát được sự tăng lên đó) chính là do các doanh nghiệp không độc lập tăng lên (bởi vì khối đông đảo các doanh nghiệp có dưới 2 héc-ta ruộng đất là những doanh nghiệp không độc lập). Các doanh nghiệp rất nhỏ tăng lên nhiều hơn cả, điều này có nghĩa là quá trình *vô sản hoá* tăng lên. Ngay cả hiện tượng số lượng các doanh nghiệp có từ 2 đến 5 héc-ta tăng thêm (35 nghìn), chúng ta cũng không có quyền hoàn toàn cho đó là do các doanh nghiệp *độc lập* tăng lên, vì trong số các nghiệp chủ đó thì chỉ có 546 nghìn trong số 1 016 nghìn là nông dân độc lập không có tiền công phụ.

Bước qua vấn đề các doanh nghiệp lớn, trước hết chúng ta phải nêu ra sự kiện tiêu biểu (và rất quan trọng để bác bỏ mọi luận điệu của bọn biện hộ) sau đây: trong các nhóm nông dân khác nhau, việc kết hợp nghề nông với các nghề nghiệp khác có ý nghĩa khác nhau và trái ngược nhau. Đối với nông dân hạng nhỏ, điều đó có nghĩa là vô sản hoá, là giảm tính chất độc lập của người làm nghề nông, bởi vì ở đây kết hợp với nghề làm ruộng còn có những nghề như làm thuê, nghề thủ công nhỏ, buôn bán, v.v.. Đối với những

nông dân hạng lớn, điều đó có nghĩa hoặc là tăng cường ý nghĩa chính trị của chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn do có làm việc phục vụ nhà nước, quân đội, v.v., hoặc là kết hợp nông nghiệp với kinh doanh lâm nghiệp, với các ngành công nghiệp của nông nghiệp. Và, như người ta đã biết, hiện tượng sau cùng ở trên đây là một trong những dấu hiệu đặc trưng nhất của bước tiến có tính chất *tư bản chủ nghĩa* trong nông nghiệp. Vì thế cho nên chúng ta thấy rằng tỉ lệ những người làm nghề nông lấy việc kinh doanh nông nghiệp "độc lập" làm nghề chính của mình (nghĩa là kinh doanh với tư cách nghiệp chủ chứ không phải công nhân), tăng lên rất nhanh, song song với tình hình tăng diện tích của các doanh nghiệp (17 - 72 - 90 - 96%), nhưng trong nhóm doanh nghiệp có từ 100 héc-ta trở lên thì tỉ lệ đó lại sụt xuống còn 93%: trong nhóm này 4,2% nghiệp chủ lấy một công vụ làm nghề chính (mục "các nghề khác"), 0,4% nghiệp chủ lấy lao động "không độc lập" làm nghề chính (đó không phải là những công nhân làm thuê mà là những quản lý, thanh tra, v. v.; xem: "Stat. d. D. R.", 112 B., S. 49*). Chúng ta cũng thấy tỉ lệ những nông dân độc lập có thêm nghề phụ, giảm xuống rất mau song song với tình hình tăng diện tích của các doanh nghiệp (26 - 25 - 15 - 9%), nhưng tỉ lệ đó lại tăng rất mạnh trong số nghiệp chủ có từ 100 héc-ta trở lên (23%).

Còn về số doanh nghiệp lớn (100 héc-ta và >¹⁾) và diện tích đất đai của những doanh nghiệp ấy thì những số liệu dẫn ra ở trên chúng tỏ rằng tỷ trọng của chúng trong tổng số doanh nghiệp cũng như trong tổng số diện tích *càng ngày càng giảm*. Thử hỏi như thế có phải là doanh nghiệp hạng nhỏ và hạng vừa lấn át doanh nghiệp hạng lớn, như lời ông Bun-ga-cốp đã vội vàng kết luận, hay không? Chúng tôi nghĩ rằng không; và nếu ông Bun-ga-cốp có những lời lẽ giận dữ đối với Cau-xky về điểm này thì như thế chỉ chứng

1) — nhiều hơn

tỏ rằng ông không có năng lực bác bỏ về thực chất ý kiến của Cau-xky. Một là, tỷ trọng những doanh nghiệp lớn giảm xuống rất ít (về số lượng doanh nghiệp, giảm từ 0,47% đến 0,45%, nghĩa là giảm đi 0,02 phần trăm, còn về tỷ trọng diện tích thì giảm từ 24,43 đến 24,088%, nghĩa là giảm đi 0,35 phần trăm). Sản xuất theo lối thâm canh thì đôi khi *buộc phải* giảm một chút diện tích; những nghiệp chủ lớn cho thuê những miếng đất nhỏ ở cách xa nơi trung tâm để thuê mướn công nhân, — đó là những hiện tượng mà ai cũng biết. Ở trên kia chúng tôi đã chứng minh rằng người mô tả một cách chi tiết những doanh nghiệp lớn và nhỏ ở miền Đông nước Phổ, đã thẳng thắn công nhận vai trò phụ của chế độ chiếm hữu ruộng đất nhỏ so với chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn, và ông ta hằng hái khuyên nên tạo ra những người công nhân định cư. Hai là, hoàn toàn không thể có vấn đề những doanh nghiệp nhỏ lấn át những doanh nghiệp lớn, chỉ vì lẽ rằng riêng với những số liệu về *diện tích* của các doanh nghiệp thì chưa đủ để phán đoán về *quy mô sản xuất*. Về phương diện ấy, các doanh nghiệp lớn đã có một bước tiến rất lớn; điều đó đã được chứng minh một cách không gì bác bỏ được qua những số liệu về việc sử dụng máy (xem ở trên) và về các ngành công nghiệp của nông nghiệp (ở phần dưới chúng tôi sẽ phân tích riêng những số liệu này, vì ông Bun-ga-cốp đã giải thích một cách hết sức sai lầm những số liệu của thống kê Đức về vấn đề ấy). Ba là, trong nhóm doanh nghiệp có từ 100 héc-ta trở lên thì đặc biệt nổi bật lên là các *điền trang lớn*, tức là những doanh nghiệp có từ 1.000 héc-ta trở lên; thậm chí số lượng những điền trang này đã tăng lên theo một tỉ lệ lớn hơn là số lượng những doanh nghiệp nông dân hạng vừa, tức là từ 515 đến 572, nghĩa là tăng lên 11%, trong khi số doanh nghiệp nông dân hạng vừa tăng từ 926 nghìn lên đến 998 nghìn, nghĩa là tăng lên 7,8%. Diện tích các điền trang lớn *tăng* từ 708 nghìn héc-ta lên đến 802 nghìn, nghĩa là tăng lên 94 nghìn

héc-ta: năm 1882, diện tích ấy bằng 2,22% tổng số diện tích đất canh tác, năm 1895 nó đã bằng 2,46. Những lý lẽ không có căn cứ mà ông Bun-ga-cốp đã dùng để phản đối Cau-xky về điểm đó trong tờ báo "Bước đầu" thì bây giờ lại được ông bổ sung thêm, trong cuốn sách của ông, bằng một câu tổng hợp càng không có căn cứ hơn như sau: "Dấu hiệu, — ông ta viết, — chứng tỏ sự suy sụp của các doanh nghiệp lớn là... các điền trang lớn tăng lên, mặc dù sự tiến bộ của nông nghiệp và việc tăng cường tính chất thâm canh đáng lẽ phải làm cho ruộng đất thêm phân tán" (II, 126); và ông Bun-ga-cốp không chút do dự nói thẳng rằng đó là "sự thoái hóa" của nền kinh doanh đại qui mô "thành điền trang lớn" (!) (II, 190, 363). Các bạn hãy xem "nhà học giả" của chúng ta lập luận một cách lô-gích tuyệt vời như thế nào: *bởi vì* giảm diện tích sản xuất trong điều kiện thâm canh, *một đôi khi* có nghĩa là phát triển sản xuất, *cho nên* tăng số lượng và diện tích các điền trang lớn *nói chung* phải có nghĩa là suy sụp! Nhưng nếu lô-gích tồi như thế thì tại sao lại không cầu cứu đến thống kê? Bởi vì trong nguồn tài liệu mà ông Bun-ga-cốp đã dựa vào đó, chúng ta thấy hàng loạt số liệu về tình hình kinh doanh của các điền trang lớn đó kia mà. Chúng tôi xin dẫn chứng một vài số liệu ấy: năm 1895, 572 doanh nghiệp lớn nhất có một diện tích là 1 159 674 héc-ta, trong đó có 802 nghìn héc-ta đất trồng trọt, 298 nghìn héc-ta rừng (một phần những người chủ điền trang lớn ấy chủ yếu là những nhà khai thác rừng chứ không phải là nhà nông). Nói chung 97,9% trong số đó có nuôi gia súc; 97,7% có nuôi súc vật cày kéo; 555 nghiệp chủ sử dụng các loại máy móc và, như chúng ta đã thấy, trong số đó thì tính đồ đồng mỗi doanh nghiệp thì số trường hợp sử dụng các loại máy móc khác nhau là *số tối đa*: 81 doanh nghiệp sử dụng máy cày chạy bằng hơi nước, nghĩa là 14% tổng số điền trang lớn. Gia súc của các doanh nghiệp đó gồm 148 678 con loại có sừng, 55 591 ngựa, 703 813 cừu, 53 543 lợn. Trong số các

doanh nghiệp đó có 16 doanh nghiệp kết hợp với các nhà máy làm đường, 228 doanh nghiệp kết hợp với các nhà máy làm rượu, 6 doanh nghiệp kết hợp với các nhà máy làm bia, 16 doanh nghiệp kết hợp với các nhà máy làm tinh bột, 64 doanh nghiệp kết hợp với các nhà máy xay. Chúng ta có thể dựa vào những số liệu sau đây mà phán đoán về việc thâm canh: 211 doanh nghiệp trồng củ cải đường (chiếm 26 nghìn héc-ta) và 302 doanh nghiệp trồng khoai để dùng vào việc chế biến công nghiệp. 21 hộ bán sữa vào các thành phố (sữa lấy ở 1 822 con bò cái, nghĩa là cứ mỗi doanh nghiệp có 87 con) và 204 doanh nghiệp thì tham gia vào các hợp tác xã sữa (với 18 273 con bò — mỗi doanh nghiệp 89 con). Điều đó giống một "sự thoái hóa thành điền trang lớn" biết chừng nào, phải không?

Chúng ta bàn sang vấn đề các doanh nghiệp nông dân hạng vừa (5 - 20 héc-ta). Cái tỷ trọng của những doanh nghiệp đó trong tổng số doanh nghiệp đã tăng từ 17,6% đến 18,0% (+ 0,4%), và trong tổng số diện tích thì tăng từ 28,7% đến 29,9% (+1,2%). Hoàn toàn tự nhiên là tất cả những bọn "phá hoại chủ nghĩa Mác" đều lấy những số liệu đó làm những con chủ bài chính của họ. Từ đó, ông Bun-ga-cốp đã rút ra kết luận cho rằng "doanh nghiệp nhỏ lấn át doanh nghiệp lớn" và có "khuynh hướng phân tán", v. v., v. v.. Ở trên kia chúng tôi đã chứng minh rằng, chính khi nói "về nông dân", những số liệu chung là đặc biệt không thể sử dụng được và đặc biệt có thể làm cho người ta lầm lẫn: chính ở đây quá trình hình thành của các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa nhỏ và "sự tiến bộ" của giai cấp tư sản nông thôn, có thể che lấp dễ dàng hơn hết tình trạng vô sản hóa và bần cùng hóa của đa số. Nhưng nếu nói chung, trong toàn bộ nền nông nghiệp Đức, chúng ta nhận thấy một mặt có sự phát triển hiển nhiên của kinh tế tư bản chủ nghĩa lớn, (sự phát triển các điền trang lớn, sự phát triển việc sử dụng máy móc và các ngành công nghiệp của nông nghiệp) và mặt khác, có

sự tăng cường hiển nhiên hơn nữa tình trạng vô sản hóa và bần cùng hóa (người ta bỏ nông thôn đi ra các thành phố, ruộng đất ngày càng thêm phân tán, con số các doanh nghiệp rất nhỏ ngày càng tăng, lao động làm thuê phụ tăng lên, tình trạng ăn uống của những nông dân nhỏ ngày càng kém sút, vãn vãn), — thì thật là không có lẽ nào và không có thể nào mà những quá trình ấy lại không xảy ra trong "nông dân". Và lại những số liệu chi tiết đã nói lên quá trình đó một cách hoàn toàn rõ ràng và đã xác nhận ý kiến cho là nếu trong trường hợp ấy mà chỉ có thống kê về diện tích thì hoàn toàn chưa đủ. Vì thế Cau-xky hoàn toàn có lý khi, căn cứ vào tình hình chung của sự phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp Đức, ông đã kết luận rằng: nếu từ những số liệu ấy mà kết luận rằng sản xuất nhỏ sẽ thắng sản xuất lớn, thì như thế là không có căn cứ.

Tuy nhiên, có rất nhiều số liệu trực tiếp chứng tỏ rằng số "doanh nghiệp nông dân hạng vừa" tăng lên có nghĩa là *túng thiếu tăng lên*, chứ không phải là sự sung túc và phúc lợi được tăng lên. Đó chính là những số liệu về súc vật cày kéo mà ông Bun-ga-cốp đã xử lý một cách hết sức vụng về cả trong tờ "Bước đầu" lẫn trong cuốn sách của ông. Khi khẳng định về sự tiến bộ của các doanh nghiệp hạng vừa và sự suy sụp của các doanh nghiệp lớn, ông Bun-ga-cốp đã viết rằng: "Nếu còn cần phải chứng minh thêm điều đó nữa thì ngoài cái dấu hiệu số lượng súc lao động ra, người ta còn có thể kể thêm cái dấu hiệu sự có mặt của đàn súc vật cày kéo. Đây là một đồ biểu rất hùng hồn": (xem biểu đồ, tr. 244. — BT.)

"Số lượng doanh nghiệp có gia súc cày kéo, cũng giảm như nhau trong các doanh nghiệp lớn và nhỏ, và chỉ tăng lên trong các doanh nghiệp hạng vừa mà thôi" (tạp chí "Bước đầu", số 1, tr. 20).

* Chúng tôi chép lại nguyên văn đồ biểu mà ông Bun-ga-cốp dẫn ra và chỉ thêm vào những số tổng cộng trước kia không có.

	Số lượng các xí nghiệp có gia súc để làm công việc đồng áng		Chênh lệch
	1882	1895	
Từ 0 đến 2 héc - ta	325 005	306 340	— 18.665
" 2 " 5 "	733 967	725 584	— 8.383
" 5 " 20 "	894 696	925 103	+ 30.407
" 20 " 100 "	279 284	275 220	— 4.064
" 100 héc - ta trở lên	24 845	24 485	— 360
<i>Tổng số...</i>	2.257.797	2.256.732	— 1.065

Người ta còn có thể tha thứ được ông Bun-ga-cốp không nhận thấy sai lầm trong một bài báo viết vội vàng, cái sai lầm khiến ông ta rút từ những số liệu về súc vật cày kéo ấy một kết luận *đúng là trái ngược* với điều mà những số liệu ấy muốn nói lên; nhưng "nhà học giả nghiêm túc" của chúng ta cũng lặp lại sai lầm ấy cả trong công trình nghiên cứu của mình (t. II, tr. 127, ngoài ra, trong trang này, những con số + 30.407 và - 360 lại được kể là số đầu gia súc, trong khi đó thì chúng là số những doanh nghiệp có sử dụng gia súc lao động; nhưng dĩ nhiên, đó là một điều nhỏ nhặt).

Chúng tôi xin hỏi "nhà học giả nghiêm túc" của chúng ta, người đã cả gan nói đến "sự thoái hóa của doanh nghiệp lớn" (II, 127): số doanh nghiệp nông dân hạng vừa có súc vật cày kéo, tăng thêm 30 nghìn, điều đó có ý nghĩa thế nào khi mà *tổng số* doanh nghiệp nông dân hạng vừa tăng thêm 72 nghìn (II, 124)? Điều đó há chẳng nói lên một cách rõ ràng rằng *tỷ số phần trăm* các doanh nghiệp nông dân hạng vừa có súc vật cày kéo, đã *giảm xuống* hay sao? Nếu quả như thế thì há không nên nhìn qua xem là vào những năm 1882 và 1895 thì *tỷ số phần trăm* các nhóm doanh nghiệp khác nhau có nuôi gia súc là *bao nhiêu*, — nhất là vì những số liệu ấy đã được dẫn ra chính ngay trong trang và trong biểu đồ mà ông Bun-ga-cốp đã trích ra những con số tuyệt đối ("Stat. d. D. R.", 112 B., S. 31*).

Đây là những số liệu ấy:

	Tỷ lệ các doanh nghiệp có súc vật cày kéo		Chênh lệch
	1882	1895	
Từ 0 đến 2 héc-ta	10,61	9,46	— 1,15
" 2 " 5 "	74,79	71,39	— 3,40
" 5 " 20 "	96,56	92,62	— 3,94
" 20 " 100 "	99,21	97,68	— 1,53
" 100 héc-ta trở lên	99,42	97,70	— 1,72
<i>Tổng số...</i>	42,79	40,60	— 2,19

Như thế là, *nói chung*, tỷ lệ các doanh nghiệp có súc vật cày kéo đã giảm xuống trên hai phần trăm; và lại trong các doanh nghiệp hạng nhỏ và hạng vừa thì mức giảm ấy *ở trên mức trung bình*, trong các doanh nghiệp lớn thì *ở dưới mức trung bình**. Ngoài ra, cũng không nên quên rằng "chính ở trong các doanh nghiệp lớn, thay vào súc gia súc, người ta thường sử dụng súc cơ giới như máy móc các loại nói chung và máy móc chạy bằng hơi nước nói riêng (máy cày chạy bằng hơi nước v. v.)" ("Stat. d. D. R.", 112 B., S. 32*). Vì thế cho nên nếu trong số các doanh nghiệp lớn (từ 110 héc-ta trở lên), số các doanh nghiệp có súc vật cày

* Mức giảm sút thấp nhất là ở trong các doanh nghiệp nhỏ nhất, trong số đó rất ít doanh nghiệp có nuôi súc vật cày kéo; sau này chúng ta sẽ thấy rằng chính ở trong các doanh nghiệp này (và chỉ có ở trong các doanh nghiệp này) cơ cấu của đàn gia súc cày kéo cũng được cải tiến, nghĩa là họ nuôi ngựa và bò đực tương đối nhiều hơn và nuôi bò cái tương đối ít hơn. Như các tác giả của bản điều tra ở nước Đức (S. 32*) đã nhận xét một cách đúng đắn, điều đó chứng tỏ rõ ràng rằng, những chủ các khoảnh đất nhỏ nhất nuôi gia súc không phải chỉ để dùng vào việc trồng trọt, mà còn để dùng vào "các công việc làm thuê bên ngoài". Vì thế cho nên trong vấn đề súc vật cày kéo, nói chung, nếu ta tính cả các doanh nghiệp rất nhỏ thì không đúng, vì các doanh nghiệp ấy ở trong những điều kiện hoàn toàn đặc biệt.

kéo giảm mất 360, và đồng thời số doanh nghiệp sử dụng máy cày chạy bằng hơi nước *tăng lên 615* (năm 1882 là 710 và năm 1895 là 1.325), thì như thế rõ ràng là nói chung và nói về toàn bộ, những doanh nghiệp lớn không những không bị thiệt mà lại còn được lợi. Do đó chúng ta rút ra được kết luận là cái nhóm nông dân Đức duy nhất hiển nhiên đã *cải tiến* điều kiện sản xuất (về phương diện sử dụng gia súc để làm công việc đồng áng hay là dùng hơi nước để thay thế gia súc), ấy là những doanh nghiệp chủ *lớn*, có từ 100 héc-ta trở lên. Còn trong tất cả các nhóm khác, điều kiện sản xuất sút kém, và *sút kém hơn cả chính là ở trong nhóm các doanh nghiệp nông dân hạng vừa*: trong nhóm này tỷ số phần trăm các nông hộ có gia súc cày kéo giảm *nhều hơn cả*. Chênh lệch giữa các doanh nghiệp hạng lớn (100 héc-ta trở lên) và các doanh nghiệp hạng vừa (từ 5 đến 20 héc-ta) về tỷ số phần trăm doanh nghiệp có súc vật cày kéo, trước kia là dưới ba phần trăm (99,42 - 96,56), bây giờ là trên năm phần trăm (97,70 - 92,62).

Những số liệu về thành phần của đàn súc vật cày kéo lại củng cố thêm kết luận ấy rất nhiều. Doanh nghiệp càng nhỏ thì thành phần của đàn súc vật cày kéo càng tồi hơn: trong công việc đồng áng người ta tương đối càng ít sử dụng bò đực và ngựa và càng sử dụng nhiều *bò cái* yếu hơn rất nhiều. Đây là những số liệu nói lên tình hình vấn đề ấy trong những năm 1882 và 1895:

Cứ 100 doanh nghiệp có gia súc để làm công việc đồng áng, thì người ta sử dụng: (xem biểu đồ, tr. 247. — BT.).

Chúng ta thấy có sự giảm sút chung về thành phần của đàn súc vật cày kéo (vì nguyên nhân đã nói ở trên, ta không kể các doanh nghiệp rất nhỏ) và *sự kém nhiều hơn hết ở chính trong nhóm các doanh nghiệp nông dân hạng vừa*. Trong số những doanh nghiệp có gia súc cày kéo của nhóm này, tăng *nhều hơn hết* là tỷ số những doanh nghiệp bắt buộc phải sử dụng *cả bò cái* để làm công việc đồng áng, và những

	Dùng toàn bò cái			Dùng bò cái đồng thời dùng cả ngựa hoặc bò đực		
	1882	1895		1882	1895	
Từ 0 đến 2 héc-ta	83,74	82,10	— 1,64	85,21	83,95	— 1,26
" 2 " 5 "	68,29	69,42	+ 1,13	72,95	74,93	+ 1,98
" 5 " 20 "	18,49	20,30	+ 1,81	29,71	34,75	+ 5,04
" 20 " 100 "	0,25	0,28	+ 0,03	3,42	6,02	+ 2,60
" 100 héc-ta trở lên	0,00	0,03	+ 0,03	0,25	1,40	+ 1,15
<i>Tổng số...</i>	41,61	41,82	+ 0,21	48,18	50,48	+ 2,30

doanh nghiệp có thể *chỉ* sử dụng *toàn bò cái* để làm công việc đồng áng. Hiện nay trên một phần ba doanh nghiệp nông dân hạng vừa có gia súc lao động đã bắt buộc phải dùng bò cái để làm công việc đồng áng (tất nhiên điều đó đã làm cho chất lượng cày bừa kém hơn và kết quả là thu hoạch và khả năng cung cấp sữa của bò bị giảm sút), và trên một phần năm có thể chỉ sử dụng toàn bộ bò cái để làm công việc đồng áng.

Nếu chúng ta xét số lượng gia súc sử dụng vào công việc đồng áng thì chúng ta sẽ thấy rằng trong tất cả các nhóm (trừ các doanh nghiệp rất nhỏ) số lượng bò cái tăng lên. Còn số lượng ngựa và bò đực thay đổi như sau:

*Số lượng (đơn vị là 1.000 con)
ngựa và bò đực sử dụng vào công việc đồng áng*

	1882	1895	Chênh lệch
Từ 0 đến 2 héc-ta	62,9	69,4	+ 6,5
" 2 " 5 "	308,3	302,3	— 6,0
" 5 " 20 "	1.437,4	1.430,5	— 6,9
" 20 " 100 "	1.168,5	1.155,4	— 13,1
" 100 héc-ta trở lên	650,5	695,2	+ 44,7
<i>Tổng số...</i>	3.627,6	3.652,8	+ 25,2

Nếu không kể các doanh nghiệp rất nhỏ thì *chỉ* trong các doanh nghiệp lớn người ta mới thấy đàn súc vật cày kéo chính cống tăng lên.

Do đó, kết luận chung về việc thay đổi điều kiện kinh doanh về phương diện sử dụng súc gia súc và súc cơ giới vào công việc đồng áng như sau: chỉ trong các doanh nghiệp lớn mới có *sự cải tiến*, trong các nhóm khác thì tụt đi, và tụt đi *nhều nhất là trong các doanh nghiệp nông dân hạng vừa*.

Thứ nữa, những số liệu về năm 1895 cho phép chúng ta chia toàn bộ nhóm doanh nghiệp nông dân hạng vừa ra hai nhóm nhỏ: từ 5 đến 10 héc-ta và từ 10 đến 20 héc-ta. Đúng theo lô-gích, trong nhóm nhỏ thứ nhất (về số lượng doanh nghiệp, nhóm nhỏ này đông hơn nhiều) điều kiện kinh doanh về phương diện sử dụng súc vật cày kéo kém hơn nhiều. Trong số 606 nghìn người có từ 5 đến 10 héc-ta, thì 90,5% có súc vật cày kéo (trong số 393 nghìn người có từ 10 đến 20 héc-ta, thì 95,8% có súc vật cày kéo), và trong số này thì 46,3% sử dụng bò cái để làm công việc đồng áng (17,9% trong nhóm nhỏ có từ 10 đến 20 héc-ta); 41,3% chỉ sử dụng toàn bò cái (4,2% trong nhóm nhỏ có từ 10 đến 20 héc-ta). Và hóa ra chính cái nhóm nhỏ có từ 5 đến 10 héc-ta ấy, đặc biệt thua sút về mặt sử dụng súc vật cày kéo, *lại tăng nhiều hơn hết* về số lượng doanh nghiệp cũng như về diện tích, từ năm 1882 đến 1895. Đây là những số liệu về các phương diện ấy:

Tỷ lệ phần trăm so với tổng số

	doanh nghiệp		toàn bộ diện tích		diện tích cày cấy	
	1882	1895	1882	1895	1882	1895
5 đến 10 héc-ta	10,50	10,90 + 0,40	11,90	12,37 + 0,47	12,26	13,02 + 0,76
10 " 20 "	7,06	7,07 + 0,01	16,70	16,59 - 0,11	16,48	16,88 + 0,40

Trong nhóm có từ 10 đến 20 héc-ta, số lượng doanh nghiệp tăng lên một cách hoàn toàn không đáng kể; tỷ trọng của họ trong toàn bộ diện tích thậm chí lại giảm đi, còn tỷ trọng của họ trong diện tích cày cấy tăng lên rất ít so với những doanh nghiệp có từ 5 đến 10 héc-ta. Như thế là những doanh nghiệp nông dân hạng vừa tăng lên chủ yếu (có phần thậm chí là hoàn toàn) là ở trong nhóm có từ 5 đến 10 héc-ta, nghĩa là trong nhóm mà điều kiện kinh doanh về mặt sử dụng súc vật cày kéo, đặc biệt kém.

Như vậy, chúng ta thấy rằng thống kê đã xác định một cách không ai có thể chối cãi được ý nghĩa thực sự của cái gọi là sự tăng số lượng những doanh nghiệp nông dân hạng vừa: đó không phải là sự sung túc tăng lên mà là *sự tụt thiếu tăng lên*, đó là *sự suy sụp* chứ không phải là sự tiến bộ của nông nghiệp nhỏ. Nếu những điều kiện kinh doanh của những doanh nghiệp nông dân hạng vừa tụt đi *nhều hơn cả*, nếu những doanh nghiệp ấy phải mở rộng hơn ai hết việc sử dụng bò cái để làm công việc đồng áng, thì chỉ nguyên từ cái phương diện kinh doanh ấy (một trong những phương diện quan trọng nhất của kinh doanh nói chung), chúng ta cũng đã không những có quyền mà còn bắt buộc phải rút ra một kết luận chung về tất cả mọi mặt kinh doanh khác. Nếu số lượng những người không có ngựa (chúng tôi dùng một danh từ quen thuộc đối với các bạn đọc người Nga và hoàn toàn có thể áp dụng vào trường hợp này) tăng lên, nếu thành phần của đàn súc vật cày kéo tụt đi, thì không có thể nghi ngờ một chút nào rằng việc nuôi dưỡng gia súc nói chung, việc chăm bón cây bừa đất đai, việc ăn uống và điều kiện sinh sống của người làm ruộng cũng tụt đi vì, như tất cả mọi người đều biết, trong việc kinh doanh của người nông dân, gia súc càng nuôi dưỡng kém bao nhiêu và làm việc càng nặng nề bao nhiêu thì con người sinh sống cũng kém bấy nhiêu, và làm việc cũng nặng nề bấy nhiêu, và ngược lại. Những kết luận mà chúng tôi đã rút ra ở trên

từ công trình nghiên cứu tỉ mỉ của Klawki, đã hoàn toàn được xác nhận bởi rất nhiều số liệu về tất cả những doanh nghiệp nông dân hạng nhỏ ở Đức.

IX
NGHỀ LÀM SỮA VÀ
CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP Ở ĐỨC.
DÂN CƯ NÔNG NGHIỆP Ở ĐỨC PHÂN CHIA
THEO ĐỊA VỊ KINH TẾ

Chúng tôi đã xét một cách tỉ mỉ như thế những số liệu về súc vật cày kéo, vì đó là những số liệu duy nhất (ngoài những số liệu về máy móc mà chúng tôi đã phân tích ở trên kia) cho phép chúng ta nhìn sâu vào cái gọi là nội tình kinh doanh, vào các thiết bị kinh doanh và cách thức tổ chức của nó. Tất cả những số liệu khác — về số lượng ruộng đất (mà chúng tôi đã dẫn), về số lượng gia súc (mà chúng tôi sắp dẫn ra) — chỉ mô tả cái bề ngoài của kinh doanh, đem đồ đồng những cái rõ ràng là không bằng nhau, vì trong các doanh nghiệp khác nhau, việc chăm bón cày bừa ruộng đất, và do đó, năng suất ruộng đất, chất lượng đàn gia súc và năng suất của gia súc, đều khác nhau. Mặc dù sự chênh lệch ấy là một sự thật mà mọi người đều biết cả, nhưng trong các tính toán thống kê chung, người ta lại thường quên sự chênh lệch ấy đi, cho nên chỉ có những số liệu về máy móc và súc vật cày kéo mới cho phép chúng ta trong phạm vi nào đó tính được sự chênh lệch đó và chỉ rõ sự chênh lệch đó (nói chung và về toàn bộ) có lợi cho ai. Nếu những doanh nghiệp hạng lớn sử dụng nhiều hơn những máy móc đặc biệt phức tạp và đắt tiền là những thứ duy nhất được thống kê tính đến, thì rõ ràng là tất cả những công cụ khác mà thống kê không nói đến (cày, bừa, xe ngựa bốn bánh, v. v.), thì ở các doanh nghiệp lớn đều thuộc hạng tốt hơn, có

đầy đủ hơn ở trong từng doanh nghiệp và được sử dụng đầy đủ hơn (vì quy mô doanh nghiệp lớn hơn). Về các súc vật cày kéo cũng vậy. Muốn đối phó với những ưu thế đó của các doanh nghiệp lớn, nhà nghiệp chủ nhỏ tất nhiên phải cần cù và tiết kiệm (họ không có vũ khí nào khác để đấu tranh sinh sống), cho nên những đức tính ấy không phải là ngẫu nhiên, mà luôn luôn và bao giờ cũng là đặc điểm tất nhiên của người tiểu nông trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Nhà kinh tế học tư sản (và bọn "phê phán" hiện đại, tức là những kẻ theo đuôi họ trong vấn đề này cũng như trong tất cả các vấn đề khác) gọi điều đó là đức tính tiết kiệm, chịu đựng v. v. (xem Hê-khơ và Bun-ga-cốp) và cho đó là công lao của người nông dân. Nhà xã hội chủ nghĩa gọi đó là lao động quá sức (Ueberarbeit) và tiêu dùng không đủ mức (Unterkonsumption) và cho đó là tội lỗi của chủ nghĩa tư bản; họ ra sức làm cho người nông dân thấy rõ tất cả tính chất giả dối của những bài diễn văn theo kiểu Ma-ni-lốp đã gọi một sự nhục nhã về mặt xã hội là một đức tính và do đó đã cố gắng làm cho sự nhục nhã đó trở thành vĩnh viễn.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang những số liệu về việc phân phối gia súc giữa các nhóm người Đức làm ruộng trong hai năm 1882 và 1895. Đây là những kết quả chủ yếu của những số liệu đó: (xem biểu đồ, tr. 252. — *BT.*)

Như thế là trong tổng số gia súc, tỷ trọng của các doanh nghiệp lớn đã giảm đi, tỷ trọng của các doanh nghiệp nông dân hạng vừa đã tăng lên nhiều hơn cả. Chúng tôi nói về số lượng của toàn bộ gia súc, mặc dầu những số liệu ấy nói về giá trị, nguyên nhân là vì các nhà thống kê đã cho mỗi đầu gia súc trong các nhóm khác nhau một giá trị ngang nhau, điều đó rõ ràng là không đúng. Những số liệu về giá trị, trong khi cho phép ta có thể cộng các loại gia súc khác nhau (chúng ta cũng có thể đạt được kết quả ấy bằng cách tính chuyển gia súc thành gia súc lớn, nhưng điều

Những con số so sánh:

	Toàn bộ gia súc (theo giá trị)			Gia súc có sừng			Lợn		
	1882	1895	±	1882	1895	±	1882	1895	±
Từ 0 đến 2 ha . . .	9,3	9,4	+0,1	10,5	8,3	-2,2	24,7	25,6	+0,9
" 2 " 5 " . . .	13,1	13,5	+0,4	16,9	16,4	-0,5	17,6	17,2	-0,4
" 5 " 20 " . . .	33,3	34,2	+0,9	35,7	36,5	+0,8	31,4	31,1	-0,3
" 20 " 100 " . . .	29,5	28,8	-0,7	27,0	27,3	+0,3	20,6	19,6	-1,0
" 100 ha trở lên . . .	14,8	14,1	-0,7	9,9	11,5	+1,6	5,7	6,5	+0,8
<i>Tổng số</i> . . .	100	100	—	100	100	—	100	100	—

đó đòi hỏi chúng ta phải tính toán lại và không thể làm cho những kết luận thay đổi) thì đồng thời cũng nói lên chính sự phân phối toàn bộ súc vật cày kéo theo số lượng chứ không phải theo giá trị thực tế. Vì gia súc của các doanh nghiệp lớn tốt hơn gia súc của các doanh nghiệp nhỏ và chắc là càng ngày càng tốt hơn (xét căn cứ theo việc cải tiến các nông cụ), cho nên những số liệu ấy trong một mức độ rất lớn, đã làm giảm tính ưu việt thực tế của doanh nghiệp lớn.

Còn đối với từng loại gia súc, thì cần nêu ra rằng tỷ trọng của doanh nghiệp lớn sẽ giảm xuống là hoàn toàn do việc chăn nuôi cừu để bán bị suy sụp: từ 1882 đến 1895, số lượng cừu giảm từ 21,1 triệu xuống 12,6 triệu, nghĩa là giảm mất 8,5 triệu, mà trong tổng số giảm đó thì 7 triệu là ở các doanh nghiệp có từ 20 héc-ta trở lên. Như mọi người đều biết, trong số những ngành chăn nuôi có tính chất

thương mại đang phát triển ở Đức thì đặc biệt kể vào đây ngành chăn nuôi lấy sữa và thịt. Vì thế cho nên chúng tôi lấy những số liệu về gia súc có sừng và lợn, và do đó thấy rằng trong cả hai ngành chăn nuôi này, doanh nghiệp hạng lớn (100 héc-ta và >) tiến *nhều hơn cả*: trong tổng số gia súc có sừng và lợn, tỷ trọng của doanh nghiệp hạng lớn tăng nhiều hơn cả. Sự kiện đó càng đáng chú ý vì quy mô các doanh nghiệp làm nghề chăn nuôi thường thường nhỏ hơn quy mô các doanh nghiệp làm nghề trồng trọt và vì thế người ta có thể dự tính là không phải các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng lớn, mà chính là các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng vừa sẽ phát triển mau hơn. Kết luận chung (về mặt số lượng chứ không phải về mặt chất lượng gia súc) phải như sau: do việc chăn nuôi cừu để bán bị suy sụp mạnh nên những nghiệp chủ lớn bị thiệt hại nhiều hơn, và họ không thủ tiêu được cái thiệt đó mà chỉ làm cho nó bớt đi phần nào bằng cách tăng cường việc chăn nuôi gia súc có sừng và lợn (so với các doanh nghiệp hạng nhỏ và hạng vừa).

Nói về việc chăn nuôi để lấy sữa, chúng tôi không thể bỏ qua những số liệu của thống kê Đức về vấn đề này hết sức bổ ích và, theo chúng tôi được biết, chưa được sử dụng. Nhưng điều đó lại thuộc về vấn đề chung là kết hợp nền sản xuất công nghiệp với nông nghiệp, và chúng tôi cần phải dừng lại ở vấn đề này, vì một lần nữa ông Bun-ga-cốp đã xuyên tạc sự thật một cách kỳ quặc. Như mọi người đều biết, sự kết hợp công nghiệp chế biến nông sản phẩm với nông nghiệp là một trong những dấu hiệu nổi bật nhất của riêng sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp. Ngay trong tờ "Bước đầu", ông Bun-ga-cốp đã tuyên bố: "Theo ý tôi thì Cau-xky đã thổi phồng đến cực độ ý nghĩa của việc kết hợp đó: theo các số liệu thống kê thì số ruộng đất được kết hợp với công nghiệp theo kiểu đó, hoàn toàn không đáng kể" (số 3, tr. 32). Đó là một lý do rất yếu ớt bởi vì ông Bun-ga-cốp không dám phủ nhận rằng sự kết

hợp đó là một sự tiến bộ về mặt kỹ thuật và ông hoàn toàn làm lơ đối với vấn đề quan trọng nhất là: tiểu sản xuất hay đại sản xuất tiêu biểu cho sự tiến bộ ấy. Vì thống kê đã trả lời câu hỏi đó một cách hoàn toàn rõ ràng cho nên trong cuốn sách của ông, ông Bun-ga-cốp đã lao vào con đường... sit venia verbo!...¹⁾ lấu cá. Ông dẫn ra tỷ lệ những doanh nghiệp (toàn bộ những doanh nghiệp nói chung, chứ không phải chia theo nhóm!) có kết hợp với một ngành sản xuất công nghiệp này hay một ngành sản xuất công nghiệp khác, và ông nhận xét: "Không nên nghĩ rằng những ngành sản xuất công nghiệp đó kết hợp chủ yếu là với các doanh nghiệp hạng lớn" (II, 116). Trái hẳn lại, thưa ngài giáo sư tôn kính nhất ạ: chính là ta nên nghĩ như thế và cái biểu đồ nhỏ của ngài (biểu đồ này không nêu ra tỷ lệ các doanh nghiệp có kết hợp với sản xuất công nghiệp so với tổng số doanh nghiệp của nhóm đó) chỉ lừa gạt được những bạn đọc nào không thông thạo hoặc không chú ý. (Để khỏi bôi đặc các trang giấy bằng những con số), chúng tôi xin dẫn ra con số những doanh nghiệp có kết hợp với các nhà máy làm đường, rượu vang, tinh bột, rượu bia và các nhà máy xay (do đó, nó cho ta con số *những trường hợp* các doanh nghiệp làm nghề nông có kết hợp với sản xuất công nghiệp) và chúng ta có một biểu đồ như sau: (xem biểu đồ, tr. 255. — BT).

Như vậy, trong nhóm doanh nghiệp hạng nhỏ thì tỷ lệ những doanh nghiệp có kết hợp với sản xuất công nghiệp là không đáng kể, và chỉ trong nhóm doanh nghiệp hạng lớn thì tỷ lệ đó mới đạt được mức đáng kể (và đạt được một mức to lớn ở trong các điền trang lớn, hơn một nửa những điền trang này được hưởng lợi ích của sự kết hợp ấy). Nếu chúng ta đem đối chiếu việc ấy với những số liệu đã dẫn ra ở trên về các máy móc và súc vật cày kéo, thì bạn đọc sẽ hiểu tính chất huênh hoang vô lý của những câu

1) — xin mạn phép mà nói!

	Tổng số doanh nghiệp	Số lượng những trường hợp có kết hợp với sản xuất công nghiệp	% ⁹⁶
Từ 0 đến 2 héc-ta	3.236.367	11.364	0,35
" 2 " 5 "	1.016.318	13.542	1,33
" 5 " 20 "	998.804	25.879	2,59
" 20 " 100 "	281.767	8.273	2,97
" 100 héc-ta trở lên	25.061	4.006	15,98
<i>Tổng số</i>	5.558.317	63.064	1,14
Doanh nghiệp có từ 1.000 héc-ta trở lên	572	330	57,69

nói của ông Bun-ga-cốp về "ảo tưởng" của những người mác-xít "thủ cựu" cho rằng "doanh nghiệp lớn tiêu biểu cho tiến bộ kinh tế còn doanh nghiệp nhỏ thì tiêu biểu cho sự thoái bộ" (II, 260).

Ông Bun-ga-cốp tiếp tục: "Tối đại đa số số lượng (củ cải đường và khoai tây để nấu rượu) được sản xuất ở trong các doanh nghiệp nhỏ".

Trái hẳn lại: *chính là ở trong các doanh nghiệp lớn*: (xem biểu đồ, tr. 256. — BT).

Như thế lại một lần nữa, chúng tỏ rằng tỷ số phần trăm những doanh nghiệp trồng củ cải đường và khoai tây dùng cho công nghiệp chế biến, hoàn toàn không đáng kể trong các doanh nghiệp nhỏ, khá cao trong các doanh nghiệp lớn và rất cao trong các điền trang lớn. Tối đại đa số số lượng củ cải đường (83,7% nếu căn cứ vào diện tích trồng củ cải đường mà xét) đều được sản xuất trong các doanh nghiệp lớn*.

* Sự thất bại... hoàn toàn của những lời khẳng định của ông Bun-ga-cốp về sản xuất công nghiệp thật là kỳ quặc đến nỗi chúng tôi buộc

	Số doanh nghiệp trồng củ cải đường	% so với tổng số doanh nghiệp	Diện tích trồng củ cải đường (tính bằng héc-ta)	%	Số doanh nghiệp trồng khoai tây dùng vào công nghiệp chế biến	% so với tổng số doanh nghiệp
Từ 0 đến 2 héc-ta . .	10.781	0,33	3.781	1,0	565	0,01
" 2 " 5 " . . .	21.413	2,10	12.693	3,2	947	0,09
" 5 " 20 " . . .	47.145	4,72	48.213	12,1	3.023	0,30
" 20 " 100 " . . .	26.643	9,45	97.782	24,7	4.293	1,52
" 100 héc-ta trở lên .	7.262	28,98	233.820	59,0	5.195	20,72
<i>Tổng số</i> . . .	113.244	2,03	396.289	100	14.023	0,25
Doanh nghiệp có từ 1.000 héc-ta trở lên	211	36,88	26.127	—	302	52,79

Ông Bun-ga-cốp cũng hoàn toàn không hiểu được "cái tỷ trọng của doanh nghiệp lớn" trong ngành sản xuất sữa (II, 117), còn ngành chăn nuôi có tính chất thương mại này là một trong những ngành phát triển đặc biệt nhanh chóng

phải nêu rõ câu hỏi: có phải số dĩ có sự thất bại đó là vì khi dẫn ra những biểu đồ của thống kê Đức, ông Bun-ga-cốp đã *không nhận thấy* rằng trong các biểu đồ ấy người ta đã đưa ra một tỷ lệ phần trăm số những doanh nghiệp có kết hợp với sản xuất công nghiệp, *hoàn toàn không phải là so với tổng số doanh nghiệp của nhóm đó*, hay không? Một mặt thì khó mà tưởng tượng được rằng trong "công trình nghiên cứu" của một nhà học giả nghiêm túc, lại có nhiều sơ sót như thế được (kèm theo một loạt kết luận tự phụ). Mặt khác, các biểu đồ của ông Bun-ga-cốp chính là các biểu đồ của bản điều tra (S. 40* và 41*), đó là điều không thể nghi ngờ gì được cả... ô, thật là những "nhà học giả nghiêm túc"!

ở khắp châu Âu và cũng là một trong những dấu hiệu của tiến bộ về nông nghiệp. Đây là những số liệu về các doanh nghiệp có bán sữa và các sản phẩm sữa trong các thành phố:

	Số lượng các doanh nghiệp thuộc loại ấy	% so với tổng số*	% so với tổng số các doanh nghiệp trong nhóm	Số lượng bò cái trong các doanh nghiệp ấy	% so với tổng số	Số bò bình quân trong mỗi doanh nghiệp
Từ 0 đến 2 héc-ta. . .	8.998	21,46	0,3	25.028	11,59	2,8
" 2 " 5 "	11.049	26,35	1,1	30.275	14,03	2,7
" 5 " 20 "	15.344	36,59	1,5	70.916	32,85	4,6
" 20 " 100 "	5.676	13,54	2,0	58.439	27,07	10,3
" 100 héc-ta trở lên. . .	863	2,06	3,4	31.213	14,46	36,1
<i>Tổng số</i> . . .	41.930	100,0	0,8	215.871	100	5,1
Doanh nghiệp có từ 1.000 héc-ta trở lên . . .	21	—	3,7	1.822	—	87,0

Như thế là cả ở đây nữa, các doanh nghiệp lớn đứng đầu: doanh nghiệp càng lớn thì tỷ số phần trăm các nghiệp chủ nông thôn tham gia việc buôn bán sữa càng lớn, và trong

* Chúng tôi nêu cột này ra đây để bạn đọc có thể hình dung được một cách rõ ràng những thủ đoạn của ông Bun-ga-cốp, vì ông chỉ dựa vào cột này (rút trong bản điều tra) để chứng thực những lời kết luận của ông mà thôi!

các điền trang lớn thì tỷ lệ đó cao hơn cả ("sự thoái hóa thành điền trang lớn"). Ví dụ như so với các doanh nghiệp nông dân hạng vừa (từ 5 đến 20 héc-ta) thì các doanh nghiệp lớn (100 héc-ta và >) bán sữa ra các thành phố một cách thường xuyên hơn gấp hai lần (3,4% và 1,5%).

Những doanh nghiệp lớn (theo diện tích ruộng đất) cũng kinh doanh lớn về sản xuất sữa, đó là một điều mà người ta thấy rõ ràng qua những số liệu về số lượng bò cái tính trung bình ở một doanh nghiệp, số đó là 36 đối với những nghiệp chủ có từ 100 héc-ta trở lên và thậm chí lên tới 87 ở các điền trang lớn. Nói chung, trong các doanh nghiệp rõ ràng có tính chất tư bản chủ nghĩa (20 héc-ta và >) tập trung 41,5% tổng số bò cái cung cấp sữa cho các thành phố, mặc dù những nghiệp chủ ấy chỉ chiếm một tỷ trọng không đáng kể trong tổng số nghiệp chủ (5,52%) và một tỷ trọng rất nhỏ bé trong các doanh nghiệp có sữa tiêu thụ ra các thành phố (15,6%). Như vậy, sự tiến bộ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và sự tập trung có tính chất tư bản chủ nghĩa trong ngành chăn nuôi để buôn bán này là một điều không ai còn nghi ngờ gì nữa.

Nhưng những số liệu về các nhóm doanh nghiệp sắp xếp theo diện tích ruộng đất, không nói lên một cách đầy đủ những đặc điểm của sự tập trung sản xuất sữa. Người ta cũng đã hiểu *a priori*¹⁾ rằng có thể và tất nhiên phải có những doanh nghiệp có diện tích ruộng đất bằng nhau nhưng lại có một số gia súc nói chung và gia súc để lấy sữa nói riêng không bằng nhau. Trước hết, chúng ta hãy đem đối chiếu việc phân phối giữa các doanh nghiệp, *tổng số* gia súc có sừng và tổng số bò cái có sữa bán vào các thành phố: (xem biểu đồ, tr. 259. — *BT.*)

Như thế là một lần nữa, chúng ta lại thấy chính các doanh nghiệp *hạng vừa* ở vào một tình thế *kém hơn cả*: trong tổng

1) — trước

	tổng số gia súc có sừng	Tỷ số phần trăm	
		số bò cái có sữa bán vào các thành phố	chênh lệch
Từ 0 đến 2 héc-ta	...	8,3	+ 3,3
" 2 " 5 "	...	16,4	— 2,4
" 5 " 20 "	...	36,5	— 3,7
" 20 " 100 "	...	27,3	— 0,2
" 100 héc-ta trở lên	...	11,5	+ 3,0
<i>Tổng số</i>	...	100,0	100

số gia súc có sừng của nhóm này, thì một tỷ trọng nhỏ nhất được sử dụng vào việc cung cấp sữa cho các thành phố (nghĩa là vào một ngành sản xuất sữa có nhiều lợi hơn hết). Ngược lại, những doanh nghiệp lớn lại ở vào một tình thế rất có lợi, vì nó sử dụng một tỷ lệ gia súc có sừng tương đối lớn của mình để cung cấp sữa cho các thành phố*. Nhưng các nghiệp chủ nhỏ nhất lại ở trong một tình thế có lợi hơn nữa, vì họ sử dụng một tỷ lệ gia súc có sừng *cao hơn cả* để cung cấp sữa cho thành phố. Như thế là trong các doanh nghiệp ấy, những trại chuyên "sản xuất sữa", phát triển lên; đối với những trại này thì nghề nông đã tụt xuống hàng thứ yếu hay thậm chí không còn nữa (trong số 8 998 doanh nghiệp thuộc nhóm này có sữa bán vào thành phố thì 471 doanh nghiệp hoàn toàn không có diện tích trồng trọt, và các nghiệp chủ ấy có 5 344 bò cái, nghĩa là bình quân mỗi người có 11,3 bò cái). Nếu dựa vào các số liệu của thống kê Đức, chúng ta tách riêng những doanh

* Người ta không thể giải thích sự chênh lệch này bằng lý do là trong thành phần đàn gia súc có sừng, số bò đực không đồng đều, vì trong các doanh nghiệp hạng lớn, tỷ số phần trăm bò đực (ít nhất cũng là bò đực dùng vào công việc đồng áng) so với tổng số gia súc có sừng, cao hơn là ở trong các doanh nghiệp hạng vừa.

nghiệp có từ 1 đến 2 bò cái ra, thì chúng ta sẽ có những số liệu đáng chú ý về việc tập trung sản xuất sữa trong phạm vi của cùng cùng một nhóm, xét theo diện tích trồng trọt.

Những doanh nghiệp bán sản phẩm sữa vào các thành phố

	Trong số đó:						
	Số lượng doanh nghiệp	Có 1 bò cái	Có 2 bò cái	Có từ 3 bò cái trở lên	Số bò cái trong những hộ sau	Hay là bình quân mỗi hộ có	Tổng số bò cái
Từ 0 đến 50 a ¹⁾	1.944	722	372	850	9.789	11,5	11.255
" 50 a " 2 héc-ta	7.054	3.302	2.552	1.200	5.367	4,5	13.773
Từ 0 - 2 héc-ta	8.998	4.024	2.924	2.050	15.156	7,4	25.028
" 2 — 5 "	11.049	1.862	4.497	4.690	19.419	4,3	30.275

Trong số những doanh nghiệp có một diện tích trồng trọt hoàn toàn không đáng kể (0 đến ½ héc-ta), chúng ta nhận thấy rằng nghề sản xuất sữa tập trung rất cao độ: dưới một nửa số những nghiệp chủ đó (850 trong số 1 944) tập trung gần 9/10 tổng số bò cái của nhóm đó (9 789 trong số 11 255), bình quân mỗi người có 11,5 bò cái. Đó hoàn toàn không còn là những nghiệp chủ "nhỏ" nữa, — đó là những nghiệp chủ mà doanh số chắc hẳn là (đặc biệt là ở gần thành phố lớn) lên tới hàng nghìn mác một năm và vị tất họ đã có thể không thuê mướn công nhân. Sự phát triển mau chóng của các thành phố không ngừng làm cho số các "chủ trại sữa" ấy tăng lên, và tất nhiên là luôn luôn sẽ có những người, như Hê-khơ, Đa-vít, Héc-tơ và Tséc-nốp, để an ủi một số đồng đảo quần chúng tiểu nông đang bị cảnh túng thiếu đè nén, bằng cách nêu ra

1) — a — một phần trăm của héc-ta

tấm gương của một bạn đồng nghiệp hiếm có nào đó của họ "ngày nay đã mở mặt mở mày" nhờ ở việc sản xuất sữa, trồng thuốc lá v. v..

Trong nhóm các doanh nghiệp có từ ½ đến 2 héc-ta chúng ta thấy rằng dưới một phần năm nghiệp chủ (1 200 trong số 7 054) tập trung hơn hai phần năm tổng số bò cái (5 367 trong số 13 773); trong nhóm có từ 2 đến 5 héc-ta thì dưới một nửa nghiệp chủ (4 690 trong số 11 049) có trên ba phần năm tổng số bò cái (19.419 trong số 30 275) v. v.. Tiếc rằng thống kê Đức không cho phép tách riêng ra những nhóm có số bò cái nhiều hơn*. Nhưng ngay cả những số liệu nêu ra trên đây hoàn toàn xác nhận điều

* Nói cho đúng hơn, *cách tổng hợp* những số liệu thống kê của Đức không cho phép tách riêng ra như thế, vì các tác giả của bản điều tra chỉ đưa ra những tài liệu riêng về từng doanh nghiệp một (theo những câu trả lời của từng nghiệp chủ nông thôn đối với các bản câu hỏi mà người ta đã gửi đến cho họ). Nhân tiện đây xin nêu lên rằng: việc sưu tầm những tài liệu riêng về từng doanh nghiệp là một ưu điểm của thống kê nông nghiệp Đức so với thống kê Pháp và hình như so với cả thống kê Anh và các nước khác. Phương pháp đó cho phép tách riêng các doanh nghiệp thuộc các loại khác nhau không những theo diện tích ruộng đất, mà theo cả quy mô sản xuất sữa, chẳng hạn, theo quy mô sử dụng máy móc, trình độ phát triển sản xuất công nghiệp v. v.. Muốn thế chỉ cần phải có một công tác tổng hợp một cách tỉ mỉ hơn nữa những tài liệu thống kê, cụ thể là: thứ nhất, phân loại các doanh nghiệp không phải theo một đặc điểm duy nhất (diện tích ruộng đất) mà dựa theo một số đặc điểm (số máy móc, gia súc, diện tích ruộng đất trồng các loại cây đặc biệt v. v.) và, thứ hai, phối hợp nhiều cách phân loại, tức là chia mỗi nhóm đã được phân theo diện tích ruộng đất, chẳng hạn, thành những nhóm nhỏ theo số lượng gia súc v. v.. Thống kê nông nghiệp của các hội đồng địa phương Nga về sản xuất của nông dân có thể là một kiểu mẫu và đáng lẽ phải là một kiểu mẫu về phương diện đó⁹⁷. Nếu về mặt quy mô rộng lớn, tính chất đầy đủ, thuần nhất và chính xác của các tài liệu, tổng hợp và công bố mau chóng, thống kê của chính phủ Đức hơn thống kê của *chính phủ* Nga bao nhiêu, thì thống kê của các *hội đồng địa phương* của chúng ta lại hơn những bản điều tra nghiên cứu từng bộ phận của các nước châu Âu bấy nhiêu về tính chất rất

kết luận chung cho rằng *sự tập trung trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa trên thực tế mạnh hơn* là người ta có thể nghĩ đến khi chỉ dựa vào những số liệu thống kê về diện tích. Thống kê này nhập chung những doanh nghiệp nhỏ bé về diện tích và về quy mô sản xuất lúa mì với những doanh nghiệp lớn về quy mô chăn nuôi để lấy sữa hoặc thịt, trồng nho, trồng thuốc lá và làm vườn v. v.. Tất nhiên là so với việc sản xuất lúa mì, thì tất cả những ngành sản xuất ấy còn đứng rất xa ở đằng sau vào hàng thứ hai; và nếu xét theo các số liệu về diện tích thì những kết luận chung mà chúng ta đã biết, vẫn giữ nguyên hoàn toàn giá trị. Nhưng một là, một số ngành của nền nông nghiệp thương phẩm phát triển đặc biệt nhanh chóng chính là ở châu Âu, và đó là một đặc điểm nổi bật của quá trình phát triển của nông nghiệp thương phẩm theo con đường *tư bản chủ nghĩa* và hai là, người ta lại rất thường hay quên cái tình huống đã nói ở trên khi người ta viện dẫn những tỷ dụ riêng biệt hoặc những khu vực riêng biệt, và ở đây là một nơi tung hoành rộng rãi nhất cho những bọn thuộc phái biện hộ có tính chất tiểu tư sản mà điển hình là Hê-khơ, Đa-vít, Héc-tơ, Tséc-nốp. Họ viện chứng những nghiệp chủ trồng thuốc lá, những người này, nếu kể theo tổng số diện tích sản xuất, thì đều "echte und rechte Kleinbauern"¹⁾; nhưng nếu kể theo quy mô sản xuất thuốc lá, thì họ hoàn toàn không phải là những nghiệp chủ "nhỏ" và nếu chúng ta lấy riêng

đầy đủ của các tài liệu cá biệt và tính chất chi tiết của việc tổng hợp các tài liệu đó. Thống kê của các hội đồng địa phương Nga từ lâu đã tiến hành những cuộc điều tra từng hộ một và xây dựng những biểu đồ tổng hợp khác nhau cũng như những biểu đồ có tính chất phối hợp mà chúng tôi vừa nói tới. Việc làm cho những người châu Âu hiểu rõ hơn về công tác thống kê của các hội đồng địa phương ở nước ta, chắc là sẽ tạo đà thúc đẩy mạnh mẽ cho sự tiến bộ của công tác thống kê xã hội nói chung.

1) — "là những tiểu nông thực sự".

những số liệu về trồng thuốc lá, thì cả trong các ngành trồng thuốc lá đó chúng ta cũng thấy sự tập trung tư bản chủ nghĩa. Tỷ dụ như trong toàn nước Đức, năm 1898 có 139 nghìn nghiệp chủ trồng thuốc lá với 17,6 nghìn héc-ta trồng thuốc, nhưng trong số 139 nghìn ấy thì 88 nghìn, tức là 63%, có tất cả không quá 3,3 nghìn héc-ta, tức là vụn vụn chỉ có một phần năm tổng số ruộng đất trồng thuốc lá; bốn phần năm còn lại thì ở trong tay 37% nghiệp chủ*.

Trong ngành trồng nho cũng thế. Nói chung, diện tích của một vườn nho "trung bình" ở Đức chẳng hạn, rất nhỏ: 0,36 héc-ta (344.850 nghiệp chủ với 126.109 héc-ta trồng nho). Nhưng việc phân phối các nhà trồng nho như sau: 49% số người (có dưới 20 a đất trồng nho) chỉ chiếm có 13% tổng số đất trồng nho, 30% nghiệp chủ hạng "vừa" (từ 20 a đến 50 a) chiếm 26%, và 20% nghiệp chủ hạng lớn (có từ ½ héc-ta trở lên) chiếm 61% đất trồng nho, nghĩa là hơn ba

* "Die deutsche Volkswirtschaft am Schlusse des 19 Jrdh." Brl. 1900, S. 60¹⁾; ấy là theo những tài liệu rất thô sơ của thống kê thuế vụ. Về nước Nga, chúng ta cũng có những tài liệu như thế về việc phân phối trồng thuốc lá trong ba huyện thuộc tỉnh Pôn-ta-va: trong tổng số 25 089 doanh nghiệp trồng thuốc của nông dân thì 3 015 doanh nghiệp (tức là dưới 1/8) có 74 565 đê-xi-a-tin trồng lúa mì trong tổng số 146 774 đê-xi-a-tin, tức là trên một nửa, và 3 239 đê-xi-a-tin trồng thuốc lá trong số 6 844 đê-xi-a-tin, nghĩa là gần một nửa. Việc phân loại các doanh nghiệp ấy theo diện tích đất trồng thuốc lá nói lên rằng 324 doanh nghiệp (trong số 25 089) trung bình có 2 đê-xi-a-tin trở lên trồng thuốc và chiếm tất cả là 2 360 đê-xi-a-tin trong số 6 844. Chính là những tên tư bản trồng thuốc lá hạng lớn mà những tin tức rất thường hay nói đến sự bóc lột kinh khủng của chúng đối với công nhân. Chỉ có 2 773 hộ (trên 1/10 một ít) có trung bình mỗi hộ trên một nửa đê-xi-a-tin trồng thuốc, họ có 4 145 đê-xi-a-tin trồng thuốc lá trong số 6 844. Xem "Nhìn chung về việc trồng thuốc lá ở Nga", thiên II và III. Xanh Pê-téc-bua, 1894.

1) — "Kinh tế quốc dân của nước Đức vào cuối thế kỷ XIX". Béc-lanh, 1900, tr. 60.

phần năm*. Tính chất tập trung của ngành làm vườn có tính chất thương mại, còn mạnh mẽ hơn nhiều (Kunst- und Handelsgärtnerei), ngành này phát triển rất mau ở trong khắp cả các nước tư bản chủ nghĩa trực tiếp gắn liền với sự phát triển của các thành phố lớn, của các nhà ga xe hỏa lớn, của các thị trấn công nghiệp v. v.. Năm 1895, ở Đức tính ra có 32.540 doanh nghiệp làm vườn có tính chất thương mại với 23.570 héc-ta vườn, — bình quân mỗi doanh nghiệp dưới một héc-ta. Nhưng hơn một nửa diện tích ấy (51,39%) tập trung trong tay 1.932 nghiệp chủ, tức là 5,94% tổng số người làm vườn. Những con số dưới đây cho chúng ta thấy rằng trong tay những nghiệp chủ lớn ấy diện tích vườn và diện tích đất đai còn lại dùng cho nông nghiệp to như thế nào: 1.441 người làm vườn từ 2 đến 5 héc-ta có một diện tích đất đai làm vườn bình quân là 2,76 héc-ta mà bình quân đất đai nói chung là 109,6 héc-ta; 491 người làm vườn từ 5 héc-ta trở lên, có một diện tích vườn bình quân là 16,54 héc-ta, mà bình quân đất đai nói chung là 134,7 héc-ta.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại ngành sản xuất sữa, những số liệu về ngành này giúp chúng ta giải đáp vấn đề về tác dụng của các hợp tác xã mà Héc-tơ đã biến thành một thứ thuốc trị bách bệnh để chống chủ nghĩa tư bản. Héc-tơ cho rằng "nhiệm vụ chủ yếu của chủ nghĩa xã hội" là ủng hộ những hợp tác xã ấy (S. 21, bản dịch tiếng Nga, 62; S. 89, bản dịch tiếng Nga, 214), còn ông Tséc-nốp thì, theo

* Đáng chú ý là ở Pháp, ngành trồng nho phát triển mạnh hơn rất nhiều (1 800,5 nghìn héc-ta), việc tập trung các đất trồng nho cũng cao hơn rất nhiều. Nhưng, để nhận định sự tập trung đó, người ta buộc phải giới hạn ở các số liệu của thống kê chung về ruộng đất, vì ở Pháp người ta không tập hợp các tài liệu riêng về từng hộ và người ta không biết số những người có đất trồng nho. Ở Đức, 12,83% tổng số đất trồng nho ở trong tay những nghiệp chủ có tất cả từ 10 héc-ta ruộng đất trở lên, còn ở Pháp là 57,02%.

như thường lệ, vẫn dập đầu xuống đất nhiệt tâm tôn sùng các ông thần mới, đã sáng tác ra một "sự phát triển nông nghiệp theo lối phi tư bản chủ nghĩa" thông qua con đường hợp tác xã. Nói chung, dưới đây, chúng tôi sẽ phải nói đôi lời về ý nghĩa lý luận của sự phát minh xuất sắc ấy. Bây giờ chúng tôi nêu lên rằng những kẻ tôn sùng hợp tác xã thích dẫn ra cái mà người ta "có thể" đạt được nhờ vào các hợp tác xã ấy (coi tỷ dụ trên). Tốt hơn, chúng tôi xin chỉ rõ cái mà người ta thực sự đạt được nhờ vào hợp tác xã dưới chế độ tư bản chủ nghĩa hiện nay. Khi thống kê các doanh nghiệp và các nghề nghiệp trong năm 1895, thống kê Đức đã ghi tất cả các doanh nghiệp làm nghề nông có tham gia vào các hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm sữa (Molkerei-genossenschaften und Sammelmolkereien), và cũng đã ghi cả số lượng bò cái cung cấp sản phẩm sữa cho từng nghiệp chủ đem tiêu thụ. Trong chừng mực chúng tôi biết được, đó hầu như là những *khởi* số liệu duy nhất nói lên một cách chính xác không những mức độ tham gia của những nghiệp chủ thuộc các hạng khác nhau vào các tổ chức hợp tác xã, mà lại còn nói lên — đây là một điều đặc biệt quan trọng — quy mô kinh tế, nếu có thể nói được như thế, của việc tham gia ấy, nghĩa là nói lên quy mô cụ thể của ngành kinh tế của mỗi doanh nghiệp tham gia vào tổ chức hợp tác xã ấy (số bò cái cung cấp những sản phẩm do các hợp tác xã tổ chức việc tiêu thụ). Chúng ta hãy dẫn chứng những số liệu ấy, chia ra năm nhóm chính căn cứ theo số ruộng đất của nghiệp chủ: (xem biểu đồ, tr. 266. — BT).

Như thế là chỉ có một thiểu số rất nhỏ các tiểu nông (từ 3 đến 5%) tham gia các hợp tác xã, nghĩa là tỷ trọng ấy thậm chí có lẽ còn kém hơn cả tỷ trọng các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa trong các nhóm thấp. Trái lại, trong số các doanh nghiệp lớn rõ ràng có tính chất tư bản chủ nghĩa, thì tỷ số phần trăm tham gia vào các hợp tác xã lại lớn hơn từ ba đến bảy lần, so với ngay cả các doanh nghiệp nông

Các doanh nghiệp có tham gia vào các hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm sữa

	Số lượng các doanh nghiệp	% so với tổng số doanh nghiệp	% so với tổng số *	Số lượng bò cái trong các doanh nghiệp ấy	% so với tổng số	Số bò cái bình quân của mỗi doanh nghiệp
Từ 0 đến 2 héc-ta. . .	10 300	0,3	6,95	18 556	1,71	1,8
" 2 " 5 "	31 819	3,1	21,49	73 156	6,76	2,3
" 5 " 20 "	53 597	5,4	36,19	211 236	19,51	3,9
" 20 " 100 "	43 561	15,4	29,42	418 563	38,65	9,6
" 100 héc-ta trở lên. . .	8 805	35,1	5,95	361 435	33,37	
<i>Tổng số</i> . . .	148 082	2,7	100,00	1.082 946	100,00	7,3
Doanh nghiệp có từ 1 000 héc-ta trở lên. . .	204	35,6	—	18 273	—	89,0

dân hạng vừa. Còn các điền trang lớn thì chúng tham gia các hợp tác xã nhiều hơn cả. Bây giờ chúng ta có thể phán đoán về tất cả cái tính chất ngây thơ vô hạn của ông Héc-tơ, một anh chàng Vô-rô-si-lốp người Áo; ông ta phản đối Cau-xky với lý do là "có 1 050 000 nghiệp chủ nông thôn có chân trong Hội nông nghiệp thu mua Đức (Bezugsvereini-

* Ông Bun-ga-cốp tuyên bố rằng: "Qua những con số sau đây người ta sẽ thấy rõ ràng tỷ trọng của doanh nghiệp lớn" (II, 117) và ông *chỉ* nêu ra những con số này, là những con số chẳng những không giải thích được "tỷ trọng của doanh nghiệp lớn" mà lại còn (nếu không đối chiếu với các số khác) *làm lu mờ đi*.

gung), tức là một tổ chức bao gồm những hợp tác xã lớn nhất" (S. 112, bản dịch tiếng Nga, 267, do Héc-tơ viết ngả), và kết luận rằng điều đó *có nghĩa là* không những chỉ có các nghiệp chủ lớn (*tất cả* có 306 nghìn nghiệp chủ có trên 20 héc-ta) mà cả nông dân cũng tham gia vào các hợp tác xã! Chỉ cần ông Héc-tơ suy nghĩ một chút về giả thiết mà chính ông đã đưa ra (*tất cả* các nghiệp chủ lớn đều tham gia các hợp tác xã), thì ông sẽ thấy rằng nếu *tất cả* các nghiệp chủ lớn đều tham gia các hợp tác xã thì điều đó *có nghĩa là* các doanh nghiệp khác tham gia vào các hợp tác xã, chỉ chiếm một *tỷ trọng nhỏ hơn* mà thôi, và như vậy có nghĩa là kết luận của Cau-xky về *tính ưu việt của doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ về phương diện tổ chức hợp tác*, đã hoàn toàn được chứng thực.

Nhưng còn những số liệu về số bò cái mà các hợp tác xã tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm, lại đáng chú ý hơn nhiều: *tối đại đa số* những bò cái đó, *non ba phần tư* (72%) thuộc về các nghiệp chủ lớn, là những người *kinh doanh sản xuất sữa theo lối tư bản chủ nghĩa* và bình quân mỗi người có hàng chục, hàng bốn chục và thậm chí hàng tám chục con bò cái (trong các điền trang lớn). Bây giờ xin hãy nghe lời Héc-tơ nói: "chúng tôi khẳng định rằng *những hợp tác xã đem lại lợi ích nhiều hơn hết chính là cho các nhà sở hữu hạng nhỏ và nhỏ nhất*"...(S. 112, bản dịch tiếng Nga, 269, do Héc-tơ viết ngả). Những tên Vô-rô-si-lốp ở đâu cũng giống nhau cả: ở Nga cũng như ở Áo, khi Vô-rô-si-lốp vỗ ngực nói và nhấn mạnh: "Chúng tôi khẳng định", thì chúng ta có thể tin chắc được rằng y khẳng định đúng cái điều không có thực.

Để kết thúc cuộc xem xét một cách khái quát của chúng ta về những số liệu thống kê ruộng đất của Đức, chúng ta hãy nhìn chung lại toàn bộ sự phân bố dân cư nông nghiệp theo địa vị kinh tế của họ. Tất nhiên là chúng ta chỉ kể nông nghiệp theo nghĩa hẹp (A I, chứ không phải A I - 6

theo ký chú Đức, nghĩa là chúng ta không tính gộp những người làm nghề đánh cá, khai thác gỗ và đi săn với những người làm ruộng), và sau đó chúng ta sẽ lấy những số liệu về những người mà *nghề chính* là làm ruộng. Thống kê Đức chia dân cư đó ra làm ba nhóm chính: a) nhóm độc lập (tức là những nghiệp chủ có sở hữu, tá điền, v.v.); b) nhóm nhân viên (quản lý, nhóm trưởng cai, ký, v.v.) và c) nhóm công nhân; nhóm sau cùng này lại chia ra làm 4 nhóm nhỏ như sau: c¹) "thành viên trong gia đình, làm việc ở doanh nghiệp của người chủ hộ, của người cha, của người anh, v.v.". Nói một cách khác, đó là những công nhân người trong gia đình, khác với những công nhân làm thuê thuộc những nhóm nhỏ khác trong nhóm c. Vì thế cho nên muốn nghiên cứu thành phần xã hội của dân cư (và sự phát triển tư bản chủ nghĩa của họ), rõ ràng là không nên tính gộp những công nhân người trong gia đình vào chung một nhóm với những công nhân làm thuê như người ta thường tính, mà nên tính gộp vào một nhóm với những nghiệp chủ (a), bởi vì, về thực chất, những công nhân người trong gia đình ấy cũng làm những người có quyền sở hữu chung, những thành viên trong gia đình của nghiệp chủ, có quyền được chia gia tài v. v.. Sau đó là nhóm nhỏ c²) gồm những cố nông nam nữ (Knechte und Mägde); c³) "những người làm công nhật trong nông nghiệp và các công nhân khác (chăn cừu, chăn bò) có ruộng đất riêng hoặc phải đi thuê". Như vậy, đó là nhóm những người vừa là chủ vừa là công nhân làm thuê, nghĩa là một nhóm trung gian, quá độ, mà ta cần phải xếp riêng ra. Cuối cùng, c⁴) "cũng như trên, nhưng không có đất riêng mà cũng không có đất thuê". Như thế là chúng ta có 3 nhóm cơ bản: I. Nghiệp chủ — người sở hữu ruộng đất và thành viên trong gia đình của nghiệp chủ; II. Nghiệp chủ có sở hữu ruộng đất nhưng đồng thời lại là công nhân làm thuê; III. Công nhân làm thuê không có ruộng đất (những nhân viên, cố nông và người làm công nhật). Và đây là biểu đồ phân bố

dân cư nông nghiệp* ở Đức giữa các nhóm ấy trong hai năm 1882 và 1895:

		Dân cư có hoạt động (có nghề nghiệp) lấy nông nghiệp làm nghề chủ yếu (đơn vị: 1.000 người)			
		1882	1895		
a)	nghiệp chủ có sở hữu ruộng đất	2 253	2 522	+ 269	
c ¹)	thành viên trong gia đình nghiệp chủ	1 935	1 899	- 36	
	I	4 188	4 421	+ 233	+ 5,6%
c ²)	công nhân có ruộng đất (II)	866	383	- 483	- 55,8%
	I + II	5 054	4 804	- 250	
b)	nhân viên	47	77	+ 30	
c ³)	cố nông	1 589	1 719	+ 130	
c ⁴)	công nhân không có ruộng đất				
	1 374	1 445	+ 71	
	III	3 010	3 241	+ 231	+ 7,7%
	Tổng số	8 064	8 045	- 19	- 0,2

Như thế là tổng số dân cư có hoạt động có giảm xuống, mặc dù là giảm không bao nhiêu. Trong khối dân cư ấy,

* Chúng tôi chỉ nói đến dân cư "có hoạt động" (theo nghĩa tiếng Pháp; hay theo tiếng Đức là "erwerbsthätige") tức là thực sự làm nghề nông, không kể những người phục vụ hoặc những thành viên trong gia đình không tham gia một cách đều đặn và thường xuyên vào các công việc nhà nông. Thống kê xã hội của Nga chậm phát triển đến mức thậm chí chưa có một danh từ đặc biệt để chỉ khái niệm "active" "erwerbsthätig", "occupied". Trong khi tổng hợp các số liệu về nghề nghiệp của dân cư Pê-téc-bua ("Xanh Pê-téc-bua theo sự thống kê năm 1890"), ông I-an-xôn đã dùng danh từ "độc lập", nhưng danh từ ấy không thích hợp, vì khi

chúng ta thấy dân cư có ruộng đất (I + II) giảm xuống và dân cư không có ruộng đất (III) thì tăng lên. Điều đó nói lên rõ ràng rằng *quá trình tước đoạt dân cư nông nghiệp đang tiến tới*, và chính là những người có ít ruộng đã bị tước đoạt, vì chúng ta đã biết rằng những công nhân làm thuê có một khoảnh đất nhỏ đều thuộc về hạng nghiệp chủ nhỏ nhất. Thứ nữa, trong số những người có ruộng đất thì số nghiệp chủ kiêm công nhân giảm xuống, còn số những nghiệp chủ tăng lên. Do đó, chúng ta thấy rằng *các nhóm ở giữa biến đi và các nhóm trên và dưới thì tăng lên: nhóm trung gian biến đi, những mâu thuẫn tư bản chủ nghĩa càng ngày càng trở nên gay gắt*. Trong số những công nhân làm thuê thì số lượng những người đã hoàn toàn bị tước đoạt tăng lên, còn số lượng những người có ruộng đất lại giảm xuống; trong số nghiệp chủ thì số người trực tiếp có xí nghiệp tăng lên, còn số người làm việc trong xí nghiệp của người chủ hộ lại giảm xuống. (Số dĩ có tình trạng này chắc là do những thành viên làm việc trong các gia đình nông dân phần nhiều không được chủ hộ phát cho đồng tiền công nào, cho nên họ đặc biệt có khuynh hướng muốn chạy ra các thành phố).

Nếu chúng ta lấy những số liệu về dân cư dùng nông nghiệp làm một nghề *phụ*, thì chúng ta sẽ thấy rằng tất cả dân cư ấy (dân cư có hoạt động hay là có nghề nghiệp) tăng từ 3 144 nghìn đến 3 578, nghĩa là tăng thêm 434 nghìn,

nói "độc lập" người ta thường hiểu đó là các nghiệp chủ, và do đó sự phân loại theo việc có tham gia hoặc không tham gia vào hoạt động nghề nghiệp (hiểu theo nghĩa rộng) lẫn lộn với sự phân chia theo địa vị cá nhân của người ta trong nghề nghiệp (nghiệp chủ - công nhân biệt lập). Có thể dùng danh từ "dân cư sản xuất", nhưng danh từ này không chính xác bởi vì các binh sĩ, những nhà thực lợi v. v. chẳng hạn, là những giai cấp hoàn toàn không "sản xuất". Có lẽ thích hợp hơn cả là dùng danh từ: dân cư "có nghề nghiệp", nghĩa là có tham gia vào bất kỳ hoạt động "nghề nghiệp" (= đem lại thu nhập) nào, khác với những người sống bám vào những kẻ "có nghề nghiệp".

mà việc tăng đó hầu như hoàn toàn là do nhóm những người lao động thành viên của các gia đình nghiệp chủ tăng lên, và số đó đã tăng thêm 397 nghìn (từ 664 đến 1 061 nghìn). Số nghiệp chủ tăng thêm 40 nghìn (từ 2 120 đến 2 160 nghìn); số công nhân có ruộng đất tăng thêm 51 nghìn (từ 9 đến 60 nghìn); số công nhân không có ruộng đất giảm đi 54 nghìn (từ 351 đến 297 nghìn). Việc tăng lên một cách ghê gớm như vậy — trong 13 năm tăng từ 664 nghìn đến 1 061 nghìn, nghĩa là tăng lên 59,8%, — một lần nữa, lại nói lên sự phát triển của quá trình vô sản hóa; sự phát triển về số lượng *nông dân*, thành viên trong các gia đình nông dân mà hiện nay chỉ còn lấy nông nghiệp làm nghề *phụ* của mình mà thôi. Chúng ta biết rằng trong những trường hợp ấy, nghề chính của họ trước hết là làm thuê (và sau đó là buôn bán nhỏ, thủ công nghiệp v. v.). Nếu chúng ta tính gộp lại tất cả những người lao động thành viên của các gia đình nông dân, những người lấy nông nghiệp làm nghề chủ yếu cũng như những người chỉ lấy nông nghiệp làm nghề phụ, thì chúng ta sẽ có: năm 1882 — 2 559 nghìn; năm 1895 — 2 960 nghìn. Người ta có thể dễ dàng dựa vào sự tăng lên đó để giải thích một cách sai lầm hoặc đi đến những kết luận có tính chất biện hộ, đặc biệt là khi ta đem đối chiếu với số lượng công nhân làm thuê, là số lượng nói chung có giảm đi. Trong thực tế, con số tăng lên nói chung như thế gồm con số thành viên trong các gia đình nông dân lấy nông nghiệp làm nghề chủ yếu *đã giảm đi* và con số những người lấy nông nghiệp làm nghề phụ *đã tăng lên*; năm 1882 những người lấy nông nghiệp làm nghề phụ chỉ chiếm số là 21,7% tổng số người lao động thành viên của các gia đình nông dân, mà đến năm 1895 thì họ đã chiếm số là 35,8%. Như thế là thống kê về *toàn bộ* dân cư nông nghiệp đã nêu lên cho chúng ta một cách hoàn toàn rõ ràng chính hai quá trình vô sản hóa mà chủ nghĩa Mác chính thống luôn luôn nói đến, và bọn phê phán cơ hội chủ nghĩa cố

gắng che đậy bằng những câu sáo rỗng: một mặt thì nông dân càng ngày càng mất nhiều ruộng đất, dân cư nông nghiệp bị tước đoạt, họ phải chạy vào các thành phố hoặc là biến từ những công nhân có ruộng đất thành những công nhân không có ruộng đất; mặt khác thì "những khoản lương phụ" phát triển trong nông dân, nghĩa là nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, sự kết hợp này là bước đầu của quá trình vô sản hóa và luôn luôn làm tăng thêm túng thiếu (kéo dài ngày lao động, ăn uống giảm sút v. v.). Nếu chỉ xét về bề ngoài thì hai quá trình đó thậm chí lại là trái ngược với nhau tới một mức độ nhất định: số công nhân không ruộng đất tăng lên — và số người lao động thành viên của các gia đình nông dân có ruộng đất, tăng lên. Vì thế cho nên nếu lẫn lộn hai quá trình đó với nhau hoặc bỏ qua một, thì có thể dễ dàng mắc phải những sai lầm nghiêm trọng nhất mà người ta thấy rải rác rất nhiều trong cuốn sách của Bun-ga-cốp⁹⁸. Cuối cùng, thống kê về các nghề nghiệp còn chỉ cho chúng ta thấy rằng số lượng nhân viên lại tăng lên một cách nổi bật*: từ 47 nghìn lên tới 77 nghìn, nghĩa là tăng lên 63,8%. Bên cạnh sự phát triển của quá trình vô sản hóa, còn có sự phát triển của đại sản xuất tư bản chủ nghĩa, nó đòi hỏi phải có nhân viên, và lại máy móc càng được sử dụng nhiều, sản xuất công nghiệp càng phát triển, thì sự đòi hỏi đó càng cao.

Tóm lại, ông Bun-ga-cốp hết sức khoe khoang rằng mình đưa ra được đầy đủ "chi tiết" nhưng lại hoàn toàn không hiểu được những số liệu trong bản thống kê Đức. Trong thống kê về nghề nghiệp, ông chỉ nêu ra được việc tăng số lượng những người không có ruộng đất và việc giảm số lượng những người công nhân có ruộng đất, coi đó là dấu hiệu "của sự

* Về sự kiện này, trong tờ "Bước đầu" ông Bun-ga-cốp đã đưa ra một câu dí dỏm rất nhạt nhẽo như sau: "số sĩ quan tăng lên trong khi quân đội giảm xuống". Thật là một cách nhìn quá đơn giản về việc tổ chức lao động trong đại sản xuất!

biến đổi trong việc tổ chức lao động nông nghiệp" (II, 106). Nhưng, đối với ông, sự thay đổi về tổ chức lao động trong toàn bộ nông nghiệp Đức là một việc hoàn toàn tình cờ và không thể hiểu được, một việc không có dính líu gì đến chế độ chung và sự phát triển chung của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Thế mà trên thực tế, đó chỉ là một mặt của quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Trái với ý kiến của ông Bun-ga-cốp, tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp Đức chủ yếu cũng là tiến bộ của nền sản xuất lớn, như là những số liệu về việc sử dụng máy móc, về tỷ lệ các doanh nghiệp có súc vật cày kéo và về thành phần của súc vật cày kéo, về sự phát triển của các ngành công nghiệp của nông nghiệp, về sự phát triển của ngành sản xuất sữa v. v., đã chứng minh một cách không ai có thể cãi được. Những việc có liên quan mật thiết với tiến bộ ấy của nền sản xuất lớn là sự phát triển của quá trình vô sản hóa và tước đoạt dân cư nông nghiệp, là việc tăng số lượng các doanh nghiệp rất nhỏ và số lượng những nông dân ngày nay lấy các khoản lương phụ làm nguồn sinh sống chủ yếu, là việc tăng thêm sự túng thiếu của tầng lớp trung nông là những người mà điều kiện kinh doanh bị giảm sút nhiều hơn hết (tỷ số phần trăm những người không có ngựa và tỷ số phần trăm những người phải sử dụng bò cái để làm công việc đồng áng, tăng lên nhiều hơn cả) và do đó tất cả những điều kiện sinh sống của họ và chất lượng công việc chăm bón ruộng đất của họ cũng bị giảm sút nhiều hơn cả.

X

"TÁC PHẨM" CỦA Ê. ĐA-VÍT, MỘT BUN-GA-CỐP NGƯỜI ĐỨC

Cuốn sách "Chủ nghĩa xã hội và nông nghiệp" của Ê. Đa-vít là một bản cốp nhặt đặc biệt vụng về và lúng cụng những phương pháp và lập luận sai lầm mà chúng ta đã

từng thấy ở các tác phẩm của các ông Bun-ga-cốp, Héc-tơ và Tséc-nốp. Do đó, chúng tôi có thể hoàn toàn bỏ qua không nói đến Đa-vít. Nhưng vì "tác phẩm" của y hiện nay, không nghi ngờ gì cả, là tác phẩm chủ yếu của chủ nghĩa xét lại về vấn đề ruộng đất, cho nên chúng tôi thấy cần phải một lần nữa nêu rõ xem những tác phẩm uyên bác của các ngài xét lại đã được viết lách ra sao.

Đa-vít đã dành cả chương IV của quyển sách của y để bàn về vấn đề máy móc trong nông nghiệp (tr. 115 - 193, bản dịch tiếng Nga), không kể rất nhiều đoạn cũng bàn về vấn đề này trong các chương khác. Tác giả đã xem xét hết sức tỉ mỉ hàng trăm chi tiết *kỹ thuật* và chôn vùi mất thực chất kinh tế - chính trị của vấn đề. Trong nông nghiệp, máy móc không đóng cùng một vai trò như trong công nghiệp; trong nông nghiệp không có máy phát động lực chính; phần lớn máy móc chỉ được sử dụng tạm thời; một số máy móc không tiết kiệm được chi phí sản xuất, v. v., v. v.. Đa-vít cho rằng những kết luận như vậy (tr. 190 - 193, xem tóm tắt về vấn đề máy móc) đã đánh đổ được học thuyết mác-xít! Nhưng như thế là làm tối vấn đề, chứ đâu có phải là làm sáng vấn đề. Không còn mảy may nghi ngờ gì về tình trạng lạc hậu của nông nghiệp so với công nghiệp chế biến. Sự lạc hậu này không cần phải chứng minh cũng thấy rõ. Bằng cách kể ra từng điểm một những biểu hiện của tình trạng lạc hậu này, chồng chất thí dụ này trên thí dụ khác và trường hợp này trên trường hợp khác, Đa-vít, chỉ là gạt sang một bên cái đối tượng nghiên cứu thực sự: việc sử dụng máy móc có tính chất tư bản chủ nghĩa hay không? Việc tăng cường sử dụng máy móc có gắn liền với sự phát triển của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa hay không?

Đa-vít hoàn toàn không hiểu được rằng một người mác-xít phải đặt vấn đề như thế nào. Về thực chất, quan điểm của Đa-vít là quan điểm của người tiểu tư sản chỉ biết tự an ủi với sự tiến bộ tương đối chậm chạp của chủ nghĩa tư bản

mà không dám nhìn thẳng vào toàn bộ sự tiến triển của xã hội. Thí dụ, về vấn đề máy móc nông nghiệp, Đa-vít đã trích dẫn Ben-dinh không biết bao nhiêu lần (bản dịch tiếng Nga, tr. 125, 135, 180, 182, 184, 186, 189, 506 và những trang khác). Có thể nói rằng Đa-vít đã thật sự làm cho người đọc khó chịu, khi y đi từ chi tiết này đến chi tiết khác mà không tổng hợp tài liệu, không có hệ thống, không đặt vấn đề một cách có lý lẽ, không có mục đích. Vì vậy, Đa-vít hoàn toàn không *tổng kết*, những kết luận của Ben-dinh. Những điều tôi đã nói năm 1901 để phản đối Bun-ga-cốp thì nay lại hoàn toàn thích hợp với Đa-vít. Thứ nhất, bản tổng kết những kết luận của Ben-dinh chỉ rõ (xem trên kia, tr. 183)¹⁾ cái ưu thế không chối cãi được của những doanh nghiệp có sử dụng máy móc đối với những doanh nghiệp không sử dụng máy móc. Không một điểm "sửa chữa" nào vào kết luận của Ben-dinh, với những chi tiết nhỏ nhặt mà Đa-vít nhồi nhét trong cuốn sách của y, có thể làm thay đổi được kết luận đó. *Đa-vít không đả động gì đến kết luận chung đó*, hoàn toàn *giống như Bun-ga-cốp đã không đả động trước đây!* Thứ hai, trong khi trích dẫn Ben-dinh một cách liên miên, không có lý lẽ, không có hệ thống, thì Đa-vít, cũng như ông Bun-ga-cốp, *đã không nhận thấy* những quan điểm tư sản của Ben-dinh đối với máy móc, cả trong công nghiệp lẫn trong nông nghiệp. Tóm lại, Đa-vít thậm chí cũng không hiểu cả mặt kinh tế - xã hội của vấn đề. Y không biết tổng hợp và liên kết những số liệu thực tế chứng minh tính ưu việt của nền sản xuất quy mô lớn so với nền sản xuất nhỏ. Kết quả là chẳng còn lại cái gì, ngoài những lời than vãn phản động của một tên tiểu tư sản đặt hy vọng của mình vào tình trạng lạc hậu về kỹ thuật, vào sự phát triển chậm chạp của chủ nghĩa tư bản. Về mặt lý luận, nhà dân chủ - lập hiến phái hữu và "con chiên" phản đạo là

1) Xem tập này, tr. 155 - 157.

ông Bun-ga-cốp, hoàn toàn giống hệt với nhà cơ hội chủ nghĩa Đa-vít.

Đa-vít cũng không hiểu được mặt kinh tế - xã hội của những vấn đề khác, hoàn toàn không hiểu nổi. Hãy lấy luận điểm cơ bản của y, tư tưởng ưa thích của y, "mẫu chốt" của toàn bộ tác phẩm: sức sống của *nền sản xuất nhỏ* trong nông nghiệp và tính hơn hẳn của nó so với sản xuất lớn. Hãy hỏi Đa-vít: thế nào là nền sản xuất nhỏ?

Ở trang 29, phần chú thích, các bạn sẽ thấy một câu trả lời gọn gàng: "Trong tất cả những trường hợp mà chúng tôi nói là sản xuất nhỏ, chúng tôi muốn nói đến một phạm trù kinh tế hoạt động không cần có sự giúp đỡ thường xuyên từ bên ngoài và không có công việc phụ!". Điều đó lại được diễn đạt một cách vụng về và được ông Grót-xman dịch ra một cách dốt nát, nhưng dù sao thì nó cũng ít nhiều tương đối rõ ràng. Như vậy, rồi thì chúng ta có quyền chờ đợi Đa-vít theo dõi nghiên cứu những điều kiện của nền nông nghiệp nhỏ (*về mặt diện tích*) *đứng trên quan điểm* người dân cày sử dụng lao động làm thuê hoặc bán sức lao động.

Chẳng có gì cả.

Không có gì bực lộ một cách nổi bật quan điểm tư sản của Đa-vít bằng việc Đa-vít bỏ qua hoàn toàn vấn đề những người dân cày "nhỏ" sử dụng lao động làm thuê, và vấn đề những người đó biến thành công nhân làm thuê. Thật đúng là bỏ qua hoàn toàn. Trong các thống kê ở Đức có số liệu thống kê về vấn đề này; Cau-xky trích dẫn những số liệu ấy một cách tóm tắt trong tác phẩm "*Vấn đề ruộng đất*" (tôi đã trích dẫn rất tỉ mỉ những số liệu này, — xem tr. 227¹⁾). Về những số liệu thống kê nói trên, Đa-vít có biết nhưng y không phân tích. Đa-vít dẫn ra hàng đống chuyên đề riêng biệt, nhưng y *hoàn toàn không đếm xỉa đến* những số liệu về vấn đề này. Tóm lại, đó là người tiểu tư sản hoàn toàn

1) Xem tập này, tr. 237.

lờ đi không nói đến vấn đề "công nhân nông nghiệp" mà người mu-gích căn cơ sử dụng.

Dưới đây là những thí dụ.

Chúng ta đọc thấy ở trang 109: "Nói chung, trong nghề trồng rau cũng y như trong nông nghiệp, nền sản xuất nhỏ rất phổ biến".

Chúng ta chờ đợi những bằng chứng. Người ta *chỉ mới* cung cấp cho chúng ta những dẫn chứng dưới đây:

"Theo số liệu thống kê công nghiệp* năm 1895, trong số 32.540 doanh nghiệp trồng cây ăn quả và trồng rau, thì 13.247 doanh nghiệp tức 40% có diện tích dưới 20 a; 8.257 doanh nghiệp tức 25% có từ 20 đến 50 a; 5.707 doanh nghiệp tức 14% có từ 50 a đến 1 héc-ta; 3.397 doanh nghiệp tức 10% có từ 1 đến 2 héc-ta, và chỉ có 1.932 doanh nghiệp tức 6% có diện tích từ 2 héc-ta trở lên".

Có thể thôi. Điều đó tất phải chứng minh rằng nền sản xuất nhỏ rất phổ biến trong nghề trồng rau. Nó tất phải được coi là một tác phẩm uyên bác của Đa-vít, một người rất am hiểu về nông nghiệp. Nếu quả vậy, thì chúng ta thật không hiểu được thế nào gọi là bịp bợm trong lĩnh vực khoa học.

Đa-vít nói rằng chỉ có 6% doanh nghiệp có diện tích từ 2 héc-ta trở lên. Đồng thời cũng ngay trong bản thống kê mà y đã trích ra những số liệu đó, còn có những số liệu chỉ rõ *số lượng ruộng đất* mà 6% doanh nghiệp chiếm lĩnh. *Đa-vít đã bỏ qua những số liệu này*. Mà sở dĩ y bỏ qua những số liệu này là vì chúng phá hoại học thuyết của y. Về chính những số liệu đó tôi đã viết (xem bài đăng trong tạp chí "Giáo dục" tr. 220¹⁾: "Trong tay 1.932 nghiệp chủ, tức là 5,94% tổng số những người trồng rau, đã tập trung quá

* Rõ ràng, đây là cách mà ông Grót-xman, người biên dịch, đã dịch chữ Betriebsstatistik. Đáng thương cho những bản dịch tiếng Nga! Lẽ ra phải dịch là: "thống kê của các doanh nghiệp nông nghiệp".

1) Xem tập này, tr. 264.

nửa tức là 51,39%" toàn bộ ruộng đất được dùng làm vườn trồng rau để bán. Trong số 1.932 người trồng rau đó, thì 1.441 người có từ 2 đến 5 héc-ta vườn trồng rau; như vậy mỗi doanh nghiệp trồng rau có trung bình 2,76 héc-ta và nếu tính *tất cả ruộng đất* thì mỗi doanh nghiệp có 109,6 héc-ta. 491 nghiệp chủ có từ 5 héc-ta trở lên đất trồng rau, trung bình mỗi hộ trồng rau chiếm 16,54 héc-ta và tính *tất cả ruộng đất* thì mỗi doanh nghiệp có 134,7 héc-ta (như trên).

Như vậy, *chỉ riêng* 6% người trồng rau đã tập trung tới 51,39% toàn bộ diện tích đất trồng rau trong tay họ. Đó là những nhà đại tư bản, có vườn rau *bổ sung* cho nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa (doanh nghiệp từ 100 đến 135 héc-ta). Vậy thì, nghề trồng rau để bán được tập trung theo lối tư bản chủ nghĩa một cách ghê gớm. Thế mà Đa-vít dám... cả gan khẳng định rằng "nên sản xuất nhỏ", nghĩa là nền sản xuất không sử dụng lao động làm thuê, "đang rất phồn thịnh". *Y không đả động gì* đến quy mô các doanh nghiệp trồng rau để bán cần phải sử dụng công nhân làm thuê.

Nhà bác học Đa-vít sử dụng thống kê như vậy đó. Anh chàng Hê-khtơ trừ danh mà các ngài Bun-ga-cốp, Héc-tơ và Tséc-nốp đã viện dẫn (xem ở trên, tr. 203 - 207¹⁾), sẽ cho chúng ta một thí dụ về cái cách Đa-vít sử dụng các chuyên luận. Trong "tác phẩm" của mình, Đa-vít thuật lại ý của Hê-khtơ hết cả hai trang (tr. 394 - 395). Nhưng y thuật lại *như thế nào? Không có một lời nào về lao động làm thuê*. Không có một lời nào về việc Hê-khtơ tô điểm "*tình trạng định cư*" của người công nhân công xưởng có một mảnh đất, và lẫn lộn công nhân với nông dân khá giả. Không có một lời nào về việc số đông nông dân đã rơi vào tình trạng phải bán cả sữa để đổi lấy mỡ thực vật rẻ tiền hơn, trong khi một số nhỏ nông dân khá giả đang được "phồn thịnh".

Đa-vít không những không nói gì về vấn đề này, mà thậm

1) Xem tập này, tr. 190 - 200.

chí còn tuyên bố rằng "Hê-khtơ dẫn nhiều số liệu hết sức bổ ích về nhu cầu sinh hoạt cao của những nông dân ấy" (tr. 395). Khó mà hình dung được một chủ nghĩa biện hộ tư sản nào thô kệch hơn.

Nhân tiện, xin nói thêm về nhận định của Hê-khtơ về việc nông dân phải bán sữa để mua mỡ thực vật rẻ hơn. Hình như, đây là sự việc rất rõ ràng đối với một nhà kinh tế. Ngay từ năm 1847, trong tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học", Mác đã chỉ ra tình trạng ăn uống sút kém của nhân dân do chủ nghĩa tư bản gây ra⁹⁹. Ở Nga, ngay từ thời En-ghen-hác¹⁰⁰ (thời kỳ những năm 70), tất cả những ai đã từng nghiên cứu tương đối cẩn thận sự tiến bộ của chủ nghĩa tư bản trong việc sản xuất sữa, đều đã rất nhiều lần nêu lên hiện tượng nói trên. Nhà "bác học" Đa-vít không nhận thấy điều đó. Y thậm chí còn nhạo báng những điều chỉ ra đó của những người xã hội chủ nghĩa.

Trong cuốn sách của Đa-vít, tr. 427 - 428, chúng ta thấy những lời chế giễu của y đối với Cau-xky, khi Cau-xky cho rằng các trung tâm thu mua sữa, do làm cho nông dân phát triển việc bán sữa nên đã làm cho tình trạng ăn uống của họ sút kém đi. Chúng tôi xin dẫn nguyên văn câu nói của Đa-vít để bạn đọc có thể đánh giá đúng tên dân túy người Đức này:

"... Mọi người thường có thói quen, khi có món thu nhập lớn hơn, là sử dụng ngay đôi chút để bồi bổ cho dạ dày. Đó có thể nói là bản chất của con người muốn ăn một cái gì khá hơn đôi chút, một khi có ít tiền để chi cho việc đó. Thế mà, thật hết sức lạ lùng là chỉ có người nông dân, nhờ hợp tác xã mà kiếm được nhiều tiền hơn trước — mọi người đều thừa nhận như thế — do có sữa và đàn lợn, lại xử sự hoàn toàn khác mọi người!" v. v., v. v..

Đương nhiên là không cần phải trả lời trò hề buồn cười đó của tên tiểu thị dân phản động. Chỉ cần nêu nó ra trước

1) Xem tập này, tr. 210 - 214.

công chúng độc giả, chỉ cần lời tuốt nó từ dưới đồng trích dẫn hỗn loạn và tản mạn về nông nghiệp trong suốt 550 trang sách ra ánh sáng mặt trời. Chỉ cần nêu lên rằng, ngay cả nhà biện hộ tư sản Hê-khơ mà Đa-vít trích dẫn, cũng thừa nhận rằng tình trạng ăn uống sút kém là *một sự thật*, là hậu quả của việc bán sữa bò đi và mua mỡ thực vật rẻ tiền thay vào. Tình trạng này có ở miền Nam nước Đức, nơi mà nền kinh tế tiểu nông chiếm đại bộ phận. Về một khu vực khác — như miền Đông nước Phổ — Klawki cũng có những nhận xét hoàn toàn giống như vậy (xem ở trên, tr. 213 và 214¹⁾), nói rằng những người nông dân nhỏ "rất ít dùng bơ và sữa nguyên chất".

Người ta có thể theo dõi xem xét chủ nghĩa biện hộ tư sản của Đa-vít trong tất cả các vấn đề mà y đã đề cập tới. Thí dụ, y đã dành hàng chục trang sách (trang 413 - 435 và những trang khác nữa) để ca tụng các hợp tác xã sữa ở Đức và Đan-mạch. Y trích dẫn các bảng thống kê... nhưng chỉ là về vấn đề sự phát triển về số lượng của các hợp tác xã! Y *không trích dẫn* các số liệu trong các bảng thống kê ở Đức, nói lên sự tập trung việc sản xuất sữa "của các hợp tác xã" vào tay những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn (xem ở trên, tr. 242²⁾). Bọn Đa-vít không nhìn thấy những số liệu như vậy đó trong các bảng thống kê mà họ sử dụng!

Đa-vít nói rằng: "Nông dân Đan-mạch được tổ chức vào các hợp tác xã đã vượt xa ngay cả những doanh nghiệp tư nhân của những người sở hữu ruộng đất lớn". Tiếp đến một thí dụ: một đoạn trích trong bản báo cáo thứ 46 của phòng kiểm nghiệm nêu rõ là chất lượng bơ do hợp tác xã sản xuất tốt hơn bơ của địa chủ. Và Đa-vít viết tiếp:

"Nông dân đã đạt được những kết quả như vậy; thế mà xưa kia, trong những doanh nghiệp nhỏ của họ, họ chỉ sản xuất loại bơ xấu, và chỉ thu được suýt soát nửa số tiền mà những người sở hữu lớn kiếm

1) Xem tập này, tr. 210 - 212.

2) Xem tập này, tr. 264 - 267.

được. Hơn nữa, ở đây, thực chất là chúng ta đang nói đến nông dân hạng vừa và hạng nhỏ (do Đa-vít viết ngả). Năm 1898, ở Đan-mạch có 179.740 chuồng bò; trong số này, chỉ có 7.544 chuồng tức là 4%, có bình quân từ 30 con bò cái trở lên; 49.371 chuồng, tức là 27,82%, có từ 10 đến 29 con. 122.589 chuồng, tức là 68,97% có dưới 10 con. Già nửa số chuồng này, 70.218 chuồng, chiếm 39,85% tổng số, chỉ có từ 1 đến 3 con bò, tức là nó thuộc những doanh nghiệp nhỏ. Việc đại bộ phận trong số các doanh nghiệp nông dân nhỏ tham gia các tổ chức hợp tác, được chứng minh bằng sự việc là năm 1900, trong tổng số khoảng 1.110.000 bò sữa ở Đan-mạch, sữa của khoảng 900.000 con được cung cấp cho các hợp tác xã sữa" (tr. 424).

Nhà bác học Đa-vít lập luận như thế đấy. Y tránh không trích dẫn những số liệu chính xác về sự phân phối số bò cái giữa các nhóm doanh nghiệp khác nhau; điều này làm cho y khó chịu. Nhưng ngay những mẩu số liệu mà y phải trích dẫn cũng chứng tỏ là y đã hoàn toàn xuyên tạc sự thực. Dem đối chiếu tổng số bò cái với việc phân phối chuồng bò theo số bò các chuồng chứa được, chúng ta có một bức tranh sau đây, *đành rằng còn tương đối**, nhưng nhìn chung chắc chắn là phù hợp với thực tế:

Đan-mạch	Số doanh nghiệp (đơn vị: nghìn)	Số bò cái (đơn vị: nghìn)	Số bò cái theo từng doanh nghiệp
Doanh nghiệp có từ 1 đến 3 bò cái	70	100	1,43
Doanh nghiệp có từ 4 " 9 "	52	250	4,81
Doanh nghiệp có từ 10 " 29 "	49	550	11,22
Doanh nghiệp có từ 30 bò cái trở lên	8	200	25,00
<i>Tổng số</i>	179	1.100	6,14

* Những số liệu này là tương đối, thứ nhất vì số lượng bò cái là về năm 1900, còn số lượng doanh nghiệp là về năm 1898; thứ hai vì phải quy định số bò cái trong từng nhóm doanh nghiệp một cách tương đối, vì Đa-vít không có những số liệu chính xác. Chúng ta đã lấy phần của các doanh nghiệp lớn thấp hơn sự thật: 7.544 doanh nghiệp có bình

Qua những con số trên đây, người ta thấy rõ là, thứ nhất, mức độ tập trung việc chăn nuôi bò sữa ở Đan-mạch *rất lớn*. 750 000 bò cái, trong số 1 100 000 con, tức là *hơn hai phần ba tổng số*, thuộc *những doanh nghiệp lớn*, thuộc 57 000 trong số 179 000 doanh nghiệp, tức là non một phần ba tổng số doanh nghiệp. Vì những doanh nghiệp đó có từ 10 bò sữa trở lên, nên chắc chắn là họ không thể không sử dụng lao động làm thuê. Thế có nghĩa là Đa-vít "không nhận thấy" rằng ở đây quy mô các doanh nghiệp có gia súc không phải là nhỏ bé gì; không thể căn cứ vào diện tích ruộng đất mà xét đoán các doanh nghiệp ở Đan-mạch. Đa-vít "không nhận thấy" rằng, ở đây cũng như bất kỳ nơi nào trong nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, bao giờ thì số lượng rất lớn những doanh nghiệp nhỏ cũng chỉ chiếm một phần không đáng kể trong tổng sản lượng. Những doanh nghiệp nhỏ lên tới 70 000, tức là gần 40%, nhưng chỉ chiếm 1/11 tổng số bò cái.

Thứ hai, những số liệu trích dẫn chứng tỏ rằng *những cái lợi của hợp tác xã* thì ở Đan-mạch cũng như ở Đức, *chủ yếu là do các nhà tư bản* hưởng. Nếu trong số 1 100 000 bò, số sữa của 900 000 con được cung cấp cho các hợp tác xã sữa, thì 200 000 bò còn lại tất cả sẽ nằm *ở ngoài* "món lợi" của sự tiêu thụ của hợp tác xã. Đó chủ yếu là bò của những doanh nghiệp nhỏ nhất, bởi vì, căn cứ theo số liệu của Đức, chúng ta thấy trong số các doanh nghiệp chiếm hữu dưới 2 héc-ta thì chỉ có 0,3% tham gia các hợp tác xã sữa, còn trong số những doanh nghiệp chiếm hữu từ 100 héc-ta trở lên thì lại có tới 35,1% tham gia các hợp tác xã sữa.

quần 30 bò cái hay hơn nữa. Như vậy, dù chỉ lấy minimum¹⁾, tức là 30 bò cái mỗi doanh nghiệp, chúng ta cũng sẽ có $7\,544 \times 30 = 226\,320$ bò cái. Chúng ta lấy số *nhỏ nhất*, vì nếu không thì quy mô các doanh nghiệp nhỏ sẽ tiến rất gần tới những giới hạn tối thiểu chứ không phải tới những giới hạn tối đa của các nhóm.

1) — tối thiểu.

Thế có nghĩa là, tất cả những điều trên đây đưa chúng ta tới chỗ phải cho rằng các nghiệp chủ nhỏ (70.000 nghiệp chủ với 100.000 bò cái) tận dụng được ít nhất những cái lợi của sự tiêu thụ của hợp tác xã.

Cái thí dụ ở Đan-mạch đập tan hoàn toàn luận điệu của Đa-vít, nó chứng tỏ rằng trong việc sản xuất sữa bò, chính những doanh nghiệp lớn, chiếm ưu thế chứ không phải là những doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để làm cho những con số và biểu đồ khô khan đó trở nên sinh động một chút, và để vạch rõ tính chất giai cấp của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa (mà tên tiểu thị dân ngu ngốc Đa-vít hoàn toàn không đếm xỉa đến), chúng tôi xin dẫn chứng một sự kiện nổi bật trong lịch sử của phong trào công nhân ở Đan-mạch. Năm 1902, bọn chủ tàu Đan-mạch hạ lương của công nhân đốt than. Công nhân đã bãi công để đòi phó lại. Liên đoàn của tất cả những công nhân khuân vác ở các hải cảng đã ủng hộ công nhân đốt than và cũng ngừng việc. Nhưng ... họ thất bại trong việc biến nó thành tổng bãi công và mở rộng nó tới tất cả các cảng ở Đan-mạch. "Không thể lôi cuốn được cảng E-xbéc-gơ (tại bờ biển phía Tây của Đan-mạch, một cảng quan trọng trong việc buôn bán với nước Anh), một cảng đóng vai trò rất to lớn trong việc xuất cảng nông phẩm Đan-mạch, vào cuộc bãi công, vì các hợp tác xã nông nghiệp Đan-mạch tuyên bố rằng họ sẽ phái ngay lập tức số lượng xã viên cần thiết để bốc hàng lên các tàu; nông dân Đan-mạch không cho phép đình chỉ việc xuất cảng sản phẩm của họ".*

Thế là các hợp tác xã Đan-mạch đã đứng về phía bọn chủ tàu chống lại công nhân và làm cho cuộc bãi công thất bại.

**Emil Helms*. "Die socialdemokratische und gewerkschaftliche Bewegung in Dänemark". Zpz. 1907, S. 138¹⁾.

1) — *Hem-xơ-Ê-mi-lơ*. "Phong trào dân chủ - xã hội và công đoàn ở Đan-mạch". Lai-pích, 1907, tr. 138.

Tất nhiên, hoàn toàn dễ hiểu là bọn phéc-mi-ê — tư bản có từ 10 bò cái trở lên, phải ủng hộ những tên tư bản khác chống lại công nhân. Chỉ có một điều không thể hiểu được là những kẻ cầm bút đại loại, Đa-vít, xóa mờ đấu tranh giai cấp mà lại tự xưng là người xã hội chủ nghĩa.

Trong vấn đề kết hợp nông nghiệp với các ngành sản xuất công nghiệp (như lọc đường, cất rượu v. v.), Đa-vít *cũng* phạm *đúng* cái sai lầm *y như* sai lầm của Bun-ga-cốp. "Nhà bác học" cơ hội chủ nghĩa người Đức, giống như vị giáo sư người Nga, *chỉ chép lại* những bảng thống kê trong hồ sơ điều tra ở Đức, mà không hề suy nghĩ xem những bảng thống kê đó nói đến vấn đề gì! Cau-xky khẳng định rằng việc sản xuất đường là một thí dụ về nền công nghiệp *quy mô lớn* trong nông nghiệp. Để bác bỏ nhận định trên, Đa-vít dẫn ra, hệt như Bun-ga-cốp, những số liệu chứng minh rằng những doanh nghiệp nhỏ có kết hợp với các ngành sản xuất công nghiệp thì nhiều hơn các doanh nghiệp lớn (sách của Đa-vít tr. 406, 407, 410). Nhà bác học thống kê quên mất rằng, nói chung, doanh nghiệp nhỏ thì nhiều hơn doanh nghiệp lớn. Lẽ ra phải xác định tỷ số phần trăm những doanh nghiệp nhỏ có kết hợp với các ngành sản xuất công nghiệp so với tổng số doanh nghiệp của nhóm đó, thì y lại sao chép bảng thống kê có nêu lên tỉ số phần trăm những doanh nghiệp như vậy trong từng loại so với tổng số doanh nghiệp. Tôi đã vạch rõ sai lầm này của Bun-ga-cốp một cách tỉ mỉ ở phần trên (xem tr. 237 và 238¹⁾). Tôi chỉ còn phải nêu lên rằng nhà khoa học cũng rất toàn tâm toàn ý như Ê. Đa-vít lại cũng không chịu khó nhìn vào những số liệu chỉ rõ *phân ruộng đất* trông củ cải đường hiện nằm trong tay các nhà tư bản.

Tên cơ hội chủ nghĩa người Đức và nhà giáo sư tự do chủ nghĩa người Nga tâm đầu ý hợp một cách buồn cười

1) Xem tập này, tr. 255 - 258.

đến như thế nào, điều này có thể thấy rõ ở chỗ không những họ chỉ giống nhau trong việc sử dụng câu thả và vụng về các bảng thống kê, mà còn giống nhau trong việc trích dẫn Mác một cách câu thả nữa. Cũng như Bun-ga-cốp, Đa-vít thừa nhận có "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ". Quả thật y cố tìm cách trình bày quy luật này với những hạn chế đặc biệt, đóng khung nó trong những điều kiện đặc biệt, nhưng không vì thế mà vấn đề tiến hơn được chút nào cả. Thí dụ, ở trang 476, Đa-vít nói rằng "quy luật này nói chung không đụng chạm đến vấn đề tăng giảm năng suất trong bước quá độ từ giai đoạn khoa học - kỹ thuật này sang giai đoạn khoa học - kỹ thuật khác. Quy luật này chỉ liên quan đến những sự tăng giảm năng xuất trong cùng cùng một giai đoạn khoa học - kỹ thuật nhất định". Điều này đúng là *sự hạn chế* của cái quy luật khét tiếng mà tôi đã nêu lên khi phản đối ông Bun-ga-cốp (xem ở trên, tr. 165, 166¹⁾) ngoài ra tôi cũng đã nói thêm ngay lúc đó rằng đó là một "quy luật" "tương đối đến nỗi *không thể nói đến* một quy luật nào cả, và *thậm chí cũng không thể nói đến một đặc trưng trọng yếu nào của nông nghiệp cả*".

Thế mà Đa-vít tiếp tục nâng quy luật đó lên thành một đặc điểm của nông nghiệp. Kết quả là một sự mơ hồ không thể tưởng tượng được, vì khi mà những điều kiện "khoa học - kỹ thuật" không thay đổi, thì cả trong công nghiệp vốn tư bản đầu tư phụ thêm cũng hết sức hạn chế.

Trong chương cuối, Đa-vít viết: "Nguyên nhân đưa đến tình trạng lạc hậu của nông nghiệp, trước hết là do *tính bảo thủ của những lực lượng hữu cơ của giới tự nhiên*, điều này thể hiện trong quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" (501). Trong kết luận này người ta vứt bỏ cái luận điểm vừa được trình bày ở trên, cho rằng "quy luật" không liên quan đến những bước quá độ sang một giai đoạn kỹ thuật cao

1) Xem tập này, tr. 122-125.

hơn! "Tính bảo thủ của các lực lượng của giới tự nhiên" chỉ là một lối nói ngoắt ngoéo của tên tiểu thị dân phản động không có khả năng hiểu được những điều kiện *xã hội* đã đặc biệt kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp. Đa-vít tỏ ra không hiểu rằng trong những điều kiện *xã hội* này, trước hết có những tàn dư của chế độ phong kiến trong nông nghiệp, sự bất bình đẳng về quyền lợi của những cố nông v.v., v.v., rồi thứ hai có *địa tô*, nó làm tăng giá cả và làm cho tô cao *được cố định trong giá cả ruộng đất*.

Đa-vít viết: "Chúng tôi cho rằng hiện nay nền nông nghiệp ở Đức không thể sản xuất được số lượng lúa mì cần thiết, với cái năng suất đã nhờ có nền sản xuất ở bên kia đại dương mà được người ta coi là bình thường, đứng trên quan điểm kinh tế thế giới mà nói. Quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ không cho phép tăng vô hạn độ số lượng sản phẩm trên một khoảng diện tích ruộng đất hạn chế, mà lại không giảm năng suất" (tr. 519 — Đa-vít gạch dưới câu này trong quyển sách của y).

Xin hãy nhìn xem nhà kinh tế này! Y tuyên bố rằng "quy luật" ruộng đất giảm bớt màu mỡ *chỉ* liên quan đến những xê dịch của năng suất trong cùng một giai đoạn khoa học-kỹ thuật nhất định (476). Nhưng trong kết luận lại nói: "quy luật không cho phép tăng "vô hạn độ" số lượng sản phẩm" (519)! Vậy thì từ đâu mà rút ra kết luận cho rằng nền nông nghiệp ở Đức *không thể nâng lên được* tới "giai đoạn khoa học-kỹ thuật" tiếp theo, nếu như quyền chiếm hữu tư nhân ruộng đất không cản trở nó, nếu như mức tô cao vọt không cản trở nó, nếu như việc không có quyền lợi, tình trạng bị chà đạp và suy sụp của người cố nông không cản trở nó, nếu như các đặc quyền man rợ kiểu thời trung cổ của bọn chúa đất không cản trở nó??

Tên biện hộ tư sản tất nhiên là ra sức bỏ qua những nguyên nhân xã hội và lịch sử của tình trạng nông nghiệp lạc hậu và đổ lỗi cho "tính bảo thủ của những lực lượng của

giới tự nhiên" và cho quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ". Quy luật khét tiếng này không chứa đựng gì hết ngoài những lời biện hộ và sự ngốc nghếch.

Và để che đậy bước thụt lùi nhục nhã trở lại những thành kiến cổ lỗ của khoa kinh tế học tư sản, giống hệt như Bun-ga-cốp, Đa-vít đã trích dẫn Mác một cách dối láo. Đa-vít cũng trích dẫn *đúng trang sách* trong quyển III bộ "Tư bản" (III B., II Theil, S. 277) mà ông Bun-ga-cốp đã trích! (Xem sách của Đa-vít trang 481 và sự phân tích của ông Bun-ga-cốp ở trên kia, tr. 171 và 172¹⁾).

Điều tôi đã viết về *lượng tri khoa học* của ông Bun-ga-cốp cũng *hoàn toàn* thích hợp với Đa-vít. Ông Bun-ga-cốp đã xuyên tạc đoạn trích dẫn Mác. Đa-vít chỉ trích dẫn những câu đầu của chính đoạn đó: "Về năng suất đất đai giảm sút khi có những sự đầu tư tư bản liên tiếp, xin xem Li-bích" ("Das Kapital", III B., II Theil, S. 277)¹⁰¹. Cũng như Bun-ga-cốp, Đa-vít đã xuyên tạc Mác, làm cho độc giả tưởng rằng hình như đây là lời chỉ dẫn duy nhất của Mác. Chúng tôi xin nhắc lại rằng, thực ra ai đã từng đọc "Tư bản" quyển III (và phần hai của quyển hai "Theorien über den Mehr-wert"¹⁰²) đều biết rằng vấn đề là trái ngược hẳn. Mác đã *hàng chục lần* chỉ ra rằng ông coi những trường hợp năng suất *giảm sút* của những sự đầu tư tư bản phụ thêm là hoàn toàn chính đáng và hoàn toàn có thể xảy ra cũng như những trường hợp năng suất *tăng lên* của những sự đầu tư tư bản phụ thêm.

Trong lời chú thích ở cuối trang 481, Đa-vít hứa là sẽ nghiên cứu mối liên hệ giữa quy luật này với địa tô, và cũng sẽ "xem xét một cách có phê phán ý đồ của Mác định phát triển và mở rộng học thuyết về địa tô, sau khi đã bác bỏ những cơ sở lý luận của Man-tuyt và Ri-các-đô".

Chúng ta dám nói trước rằng việc xem xét có phê phán của Đa-vít sẽ là một sự lặp lại những định kiến tư sản à la

1) Xem tập này, tr. 156 - 157.

ông Bun-ga-cốp, hoặc... à la đồng chí Ma-xlốp mà thôi.

Chúng ta hãy chuyển sang phân tích thêm một luận điểm căn bản sai lầm nữa của Đa-vít. Bác bỏ sự biện hộ của y hoặc việc y xuyên tạc các bảng thống kê, là một việc làm rất vô vị. Về vấn đề mà chúng ta sắp chuyển qua, chúng ta có một vài số liệu mới cho phép chúng ta đối chiếu bức tranh *có thật* của thực tế với những học thuyết của chủ nghĩa tiểu thị dân hiện nay.

XI

CHĂN NUÔI TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ TRONG DOANH NGHIỆP LỚN

Trong vấn đề ruộng đất, khi bên vực nền sản xuất nhỏ, "những kẻ phê phán" hay phái Béc-stanh đặc biệt thường hay viện dẫn trường hợp sau đây. Trên một đơn vị diện tích nhất định, những nông dân nhỏ chăn nuôi rất nhiều gia súc hơn những nông dân lớn. Do đó — người ta nói — những nông dân nhỏ chăm bón ruộng đất của họ tốt hơn. Kinh doanh của họ đạt tới trình độ kỹ thuật cao hơn, vì trong nền nông nghiệp hiện đại phân bón đóng một vai trò quyết định, mà phân chuồng thì tốt hơn rất nhiều so với bất kỳ một thứ phân nhân tạo nào khác.

Ê. Đa-vít, trong cuốn "Chủ nghĩa xã hội và nông nghiệp" của mình cho rằng luận cứ này có một tầm quan trọng quyết định (bản dịch tiếng Nga, tr. 326, 526, 527). Y viết chữ ngả: "phân là linh hồn của nông nghiệp" (tr. 308) và lấy chân lý đó làm cơ sở chủ yếu cho việc bên vực nền nông nghiệp quy mô nhỏ. Y dẫn ra các bảng thống kê ở Đức chứng minh rằng các doanh nghiệp nhỏ cứ tính theo đơn vị diện tích ruộng đất thì chăn nuôi nhiều gia súc hơn là các doanh nghiệp lớn. Đa-vít tin chắc rằng những số liệu nói trên đã giải quyết dứt khoát, một cách có lợi cho y, vấn đề tính ưu việt của sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và quy mô nhỏ.

Chúng ta hãy nghiên cứu sâu hơn nữa lý luận này về vấn đề phân bón, linh hồn của nông nghiệp.

Luận cứ chính mà Đa-vít và nhiều kẻ ủng hộ y trong bọn kinh tế học tư sản đưa ra, là một luận cứ thống kê. Họ so sánh số lượng gia súc (tính theo đơn vị diện tích ruộng đất) giữa các doanh nghiệp quy mô khác nhau. Và họ mặc nhiên giả thiết rằng người ta so sánh những đại lượng cùng một loại, nghĩa là cùng một số lượng gia súc như nhau của một loại nhất định nào đó, thì ở các doanh nghiệp lớn cũng như nhỏ, có thể nói là đều có một giá trị nông nghiệp ngang nhau. Người ta giả thiết rằng một số lượng gia súc như nhau thì cung cấp một số lượng phân bón như nhau, rằng gia súc của các doanh nghiệp lớn và nhỏ đều ít nhiều có chất lượng như nhau, v.v..

Rõ ràng là ý nghĩa chứng minh của luận cứ đang được nghiên cứu đó hoàn toàn phụ thuộc vào sự đúng đắn của cái giả thiết thông thường có tính chất mặc nhiên đó. Thế luận điểm này có đúng không? Nếu từ những con số thống kê trống rỗng và tầm thường chúng ta chuyển sang phân tích những điều kiện kinh tế - xã hội của sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và nhỏ nói chung, thì chúng ta sẽ thấy ngay rằng điều mà luận điểm đó coi là đã được chứng minh lại đúng là điều cần phải được chứng minh. Chủ nghĩa Mác khẳng định rằng điều kiện chăm sóc gia súc (và như chúng ta đã thấy, cả việc chăm bón ruộng đất và những điều kiện nuôi nấng công nhân nông nghiệp) trong nền sản xuất quy mô nhỏ *xấu hơn* điều kiện chăm sóc của nền sản xuất quy mô lớn. Chính trị kinh tế học tư sản, và theo sau nó là phái Béc-stanh, thì khẳng định ngược lại: nhờ *sự chuyên cần* của người nông dân nhỏ, điều kiện chăm sóc gia súc ở doanh nghiệp nhỏ tốt hơn rất nhiều so với doanh nghiệp lớn. Muốn kiểm những số liệu thống kê soi sáng vấn đề *này*, cái mà chúng ta cần hoàn toàn không phải là bản thống kê mà Đa-vít sử dụng. Cần phải có những bản điều tra

thống kê về chất lượng chứ không phải về số lượng gia súc của các doanh nghiệp quy mô khác nhau. Trong sách báo kinh tế ở Đức có điều tra như vậy, và thậm chí có thể không phải chỉ có một lần. Và điều hết sức đặc trưng là Đa-vít đã nhét đây trong cuốn sách của y hàng trang trích dẫn không ăn nhập gì với vấn đề, rút từ đủ mọi thứ tác phẩm nông học, nhưng lại hoàn toàn lờ đi không nói đến chính những mưu toan thấy trên sách báo nhằm phát hiện những điều kiện nội tại của doanh nghiệp lớn và nhỏ, dựa trên cơ sở những cuộc điều tra chi tiết. Chúng tôi xin giới thiệu với độc giả một trong những tác phẩm đó mà Đa-vít đã bỏ qua một cách quá bất công.

Nhà văn Đức nổi tiếng về các vấn đề nông nghiệp, Đrếch-xlơ, đã công bố những kết quả của một chuyên đề "điều tra thống kê về nông nghiệp" mà ông đã đánh giá một cách đúng đắn rằng "về độ chính xác của những kết quả điều tra, khó mà có cuốn sách nào sánh kịp". Công tác điều tra đã được tiến hành ở 25 cơ sở thuộc tỉnh Han-nô-vơ (22 thôn và 3 ấp của địa chủ); người ta đã thu thập được những số liệu riêng biệt về từng doanh nghiệp, không những là về số lượng ruộng đất và gia súc, mà cả về chất lượng gia súc nữa. Để xác định chất lượng gia súc, một phương pháp đặc biệt chính xác đã được áp dụng: *cân hơi** của mỗi gia súc được quy định bằng ki-lô-gam "trên cơ sở đánh giá hết sức đúng đắn từng con một — việc đánh giá này do các chuyên gia làm". Người ta thu thập được những số liệu về

* Đa-vít biết rất rõ phương pháp này mà các nhà nông học sử dụng để xác định cân hơi của các súc vật riêng biệt. Ở trang 367, y viết tỉ mỉ về cân hơi của các loại gia súc có sừng dùng để lấy thịt, sữa hoặc cày kéo v.v.. Y chép những số liệu này của các nhà nông học. Nhưng y chưa bao giờ nghĩ rằng điều quan trọng đối với một nhà kinh tế nói chung, và một người xã hội chủ nghĩa nói riêng, không phải là sự khác nhau về giống gia súc, mà là sự khác nhau về điều kiện chăm sóc gia súc trong các doanh nghiệp nhỏ và lớn, trong các doanh nghiệp "của nông dân" và của nhà tư bản.

cân hơi của mỗi loại gia súc trong các doanh nghiệp quy mô khác nhau. Hơn nữa cuộc điều tra đã được tiến hành hai lần: lần thứ nhất vào năm 1875, lần thứ hai vào năm 1884. Đrếch-xlơ công bố* những số liệu chưa được chỉnh lý về cả ba ấp, từng ấp một, và về ba nhóm thôn; các doanh nghiệp nông dân ở các thôn được phân ra thành bảy nhóm, tính theo diện tích ruộng đất (trên 50 héc-ta, 25 đến 50, 12,5 đến 25, 7,5 đến 12,5, 2,5 đến 7,5, 1,25 đến 2,5 và dưới 1,25 héc-ta). Nếu bạn đọc chú ý rằng những số liệu của Đrếch-xlơ là thuộc về 11 loại gia súc khác nhau thì bạn sẽ thấy rõ được sự phức tạp của tất cả những bảng thống kê này. Để có những số liệu tổng quát giúp chúng ta rút ra những kết luận chung và chủ yếu, chúng tôi sẽ chia *tất cả* các doanh nghiệp thành năm nhóm chính: a) trại ấp lớn; b) doanh nghiệp nông dân có trên 25 ha (héc-ta ruộng đất); c) từ 7,5 đến 25 héc-ta; d) từ 2,5 đến 7,5 héc-ta và đ) dưới 2,5 héc-ta.

Số doanh nghiệp trong các nhóm này và số lượng ruộng đất của các doanh nghiệp đó trong những năm 1875 và 1884 là như sau: (xem biểu đồ, tr. 292. — BT).

Để giải thích những con số này, trước hết chúng ta hãy đề cập đến các loại hình kinh tế của các doanh nghiệp quy mô khác nhau. Đrếch-xlơ cho rằng tất cả những doanh nghiệp từ 7½ héc-ta trở lên đều phải thuê mướn nhân công. Như vậy là (năm 1875) có 325 doanh nghiệp nông dân thuê công nhân. Tất cả những nghiệp chủ có dưới 2½ héc-ta phải tự mình đi làm thuê. Trong số doanh nghiệp có từ 2,5 đến 7,5 héc-ta (trung bình = 4,3 héc-ta), theo tính toán của Đrếch-xlơ, thì một nửa không phải đi làm thuê, còn một nửa

* Năm 1875, trong "Schriften des Vereins für Sozialpolitik", Band XXIV, S. 112 ("Bäuerliche Zustände", B.III), và năm 1884 trong "Thiel's landwirtschaftliche Jahrbücher", Band XV (1886)¹⁾.

1) — Tác phẩm của Hội chính trị xã hội" tập XXIV, tr. 112 ("Tình cảnh nông dân", tập III), và năm 1884, "Niên giám nông nghiệp của Tin", tập XV (1886).

	Năm 1875			Năm 1884		
	Số doanh nghiệp	Số lượng ruộng đất của các doanh nghiệp ấy	Ruộng đất bình quân của 1 doanh nghiệp	Số doanh nghiệp	Số lượng ruộng đất của các doanh nghiệp ấy	Ruộng đất bình quân của 1 doanh nghiệp
(Tính theo héc-ta)						
a) Trại áp lớn	3	689	229	3	766	255
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	51	1 949	38	58	2 449	42
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	274	3 540	13	248	3 135	12
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	442	1 895	4,3	407	1 774	4,3
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	1 449	1 279	0,88	1 109	1 027	0,92
<i>Tổng số</i>	2 219	9 352	4,2	1 825	9 151	5,0

phải cho đi làm thuê. Vậy thì, trong tổng số doanh nghiệp, có 325 doanh nghiệp kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, 221 doanh nghiệp "lao động" nhỏ (theo cách nói của bọn dân tụy ở nước ta) không thuê nhân công và cũng không phải đi làm thuê, và có 1 670 doanh nghiệp nửa vô sản, phải đi làm thuê.

Đáng tiếc là cách phân loại của Đrếch-xlơ lại khác cách phân loại của thống kê chung ở Đức; theo cách phân loại ở Đức thì những nghiệp chủ có từ 5 đến 20 héc-ta đều được coi là trung nông. Tuy nhiên, cũng có điều không còn nghi ngờ gì nữa, là đa số những trung nông này không thể không thuê mướn nhân công. "Trung" nông ở Đức là những

nhà tư bản nhỏ. Còn số nông dân không thuê mướn nhân công và không phải đi làm thuê chỉ là một thiểu số không đáng kể: 221 trong số 2 216, tức là một phần mười.

Như vậy, những nhóm doanh nghiệp mà chúng ta nghiên cứu chia theo loại hình kinh tế, có những đặc điểm như sau: a) doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng lớn; b) doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng vừa ("Grossbauern"); c) doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng nhỏ; d) doanh nghiệp nông dân nhỏ và đ) doanh nghiệp nửa vô sản.

Từ 1875 đến 1884, tổng số doanh nghiệp và tổng số ruộng đất của các doanh nghiệp ấy giảm xuống. Tình trạng giảm sút này chủ yếu là xảy ra trong các doanh nghiệp nhỏ: số doanh nghiệp có từ 2 1/2 héc-ta trở xuống đã sụt từ 1.449 xuống 1 109, tức là giảm đi 340 doanh nghiệp, gần một phần tư. Ngược lại, số doanh nghiệp hết sức lớn (trên 25 héc-ta) đã tăng từ 54 lên 61, và số lượng ruộng đất của họ cũng tăng từ 2 638 héc-ta lên tới 3 215 héc-ta, tức là tăng 577 héc-ta. Vậy thì, sự cải thiện kinh doanh nói chung và việc nâng cao trình độ canh tác trong địa phương này — mà Đrếch-xlơ ca ngợi — đánh dấu sự tập trung nông nghiệp trong tay những người chiếm hữu mà số lượng ngày càng giảm xuống. "Sự tiến bộ" đã hất ra khỏi nông nghiệp khoảng 400 trong số 2 219 nghiệp chủ (đến 1884 thì còn 1 825), và đã nâng số lượng ruộng đất của các doanh nghiệp còn lại bình quân từ 4,2 lên 5 héc-ta mỗi doanh nghiệp. Ở nơi này chủ nghĩa tư bản tập trung một ngành nông nghiệp nhất định và đẩy một số nghiệp chủ nhỏ sang hàng ngũ vô sản. Ở nơi khác, sự phát triển của một nền nông nghiệp thương phẩm tạo ra một số doanh nghiệp nhỏ mới (ví dụ việc sản xuất sữa bò tại những làng ở ngoại thành, ở các nước xuất cảng sản phẩm, như Đan-mạch). Ở những nơi khác nữa, tình trạng phân tán của những doanh nghiệp hạng vừa lại làm tăng thêm số lượng những doanh nghiệp nhỏ. Những bảng thống kê tổng quát che giấu tất cả các quá trình

này; muốn nghiên cứu tất cả các quá trình đó, cần phải tiến hành điều tra nghiên cứu tỉ mỉ.

Sự tiến bộ của nông nghiệp ở địa phương kể trên được thể hiện đặc biệt là trong việc cải tiến công tác chăn nuôi. Thế mà tổng số gia súc thì đã giảm xuống. Năm 1875 có 7 208 con (tính thành gia súc lớn); đến 1884 còn 6 993 con. Trong những bảng thống kê tổng quát thì tình trạng tổng số gia súc giảm sút ấy là dấu hiệu của một sự suy sụp trong công tác chăn nuôi. Thực tế là chất lượng gia súc có tốt hơn trước, nên nếu chúng ta không tính số lượng gia súc, mà tính tổng số "cân hơi" của chúng, thì năm 1875 chúng ta có 2 556 872 ki-lô-gam và năm 1884 là 2 696 107 ki-lô-gam.

Sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa của việc chăn nuôi gia súc không phải chỉ biểu hiện ở việc tăng số lượng, thậm chí đôi khi lại biểu hiện ở việc tăng số lượng không rõ bằng ở việc tăng chất lượng, ở việc thay thế gia súc kém bằng gia súc tốt hơn, ở việc tăng thức ăn nuôi gia súc v.v..

Số lượng gia súc trung bình tính theo từng doanh nghiệp

	Năm 1875			Năm 1884		
	Gia súc lớn	Gia súc nhỏ	Tổng cộng	Gia súc lớn	Gia súc nhỏ	Tổng cộng
	(Tính thành gia súc lớn)					
a) Trại áp lớn	105	69	174	110	41	151
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	13,2	11,0	24,2	13,7	10,5	24,2
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	5,4	3,8	9,2	4,9	4,2	9,1
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	2,2	1,4	3,6	2,2	1,8	4,0
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	0,3	0,6	0,9	0,4	0,7	1,1
<i>Tổng số</i>	1,7	1,5	3,2	2,0	1,8	3,8

Trong những doanh nghiệp lớn nhất, số lượng gia súc đã giảm xuống. Trong những doanh nghiệp nhỏ nhất, số lượng gia súc tăng lên, và doanh nghiệp càng nhỏ thì gia súc tăng càng nhanh. Hình như nền sản xuất nhỏ thì tiến bộ, còn nền sản xuất lớn thì thụt lùi chẳng? Hình như học thuyết của Đa-vít đã được chứng thực chẳng?

Nhưng chỉ cần lấy những số liệu về *cân hơi trung bình* của gia súc, là ảo tưởng này tiêu tan ngay.

	Cân hơi trung bình của từng gia súc (tính ra ki-lô-gam)					
	Năm 1875			Năm 1884		
	Gia súc lớn	Gia súc nhỏ*	Tổng cộng	Gia súc lớn	Gia súc nhỏ	Tổng cộng
a) Trại áp lớn	562	499	537	617	624	619
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	439	300	376	486	349	427
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	409	281	356	432	322	382
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	379	270	337	404	287	352
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	350	243	280	373	261	301
<i>Trung bình</i>	412	256	354	446	316	385

Kết luận thứ nhất rút ra từ những số liệu đó là: doanh nghiệp quy mô càng lớn thì chất lượng gia súc càng tốt. Về mặt này, giữa những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa và những doanh nghiệp tiểu nông hoặc nửa vô sản có sự

* Các loại gia súc nhỏ được tính thành gia súc lớn theo tiêu chuẩn thông thường. Đối với một năm và với một trong 11 loại gia súc, con số ở đây là gần đúng; chỉ có số liệu về cân hơi chứ không có số liệu về số lượng gia súc.

cách biệt rất lớn. Ví dụ, năm 1884, giữa những doanh nghiệp lớn nhất và những doanh nghiệp nhỏ nhất, sự cách biệt là hơn *một trăm phần trăm*: cân hơi trung bình của một gia súc hạng vừa trong các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn là 619 ki-lô-gam, còn trong các doanh nghiệp nửa vô sản là 301 ki-lô-gam, tức là không bằng một nửa! Có thể căn cứ vào đây mà nhận xét rằng lập luận của Đa-vít và của những người đồng chí hướng với y nông cạn biết chừng nào, khi họ giả định rằng chất lượng gia súc của các doanh nghiệp lớn cũng giống như chất lượng gia súc của các doanh nghiệp nhỏ.

Ở phần trên, chúng tôi đã vạch rõ là việc chăm sóc gia súc tại các doanh nghiệp nhỏ nói chung là kém hơn. Hiện nay đã có những sự thật chứng thực điều đó. Số liệu về cân hơi của gia súc giúp ta hình dung được một cách chính xác nhất *mọi* điều kiện chăn nuôi gia súc: thức ăn, chuồng ở, lao động, chăm sóc, — tất cả mọi cái đó có thể nói là đã được thu tóm lại trong các bảng thống kê trong chuyên đề của Dréché-xlơ. Thành ra, mọi sự "chuyên cần" của người tiểu nông trong việc chăm sóc gia súc — sự chuyên cần mà ông V. V. của chúng ta và nhà lý luận người Đức Đa-vít ca tụng — không thể nào ngang bằng được, ngay cả là một cách xấp xỉ đi nữa, với những cái lợi của một nền sản xuất quy mô lớn đã cung cấp sản phẩm với chất lượng tốt hơn gấp hai lần. Chủ nghĩa tư bản đẩy người tiểu nông vào cảnh phải đòi đòi làm việc kiệt sức, phải hao phí lao động một cách vô ích, vì chăm sóc gia súc hết sức cẩn thận trong điều kiện thiếu phương tiện, thiếu thức ăn, chất lượng gia súc kém, chuồng ở tồi tàn v.v., thì chẳng khác gì hao phí lao động một cách vô ích. Trong lời đánh giá của mình, cái mà chính trị kinh tế học tư sản nêu lên hàng đầu không phải là việc chủ nghĩa tư bản làm phá sản và áp bức người nông dân, mà là sự "chuyên cần" của người lao động (lao động *cho tư bản* trong những điều kiện bị bóc lột tệ hại nhất).

Kết luận thứ hai rút ra từ những số liệu kể trên là: trong mười năm qua chất lượng gia súc tăng lên trong các doanh nghiệp hạng vừa và cũng tăng lên trong tất cả các loại doanh nghiệp. Nhưng do tình trạng tăng chất lượng chung đó, sự khác nhau về điều kiện chăn nuôi gia súc giữa các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp nhỏ, không những không giảm đi, mà lại tăng lên khá *nhiều nữa*. Tình trạng tăng chất lượng chung không làm cho các doanh nghiệp lớn và nhỏ ngang bằng nhau, mà càng đào sâu thêm cái hố cách biệt giữa họ, vì trong quá trình tăng chất lượng ấy, doanh nghiệp lớn vượt xa doanh nghiệp nhỏ. Dưới đây là bảng so sánh cân hơi trung bình của gia súc hạng vừa, theo các nhóm trong những năm 1875 và 1884:

	Cân hơi của gia súc hạng vừa tính ra ki-lô-gam		Tăng	Tăng %
	1875	1884		
a) Trại áp lớn	537	619	+82	+15,2
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	376	427	+51	+13,6
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	356	382	+26	+7,3
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	337	352	+15	+4,4
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	280	301	+21	+7,5
<i>Trung bình</i>	354	385	+31	+8,7

Chất lượng tăng nhiều nhất là ở các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn, rồi đến ở các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa hạng vừa, hoàn toàn không có ý nghĩa gì ở các doanh

ng nghiệp tiểu nông, và không đáng kể lắm ở các doanh nghiệp khác. Đrếch-xlơ, cũng như tuyệt đại đa số các nhà nông học, khi viết về vấn đề kinh tế nông nghiệp chỉ chú ý đến mặt kỹ thuật của vấn đề. Trong lời kết luận thứ năm rút ra từ sự so sánh giữa năm 1875 và 1884, Đrếch -xlơ viết: "Có một sự tiến bộ rất to lớn trong việc chăn nuôi gia súc*: số lượng gia súc giảm đi, nhưng chất lượng lại tăng lên; cân hơi trung bình tính theo từng đầu gia súc trong cả ba nhóm thôn** đều tăng lên rất nhiều. Điều này chứng tỏ rằng *ít nhiều khắp nơi* (ziemlich allgemein) đều có sự cải thiện quan trọng trong việc chăn nuôi gia súc, trong vấn đề thức ăn và chăm sóc gia súc".

Những chữ "ít nhiều khắp nơi", mà chúng tôi viết ngả, chính là chứng tỏ rằng tác giả không biết đến mặt kinh tế - xã hội của vấn đề; "nhiều" đây là đối với các doanh nghiệp lớn, còn "ít" là đối với các doanh nghiệp nhỏ. Đrếch-xlơ không nhận thấy điều đó, vì y chỉ chú ý đến số liệu về các nhóm thôn, chứ không chú ý đến các nhóm doanh nghiệp thuộc các loại khác nhau.

Bây giờ chúng ta chuyển sang những số liệu về súc vật cày kéo, để làm sáng tỏ những điều kiện kinh doanh theo nghĩa hẹp của nó: kinh doanh nông nghiệp. Tính theo số lượng súc vật cày kéo, chúng ta có những số liệu dưới đây, phản ánh đặc điểm của các doanh nghiệp mà chúng ta đang xem xét:

* Ở đây Đrếch-xlơ nói đến tất cả gia súc, trừ gia súc cày kéo (gọi là Nutzvieh). Sau này chúng tôi sẽ dẫn ra những số liệu riêng về gia súc cày kéo. Kết luận chung vẫn như vậy, dù chúng ta đề cập đến loại gia súc nào hoặc đến các nhóm thuộc loại gia súc nào cũng thế.

** Đrếch-xlơ chia 22 thôn thành ba nhóm theo vị trí địa lý và các điều kiện canh tác khác. Chúng tôi chỉ lấy những số liệu tổng quát để không chồng chất quá nhiều số liệu vào bài này. Những kết luận vẫn không thay đổi, dù chúng ta đề cập đến các nhóm thôn nào cũng vậy.

	Số lượng súc vật cày kéo trung bình tính theo từng doanh nghiệp	
	1875	1884
a) Trại ấp lớn	27	44
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	4,7	5,5
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	2,1	2,4
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	1,3	1,5
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	0,07	0,16
<i>Trung bình</i>	0,7	1,0

Như vậy, tuyệt đại bộ phận các doanh nghiệp nửa vô sản (dưới 2,5 héc-ta, năm 1884 có 1 109 doanh nghiệp như thế trong số 1 825 doanh nghiệp) hoàn toàn không có súc vật cày kéo. Không thể coi những doanh nghiệp này là những doanh nghiệp nông nghiệp theo đúng nghĩa của danh từ ấy. Dù sao, thì căn cứ theo điều kiện sử dụng súc vật cày kéo cũng không thể đem những doanh nghiệp mà 93% hoặc 84% hoàn toàn không dùng súc vật cày kéo, so sánh với những doanh nghiệp lớn. Vậy nếu về mặt này chúng ta so sánh những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn với những doanh nghiệp tiểu nông, chúng ta sẽ thấy là những doanh nghiệp trên (nhóm a) có 132 súc vật cày kéo cho 766 héc-ta ruộng đất, và những doanh nghiệp dưới (nhóm d) có 632 con cho 1 774 héc-ta (năm 1884), nghĩa là những doanh nghiệp trên có 1 súc vật cày kéo cho khoảng *sáu* héc-ta, và những doanh nghiệp dưới có 1 con cho khoảng *ba* héc-ta. Rõ ràng là những doanh nghiệp nhỏ phải tiêu tốn gấp *hai lần* so với các doanh nghiệp lớn trong việc chăn nuôi súc vật cày kéo. Sản xuất quy mô nhỏ có nghĩa là phân tán các phương tiện kỹ thuật của sản xuất và là tiêu phí lao động một cách vô ích do sự phân tán đó.

Nguyên nhân của tình trạng phân tán này một phần là do những doanh nghiệp nhỏ buộc phải sử dụng súc vật cày kéo *chất lượng xấu*, cụ thể là phải dùng bò cái làm súc vật

cày kéo. Dưới đây là tỷ lệ phần trăm số bò cái so với tổng số súc vật *cày kéo*:

	Năm 1875	Năm 1884
a) Trại áp lớn	—	—
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	—	2,5%
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	6,3%	11,4%
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	60,7%	64,9%
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	67,7%	77,9%
<i>Trung bình</i>	27,0%	33,4%

Qua đó, người ta thấy rõ rằng tình trạng sử dụng bò cái vào công việc đồng áng ngày càng tăng lên, rằng trong các doanh nghiệp tiểu nông và nửa vô sản, bò cái là súc vật *cày kéo* chủ yếu. Đa-vít có xu hướng muốn coi đó là một sự tiến bộ, hoàn toàn giống như Đrếch-xlơ là người đã đứng hoàn toàn trên quan điểm tư sản và đã viết trong các câu kết luận của y: "Số lớn các doanh nghiệp nhỏ đã chuyển sang sử dụng bò cái làm súc vật *cày kéo*, việc này *hợp lý với họ hơn*". Điều này "*hợp lý hơn*" đối với những doanh nghiệp nhỏ, vì nó *ré tiến hơn*. Và nó *ré tiến hơn*, vì súc vật *cày kéo* xấu đã thay thế cho súc vật *cày kéo* tốt. Sự tiến bộ của tiểu nông mà Đrếch-xlơ và Đa-vít khâm phục, hoàn toàn giống như sự tiến bộ của những người thợ dệt bằng tay đang mất đi, những người này đang chuyển sang sử dụng những nguyên liệu ngày càng xấu hơn, những phế liệu của sản xuất ở công xưởng.

Năm 1884, cân hơi trung bình của một con bò cái dùng để *cày kéo* là 381 ki-lô-gam*, trong khi ngựa dùng để *cày kéo* nặng trung bình là 482 kg và bò đực dùng để *cày kéo* nặng trung bình là 553 kg. Năm 1884, loại súc vật *cày kéo* cuối cùng này, loại khỏe nhất, chiếm gần nửa số súc vật *cày*

* Cân hơi trung bình của bò cái không dùng trong công việc đồng áng là 421 kg.

kéo của những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn; — khoảng một phần tư súc vật *cày kéo* của những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa vừa và nhỏ; — non một phần năm súc vật *cày kéo* của các doanh nghiệp tiểu nông, và non một phần mười súc vật *cày kéo* của các doanh nghiệp nửa vô sản. Vậy có nghĩa là, doanh nghiệp càng lớn thì chất lượng súc vật *cày kéo* càng cao. Cân hơi trung bình của mỗi đầu súc vật *cày kéo* hạng vừa như sau:

	Năm 1875	Năm 1884
a) Trại áp lớn	554	598
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	542	537
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	488	482
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	404	409
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	377	378
<i>Trung bình</i>	464	460

Như vậy, nhìn chung toàn bộ thì súc vật *cày kéo* *sút kém đi*. Trong thực tế, ở những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn, chất lượng súc vật *cày kéo* tăng lên nhiều, ở tất cả các hộ khác, không có sự thay đổi gì, hoặc có sự *sút kém đi*. Từ năm 1875 đến 1884, sự cách biệt về chất lượng súc vật *cày kéo* giữa sản xuất quy mô lớn và sản xuất quy mô nhỏ cũng *tăng lên*. Việc các doanh nghiệp nhỏ chuyển sang dùng bò cái làm súc vật *cày kéo* là một hiện tượng phổ biến ở Đức*. Và số liệu của chúng ta đã chứng minh một cách chính xác rằng hiện tượng này có nghĩa là những điều kiện sản xuất nông nghiệp *sút kém đi*, sự bần cùng của nông dân tăng lên.

Để kết thúc việc nghiên cứu những số liệu trong tập

* Về vấn đề này, xem ở trên, chương VIII: "Những số liệu tổng quát của thống kê nông nghiệp Đức"¹⁾.

1) Xem tập này, tr. 234 - 250.

chuyên đề của Đrếch-xlơ, chúng ta trích dẫn thêm bảng tính toán về số lượng và cân hơi của toàn bộ gia súc tính theo đơn vị diện tích ruộng đất, tức là bảng tính toán mà Đa-vít đã xây dựng căn cứ theo những số liệu thống kê nông nghiệp Đức nói chung:

	Trên một héc-ta ruộng đất			
	Tổng số gia súc (tính thành gia súc lớn)		Cân hơi của toàn bộ gia súc tính theo ki-lô-gam	
	1875	1884	1875	1884
a) Trại ấp lớn	0,77	0,59	408	367
b) Doanh nghiệp từ 25 héc-ta trở lên	0,63	0,57	238	244
c) Doanh nghiệp từ 7,5 đến 25 héc-ta	0,71	0,72	254	277
d) Doanh nghiệp từ 2,5 đến 7,5 héc-ta	0,85	0,94	288	328
đ) Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	1,02	1,18	286	355
<i>Trung bình</i>	0,77	0,76	273	294

Đa-vít chỉ giới hạn ở những số liệu về tổng số gia súc trên 1 héc-ta ruộng đất. Trong thí dụ của chúng ta, cũng như trong toàn bộ nền nông nghiệp Đức, những số liệu đó vạch rõ rằng số lượng gia súc tính theo đơn vị ruộng đất đã *giảm sút* trong những doanh nghiệp lớn. Thí dụ, năm 1884, các doanh nghiệp nửa vô sản có gấp đôi số gia súc trên một héc-ta, so với những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn (1,18 so với 0,59). Nhưng đến nay, chúng ta đã biết rằng trong bảng tính toán như thế người ta đã so sánh những việc không thể so sánh được. Những số liệu về cân hơi của gia súc đã chỉ rõ tương quan thực sự giữa các doanh nghiệp: về mặt

này cũng vậy, sản xuất quy mô lớn có một hoàn cảnh thuận lợi hơn sản xuất quy mô nhỏ, vì nó có số gia súc *maximum* xét theo cân hơi trên từng đơn vị diện tích, và do đó cũng có cả số phân bón *maximum*. Như vậy, kết luận của Đa-vít cho rằng nói chung những doanh nghiệp nhỏ có đầy đủ phân bón hơn, là trái hẳn với tình hình thực tế. Hơn nữa, cần phải chú ý rằng, thứ nhất, những số liệu của chúng ta không đã động đến phân bón nhân tạo mà chỉ có những nghiệp chủ khá giả mới có điều kiện mua được; thứ hai, sự so sánh số lượng gia súc căn cứ theo cân hơi đã đặt gia súc lớn với gia súc nhỏ ngang nhau, thí dụ 45.625 kg là cân hơi của 68 gia súc lớn trong một doanh nghiệp lớn và 45.097 kg là cân hơi của 1.786 con *đé* trong các doanh nghiệp nhỏ (năm 1884). Trong thực tế, ưu thế của các doanh nghiệp lớn về phân chuồng còn lớn hơn nhiều so với điều có thể thấy được qua những số liệu của chúng ta*.

Kết quả: Đa-vít dùng câu "phân là linh hồn của nông nghiệp" để khỏi phải nói về những mối quan hệ kinh tế - xã hội trong các doanh nghiệp chuyên chăn nuôi và đã trình bày vấn đề một cách hoàn toàn xuyên tạc.

Sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa có ưu thế rất lớn so với sản xuất quy mô nhỏ về mặt chất lượng gia súc nói chung, về mặt chất lượng súc vật cày kéo nói riêng, về mặt những điều kiện chăn nuôi gia súc, về mặt nâng cao chất lượng gia súc và sử dụng gia súc để lấy phân bón.

* Chúng ta hãy nhớ lại lời tuyên bố của Klawki trích dẫn ở trên (chương VI)¹⁾: "Việc sản xuất phân của các nghiệp chủ nhỏ kém hơn rơm của họ cắt ngắn phân lớn rơm dùng cho gia súc ăn (cũng lại có nghĩa là chất lượng thức ăn của gia súc kém), và rơm để rải cho gia súc nằm thì ít hơn".

1) Xem tập này, tr. 205.

XII

**"XỨ LÝ TƯỞNG" THEO QUAN ĐIỂM CỦA
NHỮNG NGƯỜI CHỐNG LẠI CHỦ NGHĨA MÁC
TRONG VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT***

Quan hệ về ruộng đất và chế độ ruộng đất ở Đan-mạch có nhiều điều đáng cho nhà kinh tế chú ý. Chúng ta đã thấy** Ê. Đa-vít, người đại biểu chính của chủ nghĩa xét lại trong văn học hiện đại về vấn đề ruộng đất, tích cực sử dụng như thế nào tấm gương của các hội nông nghiệp ở Đan-mạch và sự canh tác (được mệnh danh là) "của tiểu nông" Đan-mạch. Hen-rích Pu-đo — người có tác phẩm được Ê. Đa-vít sử dụng — gọi Đan-mạch là "xứ lý tưởng của các hợp tác xã nông nghiệp"***. Ở nước Nga chúng ta cũng vậy, đại biểu của những quan điểm tự do chủ nghĩa và dân túy cũng luôn luôn sử dụng Đan-mạch làm con "chủ bài" chống lại chủ nghĩa Mác để ủng hộ học thuyết về sức sống của nền sản xuất quy mô nhỏ trong nông nghiệp; chúng tôi xin nêu ra, chẳng hạn, bài diễn văn của tên tự do chủ nghĩa Ghéc-txen-stanh tại Đu-ma I và bài diễn văn của tên dân túy Ca-ra-va-ép tại Đu ma II.

* Bài này là một chương (chương XII) trong tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" của tác giả, in trong quyển "Vấn đề ruộng đất" mới xuất bản gần đây, phần I (Xanh Pê-téc-bua, 1908). Chỉ vì một sự chậm trễ ngẫu nhiên khi đưa in chương này nên nó mới không có trong quyển sách nói trên. Vì vậy, tất cả những chỗ dẫn ra trong phần xuất bản hiện nay là thuộc về tác phẩm đó.

** VI. I-lin. "Vấn đề ruộng đất", phần I. Bài "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"", các chương X và XI¹⁾.

*** Dr. Heinrich Pudor. "Das landwirtschaftliche Genossenschaftswesen im Auslande", I B, Lpz. 1904, S. V.²⁾ Pu-đo là kẻ thù chống lại kịch liệt chủ nghĩa Mác.

1) Xem tập này, tr. 273 - 304.

2) — Tiến sĩ Hen-rích Pu-đo. "Hợp tác xã nông nghiệp ở nước ngoài", tập I, Lai-pxích, 1904, tr. V.

So với các nước châu Âu khác, sự canh tác của "tiểu nông" ở Đan-mạch phổ biến nhất, và nông nghiệp ở đây phồn vinh nhất vì nó đã biết cách thích ứng được với những điều kiện và đòi hỏi mới của thị trường. Nếu như tiểu nông nghiệp có thể "phồn vinh" tại những nước sản xuất hàng hóa, thì tất nhiên là trong số tất cả các nước châu Âu, Đan-mạch ở vào một vị trí tốt nhất về mặt này. Do đó, nghiên cứu tường tận chế độ ruộng đất ở Đan-mạch sẽ có hai điều bổ ích. Từ cái thí dụ về toàn bộ một nước, chúng ta sẽ thấy chủ nghĩa xét lại sử dụng những phương pháp nào trong vấn đề ruộng đất, và những đặc điểm nào là những đặc điểm chủ yếu thật sự của chế độ ruộng đất tư bản chủ nghĩa tại một nước tư bản chủ nghĩa "lý tưởng".

Thống kê nông nghiệp ở Đan-mạch được tổ chức theo kiểu các nước châu Âu khác. Nhưng về nhiều mặt, nó cung cấp những tài liệu chi tiết hơn, những con số đã được phân tích chọn lọc tốt hơn, giúp chúng ta nghiên cứu những mặt của vấn đề thường bị bỏ qua. Chúng ta hãy bắt đầu từ những số liệu chung về việc phân chia các doanh nghiệp thành từng nhóm tính theo diện tích ruộng đất. Dựa vào thống kê nông nghiệp ở Đan-mạch* chúng ta sẽ chuyển đơn vị "hartkorn", đơn vị đo đất đai thông dụng ở Đan-mạch, thành héc-ta (ha), cứ 1 hartkorn bằng 10 héc-ta.

Thống kê nông nghiệp ở Đan-mạch cung cấp những tài liệu về việc phân chia các doanh nghiệp trong những năm 1873, 1885 và 1895; tất cả các doanh nghiệp được chia thành 11 nhóm như sau: nhóm không có ruộng đất; nhóm có dưới 0,3 héc-ta (đúng hơn là dưới 1/32 hartkorn), nhóm có từ

* "Danmarks Statistik. Statistik Aarbog" 8-de aargang, 1903, p. 31¹⁾, lời chú thích. Tất cả những số liệu dẫn ra sau đây đều thuộc về Đan-mạch, theo nghĩa là Đan-mạch chính cống, tức là không kể đảo Boóc-hóm.

1) — "Thống kê Đan-mạch. Bảng thống kê hàng năm", năm thứ 8, 1903, tr. 31.

0,3 đến 2,5 héc-ta, nhóm có từ 2,5 đến 10 héc-ta, nhóm có từ 10 đến 20 héc-ta, nhóm có từ 20 đến 40 héc-ta, nhóm có từ 40 đến 80 héc-ta, nhóm có từ 80 đến 120 héc-ta, nhóm có từ 120 đến 200 héc-ta, nhóm có từ 200 đến 300 héc-ta, nhóm có từ 300 héc-ta trở lên. Để sự chú ý của bạn đọc không bị phân tán quá nhiều, chúng tôi xin hợp nhất các nhóm này thành 6 nhóm lớn hơn: (xem biểu đồ, tr. 307. — BT).

Trước hết, cần rút ra từ những số liệu này một kết luận căn bản, mà chính trị kinh tế học tư sản và bọn xét lại theo gót nó thường bỏ qua. Đó là kết luận: đại bộ phận ruộng đất ở Đan-mạch nằm trong tay các chủ ruộng kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Chắc chắn là không phải chỉ những nghiệp chủ có từ 120 héc-ta trở lên, mà cả những nghiệp chủ có từ 40 héc-ta trở lên cũng đều dùng lao động làm thuê để tiến hành kinh doanh. Năm 1895, hai nhóm cao nhất này chỉ chiếm tất cả có 11% tổng số doanh nghiệp, nhưng trong tay họ đã tập trung tới 62% tổng số ruộng đất, tức là hơn ba phần năm. Cơ sở của nông nghiệp Đan-mạch là nông nghiệp *tư bản chủ nghĩa* quy mô lớn và vừa. Những câu chuyện bảo rằng đó là một "xứ nông dân" và đó là "canh tác quy mô nhỏ", — đấy chỉ là một sự biện hộ tư sản, chỉ là lời xuyên tạc sự thật, do những nhà tư tưởng có chức vị và không có chức vị của tư bản thốt ra mà thôi.

Về mặt này, cần phải nêu lên rằng ở Đan-mạch cũng như ở các nước như châu Âu khác mà chế độ tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp đã được xác lập hoàn toàn, thì tỷ lệ các nhóm tư bản chủ nghĩa cao nhất trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thay đổi tương đối ít theo với thời gian. Năm 1873, 13,2% các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa chiếm 63,9% tổng số ruộng đất; năm 1885, 11,5% các doanh nghiệp đó chiếm 62,3% ruộng đất. Cần phải luôn luôn chú ý đến tính chất ổn định đó của nông nghiệp quy mô lớn, khi vấn đề là phải so sánh những số liệu của các năm khác nhau, vì trong sách báo, chúng ta thường hay thấy người ta lấy sự so sánh

	1873				1885				1895			
	Số doanh nghiệp	%	Ruộng đất tính bằng héc-ta	%	Số doanh nghiệp	%	Ruộng đất tính bằng héc-ta	%	Số doanh nghiệp	%	Ruộng đất tính bằng héc-ta	%
Không có ruộng đất	302 283	13,3%	—	—	302 283	13,6%	—	—	302 283	12,4%	—	—
Từ 2,5 héc-ta trở xuống	65 490	27,9%	54 340	1,5%	62 467	31,8%	62 260	1,7%	62 656	34,9%	63 490	1,9%
Không có ruộng đất " 2,5 đến 10 héc-ta	31 253	13,3%	—	—	35 329	13,6%	—	—	32 946	12,4%	—	—
Từ 2,5 héc-ta trở xuống " 10 " 40 "	65 672	27,9%	333 760	9,1%	67 773	26,2%	345 060	9,5%	66 491	25,0%	341 020	9,4%
" 2,5 héc-ta trở xuống " 10 " 40 "	65 490	27,9%	54 340	1,5%	82 487	31,8%	62 260	1,7%	92 656	34,8%	63 490	1,8%
" 2,5 đến 10 héc-ta " 40 " 120 "	41 671	17,7%	928 310	25,5%	43 740	16,9%	966 850	26,5%	44 557	16,8%	981 070	26,8%
" 2,5 đến 10 héc-ta " 40 " 120 "	65 672	27,9%	333 760	9,1%	67 773	26,2%	345 060	9,5%	66 491	25,0%	341 020	9,4%
" 10 " 40 " " 120 héc-ta trở lên	29 288	12,5%	1 809 590	49,6%	27 938	10,8%	1 722 820	47,1%	27 301	10,3%	1 691 950	46,4%
" 10 " 40 " " 120 héc-ta trở lên	41 671	17,7%	928 310	25,5%	43 740	16,9%	966 850	26,5%	44 557	16,8%	981 070	26,8%
" 120 héc-ta trở lên	1 856	0,7%	522 410	14,3%	1 953	0,7%	551 530	15,2%	2 031	0,7%	568 220	15,6%
" 40 " 120 " " 120 héc-ta trở lên	29 288	12,5%	1 809 590	49,6%	27 938	10,8%	1 722 820	47,1%	27 301	10,3%	1 691 950	46,4%
Tổng số	235 230	100,0%	3 648 410	100,0%	259 220	100,0%	3 648 520	100,0%	265 982	100,0%	3 645 750	100,0%
" 120 héc-ta trở lên	1 856	0,7%	522 410	14,3%	1 953	0,7%	551 530	15,2%	2 031	0,7%	568 220	15,6%

những sự thay đổi về chi tiết như thế để che lấp những đặc điểm chủ yếu của một chế độ kinh tế - xã hội nhất định.

Số đông những doanh nghiệp nhỏ ở Đan-mạch cũng như ở các nước châu Âu khác đóng một vai trò không đáng kể trong tổng sản lượng nông nghiệp. Năm 1895, tổng số doanh nghiệp có diện tích dưới 10 héc-ta chiếm 72,2% tổng số doanh nghiệp, nhưng họ chỉ chiếm có 11,2% ruộng đất. Tỷ lệ này về căn bản không thay đổi trong những năm 1885 và 1873. Các doanh nghiệp nhỏ thường thuộc những người nửa vô sản; như chúng ta đã thấy, các số liệu thống kê ở Đức chứng tỏ điều này một cách tuyệt đối đối với những doanh nghiệp dưới 2 héc-ta, và phần nào đối với những doanh nghiệp dưới 5 héc-ta. Sau này, khi trích dẫn các số liệu về số lượng gia súc trong các doanh nghiệp thuộc các nhóm khác nhau, chúng ta sẽ thấy rằng đối với khối đông các đại biểu khét tiếng đó của chế độ "canh tác quy mô nhỏ" không thể nói tới một nền nông nghiệp độc lập thật sự và ổn định đôi chút được. 47,2% số doanh nghiệp, tức là non một nửa, là những doanh nghiệp vô sản và nửa vô sản (những doanh nghiệp không có ruộng đất và những doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta); 25%, tức là một phần tư số doanh nghiệp (từ 2,5 đến 10 héc-ta) là thuộc về những tiểu nông túng thiếu, — đó là cơ sở của sự "phồn vinh" của chủ nghĩa tư bản nông nghiệp ở Đan-mạch. Đương nhiên, căn cứ theo những số liệu về số lượng ruộng đất chúng ta có thể xét đoán, nhưng chỉ là một cách đại cương, tổng quát, về một nước có nền chăn nuôi thương phẩm phát triển mạnh mẽ. Nhưng, như bạn đọc sẽ thấy, những số liệu về chăn nuôi mà chúng ta nghiên cứu tỉ mỉ dưới đây, chỉ làm cho những kết luận đã được rút ra càng vững chắc hơn.

Bây giờ chúng ta hãy xem từ 1873 đến 1895, tình hình phân phối ruộng đất ở Đan-mạch giữa các doanh nghiệp lớn và nhỏ đã thay đổi như thế nào. Ở đây, điều đập ngay vào

mắt chúng ta là sự tăng lên — một sự tăng lên điển hình, theo lối tư bản chủ nghĩa — của các doanh nghiệp ở hai cực và sự giảm sút của các doanh nghiệp hạng vừa. Trong các doanh nghiệp nhỏ nhất có dưới 2,5 héc-ta, thì tỷ lệ các doanh nghiệp nông nghiệp (tức là không kể những doanh nghiệp không có ruộng đất) tăng lên: 27,9% năm 1873, 31,8% năm 1885 và 34,8% năm 1895. Tỷ lệ này tiếp tục giảm xuống ở trong tất cả các nhóm hạng vừa và chỉ đứng nguyên không thay đổi (0,7%) ở trong nhóm cao nhất, có từ 120 héc-ta trở lên. Tỷ lệ toàn bộ ruộng đất tăng lên ở trong các doanh nghiệp lớn nhất có từ 120 héc-ta trở lên: 14,3% - 15,2% - 15,6% trong ba năm nói trên; nó tăng lên ít hơn một chút ở trong các doanh nghiệp nông dân hạng vừa (từ 10 đến 40 héc-ta: 25,5% - 26,5% - 26,8%) trong khi phần tổng số hộ trong nhóm này giảm xuống; nó tăng lên một cách không đều ở trong các doanh nghiệp có từ 2,5 đến 10 héc-ta (9,1% - 9,5% - 9,4%) và không ngừng tăng lên ở trong các doanh nghiệp nhỏ nhất (1,5% - 1,7% - 1,8%). Kết quả là khuynh hướng phát triển của các doanh nghiệp lớn nhất và nhỏ nhất đã bộc lộ hết sức rõ rệt. Muốn làm sáng tỏ hơn nữa hiện tượng này, cần phải lấy diện tích trung bình của các doanh nghiệp tính theo các nhóm trong những năm khác nhau. Dưới đây là những số liệu như thế:

	Diện tích trung bình của các doanh nghiệp (héc-ta)		
	1873	1885	1895
Doanh nghiệp dưới 2,5 héc-ta	0,83	0,75	0,68
từ 2,5 đến 10 héc-ta	5,08	5,09	5,13
" 10 " 40 héc-ta	22,28	22,08	22,01
" 40 " 120 héc-ta	61,00	61,66	61,97
" 120 héc-ta trở lên	281,40	282,30	279,80
<i>Trung bình</i>	15,50	14,07	13,70

Qua những số liệu này, chúng ta thấy rằng diện tích của các doanh nghiệp trong phần lớn các nhóm đều hết sức ổn định. Những biến đổi rất không đáng kể: từ 1 đến 2% (ví dụ: 279,8 - 282,3 héc-ta, hoặc 22,01 - 22,28 héc-ta v.v.). Trường hợp ngoại lệ *duy nhất* là các doanh nghiệp nhỏ nhất; các doanh nghiệp này chắc chắn đang bị *xé lẻ*: diện tích trung bình của những doanh nghiệp này (dưới 2,5 héc-ta) đã giảm đi 10% từ 1873 đến 1885 (từ 0,83 đến 0,75 héc-ta), và từ 1885 đến 1895 cũng giảm đi như vậy. Ở Đan-mạch, tổng số doanh nghiệp tăng lên, trong khi tổng số diện tích ruộng đất hầu như không thay đổi (từ 1885 đến 1895 tổng số diện tích ruộng đất thậm chí đã giảm chút ít). Hơn nữa, phần lớn sự tăng lên là thuộc về các doanh nghiệp nhỏ nhất. Thí dụ, từ 1873 đến 1895, tổng số doanh nghiệp tăng thêm 30.752 doanh nghiệp; số doanh nghiệp có dưới 2,5 héc-ta tăng thêm 27.166 doanh nghiệp. Rõ ràng là trong điều kiện như thế thì việc diện tích trung bình của tất cả các doanh nghiệp ở Đan-mạch giảm xuống (15,5 héc-ta năm 1873, 14,1 héc-ta năm 1885, và 13,7 héc-ta năm 1895) trên thực tế đánh dấu một *sự xé lẻ của riêng* các doanh nghiệp *nhỏ nhất*.

Hiện tượng mà chúng ta nêu lên sẽ còn rõ rệt hơn nữa, nếu ta lấy một sự phân chia thành nhóm còn nhỏ hơn nữa. Trong lời tựa tập thống kê nông nghiệp ở Đan-mạch năm 1895 ("Danmarks Statistik etc. Danmarks Jordbrug". 4-de Raekke, Nr. 9, litra C ¹⁾ những người biên soạn đưa ra một bản tính toán về sự thay đổi con số doanh nghiệp tính theo nhóm: (xem biểu đồ, tr. 311. — *BT*).

Như vậy, những doanh nghiệp rất nhỏ bé đã tăng lên; đó hoặc là những doanh nghiệp chuyên trồng một loại cây đặc biệt, hoặc là những "doanh nghiệp" của *công nhân làm thuê*.

1) — "Thống kê Đan-mạch, v. v.. Nông nghiệp Đan-mạch". Đợt 4, số 9, chữ C

	tăng hoặc giảm %	
	từ năm 1885 đến năm 1895	từ năm 1873 đến năm 1885
Doanh nghiệp có từ 300 héc-ta trở lên	+ 4,2	+ 5,0
" " 200 đến 300 héc-ta	0	+ 6,1
" " 120 " 200 "	+ 5,2	+ 5,1
" " 80 " 120 "	— 1,5	— 2,1
" " 40 " 80 "	— 2,4	— 5,0
" " 20 " 40 "	+ 1,0	+ 3,6
" " 10 " 20 "	+ 2,8	+ 6,5
" " 2,5 " 10 "	— 1,9	+ 3,2
" " 0,3 " 2,5 "	+ 2,1	+ 17,8
" " 0 " 0,3 "	+ 25,1	+ 37,9

Kết luận này đáng chú ý vì cái "khoa học" biện hộ theo kiểu giảng đường đã có khuynh hướng là từ sự giảm sút diện tích trung bình của tất cả các hộ mà rút ra kết luận rằng nói chung sản xuất quy mô nhỏ đang đánh bại sản xuất quy mô lớn trong nông nghiệp. Trên thực tế chúng ta nhận thấy sự tiến bộ trong nông nghiệp quy mô lớn nhất, sự ổn định về diện tích các doanh nghiệp trong tất cả các nhóm, trừ những doanh nghiệp nhỏ nhất, và sự *xé lẻ* của các doanh nghiệp nhỏ nhất. Phải quy sự xé lẻ này do tình trạng suy sụp và bản cùng hóa của nền nông nghiệp quy mô nhỏ: lời giải thích khác có thể có, như bước quá độ từ nông nghiệp, theo nghĩa hẹp của nó, sang chăn nuôi, thì không thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp nhỏ nhất, vì bước quá độ này diễn ra trong *tất cả* các nhóm, như lát nữa chúng ta sẽ thấy. Ở một nước như Đan-mạch, để xét đoán quy mô kinh doanh của nông dân thì những số liệu về chăn nuôi quan trọng hơn rất nhiều so với những số liệu về diện tích ruộng đất, vì trên cùng một diện tích ruộng đất người ta có thể tiến hành kinh doanh với những quy mô

khác nhau, khi mà chăn nuôi và việc sản xuất sữa đang phát triển đặc biệt nhanh chóng.

Như mọi người đều biết, chính đó là hiện tượng mà người ta thấy ở Đan-mạch. "Sự phồn vinh" của nền nông nghiệp Đan-mạch tùy thuộc chủ yếu là vào những thành công nhanh chóng của ngành chăn nuôi thương phẩm có xuất cảng sản phẩm về sữa, thịt, trứng v. v. sang nước Anh. Ở đây, chúng ta được nghe lời tuyên bố trịnh trọng của Pu-đo nói rằng ở Đan-mạch "sự phát triển hết sức to lớn của việc kinh doanh sữa chính là do sự phân tán của ngành chăn nuôi và doanh nghiệp chăn nuôi" (l. c., tr. 48, Pu-đo viết ngả). Không có gì đáng ngạc nhiên là chính Pu-đo, với toàn bộ hệ thống quan điểm thuần túy con buôn của y, hoàn toàn không hiểu gì về những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, lại dám xuyên tạc sự thật như vậy. Nhưng có một điều hết sức đặc trưng là tên tiểu thị dân Đa-vít, do một sự hiểu lầm nào đó được kể vào số những người xã hội chủ nghĩa, lại theo đuôi Pu-đo một cách không phê phán!

Trên thực tế, chính Đan-mạch chỉ cho ta thấy một cách đặc biệt rõ ràng *sự tập trung* của ngành chăn nuôi trong một nước tư bản chủ nghĩa. Chỉ vì Pu-đo quá ư dốt nát, và vì y đã xuyên tạc những *mẫu* thống kê trích dẫn ra trong cuốn sách của y, nên y mới đi tới kết luận ngược lại. Pu-đo trích dẫn, còn Đa-vít thì lập lại nguyên xi những con số chứng minh việc phân chia tất cả các doanh nghiệp chăn nuôi ở Đan-mạch căn cứ theo số lượng gia súc. Theo Pu-đo, thế là 39,85% tổng số doanh nghiệp *có gia súc* chỉ có từ 1 đến 3 con; 29,12% có từ 4 đến 9 con v. v.. Thế có nghĩa là, — Pu-đo kết luận, — đại bộ phận là các doanh nghiệp "nhỏ"; đang có "sự phân tán" v. v..

Trước hết, Pu-đo trích dẫn những con số *không đúng*. Phải nêu điều này lên, vì tên Pu-đo này huênh hoang tuyên bố rằng người ta có thể thấy trong tác phẩm của y những số liệu thống kê "mới nhất"; và bọn xét lại thì "bác bỏ chủ

nghĩa Mác" bằng cách viện dẫn những cây bút tư sản quen dốt nát. Thứ đến, và đây là điều chủ yếu, *phương pháp* lập luận của bọn Pu-đo và Đa-vít được bọn dân chủ - lập hiến¹⁰³ và bọn dân túy ở nước ta lập đi lập lại quá nhiều nên chúng ta không thể không đề cập tới. Phương pháp lập luận *như vậy* tất sẽ dẫn đến kết luận rằng *công nghiệp* tại những nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất đang "phân tán" ra, vì *ở khắp nơi và bất cứ lúc nào* tỷ lệ các cơ sở nhỏ và nhỏ nhất cũng cao nhất, còn tỷ lệ các cơ sở lớn thì không đáng kể. Bọn Pu-đo và Đa-vít quên mất điều "nhỏ nhất" này: trong toàn bộ sản xuất thì đại bộ phận là tập trung ở cái phần nhỏ bé của những xí nghiệp lớn.

Theo tài liệu thống kê gần đây, ngày 15 tháng Bảy 1898, tình hình phân phối thực tế tổng số gia súc có sừng ở Đan-mạch là như sau *:

			Doanh nghiệp	%	Gia súc có sừng	%
Có	1	con vật có sừng	18.376	10,2	18.376	1,0
"	2	" "	27.394	15,2	54.788	3,1
"	3	" "	22.522	12,5	67.566	3,9
"	từ 4 đến 5	" "	27.561	15,2	121.721	7,0
"	6 " 9	" "	26.022	14,4	188.533	10,8
"	10 " 14	" "	20.375	11,3	242.690	13,9
"	15 " 29	" "	30.460	16,9	615.507	35,3
"	30 " 49	" "	5.650	3,1	202.683	11,6
"	50 " 99	" "	1.498	0,8	99.131	5,7
"	100 " 199	" "	588	0,3	81.417	4,7
		200 con trở lên"	195	0,1	52.385	3,0
<i>Tổng số</i>			180.641	100,0	1.744.797	100,0

* "Danmarks Statistik. Statistik Tabelvaerk". Femte Raekke, litra C, N^o 2. Kreaturholdet d. 15 juli 1898. København, 1901¹⁾.

1) — "Thống kê Đan-mạch. Các bảng thống kê". Đợt 5, chữ C, số 2. Ngành chăn nuôi, 15 tháng Bảy 1898. Cö-pen-ha-gø, 1901

Từ bảng trên chúng ta thấy rõ số rất đông các doanh nghiệp nhỏ và số ít các doanh nghiệp lớn đóng một vai trò như thế nào trong toàn bộ ngành kinh doanh chăn nuôi ở Đan-mạch; chúng ta cũng thấy rõ "sự phân tán" sản xuất trừ danh trong "một xứ lý tưởng" là như thế nào. Số doanh nghiệp nhỏ có từ 1 đến 3 gia súc có sừng là 68.292, tức là 37,9% tổng số; các doanh nghiệp này có 140.730 con, tức là vắn vẹn chỉ 8% tổng số gia súc có sừng. Một số gia súc tương đương là 133.802 con, tức là 7,7%, nằm trong tay 783 nghiệp chủ lớn nhất, chiếm 0,4% tổng số nghiệp chủ. Những doanh nghiệp thuộc nhóm thứ nhất có trung bình mỗi doanh nghiệp hơn 2 súc vật có sừng một chút, nghĩa là một số lượng rõ ràng không đủ để tiến hành chăn nuôi thương phẩm; họ chỉ có thể bán sản phẩm bằng sữa và thịt bằng cách giãm bớt ăn uống trong gia đình (chúng ta hãy nhớ lại những sự thật mà ai cũng biết là: bán bơ đi và mua mỡ thực vật rẻ về dùng v.v.). Những doanh nghiệp thuộc nhóm thứ hai có trung bình mỗi doanh nghiệp 171 gia súc có sừng. Họ là những phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa lớn nhất, những "người sản xuất" sữa và thịt, "những người lãnh đạo" tiến bộ kỹ thuật và đủ mọi loại hội nông nghiệp, mà những tên tiểu thị dân sùng bái "hòa bình xã hội" hằng say mê thán phục.

Nếu chúng ta hợp nhất những nghiệp chủ nhỏ và vừa lại, chúng ta sẽ có tổng số những nghiệp chủ có tới 9 gia súc có sừng: 121.875 nghiệp chủ, tức hai phần ba tổng số nghiệp chủ (67,5%). Họ có tất cả 450.984 con, tức là một phần tư tổng số (25,8%). Một số gia súc tương đương là 435.616 con (25%) nằm trong tay những nghiệp chủ có từ 30 gia súc có sừng trở lên; số lượng những chủ hộ này lên tới 7.931 tức là 4,3% tổng số nghiệp chủ. Một "sự phân tán" thật là tuyệt.

Đem những sự phân chia nhỏ trong bảng thống kê Đan-mạch nói trên quy lại thành ba nhóm lớn, chúng ta có bảng dưới đây:

	Số doanh nghiệp	%	Gia súc có sừng	%	Bình quân 1 doanh nghiệp
Doanh nghiệp có từ 1 đến 3 gia súc có sừng	68.292	37,9	140.730	8,0	2,1
Doanh nghiệp có từ 4 đến 9 con	53.583	29,6	310.254	17,8	5,8
Doanh nghiệp có từ 10 con trở lên	58.766	32,5	1.293.813	74,2	22,0
<i>Tổng số</i>	180.641	100,0	1.744.797	100,0	9,7

Như vậy, *ba phần tư* toàn bộ ngành kinh doanh chăn nuôi ở Đan-mạch tập trung trong tay 58.766 nghiệp chủ, tức là non *một phần ba* tổng số nghiệp chủ. Một phần ba này được hưởng phần lợi to lớn nhất của sự "phồn vinh" của chủ nghĩa tư bản trong nền nông nghiệp Đan-mạch. Ngoài ra, cần phải thấy rằng, nhờ phương pháp tính toán giả tạo gạt bỏ *tất cả những nghiệp chủ không có gia súc* nên mới có được một tỷ lệ số nông dân khá giả và những nhà tư bản giàu có cao như vậy (32,5% tức là gần một phần ba). Trong thực tế, tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều. Như chúng ta đã thấy theo thống kê năm 1895 thì tổng số nghiệp chủ nông nghiệp ở Đan-mạch là 265.982, còn bản thống kê gia súc ngày 15 tháng Bảy 1898 thì lại tính tổng số nghiệp chủ là 278.673. So với tổng số thực sự các nghiệp chủ nông nghiệp thì 58.766 nghiệp chủ khá giả và giàu có chỉ chiếm tất cả có 21,1%, tức là *chỉ chiếm vắn vẹn có một phần năm*. Nếu số "nghiệp chủ" không có ruộng đất chiếm 12,4% tổng số nghiệp chủ nông nghiệp ở Đan-mạch (năm 1895: 32.946 trong số 265.982), thì số nghiệp chủ không có gia súc * chiếm 35,1%

* Muốn cho chính xác hơn thì phải nói là những nghiệp chủ không có gia súc có sừng vì, tiếc thay tài liệu thống kê Đan-mạch không ghi

tiết *tổng số nghiệp chủ nông nghiệp ở Đan-mạch tức là hơn một phần ba* (năm 1898: 98.032 trong số 278.673). Do đó có thể xét đoán "chủ nghĩa xã hội" của các ngài Đa-vít — họ không nhận thấy rằng sự phân vinh tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp Đan-mạch là dựa trên cơ sở *vô sản hóa đồng đảo* dân cư nông nghiệp, trên cơ sở *đồng đảo* "nghiệp chủ nông nghiệp" bị tước mất tư liệu sản xuất — là thứ chủ nghĩa xã hội nào.

Bây giờ chúng ta chuyển sang những số liệu nói lên toàn bộ nền nông nghiệp và chăn nuôi của Đan-mạch. Thống kê ngày 15 tháng Bảy 1898 đã cung cấp những số liệu chi

Nông nghiệp và chăn nuôi ở Đan

Nhóm doanh nghiệp	Số doanh nghiệp	%	Ruộng đất ha	%	Ngựa	%
Không có ruộng đất	13 435	4,8	—	—	1 970	0,5
Diện tích ruộng đất không rõ	45 896	16,5	?	?	28 909	6,4
Dưới 2,5 ha	80 582	28,9	55 272	1,5	24 540	5,5
Từ 2,5 đến 10 ha	63 420	22,8	323 430	8,9	54 900	12,2
" 10 " 40 "	45 519	16,3	984 983	27,0	133 793	29,8
" 40 " 120 "	27 620	9,9	1 692 285	46,4	168 410	37,5
" 120 ha trở lên	2 201	0,8	588 318	16,2	36 807	8,1
<i>Tổng số</i>	278 673	100,0	3.644.288	100,0	449 329	100,0

Chú giải: Số liệu năm 1898 không ăn khớp với số liệu năm 1895 về thể vừa là do có sự thay đổi về thời gian, vừa là do phương pháp thu mỗi tương quan giữa các nhóm vẫn như cũ. Thống kê năm 1895, ngoài chưa chia. Nhóm doanh nghiệp có "diện tích ruộng đất không rõ" (năm bằng chúng nói rõ điều này.

số nghiệp chủ *không có bất cứ loại gia súc nào*. Qua tài liệu thống kê này, chúng ta chỉ biết số người chiếm hữu từng loại gia súc. Nhưng không nghi ngờ gì cả, gia súc có sừng là cơ sở chủ yếu của toàn bộ ngành kinh doanh chăn nuôi ở Đan-mạch.

về số lượng gia súc trong các nhóm nghiệp chủ nông nghiệp khác nhau, các nhóm có một khoảng diện tích ruộng đất nhất định. Trong các bảng thống kê của Đan-mạch, con số các nhóm này đặc biệt lớn (14 nhóm: không có ruộng đất, có dưới 1/32 hartkorn, có từ 1/32 đến 1/16, có từ 1/16 đến 1/8, có từ 1/8 đến 1/4, có từ 1/4 đến 1/2, có từ 1/2 đến 1, có từ 1 đến 2, có từ 2 đến 4, có từ 4 đến 8, có từ 8 đến 12, có từ 12 đến 20, có từ 20 đến 30, có từ 30 trở lên); chúng tôi lấy các số liệu đem quy lại thành sáu nhóm lớn như chúng tôi đã làm trước đây:

mạch theo thống kê ngày 15 tháng Bảy 1898

	Bò cái	%	Gia súc có sừng	%	Cừu	%	Lợn	%	Gà vịt	%
	3 707	0,3	4 633	0,3	8 943	0,8	8 865	0,8	220 147	2,5
	28 072	2,6	42 150	2,4	42 987	4,0	42 699	3,7	780 585	8,9
	66 171	6,2	88 720	5,1	99 705	9,3	94 656	8,1	1 649 452	18,8
	175 182	16,4	247 618	14,2	187 460	17,5	191 291	16,4	1 871 242	21,4
	303 244	28,5	515 832	29,6	383 950	35,7	308 863	26,4	1 957 726	22,3
	361 669	33,9	639 563	36,6	310 686	28,9	409 294	35,0	1 998 595	22,8
	129 220	12,1	206 281	11,8	40 682	3,8	112 825	9,6	289 155	3,3
	1 067 265	100,0	1 744 797	100,0	1 074 413	100,0	1 168 493	100,0	8 766 902	100,0

mặt phân chia các doanh nghiệp theo số lượng ruộng đất. Điều này có nhập tài liệu có phần khác nhau. Nhưng nhìn chung trong toàn bộ thì 3.645.750 ha ruộng đất đã chia, còn tính thêm cả 45.860 ha ruộng đất (1898) gồm phần lớn những nhóm thấp nhất; số lượng gia súc là một

Qua những số liệu này, trước hết chúng ta thấy mức độ tập trung của *toàn bộ* công việc chăn nuôi ở Đan-mạch lớn như thế nào. Những nghiệp chủ tư bản chủ nghĩa lớn có từ 40 ha ruộng đất trở lên chỉ chiếm tất cả có *một phần mười*

tổng số nghiệp chủ (10,7%); nhưng đồng thời họ lại tập trung trong tay *hơn ba phần năm* toàn bộ ruộng đất (62,6%) và *gần một nửa* tổng số gia súc: 45,6% tổng số ngựa, 48,4% tổng số gia súc có sừng, 32,7% tổng số cừu, 44,6% tổng số lợn.

Nếu chúng ta cộng thêm số nông dân khá giả, tức là những nông dân có từ 10 đến 40 héc-ta ruộng đất, vào số các nghiệp chủ tư bản chủ nghĩa nói trên thì chúng ta sẽ có hơn một phần tư một chút tổng số nghiệp chủ (27,0%) tập trung trong tay chín phần mười tổng số ruộng đất, ba phần tư tổng số ngựa, bốn phần năm tổng số gia súc có sừng, bảy phần mười tổng số lợn và hơn một nửa tổng số gà vịt. Đại bộ phận "nghiệp chủ nông nghiệp", gần ba phần tư (73%), mỗi hộ chiếm hữu dưới 10 héc-ta ruộng đất, và nói chung hợp thành một khối vô sản hóa và nửa vô sản hóa; họ đóng một vai trò không đáng kể trong toàn bộ nền nông nghiệp và chăn nuôi của cả nước.

Sau nữa, về mặt phân chia các loại gia súc, cần đặc biệt chú ý đến ngành chăn nuôi cừu và lợn. Do điều kiện thị trường và sự cạnh tranh của các nước bên kia đại dương, ngành chăn cừu là một ngành chăn nuôi đang suy sụp, hiện nay không có lợi cho đa số các nước ở châu Âu. Điều kiện thị trường thế giới đòi hỏi phải thay ngành chăn nuôi cừu bằng các loại chăn nuôi khác. Trái lại, chăn nuôi lợn là một ngành chăn nuôi lấy thịt đặc biệt có lợi và đang phát triển nhanh chóng ở châu Âu. Số liệu thống kê cho ta thấy rằng ở Đan-mạch, ngành chăn nuôi cừu cũng đang suy sụp, còn ngành chăn nuôi lợn thì phát triển rất nhanh chóng. Từ năm 1861 đến năm 1898, số cừu ở Đan-mạch đã giảm từ 1,7 triệu xuống 1,1 triệu con. Số lượng gia súc có sừng tăng từ 1,1 triệu lên 1,7 triệu con. Số lợn đã tăng từ 0,3 triệu lên 1,2 triệu con, tức là tăng gần 4 lần.

Vậy thì đem so sánh tình hình phân chia cừu và lợn trong các doanh nghiệp nhỏ và lớn, chúng ta thấy rõ rằng các doanh

nh nghiệp nhỏ là cổ hủ nhất, thích nghi ít nhất với yêu cầu của thị trường và chậm chạp trong việc chấn chỉnh tổ chức lại các doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện mới. Những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn (từ 40 đến 120 ha, từ 120 ha trở lên) đã giảm đi nhiều nhất việc chăn nuôi cừu vì không có lợi (28,9% và 3,8% cừu so với 33 - 37%, và 8 - 12% các loại gia súc khác). Các doanh nghiệp nhỏ thích nghi ít hơn: họ vẫn còn nuôi một số lớn cừu; ví dụ, các doanh nghiệp dưới 2,5 ha còn có tới 9,3% tổng số cừu, so với 6 - 5% các loại gia súc khác. Lợn của các doanh nghiệp này chiếm 8,1%, tức là chiếm một phần *nhỏ* so với cừu. Lợn của bọn tư bản chiếm 35% và 9,6%, nghĩa là chiếm một phần *lớn* so với cừu. Nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa có thể thích nghi tốt hơn với những yêu cầu của thị trường thế giới. Về người nông dân thì ngay cả bây giờ chúng ta cũng vẫn phải nói lại những lời của Mác: người nông dân trở thành thương gia và nhà công nghệ không cần có những điều kiện giúp anh ta trở thành thương gia và nhà công nghệ thật sự¹⁰⁴. Thị trường *đòi hỏi bất kỳ* nghiệp chủ nào, — với tính cách là một điều tất yếu tuyệt đối, — cũng phải phục tùng những điều kiện mới và nhanh chóng thích nghi với những điều kiện đó. Nhưng không có *tư bản*, thì không thể thích nghi nhanh chóng được. Cho nên, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nền kinh doanh nhỏ tất yếu rơi vào tình trạng cổ hủ nhất, lạc hậu nhất, thích nghi ít nhất với thị trường.

Để hình dung một cách cụ thể hơn đặc điểm kinh tế thật sự của số đông thiểu số này và của thiểu số nhỏ bé sung túc, chúng ta hãy trích dẫn những số liệu về diện tích ruộng đất bình quân và số gia súc bình quân trong các nhóm doanh nghiệp khác nhau. Đối với chính trị kinh tế học tư sản (và các vị xét lại) thì che giấu những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản là một điều tự nhiên: chính trị kinh tế học xã hội chủ nghĩa phải làm sáng rõ sự khác nhau giữa các *loại* doanh

ng nghiệp và sự khác nhau giữa mức sống của các nghiệp chủ tư bản chủ nghĩa trừ phú với mức sống của những nghiệp chủ nhỏ túng thiếu.

Nhóm doanh nghiệp	Bình quân từng doanh nghiệp						
	Ruộng đất ha	Ngựa	Bò cái	Tổng số gia súc có sữa	Cừu	Lợn	Gà vịt
Không có ruộng đất	—	0,1	0,3	0,3	0,7	0,7	16,4
Diện tích ruộng đất không rõ	?	0,6	0,6	0,9	0,9	0,9	17,0
Dưới 2,5 ha	0,6	0,3	0,8	1,1	1,2	1,2	20,4
Từ 2,5 đến 10 "	5,1	0,9	2,7	3,9	2,9	3,0	29,5
" 10 " 40 "	21,6	2,9	6,6	11,3	8,4	6,8	43,0
" 40 " 120 "	61,3	6,1	13,8	23,1	11,2	14,9	72,4
" 120 ha trở lên	267,3	16,7	58,7	93,7	18,5	51,2	131,3
<i>Trung bình</i>	13,1	1,6	3,8	6,3	3,9	4,2	31,5

Những số liệu trên đây chỉ rõ rằng tất cả ba nhóm thấp nhất, bao gồm một nửa tổng số doanh nghiệp đều là những *nông dân nghèo*. Các "nghiệp chủ" không có ngựa và không có bò cái chiếm phần lớn. Chỉ ở nhóm có dưới 2,5 ha ruộng đất thì mới có bình quân mỗi doanh nghiệp một con gia súc *nguyên vẹn*, một con cừu và một con lợn. Rõ ràng là đối với *một nửa* tổng số doanh nghiệp này, không thể nói đến lời lãi trong việc chăn nuôi để lấy sữa và thịt. Đối với nửa số doanh nghiệp này, sự phồn vinh của nền nông nghiệp Đan-mạch có nghĩa là sự lệ thuộc vào các nghiệp chủ lớn, là sự tất yếu phải kiếm thêm "công việc phụ", tức là phải bán sức lao động bằng cách này hay cách khác, suốt đời túng thiếu và ở tình trạng nửa phá sản.

Đương nhiên, kết luận này chỉ đúng với toàn bộ cái *khối đông đảo* những doanh nghiệp nghèo nhất đó mà thôi. Căn cứ theo những số liệu thống kê về tình hình nông nghiệp ở Đức, Pháp và Nga, chúng ta đã chỉ ra rằng ngay trong những doanh nghiệp chiếm hữu ít ruộng đất, cũng có những người chăn nuôi nhiều, những người trồng thuốc lá nhiều v.v.. Tình trạng phân hoá còn sâu xa hơn mức mà chúng ta có thể hình dung được qua những số liệu thống kê của Đan-mạch. Nhưng sự phân hoá này, bằng cách tách ra trong mỗi nhóm một thiểu số không đáng kể những hộ trồng trọt đặc biệt, chỉ *làm tăng thêm* sự nghèo đói và thiếu thốn của *số đông* các nghiệp chủ thuộc các nhóm nghèo khổ nhất.

Thứ nữa, qua những số liệu đã trích dẫn, người ta cũng thấy rõ rằng nhóm tiểu nông có từ 2 1/2 đến 10 héc-ta không thể được coi là tương đối khá giả và vững vàng về mặt kinh tế. Chúng ta hãy nhớ lại là trong nhóm này có 63 ngàn doanh nghiệp, tức là 22,8% tổng số. Và trong nhóm đó bình quân mỗi doanh nghiệp có 0,9 con ngựa. Người không có ngựa tất phải dùng bò cái để kéo, do đó đã gây ảnh hưởng xấu đến công việc canh tác (cày nông hơn) và công việc chăn nuôi (làm yếu gia súc). Về bò cái, bình quân mỗi doanh nghiệp có 2,7 con. Nếu người ta giảm bớt mức tiêu dùng sản phẩm sữa và thịt trong gia đình của mình — mà sự giảm bớt này là dấu hiệu rõ ràng của tình trạng túng thiếu hết sức nặng nề, — thì số lượng bò cái đó cũng chỉ cung cấp được một số rất ít sản phẩm để bán. Phần các doanh nghiệp như vậy, với mức bình quân chiếm hữu là 2,7 bò cái và 3 lợn, tham gia vào sự "phồn vinh" của việc tiêu thụ có tính chất "quốc gia" về sữa và thịt sang Anh, *không thể không* là hết sức không đáng kể. Với các doanh nghiệp quy mô như vậy, nền nông nghiệp và chăn nuôi thương phẩm có nghĩa là một phần thì lấy những thứ cần thiết cho gia đình đem bán đi, làm cho việc ăn uống sút kém đi, làm cho sự túng thiếu thêm gay gắt,

và một phần thì bán vụn vặt, tức là trong những điều kiện vô cùng bất lợi, và không thể có tiền để dành để phòng những món chi bất thường không thể tránh được. Trong hoàn cảnh những nước tư bản chủ nghĩa hiện đại thì nền kinh tế tự nhiên của người tiểu nông chỉ có thể vất vưởng, chết dần chết mòn một cách đau đớn, chứ tuyệt nhiên không thể hưng thịnh được. Toàn bộ "thủ đoạn bịp bợm" của chính trị kinh tế học tư sản và xét lại là ở chỗ không nghiên cứu riêng biệt những điều kiện của loại doanh nghiệp nhỏ ở dưới mức "trung bình" như thế (doanh nghiệp "trung bình" ở Đan-mạch có 1,6 ngựa và 3,8 bò cái), và bao gồm *tuyệt đại bộ phận* tổng số nghiệp chủ. Không những người ta không nghiên cứu riêng loại doanh nghiệp này, mà người ta còn che lấp nó bằng cách dựa vào những số liệu "trung bình", vào sự phát triển chung của "sản xuất" và "tiêu thụ", lờ đi không nói đến một sự thật là chỉ có những doanh nghiệp khá giả, bao gồm một thiểu số rất nhỏ, mới *có thể* tiêu thụ một cách có lợi được.

Chỉ ở những nghiệp chủ có từ 10 đến 40 ha, chúng ta mới thấy một số lượng gia súc đủ để tạo ra *khả năng* "phồn vinh". Nhưng số doanh nghiệp này chỉ chiếm tất cả có 16% tổng số. Có phải là với mức chiếm hữu bình quân 21,6 héc-ta ruộng đất thì hoàn toàn không cần phải thuê mướn nhân công không, — đó còn là một vấn đề. Với nền nông nghiệp thâm canh cao độ ở Đan-mạch, những cơ sở quy mô lớn như vậy chắc chắn không thể kinh doanh được nếu không có sự tham gia của những cố nông hay những người làm công nhật. Tiếc thay các nhà thống kê Đan-mạch và phần lớn những người viết về nền nông nghiệp Đan-mạch đều hoàn toàn đứng trên quan điểm tư sản, không nghiên cứu vấn đề lao động làm thuê, quy mô các doanh nghiệp cần phải sử dụng lao động làm thuê v.v.. Theo bản thống kê về nghề nghiệp ở Đan-mạch năm 1901, chúng ta chỉ biết rằng trong nhóm "những người làm công nhật" v.v. thì có 60.000 nam

và 56.000 nữ, tức là 116.000 trong số 972.000 người ở nông thôn đã được sắp xếp phân chia theo địa vị của họ trong sản xuất. Còn như hàng vạn công nhân làm thuê đó (và thêm vào đó cả những tiểu nông đi làm mướn dưới hình thức "nghề phụ") có hoàn toàn được 30.000 nghiệp chủ tư bản chủ nghĩa lớn (27.620 người có từ 40 đến 120 ha và 2.201 người có trên 120 ha) thuê hay một phần được những nông dân khá giả có từ 10 đến 40 héc-ta thuê không — điều đó chúng ta không được biết.

Không cần nói nhiều về hai nhóm cao nhất, về "30.000" doanh nghiệp trên của nền nông nghiệp Đan-mạch; những con số dẫn chứng ngay từ đầu đã minh họa rõ tính chất tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp và chăn nuôi của họ.

Sau hết, những số liệu cuối cùng, đáng chú ý về mặt chung, mà các bảng thống kê nông nghiệp ở Đan-mạch đã đề cập tới và phân tích một phần, là những số liệu liên quan đến vấn đề: sự phát triển chăn nuôi, nền tảng chủ yếu của sự "phồn vinh" của "xứ lý tương" đó, diễn ra bằng quá trình phân tán hay tập trung. Bảng thống kê năm 1898 mà chúng tôi đã trích dẫn, cung cấp nhiều số liệu hết sức bổ ích so với bảng thống kê năm 1893; còn đối với một loại gia súc (nhưng quan trọng nhất), tức là gia súc có sừng, — chúng ta cũng có thể so sánh những số liệu năm 1876 và 1898.

Từ năm 1893 đến 1898, trong tất cả các ngành chăn nuôi thì ngành chăn nuôi lợn là ngành phát triển mạnh hơn cả ở Đan-mạch. Trong thời gian này số lượng lợn đã tăng từ 829.000 lên tới 1.168.000 con, tức là tăng 40%, trong khi số ngựa chỉ tăng từ 410.000 lên 449.000, số gia súc có sừng từ 1.696.000 lên 1.744.000, còn số cừu thậm chí lại sụt đi. Vậy chủ yếu ai là người được hưởng nhiều nhất về cái lợi của sự tiến bộ khổng lồ này của các chủ hộ Đan-mạch, hợp nhất lại trong vô số tổ chức hợp tác? Những người lập bảng thống kê năm 1898 đã giải đáp vấn đề này bằng cách so sánh các số liệu năm 1893 và 1898. Tất cả những người

có lợn được chia thành bốn nhóm: nhóm lớn có từ 50 con trở lên, nhóm lớn - vừa có từ 15 đến 49 con, nhóm nhỏ - vừa có từ 4 đến 14 con, và nhóm nhỏ có từ 1 đến 3 con. Những người lập bảng đó đã cung cấp tình hình của bốn nhóm đó như sau:

Nhóm doanh nghiệp	1893		1898		Tỷ lệ tăng hoặc giảm		Tỷ lệ phân chia lợn	
	Số		Số		Doanh nghiệp	Lợn	1893	1898
	Doanh nghiệp	Lợn	Doanh nghiệp	Lợn				
Từ 50 con trở lên	844	79 230	1 487	135 999	76,2	71,7	9,6	11,6
" 15 đến 49 con	20 602	350 277	30 852	554 979	48,2	58,4	42,3	47,5
" 4 " 14 con	38 357	211 868	50 668	282 642	32,1	33,4	25,5	24,2
" 1 " 3 "	108 820	187 756	108 544	194 873	0,3	3,8	22,6	16,7
<i>Tổng số</i>	168 623	829 131	191 551	1 168 493	13,6	40,9	100,0	100,0

Những số liệu trên đây chỉ cho chúng ta thấy rõ là đang có sự *tập trung* nhanh chóng của ngành chăn nuôi. Doanh nghiệp càng lớn thì càng được nhiều lợi do sự "tiến bộ" của ngành chăn nuôi. Các doanh nghiệp lớn đã tăng số gia súc lên 71,7%, các doanh nghiệp lớn - vừa tăng 58,4%, các doanh nghiệp nhỏ - vừa tăng 33,4%, còn các doanh nghiệp nhỏ chỉ tăng 3,8%. Sự giàu có tăng lên chủ yếu là trong thiểu số bé nhỏ "bên trên". Tổng số lợn tăng lên trong năm năm là 339.000 con; trong số đó thì 261.000 con, tức là *hơn ba phần tư*, thuộc các doanh nghiệp lớn và lớn - vừa với con số là 32.000 doanh nghiệp (trong tổng số 266.000 - 277.000 doanh nghiệp!). Nền sản xuất nhỏ trong ngành chăn nuôi loại này đã bị nền sản xuất quy mô lớn *lấn át*: trong

năm năm, phần các doanh nghiệp lớn *tăng lên* (từ 9,6% lên 11,6%), phần các doanh nghiệp lớn-vừa cũng tăng lên (từ 42,3% lên 47,5%); còn phần của các doanh nghiệp nhỏ-vừa thì *giảm đi* (từ 25,5% xuống 24,2%) và phần của các doanh nghiệp nhỏ lại càng *giảm* nhiều hơn nữa (từ 22,6% xuống 16,7%).

Nếu thay vào bảng thống kê sơ sài về *diện tích*, chúng ta có được một bảng thống kê về kinh doanh nông nghiệp nói lên quy mô sản xuất một cách chính xác như số lượng gia súc nói lên* quy mô của ngành kinh doanh chăn nuôi thì chẳng còn nghi ngờ gì nữa, cả ở đây nữa, chúng ta cũng sẽ thấy quá trình *tập trung* mà các giáo sư tư sản và bọn cơ hội phủ nhận.

Điều đáng chú ý hơn nữa là những số liệu tương ứng về tổng số gia súc có sừng; chúng ta có thể bổ sung việc so sánh những năm 1893 và 1898, do những người lập bảng thống kê năm 1898 tiến hành, bằng cách so sánh với những số liệu thống kê ngày 17 tháng Bảy 1876 ("Danmarks Statistik. Statistik Tabelvaerk", 4-de Raekke, litra C. Nr. I. Kreaturholdet d. 17juli 1876. København, 1878¹⁾). Dưới đây là những số liệu tương ứng trong ba năm ấy: (xem biểu đồ tr. 326. — *BT*)

Những số liệu này bao trùm một khoảng thời gian dài hơn và thuộc về một loại gia súc quan trọng hơn, chỉ cho chúng ta thấy quá trình *tập trung tư bản chủ nghĩa* một cách cũng rõ ràng như các số liệu đã trích dẫn ở trên. Sự phát triển của việc kinh doanh chăn nuôi ở Đan-mạch, sự phát triển của ngành chăn nuôi *hầu như chỉ* là sự tiến bộ

* Chúng ta đã chỉ ra ở trên, theo các số liệu của Đrếch-xơ rằng gia súc ở các doanh nghiệp lớn thì lớn hơn. Như thế là cả ở đây cũng vậy, các số liệu thống kê tổng quát đã giảm đi mức độ tập trung.

1) — "Thống kê Đan-mạch. Các bảng thông kê", đợt 4, chữ C, số I. Ngành chăn nuôi, 17 tháng Bảy 1876. Cö-pen-ha-gø, 1878.

Nhóm doanh nghiệp	1876	Số		1893		1898		Tỷ lệ tăng hoặc giảm %				Tỷ lệ phân chia gia súc có sừng %			
		Doanh nghiệp	Gia súc có sừng	Doanh nghiệp	Gia súc có sừng	Doanh nghiệp	Gia súc có sừng	Số	Số	Số	Số	Số	Số	Số	Số
		Số		Số		Số		Số		Số		Số		Số	
Từ 50 con trở lên	1 634	156 728	2 209	221 667	2 281	232 933	35,2	41,4	3,3	5,1	11,8	13,0	13,4	100,0	100,0
" 15 đến 49 con	24 096	514 678	35 200	793 474	36 110	818 190	46,1	54,1	2,6	3,1	39,0	46,8	46,8	31,8	8,1
" 4 " 14 "	64 110	504 193	72 173	539 301	73 958	552 944	12,5	6,9	2,5	2,5	38,2	31,8	31,7	8,4	8,1
" 1 " 3 "	78 156	144 930	70 218	141 748	68 292	140 730	10,2	2,2	2,7	0,7	11,0	8,4	8,1	100,0	100,0
Tổng số	167 996	1 320 529	179 800	1 696 190	180 641	1 744 797	7,0	28,4	0,5	2,9	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

của kinh doanh tư bản chủ nghĩa quy mô lớn. Tổng số tăng thêm gia súc từ năm 1876 đến 1898 là 424.000 con. Trong số này, 76.000 con thuộc các doanh nghiệp có 50 con trở lên và 303.000 con thuộc các doanh nghiệp có từ 15 đến 49 con, nghĩa là 38.000 doanh nghiệp bên trên tăng thêm 379.000 con, hay gần chín phần mười tổng số tăng thêm gia súc. Không thể tưởng tượng được một bức tranh nổi bật hơn về sự tập trung tư bản chủ nghĩa.

Từ 1876 đến 1898, tổng số doanh nghiệp có gia súc có sừng đã tăng thêm 12.645 doanh nghiệp (180.641 - 167.996) tức là tăng 7,5%. Từ năm 1880 đến 1901 (nghĩa là ngay cả trong khoảng thời gian ngắn hơn chút ít), tổng số dân ở Đan-mạch đã tăng từ 1.969.039 lên 2.449.540 người*, tức là tăng 24,4%. Rõ ràng là số lượng tương đối "những người chiếm hữu" tức là những người có gia súc đã giảm xuống. Một phần nhỏ nhân dân thuộc về số những người sở hữu. Số lượng những người chiếm hữu ít nhất (từ 1 đến 3 con) luôn luôn giảm đi một cách tuyệt đối. Số lượng những người chiếm hữu nhỏ-vừa (có từ 4 đến 14 con) tăng rất chậm (+ 12,5% từ 1876 đến 1893, + 2,5% từ 1893 đến 1898), chậm hơn cả mức tăng của dân số. Chỉ có ngành chăn nuôi tư bản chủ nghĩa quy mô lớn là thật sự tăng nhanh mà thôi; từ 1876 đến 1893, những doanh nghiệp lớn - vừa tăng nhanh hơn những doanh nghiệp lớn, còn từ 1893 đến 1898 thì những doanh nghiệp lớn nhất tăng nhanh nhất.

Nếu, căn cứ theo những số liệu năm 1876 và 1898, chúng ta lấy loại doanh nghiệp lớn nhất có từ 200 gia súc có sừng trở lên, chúng ta sẽ thấy rằng năm 1876 có 79 doanh nghiệp (0,05% tổng số người chăn nuôi) với 18.970 gia súc có sừng (1,4% tổng số gia súc có sừng), nhưng đến năm 1898, số doanh nghiệp này đã tăng hơn gấp đôi, tức là tới 195 doanh nghiệp (0,1% tổng số) với 52.385 gia súc có sừng (3,0%

* Năm 1880 dân cư thành thị chiếm 28%, và năm 1901 chiếm 38%.

tổng số). Số lượng những nghiệp chủ lớn nhất tăng hơn gấp đôi, và sản lượng của họ tăng gần gấp ba.

Sản xuất quy mô lớn không ngừng lấn át sản xuất quy mô nhỏ từ 1876 đến 1898. Phần các doanh nghiệp nhỏ giảm xuống không ngừng: từ 11,0% năm 1876 xuống 8,4% năm 1893, và xuống đến 8,1% năm 1898. Phần các doanh nghiệp vừa cũng không ngừng giảm xuống, tuy có chậm hơn đôi chút (38,2% - 31,8% - 31,7%). Phần các doanh nghiệp lớn vừa tăng từ 39,0% năm 1876 lên 46,8% năm 1893, nhưng vẫn giữ nguyên mức cũ từ 1893 đến 1898. Chỉ có các doanh nghiệp lớn nhất là tăng lên không ngừng, lấn át tất cả các loại khác (11,8% - 13,0% - 13,4%).

Điều kiện càng thuận lợi cho việc kinh doanh chăn nuôi bao nhiêu thì ngành chăn nuôi thương phẩm phát triển và tiến bộ càng nhanh bấy nhiêu, và quá trình tập trung tư bản chủ nghĩa cũng càng mạnh bấy nhiêu. Ví dụ, khu Cô-pen-ha-gơ với dân số 234 000 người năm 1880 và 378 000 người năm 1901, là một thị trường tiêu thụ các sản phẩm bằng sữa và thịt hết sức đảm bảo. Những nghiệp chủ nông nghiệp ở khu này có nhiều gia súc có sừng hơn tất cả các nghiệp chủ khác ở Đan-mạch, cả trong năm 1876 và năm 1898, trung bình mỗi doanh nghiệp có 8,5 con và 11,6 con so với mức trung bình trong toàn quốc là 7,9 và 9,7. Chính là ở khu này — một nơi có những điều kiện thuận lợi nhất cho việc phát triển ngành chăn nuôi — chúng ta thấy quá trình tập trung mạnh nhất.

Dưới đây là những số liệu của khu này năm 1876 và 1898, theo những nhóm mà chúng ta thừa nhận ở trên: (xem biểu đồ, tr. 329. — *BT.*)

Ở đây, ngay cả số lượng tuyệt đối của những người sở hữu cũng giảm xuống trong 22 năm! Phần lớn gia súc đều tập trung trong tay một số ít nghiệp chủ. Sau 22 năm, số lượng các nghiệp chủ nhỏ và vừa trở nên *ít đi*, và họ có một số lượng gia súc *ít hơn*. Các nghiệp chủ lớn - vừa đã tăng

	1876		1898	
	Số		Số	
	Doanh nghiệp	Gia súc có sừng	Doanh nghiệp	Gia súc có sừng
Từ 50 con trở lên	44	4 488	86	9 059
" 15 đến 49 con	1 045	22 119	1 545	35 579
" 4 " 14 "	2 011	16 896	1 900	14 559
" 1 " 3 "	2 514	4 468	1 890	3 767
<i>Tổng số</i>	5 614	47 971	5 421	62 964

tài sản của họ lên gấp rưỡi (từ 22 000 con lên 35 000 con). Các nghiệp chủ lớn tăng tài sản của họ lên *hơn gấp đôi*. Trong số những nghiệp chủ lớn nhất có từ 200 gia súc có sừng trở lên, năm 1876 có *hai* người có 437 con có sừng; nhưng đến năm 1898, đã có tới 10 người có 2 896 con có sừng.

Những sự cố gắng chạy vạy của bọn Pu-đo, Đa-vít và những tên đầy tớ tự nguyện hay không tự nguyện khác của tư bản để cải thiện điều kiện tiêu thụ, để phát triển việc thống nhất các nghiệp chủ vào các hội, để đạt được sự tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp và chăn nuôi, chỉ có thể có một ý nghĩa: làm cho ở khắp toàn quốc và trong tất cả các ngành nông nghiệp sẽ nhanh chóng có những chế độ như ở khu Cô-pen-ha-gơ, nghĩa là tập trung sản xuất một cách đặc biệt nhanh chóng vào tay bọn tư bản và tước đoạt, vô sản hoá nhân dân, giáng bớt phần những người sở hữu trong toàn dân, tăng phần những người mà chủ nghĩa tư bản đang đẩy từ nông thôn ra thành thị, v.v..

Tóm lại: "xử lý tương" theo quan điểm của những người chống lại chủ nghĩa Mác trong vấn đề ruộng đất, chỉ cho chúng ta thấy một cách hết sức rõ ràng (mặc dù các số liệu thống kê về mặt kinh tế - xã hội cho đến nay còn ở mức độ thấp và thiếu phân tích) chế độ ruộng đất tư bản chủ nghĩa,

những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản thể hiện mạnh mẽ trong nông nghiệp và chăn nuôi, sự tập trung ngày càng lớn của sản xuất nông nghiệp, tình trạng nền sản xuất quy mô lớn lấn át nền sản xuất quy mô nhỏ, sự vô sản hoá và tình trạng bần cùng của tuyệt đại đa số nhân dân ở nông thôn.

ĐẠI HỘI "THỐNG NHẤT"
CÁC TỔ CHỨC ĐCND CXHN
Ở NƯỚC NGOÀI

21 - 22 THÁNG CHÍN (4 - 5 THÁNG MƯỜI) 1901 ¹⁰⁵

1
DIỄN VĂN ĐỌC
NGÀY 21 THÁNG CHÍN
(4 THÁNG MƯỜI)
(BIÊN BẢN)

Thưa các đồng chí!

Chúng tôi xin bắt đầu từ cái điểm quyết định thắng lợi của đại hội.

Với tư cách là một đại biểu của báo "Tia lửa", tôi cho rằng cần phải nói tới lịch sử những quan hệ của chúng tôi với các tổ chức khác. Ngay từ đầu, tờ "Tia lửa" đã làm việc một cách hoàn toàn tự chủ, nó chỉ tán thành liên hệ về tư tưởng với đảng dân chủ - xã hội Nga, và hoạt động theo sự uỷ nhiệm của nhiều đồng chí ở trong nước Nga. Ngay trong số đầu, tờ "Tia lửa" đã tuyên bố rằng nó sẽ không nói tới những sự bất đồng ý kiến về tổ chức đã xảy ra trong "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga"¹⁰⁶, và coi trọng nhiều nhất lập trường nguyên tắc của mình¹⁾.

Một bộ phận những hội viên của "Hội liên hiệp" đề nghị với chúng tôi mở hội nghị để thoả thuận với những tổ chức ở ngoài nước. Chúng tôi hiểu đề nghị ấy theo ý nghĩa là trong "Hội liên hiệp" có một nhóm tán thành những nguyên tắc mà chúng tôi đã đưa ra, và do đó có thể hy vọng rằng "Hội liên hiệp" cũng sẽ thừa nhận những nguyên tắc ấy. Mặc dù có những sự bất đồng ý kiến về tổ chức ngoài

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 484 - 486.

những sự bất đồng ý kiến về nguyên tắc, nhưng tổ chức cách mạng "Người dân chủ - xã hội"¹⁰⁷ đã trả lời đồng ý với đề nghị đó. Đáng tiếc là "Hội liên hiệp" đã từ chối không hiệp thương. Đến khi xuất hiện một nhóm mới những người đề xướng¹⁰⁸, "Hội liên hiệp" mới tán thành hiệp thương. Vì bộ mặt của "Hội liên hiệp" hết sức không rõ rệt, vì trong "Hội liên hiệp" xuất hiện một khuynh hướng mới ngả về phía chủ nghĩa Mác cách mạng, nên có thể hy vọng đi đến một sự thoả thuận về nguyên tắc. Tổ chức "Tia lửa" và tổ chức "Người dân chủ - xã hội" lại đồng ý hiệp thương, sau đó, hội nghị Giơ-ne-vơ được tổ chức. Lúc bắt đầu cuộc họp của chúng ta, đồng chí Cru-glốp đã đọc nghị quyết của hội nghị Giơ-ne-vơ và không có nhận xét gì. Không một ai trong "Hội liên hiệp" lên tiếng phản đối nghị quyết cả.

Chúng tôi nhận thấy rằng trong số 10, tờ tạp chí "Sự nghiệp công nhân" đã kiên quyết cắt đứt với những truyền thống của chủ nghĩa Mác cách mạng và lên tiếng chống lại sự thoả thuận có tính nguyên tắc đã đạt được ở hội nghị Giơ-ne-vơ; rõ ràng là những xu hướng của hội nghị này đã được "Hội liên hiệp" tán thành.

Vì những lý do trên, sự phê bình của tôi sẽ nhằm vào ban biên tập tờ tạp chí "Sự nghiệp công nhân" chứ không nhằm vào toàn thể "Hội liên hiệp".

Chúng ta hãy so sánh nghị quyết của hội nghị Giơ-ne-vơ với những bài đăng trong tạp chí "Sự nghiệp công nhân", số 10.

Nghị quyết của hội nghị Giơ-ne-vơ làm cho người ta ngạc nhiên vì nó tỏ mủ một cách lạ lùng và nó nhấn mạnh vào những điều mà mọi người đều biết.

Điểm thứ I của sự thoả thuận có tính nguyên tắc nói rằng: "Trong khi thừa nhận những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa xã hội khoa học và hoạt động nhất trí với phong trào dân chủ - xã hội cách mạng quốc tế, chúng tôi bác bỏ mọi mưu toan muốn đưa chủ nghĩa cơ hội vào cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, — tức là những mưu

toan thể hiện trong cái gọi là chủ nghĩa kinh tế, chủ nghĩa Béc-stanh, chủ nghĩa Mìn-lơ-răng v.v." Ở đây rõ ràng là người ta muốn ám chỉ cái gì đây, rõ ràng là đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa cơ hội với chủ nghĩa Mác cách mạng. Vô luận nội dung trong tờ "Sự nghiệp công nhân", số 10 là như thế nào đi nữa, trong bất cứ trường hợp nào nó cũng không thể thủ tiêu được cái sự thực lịch sử là hội nghị Giơ-ne-vơ đã họp và nghị quyết do hội nghị thông qua có thể dùng làm cơ sở cho sự thống nhất. Tỷ dụ, trong điểm thứ 3, nghị quyết Giơ-ne-vơ công nhận rằng đảng dân chủ - xã hội phải nắm lấy bá quyền lãnh đạo trong cuộc đấu tranh vì một nền dân chủ. Rõ ràng là về điểm này trước kia cũng đã có sự bất đồng ý kiến. Vì rất muốn tránh xa chủ nghĩa cơ hội nên nghị quyết đã đi đến chỗ hầu như buồn cười. (Xem điểm "đ" trong mục 5.) Thế là cũng đã có sự bất đồng ý kiến ngay cả về những vấn đề sơ đẳng ấy. Bây giờ chúng ta hãy so sánh nghị quyết ấy với những bài đăng trong tờ "Sự nghiệp công nhân", số 10. Rất tiếc là tôi chỉ có ba ngày để tìm hiểu qua các bài báo đó.

Những bài báo ấy làm sáng tỏ một cách tường tận sự khác nhau trong những quan điểm của chúng ta; trong những bài báo ấy có một vài chỉ dẫn xác đáng cho tờ "Bình minh" và tờ "Tia lửa" mà chúng tôi sẽ sử dụng, nhưng đó không phải là điều mà chúng ta cần chú ý đến bây giờ. Điều mà chúng ta nên quan tâm đến là những nguyên tắc được đặt làm cơ sở cho những bài báo ấy. Lập trường nguyên tắc của tờ "Sự nghiệp công nhân", số 10 đánh đổ lập trường mà những đại biểu của "Hội liên hiệp" đã giữ trong hội nghị Giơ-ne-vơ. Không thể có sự điều hoà giữa những lập trường ấy. Cần phải vạch trần những sự bất đồng ý kiến trong những lập trường đó, để biết rõ "Hội liên hiệp" đã đứng trên cơ sở nào, để biết rõ có thể có sự thống nhất về tư tưởng được không, một sự thống nhất mà nếu không có nó thì sự thống nhất về tổ chức là vô nghĩa; chúng tôi đã

không tìm kiếm và không thể tìm kiếm một sự thống nhất như thế. Trên những trang 32 và 33 của tờ ""Sự nghiệp công nhân" số 10, tác giả bài báo không hài lòng về sự đối lập giữa phái Núi với phái Gi-rông-đanh trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế¹⁰⁹. Hãy nhìn vào hội nghị Giơ-ne-vơ mà xem, đó há chẳng phải là sự xung đột giữa phái Núi và phái Ghi-rông-đanh hay sao? Tờ "Tia lửa" há chẳng phải là phái Núi hay sao? Há chẳng phải là ngay trong bài tuyên bố đầu tiên của ban biên tập, tờ "Tia lửa" đã nói rằng nó không muốn có sự thống nhất nào về tổ chức trước khi có sự phân rõ ranh giới về tư tưởng hay sao? Trong tờ "Sự nghiệp công nhân", số 10, có nói rằng: ngay cả những người theo chủ nghĩa Béc-stanh ráo riết nhất cũng đứng trên lập trường lợi ích giai cấp. Nghị quyết có nói riêng về chủ nghĩa Béc-stanh; những đại biểu của hội nghị đã mất nhiều công sức để bác bỏ chủ nghĩa ấy, thế mà bây giờ trong những bài đăng ở tờ "Sự nghiệp công nhân" số 10 lại còn nói lại điều cũ rích ấy. Thế là cái gì, thách thức hay là nhạo báng? Việc gì mà phải tốn công làm những chuyện như thế?! Dường như người ta chế giễu công lao chúng tôi đã bỏ ra để vạch ra một cơ sở lý luận. Chúng ta không được quên rằng nếu không có cái cơ sở tư tưởng chung thì không thể có vấn đề thống nhất. Sau đó, cùng trong bài báo ấy, chúng tôi thấy người ta báo trước là sẽ mở rộng hơn nữa phạm vi những sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta. Tỷ như ở trang 33, tác giả viết: "có thể những sự bất đồng ý kiến giữa chúng ta là do đã lý giải khác nhau về chủ nghĩa Mác". Tôi xin nhắc lại lần nữa: việc gì mà phải tốn công làm những chuyện như thế?!

Điểm "c" § 4 của nghị quyết Giơ-ne-vơ nói về sự cần thiết phải đấu tranh chống mọi kẻ thù của chủ nghĩa Mác cách mạng, thế mà ở đây, người ta lại nói với chúng ta rằng có thể là, nói chung, chúng ta hiểu chủ nghĩa Mác một cách khác nhau.

Tôi cũng nhận thấy rằng tất cả cái đó được kèm theo những nghị luận về cái hại của việc gò bó tư tưởng v.v., tức là đúng cái mà bọn theo chủ nghĩa Béc-stanh thường nói. Điều này cũng đã được nói tới ở đại hội Lu-béc của Đảng dân chủ-xã hội Đức¹¹⁰, những người theo Giô-re-xơ¹¹¹ cũng nhắc đi nhắc lại điều đó; mà sở dĩ những điểm thoả thuận không nói về cái đó chính là vì sự thoả thuận dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác cách mạng. Ngay cả những biểu hiện yếu ớt của chủ nghĩa phê phán cũng sẽ đưa tới sự đoạn tuyệt hoàn toàn. Chúng ta hội họp để nói về nội dung tư tưởng chứ không phải nói về tự do tư tưởng. Lấy những gương ở Pháp, ở Đức ra làm dẫn chứng là hoàn toàn không thoả đáng. Những người Đức đã đạt được cái mà chúng ta hãy còn phải đấu tranh để giành lấy. Họ có một đảng dân chủ-xã hội thống nhất nắm bá quyền lãnh đạo trong cuộc đấu tranh chính trị. Còn ở nước ta thì các tổ chức dân chủ-xã hội chưa phải là người lãnh đạo các nhóm cách mạng, trái lại ở ta lại thấy có những xu hướng cách mạng khác đang được sống lại. Trong những bài đăng ở tờ ""Sự nghiệp công nhân", số 10 không những không thấy có sự đoạn tuyệt hoàn toàn, có tính nguyên tắc với chủ nghĩa cơ hội mà thậm chí còn có một cái gì tồi tệ hơn nữa, tức là: ca ngợi ưu thế của phong trào tự phát. Tôi không bắt bẻ về lời nói đâu. Tất cả chúng tôi, những đồng chí ở báo "Tia lửa" và ở báo "Người dân chủ - xã hội" và tôi, chúng tôi đều chỉ chú ý đến những xu hướng căn bản của các bài báo, nhưng những lời nói ấy, như những người Đức thường nói, ins Gesicht schlagen¹⁾. Thế mà về những điểm ấy thì nghị quyết Giơ-ne-vơ đã nói hết sức rõ ràng. "Đảng công nhân giải phóng chính trị Nga"¹¹² mới xuất hiện ít lâu nay, cũng phụ họa theo những xuất bản phẩm ấy.

1) — đập vào mũi

Các đồng chí hãy chú ý đến sự khác nhau nổi tiếng giữa sách lược - kế hoạch và sách lược - quá trình trong bài báo. Tác giả nói rằng sách lược - kế hoạch mâu thuẫn với tinh thần cơ bản của chủ nghĩa Mác cách mạng, và nghĩ rằng có thể nói về sách lược - "quá trình" mà tác giả hiểu là sự tăng lên của những nhiệm vụ của đảng, song song cùng với sự phát triển của đảng. Theo tôi, đó chỉ là thái độ không muốn thảo luận. Chúng ta đã mất biết bao thì giờ và công sức để vạch ra những nhiệm vụ chính trị nhất định; ở hội nghị Giơ-ne-vơ người ta cũng đã nói nhiều lắm về những nhiệm vụ ấy. Thế mà, đột nhiên, giờ đây người ta lại nói với chúng ta về "sách lược - kế hoạch" và "sách lược - quá trình". Theo tôi, đó là quay lại với cái sản phẩm thiển cận đặc biệt theo chủ nghĩa Béc-stanh của tờ "Tư tưởng công nhân", tờ báo này khẳng định rằng chỉ nên tiến hành cuộc đấu tranh nào có thể tiến hành được, mà cuộc đấu tranh có thể tiến hành được chính là cuộc đấu tranh đang diễn ra. Còn chúng tôi thì khẳng định rằng chỉ có sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác là phát triển thôi. Nghị quyết Giơ-ne-vơ nói rằng muốn chuyển sang cổ động chính trị thì không cần phải qua một giai đoạn nào cả, thế mà bỗng nhiên sau đó lại xuất hiện một bài báo trong đó người ta đem "sách báo có tính chất tố cáo" để đối lập lại "cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản". Mác-tư-nốp viết về sinh viên và những người thuộc phái tự do rằng bản thân họ, theo lời ông, có thể tự mình quan tâm đến những yêu sách dân chủ. Còn chúng tôi thì lại nghĩ rằng tất cả đặc điểm của phong trào dân chủ-xã hội Nga là ở chỗ phái dân chủ tự do chủ nghĩa không chủ động khởi xướng đấu tranh chính trị. Nếu những người thuộc phái tự do tự họ thấy rõ rằng họ phải làm gì và tự họ có thể làm được thì chúng ta chẳng có gì mà làm nữa. Tác giả bài báo đi đến chỗ cho rằng chính phủ tự nó sẽ thi hành những biện pháp cụ thể và những biện pháp hành chính.

Như mọi người đều biết, ở hội nghị Giơ-ne-vơ đã nảy ra một vài sự bất đồng ý kiến về vấn đề khủng bố. Sau hội nghị, một bộ phận của "Hội liên hiệp", tức là phái Bun¹³, trong đại hội của họ, đã kiên quyết phản đối khủng bố. Thế mà ở trang 23, tác giả lại viết rằng chúng tôi "không muốn cản trở xu hướng khủng bố". Đó là lời tuyên bố sặc mùi cơ hội chủ nghĩa...¹⁾

*In lần đầu năm 1946 trong
V. I. Lê - nin, Toàn tập, xuất
bản lần thứ tư, tập 5*

Theo đúng biên bản

1) Biên bản viết đến đây thì ngừng lại.

2

**NHỮNG VẤN ĐỀ ĐỀ NGHỊ
VỚI "HỘI LIÊN HIỆP
NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ-XÃ HỘI NGA"
TẠI ĐẠI HỘI "THỐNG NHẤT"
NGÀY 21 THÁNG CHÍN
(4 THÁNG MƯỜI) 1901**

1. Cả ba tổ chức có thừa nhận về nguyên tắc nghị quyết của hội nghị tháng Sáu không?

2. Đối với những khuynh hướng vô nguyên tắc và cơ hội chủ nghĩa xa rời chủ nghĩa Mác cách mạng, gây ra những sự lầm lẫn hết sức nguy hại cho phong trào của chúng ta, thì "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" có ý định và có thể dùng hoạt động sách báo để làm cho chúng không xảy ra được không? Đối với hiện tượng ve vãn chủ nghĩa Béc-stanh công khai và giấu giếm, và phục tùng một cách nô lệ những hình thức thô sơ và tính tự phát của phong trào, tức là những hiện tượng nhất định sẽ biến phong trào công nhân thành vũ khí của chế độ dân chủ tư sản, thì "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" có ý định và có thể dùng hoạt động sách báo để tiêu trừ được không?

*In lần đầu vào tháng Chạp
1901, trong cuốn "Những tài
liệu của Đại hội "thống nhất"
Giơ-ne-vơ, nhà xuất bản "Hội
liên hiệp những người dân
chủ-xã hội cách mạng Nga"*

Theo đúng bản in trong sách

**CUỘC ĐẤU TRANH
VỚI NHỮNG KẺ ĐÓI**

Thật là một sự quan tâm rất lạ lùng của chính phủ ta đối với những người bị đói! Một bản thông tư dài lượt thướt (đề ngày 17 tháng Tám) của bộ trưởng Bộ nội vụ đã được gửi cho các tỉnh trưởng các tỉnh bị nạn! Đó là cả một tác phẩm văn nghệ với khối lượng hơn một tờ in tiêu chuẩn trong đó ông Xi-pi-a-ghin giải thích tất cả chính sách của chính phủ trong vấn đề lương thực. Bằng cách công bố tác phẩm ấy, rõ ràng là người ta đã hy vọng gây được một ấn tượng trong "xã hội": đấy (theo ý các ông ấy) chúng tôi quan tâm biết chừng nào, chúng tôi vội vã biết chừng nào để nêu ra những biện pháp cứu giúp, chúng tôi đã đề ra sớm biết chừng nào việc tổ chức những cơ quan lương thực với mọi hình thức và mọi mặt hoạt động của chúng. Không thể không thấy rằng bản thông tư của Bộ nội vụ thực sự đã gây một ấn tượng, không những do sự dài dòng của nó mà còn do nội dung của nó nữa (nếu ta có đủ nhẫn nại để đọc tới cùng). Sự trình bày một cách thành thật cương lĩnh của chính phủ, bao giờ cũng cho ta một vũ khí sắc bén nhất để vận động chống chính phủ Nga hoàng, và, trong khi tỏ lời trân trọng cảm ơn ông Xi-pi-a-ghin, chúng tôi xin mạn phép khuyên các vị bộ trưởng khác cũng nên luôn luôn nói tới cương lĩnh của mình trong các thông tư đã được công bố thật rộng khắp.

Chúng tôi đã nói rằng: nếu có đủ nhẫn nại để đọc bản thông tư của ông Xi-pi-a-ghin tới cùng. Cần có một sự

nhấn nạt không phải nhỏ để làm việc đó, bởi vì đến ba phần tư... — không phải chỉ từng đó! mà đến chín phần mười — của bản thông tư là những lời bàn suông nhạt nhẽo. Cách hâm nóng lại những cái mà người ta đã biết từ thuở xưa và đã nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần ngay trong pho "Bộ luật"¹¹⁴, lối trình bày vấn đề bằng cách chỉ loanh quanh, việc diễn tả những chi tiết về lễ nghi đón tiếp đối xử giữa những viên quan lại Trung-hoa, lối văn bản giấy bóng bẩy với những đoạn gồm 36 dòng và những "danh từ ghép", tất cả những cái đó làm cho ta rất đau xót cho tiếng mẹ đẻ là tiếng Nga. Khi anh chăm chú đọc những của quý ấy, anh cảm thấy dường như mình đang ở trong đồn cảnh sát Nga, ở đó từ những bức tường tỏa ra một mùi hôi ẩm mốc, từ khắp nơi bốc ra một mùi hôi thối đặc biệt, và ở đó những quan lại chỉ riêng với hình dạng và điệu bộ của họ cũng đủ là hiện thân của thủ tục công văn giấy tờ không ai chịu nổi, còn nếu nhìn qua cửa sổ thì thấy rất rõ những căn nhà làm cho anh sợ nhớ đến những phòng tra khảo.

Có ba điểm cơ bản làm cho ta đặc biệt chú ý tới cương lĩnh mới của chính phủ: một là, việc tăng cường quyền lực cá nhân của các quan lại, sự quan tâm tới việc làm cho tinh thần quan liêu giấy tờ và kỷ luật phục vụ được củng cố và được bảo vệ khỏi mọi ảnh hưởng của không khí trong sạch; hai là, việc định rõ mức trợ cấp cho những kẻ đói, tức là sự chỉ dẫn nên chia bao nhiêu thóc và tính toán thế nào cho mỗi gia đình "thiếu thốn"; ba là, việc biểu lộ sự khiếp sợ ghê gớm về việc có những người "đáng nghi" xô ra giúp những kẻ bị đói, tức là những người có khả năng thúc đẩy nhân dân chống chính phủ, vì thế cần có biện pháp đề phòng trước chống lại sự "vận động" ấy. Chúng ta hãy xem xét cụ thể hơn về từng điểm.

Một năm đã qua kể từ ngày chính phủ tước quyền lãnh đạo vấn đề lương thực của các hội đồng địa phương và giao nó vào tay những người đứng đầu hội đồng địa phương

và các đại hội huyện (đạo luật ngày 12 tháng Sáu 1900). Và ngay trong khi đạo luật này chưa bắt đầu có hiệu lực thì lại có một bản thông tư thường bác bỏ nó. Chỉ vài lời báo cáo của những viên tỉnh trưởng cũng đủ làm thay đổi ý kiến về sự lợi ích của một đạo luật! Không gì có thể chỉ cho thấy được rõ ràng hơn ý nghĩa của những đạo luật mà người ta đem rán, như những cái bánh, trong các cơ quan cục ở Pê-téc-bua, chẳng có một sự thoả thuận đúng đắn nào của những người thực sự lão luyện và có khả năng nói ra ý kiến độc lập của mình, chẳng có một ý định đúng đắn nào nhằm tạo ra một trật tự thích đáng với mục đích của nó một cách tốt hơn, mà chỉ do lòng tham danh vọng của một bộ trưởng giáo quyết nào đó muốn đề cao mình và nói ra sớm hơn những người khác sự trung thực của mình. Hội đồng địa phương không trung thực — vậy phải tước công tác lương thực của nó đi! Nhưng người ta chưa kịp tước xong thì lại đã thấy rằng những người đứng đầu hội đồng địa phương và ngay cả những đại hội huyện chỉ gồm độc có quan lại hình như hãy còn nghị luận quá nhiều: có lẽ trong số những người đứng đầu hội đồng địa phương có những người còn ngu xuẩn gọi thẳng nạn đói là nạn đói, còn khờ dại nghĩ rằng phải đấu tranh với nạn đói, mà lại không nghĩ rằng phải đấu tranh với những người thực sự muốn giúp đỡ những kẻ đói; có lẽ trong các đại hội huyện có một số công chức, không ở trong cơ quan thuộc Bộ nội vụ, cũng đã tỏ ra không hiểu rõ những nhiệm vụ thực sự của "chính sách đối nội". Và đây, theo thông tư thường của bộ trưởng, người ta thiết lập lên cái "cơ quan quản lý trung tâm..." mới của huyện, thực thế, đấy không phải là in lâm đầu: "cơ quan quản lý trung tâm huyện về phương diện lương thực", mà tất cả sứ mệnh là không để lọt vào đó những người không trung thực, những ý nghĩ không trung thực, những hành động không khôn khéo về vấn đề lương thực. Ví dụ, bộ trưởng cho là không khôn khéo và cấm việc lập

danh sách những người thiếu thốn "quá sớm" (nghĩa là không phải ngay trước khi chia thóc): cái đó gây ra trong dân chúng "những hy vọng quá cao"! "Cơ quan quản lý trung tâm của huyện về phương diện lương thực" thì tập trung cả vào tay *một người*, còn bộ thì giới thiệu vào cương vị đó *người đứng đầu quý tộc huyện*. Thật vậy: hấn có liên hệ rất chặt với tỉnh trưởng, hấn làm rất nhiều chức vụ cảnh sát, nên hấn có thể biết chắc tinh thần thực sự của chính sách lương thực. Và thêm nữa, hấn là một địa chủ lớn ở địa phương, được sự tin cậy của tất cả các địa chủ. Một con người như thế chắc chắn hiểu rõ hơn ai hết các ý nghĩ sâu xa của bộ trưởng về tác động "phá hoại" của những trợ cấp cho những người "sống được không cần" tới nó. Còn về vấn đề quyền hạn của tỉnh trưởng thì ông bộ trưởng đã nói tới ngay từ đầu và nhiều lần nhắc lại rằng tỉnh trưởng có trách nhiệm về tất cả mọi việc, rằng mọi người phải phục tùng ông tỉnh trưởng, rằng tỉnh trưởng phải biết áp dụng những biện pháp "đặc biệt", v.v.. Nếu cho tới nay, tỉnh trưởng ở Nga là một viên quan độc đoán thực sự, sự sống còn của bất cứ cơ quan nào và ngay cả của bất cứ người nào ở trong tỉnh "sở thuộc" đều tùy vào lượng khoan hồng của ông tỉnh trưởng, thì ngày nay, về mặt này người ta thiết lập lên "tình trạng giới nghiêm" thực sự. Nhân việc giúp đỡ những kẻ đói mà lại tăng cường một cách phi thường những biện pháp nghiêm ngặt! Đó thật hoàn toàn là kiểu Nga!

Nhưng tăng cường những biện pháp nghiêm ngặt, tăng cường sự kiểm soát, tất cả những việc đó đòi hỏi phải tăng cường chi phí cho bộ máy quan lại. Và ông bộ trưởng đã không quên điều đó: sẽ cấp cho các ngài đứng đầu quý tộc huyện hay những người khác phụ trách "cơ quan quản lý trung tâm của huyện về phương diện lương thực" một "món tiền đặc biệt" cho những chi phí của họ, "còn về số tiền ấy nhiều đến mức nào, — bản thông tư nói tiếp theo lối nói

"đặc biệt" của nó, — thì ngài có trách nhiệm đến trình bày với tôi những đề nghị thích đáng". Tiếp đó cho "những chi phí về công tác văn phòng" của hội đồng huyện là 1 000 rúp cấp liền một lần, cho văn phòng phẩm của những cơ quan tỉnh là 1 000 tới 1 500 rúp. Các văn phòng sẽ làm việc nhiều hơn cả, tất cả công việc sẽ là quan liêu bàn giấy — vậy làm sao lại không quan tâm tới văn phòng phẩm được? Trước hết là cho văn phòng, còn lại cái gì thì cho kẻ đói.

Ông Xi-pi-a-ghin tỏ ra kiên trì và có sáng kiến một cách lạ lùng trong việc tìm những biện pháp *giảm bớt* trợ cấp cho kẻ đói. Trước hết, ông ta đòi hỏi những tỉnh trưởng phải xét xem những huyện nào "bị mất mùa" (quyết định cuối cùng về vấn đề này sẽ do bộ: ngay cả tỉnh trưởng thì cũng không thể tin được, liệu họ có thể tránh khỏi sự "thối phồng" không!). Và đây là những sự chỉ dẫn nói rõ trong những trường hợp nào thì một huyện *không được* coi là bị mất mùa: 1) nếu không có quá một phần ba số xã bị tai nạn; 2) nếu ở đó thiếu thóc là việc thường xảy ra và hàng năm người ta phải bỏ tiền công ra để mua thêm thóc; 3) nếu địa phương không có đủ tiền của để phát trợ cấp. Chúng ta thấy ở đây một điển hình nhỏ về lối giải quyết quan liêu bàn giấy những vấn đề lương thực: một thể thức cho tất cả mọi nơi! Dân số của một phần ba xã đông chùng nào, họ bị thiệt hại nặng nề ra sao, trong năm công nghiệp bị khủng hoảng lớn "tiền làm thuê" thường có bị sụt đi không, — tất cả những câu hỏi đó đều là vô ích sau khi đã có những "chỉ thị" cương quyết của bộ! Nhưng đấy mới chỉ là khai hoa, còn kết quả thì sẽ thấy sau này. Thực chất của vấn đề là ở chỗ xét xem cần cứu giúp ai và nên trợ cấp bao nhiêu. Ông Xi-pi-a-ghin căn dặn "cách tính toán phỏng chừng" sau đây, trong đó "ít khi có một sự thối phồng đáng kể đôi chút" (chúng tôi sợ nhất là sự thối phồng; sợ những hy vọng thối phồng lên; sợ những khoản tiền cho vay thối phồng lên! Còn nạn đói ư, nạn thất nghiệp ư, — tất cả những cái đó cũng chỉ

là "những sự thổi phồng": đó là nội dung rõ rệt của tất cả những nghị luận của bộ). Một là, căn cứ theo số thóc đập thừ mà xác định "sự thu hoạch *trung bình* trên một đê-xi-a-tin¹⁾ trong mỗi làng" và sau đó sẽ tính diện tích toàn bộ đất gieo trồng của mỗi doanh nghiệp. Tại sao lại không xác định mức thu hoạch mùa màng của những nghiệp chủ có mức sống khác nhau? Thu hoạch mùa màng của bần nông thấp hơn, vậy chính đối với những người thiếu thốn thì cách tính mức thu hoạch "trung bình" ấy là không có lợi. Hai là, những gia đình nào mỗi năm có từ 48 pút²⁾ thóc trở lên (tính cho 3 người lớn, mỗi người 12 pút, và 2 đứa trẻ, mỗi đứa 6 pút) đều coi là không thiếu thốn. Đây thật là lối tính của anh cu-lắc vô cùng hà tiện: trong năm bình thường, ngay người nông dân nghèo khổ nhất một năm cũng cần một số thóc không phải 48 pút mà là 80 pút cho một gia đình có 6-5 người, như đã thấy rõ qua những bản miêu tả tình hình nông nghiệp; còn người trung nông trong năm bình thường cần có 110 pút thóc cho một gia đình có 5 nhân khẩu. Thế là chính phủ Nga hoàng đã hạ thấp đi *một nửa* khối lượng thóc thực sự cần thiết cho vấn đề lương thực. Ba là, "khối lượng ấy" (tức là 48 pút cho mỗi gia đình) — như thông tư đã nêu — "phải rút đi một nửa vì thành phần công nhân gồm chừng 50% dân số". Chính phủ không ngừng kiên trì cái qui tắc của họ là: công nhân không được nhận tiền cho vay của chính phủ vì, theo họ nói, công nhân có thể kiếm được việc làm. Nhưng đã có lần chính ông bộ trưởng ra lệnh không tính vào loại phải trợ cấp, những huyện nào có những người làm thuê thường xuyên. Vậy tại sao lại *một lần thứ hai nữa* gạt công nhân ra khỏi sự trợ cấp? Thật ra, mọi người đều biết rằng năm nay không những không có việc làm thuê bất thường mà ngay cả công

¹⁾ —đê-xi-a-tin: mức đo lường cũ của Nga bằng 1,09 héc-ta

²⁾ — pút: mức đo lường của nước Nga bằng 16,38 ki-lô-gam

việc làm thuê thường xuyên cũng đều đã bị giảm nhiều do cuộc khủng hoảng rồi. Bản thân chính phủ chẳng cũng đã di chuyển từ các thành thị về nông thôn hàng vạn công nhân thất nghiệp đấy ư! Kinh nghiệm những trận đói trước đây chẳng đã chứng minh rằng gạt công nhân ra như thế chỉ dẫn tới việc chia món tiền cho vay ít ỏi đó giữa trẻ con và người lớn đấy ư! Không, câu phương ngôn: "một con bò không thể lột được hai bộ da" có lẽ vẫn còn quá nhẹ nhàng đối với Bộ nội vụ là kẻ đã hai lần gạt những người có khả năng lao động ra khỏi số những người cần được trợ cấp! Bốn là, khoản trợ cấp hết sức ít ỏi đã bị rút đi một nửa rồi, lại phải *rút bớt* 1/3 - 1/5 - 1/10 "căn cứ theo con số gần đúng những nghiệp chủ khá giả có khoản dự trữ từ năm trước để lại hay có bất cứ nguồn vật chất nào đó"! Đây là bộ da thứ ba cũng lột ở con bò đó! Còn có thể có cái "nguồn" gì hay cái khoản "dự trữ" gì ở người nông dân không thu hoạch được quá 48 pút lúa cho cả gia đình? Mọi thứ tiền lương đã bị tính 2 lần rồi, và hơn nữa, người nông dân Nga với một mẩu bánh mì không thể chống đỡ nổi mọi sự cùng khổ gây ra bởi chính sách của chính phủ, bởi ách áp bức của tư bản và địa chủ. Đã có sự chi tiêu không thể thiếu được, nào về củi lửa, nào về chữa nhà, nào về quần áo, nào về thức ăn, trừ lúa mì ra. Trong năm bình thường, theo bản miêu tả tình hình nông nghiệp một cách khoa học thì ngay cả những người nông dân nghèo khổ nhất cũng phải chi *già một nửa* số thu nhập của mình cho những nhu cầu khác, ngoài lúa mì. Nếu tính tới tất cả cái đó thì thấy rằng ông bộ trưởng quy định mức cần phải giúp đỡ *đến bốn hay năm lần ít hơn* sự cần thiết thực sự. Đó không phải là đấu tranh chống nạn đói, mà là đấu tranh chống những ai muốn thực sự cứu giúp những người bị đói.

Và bản thông tư kết thúc bằng cách công khai chống những cá nhân có hảo tâm muốn cứu giúp. Ông Xi-pi-a-ghin la lên rằng những người hảo tâm này thường ra sức

khêu gọi trong nhân dân "sự bất bình với trật tự hiện hành và sự yêu sách vô lý đối với chính phủ", rằng họ tiến hành "cuộc cổ động chống chính phủ" v. v.. Về thực chất, đó chỉ là những lời buộc tội có tính chất *vu khống*. Mọi người đều biết rằng năm 1891 người ta đã phát đi những tờ truyền đơn của "những người có thiện ý với nông dân"¹¹⁵, những tờ truyền đơn đó đã chỉ một cách đúng đắn cho nhân dân thấy kẻ thù thực sự của mình; có thể cũng đã có những mưu toan cổ động khác trên cơ sở nạn đói! Nhưng không hề có một sự kiện nào tỏ ra rằng chính những người cách mạng đã núp sau sự từ thiện để tiến hành cổ động. Có một số lớn những nhà từ thiện — đấy là một sự thật không còn nghi ngờ gì nữa — *chỉ* là những nhà từ thiện, và nếu ông Xi-pi-a-ghin dẫn chứng rằng trong đó có nhiều "người có quá khứ chính trị bất hảo", thế thì hiện nay trong chúng ta ai là người có "quá khứ hoàn toàn tốt đẹp"? Kể cả những "nhân vật cao cấp" đã hàng hy sinh, trong thời niên thiếu, cho phong trào dân chủ chung! Tất nhiên chúng tôi không muốn nói rằng sự cổ động chống chính phủ trên cơ sở nạn đói là không được hoặc thậm chí là không nên. Trái lại, sự cổ động bao giờ cũng cần thiết và đặc biệt là trong thời kỳ có nạn đói. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng ông Xi-pi-a-ghin *tưởng tượng ra những chuyện hoang đường* trong khi cố gắng trình bày những nỗi khiếp sợ và lo âu của mình thành ra kết quả của kinh nghiệm. Chúng tôi muốn nói rằng những lời của ông Xi-pi-a-ghin chỉ chứng minh một sự thật cũ là: chính phủ cảnh sát sợ mọi sự tiếp xúc với nhân dân của giới trí thức ít nhiều độc lập và trung thực, sợ mọi lời nói chân thực và dũng cảm nói thẳng với nhân dân; nó nghi ngờ — mà nghi ngờ là hoàn toàn chính đáng — rằng chỉ một sự quan tâm tới việc thoả mãn một cách thực sự (chứ không phải tưởng tượng) nhu cầu cũng sẽ tương đương với việc cổ động chống chính phủ vậy, vì nhân dân thấy rằng những nhà hảo tâm thành thật muốn giúp đỡ họ, còn

những quan lại Nga hoàng thì ngăn cản việc đó, bó hẹp sự giúp đỡ, thu nhỏ phạm vi nhu cầu, gây khó khăn cho việc tổ chức những quán ăn v.v.. Hiện nay bản thông tư mới đòi hỏi tất cả những cuộc lạc quyền và những lời kêu gọi lạc quyền, mọi việc tổ chức những quán ăn, đều phải trực tiếp "phục tùng sự giám sát của chính quyền"; đòi hỏi tất cả những người ở địa phương khác tới phải "trình diện" với tỉnh trưởng, chỉ khi tỉnh trưởng cho phép mới được chọn lấy người giúp việc cho mình, phải làm báo cáo cho tỉnh trưởng về những hoạt động của mình!! Ai muốn cứu giúp thì hãy phục tùng các cấp cảnh sát về chế độ cảnh sát là chế độ đang dùng đủ mọi cách để cắt xén sự cứu trợ và gian dối rút bớt những khoản trợ cấp! Ai không muốn phục tùng hành động đê hèn ấy, thì người đó không có quyền cứu giúp: tất cả thực chất của chính sách của chính phủ là ở đó. Ông Xi-pi-a-ghin la lên rằng "những người không đáng tin cậy về chính trị sẵn lòng lợi dụng" nạn đói "vào những mục đích tội lỗi của họ dưới danh nghĩa cứu giúp đồng bào"; theo đuôi ông ta, tất cả báo chí phản động đều lặp lại tiếng la đó (ví dụ tờ "Tin tức Mát-xcơ-va"). Thật là khủng khiếp! Lợi dụng sự đói khổ của nhân dân để làm "chính trị"! Thực ra, điều đáng khủng khiếp trái lại, chính lại là tình trạng mọi hoạt động ở nước Nga, *ngay cả* hoạt động từ thiện, một hoạt động hoàn toàn không dính gì với chính trị, cũng nhất định dẫn đến sự xung đột giữa những người độc lập với chế độ độc đoán cảnh sát và với những biện pháp "cản trở", "cấm đoán", "hạn chế" v.v. và v.v.. Điều khủng khiếp là việc chính phủ che đậy, bằng những lý do chính trị tối cao, những khát vọng kiểu I-u-đa¹¹⁶ của nó muốn giật mẩu bánh mì của kẻ đói, cắt xén đến năm lần mức trợ cấp, cấm đoán mọi người, trừ các cấp cảnh sát, tới gần những người đang chết đói! Chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa lời kêu gọi do báo "Tia lửa" đưa ra: hãy mở cuộc vận động có tính chất tố giác chống lại cuộc vận động lương thực của chính

phủ cảnh sát, hãy dùng báo chí tự do không bị kiểm soát mà vạch trần tất cả những trò bỉ ổi của bọn chuyên quyền địa phương, tất cả cái mưu kế vị kỷ nhằm cắt xén những khoản trợ cấp, tất cả cái tính chất nghèo nàn và không đầy đủ của sự cứu giúp, sự cố gắng thảm hại trong việc thu nhỏ quy mô thực của nạn đói lại và cuộc đấu tranh nhục nhĩ chống lại những người muốn cứu giúp kẻ đói! Chúng tôi khuyên tất cả những ai, dù chỉ có một tí chút thông cảm thành thật với tai họa của nhân dân, nên quan tâm tới việc phổ biến rộng rãi cho nhân dân hiểu rõ thực chất nội dung và ý nghĩa của bản thông tư của bộ. Vì chỉ có thể lấy tình trạng vô cùng đốt nát của nhân dân mới có thể giải thích được tại sao những bản thông tư *như vậy* lại không tức khắc gây ra sự căm phẫn chung. Vậy những người công nhân có ý thức, những người gần gũi nhất với nông dân và quần chúng thành thị chưa giác ngộ, hãy chủ động đi đầu trong việc vạch mặt chính phủ!

"Tia lửa", số 9, tháng Mười 1901

Theo đúng bản in trên
báo "Tia lửa"

TRẢ LỜI BAN CHẤP HÀNH XANH PÊ-TÉC-BUA

Trong tờ "Tư tưởng công nhân", số 12, Ban chấp hành Xanh Pê-téc-bua (Hội liên hiệp đấu tranh)¹¹⁷ có đăng lời phản đối bài bút ký đăng trong số 1 báo "Tia lửa" nói về sự phân liệt của "Hội liên hiệp những người dân chủ-xã hội Nga" ở nước ngoài. Tiếc rằng lời phản đối đó đã hết sức *tránh* chính cái thực chất của vấn đề còn phải bàn cãi: với cách tranh luận như thế, người ta không bao giờ đi tới chỗ làm sáng tỏ sự việc được. Chúng tôi trước đây và hiện nay vẫn kiên trì ý kiến cho rằng trong "Hội liên hiệp những người dân chủ -xã hội Nga" ở nước ngoài đã xảy ra sự *phân liệt*, rằng "Hội liên hiệp" đã bị *tách* ra làm hai bộ phận sau khi ở đại hội năm 1900 có một thiểu số quan trọng đảng viên đã rút ra khỏi "Hội liên hiệp", trong số đó có nhóm "Giải phóng lao động"¹¹⁸ là nhóm đã sáng lập ra "Hội liên hiệp" và trước đây đã biên soạn tất cả các xuất bản phẩm của "Hội liên hiệp". Sau sự phân liệt đó thì không một bộ phận nào có thể giữ vị trí mà "Hội liên hiệp" cũ đã giữ khi còn nguyên vẹn. Ban chấp hành Xanh Pê-téc-bua *không tìm* cách bác bỏ ý kiến đó; nó chỉ nói (không hiểu tại sao) về một mình Plê-kha-nốp, chứ không nói tới tổ chức "Người dân chủ-xã hội" và chỉ cho đọc giả hiểu một cách gián tiếp rằng Hội liên hiệp đấu tranh Xanh Pê-téc-bua có lẽ phủ nhận *sự phân liệt* và tiếp tục coi một trong hai bộ phận của "Hội liên hiệp" trước đây là toàn bộ.

Nếu không muốn xem xét về thực chất ý kiến của đối phương và nói thẳng ý kiến của mình ra, như vậy thì tranh luận để làm gì ?

Thứ đến. Chúng tôi trước đây và hiện nay vẫn kiên trì ý kiến cho rằng nguyên nhân căn bản (không phải là nguyên cớ, mà là nguyên nhân) của sự phân liệt là sự bất đồng ý kiến về nguyên tắc, cụ thể là sự bất đồng ý kiến giữa phái dân chủ-xã hội cách mạng và phái dân chủ-xã hội cơ hội chủ nghĩa. Ngoài điểm khác ra, chỉ riêng một điểm đó cũng đủ khiến cho ta không thể coi sự việc xảy ra trong "Hội liên hiệp những người dân chủ-xã hội Nga" ở nước ngoài là một cái gì khác hơn là sự phân liệt của "Hội liên hiệp" cũ. Thứ hỏi là Ban chấp hành Xanh Pê-téc-bua coi vấn đề đó như thế nào? Họ có dám phủ nhận sự bất đồng sâu xa về nguyên tắc giữa hai bộ phận của "Hội liên hiệp" trước đây không? Điều đó không được rõ, vì Ban chấp hành Xanh Pê-téc-bua đã khéo léo viết "lời phản đối" mà không hề nói *một tiếng nào* về vấn đề căn bản đó. Và một lần nữa, chúng tôi xin hỏi các đồng chí Pê-téc-bua, và không những chỉ các đồng chí Pê-téc-bua mà thôi, rằng: tranh luận mà tránh nói tới thực chất của vấn đề, liệu có khỏi biến thành sự cãi cọ hết sức khó chịu không? Nói chung, nếu không có ý muốn xem xét vấn đề về thực chất và nói ra ý kiến của mình một cách thật dứt khoát không úp mở gì cả, hay nếu cho rằng chưa phải lúc làm như thế, — thì nói chung liệu có nên bắt đầu cuộc tranh luận hay không?

"Tia lửa", số 9, tháng Mười 1901

Theo đúng bản in trên
báo "Tia lửa"

TÌNH HÌNH CÔNG VIỆC Ở NGOÀI NƯỚC

Bộ phận ở ngoài nước của tổ chức "Tia lửa" đã hợp nhất với tổ chức cách mạng ở ngoài nước là "Người dân chủ-xã hội" thành một tổ chức: "Đồng minh dân chủ-xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài"¹¹⁹. Tổ chức mới này, theo như lời nó đã công bố, định bắt tay vào việc xuất bản một loạt sách mỏng có tính chất tuyên truyền và cổ động. Đồng minh là đại diện ở ngoài nước của "Tia lửa". Như vậy, tổ chức ở ngoài nước của những người dân chủ - xã hội cách mạng do nhóm "Giải phóng lao động" lãnh đạo, đã hoàn toàn hợp nhất với tổ chức tập hợp xung quanh tờ báo của chúng ta. Cũng như trước đây, nhóm "Giải phóng lao động" vẫn tham gia một cách gần gũi nhất vào công tác biên tập trong sự nghiệp xuất bản của chúng ta.

Sự thống nhất những tổ chức dân chủ-xã hội cách mạng Nga ở ngoài nước được thực hiện sau khi những tổ chức này đã thất bại trong việc cố gắng hợp nhất với "Hội liên hiệp những người dân chủ-xã hội Nga ở nước ngoài" (tổ chức này xuất bản tờ "Sự nghiệp công nhân"). Đầu mùa hạ, hội nghị đại biểu của cả ba tổ chức đã thảo ra bản dự án thỏa hiệp giữa những tổ chức ấy. Làm cơ sở cho sự thỏa hiệp ấy là một loạt những nghị quyết có tính nguyên tắc bao gồm việc "Hội liên hiệp" từ bỏ hoàn toàn mọi sự ve vãn "chủ nghĩa kinh tế" và chủ nghĩa Béc-stanh, và việc công nhận những nguyên tắc của đảng dân chủ-xã hội cách mạng. Người ta

có thể hy vọng rằng sự thống nhất sẽ được thực hiện, vì cho tới nay thì tính không kiên định về nguyên tắc của "Hội liên hiệp" và của cơ quan ngôn luận của nó — tờ "Sự nghiệp công nhân" — là sự cản trở duy nhất trên con đường xích lại gần nhau đó. Hy vọng đó đã không thành: báo "Sự nghiệp công nhân", số 10, mới xuất bản vừa rồi, có đăng những bài xã luận trực tiếp chống những nghị quyết đã được thảo ra trong hội nghị với sự tham gia của các đại biểu "Hội liên hiệp". Rõ ràng là "Hội liên hiệp" lại quay trở về với cánh hữu của phong trào của chúng ta. Thật vậy, trong đại hội của cả ba tổ chức, "Hội liên hiệp" đã đưa ra "những điểm sửa chữa" vào các nghị quyết nói trên, những điểm đó chứng tỏ rõ ràng rằng "Hội liên hiệp" lại trở về với những sai lầm cũ của nó. Hai tổ chức kia đành phải rời khỏi đại hội và họ đã rời khỏi đại hội. Hiển nhiên là các đồng chí chúng ta trong "Hội liên hiệp" còn chưa thấy thật rõ ràng sự nguy hiểm của cái lập trường trung gian của tổ chức của họ đứng giữa chủ nghĩa xã hội cách mạng và chủ nghĩa cơ hội đang bị bọn theo chủ nghĩa tự do lợi dụng. Chúng tôi hy vọng rằng thời gian và kinh nghiệm cay đắng sẽ làm cho họ thấy rõ sai lầm về sách lược của họ. Khắp nơi trong đảng biểu lộ một khuynh hướng hoạt động không những cho sự phát triển của phong trào của chúng ta về bề rộng mà còn có cả sự nâng cao chất lượng của nó nữa, đó là điều đảm bảo tốt nhất cho chúng ta rằng sự thống nhất tất cả mọi lực lượng của chúng ta, sự thống nhất mà chúng ta hằng mong mỏi, sẽ được thực hiện dưới ngọn cờ dân chủ-xã hội cách mạng, ngọn cờ mà tờ báo của chúng ta đang phục vụ.

"Tia lửa", số 9, tháng Mười 1901

Theo đúng bản in trên
báo "Tia lửa"

LUẬT KHỔ SAI VÀ ÁN KHỔ SAI

Lại một "luật tạm thời"!

Nhưng lần này không phải là vấn đề sinh viên phạm tội không thuần phục, mà là vấn đề nông dân phạm tội đói.

Ngày 15 tháng Chín, "Luật tạm thời về việc dân chúng bị nạn mất mùa ở các địa phương tham gia vào các công việc tiến hành dưới sự bố trí sắp xếp của các cục giao thông và nông nghiệp và tài sản quốc gia" đã được đức hoàng thượng phê chuẩn và sau đó lập tức được công bố. Sau khi tìm hiểu luật đó (dĩ nhiên, không phải theo những điều công bố trên báo, mà theo kinh nghiệm bản thân), người mu-gích Nga sẽ thấy cái chân lý sau đây, cái chân lý mà sự nô dịch hàng thế kỷ của bọn địa chủ và quan lại đã khắc sâu vào đầu óc họ — lại được chứng thực một lần nữa: khi nào nhà đương cục trịnh trọng tuyên bố cho người mu-gích "được tham gia" vào một công việc lớn hay nhỏ, vào việc chuộc lại ruộng đất của địa chủ hay vào các công việc xã hội được tổ chức ra nhân lúc đói kém — thì cần phải chờ đợi một tai vạ ghê ghớm mới nào đó.

Thực vậy, luật tạm thời ngày 15 tháng Chín với toàn bộ nội dung của nó gây cho ta cái ấn tượng đó là một đạo luật trừng phạt mới, là luật bổ sung cho bộ luật về hình phạt. Trước hết, bản thân việc sắp xếp và tiến hành công tác được tổ chức một cách "thận trọng" và quan liêu gấp bội, làm như đây là đối với những người nổi loạn hoặc

những kẻ bị đày khổ sai nào đó, chứ không phải là đối với những người bị đoi. Tưởng rằng sắp xếp công việc làm là một điều giản đơn nhất: các cơ quan hội đồng địa phương và các cơ quan khác nhận tiền và thuê công nhân xây dựng đường sá, dọn rừng v.v.. Thường thì các công việc loại đó đều tiến hành như vậy. Nhưng hiện nay một trật tự đặc biệt đã hình thành: viên trưởng quan địa phương nêu công việc ra, tỉnh trưởng phán quyết và gửi đến Xanh Pê-téc-bua cho một hội nghị đặc biệt — "hội nghị lương thực" — bao gồm đại biểu của các bộ khác nhau và họp dưới quyền chủ tọa của ông thứ trưởng Bộ nội vụ. Ngoài ra, việc chủ trì chung được ủy nhiệm cho một bộ trưởng, ông này có thể cử những đại biểu toàn quyền đặc biệt. Hội nghị Pê-téc-bua thậm chí sẽ quy định giới hạn tối đa của thù lao trả cho công nhân — nghĩa là phải chú ý không để người ta "hủ hoá" người mu-gích với số tiền công quá cao! Rõ ràng là luật tạm thời ngày 15 tháng Chín nhằm mục đích *gây khó khăn* cho việc áp dụng rộng rãi các công việc xã hội, hệt như thông tư của Xi-pi-a-ghin ngày 17 tháng Tám *đã gây khó khăn* trong việc trợ cấp cho những người bị đoi.

Nhưng các quyết định đặc biệt về quy chế thuế nông dân làm việc lại còn quan trọng và tai hại hơn rất nhiều.

Nếu công việc tiến hành "ở ngoài khu vực cư trú của họ" (dĩ nhiên đây sẽ là đại đa số trường hợp), thì công nhân hợp thành những ác-ten đặc biệt *dưới sự giám thị của trưởng quan địa phương*, ông này lại chỉ định trưởng nhóm để giữ gìn trật tự. Những người nông dân bị đoi không thể tự mình chọn người nhóm trưởng như công nhân thường làm. Người ta đặt họ dưới quyền của một "viên quan địa phương" được vũ trang bằng chiếc gậy! Đối với những thành viên của ác-ten, người ta lập một danh sách đặc biệt *thay thế chứng minh thư đăng ký về cư trú* do luật pháp quy định cho họ... Thay cho những giấy chứng minh riêng của từng người thì sẽ có các danh sách của ác-ten. Thay như thế để làm gì?

Để *hạn chế* người mu-gích, vì nếu có giấy chứng minh riêng thì anh ta có tìm việc ở địa phương mới đến một cách tự do hơn, một cách thuận lợi cho anh ta hơn, trong trường hợp bất bình thì anh ta có thể bỏ việc một cách dễ hơn.

Chúng ta bàn tiếp: "Việc chăm lo giữ gìn trật tự cần thiết trong thời gian đi đường và việc trao những toán công nhân đã được đưa cho những người chỉ đạo công việc, phải giao cho những viên chức được Bộ nội vụ đặc biệt uỷ phái". Đối với những người công nhân tự do thì người ta cấp cho một số tiền trước để đi đường, còn nông nô thì người ta "đưa" *tùng toán* theo danh sách và "trao" họ cho những viên chức đặc biệt. Nông dân coi những công việc của "xã hội" và của nhà nước là một chế độ nông nô mới, như thế có đúng không?

Và như vậy, đạo luật ngày 15 tháng Chín đã làm cho nông dân bị đoi gần giống như nông nô, không phải chỉ về phương diện họ bị mất quyền tự do đi lại mà thôi. Luật đó còn cho bọn quan lại quyền *giữ lại một phần tiền công* để gửi cho gia đình công nhân, nếu, "nhà đương cục tỉnh ở địa phương có gia đình cư trú" thấy việc đó là cần thiết. Người ta sẽ sử dụng tiền công mà không có sự đồng ý của bản thân công nhân! Người mu-gích thật là ngốc: tự họ không biết chăm lo đến gia đình họ. Nhà đương cục sẽ làm việc đó một cách tốt hơn nhiều: thật vậy, ai mà lại không nghe thấy họ đã chăm lo một cách chu đáo như thế nào đối với các gia đình mu-gích ở các vùng di dân quân sự¹²⁰?

Chỉ khổ có một điều là: giờ đây, những người mu-gích có lẽ không còn ngoan ngoãn dễ bảo như trong thời kỳ di dân quân sự nữa. Họ cũng có thể đòi người ta phải cấp cho họ những giấy chứng minh thông thường, đòi người ta không được, nếu không có sự đồng ý của họ, giữ tiền công của họ lại kia mà? Trong trường hợp đó cần tăng cường sự nghiêm ngặt, và đạo luật quy định trong một điều khoản đặc biệt rằng "sự giám sát việc công nhân chấp hành một

trật tự cần thiết ở những nơi làm việc, theo chỉ thị của bộ trưởng Bộ nội vụ, thì giao cho các trưởng quan địa phương, cho sĩ quan các đội hiến binh đặc biệt, cho các viên quan cảnh sát hoặc cho những người được chỉ định đặc biệt phụ trách". Rõ ràng là đối với những người nông dân bị đói, chính phủ xem *trước* như "những kẻ nổi loạn", và quy định phải có một sự giám sát riêng hết sức nghiêm ngặt, ngoài sự giám sát chung của toàn bộ cảnh sát Nga đối với tất cả công nhân Nga. Người ta đã quyết định *trước* là phải nghiêm khắc với người mu-gích, vì họ dám "thổi phồng" nạn đói lên và tỏ ra (như Xi-pi-a-ghin nói trong thông tư của hắn) là "yêu sách chính phủ mà không có lý do gì xác đáng".

Còn để khỏi dùng đến toà án khi có những sự bất bình nào đấy của công nhân, luật tạm thời cho phép các quan lại có quyền bắt giam công nhân *đến ba* ngày mà *không cần có xét xử đặc biệt*, vì tội làm mất trật tự, làm việc không tận tâm, không thi hành chỉ thị!! Đối với người công nhân tự do, người ta phải đưa ra toà án hoà giải, anh ta có thể tự bào chữa trước toà và khiếu nại quyết định của toà, — còn đối với người mu-gích bị đói, thì người ta có thể bỏ tù mà không cần đến một toà án nào cả! Người công nhân tự do mà không muốn làm việc thì chỉ có thể bị đuổi, còn đối với người mu-gích bị đói thì đạo luật mới ra lệnh *áp giải từng chặng đưa về quê quán*, cùng với bọn trộm cướp, vì "tội ngoan cố không chịu làm việc"!

Luật tạm thời mới, đó là luật khổ sai thực sự đối với những người bị đói, là một luật bắt họ phải làm việc và tước hết quyền của họ chỉ vì họ đã dám làm phiền nhà đương cục với những lời kêu xin giúp đỡ. Chính phủ không phải chỉ giới hạn ở việc không cho hội đồng địa phương quản lý công tác lương thực nữa, cấm tư nhân tổ chức các nhà ăn nếu không được cảnh sát cho phép, ra lệnh giảm bớt quy mô thực tế về nhu cầu xuống năm lần, — chính phủ còn tuyên bố rằng nông dân không có đầy đủ quyền công dân

và ra lệnh trấn áp họ mà không cần đến toà án. Cộng vào cái khổ dịch thường xuyên của một cuộc sống đói khổ triền miên và lao động quá sức, giờ đây lại có thêm cái nguy cơ đi làm công việc khổ sai của nhà nước.

Đấy là những biện pháp của chính phủ đối với nông dân. Còn đối với công nhân, việc họ bị đàn áp đã được nói lên một cách nổi bật hơn cả trong "Bản cáo trạng" về vụ đấu tranh hồi tháng Năm ở nhà máy Ô-bu-khốp, đăng trên số báo trước của chúng tôi. Tờ "Tia lửa" cũng đã viết về chính bản thân sự việc đó trong các số báo ra hồi tháng Sáu và tháng Bảy. Báo chí hợp pháp của chúng ta không nói gì đến phiên tòa, có lẽ vì nhớ đến việc ngay cả tờ "Thời mới", một tờ báo hết sức trung thực, cũng đã "đau khổ" như thế nào vì đã dám viết về những đề tài này. Trong các báo chí có vài dòng nói rằng tòa án đã xử vào cuối tháng Chín; về sau, một trong những tờ báo ở miền Nam tình cờ đã đăng tin về bản án: hai người bị *tù khổ sai*, tám người được tha, số còn lại thì bị tù hoặc bị đi cải tạo từ 2 đến 3 năm rưỡi.

Như vậy, trong bài "Trận kịch chiến mới ("Tia lửa", số 5) ¹⁾ chúng tôi còn chưa đánh giá đúng mức sự trả thù của chính phủ Nga. Chúng tôi nghĩ rằng, vì sợ phải dùng đến toà án nên chính phủ đó đã dùng đến biện pháp trấn áp quân sự, với tính cách là một phương sách đấu tranh cuối cùng. Thì ra họ đã biết kết hợp cái nọ với cái kia: sau khi đánh đập quân chúng và giết chết 3 công nhân, họ đã chộp bắt 37 người trong số mấy ngàn và kết án phạt những người này một cách tàn khốc.

Họ đã bắt và đã kết án như thế nào, bản cáo trạng sẽ cho ta một vài khái niệm về điều đó. Họ cho rằng đúng đầu những kẻ chủ mưu là An. Iv. Êc-ma-cốp, Êphr. Xtep. Đa-khin và An. Iv. Ga-vri-lốp. Bản cáo trạng chỉ ra rằng

1) Xem tập này, tr. 16-23.

Éc-ma-cốp có truyền đơn trong phòng ở (theo lời của mục tay sai ở quán rượu của nhà nước là Mi-khai-lô-va, mục này *không được gọi ra tòa* để làm nhân chứng), rằng anh ta đã nói về đấu tranh cho tự do chính trị, và ngày 22 tháng Tư anh ta đã cầm cờ đỏ đi đến đại lộ Nép-xki. Sau đó người ta nhấn mạnh rằng Ga-vri-lốp cũng có truyền đơn và rải truyền đơn kêu gọi tham gia biểu tình ngày 22 tháng Tư. Về nữ bị cáo I-a-cô-vlê-va, người ta cũng nói là chị đã tham gia những cuộc hội họp bí mật nào đấy. Như vậy, rõ ràng là viên công tố đã cố trình bày những người mà bọn đặc vụ tình nghi hoạt động chính trị, như là những kẻ chủ mưu. Tính chất chính trị của vụ đó cũng rõ ở chỗ là quần chúng đã kêu: "chúng tôi cần tự do!", ở chỗ là nó dính líu đến ngày 1 tháng Năm. Xin mở đầu ngoặc nói rằng, chính việc đuổi 26 người vì "vắng mặt không có lý do" trong ngày 1 tháng Năm đã làm nổ bùng ra cuộc đấu tranh, nhưng dĩ nhiên viên công tố không nói một tiếng nào về *sự bất hợp pháp* của việc đuổi thợ đó!

Sự việc đã rõ ràng. Người ta bắt đưa ra tòa những người mà người ta tình nghi là kẻ thù chính trị. Bọn đặc vụ đưa ra các bản danh sách. Còn cảnh sát thì dĩ nhiên sẽ "chứng nhận" rằng những người đó có ở trong đám đông và ném đá, và họ tích cực hơn mọi người.

Người ta dùng tòa án để che đậy một hành động trả thù chính trị lần thứ hai (sau trận kịch chiến). Và che đậy một cách dễ tiện: người ta nhắc đến chính trị để làm cho nặng tội thêm, còn giải thích hoàn cảnh chính trị của toàn bộ sự kiện xảy ra thì người ta không cho phép. Các bị cáo đã bị xử như những kẻ phạm tội hình, căn cứ điều khoản 263 của Bộ luật, nghĩa là họ bị xử về tội đã "công khai nổi loạn, chống lại những nhà đương cục do chính phủ bổ nhiệm", hơn nữa lại là một cuộc nổi loạn do những người có vũ trang(?) gây nên. Lời buộc tội đó người ta *nặn ra*: cảnh sát đã ra lệnh cho các tòa án chỉ phân tích có một mặt của sự việc.

Cần nêu lên rằng, theo các điều khoản 263-265 của Bộ luật thì tham gia *bất cứ* một cuộc biểu tình nào cũng có thể bị đầy khổ sai: "Nổi loạn công khai với ý định không cho thực hiện những mệnh lệnh và biện pháp do chính phủ quy định", mặc dầu "những người nổi loạn" không có vũ trang và thậm chí không có một hành động bạo lực nào rõ ràng cả! Luật pháp Nga thật là rộng rãi về mặt cho đi đầy khổ sai! Và đã đến lúc chúng ta cần quan tâm làm thế nào cho mỗi vụ án như thế đều bị chính bản thân những người bị cáo *biến thành* một vụ án chính trị, làm thế nào để chính phủ không còn dám che đậy việc trả thù chính trị của mình bằng tấn hài kịch tội hình sự!

Và quả là một sự "tiến bộ" to lớn biết chừng nào trong chính cái thủ tục tố tụng, nếu đem so với năm 1885 chẳng hạn! Bây giờ những người thợ dệt xưởng Mô-rô-dốp là do tòa hội thẩm xét xử; các báo chí đều tường thuật tỉ mỉ; ở phiên tòa, các nhân chứng trong công nhân đã vạch rõ tất cả những hành động đòi bại của tên chủ xưởng. Còn giờ đây thì tòa án là của bọn quan lại với những đại biểu gặt đầu của các đảng cấp, cửa tòa đóng kín, các báo chí im hơi lặng tiếng, các nhân chứng giả: bọn chủ xưởng, bọn tuần canh ở xưởng, bọn cảnh sát đã đánh người, bọn lính đã bắn vào công nhân. Một tấn hài kịch như nhục biết bao!

Các bạn hãy đem so sánh sự "tiến bộ" đó trong việc trấn áp công nhân những năm 1885 và 1901 với sự "tiến bộ" trong cuộc đấu tranh chống những người bị đọa những năm 1891 và 1901, và các bạn sẽ có được một vài khái niệm về sự bất bình trong nhân dân và trong xã hội đã phát triển một cách nhanh chóng như thế nào, cả về bề sâu lẫn về bề rộng; các bạn sẽ thấy chính phủ đang bắt đầu lỏng lẻo điên cuồng như thế nào, "siết chặt" cả những nhà tù thiện lẫn nông dân, đem án khổ sai ra dọa công nhân. Không, khổ sai không làm cho công nhân sợ hãi, những lãnh tụ của họ đã không sợ chết trong cuộc chiến đấu trực diện ngoài đường

phổ chống lại bọn chó săn của Nga hoàng. Ký ức về những người bị giết và những đồng chí anh hùng bị hành hạ đến chết trong các nhà tù sẽ làm tăng gấp bội sức mạnh của những chiến sĩ mới, và sẽ lôi cuốn hàng ngàn người đến viện trợ cho họ, những người này, như cô thiếu nữ 18 tuổi Mác-pha I-a-cô-vlê-va, sẽ nói thẳng: "chúng tôi ủng hộ các anh em của chúng tôi!" Ngoài việc dùng cảnh sát và quân đội để trấn áp những người biểu tình, chính phủ còn có ý định sẽ kết tội họ là nổi loạn nữa; chúng ta sẽ đáp lại việc đó bằng cách đoàn kết hết thảy mọi lực lượng cách mạng, bằng cách lôi cuốn về phía mình hết thảy những người bị áp bức dưới chế độ chuyên quyền của Nga hoàng và bằng cách luôn luôn chuẩn bị cuộc khởi nghĩa toàn dân!

*"Tia lửa", số 10,
tháng Mười một 1901*

*Theo đúng bản in trên
báo "Tia lửa"*

ĐIỂM QUA TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

*Viết xong vào tháng Mười
1901*

*In lần đầu, trên tạp chí "Bình
minh", số 2-3, tháng Chạp 1901
Ký tên: T. Kh.*

Theo đúng bản in trên tạp chí

I. NẠN ĐÓI¹²¹

Lại đói! Không riêng gì sự phá sản, mà cả tình trạng thực sự chết dần chết mòn của nông dân Nga trong khoảng mười năm gần đây đã diễn ra nhanh chóng lạ lùng; và có lẽ không một cuộc chiến tranh nào, dù kéo dài và ác liệt đến mấy đi nữa, lại gây ra nhiều hy sinh tổn thất đến như thế. Tất cả những lực lượng mạnh nhất của thời đại hiện nay đã thống nhất lại để đối phó với người mu-gích: chủ nghĩa tư bản thế giới đang mỗi ngày một phát triển nhanh hơn thì đã gây ra sự cạnh tranh ở bên kia đại dương, và đã cung cấp những công cụ và phương pháp sản xuất hoàn chỉnh nhất cho một thiểu số bé nhỏ chủ ruộng đất có khả năng sống sót trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng để sinh tồn; nhà nước quân phiệt thì đang tiến hành chính sách phiêu lưu tại các thuộc địa của mình ở vùng Viễn Đông và Trung Á, đang trút lên vai quần chúng lao động tất cả gánh nặng quá mức của cái chính sách tốn tiền ghê gớm đó và hơn thế nữa, lại còn dùng tiền bạc của nhân dân để thành lập ngày càng nhiều những binh đoàn cảnh sát "ngăn chặn" và "khống chế" sự bất bình và căm phẫn ngày càng tăng của quần chúng.

Sau khi nạn đói ở nước ta đã trở thành một hiện tượng thông thường thì tự nhiên có thể là chính phủ sẽ cố gắng xây dựng và củng cố cái chính sách thông thường của nó trong vấn đề lương thực. Nếu như, trong những năm 1891-1892, chính phủ bất thành linh bị đột kích, và lúc đầu

phần nào lúng túng thì ngày nay, chính phủ đã khá giàu kinh nghiệm và hiểu biết một cách chắc chắn là cần phải đi tới đâu (và đi như thế nào). Báo "Tia lửa" (số 6) ra hồi tháng Bảy đã viết: "Hiện nay, mối tai họa trong nhân dân đang như đám mây đen bao trùm cả nước, và chính phủ lại chuẩn bị đóng vai trò bỉ ổi của mình là một lực lượng vô nhân đạo, giành giật từng mẩu bánh mì của nhân dân nghèo đói và trừng phạt bất kỳ "biểu hiện" chăm lo dân đói nào mà nhà cầm quyền không ưng ý".

Chính phủ chuẩn bị công việc rất nhanh và rất kiên quyết. Công việc chuẩn bị đó đã được tiến hành như thế nào, cứ xem câu chuyện Ê-li-da-vét-grát cũng đủ rõ. Hoàng thân Ô-bô-len-xki — người đứng đầu tỉnh Khéc-xôn — đã tuyên chiến ngay tức khắc với những ai dám cả gan viết và nói về nạn đói ở Ê-li-da-vét-grát, dám cả gan kêu gọi xã hội cứu giúp những kẻ bị đói, tổ chức ra những hội riêng và mời tư nhân tham gia việc cứu giúp đó. Các thầy thuốc của các hội đồng địa phương đã viết trên các báo rằng nạn đói đã diễn ra ở trong huyện, rằng nhân dân đang đau ốm và chết dần chết mòn, rằng "bánh mì" mà họ dùng để ăn là một thứ gì không thể tưởng tượng được và hoàn toàn không đáng gọi là bánh mì được nữa. Viên tỉnh trưởng bèn mở cuộc luận chiến với các thầy thuốc của các hội đồng địa phương, và cho đăng những lời phản bác chính thức. Ai hiểu biết dù chỉ đôi chút thôi về những điều kiện chung của báo chí chúng ta, ai chịu khó nhớ lại sự khủng bố dữ dội trong thời gian gần đây đối với những cơ quan ngôn luận hết sức ôn hòa và những ký giả còn vô cùng ôn hòa hơn nữa, thì người đó sẽ hiểu ngay ý nghĩa của cuộc "luận chiến" đó giữa viên tỉnh trưởng với các thầy thuốc nào đó của hội đồng địa phương, ngay cả những thầy thuốc không làm việc trong các cơ quan nhà nước! Đó chẳng qua chỉ là một cách cả vú lấp miệng em, một lời tuyên bố không chút sượng sùng và rõ ràng nhất là chính phủ không

thể chịu được sự thật về nạn đói. Mà cũng không phải là tuyên bố! Đối với ai kia chứ đối với chính phủ Nga thì vị tất có thể chê trách rằng nó chỉ tuyên bố thôi, khi mà nó có khả năng "sử dụng quyền lực". Và hoàng thân Ô-bô-len-xki đã không chậm trễ sử dụng quyền lực đó, đích thân nhảy lên vũ đài chiến đấu với những kẻ đói, với những người, — không ở trong một công sở nào, — muốn giúp đỡ *thực sự* cho những kẻ đói; y đã *ngăn cấm* một số tư nhân hưởng ứng việc cứu đói (trong số này có cả U-xpen-xki phu nhân), không cho họ *lập các quán ăn*. Cũng như Giuy-li-út Xê-da, hoàng thân Ô-bô-len-xki đã đến, đã thấy và đã giành thắng lợi: điện tín cấp tốc loan báo thắng lợi đó cho toàn thế giới có học trong nước Nga. Có một điều lạ lùng là: thắng lợi đó, sự thách thức láo xược đó đối với mọi người Nga còn đôi chút lương tri, hoặc còn chút ít lòng dũng cảm của người công dân, đã không vấp phải một sự phản kháng nào của các nhân vật có thể nói là quan tâm nhiều nhất đến vấn đề. Chắc chắn rằng ở tỉnh Khéc-xôn có nhiều người trước kia và hiện nay vẫn biết rõ tất cả mặt trái của tình trạng im hơi lặng tiếng đó đối với nạn đói và biết rõ cuộc đấu tranh chống lại việc cứu giúp những người bị đói, nhưng chưa một ai phơi bày sự việc bổ ích đó, chưa có ai công bố các tài liệu có liên quan đến nạn đói, chưa có ai hô hào phản đối — dù chỉ là lời hô hào phản đối việc cấm đoán kỳ quặc không cho lập các quán ăn. Công nhân tổ chức đình công, khi chính phủ thực hiện sự đe dọa của mình là đuổi cổ "những người bỏ việc" ngày 1 tháng Năm; còn giới trí thức thì lại im lặng khi người ta cấm những đại diện của họ... không được cứu giúp những kẻ bị đói.

Hình như được khích lệ bởi thắng lợi của cuộc đụng độ đầu tiên ấy với "bọn gây rối" đã dám cứu giúp những người bị đói, nên chính phủ lập tức chuyển sang tấn công trên toàn trận tuyến. Chiến công dũng cảm của hoàng thân

Ô-bô-len-xki được dùng làm cơ sở chỉ đạo, làm sắc luật điều chỉnh, từ nay trở đi, thái độ của tất cả các nhà đương cục đối với tất cả những người liên can đến công việc lương thực (danh từ "liên can" chính là một thuật ngữ tư pháp chuyên dùng trong hình pháp; nhưng, như chúng ta đã thấy ở trên, và dưới đây chúng ta sẽ còn thấy, hiện nay việc cứu đói, không được phép mà cứ tiến hành đều coi như phạm tội về hình sự). Sắc luật nói trên được ban hành ngay, lần này thì được giản đơn hoá dưới hình thức "thông tri của bộ trưởng Bộ nội vụ gửi những người đứng đầu các tỉnh bị nạn mất mùa năm 1901" (17 tháng Tám 1901, số 20).

Cần thấy rằng, bản thông tri này, trong thời gian lâu dài, sẽ là một tấm bia ghi lại cho người đời thấy rõ sự hoảng hốt của cảnh sát đã đưa đến những cái cột nào của Héc-quyn¹²² khi họ đứng trước mối tai họa to lớn của nhân dân, trước tình trạng gân gỏi giữa những kẻ bị đói và lớp "trí thức" đã cứu mạng họ, bên cạnh cái ý định kiên quyết cứng rắn nhằm dập tắt mọi sự "ồn ào" về nạn đói và hạn chế việc cứu giúp trong những phạm vi hết sức nhỏ bé. Chỉ có điều đáng tiếc là bản thông tri hơi dày quá khổ, và được viết bằng một giọng văn quan cách, nặng nề, có lẽ vì thế cho nên đã cản trở việc tìm hiểu của đông đảo quần chúng.

Mọi người đều biết, sắc lệnh ngày 12 tháng Sáu 1900, đã truất quyền quản lý công tác lương thực của hội đồng địa phương và giao việc đó cho các trưởng quan địa phương và các đại hội huyện. Hình như thế là chắc chắn nhất rồi: người được cử thì bị gạt ra, những người độc lập chút ít đối với các nhà đương cục thì quản lý công việc và do đó hiện nay sẽ không còn ồn ào nữa. Nhưng, sau chiến dịch của hoàng thân Ô-bô-len-xki, thì tất cả những cái đó vẫn còn chưa đủ: cần phải làm cho mọi công việc lệ thuộc chặt chẽ hơn nữa vào Bộ và vào các công chức thi hành trực tiếp các quyết định của Bộ, cần phải triệt để gạt bỏ

mọi khả năng thổi phồng. Vì vậy, từ nay trở đi việc xét xem huyện nào "mùa màng xấu" sẽ chỉ do bản thân Bộ* quyết định; hiển nhiên là trong Bộ sẽ thiết lập một cơ quan tổng tham mưu quân sự để đối phó với những kẻ bị đói. Và thông qua các ngài tỉnh trưởng, ban tham mưu này sẽ chỉ đạo hoạt động của những nhân vật (phần lớn là những người cầm đầu lớp quý tộc ở huyện) nắm trong tay "trung tâm lãnh đạo công tác lương thực ở huyện". Hoàng thân Ô-bô-len-xki — người có sáng kiến tổ chức các hoạt động quân sự để đối phó với những kẻ bị đói — phải thân hành xuống tận địa phương để chặn đứng, kìm chế và thu hẹp lại. Bây giờ, tình hình đã được "chỉnh đốn", chỉ cần một sự trao đổi bình thường bằng điện tín (may là tiền chi phí văn phòng cho mỗi huyện đã tốn tới bạc ngàn rồi) giữa "cơ quan quản lý trung tâm của huyện" và các cơ quan quản lý trung tâm ở Pê-téc-bua là đủ để "ra lệnh". Tên địa chủ văn minh của Tuốc-ghê-nép không những tự mình không đến chuồng ngựa, mà y chỉ khe khẽ có ý kiến, thông qua người hầu cận mặc áo chèn và đeo găng trắng: "Về Pê-đô... hãy ra lệnh đi!"¹²³ Ở ta hiện nay cũng thế; người ta sẽ "ra lệnh" một cách nhẹ nhàng cao cả, "không âm ỉ" để kìm chế lòng tham vô độ của dân chúng bị đói.

* Có thể qua tấm gương của tỉnh Péc-mơ mà biết được Bộ đã quyết định vấn đề này như thế nào. Báo chí gần đây nhất cho biết rằng tỉnh này vẫn được tính là một tỉnh "được mùa", mặc dầu (theo tin tức của hội nghị bất thường hội đồng địa phương hàng tỉnh, ngày 10 tháng Mười vừa rồi) nạn mất mùa ở đây còn lớn hơn nạn mất mùa năm 1898. Thu hoạch lúa mì chỉ đạt 58 phần trăm mức trung bình, còn ở các huyện Sa-đrin-xcơ và Iéc-bít thì chỉ thu hoạch 36 và 34 phần trăm mức trung bình. Năm 1898, chính phủ đã trợ cấp (không kể các khoản khác của địa phương) 1 1/2 triệu pút lúa mì và hơn 1/4 triệu rúp. Hiện nay, hội đồng địa phương không có khoản nào cả; quyền hạn của hội đồng bị hạn chế và mất mùa lại nặng hơn năm 1898, ngay từ ngày 1 tháng Bảy lúa mì đã bắt đầu lên giá, nông dân đã phải bán giá sục, — thế mà chính phủ vẫn khẳng khẳng cho rằng tỉnh đó "được mùa"!!

Còn việc ngài Xi-pi-a-ghin tin rằng người mu-gích nghèo đói tham vô độ, — điều đó có thể thấy rõ ràng ở chỗ bản thông tri không những chỉ kiên trì cảnh cáo đề phòng "việc thổi phồng", mà còn kiên trì trực tiếp để thêm ra nhiều luật lệ mới nhằm gạt bỏ chính cái khả năng đưa tới việc thổi phồng đó. Về việc lập danh sách những người thiếu thốn, — xin các bạn không nên vội vã: việc này làm nảy ra trong nhân dân "những hy vọng quá cao", — tên bộ trưởng đã nói toạc ra như thế và ra lệnh chỉ được lập các bản danh sách ngay trước khi phân phát lúa mì. Thứ nữa, về vấn đề khi nào *nên* coi một huyện là mất mùa thì bản thông tri cho là không cần thiết phải nói đến; nhưng ngược lại, nó quy định một cách chính xác khi nào thì *không nên* thừa nhận một huyện là mất mùa (thí dụ, khi không quá một phần ba số xã bị nạn, khi vẫn còn tồn tại những khoản tiền công thông thường v.v.). Cuối cùng, về tiêu chuẩn trợ cấp cho những kẻ bị đói, viên bộ trưởng đề ra những qui tắc chứng tỏ rất rõ ràng là *dù sao chăng nữa* thì chính phủ cũng vẫn muốn cắt những khoản trợ cấp đó cho đến hết mức và thay vào đó bằng những khoản tiền bố thí tuyệt nhiên không thể giúp cho nhân dân tránh khỏi bị chết dần chết mòn. Thực ra là thế này: tiêu chuẩn cho mỗi gia đình là 48 pút lúa mì (tính mức thu hoạch trung bình ở địa phương); ai có nhiều hơn mức thu nhập đó, tức là không thiếu. Con số trên được tính bằng cách nào, — điều đó không ai biết cả. Người ta chỉ biết rằng trong năm *không* đói kém thì ngay cả những người nông dân nghèo khổ nhất cũng tiêu thụ lúa mì nhiều gấp hai lần mức đó (xem bản thống kê của các hội đồng địa phương theo dõi về tình hình các ngân sách của nông dân). Thành thử, cứ theo bản chỉ thị của ông bộ trưởng, thì tình trạng đói ăn đã được coi là một hiện tượng thông thường. Nhưng chính cái tiêu chuẩn đó còn bị giảm đi nữa: thứ nhất, giảm đi một nửa, nhằm làm cho thành phần công nhân — chiếm khoảng nửa dân số — không

thể vay mượn được, và thứ hai là *còn giảm thêm* 1/3 - 1/5 - 1/10 "căn cứ theo con số phỏng chừng của những nghiệp chủ khá giả có của dự trữ từ năm ngoái, hoặc có nguồn của cải vật chất nào đó" (viết đúng như vậy: "hoặc" có nguồn của cải vật chất "nào đó!!"). Dựa vào đấy, có thể xét đoán rằng bộ phận dân chúng thực sự thiếu lúa mì, mà chính phủ dự tính việc cho vay, là nhỏ bé không đáng kể biết chừng nào. Dường như thích thú với hành động liều lĩnh của mình nên khi đề ra cách cắt xén không thể tưởng tượng được đó đối với các khoản trợ cấp, ngài Xi-bi-a-ghin tuyên bố rằng cách tính phỏng chừng đó "tỏ ra ít bị thổi phồng". Thật là có bàn bạc gì thêm vào đấy nữa thì cũng bằng thừa.

Những bản tuyên bố chính thức của chính phủ Nga, khi mà ngoài các chỉ thị thuần túy, còn có những mưu toan nào đó định giải thích các chỉ thị ấy, thì hầu như bao giờ cũng bao gồm — đấy là một thứ sắc lệnh của họ, vững vàng hơn rất nhiều so với đại đa số những sắc lệnh ở nước Nga chúng ta — hai lập luận căn bản, hoặc hai kiểu căn bản về lập luận. Một mặt, các bạn sẽ được đọc một vài câu chung chung, với một giọng văn kiểu cách nói rõ về sự chăm sóc ân cần của nhà cầm quyền, về việc nhà cầm quyền muốn tính đến yêu cầu của thời đại và nguyện vọng của dư luận xã hội. Ví dụ, người ta nói về "công việc quan trọng là ngăn chặn tình trạng thiếu thốn lương thực trong dân cư nông thôn", về "trách nhiệm tinh thần phải chăm lo đến phúc lợi của nhân dân địa phương", v.v.. Tất nhiên là những điều chung chung đó, về thực chất, chẳng có ý nghĩa gì và chẳng đưa đến một kết quả nào tích cực cả; còn so với những lời lẽ bất hủ của I-u-đu-sca Gô-lô-vlêp bất tử khi lão ta răn dạy những người nông dân mà lão ta bóc lột, thì thật là giống nhau như hai giọt nước. Căn mở ngoặc nói thêm ở đây rằng báo chí phái tự do, được thông qua kiểm duyệt, bao giờ cũng lợi dụng những điều chung chung đó (phần do ngờ nghệch, phần do "trách nhiệm nghề nghiệp") để

cho thấy rằng, chính phủ nhất trí về nguyên tắc với quan điểm của họ.

Nhưng, nếu các bạn xem xét kỹ hơn những luận điệu khác của các mệnh lệnh của chính phủ, những luận điệu ít chung chung hơn và ít rộng tuếch hơn, thì bao giờ bạn cũng tìm thấy những lời giải thích cụ thể, *lập lại hoàn toàn* những luận cứ đã được xác lập của các báo chí phản động nhất ở nước ta (thí dụ tờ "Tin tức Mát-xơ-va"). Theo ý chúng tôi, việc theo dõi và nhận xét, trong từng trường hợp riêng biệt, sự nhất trí giữa chính phủ với tờ "Tin tức Mát-xơ-va", không phải là một công việc không bổ ích (ngay cả đối với các nhà hoạt động hợp pháp thì việc này cũng không phải là hoàn toàn không thể làm được). Thí dụ, trong bản thông tri nói trên, chúng ta thấy có sự lặp lại những lời buộc tội bỉ ổi nhất của "bọn địa chủ man rợ" nhất: việc sớm lập danh sách những người thiếu thốn làm cho "một số hộ khá giả nảy ra ý muốn giả nghèo giả khổ bằng cách bán tài sản và dự trữ thừa". Bộ trưởng nói rằng "kinh nghiệm các đợt công tác lương thực trước đây đã chứng minh điều ấy". Như vậy là thế nào? Như vậy là bộ trưởng đã rút cái kinh nghiệm về chính trị của mình từ những câu thuyết giáo của bọn chủ nô cuồng nhiệt nhất, là bọn mà những năm đói kém trước đây đã hết sức làm âm ỉ và hiện nay vẫn đang làm âm ỉ lên về việc lừa bịp của nông dân, và là bọn rất căm phẫn đối với "sự ồn ào" xung quanh những bệnh dịch do nạn đói sinh ra.

Ngài Xi-pi-a-ghin đã học tập chính là ở bọn chủ nô đó cái cách nói về tình trạng đạo đức suy đồi; ông ta viết: "điều rất quan trọng là làm sao cho... các cơ quan địa phương... góp phần vào việc tiết kiệm khoản tiền đã được ấn định, nhưng điều chủ yếu (sic!¹⁾) là làm sao cho họ ngăn ngừa được những trường hợp phân phát tiền trợ cấp của

1) — như thế đấy!!

chính phủ một cách vô căn cứ cho những người còn khả năng; những trường hợp này có ảnh hưởng có hại làm suy đồi đạo đức". Và bản chỉ thị trợ trên về việc góp phần tiết kiệm tư liệu đó, đã được củng cố bởi những lời giáo huấn có tính nguyên tắc sau đây: "... sự phân phát trợ cấp lương thực một cách rộng rãi cho những gia đình có thể không cần đến nó" (nghĩa là có thể sống được với 24 pút lúa mì trong một năm cho mỗi gia đình ư ?) — "không kể đến tính chất phi sản xuất 9 (!) của những khoản chi của ngân khố trong các trường hợp như thế, căn cứ theo những hậu quả khủng khiếp của biện pháp đó trong tương lai mà nói, là một việc làm có ý nghĩa rất tai hại — đứng trên quan điểm lợi ích và nhu cầu của nhà nước mà xét — không kém gì việc bỏ mặc, không cứu giúp một cách thích đáng cho những người thật sự thiếu thốn". Thời cổ xưa, các vua chúa giàu lòng nhân đã nói : "thà rằng tha bổng mười người có tội, còn hơn là kết án một người vô tội". Thế mà ngày nay, người thân cận của Nga hoàng lại tuyên bố: trợ cấp cho các gia đình cũng có thể sống được với 24 pút lúa mì hàng năm, là một việc làm không kém phần tai hại, so với việc bỏ mặc, không trợ cấp, cho một người "thực sự" thiếu thốn. Đáng tiếc rằng cái "quan điểm" tuyệt vời về mặt thẳng thắn đó về "lợi ích và nhu cầu của nhà nước" lại được che đậy khỏi mắt quảng đại công chúng bằng bản thông tri dài lê thê và vô cùng tế nhị! Chỉ có một hy vọng duy nhất là: có thể các báo chí dân chủ - xã hội và công tác cổ động bằng lời nói của tổ chức dân chủ-xã hội sẽ giới thiệu cho nhân dân hiểu rõ hơn nội dung bản thông tri đó của Bộ.

* *

*

Nhưng bản thông tri đặc biệt kiên quyết "tấn công" vào những nhà từ thiện: tất cả mọi cái đều cho thấy rằng nhà cầm quyền đang tiến hành cuộc chiến tranh chống lại những kẻ

đôi thì coi những nhóm cứu tế tư nhân và những quán ăn tư nhân v.v. là trận địa quan trọng nhất của "kẻ địch". Với một tinh thần thẳng thắn, rất đáng được cảm ơn, ông Xi-pi-a-ghin đã giải thích nguyên nhân vì sao công việc từ thiện đó của các tư nhân từ lâu đã làm cho Bộ nội vụ mất ăn mất ngủ. Bản thông tri viết: "Từ vụ mất mùa những năm 1891 và 1892 và trong những thời kỳ tai họa tương tự tiếp sau đó, người ta luôn luôn khám phá ra rằng: một số nhà từ thiện, song song với việc giúp đỡ vật chất cho nhân dân các vùng bị nạn, đã cố gắng kích động trong đám quần chúng đó lòng bất mãn đối với trật tự hiện hành, đã khơi lên những yêu sách hết sức vô lý đối với chính phủ. Những nhu cầu không được đáp ứng đầy đủ, nạn đau ốm bệnh hoạn và tình trạng kinh tế phá sản, tất nhiên không tránh khỏi trong tình hình như thế, đã đồng thời tạo nên miếng đất rất thuận lợi cho việc cổ động phản đối chính phủ, và những kẻ không đáng tin cậy về mặt chính trị, nấp dưới chiêu bài tư nhân cứu giúp đồng bào, sẵn sàng lợi dụng miếng đất ấy để thực hiện những mục đích tội lỗi của họ. Thường thường ngay sau những tin tức đầu tiên về nạn mất mùa lớn là có nhiều nhân vật có quá khứ chính trị bất hảo từ khắp các nơi đổ dồn về địa phương bị nạn, họ cố chấp mối với những người được uỷ quyền của các hội từ thiện và của các cơ quan từ thiện từ thủ đô về, và được những người này, do không biết tình hình, công nhận là cộng tác viên địa phương; điều này đã gây ra nhiều khó khăn khá nghiêm trọng cho trật tự và công tác quản lý".

Nhưng chính phủ Nga bắt đầu ngày càng cảm thấy không ổn ở trên đất Nga. Đã có thời kỳ mà chỉ riêng thanh niên học sinh được coi là một giới cần phải đặc biệt canh giữ: một chế độ kiểm soát khắc nghiệt đã được thiết lập để theo dõi họ; mọi liên hệ giữa họ với các nhân vật nào đó có quá khứ chính trị bất hảo đều bị kết tội rất nặng; tất cả những hội và nhóm dù chỉ theo đuổi mục đích giúp đỡ vật

chất cũng đều bị tình nghi là có âm mưu hoạt động chống lại chính phủ. Vào thời kỳ đó — cũng không xa xôi gì lắm — chưa có một *tầng lớp* nào khác, lại càng chưa có một giai cấp nào trong nhân dân mà chính phủ coi là "miếng đất rất thuận lợi cho việc cổ động phản đối chính phủ". Nhưng, từ giữa những năm 90, trên các bản thông báo chính thức của chính phủ, người ta đã thấy chỉ ra một giai cấp khác trong nhân dân vô cùng đông đảo hơn và đòi hỏi phải được canh giữ đặc biệt: đó là công nhân các công xưởng - nhà máy. Sự lớn mạnh của phong trào công nhân đã bắt buộc phải thiết lập cả một hệ thống cơ quan để giám sát cái thành phần hung dữ mới đó; trong bản danh sách thống kê các địa phương cấm các nhân vật bị tình nghi về chính trị không được cư trú, bên cạnh những thủ đô và thành phố có trường đại học tổng hợp, người ta đã thấy xuất hiện những trung tâm công xưởng, thị trấn, huyện và cả những tỉnh trọn vẹn*. Ở hai phần ba diện tích của phần nước Nga thuộc châu Âu người ta đặc biệt giữ gìn để phòng những phần tử không đáng tin cậy; một phần ba diện tích còn lại thì hiện nay đã chứa đầy những "nhân vật có quá khứ chính trị bất hảo" đến mức mà ngay cả một tỉnh hẻo lánh nhất cũng đã trở nên đáng lo ngại**. Hiện nay, theo sự phán đoán có uy tín của một nhân vật

* Xin xem chẳng hạn bản thông tri bí mật, đăng trên tờ "Tia lửa", số 6, về những nhân vật bị trục xuất khỏi Xanh Pê-téc-bua chủ yếu là các nhà văn trong đó có nhiều người chưa hề bao giờ tham gia các hoạt động chính trị nói chung, và các hoạt động "công nhân" nói riêng. Tuy nhiên họ vẫn bị cấm không được cư trú, không riêng ở các thành phố có trường đại học tổng hợp, mà cả ở "những khu công xưởng", và cũng có một số thậm chí *chỉ* bị cấm không được cư trú ở những khu công xưởng.

** Xin xem chẳng hạn những tin tức đăng trên tờ "Tia lửa", số 6 và 7, nói rõ sự phẫn nộ của công chúng và những "biểu hiện" chống đối chính phủ đã thâm nhập như thế nào ngay cả vào các thành phố đã được chú ý cứu như Pen-da, Xim-phê-rô-pôn, Cuốc-xơ v.v.¹²⁴

có quyền lực như ông bộ trưởng Bộ nội vụ, thì cả nông thôn hẻo lánh nhất cũng đã trở thành "mảnh đất thuận lợi" cho việc cổ động phản đối chính phủ, vì ở đây đã xảy ra những trường hợp nhu cầu không được đáp ứng đầy đủ, nạn ốm đau bệnh hoạn và tình trạng kinh tế phá sản. Thế là những vùng nông thôn Nga không thường xuyên xảy ra "những trường hợp" như trên, thì nhiều hay ít? Và chúng ta, những người dân chủ - xã hội Nga, chúng ta có nên lợi dụng ngay điều chỉ dẫn bổ ích của ông Xi-pi-a-ghin về mảnh đất "thuận lợi" đó không? Chính hiện nay, một mặt thì nông thôn đã quan tâm đến những tiếng đồn — khi này, khi khác hoặc thế này, thế khác — về các vụ xô xát nổ ra hồi tháng Hai và tháng Ba giữa giai cấp vô sản thành thị và thanh niên trí thức với bọn vệ binh của chính phủ; mặt khác, chẳng phải là bất cứ một câu nói nào như câu trong thông tri nói về "những yêu sách hết sức vô lý" của người mu-gích và v.v., cũng đều cung cấp cho công tác cổ động hết sức toàn diện và rộng rãi một chương trình phong phú nhất hay sao?

Chúng ta nên lợi dụng điều chỉ dẫn bổ ích của ông Xi-pi-a-ghin; còn tính chất ngây ngô của nó thì chỉ đáng cười mỉm. Quả vậy, nếu tưởng tượng rằng: hễ làm cho hoạt động từ thiện của tư nhân phải chịu sự giám sát và kiểm soát của tỉnh trưởng là có thể cản trở được ảnh hưởng của những nhân vật "không đáng tin cậy" lan tràn vào nông thôn, thì thật là một sự ngờ nghệch đáng buồn cười. Những nhà từ thiện chân chính không bao giờ tự đặt cho mình những mục tiêu chính trị, cho nên những phương sách mới nhằm ngăn chặn và chế ngự ảnh hưởng nói trên, trước hết đập vào những người ít nguy hiểm nhất đối với chính phủ. Còn những ai mong muốn mở mắt cho nông dân nhìn thấy ý nghĩa của những phương sách mới và thái độ của chính phủ đối với nạn đói nói chung, thì chắc chắn là họ không thấy cần thiết phải chấp mối liên hệ với những người được uỷ quyền của hội Hồng thập tự, hoặc phải trình diện trước các vị tỉnh

trưởng. Chẳng hạn, đã có lúc giới công nhân các công xưởng nhà máy là "mảnh đất thuận lợi", những ai muốn gần gũi với giới này đều không cần phải đến liên hệ với những người quản lý công xưởng để tìm hiểu về các chế độ của công xưởng, họ cũng không cần phải trình diện với các viên thanh tra công xưởng để xin phép hội họp với công nhân. Đương nhiên, chúng ta không hề quên rằng, công tác cổ động chính trị trong nông thôn còn gặp nhiều khó khăn lớn, nhất là vì không thể kéo các lực lượng cách mạng ở thành phố vào công tác cổ động chính trị tại nông thôn, đó là một việc vừa không hợp lý, vừa không thể làm được; nhưng, chúng ta cũng không nên bỏ qua tình hình sau đây: chính những chiến công của chính phủ như chèn ép các hoạt động từ thiện của tư nhân, đã thanh toán được hẳn một nửa khó khăn và đã giải quyết giúp chúng ta một nửa công việc.

* *
*
*

Chúng ta sẽ không bàn đến bản thông tri khác, cũng của vị bộ trưởng đó, nói về việc tăng cường sự giám sát đối với các buổi hoà nhạc và biểu diễn v.v. nhằm mục đích từ thiện; so với bản thông tri vừa phân tích ở trên, thì đây chỉ là một "việc vặt". (Xem báo "Tia lửa", số 9, bài "Những chương ngại mới".)

Chúng ta thử xem sự giúp đỡ của chính phủ đối với nhân dân — sự giúp đỡ được quy định và phân phối theo những luật lệ mới — đáp ứng được một tỷ lệ như thế nào so với nhu cầu thực tế. Quả thật, số liệu về vấn đề này hết sức nghèo nàn. Báo chí hiện nay bị hạn chế triệt để; những tư nhân xây dựng các quán ăn, cũng im hơi lặng tiếng sau khi bị "cấm" không được hoạt động; và để báo tin cho công chúng Nga đã bị sững sốt trước những biện pháp nghiệt ngã mới, thì chỉ còn những bản tin quan phương ngăn cản của cảnh sát về tình hình phát triển thuận lợi

của chiến dịch lương thực, hoặc là những bài vở cùng một tinh thần như các bài đăng trên "Tin tức Mát-xcơ-va", hoặc là những tin về một đôi cuộc trao đổi giữa nhà phóng viên nhân rồi với một ông quan ¹²⁵ nào đó đã trình trọng trình bày "ý nghĩ về sự nhất trí trong cơ quan lãnh đạo thành phố, về sự thống nhất quyền lực trong cơ quan lãnh đạo ở thành phố v.v."¹²⁶. Thí dụ, tờ "Thời mới", số 9195 đưa tin: viên tỉnh trưởng tỉnh Xa-ra-tốp (trước kia là tỉnh trưởng tỉnh Ác-khan-ghen-xcơ) tên là A.P. En-ghen-hác đã tiếp một cộng tác viên của một tờ báo địa phương, và nói với người này là chính ông ta đã đích thân triệu tập ở địa phương một cuộc hội nghị của những người lãnh đạo phe quý tộc, những đại biểu của các ban thường trực hội đồng địa phương, những trưởng quan địa phương cùng những đại biểu của các hội Hồng thập tự, và đã "phân công công tác" cho họ.

A. P. En-ghen-hác nói: "Bệnh hoại huyết, như trước kia tôi đã thấy ở tỉnh Ác-khan-ghen-xcơ, thì ở đây không có; ở đó, người ta không thể tới gần người bệnh cách năm bước; ở đó bệnh này quả thật là một thứ bệnh "mục nát"; còn ở đây, nhiều hơn cả là hậu quả của tình trạng thiếu máu nặng nề, do điều kiện khủng khiếp về nhà cửa gây ra. Những triệu chứng hầu như duy nhất của bệnh hoại huyết ở đây là: môi trắng, lợi trắng... Trong vòng một tuần lễ, nếu được ăn uống đầy đủ, bệnh nhân sẽ bình phục. Hiện đang có chế độ bồi dưỡng. Nói chung hàng ngày đã cấp phát 1 000 khẩu phần, mặc dù chỉ có không quá 400 người hết sức túng thiếu đăng ký.

Ngoài bệnh hoại huyết ra, cả vùng chỉ có ba trường hợp bị bệnh sốt. Sau này, có thể hy vọng rằng bệnh tật sẽ không còn xảy ra nữa, vì công tác xã hội đã được mở mang ở khắp nơi và nhân dân đã được đảm bảo có công ăn việc làm".

Đấy, tình hình tốt đẹp như thế đấy: cả huyện Khva-lun-xcơ (mà vị quan lớn nói đến) chỉ có 400 người hết sức túng thiếu (theo ý kiến của các ông Xi-pi-a-ghin và En-ghen-

hác thì số người còn lại, chắc là "có thể sống được" với 24 pút lúa mì trong một năm cho mỗi gia đình!), đời sống của nhân dân được đảm bảo, còn người ốm đau thì sau một tuần lễ là bình phục. Một khi tình hình đã như thế thì làm sao lại không tin vào tờ "Tin tức Mát-xcơ-va" được, tờ báo này, trong bài xã luận đặc biệt (số 258) đã thông báo cho chúng ta biết: "theo những tin tức mới đây từ 12 tỉnh bị mất mùa gửi về, thì *tại các nơi này hoạt động của nhà cầm quyền nhằm tổ chức việc cứu tế, đang diễn ra sôi nổi*. Nhiều huyện đã được điều tra nghiên cứu để xác định xem có phải là những nơi gặp nạn không may về lương thực hay không; ở các huyện người ta đã chỉ định những người quản lý ngành lương thực v.v.. Hình như các nhân vật có trách nhiệm trong chính phủ đã làm mọi việc có thể làm được để tổ chức việc cứu tế kịp thời và đầy đủ".

"Hoạt động đang diễn ra sôi nổi" và... "không quá 400 người hết sức túng thiếu đăng ký"... Ở huyện Khva-lun-xcơ có 165 ngàn nông dân thế mà người ta chỉ phát có một ngàn khẩu phần. Năm nay, toàn vùng Đông-Nam (kể cả tỉnh Xa-ra-tốp), lúa mạch bị thất thu là 34%. Ở tỉnh Xa-ra-tốp, trong tổng diện tích gieo trồng của nông dân (1 triệu rưỡi đê-xi-a-tin) có 15% diện tích hoàn toàn bị thất thu (theo tài liệu thống kê của ban thường trực hội đồng địa phương hàng tỉnh¹²⁷) và 75% diện tích thu hoạch kém, còn huyện Khva-lun-xcơ cùng với huyện Ca-mư-sin, thì thuộc số những huyện thiệt hại nặng nhất trong tỉnh Xa-ra-tốp. Cho nên, tổng số thất thu về lúa mì của nông dân huyện Khva-lun-xcơ không thể ít hơn 30%. Cứ cho rằng, một nửa số thất thu rơi vào lớp nông dân khá giả là lớp người chưa đến nỗi vì thế mà túng đói (giả định này quá ư không thoả đáng, vì lớp nông dân khá giả có ruộng đất tốt hơn, lại canh tác được chu đáo hơn cho nên khi mất mùa thì bao giờ họ cũng ít bị thiệt hại hơn những người nghèo khổ). Ngay cả, nếu đúng như giả thuyết nói trên, thì dân số bị đói cũng phải là khoảng

15%, nghĩa là phải đến 25 ngàn người. Thế mà họ lại muốn an ủi chúng ta rằng: bệnh hoại huyết ở Khva-lun-xơ khác xa ở Ác-khan-ghen-xơ, hình như chỉ xảy ra có ba trường hợp bị bệnh sốt (giả mà họ nói dối có nghệ thuật hơn chút nữa!), rằng một ngàn khẩu phân cứu tế đã được cấp phát (chắc là được tính toán và đo lường theo phương pháp của Xi-pi-a-ghin đấu tranh... chống những sự thổi phồng).

Còn về những khoản "tiền công" mà ông Xi-pi-a-ghin đã cố gắng tính đi tính lại đến *ba* lần trong bản thông tri để tránh những sự thổi phồng (lần thứ nhất, quy định rằng những huyện thường thường có nhiều những khoản tiền công đó thì không được xem là mất mùa; lần thứ hai, quy định giảm tiêu chuẩn 48 pút xuống một nửa, bởi vì 50% dân cư lao động "tất phải" kiếm được những khoản tiền công đó; và lần thứ ba, quy định tùy theo hoàn cảnh địa phương có thể giảm đi từ 1/3 đến 1/10 con số cuối cùng đó), — về các khoản tiền công đó thì ở tỉnh Xa-ra-tốp, không chỉ tiền công nông nghiệp, mà các loại tiền công khác, phi nông nghiệp, cũng đều sụt xuống. Bản báo cáo nói trên của ban thường trực hội đồng địa phương cho chúng ta biết rằng "hậu quả của nạn mất mùa cũng ảnh hưởng cả đến tầng lớp thợ thủ công, do việc tiêu thụ sản phẩm của họ bị giảm sút. Do đó, đã thấy có hiện tượng khủng hoảng tại những huyện có nghề thủ công nghiệp phát triển nhất". Huyện Ca-mư-sin, thiệt hại nặng nề nhất, cũng ở trong số này; tại đây, có hàng ngàn người nghèo khổ làm việc tại các xưởng dệt thủ công nổi tiếng. Ngay cả những năm bình thường, tại các xưởng hẻo lánh này đã có những hiện tượng hết sức kỳ quái: ví dụ, trẻ con mới 6 - 7 tuổi cũng đã làm việc, mỗi ngày kiếm được 7 - 8 cô-pếch. Người ta có thể hình dung thấy vào năm mất mùa lớn và thủ công nghiệp bị khủng hoảng trầm trọng thì cái gì sẽ xảy ra.

Ở tỉnh Xa-ra-tốp (dĩ nhiên cũng như ở các tỉnh mất mùa khác), lúa mì thất thu đã kéo theo tình trạng thiếu thức

ăn cho gia súc. Những tháng gần đây (nghĩa là ngay từ giữa mùa hạ) nhiều loại dịch đã lan truyền rất mạnh, làm cho gia súc chết rất nhiều. "Theo thông báo của bác sĩ thú y huyện Khva-lun-xơ (tin này chúng ta rút từ tờ báo đã trình bày nội dung của bản báo cáo nói trên của ban thường trực hội đồng địa phương) thì khi khám nghiệm những gia súc bị chết, trong dạ dày của chúng, ngoài đất ra, không có gì khác".

Trong "thông báo của Cục hội đồng địa phương thuộc Bộ nội vụ" về việc tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch lương thực, có đăng bản công bố, vạch rõ: trong số những huyện tuyên bố là bị mất mùa, "riêng ở Khva-lun-xơ, tính từ tháng Bảy đến nay, tại hai xã, đã xảy ra hàng loạt dịch hoại huyết; toàn thể nhân viên y tế địa phương đã được tăng cường về đây để ngăn chặn bệnh dịch lan tràn; ngoài ra, hai đội công tác của hội Hồng thập tự cũng được phái về giúp đỡ địa phương; theo báo cáo của tỉnh trưởng (chính lão A.P.En-ghen-hác mà chúng ta đã có dịp làm quen) thì hai đội công tác này đã thu được kết quả lớn; tại tất cả các huyện khác được xem là gặp khó khăn trong vấn đề lương thực, theo tin tức mà Bộ nhận được, cho đến ngày 12 tháng Chín vừa rồi, thì không xảy ra những trường hợp thiếu thốn lương thực gay gắt, cũng không thấy phát triển bệnh tật do ăn uống thiếu thốn".

Muốn chỉ rõ lời khẳng định trên đây đáng tin cậy đến mức nào, — tức là lời khẳng định nói rằng không xảy ra những trường hợp thiếu thốn *gay gắt* (không biết có nạn thiếu thốn *kinh niên* không?) và không thấy phát triển bệnh tật, — chúng ta sẽ chỉ đối chiếu thêm những số liệu về hai tỉnh khác nữa.

Tại tỉnh U-pha, các huyện Men-dê-lin và Bê-lê-bê-ép đều được coi là thất thu; và Cục hội đồng địa phương thuộc Bộ nội vụ loan báo rằng "theo bản tuyên bố của tỉnh trưởng" thì khoản chính phủ cho vay "chính là về lương thực",

cần tới 800 ngàn pút. Trong khi đó thì hội nghị bất thường của Hội đồng địa phương hàng tỉnh ở U-pha, họp ngày 27 tháng Tám để bàn về việc cứu tế nạn nhân mất mùa, đã xác định rằng nhu cầu về lương thực của các huyện đó là 2,2 triệu pút lúa mì và cộng với 1 triệu pút cho các huyện còn lại, không kể khoản vay để làm giống (cả tỉnh là 3,2 triệu pút) và khoản vay để chăn nuôi gia súc (600 ngàn pút). Vậy là khoản lương thực mà Bộ quyết định cho vay chỉ bằng *một phần tư* số lượng mà hội đồng địa phương đã xác định.

Một thí dụ khác. Ở tỉnh Vi-át-ca, lúc mà Cục hội đồng địa phương công bố bản thông báo thì không có huyện nào được xác nhận là mất mùa, thế mà, về khoản lương thực cho vay, chính Cục đó đã quy định là 782 ngàn pút. Theo tin tức báo chí, đó chính là con số mà cơ quan lương thực tỉnh ở Vi-át-ca, trong phiên họp ngày 28 tháng Tám, đã quyết toán (phù hợp với nghị quyết của các đại hội huyện họp từ 18 đến 25 tháng Tám). *Cũng chính* các đại hội đó, họp vào *khoảng* 12 tháng Tám, đã quy định những con số cho vay không giống như thế: 1,1 triệu pút lương thực và 1,4 triệu pút để làm giống. Do đâu có sự khác nhau đó? Cái gì đã xảy ra trong khoảng thời gian từ 12 đến 28 tháng Tám? Trong khoảng thời gian này đã xuất hiện bản thông tri của ông Xi-pi-a-ghin đề ngày 17 tháng Tám về việc đấu tranh chống lại những kẻ đối. Nghĩa là bản thông tri đã phát huy tác dụng ngay lập tức và con số ít ỏi 230 ngàn pút lúa mì đã bị gạt ra ngoài bản quyết toán xây dựng — xin các bạn chú ý điều này — bởi các đại hội huyện, tức là bởi những cơ quan thay thế (theo sắc lệnh ngày 12 tháng Sáu 1900) cho các hội đồng địa phương không đáng tin cậy, bởi những cơ quan bao gồm các công chức nói chung và đặc biệt là các trưởng quan địa phương ... Biết đâu lại chẳng sẽ có ngày chúng ta được thấy chính các trưởng quan địa phương cũng bị kết tội là có tư tưởng tự do chủ nghĩa?

Rất có thể. Ít ra thì mới đây trên tờ "Tin tức Mát-xơ-va", chúng ta cũng đã được đọc lời khiển trách như thế đối với một ông Ôm., nào đó đã dám cả gan đưa lên tờ "Vùng ven biển A-dốp"¹²⁸ lời đề nghị cho đăng trên báo chí những biên bản của các cuộc họp của các cơ quan tỉnh bàn về các công việc của thành phố (nếu như đại diện báo chí không được phép tới dự các cuộc họp nói trên):

"Mục đích thật quá rõ ràng: *người viên chức Nga thường e ngại không muốn tỏ ra mình là người không có tư tưởng tự do chủ nghĩa*, cho nên việc công bố trên báo chí có thể bắt buộc y, thậm chí đôi khi trái với lương tâm, phải ủng hộ một vài ý đồ quái dị tự do chủ nghĩa nào đó của thành phố, hoặc của hội đồng địa phương. Tính toán như vậy không phải là hoàn toàn sai".

Có nên thiết lập sự giám sát đặc biệt đối với những trưởng quan địa phương Vi-át-ca là những kẻ — rõ ràng là vì e ngại không muốn tỏ ra mình là người không có tư tưởng tự do chủ nghĩa — đã tỏ ra nhẹ dạ một cách không thể tha thứ được trong "việc thổi phồng" nhu cầu về lương thực, hay không?*

* Và đây thêm một cái điển hình nữa về cuộc đấu tranh của tỉnh trưởng Vi-át-ca tiến hành chống lại những sự thổi phồng:

Tỉnh trưởng Vi-át-ca, trong tờ "thông báo" gửi các uỷ ban tổng, xác nhận thái độ hết sức thận trọng của nông dân đối với việc cho vay lương thực của chính phủ và của các hội đồng địa phương. "Trong khi đi xem xét quanh trong tỉnh, — ông Clin-ghen-béc nói, — tôi nhận thấy nông dân khá đắn đo và thận trọng đối với tình hình hiện nay; họ ngại phải gánh những công nợ không phải do một sự cực kỳ thiếu thốn gây ra và họ kiên quyết nhẫn nại chờ đợi sang năm trời phù hộ, cố gắng tự lực thoát ra khỏi cảnh khó khăn hiện tại". Điều đó làm cho tỉnh trưởng Vi-át-ca tin chắc rằng "không có lời bàn tán nào về sự giúp đỡ cho không của chính phủ và của hội đồng địa phương, về khả năng thu xếp các món nợ và các khoản tiền chưa nộp đủ, cũng như về những quy mô phóng đại của nạn mất mùa, sẽ làm cho nhân dân bình tĩnh và biết điều ở tỉnh Vi-át-ca phải bối rối cả". Tỉnh trưởng cho là cần thiết

Vả chăng "ý đồ quái dị tự do chủ nghĩa" của Hội đồng địa phương Vi-át-ca (nếu như chính phủ Nga khôn ngoan đã không truất của họ cái quyền lãnh đạo công tác lương thực) đã đưa đến chỗ xác định những lượng nhu cầu còn to lớn hơn rất nhiều. Ít ra thì hội nghị bất thường của tỉnh, họp từ 30 tháng Tám đến 2 tháng Chín, cũng đã quy định mức hao hụt về lúa mì, so với yêu cầu là 17%; mức hao hụt về thức ăn cho gia súc là 15 %. Còn số lượng yêu cầu là 105 triệu pút (thu hoạch thông thường: 134 triệu pút; thu hoạch năm nay: 84 triệu pút). Như vậy là thất thu 21 triệu pút. "Số tổng thất thu năm nay trong toàn tỉnh là 158 trong số 310. Dân số các tổng đó, cả nam lẫn nữ, gồm 1566 ngàn người". Đúng, không nghi ngờ gì cả, "hoạt động của nhà cầm quyền đang diễn ra sôi nổi" nhằm giảm bớt lượng nhu cầu thực tế và nhằm làm cho toàn bộ công tác cứu đói biến thành một trò nhào lộn nào đó của tấm lòng từ thiện cón con.

Nhưng gọi là "những nhà nhào lộn của tấm lòng từ thiện" vẫn còn là quá ư tốt đẹp đối với các nhà cai trị tập hợp dưới ngọn cờ của bản thông tri của Xi-pi-a-ghin. Điểm chung giữa họ và các nhà nhào lộn của tấm lòng từ thiện

phải cảnh cáo trước với nông dân: "nếu qua kiểm tra mà phát hiện rằng: chủ hộ, tuy không có nhiều kho dự trữ, nhưng đã tích lũy đủ lúa mì cho gia đình ăn trong cả năm và đủ lúa mì gieo giống, hoặc đã bán lúa mì và dùng tiền đó chi tiêu việc khác, thì không thể hy vọng được vay. Theo luật lệ mới thì người ta sẽ thu lại những khoản cho vay mà không cần có sự liên đới bảo lãnh¹²⁹, theo đúng những nguyên tắc như khi thu thuế. Vì vậy, chủ hộ khi đã xin vay và đã được vay thì cần nhớ rằng chỉ có một mình anh ta sẽ phải trả món nợ đó, rằng sẽ không có ai giúp đỡ anh ta, rằng việc thu nợ sẽ được tiến hành nghiêm ngặt, vì khi những số chưa trả đủ tích dồn lại thì động sản của y có thể bị đem bán và bất động sản có thể bị tịch thu".

Sau tờ thông báo đó của tỉnh trưởng, chúng ta có thể hình dung được các vị tai to mặt lớn ở tổng đã đối xử như thế nào với những kẻ thiếu thuế bị đòi xin vay!

là: họ cứu giúp ít ỏi, nhưng họ lại muốn thổi phồng công việc đó lên. Tệ nhất thì các nhà nhào lộn của tấm lòng từ thiện cũng coi những người được chúng giúp đỡ là một đồ chơi môn trốn một cách dễ chịu lòng tự ái của họ, còn giới cầm quyền Xi-pi-a-ghin thì lại coi những người đó là những kẻ thù, là những kẻ đang mưu hại cái gì đó một cách phi pháp ("có những yêu sách hết sức vô lý đối với chính phủ") và do đó cần phải trừng trị. Quan điểm này bộc lộ rất rõ nét trong bản "Điều lệ tạm thời" đặc sắc đã được hoàng thượng phê chuẩn ngày 15 tháng Chín 1901.

Đó là cả một đạo luật, gồm 20 khoản, có nhiều điều đặc sắc đến mức chúng ta có thể không chút do dự liệt nó vào hàng những văn kiện lập pháp quan trọng nhất hồi đầu thế kỷ XX. Đạo luật đó khởi đầu với cái tên gọi: "điều lệ tạm thời về việc nhân dân các vùng mất mùa *tham gia* các công tác do các cơ quan giao thông, nông nghiệp và tài sản quốc gia, đề xuất". Chắc vì các công việc này đem lại nhiều bổng lộc cho nên việc "tham gia" các công việc đó được coi là một đặc ân chẳng? Có lẽ, nếu không thì chính khoản thứ nhất của đạo luật mới đã chẳng lập lại rằng "việc *tham gia* công tác sản xuất được *giành cho* dân quê những vùng mất mùa" v.v. chẳng?

Nhưng về những "bổng lộc" đó thì mãi đến phần thứ hai của đạo luật mới nói tới, còn ở phần đầu người ta xác định việc *tổ chức* toàn bộ công tác. Các cơ quan hữu trách "quy định những công việc phù hợp nhất" (khoản 2), "chiếu theo chế độ đã được luật pháp quy định" (khoản 3, theo như tên gọi của các chương trong một số tiểu thuyết của Đích-ken, khoản này có thể được gọi là: "khoản trong luật mới nói về sự cần thiết phải chiếu theo những sắc lệnh cũ"). Công việc được khởi sự hoặc là do tiền trong ngân sách hoặc do các khoản tín dụng đặc biệt; thêm nữa quyền chỉ huy chung thuộc về bộ trưởng Bộ nội vụ, y có thể chỉ định những người được uỷ quyền đặc biệt; người ta tổ chức

một "hội nghị đặc biệt bàn về công tác lương thực", bao gồm đại diện của nhiều Bộ khác nhau, hội nghị này trực thuộc viên bộ trưởng đó và đặt dưới quyền chủ tọa của viên thứ trưởng của y. Hội nghị này có trách nhiệm: a) cho phép những trường hợp ngoại lệ — b) thảo luận những kiến nghị về các khoản sử dụng tiền — c) "quy định giới hạn tiền công của công nhân, đồng thời xác định những điều kiện khác trong việc để cho nhân dân tham gia vào các công việc nói trên — d) phân phối các toán lao động cho các công trường — đ) quản lý việc điều những toán này đến địa điểm công tác". Những kết luận của hội nghị sẽ phải đưa cho bộ trưởng Bộ nội vụ phê chuẩn, và "khi cần" thì cũng phải đưa cả cho các bộ trưởng khác phê chuẩn nữa. Việc lập danh sách các công việc và kê số lượng nhân dân cần đến các công việc đó, được giao cho các trưởng quan địa phương; những người này báo cáo mọi việc đó cho các tỉnh trưởng, các tỉnh trưởng lại báo cáo về Bộ nội vụ kèm theo ý kiến kết luận của mình, "cuối cùng, theo chỉ thị của Bộ nội vụ, thông qua những trưởng quan địa phương, công nhân được điều động đến địa phương làm việc..."

Thế đấy! Cuối cùng chúng ta đã vượt qua toàn bộ cái "tổ chức" của công việc mới! Bây giờ thử hỏi cần phải tốn bao nhiêu dầu mỡ để làm chạy tất cả các bánh xe của cái bộ máy quan liêu, khổng lồ và thuần túy Nga đó? Các bạn thử hình dung công việc này một cách cụ thể xem: trực tiếp bên cạnh những người đó có một trưởng quan địa phương. Có nghĩa là quyền chủ động thuộc về hắn. Hắn viết công văn — gửi cho ai? Gửi đến tỉnh trưởng, theo như điều khoản ghi trong luật tạm thời ngày 15 tháng Chín. Nhưng dựa trên cơ sở bản thông tri ngày 17 tháng Tám, người ta đã thành lập "trung tâm lãnh đạo công tác lương thực ở huyện" mà sứ mệnh là "tập trung việc quản lý *toàn bộ* công tác lương thực ở huyện vào tay một nhân vật có trách nhiệm" (theo bản thông tri ngày 17 tháng Tám thì nhân vật đó

thường phải là người cầm đầu giới quý tộc trong huyện). Thế là nổ ra một cuộc "tranh cãi"; tất nhiên cuộc tranh cãi này sẽ nhanh chóng được giải quyết trên cơ sở những "nguyên tắc" đặc biệt rõ ràng và đơn giản, trình bày trong sáu điểm của điều khoản thứ 175 về "chế độ chung của tỉnh"; điều khoản ấy quy định "cách thức giải quyết những cuộc tranh cãi... giữa các cơ quan và các nhân vật có trách nhiệm". Tuy thế mẫu công văn ấy rốt cuộc cũng tới văn phòng của tỉnh trưởng, và ở đây người ta sẽ "kết luận". Sau đó, giấy tờ được gửi cả về Pê-téc-bua và sẽ được đưa ra xem xét tại một cuộc hội nghị riêng. Nhưng người đại diện Bộ giao thông tham dự hội nghị này lại không thể giải quyết nổi vấn đề sự ích lợi của một công việc như việc sửa đường ở huyện Bu-gu-ru-xlan, — và thế là một tờ công văn mới lại được trao đi đổi về từ Pê-téc-bua đến tỉnh hữu quan. Cuối cùng, khi vấn đề sự ích lợi của công việc v. v. và v. v. được giải quyết về nguyên tắc, thì hội nghị Pê-téc-bua mới sẽ bàn việc "phân phối các toán lao động" giữa các huyện Bu-du-lúc và Bu-gu-ru-xlan.

Bộ máy công kênh đó được lập ra để làm gì? Vì tính chất mới của công việc chẳng? Hoàn toàn không phải. Trước khi có điều lệ tạm thời ngày 15 tháng Chín, những công việc công cộng có thể được tổ chức một cách đơn giản hơn rất nhiều, "dựa trên cơ sở luật pháp hiện hành", và chính bản thông tri ngày 17 tháng Tám, khi nói về những công việc công cộng do các hội đồng địa phương, các hội bảo trợ những nhà dạy nghề cho binh dân và các cơ quan chính quyền tỉnh tổ chức, đã không dự tính cần thiết phải có một tổ chức đặc biệt nào. Như các bạn đã thấy, "chiến dịch lương thực" của chính phủ là ở chỗ suốt cả một tháng ròng (từ 17 tháng Tám đến hết ngày 15 tháng Chín) các cơ quan Pê-téc-bua đã vất óc để ra một tình trạng quan liêu giấy tờ vô cùng phức tạp. Nhưng hội nghị Pê-téc-bua tất nhiên là sẽ không để rơi vào nguy cơ thối phồng vấn đề, một mối

nguy cơ mà các viên chức địa phương thường không tránh khỏi, "vì e ngại không muốn tỏ ra mình là người không có tư tưởng tự do chủ nghĩa"...

Nhưng mấu chốt của "Điều lệ tạm thời" mới, đó là những điều khoản về các "dân què" mà người ta thuê mướn làm các công việc. Khi những công việc được tiến hành "ở ngoài vùng cư trú của họ" thì công nhân, trước hết, sẽ thành lập những ác-ten riêng, "đặt dưới sự kiểm soát của trưởng quan địa phương", viên trưởng quan địa phương chỉ định người phụ trách để giữ trật tự: hai là, những công nhân gia nhập ác-ten đều được ghi tên vào một bản danh sách riêng; "đối với những công nhân có ghi tên trong bản danh sách đó (trong luật nêu là có ghi tên "trong bản đó") thì lúc di chuyển hoặc lúc còn tham gia lao động, bản danh sách này sẽ thay thế cho giấy phép cư trú mà luật pháp quy định; trước lúc công nhân tới địa điểm công tác, bản danh sách đó do viên chức hộ tống giữ, hoặc nếu y không có mặt, thì do người phụ trách ác-ten giữ, và sau đó, do người lãnh đạo công trường giữ".

Vì sao cần phải dùng một bản danh sách riêng để thay thế cho những giấy chứng nhận thông thường mà mọi nông dân đều có quyền được lĩnh không phải trả tiền nếu muốn đi xa khỏi chỗ ở? Đối với người công nhân, đó rõ ràng là một sự gò bó, vì sống với giấy chứng nhận riêng biệt thì anh ta sẽ được tự do hơn rất nhiều, tự do cả trong việc lựa chọn nhà ở, cả trong việc phân phối thời gian, cả trong việc thay đổi từ công tác này sang một công tác khác thuận tiện và có lợi cho anh ta hơn. Dưới đây, chúng ta sẽ thấy rằng, đó là một điều đã được tiến hành có suy nghĩ chín chắn, không chỉ vì ham chuộng giấy tờ, mà chính là để gò bó công nhân và làm cho họ gần giống với những toán nông nô được chuyển "theo thống kê", hoặc theo một thứ như là "danh mục các khoản"¹³⁰. Thế là việc chăm lo "gin giữ trật tự cần thiết trong lúc đi đường và việc

chuyển giao (sic!) các toán công nhân cho những người lãnh đạo các công việc, đã được uỷ thác cho những đặc phái viên của Bộ nội vụ". Càng vào sâu trong rừng, càng có nhiều củi. Việc thay thế giấy chứng nhận bằng bản danh sách, đã dẫn đến việc thay thế tự do di chuyển bằng "việc cung cấp và chuyển giao các toán công nhân". Đó là cái gì, nếu không phải là nói về những toán tù đầy và khổ sai? Phải chăng tất cả những đạo luật quy định cho người nông dân, một khi đã có giấy chứng nhận, có thể tùy thích muốn đi đâu cũng được và tùy thích muốn đi bằng cách nào cũng được, — phải chăng tất cả những đạo luật ấy đã bị huỷ bỏ? (có thể, đó là để phạt việc "thối phồng" nạn đói chẳng?). Lẽ nào nhận di chuyển do nhà nước đài thọ, lại là lý do đầy đủ để mất quyền công dân?

Chúng ta bàn tiếp. Thế là những người có trách nhiệm phân phối công nhân và trả tiền lương v. v. ở trong cơ quan chủ quản, "căn cứ theo ý kiến thông báo của chính quyền tỉnh ở địa phương có gia đình công nhân cư trú, trong trường hợp có thể, sẽ giữ lại một phần tiền lương và gửi khoản tiền ấy về nơi cần gửi để giúp đỡ cho gia đình công nhân". Lại một sự tước quyền nữa. Làm thế nào mà các viên chức lại dám giữ tiền lương lại? Làm thế nào mà các viên chức lại dám can thiệp vào việc gia đình riêng của công nhân, lại dám coi công nhân cũng như nông nô để thay họ quyết định là họ muốn gửi tiền về cho ai và gửi bao nhiêu? Phải chăng công nhân cho phép giữ lại tiền lương của họ mà không cần có sự thoả thuận của họ? Rõ ràng là những người thảo ra "điều lệ khổ sai" mới đã nghĩ đến vấn đề đó, cho nên, trong điều khoản kế tiếp liền với điều khoản trích dẫn ở trên, có ghi: "Theo quyết định của bộ trưởng Bộ nội vụ thì trách nhiệm giám sát công nhân giữ trật tự tốt ở nơi làm việc, được giao cho các trưởng quan địa phương, các sĩ quan trong các đơn vị hiến binh, các viên chức cảnh sát hoặc những người được đặc biệt chỉ định làm việc đó".

Quả thật đây là vấn đề *phạt* tước quyền của nông dân vì tội "thối phồng" nạn đói và "có những yêu sách hết sức vô lý đối với chính phủ"! Nói chung thì đối với tất cả mọi công nhân Nga đều có sự theo dõi nào là của cảnh sát thường, nào là của cảnh sát trong công xưởng, nào là của cảnh sát mật, nhưng thế vẫn chưa đủ, ở đây người ta còn quy định thiết lập thêm một chế độ giám sát *đặc biệt*. Có thể nghĩ là chính phủ đã hoàn toàn bị mất trí vì hoảng sợ trước những toán nông dân bị đói ấy mà người ta đã gửi đi, chở đi và chuyển giao với hàng nghìn biện pháp phòng ngừa cảnh giác chăng?

Chúng ta bàn tiếp. "Trong trường hợp vi phạm trật tự và yên tĩnh công cộng, có thái độ rõ ràng là thiếu thiện chí đối với công việc, không thi hành những yêu cầu chính đáng của những người có trách nhiệm điều khiển công việc hoặc theo dõi trật tự ở đấy, thì chỉ thị của người phụ trách hoặc của người trông nom trật tự, công nhân phạm lỗi có thể bị phạt giam đến *ba* ngày, theo lệnh của các quan chức đã được nêu trong điều khoản số 16 (mà chúng ta vừa trích ở trên), *không cần phải có một phiên tòa đặc biệt*; nếu họ ngoan cố không chịu làm việc thì, cũng do lệnh của các viên chức nói trên, họ có thể *bị áp giải từng chặng* về tới quê quán".

Như thế thì có thể gọi điều lệ tạm thời ngày 15 tháng Chín là cái gì nếu không gọi đó là điều lệ khổ sai - tạm thời? Nào trị tội mà không cần lập tòa án, nào trục xuất về từng chặng... Tình trạng tối tăm ngu muội của người nông dân Nga thật là vô cùng khủng khiếp, nhưng mọi sự vật đều có giới hạn của nó. Ngoài ra, nạn đói kém thường xuyên, việc không ngừng trục xuất công nhân khỏi các thành phố, không thể không để lại dấu vết. Chính phủ nước ta dù có hết sức ưa thích cai trị bằng những "điều lệ tạm thời"* nhưng rồi vô quyết đây tất sẽ gặp phải móng tay nhọn.

* Từ lâu người ta đã cho rằng: bất cứ kẻ ngu ngốc nào cũng có thể cai trị bằng tình trạng giới nghiêm. Nhưng chỉ ở châu Âu mới cần

"Điều lệ tạm thời" ngày 15 tháng Chín phải cần là cái cơ cho chúng ta mở một cuộc vận động hết sức rộng rãi trong các nhóm công nhân và trong nông dân; chúng ta *hãy phổ biến* nguyên văn các điều lệ đó và những truyền đơn giải thích các điều lệ đó; chúng ta *hãy tổ chức* những cuộc hội họp để đọc và giải thích nội dung đạo luật đó gắn liền với toàn bộ chính sách "lương thực" của chính phủ. Chúng ta cần làm sao cho mỗi người công nhân, có đôi chút ý thức, khi có dịp trở về nông thôn vì lý do này hay lý do khác, đều có được một khái niệm chính xác về những "điều lệ khổ sai - tạm thời" và có đủ khả năng kể lại cho mọi người thấy rõ vấn đề là ở chỗ nào và cần phải làm gì để thoát khỏi ách khổ sai của nạn đói, của chế độ chuyên quyền độc đoán và của tình trạng không có quyền.

Đối với những người trí thức Nga có tâm hồn cao thượng, say mê đeo đẳng các toán lao động đủ mọi loại và các hội hợp pháp tương tự khác được chính phủ cho phép hoặc khuyến khích, thì có thể lấy những điều lệ tạm thời đó về *các toán lao động* làm một lời trách cứ thường xuyên và một lời cảnh cáo nghiêm túc: trách cứ vì họ đã gây thơ tin rằng chính phủ thật lòng cho phép và khuyến khích, mà không nhìn thấy cái bản chất hết sức hèn hạ của chế độ nông nô ở đằng sau chiêu bài "phát triển lao động quốc dân" v. v.. Cảnh cáo để từ nay trở đi, khi nói đến những toán lao động và những hội khác đã được các ngài Xi-pi-a-ghin cho phép, thì đừng bao giờ quên nói, và phải nói toàn bộ sự thực về các toán lao động được lập ra theo bản điều lệ tạm thời ngày 15 tháng Chín, hoặc để khi họ không thể nói đến các toán lao động *đó*, thì tốt hơn hết là họ nên hoàn toàn giữ im lặng.

đến tình trạng giới nghiêm, còn ở ta thì tình trạng giới nghiêm là tình trạng bình thường được bổ sung đây đó bởi những điều lệ tạm thời. Quả vậy, mọi công việc chính trị ở Nga đều dựa vào các điều lệ tạm thời.

II. THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CUỘC KHỦNG HOẢNG VÀ NẠN ĐÓI

Bên cạnh nạn đói mới xảy ra, người ta thấy vẫn còn kéo dài cuộc khủng hoảng công thương nghiệp cũ, một cuộc khủng hoảng đã trở thành dai dẳng và đã ném ra đường phố hàng chục ngàn công nhân không có công ăn việc làm. Họ túng thiếu kinh khủng, thành thử càng nổi rõ thái độ hoàn toàn khác nhau của chính phủ và của "xã hội" trí thức đối với sự túng thiếu đó và đối với sự túng thiếu của nông dân. Cả các tổ chức xã hội, cả báo chí nữa, không hề tìm cách xác định số lượng công nhân túng thiếu và xác định mức độ túng thiếu trong công nhân, dù chỉ là xác định một cách ước chừng như khi người ta xác định sự túng thiếu của nông dân. Không hề có một biện pháp có hệ thống nào nhằm tổ chức việc cứu tế những công nhân bị đói.

Vì sao có sự khác biệt ấy? Chúng tôi cho rằng tuyệt nhiên không phải vì sự túng thiếu của công nhân có vẻ ít bệch hơn và biểu hiện ra dưới những hình thức ít gay gắt hơn. Đành rằng những người sống ở thành phố mà không thuộc về giai cấp công nhân thì ít hiểu biết về cuộc sống mòn mỏi của công nhân công xưởng đang ngày càng chen chúc hơn ở trong các căn nhà hầm, các nhà kho và các hang chuột, ngày càng thiếu ăn hơn mức bình thường và đã bán trút hết cho bọn cho vay nặng lãi tất cả những đồ vật cũ nát cuối cùng còn lại trong gia đình; đành rằng tình trạng số lượng ngày càng tăng của những người khổ rách áo ôm, của những người không có nhà cửa phải thường xuyên trú ngụ ở các quán trọ, của những dân cư trú tại nhà tù và bệnh xá, không làm cho người ta đặc biệt chú ý đến, bởi vì "mọi người" ai mà chẳng quen thuộc với cái cảnh là ở các thành phố lớn thì các quán trọ và hết thảy các địa điểm tập trung của sự nghèo khổ vô tận tất phải chật như nêm cối; đành rằng những công nhân thất nghiệp hoàn toàn

không bị ràng buộc vào một địa phương như nông dân, hoặc là tự họ đi tha phương cầu thực ở khắp các nẻo đường đất nước để kiếm việc làm, hoặc là họ bị nhà cầm quyền vì sợ tình trạng tập trung đông đảo những người thất nghiệp nên đuổi họ về nơi "chôn rau cắt rốn" của họ. Nhưng, mặc dù tất cả những điều đó, phàm ai đã có tiếp xúc với sinh hoạt công nghiệp cũng đều được chính mắt thấy rõ, và phàm ai đã từng quan tâm theo dõi đời sống chính trị cũng đều thấy rõ qua báo chí rằng nạn thất nghiệp đang ngày càng tăng lên.

Không, những nguyên nhân gây nên sự khác biệt nói trên còn sâu xa hơn nhiều, cần phải thấy những nguyên nhân đó là ở chỗ: nạn đói ở nông thôn và nạn thất nghiệp ở thành thị thuộc vào những cơ cấu hoàn toàn khác nhau của đời sống kinh tế nước Nga và là do những mối quan hệ hoàn toàn khác nhau giữa giai cấp bóc lột và giai cấp những người bị bóc lột gây ra. Ở nông thôn, mối quan hệ giữa hai giai cấp đó, nói chung, cực kỳ rắc rối và phức tạp, do có nhiều hình thức quá độ, khi mà nền kinh tế nông nghiệp gắn liền hoặc là với chế độ cho vay nặng lãi, hoặc là với chế độ thuê mướn nhân công v. v. và v. v.. Cho nên bị đói không phải là những công nhân nông nghiệp làm thuê, — lợi ích của họ đối lập với lợi ích của địa chủ và nông dân khá giả, điều này mọi người đều thấy rõ và, trong một mức độ đáng kể, bản thân công nhân cũng thấy rõ, — bị đói lại chính là những người nông dân nhỏ mà thông thường người ta coi là (và bản thân họ cũng tự coi là) những nghiệp chủ độc lập, chỉ ngẫu nhiên mới đôi khi bị rơi vào tình trạng "tạm thời" bị lệ thuộc nào đó. Đối với con mắt của quần chúng thì nguyên nhân gần gũi nhất của nạn đói — tình trạng mất mùa — là một thiên tai thuần túy, do ý trời. Nhưng vì những tình trạng mất mùa kéo theo nạn đói như thế đã kéo dài từ lâu lắm rồi, cho nên từ lâu rồi cơ quan lập pháp cũng đã buộc phải tính đến nó. Người ta đã thấy

có từ lâu rồi (chủ yếu là trên văn bản) hàng loạt điều lệ về lương thực, nhân dân quy định cả một loạt "biện pháp". Mặc dù những biện pháp này, phần lớn mượn của thời kỳ nông nô và thời kỳ kinh tế tự nhiên theo kiểu gia trưởng, ít đáp ứng yêu cầu của thời đại mới, nhưng cứ mỗi lần có nạn đói thì toàn bộ bộ máy hành chính và bộ máy hội đồng địa phương vẫn bắt buộc phải hoạt động. Và ngay dù cho chính quyền của những người có của hết sức mong muốn đi nữa, thì cái bộ máy đó cũng khó mà có thể, hầu như không thể không cần đến sự giúp đỡ toàn diện của "những nhân vật thứ ba" đáng ghét đó, của những người trí thức đang ra sức làm "âm lên" đó. Mặt khác, mối liên quan giữa nạn đói với nạn mất mùa và tình trạng mê muội của người nông dân — người này không hiểu (hoặc hiểu hết sức lơ mơ) rằng chỉ có ách tư bản ngày một tăng, gắn liền với chính sách cướp bóc của chính phủ và bọn địa chủ đã làm cho anh ta phá sản như vậy— khiến cho những kẻ đói cảm thấy mình hoàn toàn bất lực và họ không những không đề ra yêu sách gì thái quá, mà thậm chí họ cũng không đề ra "yêu sách" nào cả.

Ý thức giác ngộ của giai cấp bị bóc lột về tình trạng bị bóc lột của họ và yêu sách của họ đối với bọn bóc lột càng thấp, thì những nhân vật trong giai cấp hữu sản muốn làm việc từ thiện càng nhiều, sự phản đối việc từ thiện đó từ phía những địa chủ địa phương trực tiếp quan tâm đến sự bản cùng của nông dân càng giảm đi. Nếu lưu ý đến sự thật hiển nhiên đó thì sẽ thấy rằng sự phản đối ngày càng tăng của địa chủ, tình trạng ngày càng có nhiều tiếng la ó về "sự suy đồi về đạo đức" của người mu-gích và, cuối cùng, việc cái chính phủ "được nhôi" theo tinh thần đó tiến hành những biện pháp thuần túy quân sự để chống lại những kẻ đói và các nhà từ thiện, — tất cả những điều đó chứng tỏ rõ ràng sự sụp đổ và tan rã hoàn toàn của nếp sống lâu đời kiểu gia trưởng ở nông thôn, một nếp sống đã

được thừa nhận qua bao thế kỷ nay và tưởng như vững chắc không bao giờ có thể lay chuyển nổi, cái nếp sống mà bọn theo chủ nghĩa xla-vơ hăng hái nhất, bọn phản động có ý thức nhất, và bọn "dân túy" cổ lỗ, ngây ngô nhất, đã hết lời ca tụng. Bọn dân túy thường kết tội chúng ta — những người dân chủ - xã hội — là đã áp dụng một cách giả tạo cái khái niệm đấu tranh giai cấp vào chỗ hoàn toàn không thích hợp; bọn phản động thì lại kết tội chúng ta là đã nhen lên mối hận thù giai cấp, đã xúi giục "một bộ phận dân cư này chống lại một bộ phận dân cư khác". Không cần nhắc lại câu trả lời đã được đưa ra hàng chục lần để đáp lại những lời buộc tội đó, chúng ta chỉ nêu lên một điều là chính phủ Nga hoàng *đã đi trước tất cả chúng ta* trong việc đánh giá tính chất sâu sắc của cuộc đấu tranh giai cấp và trong tinh thần kiên quyết của các biện pháp xuất phát từ sự đánh giá đó. Phàm ai đã từng tiếp xúc, hoặc bằng cách này hoặc bằng cách khác, với những người đi "nuôi" nông dân trong những năm đói — mà có ai trong chúng ta lại chưa từng tiếp xúc với họ?— cũng đều biết rằng chính lòng trắc ẩn và sự thương hại, một thứ tình cảm đơn giản của con người, đã thôi thúc họ đi làm việc đó, rằng mọi phương án "chính trị" đều hoàn toàn xa lạ đối với họ, rằng họ hoàn toàn đứng đưng trước sự tuyên truyền tư tưởng đấu tranh giai cấp, rằng các luận cứ của những người mác-xít trong cuộc chiến đấu sôi nổi chống lại quan điểm dân túy về nông thôn đã không thuyết phục được họ. Họ nói: ở đây thì hà tất phải đấu tranh giai cấp để làm gì? Vấn đề đơn giản là hiện nay nông dân đang đói và cần phải giúp đỡ họ.

Nhưng ai mà các luận cứ của những người mác-xít chưa thuyết phục nổi, thì có lẽ những "luận cứ" của ông bộ trưởng Bộ nội vụ sẽ thuyết phục được. Ông ta trang nghiêm nói với các nhà từ thiện: không, không phải "chỉ đơn giản là người ta đang đói", và nếu như không được phép của nhà cầm quyền thì không thể "chỉ đơn giản là" giúp đỡ, vì sự giúp đỡ đó

sẽ làm phát triển quá trình suy đồi về đạo đức và sẽ làm tăng thêm những yêu sách hết sức vô lý. Xen vào chiến dịch lương thực, tức là xen vào những quy định có tính chất thần thánh và cảnh sát, những quy định đảm bảo cho các ngài địa chủ có được những công nhân thoả thuận lao động gần như không công và đảm bảo cho ngân quỹ những khoản thuế má do cưỡng bức mà thu được. Và ai nghiên ngẫm kỹ bản thông tư của Xi-pi-a-ghin, tất sẽ tự nhủ: đúng, hiện đang có cuộc chiến tranh xã hội trong nông thôn nước ta và, cũng như trong hết thảy mọi cuộc chiến tranh, người ta không thể phủ nhận quyền của hai bên giao chiến được khám xét hàng chỗ trong những con tàu tiến về cảng của đối phương, ngay cả những con tàu treo cờ trung lập! Chỉ có một điều không giống với các cuộc chiến tranh khác là ở đây có một bên đối phương bắt buộc đời đời phải lao động và đời đời phải chịu đói khát, họ thậm chí hoàn toàn không tác chiến, mà chỉ đang bị đòn... trong thời gian hiện nay.

Không còn nghi ngờ gì nữa, trong lĩnh vực công nghiệp công xưởng - nhà máy, cuộc chiến đấu nói trên đã diễn ra từ lâu rồi, và các nhà từ thiện "trung lập" không cần phải có những bản thông tư giải thích rằng nếu chưa dò được chỗ cạn (tức là chưa được phép của nhà cầm quyền và của các ngài chủ xưởng) thì chớ nên lợi xuống nước. Ngay từ năm 1885, khi chưa thể nói đến một sự cổ động xã hội chủ nghĩa tương đối đáng kể trong công nhân, thì ngay cả ở những vùng trung tâm, nơi mà công nhân gần gũi với nông dân hơn là ở thủ đô, cuộc khủng hoảng công nghiệp cũng đã truyền diễn vào không khí các công xưởng nhiều đến mức làm cho thường xuyên có những cuộc nổ bùng, lúc ở nơi này, lúc ở nơi khác. Trong hoàn cảnh đó, công việc từ thiện ngay từ đầu đã trở thành bất lực, vì thế nó là một công việc ngẫu nhiên và thuần túy cá nhân của những người này hay những người khác, không có chút ý nghĩa xã hội nào cả.

Chúng ta nêu thêm một đặc điểm trong thái độ của xã hội đối với nạn đói. Có thể nói không ngoa rằng cho đến thời gian gần đây nhất, dư luận thống trị ở nước ta vẫn là dư luận cho rằng: toàn bộ chế độ kinh tế Nga và thậm chí cả chế độ nhà nước nữa, đều chỉ dựa vào *đám* nông dân có sở hữu ruộng đất và canh tác độc lập. Quan điểm đó thâm nhập sâu tới mức nào, — ngay cả vào những người có suy nghĩ tiến bộ, ít chịu ảnh hưởng hơn cả trước những lời tán tụng quan phương, — điều này, cuốn sách của Ni-cô-lai — ôn, một cuốn sách đáng ghi nhớ đối với mọi người, xuất bản sau nạn đói 1891 - 1892¹³¹, đã chỉ ra một cách đặc biệt rõ ràng. Đối với mọi người tình trạng phá sản của một số rất lớn nông hộ hình như là một điều hết sức vô lý, một bước nhảy hết sức không thể nào có được vào cõi hư vô, đến mức là sự cần thiết phải có một sự cứu trợ hết sức rộng rãi, thật sự có khả năng "hàn gấn những vết thương", đã trở thành gần như là một khẩu hiệu chung. Và cũng lại không phải ai khác, mà chính ông Xi-pi-a-ghin đã chịu khó gieo rắc ảo tưởng cuối cùng. Vậy "nước Nga" dựa vào cái gì, các giai cấp nông nghiệp và công thương nghiệp sống bằng cái gì, nếu không phải là tình trạng phá sản và nghèo đói của nhân dân? Mưu toan hàn gấn "vết thương" *đó* không phải chỉ trên giấy tờ, — như thế là một tội quốc sự đấy!

Không nghi ngờ gì cả, ông Xi-pi-a-ghin sẽ góp phần phổ biến và củng cố cái chân lý sau đây: ngoài cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản cách mạng chống lại toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, thì không có và không thể có cách nào khác để chống lại nạn thất nghiệp và khủng hoảng, chống lại những hình thức tước đoạt người sản xuất nhỏ, những hình thức tước đoạt tàn bạo và dã man theo kiểu châu Á mà quá trình đó đã áp dụng ở nước ta. Bọn chủ nhà nước tư bản chủ nghĩa rất ít bận tâm đến tình trạng chết người hàng loạt do nạn đói và khủng hoảng gây nên, cũng giống như chiếc đầu tàu rất ít bận tâm đến những người mà nó

đè nát trên đường đi của nó. Những xác chết làm cản trở bánh xe, con tàu dừng lại, nó thậm chí có thể (nếu như tay thợ máy quá ư kiên quyết) bị bật ra khỏi đường ray, nhưng dù sao, sau những trở ngại này hay những trở ngại khác, nó vẫn tiếp tục đoạn đường của nó. Các bạn được nghe nói về tình trạng chết đói và phá sản của hàng chục, hàng trăm ngàn nghiệp chủ nhỏ, nhưng đồng thời các bạn cũng được nghe nói về những tiến bộ của nền nông nghiệp của tổ quốc, về việc bọn địa chủ Nga đã chiếm được thị trường ngoài nước, đã cử sang Anh một phái đoàn những nghiệp chủ nông thôn Nga, về việc mở rộng sự tiêu thụ những công cụ cải tiến và việc mở rộng ngành trồng trọt cho gia súc v. v.. Đối với những nghiệp chủ nông nghiệp Nga (cũng như đối với tất cả những nghiệp chủ tư bản chủ nghĩa), tình trạng phá sản và đói kém ngày một nhiều thêm chỉ là một trở ngại tạm thời, nhỏ nhất mà chúng nó hầu như không chú ý đến nếu như những kẻ đói không *bắt buộc* chúng phải chú ý đến mình. Mọi việc cứ tuân tự nhiên tiến, — ngay cả sự đầu cơ ruộng đất bán cho cái bộ phận *ng nghiệp chủ* do nông dân khá giả hợp thành.

Chẳng hạn, huyện Bu-gu-ru-xlan thuộc tỉnh Xa-ma-ra được xem là "mất mùa". Có nghĩa là ở đây, tình trạng phá sản của *quần chúng* nông dân và nạn đói kém đã đạt tới mức cao nhất. Nhưng, cái tai họa của quần chúng ở đây, không những không cản trở, mà thậm chí dường như góp phần củng cố thêm địa vị kinh tế của thiểu số tư sản trong nông dân. Dưới đây là phần nói về cũng cái huyện đó, mà chúng ta được đọc trong một bản tin đăng hồi tháng Chín, trên tờ "Tin tức nước Nga"¹³² (số 244):

"Huyện Bu-gu-ru-xlan thuộc tỉnh Xa-ma-ra. Vấn đề sôi nổi nhất ở huyện chúng tôi là vấn đề giá cả ruộng đất mỗi ngày một cao vọt và tình trạng đầu cơ ruộng đất khổng lồ, do việc tăng giá này gây nên. Vào khoảng 15 - 20 năm trước đây, mỗi đê-xi-a-tin ruộng đất tốt ở thung lũng trị giá *từ 10*

đến 15 rúp: có những vùng ở cách xa đường xe lửa, khoảng 3 năm trước đây, giá 35 rúp một đê-xi-a-tin được coi là cao rồi và chỉ có mảnh đất nào tốt nhất, có vườn tược đẹp và ở gần chợ, thì mới có lần được trả đến 60 rúp một đê-xi-a-tin. Hiện nay, ruộng đất xấu nhất cũng bán tới *50-60 rúp*, còn ruộng đất tốt thì giá lên tới 80 rúp và thậm chí tới 100 rúp một đê-xi-a-tin. Sự đầu cơ, do giá cả ruộng đất tăng lên để ra, có hai loại: loại thứ nhất, là mua xong ruộng đất rồi bán lại ngay (có trường hợp, ruộng mua giá 40 rúp, sau một năm, bán lại *cho nông dân* địa phương *theo giá 55 rúp*); người bán thường thường là địa chủ không muốn hoặc không có thời giờ kéo rế với những sự hện lần khất lửa và những thủ tục trong việc bán ruộng cho nông dân thông qua Ngân hàng nông dân; tư bản - thương nhân mua số ruộng đó, và *đem bán lại cho chính những người mu-gích ở địa phương đó*. Loại thứ hai, là có rất nhiều người trung gian đủ mọi kiểu đứng ra bán chạy cho nông dân ở các tỉnh xa xôi (chủ yếu là vùng Tiểu-Nga) đủ mọi loại ruộng đất không thuận tiện và do đó họ được bọn chủ ruộng ban cho *một món hoa hồng* kha khá (*từ 1 đến 2 rúp* một đê-xi-a-tin). Quả đây người ta thấy rằng đối tượng chủ yếu của nạn đầu cơ ruộng đất là *nông dân*, và chính sự khao khát của nông dân muốn có ruộng đất là cơ sở của tất cả cái tình trạng giá cả ruộng đất tăng vọt không thể tưởng tượng nổi đó, một tình trạng mà người ta không thể giải thích được bằng những nguyên nhân đơn thuần về kinh tế; tất nhiên, đường xe lửa cũng có một vai trò, nhưng không lớn như thế, vì ở ta người mua ruộng chủ yếu vẫn là nông dân, mà đối với họ thì đường sắt hoàn toàn không phải là một nhân tố đứng hàng thứ nhất".

Những "mu-gích căn cơ" vững bền đó, rất ham đưa "tiền để dành" (và tiền ăn cướp) ra để mua ruộng đất, nhất định sẽ đưa số nông dân nghèo túng còn sống sót trong nạn đói hiện nay đến chỗ tử vong.

Nếu đối với xã hội tư sản, việc nông dân khá giả tậu ruộng đất được coi là một phương thuốc chống lại tình trạng phá sản và nạn đói của nông dân túng thiếu, thì việc tìm kiếm những thị trường mới cũng được coi là một phương thuốc chống lại tình trạng khủng hoảng, tình trạng thị trường thừa ứ sản phẩm công nghiệp. Báo chí đề tiện (từ "Thời mới", số 9188) ca tụng những thắng lợi của quan hệ thương mại mới với Ba-tư, bàn bạc rôm rả về những triển vọng buôn bán ở Trung Á và đặc biệt là ở Mãn-châu. Những ông vua ngành đường sắt và các ngành công nghiệp khác xoa tay sung sướng khi được tin khôi phục lại việc xây dựng đường sắt. Nhiều tuyến đường lớn được quyết định xây dựng: đường Pê-téc-bua đi Vi-át-ca, đường Bô-lô-gôi-ê đi Xết-lê-txơ, đường Ô-ren-bua đi Ta-sken; chính phủ bảo đảm cho (các công ty đường sắt Mát-xcơ-va - Ca-dan, Lốt-dơ và Đông - Nam) vay một số tiền là 37 triệu để xây dựng đường sắt; người ta dự kiến xây dựng các tuyến đường sắt Mát-xcơ-va - Cư-stum, Ca-mư-sin - A-xtơ-ra-khan và đường sắt Hắc-hải. Nông dân đói và công nhân thất nghiệp có thể tự an ủi rằng: tiền trong ngân khố (nếu như ngân khố còn có tiền) dĩ nhiên là sẽ không bị chi tiêu "một cách không sản xuất" vào các khoản phụ cấp (xem bản thông tư Xi-pi-a-ghin); không, số tiền đó sẽ chui vào đầy túi bọn kỹ sư và các nhà thầu khoán, như bọn tham ô chuyên nghiệp, năm này qua năm khác đã ăn cắp của công ở Ni-giơ-ni trong khi tiến hành xây dựng đê đập ở Xoóc-mô-vô và chỉ mãi đến bây giờ mới bị kết án (trường hợp ngoại lệ) tại một phiên xử của Tòa thượng thẩm¹³³ Mát-xcơ-va mở ở Ni-giơ-ni - Nốp-gô-rốt*.

* Đáng tiếc là vì thiếu chỗ nên không cho phép chúng ta bàn kỹ về vụ án này, cái vụ án một lần nữa đã chỉ thêm cho chúng ta thấy rõ các kỹ sư và các nhà thầu khoán đã làm ăn như thế nào. Đối với người Nga chúng ta, đó là một câu chuyện cũ vĩnh viễn lúc nào cũng mới. Kỹ sư A-lếch-xan-đrốp, thông đồng với Sna-ken-bua — phụ trách

III. PHẦN TỬ THỨ BA

Nếu chúng ta không nhầm, thì thuật ngữ "phần tử thứ ba" hay là "những nhân vật thứ ba" là do ngài Côn-đô-i-đi, phó tỉnh trưởng Xa-ma-ra, tung ra trong bài diễn văn của ngài đọc hôm khai mạc khoá họp của hội đồng địa phương

Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt khu Ca-dan thuộc Bộ giao thông — và sáu nhà thầu khoán có liên quan đến vụ án *trong vòng ba năm*, (1893 - 1895) "đã xây dựng" cho mình và cho những kẻ khác hàng ngàn bạc vốn, bằng cách đưa cho ngân khố những sổ sách kế toán, bản kê và biên lai v. v. về những công việc và những vật phẩm cung cấp không có thực. Không phải chỉ có công việc không có thực, mà còn có cả những tên thầu khoán không có thực nữa: một viên thư ký thường đã ký mạo là thầu khoán! Tất cả bọn đó đã thụt két bao nhiêu tiền, có thể xét đoán được căn cứ theo tình hình sau đây. Kỹ sư A-lếch-xan-đrốp đã đưa bảng kết toán (của "những tên thầu khoán" bị đưa ra ghế bị cáo) *trên hai trăm* ngàn rúp, trong đó, chẳng hạn, 400 rúp thực chi đã được ghi là 4 400 rúp. Theo lời khai của một người làm chứng thì kỹ sư A-lếch-xan-đrốp đã ăn tiêu xa xỉ khi thì với gái, khi thì với các cấp trên trực tiếp của y, với các kỹ sư đường sắt, chỉ một bữa ăn từ 50 đến 80 rúp.

Nhưng điều lý thú hơn cả là cái cách mà vụ này đã được tiến hành và kết thúc. Viên cảnh sát trưởng, tuy có được nhân viên liêm phóng báo cáo về việc này, "nhưng lại không muốn đề xuất vấn đề" (!). Ý nói: "Không phải việc của chúng ta, đó là việc của Bộ giao thông" và người nhân viên liêm phóng đành phải báo cáo với công tố viên. Về sau, toàn bộ vấn đề sủi dãi bị phát hiện chỉ là vì bọn kẻ trộm lục đục với nhau: A-lếch-xan-đrốp "không chia phần" cho một trong số những viên thư ký - thầu khoán. Vụ án kéo dài sáu năm, đến nỗi nhiều nhân chứng đã qua đời và hầu như tất cả đều đã quên mất điều quan trọng nhất. Ngay cả người làm chứng cũng *đi đâu mất* (sic!) như trường hợp của Lốc-tin, cựu trưởng ty giao thông khu Ca-dan: lúc thì ông ta không có mặt ở Ca-dan, lúc thì ông ta đi công tác ở tỉnh Ê-ni-xây-xcơ! Mong độc giả đừng nghĩ rằng đó là trò đùa, đó là đoạn chép lại từ bản báo cáo về phiên xử.

Trong vụ này hoàn toàn không phải chỉ riêng những kẻ bị cáo là có đúng tay, chỉ cần xét hai sự việc sau đây cũng đủ rõ: thứ nhất, bản thân người nhân viên liêm phóng có thiện ý đã nêu lên vấn đề nói trên, hiện không còn làm việc ở sở cảnh sát nữa, anh ta đã tậu được một ngôi

hàng tỉnh năm 1900, nhằm chỉ những ai "không thuộc về cơ quan chính quyền, mà cũng không thuộc về số người đại diện các đảng cấp". Số lượng và ảnh hưởng ngày càng lớn của các nhân vật công tác tại hội đồng địa phương, với tư cách là thầy thuốc, nhà kỹ thuật, nhà thống kê, nhà nông học, nhà sư phạm v. v., bọn phản động ở nước ta phải để ý từ lâu; bọn chúng cũng gọi những "nhân vật thứ ba" đáng ghét đó là "bộ máy quan liêu của hội đồng địa phương".

Nói chung, cần phải nói rằng bọn phản động ở nước ta, — trong số đó, tất nhiên là kể tất cả bọn quan liêu cao cấp, — tỏ ra có nhạy cảm khá về chính trị. Bọn chúng rất lão luyện về kinh nghiệm đấu tranh chống lại phe đối lập, chống lại những cuộc "bạo động" của nhân dân, chống lại bọn biệt phái, chống lại các cuộc khởi nghĩa, chống lại những nhà cách mạng, đến mức là lúc nào chúng cũng "thủ thế", và so với những người ngớ ngẩn và những "con ngựa già trung thực", bọn chúng hiểu rõ hơn rất nhiều rằng nền độc tài chuyên chế không thể điều hoà được với *bất kỳ* tính tự chủ, tính trung thực, tính độc lập về tư tưởng, tính tự hào về kiến thức chân chính *nào*. Hết sức thấm nhuần tinh thần nô lệ và thái độ quan liêu giấy tờ đối với

nhà và sống bằng lợi tức của ngôi nhà đó. Thứ hai, kỹ sư Ma-ca-rốp *trưởng ty giao thông khu Ca-dan* (thời kỳ xây dựng đê đập ở Xoóc-mô-vô, y là phó ty) đã ra sức minh oan cho A-lếch-xan-đrốp trước toà; y thậm chí đã tuyên bố — đúng nguyên văn ! — rằng nếu con đê bị vỡ hồi mùa xuân 1894 thì "đó là việc *tất nhiên phải xảy ra*". Theo sự kiểm tra của y, của Ma-ca-rốp, thì mọi việc của A-lếch-xan-đrốp đều tốt, A-lếch-xan-đrốp là người có kinh nghiệm, nhiệt tình và đúng mực!

Kết quả là: A-lếch-xan-đrốp bị một năm tù giam; Sna-ken-bua bị cảnh cáo nghiêm khắc (nhưng việc cảnh cáo đó không được thi hành do có bản tuyên ngôn 1896!); những người khác được tha bổng. Vụ kiện dân sự ngân khố bị gạt bỏ. Tôi tưởng rằng, những tên Lốc-tin đã mất tích, cũng như những tên Ma-ca-rốp hiện đang còn làm việc, tất phải được tha miễn về vấn đề này.

công việc — tinh thần và thái độ này bao trùm toàn bộ hệ thống quan lại ở Nga — nên chúng nghi kỵ tất cả những ai không giống nhân vật A-ca-ki A-ca-ki-ê-vích¹³⁴ của Gô-gôn, hay nói theo lối so sánh hiện đại, tất cả những ai không giống con người nằm trong vỏ ốc¹³⁵.

Và thực tế thì: nếu có người nào, hoặc gánh vác trách nhiệm xã hội này, hoặc gánh vác trách nhiệm xã hội khác, được đánh giá không phải căn cứ theo cương vị phục vụ, mà căn cứ theo kiến thức và phẩm cách của người đó thì như vậy về mặt lô-gích điều này há lại không nhất định dẫn đến tình trạng tự do trong dư luận xã hội và giám sát xã hội khi bàn bạc đến các kiến thức và phẩm cách đó hay sao? Điều đó há lại không phá hoại đến tận gốc những đặc quyền về đảng cấp và quan cấp mà nền chuyên chế ở Nga dùng làm chỗ dựa duy nhất, hay sao? Mời các bạn hãy nghe cũng chính ông Côn-đô-i-đi đó trình bày nguyên nhân sinh ra nổi bất bình của mình:

Ông ta nói: "Đôi khi những đại biểu của các đảng cấp không có cơ sở được kiểm tra đầy đủ, đã nghe lời bọn trí thức, — tuy rằng bọn trí thức này chẳng qua cũng chỉ là những nhân viên làm công trong Ban thường trực hội đồng địa phương, — chỉ vì những lời trích dẫn khoa học hoặc trích dẫn những lời giáo huấn của các cây bút viết báo và tạp chí". Thế nào? "Những nhân viên làm công" bình thường mà lại đảm nhận dạy "những đại biểu các đảng cấp" à! Và chẳng: các vị dân biểu mà ngài phó tỉnh trưởng nói đến, thực ra là những thành viên của một cơ quan phi đảng cấp; nhưng vì ở ta tinh thần đảng cấp đã thấm sâu vào mọi nơi, và cũng vì các hội đồng địa phương, theo quy chế mới, đã mất đi phần lớn tính chất phi đảng cấp rồi, cho nên tóm lại, có thể thực sự nói rằng ở Nga có hai "giai cấp" cầm quyền: 1. nhà đương cục hành chính và 2. những đại biểu của các đảng cấp. Dưới chế độ quân chủ phân chia đảng cấp, không có chỗ cho phần tử thứ ba. Nhưng, nếu sự phát

triển kinh tế không thể nào kìm hãm được, với chính sự lớn mạnh lên của chủ nghĩa tư bản, ngày càng phá vỡ những cơ sở của chế độ đẳng cấp và làm nảy sinh ra nhu cầu về "trí thức" mà số lượng ngày một tăng lên thì nhất định là phần tử thứ ba sẽ cố gắng mở rộng những khuôn khổ chật hẹp đối với họ.

Cũng ông Côn-đô-i-đi đó đã nói: "Những mơ mộng của những nhân vật không thuộc về các nhà đương cục hành chính, cũng không thuộc vào số các đại biểu đẳng cấp ở hội đồng địa phương, chỉ có tính chất hư ảo mà thôi, nhưng nếu giả định có những khuynh hướng chính trị làm cơ sở, thì những mơ mộng đó cũng có thể có mặt hại".

Giả định có "những khuynh hướng chính trị" — đó chỉ là nói theo lối ngoại giao để xác nhận rằng có những khuynh hướng chính trị đó. Còn "mơ mộng" ở đây, có lẽ là nói tắt cả những dự án mà đối với thầy thuốc thì xuất phát từ lợi ích công tác y tế, đối với nhà thống kê thì xuất phát từ lợi ích công tác thống kê, những dự án không đếm xỉa gì đến lợi ích của các đẳng cấp cầm quyền. Những mơ mộng ấy tự bản thân nó là hư ảo, nhưng các bạn thấy đấy, những mơ mộng đó đang nuôi dưỡng một sự bất bình về chính trị.

Và đây một nhà cầm quyền khác, đứng đầu một trong các tỉnh trung tâm, dự định cắt nghĩa nổi bất bình của phần tử thứ ba, theo một cách khác. Theo lời y thì hoạt động của hội đồng địa phương thuộc tỉnh *y phụ trách*, "mỗi ngày một tách dần ra khỏi những nguyên lý cơ bản được dùng làm cơ sở cho Điều lệ về các cơ quan hội đồng địa phương¹³⁶". Theo điều lệ đó, nhân dân địa phương được huy động tham gia quản lý những công việc thuộc về lợi ích và nhu cầu địa phương; tuy nhiên, do thái độ thờ ơ của đa số địa chủ đối với quyền hạn đã dành cho họ, cho nên "những cuộc hội nghị của hội đồng địa phương thường có tính chất một thứ *hình thức*, còn công việc thì do Ban

thường trực của hội đồng địa phương giải quyết, mà bộ máy này, đứng về mặt tính chất mà nói thì còn rất nhiều điểm đáng chê". Tình hình đó "đã dẫn đến việc thành lập nhiều bộ máy rộng rãi trực thuộc Ban thường trực hội đồng địa phương và thu hút nhiều *chuyên gia* về công tác ở đây: nhà thống kê, nhà nông học, nhà sư phạm, thú y sĩ v. v. — so với các nhà hoạt động hội đồng địa phương, những người này tự cảm thấy mình *trội hơn về học vấn*, và có đôi khi, *trội hơn cả về trí thông minh* nữa, nên họ đã bắt đầu tỏ ra *ngày càng có tính độc lập nhiều hơn*, điều này đặc biệt là có thể đạt được bằng cách triệu tập ở trong tỉnh nhiều thứ *đại hội*, và thiết lập bên cạnh các Ban thường trực hội đồng địa phương nhiều thứ hội đồng. Kết quả là toàn bộ công tác của hội đồng địa phương đã rơi vào tay những nhân vật *không có chút dính líu gì đến nhân dân địa phương*". Mặc dầu "trong số ấy cũng có rất nhiều người hoàn toàn có thiện ý và đáng được kính trọng, nhưng họ không thể coi công tác phục vụ của họ là cái gì khác hơn một phương tiện sinh sống, và họ chỉ quan tâm đến những lợi ích và nhu cầu của địa phương, trong chừng mực mà phúc lợi cá nhân của họ tùy thuộc vào những lợi ích và nhu cầu đó". — Theo ý kiến của vị tỉnh trưởng này thì "trong công việc của hội đồng địa phương, *kể làm thuê không thể thay thế cho người chủ sở hữu*". Lý lẽ này có thể vừa được coi là xảo quyết hơn lại vừa được coi là ngay thực hơn, tùy theo cách nhìn của người ta. Nó xảo quyết hơn, vì nó lờ đi không bàn đến những khuynh hướng chính trị và nó mưu tính chỉ lấy độc có lợi ích và nhu cầu địa phương để làm căn cứ cho ý kiến phán đoán của nó. Nó ngay thực hơn, vì nó đem "kể làm thuê" đối lập thẳng với *chủ sở hữu*. Đó là quan điểm cổ truyền của bọn Kít Ki-tư-tso¹³⁷ ở Nga, những người này, khi thuê "một chàng gia sư" nào đó, thì trước hết và chủ yếu là họ căn cứ vào giá cả thị trường của loại công việc đó. Những chủ nhân thực thụ bao giờ cũng là những

người chủ sở hữu, — đó là lời công bố trịnh trọng của kẻ đại diện cho chính cái phe thường xuyên tán tụng rằng Nga là nước có một chính quyền vững chắc, không lệ thuộc vào một ai và đứng trên mọi giai cấp và, nhờ trời, không có tình trạng những quyền lợi vị kỷ chi phối đời sống của nhân dân, tình trạng mà chúng ta thấy ở các nước phương Tây đang bị chế độ nghị viện làm hủ bại. Một khi kẻ sở hữu đã là chủ nhân, thì y cũng phải là chủ nhân các "công việc" y tế, thống kê và giáo dục: vị quan lớn của chúng ta không ngần ngại rút ra một kết luận bao hàm sự công khai thừa nhận quyền lãnh đạo chính trị của các giai cấp hữu sản. Chưa hết: y cũng không ngần ngại — và điều này thật là lạ lùng — thừa nhận rằng "các chuyên gia" tự thấy hơn hẳn những nhà hoạt động hội đồng địa phương về học vấn, và đôi khi cả về trí thông minh nữa. Đúng thế, để đối phó lại tình trạng trội hơn về trí thông minh, ngoài những biện pháp nghiệt ngã ra thì hiển nhiên là không còn phương pháp nào khác...

Cho nên gần đây, báo chí phản động ở nước ta lại được dịp đặc biệt thuận lợi để kêu gọi áp dụng các biện pháp nghiệt ngã. Việc những người trí thức không muốn để người khác coi họ là những kẻ làm thuê tầm thường, là những kẻ bán sức lao động (chứ không phải là những công dân thực hiện những chức năng xã hội nhất định), bao giờ cũng dẫn đến những vụ xích mích thỉnh thoảng nổ ra, lúc thì giữa những người đứng đầu các ban thường trực hội đồng địa phương với những người thầy thuốc, — những người này đã xin từ chức tập thể, — lúc thì giữa những người đó với các nhà công tác kỹ thuật v. v.. Thời gian gần đây, những vụ xích mích giữa các ban thường trực hội đồng địa phương và các nhà công tác thống kê đã mang tính chất một vụ dịch thực sự.

Ngay từ tháng Năm, báo "Tia lửa" (số 4) đã có nhận xét: chính quyền địa phương (vùng I-a-rô-xláp) từ lâu đã tỏ ra hần học đối với cơ quan thống kê, và sau những sự

kiện tháng Ba ở Xanh Pê-téc-bua, họ đã tiến hành "thanh lọc" cơ quan này, và đề nghị với viên phụ trách "là từ nay phải hết sức nghiêm ngặt trong việc tuyển lựa sinh viên, để người ta không thể thậm chí nghĩ rằng số sinh viên ấy đến lúc nào đó có thể trở thành những kẻ đáng lo ngại". Bài báo "Cuộc biến loạn ở Vla-đi-mia trên sông Cli-a-dơ-ma" (đăng trên tờ "Tia lửa", số 5 tháng Sáu) đã miêu tả tình hình chung của cơ quan thống kê đang bị nghi vấn và đã phân tích nguyên nhân vì đâu mà tỉnh trưởng, chủ xưởng và địa chủ không ưa cơ quan thống kê này. Việc thải hồi các nhân viên thống kê ở Vla-đi-mia, với lý do là họ đã gửi điện bày tỏ sự đồng tình với An-nen-xki (người đã bị đánh đập ngày 4 tháng Ba tại quảng trường Ca-dan), thực tế đã dẫn đến tình trạng đóng cửa cơ quan, và vì các nhân viên thống kê ở các thành phố khác từ chối không làm việc tại một hội đồng địa phương không đủ khả năng bảo vệ quyền lợi của các nhân viên của mình, cho nên hiến binh địa phương đã phải đóng vai trò trung gian giữa các nhân viên thống kê bị thải hồi và tỉnh trưởng. "Hiến binh đã tới nhà ở của một số nhân viên thống kê, đề nghị họ viết đơn xin trở lại cơ quan làm việc", nhưng việc làm đó của hiến binh đã thất bại hoàn toàn. Cuối cùng, báo "Tia lửa" số tháng Tám (số 7) đã tường thuật về "sự biến ở Hội đồng địa phương tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp": "pa-sa"¹⁾ Rốt-di-an-cô (chủ tịch ban thường trực hội đồng địa phương tỉnh) đã thải hồi các nhân viên thống kê vì họ không thi hành "chỉ thị" về việc lên biểu nhật ký; vụ thải hồi này làm cho tất cả các nhân viên khác của cơ quan xin từ chức, và các nhân viên thống kê ở Khác-cốp gửi thư tới phản kháng (những bức thư này cũng được đăng ngay trên số báo "Tia lửa" nói trên). Càng vào sâu trong rừng thì càng có nhiều củi. Pa-sa ở Khác-cốp, ông Goóc-đê-en-cô (cũng là chủ tịch ban thường trực hội

1) Chức hàm của các quan lại cao cấp ở Thổ-nhĩ-kỳ và Ai-cập cũ.

đồng địa phương tỉnh) bèn nhảy vào và tuyên bố với nhân viên thống kê thuộc hội đồng địa phương "của y" rằng y không thể chịu đựng được tình trạng "ở trong bức tường của ban thường trực hội đồng địa phương lại có những cuộc họp của nhân viên bàn về những vấn đề không liên can gì đến trách nhiệm của họ". Về sau, khi các nhân viên thống kê ở Khắc-cốp chưa kịp thực hiện ý định của họ đòi đuổi tên gián điệp (An-tô-nô-vích) trà trộn vào trong hàng ngũ của họ, thì ban thường trực hội đồng địa phương đã thải hồi viên phụ trách phòng thống kê, việc này đã lại làm cho tất cả nhân viên thống kê xin từ chức.

Những sự việc kể trên đã khiến cho tất cả những người làm công tác thống kê tại các hội đồng địa phương sục sôi lên đến mức nào, điều này có thể thấy rõ, chẳng hạn, qua bức thư của các nhân viên thống kê ở Vi-át-ca, những người này định phân trần về nguyên nhân không muốn hưởng ứng phong trào và do đó đã bị tờ "Tia lửa" (số 9) gọi một cách rất chính đáng là "bọn phản bội ở Vi-át-ca".

Nhưng tất nhiên là báo "Tia lửa" chỉ mới nêu lên một số trường hợp, chứ hoàn toàn không phải là hết tất cả những vụ xung đột đã xảy ra, theo tin của các báo hợp pháp, tại các tỉnh Pê-téc-bua, Ô-lô-nê-txơ, Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, Ta-vrích, Xa-ma-ra (ở đây, ngoài những vụ xung đột ra, chúng ta còn phải kể thêm những trường hợp thải hồi cùng một lúc một số đông nhân viên thống kê, bởi vì những trường hợp đó đã gây nên sự bất bình mạnh mẽ và náo động). Nói chung, sự hoài nghi và thái độ trơ trẽn của chính quyền các tỉnh đã đi tới chỗ như thế nào, điều đó có thể thấy rõ qua thí dụ dưới đây:

"Trong "Bản báo cáo về tình hình điều tra ở huyện Đni-ép-rơ hồi tháng Năm và tháng Sáu 1901": gửi lên Ban thường trực hội đồng địa phương, ông C. M. Blê-clốp, phụ trách phòng thống kê tỉnh Ta-vrích kể lại rằng, công tác ở huyện này đã được tiến hành trong những điều kiện từ trước

tới nay chưa từng có: mặc dầu đã được tỉnh trưởng cho phép tiến hành những nhiệm vụ của mình, mặc dầu đã được cấp phát đầy đủ các giấy tờ cần thiết và được quyền dựa vào sự giúp đỡ của chính quyền địa phương theo như chỉ thị của tỉnh trưởng, nhưng các nhà điều tra vẫn bị cảnh sát huyện *bao vây trong một bầu không khí cực kỳ ngột ngạt*, cảnh sát theo dõi họ từng bước, nghi ngờ một cách rất *quá quắt*, và đã tỏ thái độ không tin tưởng họ dưới *hình thức thô bạo* nhất đến nỗi rằng, theo lời một nông dân kể lại, cảnh sát địa phương theo sát các nhân viên thống kê và dò hỏi nông dân xem: "các nhân viên thống kê có tuyên truyền những tư tưởng có hại chống lại chính phủ và tổ quốc hay không". Theo lời Blê-clốp, thì những nhân viên thống kê "đã vấp phải đủ thứ trở ngại, khó khăn, không những cản trở công tác mà còn xúc phạm mạnh đến *lòng tự trọng*... Các nhân viên thống kê luôn luôn ở vào tình trạng của *những người bị theo dõi* thường có những báo cáo mật về họ, tuy mật nhưng mọi người vẫn biết rất rõ; và đối với họ, thì việc đề phòng đã được coi là cần thiết. Do đó, mọi người đều có thể hiểu rằng họ đã phải thường xuyên chịu đựng một tâm trạng hết sức căng thẳng về mặt tinh thần".

Thật là một sự minh họa khá rõ về lịch sử của những vụ xung đột của những người làm công tác thống kê tại các hội đồng địa phương và nói lên công tác theo dõi những "phần tử thứ ba" nói chung!

Không có gì lạ, khi báo chí phản động đã kích vào "những người bạo động" mới. Tờ "Tin tức Mát-xcơ-va" đã đăng một bài xã luận khét tiếng: "Cuộc bãi công của các nhân viên thống kê của hội đồng địa phương" (số 263, ngày 24 tháng Chín) và bài báo đặc biệt của ông N. A. Dơ-na-men-xki: "Phần tử thứ ba" (số 279, ngày 10 tháng Mười). Báo đó viết: "Phần tử thứ ba" "đã lên mặt"; đối với những mưu toan thi hành "kỷ luật phục vụ cần thiết", họ đã trả lời bằng

"sự chống đối có hệ thống và bãi công". Nguyên nhân gây ra mọi việc trên đây, chính là các nhà tự do chủ nghĩa của hội đồng địa phương, họ đã thả lỏng các nhân viên công tác.

"Không còn nghi ngờ gì nữa, một số vụ chấn chỉnh công tác thống kê và đánh giá tại các hội đồng địa phương là do các nhà hoạt động hội đồng địa phương sáng suốt và có lý trí nhất thực hiện, những người này không muốn để xảy ra *tình trạng lỏng lẻo tại các cơ quan trực thuộc, ngay cả tình trạng lỏng lẻo núp dưới* ngọn cờ đối lập - *tự do chủ nghĩa*. Nhưng sự chống đối và *các cuộc bãi công*, cuối cùng nhất định phải mở mắt cho họ thấy rằng: họ đã chạm trán với *tầng lớp vô sản trí thức phiêu bạt từ tính này sang tính khác* hoặc là làm các công việc nghiên cứu thống kê, *hoặc là làm công tác giáo dục lớp thanh niên địa phương theo tinh thần dân chủ - xã hội*.

Vô luận thế nào thì "các cuộc xung đột của những người làm công tác thống kê tại các hội đồng địa phương" cũng là một bài học bổ ích cho bộ phận có lương tri trong các nhà hoạt động hội đồng địa phương. Chúng tôi nghĩ rằng hiện nay, bộ phận đó đã hoàn toàn nhìn thấy rõ con ong nào, — nấp dưới danh hiệu là "*phần tử thứ ba*" — mà các cơ quan hội đồng địa phương đã nuôi trong tay áo" *.

Về phía chúng ta, chúng ta cũng không nghi ngờ gì cả rằng những lời kêu ca, rên siết đó của tên chó săn trung thành với chế độ chuyên chế (người ta biết rằng chính "bản thân" Cát-cốp cũng tự xưng như thế, vì từ lâu y đã cố "nhồi nhét" cái tinh thần ấy cho tờ "Tin tức Mát-xcơ-va"), "sẽ mở mắt" cho nhiều người còn chưa nhận thức đầy đủ rằng chế độ chuyên chế hoàn toàn không thể tương dung được với lợi ích của sự phát triển xã hội, lợi ích của tầng lớp trí thức nói chung, lợi ích của mọi công việc xã hội chân chính không phải là tham ô và phản bội.

* "Tin tức Mát-xcơ-va", số 263.

Đối với những người dân chủ - xã hội chúng ta, bức tranh nhỏ về chiến dịch chống lại "phần tử thứ ba" và "những vụ xung đột của những người làm công tác thống kê tại các hội đồng địa phương" phải là một bài học quan trọng. Chúng ta đã nhận thấy rằng sự sôi sục trong giai cấp tiên phong cách mạng đã truyền đến các giai cấp khác và các tầng lớp xã hội khác, rằng sự sôi sục đó không những chỉ dẫn đến chỗ làm cho tinh thần cách mạng trong giới sinh viên dâng cao chưa từng thấy*, mà còn dẫn đến chỗ làm cho nông thôn bắt đầu thức tỉnh, dẫn đến lòng tự tin mạnh mẽ và tinh thần chuẩn bị chiến đấu trong các tập đoàn xã hội mà (đứng về mặt là những tập đoàn) trước đây vẫn còn ít hưởng ứng phong trào đấu tranh chung, — cho nên chúng ta nhất định phải tin tưởng vào sức mạnh vô địch của phong trào công nhân do chúng ta lãnh đạo.

Ở Nga, sự sôi sục xã hội đang dâng lên trong toàn dân và trong tất cả các giai cấp, và nhiệm vụ của chúng ta, nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội cách mạng, là phải dồn hết sức lực ra để tận dụng được sự sôi sục xã hội đó, để giải thích cho tầng lớp lao động trí thức tiến bộ hiểu rằng trong nông dân, sinh viên và giới trí thức nói chung, họ đã có người bạn đồng minh như thế nào; để huấn luyện cho họ biết lợi dụng những ngọn lửa của sự phản kháng có tính chất xã hội đang rực cháy ở nơi này hoặc nơi khác. Chúng ta chỉ có thể hoàn thành được vai trò người

* Trong khi chúng tôi viết bài này, thì tin tức từ khắp nơi cho biết: tinh thần phấn khích trong giới sinh viên ngày càng mạnh, sinh viên Ki-ép, Pê-téc-bua, và nhiều thành phố khác đã tổ chức hội họp, những nhóm sinh viên cách mạng đã được thành lập ở Ô-đét-xa v. v.. Có thể là lịch sử sẽ trao cho giới sinh viên vai trò người khởi xướng cả trong trận chiến đấu quyết liệt chăng? Dù sao, muốn cho cuộc chiến đấu đó thu được thắng lợi, vẫn cần phải có cao trào quần chúng của giai cấp vô sản, và chúng ta phải mau mau chăm lo nâng cao ý thức giác ngộ, nhiệt tình và tính tổ chức cho họ.

chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho tự do khi nào giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của đảng chiến đấu cách mạng, không phút nào lãng quên vị trí đặc biệt của họ trong xã hội hiện tại, không lãng quên những nhiệm vụ đặc biệt có tính chất lịch sử toàn thế giới của họ là giải phóng nhân loại khỏi ách nô lệ về kinh tế, đồng thời giương cao được ngọn cờ của toàn dân đấu tranh cho *tự do* và tập hợp được dưới ngọn cờ đó tất cả những người mà hiện nay các ngài Xi-pi-a-ghin, Côn-đô-i-đi cùng bè lũ này, đang hăng hái xô đẩy họ từ các tầng lớp rất khác nhau trong xã hội vào hàng ngũ của những phân tử bất bình.

Muốn được như vậy, chỉ cần chúng ta không những tiếp nhận vào trong phong trào của mình một lý luận cách mạng kiên định đã được cấu tạo nên bởi sự phát triển hàng thế kỷ nay của luồng tư tưởng châu Âu, mà còn tiếp nhận cả nghị lực cách mạng và kinh nghiệm cách mạng, do các bậc tiền bối của chúng ta ở Nga và ở Tây Âu truyền lại; chớ có bắt chước một cách nô lệ những hình thức của chủ nghĩa cơ hội mà các đồng chí chúng ta ở phương Tây đã bị thiệt hại tương đối ít và hiện nay đã bắt đầu thoát ly, những hình thức của chủ nghĩa cơ hội đang hết sức kìm hãm chúng ta trên bước đường tiến tới thắng lợi.

Hiện nay, giai cấp vô sản Nga đang đứng trước một nhiệm vụ cách mạng khó khăn nhất, nhưng cũng có lợi nhất là: đập tan kẻ thù mà tầng lớp trí thức khổ nhục ở Nga đã không thể thắng nổi, và tham gia hàng ngũ của đạo quân xã hội chủ nghĩa quốc tế.

IV. HAI BÀI DIỄN VĂN CỦA CÁC THỦ LĨNH GIỚI QUÝ TỘC

"Một sự kiện lớn đáng buồn, từ trước đến nay chưa từng thấy, và những sự kiện như thế — những sự kiện chỉ có thể xảy ra trong một tình trạng suy đồi rất sâu xa của

xã hội chúng ta — là điềm báo trước rằng nước Nga sẽ có nhiều tai họa chưa từng thấy..." Bài xã luận của tờ "Tin tức Mát-xcơ-va" số 268 (ngày 29 tháng Chín) đã viết như vậy về bài diễn văn của M. A. Xta-khô-vích, thủ lĩnh giới quý tộc tỉnh Ô-ri-ôn, đọc trong kỳ đại hội các nhà truyền giáo ở Ô-ri-ôn (đại hội này đã kết thúc ngày 24 tháng Chín)... Hừ, nếu như "tình trạng suy đồi của xã hội" đã thâm nhập cả vào bọn thủ lĩnh quý tộc — những nhân vật đứng hàng thứ nhất ở trong huyện và hàng thứ nhì ở trong tỉnh — vậy thì thực tế đâu sẽ là nơi chấm dứt "bệnh dịch tinh thần hiện đang bao trùm cả nước Nga"?

Vấn đề là thế nào? Vấn đề là ngài Xta-khô-vích đây (chính ông này đã muốn dành cho quý tộc tỉnh Ô-ri-ôn- địa vị thu ngân tại các độc quyền giải khát: xem "Bình minh", số 1, "Bình luận thời sự" ¹⁾) đã đọc một bài diễn văn nồng nhiệt bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, trong đó "ông ta thiếu tế nhị, — nếu không muốn nói là ông ta vô liêm sỉ, — đến mức đã đưa ra đề nghị như sau" *:

* "Tin tức Mát-xcơ-va", như trên. Chúng tôi xin lỗi độc giả vì đã có cảm tình với tờ "Tin tức Mát-xcơ-va". Biết làm thế nào được bây giờ! Theo chúng tôi, đó là tờ báo chính trị hay nhất, triệt để nhất, và có tác dụng nhất ở Nga. Tất nhiên, không thể gọi là sách báo thực sự "chính trị", những sách báo nào mà nhiều lắm cũng chỉ là lượm lặt nguyên si những sự việc hay ho nhỏ nhỏ, rồi thờ dài chứ không "tinh chế". Như thế có thể rất có ích, chúng tôi không phản đối, nhưng đó không phải là chính trị. Cũng thế, sách báo loại như tờ "Thời mới" không thể gọi là sách báo chính trị theo nghĩa thật của danh từ được, mặc dù (hay nói cho đúng hơn: vì) nó quá ưa chính trị. Sách báo này không có cương lĩnh chính trị nào cụ thể, cũng không có chính kiến gì rõ rệt, nó chỉ có tài ứng theo âm điệu và tâm trạng của thời đại, quy lụy trước quyền lực của bọn có của, tuân theo mọi mệnh lệnh sai khiến của chúng, và ve vãn cái có vẻ là dư luận xã hội. Còn tờ "Tin tức Mát-xcơ-va" đi theo đường lối riêng của mình và không sợ đi trước

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 501 - 541.

"Ở Nga, ngoài đại hội của các nhà truyền giáo ra, không còn ai gánh vác nổi sứ mệnh là tuyên bố sự cần thiết tự do tín ngưỡng, sự cần thiết huỷ bỏ mọi hình phạt đối với việc rời bỏ đạo gốc, đối với việc thừa nhận và tuyên bố một tôn giáo khác. Và tôi đề nghị đại hội các nhà truyền giáo tỉnh Ô-ri-ôn hãy tuyên bố thẳng thắn ra như thế và đệ lời thỉnh cầu đó theo một nghi thức thích đáng!.."

Hiển nhiên nếu tờ "Tin tức Mát-xcơ-va" đã ngây thơ diễn tả Xta-khô-vích thành Rô-be-xpi-e (ông Xu-vô-rin đã viết trên tờ "Thời mới": M. A. Xta-khô-vích, con người yêu đời mà tôi quen biết từ lâu, chính là Rô-be-xpi-e đấy! Thật khó mà nhin cười được khi đọc bài diễn văn "biện hộ" của ông ta), — thì ông Xta-khô-vích cũng không kém phần ngây thơ theo cách riêng của mình, khi ông ta đề nghị các cha cố thỉnh cầu "theo một nghi thức thích đáng" xin phép tự do tín ngưỡng. Như thế hoàn toàn chẳng khác gì tại đại hội của cảnh binh mà lại đề nghị người ta xin tự do chính trị!

Vị tất đã cần phải nói thêm với độc giả rằng "đám tăng lữ do bọn cha cố cầm đầu" đã bác bỏ đề nghị của ông Xta-khô-vích "vừa là do thực chất của bản báo cáo, vừa là do sự không phù hợp giữa bản báo cáo và những nhiệm vụ của đại hội các nhà truyền giáo địa phương", sau khi nghe "những lời phản đối nghiêm khắc" của giám mục Ni-ca-nô ở tỉnh Ô-ri-ôn, của N. I. I-va-nốp-xki, giáo sư viện thần học ở Ca-dan, của V. M. Xcơ-voóc-txốp, biên tập viên kiêm nhà xuất bản "Tạp chí của các nhà truyền giáo"¹³⁸, của V. A. Téc-náp-txép và M. A. Nô-vô-xê-lốp — linh mục truyền giáo và phó tiến sĩ trường đại học tổng hợp. Có thể nói rằng: đó là sự liên minh giữa "khoa học" và nhà thờ!

chính phủ (có gì đáng sợ kia chứ!), không sợ đụng đến những vấn đề tế nhị nhất, thậm chí đôi khi còn đề cập đến một cách rất thẳng thắn. Đó là một tờ báo hữu ích, một người cộng tác không thể thay thế được của việc cổ động cách mạng!

Nhưng dĩ nhiên là chúng ta quan tâm đến ông Xta-khô-vích không phải vì ông ta là điển hình một con người có tư tưởng chính trị rõ ràng và triệt để, mà vì ông ta là điển hình của một tên quý tộc Nga "yêu đời" nhất, lúc nào cũng sẵn sàng đoạt lấy máu bánh nướng của nhà nước. Và "tình trạng suy đồi", do sự lộng hành của cảnh sát và sự khủng bố dữ dội các giáo phái, đưa vào trong đời sống Nga nói chung và trong sinh hoạt nông thôn Nga nói riêng, đã lên đến mức độ tột cùng của nó, khiến cho đá cũng phải chảy mồ hôi! Khiến cho các thủ lĩnh giới quý tộc phải bàn bạc sôi nổi về tự do tín ngưỡng!

Và đây, tôi xin rút ra từ bài diễn văn của ông Xta-khô-vích một vài ví dụ nhỏ về những trật tự và những hiện tượng tệ hại rớt cuộc đã làm cho ngay cả bản thân "những người yêu đời" nhất cũng phải bực mình.

Diễn giả nói rằng: "Bây giờ, mời các vị hãy cầm lấy cuốn sách chỉ dẫn về các sắc lệnh tại thư viện của hội các nhà truyền giáo mà xem; các vị sẽ đọc thấy: cũng điều 783, tập II, phần I, ngoài những phạt sự của người cảnh binh là thanh toán nạn quyết đầu, nạn vu cáo, tệ rượu chè, việc sẵn bán trái phép, các nhà tắm công cộng lẫn lộn cả nam giới và nữ giới, còn sự uy thác cho người đó được theo dõi những cuộc bàn cãi chống lại giáo lý của chính đạo, theo dõi việc dụ dỗ những người chính đạo đi theo tôn giáo khác, hoặc bỏ đạo!". Quả thực, có điều luật; ngoài những phạt sự mà diễn giả đã kể ra ở trên, luật đó còn giao cho người cảnh binh nhiều phạt sự tương tự khác nữa. Đối với số đông dân chúng sống ở các thành phố, thì điều luật này, tất nhiên, đúng như ông Xta-khô-vích đã gọi, giản đơn chỉ là một sự kỳ lạ. Nhưng đối với người mu-gich thì sự kỳ lạ đó che giấu bitterer Ernst — sự thật cay đắng về những sự tàn bạo của cảnh sát ở cơ sở, tức là của những kẻ quá tin rằng trời thì cao mà Nga hoàng thì xa.

Dưới đây là những thí dụ cụ thể mà chúng tôi dẫn ra cùng với lời phản đối chính thức của "giám mục Pi-ốt Rô-

giơ-đê-xơ-ven-xki, chủ tịch hội đồng hội giáo chính thống Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xơ tỉnh Ô-ri-ôn và chủ tịch đại hội các nhà truyền giáo thuộc giáo quản khu Ô-ri-ôn" ("*Tin tức Mát-xơ-va*", số 269, trích "*Truyền tin Ô-ri-ôn*"¹³⁹, số 257):

"a) Trong bản báo cáo (của ông Xta-khô-vích) có nói về một làng thuộc huyện Tơ-rúp-tsép-xơ:

"Được sự đồng ý của linh mục và của nhà đương cục, người ta đã nhốt vào trong nhà thờ những tín đồ của đạo Stun-đa bị tình nghi; mang đến một cái bàn, phủ một chiếc khăn sạch, đặt tượng thánh lên trên, rồi dẫn từng người vào. — Hãy làm lễ đi!

— Tôi không muốn làm lễ trước tượng thánh ... — A! *roi vọt ngay lúc đó.* Những người yếu đuối, ngay sau hình phạt lần thứ nhất, đã phải quay về với đạo chính thống. Thế mà cũng có người *kiên gan được đến 4 lần.*

Theo tài liệu chính thức, đăng trong bản báo cáo từ năm 1896 của hội giáo chính thống Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xơ tỉnh Ô-ri-ôn và theo báo cáo miệng của giám mục Đ. Pê-tê-réc-dép tại đại hội, thì vụ đàn áp kể trên của những người theo đạo chính thống đối với những tín đồ của các giáo phái ở làng Li-u-bê-tơ thuộc huyện Tơ-rúp-tsép-xơ, đã được tiến hành *theo quyết định của cuộc hội nghị quần chúng, tại một nơi nào đó ở trong làng chứ không phải là do sự thoả thuận của vị giám mục cũ ở đây, và vụ đàn áp quyết không phải là đã xảy ra tại nhà thờ; và sự kiện ấy xảy ra đã 18 - 19 năm rồi, hồi đó chưa thể bàn đến việc lập một phái đoàn tới giáo quản khu Ô-ri-ôn.*

Đăng lại đoạn văn trên đây, từ "*Tin tức Mát-xơ-va*" cho rằng ông Xta-khô-vích *chỉ mới* dẫn ra *hai sự thật* trong bài diễn văn của mình. Có thể như vậy. Nhưng, dù sao đó cũng là những sự thật! Những lời phản bác dựa trên "những tài liệu chính thức" (do cảnh binh cung cấp!) ghi trong báo cáo của hội giáo chính thống, *chỉ là xác nhận* tất cả sự thật của những sự xấu xa đã làm cho ngay cả vị quý tộc yêu

đời đó cũng phải bực mình. Roi vọt được áp dụng tại nhà thờ, hoặc "tại một nơi nào đó ở trong làng", trong vòng nửa năm hoặc 18 năm về trước, — điều đó không hề làm cho sự việc thay đổi chút gì (tuy vậy cũng có một điều: mọi người đều biết rằng trong thời gian gần đây, việc khủng bố những tín đồ của các giáo phái đã trở nên dã man hơn, và điều đó liên quan trực tiếp đến việc thành lập các phái đoàn!). Còn nếu muốn cho linh mục địa phương *có thể* đứng bên ngoài *những công tố viên mặc áo vải*, thì tốt hơn cả là cha bề trên không nên bàn bạc gì về vấn đề đó trên báo chí*. Thật là trò cười! Dĩ nhiên, "linh mục địa phương" không thể "đồng ý" việc hành hình, cũng như các tòa án tôn giáo không bao giờ tự mình lại xử phạt người; họ đã chuyển công việc đó sang tay các cơ quan chính quyền trần tục, không bao giờ họ làm cho máu đổ, mà chỉ tiến hành việc đốt xác mà thôi.

Sự kiện thứ hai:

"b) Trong bản báo cáo có nói:

"Chỉ đến lúc đó, vị linh mục - truyền giáo mới không mở miệng trả lời câu trả lời mà chúng ta đã được nghe ở đây: — Cha bảo rằng lúc đầu họ có 40 gia đình, thế mà bây giờ chỉ còn 4. Những gia đình khác thì thế nào? Nhờ ơn chúa, họ đã được điều sang vùng Nam Cáp-ca-dơ và vùng Xi-bi-ri rồi!"

Thực ra, theo tài liệu của hội giáo thì năm 1898, tại thôn Glur-bốt-sca thuộc huyện Tơ-rúp-tsép-xơ, mà chúng ta đang nói đến, số người theo đạo Stun-đa không phải có *40 gia đình mà là 40 người* vừa nam vừa nữ, kể cả 21 trẻ con; cũng năm ấy, theo quyết định của tòa án khu, chỉ có 7 người phải điều sang vùng nam Cáp-ca-dơ, vì đã can án lồi

* Ông Xta-khô-vích đã viết, trong lời phản đối các bản thông cáo chính thức, như sau: "Tôi không rõ bản báo cáo chính thức của giáo phái đã nói những gì. Nhưng tôi xác nhận là, lúc tôi hỏi: cha có biết việc này không? — thì linh mục Pê-rê-réc-dép, sau khi kể chuyện tường tận ở đại hội và cho rằng chính quyền địa phương có biết việc xử án này (sic!!!), đã trả lời: Có, tôi có biết". Bàn luận gì thêm nữa cũng bằng thừa.

kéo một số người khác theo tôn giáo của mình. Còn về câu nói của vị linh mục địa phương: "*nhờ ơn chúa, họ đã được điều sang*", thì lời nói đó vô tình được tung ra tại phiên họp kín của đại hội trong lúc các đại biểu trao đổi ý kiến với nhau một cách thoải mái, thành thử vị linh mục nói trên trước kia đã được nhiều người biết tiếng, lại được dịp tỏ ra tại đại hội là một trong những linh mục - truyền giáo xứng đáng nhất".

Thật không còn lời phản bác nào hơn thế nữa! Lời nói vô tình thốt ra trong lúc trao đổi ý kiến một cách thoải mái! Chính điều đó rất lý thú, vì tất cả chúng ta đã thừa hiểu giá trị những lời nói của các nhân vật chính thức, giá trị của những lời nói mà họ chính thức tuôn ra. Nếu như đây là những lời "tâm huyết" của một cha cố — "một trong những linh mục - truyền giáo xứng đáng nhất", thì câu nói đó lại càng có ý nghĩa. "Nhờ ơn chúa, họ đã được điều sang vùng Nam Cáp-ca-dơ và vùng Xi-bi-ri rồi", những lời nói tuyệt đẹp này không kém phần xuất sắc so với lập luận của tổng giám mục Phi-la-rét nhằm dựa vào kinh thánh để bảo vệ pháp chế nông nô.

Cần nói thêm rằng một khi đã nhắc đến Phi-la-rét mà lại bỏ qua không nói gì đến bức thư của "nhà tự do chủ nghĩa uyên bác" gửi đức giám mục Am-vrô-xi ở địa phận Khác-cốp, đăng trên tạp chí "Lòng tin và Lý trí"¹⁴⁰ năm 1901*, thì như vậy là không công bằng. Tác giả đã ký tên như sau: "I-ê-rô-nim Prê-ô-bra-gien-xki, công dân danh dự, cựu chân tu", và ban biên tập có thể vì lo sợ trước cái "tai họa của sự thông thái", nên đã gán cho y nhãn hiệu "nhà tự do chủ

* Chúng tôi xin nhân dịp này cảm ơn phóng viên đã gửi cho chúng tôi bản in riêng của tờ tạp chí đó. Các giai cấp chỉ huy của chúng tôi rất thường không e ngại gì trong việc tự bộc lộ au naturel¹⁾ trong các xuất bản phẩm riêng về nhà tù, nhà thờ và các loại sách tương tự. Những chiến sĩ cách mạng chúng ta, từ lâu, đã biết sử dụng một cách có hệ thống cái "kho tàng phong phú" đó của nền giáo dục chính trị.

1) — bộc lộ chân tướng

nghĩa uyên bác (!)". Thêm một lần nữa, bức thư đã chỉ cho chúng ta thấy rằng ý thức chính trị và sự phản kháng có tính chất chính trị, bằng những con đường vô hình, đã thấm vào các tầng lớp nhân dân vô cùng rộng rãi hơn bao giờ hết; chúng ta hãy trích một số đoạn trong bức thư ấy:

"Tôi đã già rồi, năm nay gần 60 tuổi đầu; trong đời tôi, tôi đã nhiều lần chứng kiến những vụ không thi hành nhiệm vụ của nhà thờ và tôi xin thành thực nói rằng: chính tầng lớp của chúng ta đã là nguyên nhân của tất cả các trường hợp nói trên. Còn về "*những sự kiện gần đây*" thì chúng ta phải nhiệt liệt cảm ơn ngay cả giới tăng lữ đương thời vì họ đã mở mắt cho nhiều người. Hiện nay, không chỉ có các viên lục sự ở tổng, mà cả già lẫn trẻ, cả người nhiều học thức lẫn người ít học thức, thậm chí cả những người mới biết đọc, đều ham mê đọc tác phẩm của nhà đại văn hào nước Nga. Người ta đã tìm mua những tác phẩm của ông ta với một giá rất đắt (những sách này do nhà xuất bản "Tiếng nói tự do"¹⁴¹ xuất bản ở nước ngoài và được tự do lưu hành trong nhân dân tất cả các nước trên thế giới, trừ nước Nga), họ đọc những tác phẩm ấy, thảo luận với nhau, và đi đến những kết luận tất nhiên là không có lợi cho tầng lữ. Quần chúng nhân dân đã bắt đầu hiểu đâu là lừa dối, đâu là sự thật; họ đã nhìn thấy tầng lữ của chúng ta nói một đằng, làm một nẻo, ngay cả trong lời nói nữa, cũng thường trái ngược nhau. Lẽ ra có thể nói về sự thật nhiều hơn, nhưng, đối với tầng lữ không thể nói năng một cách cởi mở được, họ nhất định sẽ tố giác ngay để xử phạt và để hành hình... Mà chúa Giê-su thì lại thu hút bằng chân lý và tình yêu, chứ không phải bằng sức mạnh và sự hành hình...

...Trong đoạn kết của bài diễn văn, Ngài viết rằng: "chúng ta có một sức mạnh đấu tranh vĩ đại, đó là quyền lực chuyên chế của đức hoàng thượng chí tôn chí kính của chúng ta". Đây lại là một sự ngụy trang nữa, và chúng tôi lại không tin Ngài. Mặc dù các ngài, giới tăng lữ *có học thức*, cố làm cho chúng tôi tin rằng các ngài "trung thành với chế độ chuyên chế ngay từ khi còn bú mẹ" (trong bài diễn văn của vị giám mục đương thời khi được phong làm giáo chủ), nhưng chúng tôi, *những người còn mê muội*, thì lại không tin rằng: đứa trẻ con mới lên một tuổi (dù sau này có trở thành giáo chủ chẳng nữa) đã biết lập luận về hình thức quản lý nhà nước và đã cho chế độ chuyên chế là ưu việt. Sau vụ thất bại của tổng giám mục Ni-côn âm mưu đóng vai trò của các giáo hoàng La-mã ở Nga, nhằm hỗn hợp thân quyền với thế tục

quyền ở phương Tây thì nhà thờ của chúng ta, qua những người đại diện tối cao của họ — các vị tổng giám mục, đã hoàn toàn và vĩnh viễn phục tùng quyền lực của vua chúa, và đôi khi còn phải chịu đựng sự lãnh đạo độc tài nữa, như dưới triều Pi-ốt Đại đế, chính Pi-ốt Đại đế đã ra chỉ thị cho nhà thờ. (Áp lực của Pi-ốt Đại đế đối với tăng lữ trong việc kết tội hoàng tử A-lếch-xây.) Ở Nga, thế kỷ XIX, chúng ta đã thấy có sự ăn ý hoàn toàn giữa thần quyền và thế tục quyền. Dưới triều đại khắc nghiệt của Ni-cô-lai I, khi mà sự giác ngộ xã hội đã được thúc tỉnh bởi những ảnh hưởng của phong trào xã hội to lớn ở phương Tây, cả ở nước ta đã xuất hiện những chiến sĩ riêng lẻ chống lại sự nô dịch đáng căm phẫn đối với những người dân bình thường, thì nhà thờ của chúng ta đã hoàn toàn lãnh đạm trước nỗi đau khổ của dân chúng; và trái với lời di chúc vĩ đại của chúa Giê-su về tình anh em giữa con người và tình thương yêu đối với đồng bào, trong giới tu hành ở nước ta không một ai lên tiếng bênh vực cho những người dân bất hạnh thoát khỏi sự chuyên quyền hà khắc của địa chủ, và sợ dĩ như thế chỉ vì chính phủ chưa dám đụng đến chế độ nông nô, mà sự tồn tại của nó đã được Phi-la-rết Mô-xcốp-xki trực tiếp bảo vệ bằng những lời dẫn chứng trích trong Kinh Cựu ước. Thật là sét đánh ngang tai: nước Nga bị đánh bại và bị mất mặt về chính trị ở Xê-va-xtô-pôn. Cuộc bại trận này đã vạch rõ tất cả những chỗ mục nát của chế độ Nga hoàng trước thời cải cách, và đức hoàng thượng nhân từ, trẻ tuổi (chính nhà thơ Giu-cốp-xki đã rèn luyện tinh thần và ý chí của hoàng thượng), trước tiên đã đập vỡ những xiềng xích nô lệ từ bao đời nay; và, tạo hoá lại khéo trêu người, chính văn bản của sắc lệnh vĩ đại ngày 19 tháng Hai lại được giao cho Phi-la-rết khởi thảo, dựa trên quan điểm của chúa Cơ-đốc, tất nhiên, để phù hợp với tinh thần của thời đại, Phi-la-rết đã phải vội vã thay đổi quan điểm của mình đối với chế độ nông nô. Thời đại của những cải cách lớn lao không phải đã trôi qua mà không để lại dấu vết gì cho tăng lữ của chúng ta dưới thời Ma-ca-ri (sau này là tổng giám mục), đã làm một việc có ích là xây dựng lại các thiết chế tăng lữ ở nước ta, họ đã ngổ của số, — tuy của số còn nhỏ — hướng về thế giới công khai và sáng sủa. Thời kỳ phản động, mở ra từ sau ngày 1 tháng Ba 1881, đã mang theo vào tăng lữ một nhân tố tương ứng những nhà hoạt động theo kiểu Pô-bê-đô-nốt-txép và Cát-cốp; và trong lúc những nhân vật tiến bộ của đất nước, ở trong hội đồng địa phương và ở ngoài xã hội, đang gửi thư thỉnh cầu xin huỷ bỏ các tàn tích của chế độ nhục hình, thì nhà thờ đã im hơi lặng tiếng, không đả động gì đến việc lên án những kẻ bảo vệ cái roi, là công cụ đáng công phẫn hạ thấp nhân phẩm của con người, mà con người lại được sáng tạo theo hình ảnh của Thượng đế và giống

như Thượng đế. Trong những điều kiện như thế, phải chăng sẽ là một điều bất hợp lý, nếu chúng ta cho rằng *khi có sự thay đổi chế độ ở bên trên*, thì tất cả tăng lữ của chúng ta, thông qua những kẻ đại diện của nó, sẽ lại ca ngợi ông vua của chế độ lập hiến, cũng như hiện nay nó đang ca ngợi ông vua của chế độ chuyên chế. Như vậy, giả nhân giả nghĩa mà làm gì, sức mạnh không phải ở chế độ chuyên chế, mà là ở nhà vua. Pi-ốt I cũng là một nhà chuyên chế do Trời đưa xuống, nhưng cho đến nay tăng lữ vẫn không có thiện cảm gì lắm đối với Người. Pi-ốt III cũng là một nhà chuyên chế, đã định cạo đầu và huấn luyện tăng lữ ở nước ta, — tiếc rằng Người đã không trị vì được thêm hai ba năm nữa. Giá như Ni-cô-lai II, nhà chuyên chế hiện đang trị vì, cũng vui lòng biểu thị lòng hào hiệp đối với Lép Ni-cô-la-ê-vích Tôn-xtôi đáng kính, thì thử hỏi các vị sẽ đem mưu mô, sự khùng khiep và những lời dọa dẫm của mình giấu giếm ở đâu?

Các vị đã phí công dẫn ra bản kinh mà tăng lữ đã cầu nguyện cho thiên hoàng; đó là một mớ câu kệ, viết rất khó hiểu, và cũng chẳng thuyết phục được ai. Ở nước ta vẫn còn chế độ chuyên chế: các vị sẽ nhận được mệnh lệnh, và các vị sẽ viết ra những câu kinh khác, dài gấp ba lần trước và có ý nghĩa hơn trước rất nhiều".

* *
*

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì bài diễn văn thứ hai của thủ lĩnh giới quý tộc không gửi đăng báo. Vào hồi tháng Tám, một bạn phóng viên không quen thuộc đã gửi cho chúng tôi bản sao bài diễn văn đó và ghi chú bằng bút chì: "Diễn văn của một vị thủ lĩnh giới quý tộc huyện, đọc tại cuộc họp riêng của các thủ lĩnh, bàn về các vụ sinh viên". Chúng tôi xin đăng toàn văn dưới đây:

"Vi thời gian ngắn, tôi xin trình bày những ý kiến về cuộc họp của các thủ lĩnh giới quý tộc chúng ta, dưới hình thức các đề cương:

Do đâu mà có những vụ lộn xộn gần đây? Đại đế như sau: một là, do tình trạng hỗn loạn chung trong toàn bộ chế độ nhà nước, do tình trạng quản lý độc đoán của các liên đoàn quan lại, tức là do chế độ quan liêu độc tài.

Tình trạng hỗn loạn của chế độ độc tài quan lại của chính phủ thể hiện từ trên xuống dưới trong toàn xã hội Nga như là một cuộc bất mãn chung; biểu hiện ở bên ngoài như một thứ nghiện chính

trị chung, không phải là một thứ nghiện nhất thời, hời hợt, mà có tính chất sâu sắc, kinh niên.

Thứ nghiện chính trị này, giống như bệnh hoạn chung của toàn bộ xã hội, đã được phản ánh vào các biểu hiện, chức năng và thiết chế của xã hội, vì vậy, nó nhất định được phản ánh cả vào các trường học; ở đây quần chúng trẻ hơn, và do đó cũng nhạy bén hơn, họ cũng phải chịu đựng chế độ độc tài quan liêu nghiệt ngã ấy.

Tuy thừa nhận là gốc rễ của các vụ rối loạn trong sinh viên nằm trong toàn bộ cuộc hỗn loạn của nhà nước và trong sự khó chịu chung do cuộc hỗn loạn đó gây nên nhưng — vừa do cảm giác trực tiếp, vừa do sự cần thiết phải kìm hãm mức phát triển của các tệ hại địa phương — chúng ta không thể không lưu ý đến các vụ rối loạn đó, không thể không cố gắng, ngay dù đứng về phương diện đó đi nữa, làm giảm bớt biểu hiện tàn phá khủng khiếp của tệ nạn chung; cũng như đứng trước một cơ thể có bệnh, trong khi muốn có sự bình phục chậm chạp và cơ bản, người ta áp dụng những biện pháp mau lẹ, nhằm giải quyết những biến chứng cục bộ, cấp tính và có tính chất phá hoại của bệnh đó.

Tại các trường trung cấp và cao cấp, cái tệ chế độ quan liêu biểu hiện chủ yếu ở việc thay thế sự phát triển và giáo dục con người (thanh niên) bằng sự tập luyện có tính chất quan lại, gắn liền với việc đàn áp một cách có hệ thống đối với cá nhân con người và nhân phẩm của họ.

Tình trạng thiếu tin tưởng, bất bình, và căm ghét các nhà đương cục và các giáo viên, do tất cả mọi điều nói ở trên gây ra trong giới thanh niên, đã lan tràn từ các trường trung học đến các trường đại học tổng hợp, nơi mà, đáng buồn thay, trong hoàn cảnh hiện tại của các trường đại học tổng hợp thanh niên gặp phải cũng cái tệ nói trên, cũng sự đàn áp cá nhân con người và nhân phẩm của họ.

Tóm lại, tại các trường đại học tổng hợp, thanh niên không phải là được tiếp xúc với lâu đài khoa học, mà là tiếp xúc với cái nhà máy nhằm chế tạo lớp sinh viên đã mất nhân cách thành món hàng quan lại để cung cấp cho nhu cầu của nhà nước.

Sự đàn áp nhân cách con người đó (khi biến lớp sinh viên thành một đám người thờ ơ, dễ sai bảo), thể hiện trong việc áp bức kinh niên, có hệ thống, trong việc đàn áp nhân cách và phẩm giá con người, thậm chí nhiều khi cả trong việc dùng bạo lực thô bạo nữa, — là cơ sở của mọi cuộc hỗn loạn trong sinh viên; những cuộc hỗn loạn này đã kéo dài hàng chục năm trời và, trong khi vẫn ngày càng nghiêm trọng hơn, đe dọa sẽ kéo dài mãi trong tương lai và nó sẽ lôi cuốn theo mình nhiều lực lượng ưu tú của thanh niên Nga.

Tất cả những việc đó, chúng ta đều biết; nhưng, trong tình hình hiện nay chúng ta phải như thế nào? Chúng ta phải làm gì để

giúp đỡ thanh toán tình trạng gay gắt hiện tại, cùng với tất cả những tệ xấu của nó, tất cả những nỗi bất hạnh và đau buồn của nó? Có thể không làm gì cả, và cứ bỏ mặc tình trạng như thế không? Có thể không giúp đỡ gì lớp thanh niên của chúng ta, bỏ mặc họ cho số phận, cho bọn quan lại và cảnh sát muốn làm gì thì làm, còn ta cứ việc phủ tay và bỏ đi không? Theo ý tôi, đó là vấn đề chủ yếu, tức là vấn đề góp phần như thế nào để chữa cái biểu hiện gay gắt hiện thời của bệnh hoạn, khi chúng ta đã thừa nhận tính chất chung của nó?

Cuộc họp của chúng ta nhắc tôi nhớ đến đám người hảo tâm đã lẫn mình vào khu rừng tai-ga hoang vu với mục đích là phát quang khu rừng ấy, và họ đã phải dừng tay lại, trong nỗi niềm đầy lo âu trước khối lượng công tác quá to lớn không tài nào cáng đáng nổi, trong khi đáng lẽ họ phải tập trung vào một điểm nào đó.

Giáo sư K. T. đã giới thiệu với chúng ta hoàn cảnh một bức tranh tuyệt tác về thực trạng của trường đại học tổng hợp và giới sinh viên; giáo sư đã chỉ ra ảnh hưởng của những nhân tố có hại khác nhau từ bên ngoài tác động vào lớp sinh viên đã bị lung lay: không chỉ có những tác động chính trị, mà còn cả những tác động của cảnh sát nữa. Nhưng tất cả những điều này, ít nhiều trước đây chúng ta đã biết, mặc dù không được rõ ràng như thế.

Ông ta đã chỉ ra cho chúng ta một biện pháp được coi là biện pháp duy nhất có khả năng thực hiện được: triệt để phá huỷ toàn bộ chế độ hiện hành ở các trường học nói chung, và thay thế nó bằng một chế độ mới, tốt hơn; song, giáo sư cũng nêu lên rằng công việc đó đòi hỏi một thời gian chắc chắn là rất lâu dài; nhưng nếu chú ý rằng mọi chế độ riêng trong nhà nước Nga cũng như trong mọi nhà nước khác, đều gắn liền một cách hữu cơ với chế độ chung, thì có lẽ người ta sẽ không đoán trước được thời gian đó là bao lâu.

Bây giờ phải làm gì đây để ít nhất, cũng xoa dịu được nỗi đớn đau ê chề do bệnh hoạn hiện nay gây nên? Chạy chữa bằng phương thuốc gì đây? Há chẳng phải là dùng phương thuốc để làm cho con bệnh giảm đớn đau như vẫn thường được công nhận là cần thiết đó sao? Nhưng về vấn đề này, chúng ta chưa trả lời, thay cho câu trả lời, người ta đưa ra cho thanh niên học sinh nói chung, những ý kiến có thể nói là không dứt khoát, mơ hồ, làm cho vấn đề càng thêm tối tăm hơn, thậm chí khó mà nhớ được những ý kiến đó, tuy nhiên, tôi cũng xin cố gắng thử xem.

Người ta đã bàn về các nữ học sinh như sau: chúng ta đã tổ chức lớp học cho họ, đã đem bài vở đến giảng giải cho họ, thế mà họ đã trả ơn chúng ta như thế nào: — tham gia các cuộc rối loạn trong sinh viên!

Nếu như đó là những bó hoa, hoặc những đồ trang sức đắt tiền mà chúng ta đem tặng cho phái đẹp, thì ta còn có thể hiểu được điều chế trách ấy; nhưng việc xây dựng các lớp học cho phụ nữ đâu có phải là để làm đẹp lòng phụ nữ, mà chính là để đáp ứng một nhu cầu của xã hội; vì như vậy những lớp học phụ nữ được mở ra không phải là tùy tiện theo sở thích, mà đó là những trường cao cấp cần thiết cho xã hội cũng như các trường đại học khác cần thiết để giúp thanh niên, không phân biệt trai gái, có điều kiện phát triển học vấn lên cao; do đó, giữa các trường học nam giới và các trường học nữ giới có một sự đoàn kết nhất trí hoàn toàn, vừa có tính chất xã hội vừa có tính chất đồng chí.

Theo tôi nghĩ, sự đoàn kết nhất trí đó cũng cần thiết hoàn toàn rõ ràng vì sao phong trào sôi sục trong thanh niên đã lôi cuốn cả học viên các trường phụ nữ; thanh niên học sinh nói chung đã sôi sục, bất kể là họ mặc y phục nam giới hay nữ giới.

Về sau, người ta lại đề cập đến các vụ lộn xộn trong sinh viên và nói rằng không nên buông lỏng sinh viên, rằng cần phải dùng sức mạnh để đàn áp những sự lộn xộn trong sinh viên; tôi cho rằng người ta hoàn toàn có lý khi lên tiếng phản đối những lời nói trên vì, nếu như đó là những sự lộn xộn, thì vô luận thế nào cũng không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà có tính chất kinh niên, sinh ra bởi những nguyên nhân sâu xa; vì vậy, chỉ dùng những biện pháp trừng phạt thì không xong, kinh nghiệm trước kia đã chỉ cho chúng ta như thế. Theo ý riêng của tôi, thì hoàn toàn chưa rõ ràng: trong tất cả những vụ lộn xộn xấu xa này, đã làm náo loạn và phá hoại các trường học của chúng ta, thì hành động ngang trái chủ yếu là từ phía nào; tôi không tin những thông báo của chính phủ.

Ở ta, khi có một sự việc xảy ra, người ta không lắng nghe ý kiến của phía đối lập, và lại cũng không thể nghe được; họ đã bị khoá mồm cả rồi (tuy vậy những lời nói chân thật của tôi chưa được hoàn toàn xác nhận; trong các thông báo, chính nhà cầm quyền đã nói dối, tình trạng ngang trái, chủ yếu từ phía nhà nước, từ những hành động ngang trái của nhà nước).

Người ta cũng vạch ra tác động của những lực lượng cách mạng khác nhau, từ bên ngoài ảnh hưởng vào thanh niên học sinh.

Đúng, có sự tác động như thế; nhưng người ta đã gán cho nó một ý nghĩa quá lớn: ví dụ như tại các công xưởng — nơi biểu hiện chủ yếu của tác động nói trên — các chủ xưởng cũng đã trút tất cả trách nhiệm vào tác động này, cho rằng nếu không có nó, thì các công xưởng của họ, nhờ trời, sẽ được thái bình yên ổn, họ đã quên và lờ đi không nói gì đến mọi sự bóc lột dựa vào những việc hợp pháp và bất hợp

pháp khác đối với công nhân, đã bản cùng hoá công nhân, đã gây nên tình trạng bất mãn trong công nhân, và sau đó là tình trạng lộn xộn vô trật tự; nếu như không có sự bóc lột ấy thì những phần tử cách mạng ở bên ngoài không thể nào có nhiều cơ và lý do để dựa vào đó mà thâm nhập dễ dàng vào các công việc của công xưởng. Tôi nghĩ rằng, cũng có thể nói tất cả những điều đó về các trường học của chúng ta, những trường học hiện đã chuyển từ các lâu đài khoa học thành các công xưởng chuẩn bị vật liệu đào tạo những phần tử quan lại.

Sự nhận thức theo bản năng về ách áp bức đang đè nặng lên giới thanh niên học sinh, nổi khó chịu phiền muộn mà nó đã làm nảy sinh ra trong thanh niên học sinh ở tất cả các trường học, đó mới là nguồn gốc làm ra sức mạnh của cái nhóm nhỏ bé nhưng có ý thức, những thanh niên mà ngài giáo sư đã nói đến, cái nhóm người có khả năng cảm hoá và hướng cả hàng đám thanh niên có vẻ không ưa gì các vụ lộn xộn, đi tới bất kỳ nơi nào cũng được, đi tới các vụ bãi công và các vụ mất trật tự. — Tình hình hiện nay ở tất cả các công xưởng đúng là như thế!

Sau nữa, tôi còn nhớ là người ta đã nói rằng không nên ve vãn sinh viên; không nên tỏ cảm tình với họ trong lúc họ gây ra lộn xộn; việc tỏ cảm tình này đã thúc đẩy họ lao tới các vụ lộn xộn mới, điều này đã được người ta đem nhiều thí dụ, tức là dẫn ra các trường hợp, để minh họa. — Về vấn đề này, trước hết, tôi có nhận xét như sau: trong cái mớ bòng bong muôn hình muôn vẻ những trường hợp có thể xảy ra khi có các vụ mất trật tự, người ta không thể chỉ ra xem trong số các trường hợp đó thì trường hợp nào là xác thực, vì đối với bất kỳ trường hợp nào cũng đều có rất nhiều trường hợp khác mâu thuẫn với nó. — Cho nên chỉ có thể nói về những đặc điểm chung, và tôi xin cố gắng phân tích những đặc điểm đó một cách ngắn gọn.

Như chúng ta đều biết, sinh viên không hề bị hư hỏng; sinh viên không những không được người ta ve vãn (tôi không nói đến những năm 40) mà thậm chí còn không được xã hội đặc biệt đồng tình với họ; khi xảy ra những vụ mất trật tự của sinh viên, xã hội đã hoàn toàn thờ ơ đối với họ, thậm chí có lúc lại rất không tán thành, chỉ kết tội có một mình họ mà không biết và thậm chí không muốn biết đến các nguyên nhân đã gây ra các vụ mất trật tự đó (người ta chỉ biết tin vào các thông báo của chính phủ có tính chất thù địch với sinh viên, mà không nghi ngờ gì về tính chất chân thật của các tài liệu đó; có lẽ; đây là lần đầu tiên, xã hội đã hoài nghi tính chân thật của các thông báo). Vì vậy không thể là vấn đề một sự ve vãn sinh viên nào cả.

Không thể trông đợi vào sự ủng hộ của giới trí thức nói chung, của các giáo sư và của ban giám đốc các trường đại học tổng hợp, cuối

cùng sinh viên đã đi tìm sự đồng tình của các phần tử khác nhau trong nhân dân, và chúng ta thấy rằng cuối cùng sinh viên ít nhiều đã thành công; họ đã dần dần tranh thủ được sự đồng tình của đám đông dân chúng.

Muốn xác nhận điều này, chỉ cần nhớ lại sự khác nhau về thái độ đối xử của dân chúng đối với sinh viên, khi xảy ra vụ đàn áp khủng bố ở Ô-khốt-nưi Ri-át và hiện nay. Vấn đề này đã để lộ ra một tai họa lớn: tai họa không phải là ở sự đồng tình nói chung mà là ở tính chất phiến diện của sự đồng tình đó, ở màu sắc mị dân của nó.

Giới trí thức hoàn toàn không đồng tình với thanh niên học sinh, không ủng hộ họ và thiếu tin tưởng ở họ, — điều đó, dù muốn hay không, đã ném tầng lớp thanh niên của chúng ta vào tay bọn mị dân và bọn cách mạng; thanh niên trở thành công cụ của bọn này và trong bản thân giới thanh niên, dù muốn hay không, cũng ngày càng phát triển những phần tử mị dân, tách thanh niên ra khỏi con đường hòa bình phát triển văn hóa, ra khỏi trật tự hiện hành (nếu như vẫn còn gọi được đó là trật tự) và đẩy họ sang phe thù địch.

Nếu như thanh niên không còn tin cậy chúng ta, thì chúng ta hãy tự trách mình; chúng ta thực chưa xứng đáng với lòng tin cậy của họ!

Hình như đó là những tư tưởng chính mà các vị dự họp ở đây đã phát biểu; có lẽ không cần nhắc đến những tư tưởng khác còn lại (tuy cũng không phải là ít).

Vậy, tôi xin kết luận. Hợp mặt ở đây, chúng ta có ý muốn làm một việc gì đó để làm lắng dịu những điều tai quái hiện nay, để làm giảm nhẹ số phận nặng nề của thanh niên chúng ta, phải làm ngay ngày hôm nay, nếu không, đến một ngày nào đó sau này gặp phải thất bại, rồi tầng lớp thanh niên lại sẽ có quyền nói và họ sẽ nói rằng: hiện tại, cũng như trước kia, giới trí thức Nga yên lành và vững chãi không thể và thậm chí cũng hoàn toàn không muốn giúp đỡ họ, bênh vực họ, hiểu họ và làm giảm nhẹ số phận đắng cay của họ. Sự phân liệt giữa chúng ta và thanh niên sẽ ngày càng lớn hơn, và thanh niên cũng sẽ ngày càng đi xa hơn nữa vào hàng ngũ bọn mị dân đủ mọi loại đang chia tay ra đôn họ.

Chúng ta thất bại, không phải là vì biện pháp gửi đơn lên Nga hoàng, do chúng ta đề nghị, không được chấp nhận; biện pháp này, thực ra có lẽ không thực tế (mặc dù, theo ý tôi, nó không được xét đến); chúng ta thất bại, chính là vì chúng ta đã thủ tiêu mọi khả năng của bất kỳ một biện pháp nào có lợi cho thanh niên đau khổ của chúng ta, chúng ta đã tự thú là mình bất lực, và không khác gì trước kia, chúng ta lại vẫn nằm trong bóng tối.

Vậy thời phải làm gì đây?

Đành khoanh tay bó gối, phó mặc cho đời hay sao?

Chính bóng tối đó là tấn thảm kịch khủng khiếp và âm u của đời sống Nga vậy".

Không cần phải bình luận nhiều về bài diễn văn này, đó hiển nhiên cũng là bài của một vị quý tộc Nga, còn khá đầy đủ "lòng yêu đời"; hoặc là vì những lý do có tính chất giáo điều, hoặc là vì những lý do có tính chất vị lợi mà ông ta đã hết lời thần phục "con đường hoà bình phát triển văn hóa" của "trật tự hiện hành", và cảm phần "những người hoạt động cách mạng" — những người ông ta đánh lộn sòng với "những kẻ mị dân". Nhưng sự cảm phần này, xét cho kỹ, cũng gắn sát với sự cầu nhau cầu nhau của một ông già (không phải về tuổi tác, mà về quan điểm) có lẽ sẵn sàng thừa nhận cái tốt ngay trong cái mà ông ta cầu nhau. Khi nói đến "trật tự hiện hành", vị quý tộc không thể không rào đón nói thêm: "nếu như vẫn còn gọi được đó là trật tự". Lòng ông ta cũng khá nặng trĩu vì tình trạng hỗn loạn của "chế độ quan liêu độc tài", vì "việc huỷ hoại có hệ thống và thường xuyên tất cả những cái gì thuộc về con người và phẩm chất của con người", ông ta không thể không thấy rằng tất cả mọi hành động ngang trái đều chủ yếu là do từ phía các nhà đương cục hành chính gây ra; ông ta đã có đủ thẳng thắn để tự thú mình là bất lực và thừa nhận rằng "khoanh tay" làm ngơ trước tai họa của toàn bộ đất nước là một điều không thích đáng. Đành rằng ông ta còn lo ngại về "tính chất phiến diện" của sự đồng tình của "dân chúng" đối với sinh viên; đối với đầu óc quý phái yếu đuối của ông ta, hình như đã có nguy cơ "mị dân" thậm chí có lẽ có cả nguy cơ của chủ nghĩa xã hội nữa (chúng ta cũng trả lời sự thẳng thắn của ông ta bằng sự thẳng thắn!). Nhưng, thật là khờ dại nếu định dùng hòn đá thử vàng xã hội chủ nghĩa để thử quan điểm và tình cảm của vị thủ lĩnh giới quý tộc quá thừa cái đầu óc quan liêu bản thủ Nga. Chúng ta chẳng việc gì phải đánh lừa, kể cả ông ta, lẫn bất kỳ một

người nào khác; khi một tên địa chủ Nga, chẳng hạn, nhieć mắng la ó về sự bóc lột phi pháp và về sự bản cùng hoá công nhân *các công xưởng*, chúng ta nhất định sẽ bảo y (trong ngoặc): "lão hãy sờ lên gáy xem!". Chúng ta không phút giây nào giấu giếm hẳn ta rằng hiện nay cũng như về sau này, chúng ta bao giờ cũng đứng trên lập trường đấu tranh giai cấp không điều hoà, chống lại "bọn chủ nhân" của xã hội hiện tại. Nhưng việc tập hợp thành các nhóm phái chính trị không phải chỉ do các mục đích cuối cùng quyết định, mà còn do những mục đích trước mắt, không phải chỉ do những quan điểm chung quyết định, mà còn do áp lực của sự cần thiết trước mắt của thực tiễn. Phàm ai đã nhìn rõ sự mâu thuẫn giữa "sự phát triển văn hóa" và "chế độ độc tài quan liêu nghiệt ngã" thì sớm hay muộn, cũng đều sẽ được cuộc sống thực tế dẫn đến kết luận này: tình trạng mâu thuẫn đó không thể giải quyết nổi, nếu không xoá bỏ chế độ chuyên chế. Khi đã rút ra kết luận như vậy rồi thì họ nhất định sẽ ủng hộ — họ sẽ cầu nhau, nhưng sẽ ủng hộ — đảng phái nào biết thúc đẩy được một lực lượng đáng gờm (không phải chỉ đối với con mắt của họ, mà đối với con mắt của tất cả mọi người) chống lại chế độ chuyên chế. Muốn trở thành một đảng như thế thì đảng dân chủ - xã hội, chúng tôi xin nhắc lại, phải thanh trừ mọi thứ rác rưởi cơ hội chủ nghĩa ở trong đảng và, dưới ngọn cờ của lý luận cách mạng, phải dựa vào giai cấp cách mạng nhất mà hướng hoạt động cổ động và tổ chức của mình vào tất cả mọi giai cấp trong nhân dân!

Còn đối với các thủ lĩnh của giới quý tộc, chúng ta sẽ nói khi chia tay với họ: tạm biệt, các ngài đồng minh ngày mai của chúng tôi!

BÀI TỰA CHO CUỐN "TÀI LIỆU CỦA ĐẠI HỘI "THỐNG NHẤT"

Trong tờ "Tia lửa", số 9 (tháng Mười 1901) đã kể lại sự thất bại của ý đồ thống nhất bộ phận ngoài nước của tổ chức "Bình minh" và "Tia lửa", tổ chức cách mạng "Người dân chủ - xã hội" và "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga"¹⁾ ở nước ngoài. Để cho tất cả những người dân chủ - xã hội Nga tự mình có thể xét đoán một cách độc lập về những nguyên nhân thất bại của ý đồ thống nhất ở ngoài nước, chúng tôi đã quyết định công bố những biên bản của đại hội "thống nhất". Tiếc thay, thư ký của đại hội do "Hội liên hiệp" cử ra đã từ chối không tham dự vào việc soạn lại những biên bản đại hội (như sẽ thấy ở bức thư của đồng chí đó đáp lại lời mời của các thư ký của hai tổ chức khác, mà chúng tôi dẫn ra dưới đây, tr. 10 - 11).

Việc từ chối ấy lại càng lạ lùng, khi mà hiện nay chính bản thân "Hội liên hiệp" đã xuất bản một cuốn kể lại về đại hội "thống nhất" ("Hai đại hội", Giơ-ne-vơ, 1901). Vậy

1) Xem tập này, tr. 353 - 354.

là, "Hội liên hiệp" muốn giới thiệu kết quả của đại hội với những đồng chí ở Nga, nhưng lại *không muốn* cho họ hay biết về những cuộc tranh luận trong đại hội*. Chúng tôi xin để các độc giả tự phán đoán lấy về những nguyên nhân có thể và thực sự của thái độ đó.

Về phía chúng tôi, sau khi "Hội liên hiệp" tỏ thái độ từ chối, chúng tôi cho rằng không tiện in bản trình bày các cuộc tranh luận không do tất cả các thư ký thảo ra, và do đó chúng tôi đành chỉ công bố *tất cả* những tài liệu và tuyên bố *đã được đưa lên ban thường trực* đại hội mà thôi. Tham gia ban thường trực đại hội có những vị chủ tịch và thư ký của tất cả ba tổ chức, và tất cả các bản tuyên bố được đưa lên ban thường trực không dưới hình thức nào khác hơn là hình thức văn bản, cho nên tính chất không thiên vị của việc mô tả lại đại hội trong những tài liệu và tuyên bố là không còn có thể nghi ngờ gì được nữa.

Mặt khác, việc xuất bản *tất cả* những tài liệu và tuyên bố được đưa lên ban thường trực hiện nay lại càng cần thiết, vì "Hội liên hiệp", sau khi đã từ chối một cách lạ lùng không

* Theo quy định của đại hội, các biên bản phải được bản thân đại hội thông qua, tức là các phiên họp sau phải bắt đầu bằng việc thông qua những biên bản của phiên họp trước. Nhưng trong ngày thứ hai của đại hội, khi chủ tịch đề nghị thông qua, ngay khi mở đầu phiên họp, những biên bản hai phiên họp của ngày đầu, thì cả ba thư ký đều tuyên bố rằng họ không thể trình bày biên bản được. Các mẫu ghi chép những cuộc tranh luận, do không có người ghi tốc ký, nên ở dưới một dạng chưa hoàn hảo. Vì vậy nên rất dễ hiểu rằng, nếu trong đêm giữa ngày thứ nhất và ngày thứ hai của đại hội, những người thư ký không thể nào lập được biên bản, thì tối ngày thứ hai, khi chúng tôi rời bỏ đại hội, tất nhiên không thể nào nói đến biên bản nữa. Tất cả mọi người đều biết một cách rất rõ là biên bản chưa được chuẩn bị xong. Do đó, sự công phẫn của "Hội liên hiệp", bảo rằng chủ tịch của chúng tôi "đã đảo ngũ", không đợi thông qua các biên bản của đại hội" (tr. 29 cuốn "Hai đại hội"), chẳng qua chỉ là một

chịu tham gia soạn lại các biên bản, còn kết thúc bằng một thủ đoạn tường thuật lại đại hội một cách lạ lùng hơn nữa. Như thế, "Hội liên hiệp" *đã không dẫn ra* hết những chất vấn mà đại biểu của "Tia lửa" (Phrây), nhân danh bộ phận "Tia lửa" ở nước ngoài và tổ chức "Người dân chủ - xã hội" *đã đưa lên ban thường trực* đại hội, mà lại dẫn ra bản giải đáp chỉ do "Hội liên hiệp" "dự thảo ra" (tr. 26 của cuốn "Hai đại hội"), bản này đã không được đưa lên ban thường trực và thậm chí cũng không được đọc trước đại hội. "Hội liên hiệp" đã lầm khi bảo rằng bản "chất vấn" đã được rút lui. Bản chất vấn gồm hai câu hỏi, do Phrây nhân danh hai tổ chức đề nghị với "Hội liên hiệp" (xem tr. 6 dưới đây)¹⁾. *Không* một câu hỏi nào trong hai câu hỏi đó *bị rút lui* mà chỉ có sự thay đổi hình thức câu hỏi, thay đổi thế nào để biến được thành nghị quyết có thể đưa ra lấy biểu quyết (trước viết là "Hội liên hiệp" có thừa nhận về nguyên tắc nghị quyết của hội nghị tháng Sáu không?", sau đó viết là: "cả ba tổ chức, về nguyên tắc, đều thừa nhận nghị quyết hội nghị tháng Sáu" v. v.), ngoài ra "Hội liên hiệp" đã không dẫn những lời tuyên bố của nhóm "Đấu tranh" *đã đưa lên ban thường trực* (xem tr. 6 - 7 dưới đây).

"Hội liên hiệp" không những đã không trình bày nội dung, mà còn không nhắc* đến cả bài diễn văn của một trong những thành viên nhóm "Đấu tranh" đọc sau khi "Hội liên hiệp" đưa ra đề nghị sửa đổi nghị quyết tháng Sáu. Trong bài

lối quanh co. Vì thiếu những biên bản ghi tốc ký, nên không thể làm cách gì khác, ngoài việc ba người thư ký phải tập hợp và chỉnh lý lại dù chỉ là bản tóm tắt tiến trình các cuộc tranh luận. Chính chúng tôi đã đề nghị như vậy, nhưng "Hội liên hiệp" lại từ chối. Rõ ràng là trách nhiệm về việc thiếu những biên bản, nếu như không đầy đủ thì ít nhất cũng là tóm tắt, phải do "Hội liên hiệp" gánh lấy.

* Trang 28 cuốn "Hai đại hội".

1) Xem tập này, tr. 340.

diễn văn đó, thành viên của nhóm "Đấu tranh" là người cũng đã tham gia hội nghị tháng Sáu, đã phát biểu chống lại đề nghị sửa đổi của "Hội liên hiệp". Nhưng "Hội liên hiệp" đã cho in những "lý do" của đề nghị sửa đổi, được nêu ra trong bài diễn văn của B. Cri-tsep-xki đọc tại đại hội, nhưng không được đưa lên ban thường trực. Nói tóm lại, sau khi bác bỏ đề nghị của chúng tôi hãy cùng nhau trình bày lại tất cả những điều tranh luận, "Hội liên hiệp" chỉ muốn trình bày những cái gì mà họ cho là có lợi cho họ, và im lặng không nhắc đến cả những điều đã được đưa lên ban thường trực.

Chúng tôi không có ý định noi theo cái gương đó. Chúng tôi sẽ chỉ giới hạn trong việc in lại tất cả những tuyên bố và những tài liệu đã được đưa lên ban thường trực, và chúng tôi sẽ chỉ nêu rõ rằng các diễn giả của *tất cả* các tổ chức có mặt tại đại hội đã muốn nói gì. Bản thân các độc giả hãy tự xét xem những bài báo đăng trong số 10 tờ "Sự nghiệp công nhân" và *những sửa đổi* của "Hội liên hiệp" có vi phạm hay không cái cơ sở thoả thuận có tính chất nguyên tắc mà hội nghị tháng Sáu đã vạch ra. Và tất nhiên, chúng tôi cũng không trả lời tất cả những lời giận dữ đầy rẫy trong cuốn sách của "Hội liên hiệp" buộc tội chúng tôi là đã "vu khống", hay là đã "phá" đại hội bằng cách bỏ ra về. Lời buộc tội như thế chỉ có thể làm cho người ta mỉm cười: ba tổ chức đã họp nhau lại để thảo luận vấn đề thống nhất; hai tổ chức nhận thấy rằng họ không thể nào thống nhất với tổ chức thứ ba. Dĩ nhiên là họ không thể làm được gì hơn là trình bày ý kiến của mình rồi bỏ ra về. Chỉ có những người giận dữ chính vì họ không đúng, mới có thể cho như thế là "phá" đại hội, cho là "vu khống" cái ý kiến nói rằng "Hội liên hiệp" không vững vàng về nguyên tắc.

Còn ý kiến của chúng tôi về những vấn đề tranh luận trong đảng dân chủ - xã hội Nga, chúng tôi không muốn

lẫn lộn nó với việc trình bày một cách khách quan những tài liệu về đại hội. Ngoài những bài đã được đăng và sẽ còn được đăng trong "Tia lửa" và "Bình minh", chúng tôi đang chuẩn bị và trong một thời gian ngắn sắp đến, sẽ xuất bản một cuốn sách mỏng dành riêng để nói về những vấn đề bức thiết của phong trào chúng ta.

Viết hồi tháng Mười một 1901

In lần đầu vào tháng Chạp 1901, trong cuốn sách do "Đồng minh những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga" xuất bản ở Giơ-ne-vơ

Theo đúng bản in trong sách

KHÁNG NGHỊ CỦA NHÂN DÂN PHẦN-LAN

Chúng tôi xin dẫn toàn bộ bản thỉnh nguyện mới, có tính chất quần chúng, mà qua đó nhân dân Phần-lan tỏ rõ sự kháng nghị kiên quyết của họ chống lại chính sách của cái chính phủ đã xâm phạm và tiếp tục xâm phạm hiến pháp của Phần-lan, vi phạm *lời thề*, mà tất cả các vị Nga hoàng đã trịnh trọng tuyên thệ, kể từ A-lếch-xan-đơ I cho đến Ni-cô-lai II.

Bản thỉnh nguyện này đã được đệ trình ngày 17 (30) tháng Chín 1901 lên thượng nghị viện Phần-lan để dâng cho Nga hoàng. Nó mang 473 363 chữ ký của nam nữ Phần-lan và của tất cả các tầng lớp xã hội, nghĩa là gần *nửa triệu* công dân. Tổng số dân Phần-lan gồm 2 triệu rưỡi người, cho nên bản thỉnh nguyện mới này thực sự là *tiếng nói của toàn thể nhân dân*.

Đây là toàn văn bản thỉnh nguyện đó:

"Muôn tâu Hoàng thượng và đức Đại công tối uy nghiêm và tối nhân từ! Việc Hoàng thượng bãi bỏ đạo luật về nghĩa vụ quân sự của Phần-lan đã gây nên một sự lo lắng chung và một nỗi đau buồn khôn xiết khắp trong xứ.

Những chiếu chỉ, tuyên ngôn và đạo luật về nghĩa vụ quân sự được đức Hoàng thượng thông qua ngày 12 tháng Bảy (29 tháng Sáu) năm nay là một sự vi phạm căn bản đối với những đạo luật cơ bản của đại công quốc và những quyền hạn hết sức quý báu của nhân dân Phần-lan và của tất cả những công dân trong xứ do những đạo luật cơ bản ấy quy định.

Những luật lệ về nghĩa vụ công dân trong việc bảo vệ xứ sở, theo những đạo luật cơ bản, không thể nào được công bố theo một trật tự khác, ngoài sự thoả thuận của các quan chức hội đồng địa phương. Chính theo trật tự đó mà đạo luật về nghĩa vụ quân sự năm 1878 đã được công bố theo quyết định của Hoàng đế A-lếch-xan-đơ II và của các quan chức hội đồng địa phương. Dưới triều đại của Hoàng đế A-lếch-xan-đơ III đã có nhiều sự thay đổi có tính chất bộ phận đối với đạo luật này, nhưng mỗi lần thay đổi cũng không theo một trật tự nào khác ngoài việc thoả thuận với các quan chức hội đồng địa phương. Mặc dầu như thế, mặc dầu hiện nay chưa có sự thoả thuận của các quan chức hội đồng địa phương nhưng người ta lại tuyên bố rằng đạo luật năm 1878 đã bị bãi bỏ, hơn nữa, những pháp lệnh mới được ban hành để thay thế đạo luật đó lại hoàn toàn khác hẳn với nghị quyết của các quan chức hội đồng địa phương trong khoá họp đặc biệt của Quốc hội năm 1899.

Một trong những quyền tối quan trọng của mỗi người công dân Phần-lan là sống và hoạt động dưới sự bảo vệ của các đạo luật Phần-lan. Nay hàng ngàn và hàng ngàn công dân Phần-lan bị tước mất quyền đó, vì đạo luật mới về nghĩa vụ quân sự bắt buộc họ phải xung vào các đơn vị quân đội Nga, biến việc thực hiện nghĩa vụ quân sự thành một nỗi thống khổ đối với con em trong xứ, họ bị cưỡng bức tham gia các đạo quân xa lạ đối với họ về ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục và tập quán.

Những pháp lệnh mới bãi bỏ mọi hạn định về số tân binh hàng năm nhập ngũ do luật pháp đã quy định. Thậm chí, những pháp lệnh đó không hề nhắc đến việc thừa nhận các quan chức hội đồng địa phương có quyền tham gia quyết định ngân sách quân sự, là điều đã được các đạo luật cơ bản chỉ rõ.

Trái với điều quy định cơ bản của đạo luật năm 1878, ngay cả dân binh cũng phải hoàn toàn do Bộ chiến tranh xét duyệt.

Bản tuyên ngôn nói rằng sẽ có những sự giảm nhẹ trong thời kỳ quá độ chưa rõ là bao lâu, như thế cũng không làm dịu được cái ấn tượng do những quyết định đó gây ra, bởi vì sau việc tạm thời giảm bớt số người bị gọi tòng quân, thì lại có những loạt trưng tập không hạn chế vào các đơn vị quân đội Nga.

Nhân dân Phần-lan không yêu cầu một sự giảm nhẹ nào về gánh nặng quân sự mà hiện nay họ phải gánh. Những quan chức hội đồng địa phương, phát biểu ý kiến của nhân dân, đã chứng minh rằng về phía Phần-lan, theo khả năng của mình, đang sẵn sàng tăng thêm phần đóng góp vào việc bảo vệ quốc gia, với điều kiện là bảo tồn địa vị hợp pháp của quân đội Phần-lan với tư cách là những thiết chế các Phần-lan.

Trái lại điều đó, trong các pháp lệnh mới quy định rằng phần lớn những đơn vị quân đội Phần-lan sẽ bị bãi bỏ, các sĩ quan Nga có thể

vào công tác trong các đơn vị còn lại rất ít, rằng thậm chí các hạ sĩ quan trong các đơn vị đó cũng phải biết tiếng Nga, khiến cho những người sinh trưởng ở Phần-lan, phần lớn là xuất thân từ đẳng cấp nông dân, hoàn toàn bị gạt ra khỏi những chức vụ nói trên; rằng những đơn vị quân đội ấy thuộc quyền chỉ huy của các bộ tư lệnh Nga và ngay cả trong thời bình, những đơn vị đó cũng có thể đóng ở ngoài địa phận Phần-lan.

Những chiếu chỉ đó, — không phải là để tiến hành một cuộc cải cách nào, mà chỉ nhằm thủ tiêu những đơn vị quân đội quốc gia Phần-lan, — đã nói lên lòng ngờ vực mà nhân dân Phần-lan, trong suốt thời gian gần một trăm năm thống nhất vào nước Nga, chưa hề làm gì khiến có thể gây nên sự ngờ vực đó.

Trong những pháp lệnh mới về nghĩa vụ quân sự còn có cả những câu nói rằng nhân dân Phần-lan không có một tổ quốc riêng và những người sinh trưởng trong xứ thì không có quyền công dân Phần-lan. Trong những câu đó đã lộ rõ những mục đích không thể tương dung được với quyền không thể thiếu được của nhân dân Phần-lan là được giữ cái địa vị chính trị đã được xác nhận một cách vững chắc cho Phần-lan năm 1809, khi họ thống nhất vào nước Nga.

Những năm gần đây, trên xứ sở chúng tôi đã chồng chất một nỗi đau khổ nặng nề. Hết lần này đến lần khác, càng ngày chúng tôi càng nhận thấy rằng người ta đã không chú ý đến những đạo luật cơ bản của xứ sở chúng tôi một phần trong các biện pháp lập pháp, phần khác trong việc đưa những người quốc tịch Nga vào nắm lấy những chức vụ quan trọng thay người địa phương. Như vậy, cơ quan hành chính của xứ hình như có nhiệm vụ là làm náo động sự yên tĩnh và trật tự, ngăn cản những khát vọng hữu ích cho tất cả mọi người và gây nên sự bất hoà giữa người Nga và người Phần-lan.

Nhưng điều bất hạnh lớn nhất cho xứ sở chúng tôi là việc thi hành những pháp lệnh mới về nghĩa vụ quân sự.

Trong bản phúc đáp đệ trình lên Hoàng đế ngày 27 tháng Năm 1899, các quan chức hội đồng địa phương đã báo cáo tỉ mỉ về thủ tục mà theo những đạo luật cơ bản của Phần-lan thì cần phải được tuân thủ khi ban hành một đạo luật về nghĩa vụ quân sự. Đồng thời họ đã nói rõ rằng nếu như đạo luật mới về nghĩa vụ quân sự sẽ được ban hành theo một thủ tục khác, thì đạo luật ấy, dầu nó được thực hiện dưới sức ép của bạo lực, cũng vẫn sẽ không thể được công nhận là một đạo luật hợp pháp, và nhân dân Phần-lan chỉ xem đây là một mệnh lệnh của sức mạnh mà thôi.

Tất cả những điều mà các quan chức hội đồng địa phương đã nói rõ, đó vẫn là nhận thức của nhân dân Phần-lan về luật pháp, nhận thức mà không thể nào dùng bạo lực để thay đổi được.

Cần phải lo lắng đến những hậu quả rất nặng nề do những pháp lệnh không phù hợp với luật lệ của xứ sở gây ra. Đối với các quan chức và các cơ quan chính phủ thì họ đang mâu thuẫn day dứt với tinh thần trách nhiệm, bởi vì lương tâm thúc họ không theo những pháp lệnh đó. Số những người di cư có khả năng lao động, trước đây vì lo sẽ có những sự thay đổi đáng sợ mà đã phải di cư, thì sẽ ngày càng tăng, nếu những pháp lệnh đã tuyên bố được đem ra thi hành.

Những pháp lệnh mới về nghĩa vụ quân sự, cũng như những biện pháp khác nhằm chống lại quyền của nhân dân Phần-lan được tôn tại riêng biệt về mặt chính trị và về mặt quốc gia, nhất định sẽ phá hoại lòng tin giữa Hoàng đế và dân chúng, cũng như sẽ gây nên một sự bất bình ngày càng lớn, gây nên cái cảm giác bị áp bức chung, gây nên sự do dự và những khó khăn trở ngại lớn nhất cho xã hội và cho những thành viên của nó trong lao động nhằm đem lại phúc lợi cho xứ sở. Để ngăn ngừa điều này, quả không có cách nào khác ngoài việc xoá bỏ những chiếu chỉ kể trên và thay vào đó một đạo luật về nghĩa vụ quân sự được ban hành với sự tham gia của các quan chức hội đồng địa phương, còn chính quyền của xứ, thì nói chung phải theo đúng những lời chỉ dẫn của các đạo luật cơ bản.

Nhân dân Phần-lan không thể nào không là một dân tộc riêng biệt được. Đoàn kết do cùng chung một vận mệnh lịch sử, do những khái niệm về luật pháp và do hoạt động văn hoá, nhân dân chúng tôi vẫn sẽ yêu trung thành tổ quốc Phần-lan, yêu nền tự do hợp pháp của chúng tôi. Nhân dân sẽ không từ bỏ nguyện vọng của mình muốn giữ một cách xứng đáng địa vị nhỏ nhất của mình giữa các dân tộc, địa vị mà số mệnh đã dành cho.

Chúng tôi tin tưởng vững chắc ở quyền của chúng tôi và chúng tôi tôn trọng các luật lệ của chúng tôi, dùng làm chỗ dựa cho chúng tôi trong đời sống xã hội, do đó chúng tôi cũng tin tưởng vững chắc rằng không thể có hại gì cho sự thống nhất của nước Nga hùng cường, nếu từ nay về sau Phần-lan vẫn được cai quản phù hợp với những điều luật cơ bản được quy định năm 1809, để cho họ cảm thấy hạnh phúc và yên tâm trong việc thống nhất của họ với nước Nga.

Tinh thần trách nhiệm trước tổ quốc bắt buộc những người thuộc tất cả các cộng đồng và các giai tầng xã hội kính dâng lên Hoàng thượng bản trình bày chân thật và không tô vẽ tình hình sự việc. Ở trên chúng tôi đã nói rằng, những pháp lệnh về nghĩa vụ quân sự được ban hành cách đây không lâu, ngược với những đạo luật cơ bản đã được đức Đại công xác nhận một cách trọng thể, không thể nào được coi là hợp pháp. Chúng tôi thấy có nhiệm vụ nói thêm rằng đối với nhân dân Phần-lan thì bản thân gánh nặng quân sự không có ý nghĩa

giống như việc mất những quy định vững chắc về mặt pháp lý, và sự yên tâm, do luật pháp đảm bảo, đối với vấn đề rất quan trọng đó. Vì vậy, cúi xin Hoàng thượng xét cho những vấn đề nêu ra trong bức đệ trình này, vì tính chất của những vấn đề đó rất nghiêm trọng. Cẩn tấu v. v."

Bản thỉnh nguyện này chính là một lời thẩm phán thực sự của nhân dân đối với bấy quan lại Nga đã vi phạm những luật lệ cơ bản, nên chúng ta không cần nói thêm gì nhiều.

Xin nhắc lại những tài liệu chủ yếu về "vấn đề Phần-lan".

Phần-lan thống nhất vào nước Nga năm 1809, trong thời gian chiến tranh chống Thụy-điển. Muốn kéo những người Phần-lan là những thần dân cũ của vua Thụy-điển về phía mình, A-lếch-xan-đrơ I đã quyết định công nhận và phê chuẩn hiến pháp cũ của Phần-lan. Theo hiến pháp đó, *nếu không được sự thoả thuận của Quốc hội, tức là của hội nghị các đại biểu của tất cả các đảng cấp*, thì không thể ban hành, thay đổi, giải thích hay bãi bỏ bất cứ một đạo luật cơ bản nào. Và A-lếch-xan-đrơ I trong mấy bản tuyên ngôn đã "trọng thể" xác nhận "*hứa sẽ kính cẩn bảo tồn hiến pháp riêng của xứ*".

Lời hứa có tính chất tuyên thệ đó về sau đã được tất cả các vị hoàng đế Nga xác nhận, trong số đó có cả Ni-cô-lai II trong bản tuyên ngôn ngày 25 tháng Mười (6 tháng Mười một) 1894: "...hứa sẽ bảo đảm cho chúng (những đạo luật cơ bản) duy trì được hiệu lực bất khả xâm phạm và bất di bất dịch của chúng".

Thế mà giờ đây, chưa đầy năm năm, Nga hoàng đã *phản lại lời thề*. Sau khi báo chí viết thuê và tôi đòi đã phỉ báng Phần-lan trong một thời gian dài, thì bản "tuyên ngôn" ngày mồng 3 (15) tháng Hai 1899 ra đời, quy định một trật tự mới: không có sự thoả thuận của Quốc hội cũng có thể ban hành các đạo luật, "nếu như chúng có quan hệ đến những yêu cầu của toàn quốc hoặc có quan hệ tới pháp chế của đế quốc".

Đây là một sự vi phạm trắng trợn đối với hiến pháp, là một cuộc *đảo chính* thực sự, bởi vì bất cứ một đạo luật nào người ta cũng có thể nói là nó có quan hệ đến những yêu cầu của toàn quốc!

Và cuộc đảo chính đó được thực hiện bằng *bạo lực*: viên tổng đốc Bô-bri-cốp đã đe dọa đưa quân đội vào Phần-lan, nếu thượng nghị viện từ chối không công bố bản tuyên ngôn. Những đơn vị quân đội Nga đóng ở Phần-lan đã được phân phát (theo lời của chính những sĩ quan người Nga) đạn thật; ngựa được đóng yên sẵn, v. v..

Theo sau hành động bạo lực đầu tiên đó, có cả một loạt vô số hành động bạo lực khác: người ta lần lượt cấm báo chí Phần-lan, xoá bỏ quyền tự do hội họp, đưa vào Phần-lan hàng mây mật thám Nga và những tên khiêu khích đê tiện kích thích bạo động v. v., v. v.. Cuối cùng mặc dù *không được sự thoả thuận của Quốc hội*, đạo luật ngày 29 tháng Sáu (12 tháng Bảy) về nghĩa vụ quân sự, đạo luật đã được phân tích khá đầy đủ trong bản thỉnh nguyện, vẫn được ban hành.

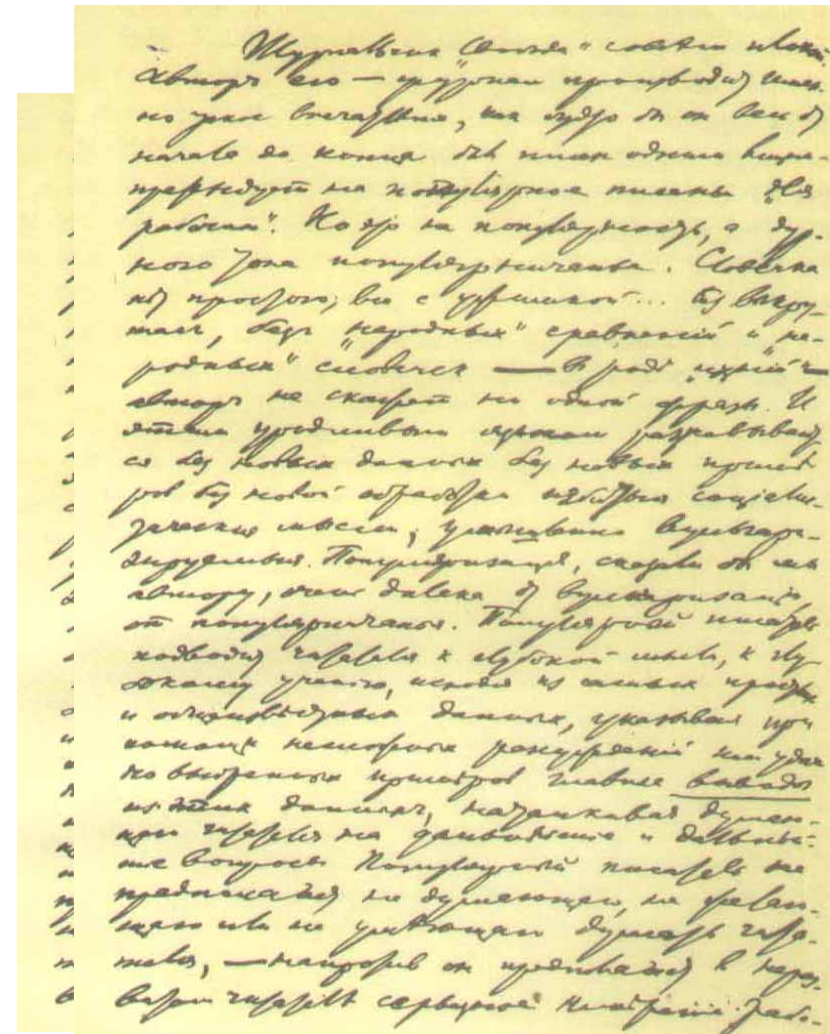
Cả bản tuyên ngôn ngày mồng 3 tháng Hai 1899 lẫn đạo luật ngày 29 tháng Sáu 1901 đều là *bất hợp pháp*, đây là bạo lực của kẻ phản bội lời thề và bày kẻ cướp, mang danh là chính phủ Nga hoàng. Hai triệu rưỡi dân Phần-lan tất nhiên chẳng có gì để nghĩ đến bạo động, nhưng đối với tất cả chúng ta, những người công dân Nga, chúng ta cần nghĩ đến nỗi nhục đổ lên đầu chúng ta. Chúng ta vẫn còn là những kẻ nô lệ đến mức mà người ta dùng chúng ta để biến những bộ lạc khác thành nô lệ. Chúng ta vẫn còn chịu đựng ở ta một chính phủ không những đàn áp, với sự tàn bạo của một tên đao phủ, tất cả mọi khát vọng tự do ở Nga, mà ngoài ra còn dùng quân đội Nga để xâm phạm, bằng bạo lực, tự do của người khác!

"Tia lửa" số 11, ngày 20
tháng Mười một 1901

Theo đúng bản in
trên báo "Tia lửa"

VỀ TẠP CHÍ "TỰ DO"

Tờ tạp chí nhỏ "Tự do"¹⁴² rất là dở. Tác giả của nó — tờ tạp chí đúng là làm cho người ta có cảm giác rằng hình như từ đầu đến cuối nó do một người viết — tự cho rằng như thế là viết phổ cập "cho công nhân". Nhưng đây không phải là phổ cập, mà là một thứ phổ cập lạc điệu. Không có một chữ nhỏ nào giản dị, tất cả đều là uốn éo... Tác giả không viết một câu nào mà lại không có những hoa hòe tô điểm, không có những lối so sánh "dân gian" và những cách nói "dân gian" — loại như "của họ". Và với lối văn quá gở đó, người ta đã nhai lại những tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũ kỹ và cố ý tầm thường hoá nó, mà không có những tài liệu mới, không có những thí dụ mới, không biên soạn lại. Chúng tôi muốn nói với tác giả rằng: phổ cập hoá rất khác với tầm thường hoá, với lối làm ra vẻ phổ cập. Nhà văn phổ cập dẫn người đọc đến những tư tưởng sâu sắc, đến học thuyết sâu xa, xuất phát từ những tài liệu đơn giản nhất, phổ biến nhất, nhờ vài suy luận giản đơn hay những ví dụ được lựa chọn một cách thích đáng mà chỉ rõ những *kết luận* rút ra từ những tài liệu đó, dẫn dắt người đọc đang suy nghĩ đi đến những vấn đề sâu hơn và sâu hơn nữa. Nhà văn phổ cập không giả định một độc giả không suy nghĩ, không muốn hay không biết suy nghĩ, — trái lại, nhà văn đó giả định trong người đọc kém phát triển, một ý định nghiêm túc muốn bắt đầu óc mình suy



Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin "Về tạp chí "Tự do"". — 1901

Thu nhỏ

nghĩ, và *giúp* người đọc làm cái công việc quan trọng và khó khăn ấy, *hướng dẫn* người đọc bằng cách giúp người đọc bước những bước đầu, và *dạy* cho người đọc tiếp tục đi lên một mình. Nhà văn tầm thường giả định một người đọc không suy nghĩ và không có khả năng suy nghĩ, nhà văn đó không gợi cho người đọc những nguyên lý cơ bản của một khoa học thật sự; trái lại, dưới một hình thức giản đơn hoá quái gở, đượm những câu khôi hài và lối bịch, nhà văn đó hiến cho người đọc *tất cả* những kết luận "có sẵn" của một học thuyết nào đấy, đến nỗi người đọc thậm chí cũng không cần phải nhai, mà chỉ việc nuốt món cháo ấy thôi.

Viết mùa thu năm 1901

In lần đầu vào năm 1936

trên tạp chí "Bôn-sê-vích", số 2

Theo đúng bản thảo

MẠN ĐÀM VỚI NHỮNG NGƯỜI BẢO VỆ CHỦ NGHĨA KINH TẾ

Chúng tôi xin dẫn toàn bộ bức thư do một trong những đại biểu của chúng ta gửi đến:

"Thư gửi các cơ quan ngôn luận của đảng dân chủ - xã hội Nga.

Đáp lại đề nghị của các đồng chí cùng bị đày với chúng tôi muốn phát biểu ý kiến về tờ báo "Tia lửa", chúng tôi quyết định nói rõ nguyên nhân sự bất đồng ý kiến của chúng tôi với tờ báo đó.

Chúng tôi thừa nhận rằng việc xuất bản một cơ quan ngôn luận riêng của đảng dân chủ - xã hội chuyên bàn về những vấn đề đấu tranh chính trị là một việc rất hợp thời, nhưng chúng tôi không nghĩ rằng tờ "Tia lửa" gánh một nhiệm vụ như thế thì đã giải quyết được nhiệm vụ đó một cách thoả đáng. Khuyết điểm chủ yếu quán triệt trong suốt tất cả các cột báo, và là nguyên nhân gây ra tất cả những khuyết điểm lớn và nhỏ khác của nó, là ở chỗ tờ "Tia lửa" dành một địa vị rất lớn cho những nhà tư tưởng của phong trào, với ý nghĩa là chịu để cho họ có thể ảnh hưởng đến khuynh hướng này hay khuynh hướng khác của phong trào. Đồng thời tờ "Tia lửa" ít chú ý đến những yếu tố vật chất của phong trào và môi trường vật chất mà sự tác động qua lại sẽ tạo nên một loại hình nhất định của phong trào công nhân và quyết định con đường của phong trào đó, và tất cả mọi cố gắng của các nhà tư tưởng cũng không thể nào làm cho phong trào đó đi chệch khỏi con đường đó được, dầu cho họ được những lý thuyết và những cương lĩnh tốt đẹp nhất cổ vũ cũng vậy.

Khuyết điểm ấy của tờ "Tia lửa" sẽ đặc biệt nổi bật lên nếu ta đem so sánh với tờ "Công nhân miền Nam"¹⁴³, tờ này cũng như tờ "Tia lửa", trong khi giương cao ngọn cờ đấu tranh chính trị, đã đặt cuộc đấu tranh chính trị gắn liền với giai đoạn trước đây của phong trào công nhân miền Nam nước Nga. Cách đặt vấn đề như thế là hoàn

toàn xa lạ đối với tờ "Tia lửa". Khi đặt cho mình cái mục đích tạo ra "một đám cháy to từ tia lửa", nó quên rằng, muốn thế phải có một nhiên liệu thích hợp và những điều kiện bên ngoài thuận lợi. Giờ cả hai tay xua đuổi những người "kinh tế chủ nghĩa" đi, tờ "Tia lửa" không thấy rằng hoạt động của những người này đã chuẩn bị cho công nhân tham gia vào những sự kiện tháng Hai và tháng Ba, sự tham gia mà tờ "Tia lửa" đã đặc biệt cố gắng nhấn mạnh và rõ ràng là đã khuếch đại một cách quá đáng. Có thái độ phủ định đối với hoạt động của những người dân chủ - xã hội cuối những năm 90, tờ "Tia lửa" không thấy được rằng bấy giờ không có điều kiện cho một công tác khác, ngoài đấu tranh cho những yêu sách nhỏ nhất, và không thấy được cái ý nghĩa giáo dục to lớn của cuộc đấu tranh đó. Đánh giá thời kỳ đó và khuynh hướng hoạt động đó của những người dân chủ - xã hội Nga một cách hoàn toàn sai và phi lịch sử, tờ "Tia lửa" xem sách lược của họ giống như sách lược của Du-ba-tốp, không thấy được sự khác nhau giữa "cuộc đấu tranh cho những yêu sách nhỏ nhất" — nó làm cho phong trào công nhân mở rộng ra và đi vào chiều sâu — và những "nhượng bộ nhỏ" nhằm mục đích làm tê liệt mọi cuộc đấu tranh và mọi phong trào.

Thậm chí cái cố chấp bè phái, rất đặc trưng đối với những nhà tư tưởng trong thời kỳ ấu trĩ của những phong trào xã hội, tờ "Tia lửa" sẵn sàng gán cho mọi ý kiến bất đồng với mình là không những thoát ly những nguyên tắc dân chủ - xã hội, mà thậm chí còn là chạy sang phía địch nữa. Cái hành vi đả kích của tờ "Tia lửa", hết sức không lịch sự và đáng lên án một cách hết sức nghiêm khắc và không thương xót, đối với tờ "Tư tưởng công nhân" là như thế đấy: nó đã dành riêng một bài nói về Du-ba-tốp để đả kích tờ báo này và cho rằng ảnh hưởng của tờ báo này là do thành tựu của Du-ba-tốp trong một số công nhân mà ra. Có thái độ phủ nhận đối với những tổ chức dân chủ - xã hội khác, có một cách nhìn khác với mình về tiến trình và nhiệm vụ của phong trào công nhân Nga, nên trong cơn hăng máu bút chiến với họ, tờ "Tia lửa" đôi khi quên mất chân lý, và bám vào những câu nói cá biệt, thật sự không đạt lắm, để gán cho đối phương của mình những quan điểm không phải của họ, nhấn mạnh những điểm bất đồng ý kiến, thường không cơ bản lắm, và ngoan cố im hơi lặng tiếng về rất nhiều điểm giống nhau về quan điểm: chúng tôi muốn nói thái độ của tờ "Tia lửa" đối với tờ "Sự nghiệp công nhân".

Sở dĩ tờ "Tia lửa" quá thiên về bút chiến, trước hết là do nó đánh giá quá cao vai trò của "hệ tư tưởng" (của các cương lĩnh, học thuyết...) trong phong trào, và phần nào nữa thì đó cũng là tiếng vang của cuộc đấu tranh ruột thịt nổ ra ở phương Tây giữa những người Nga lưu vong, mà họ vội vã muốn kể lại cho thế giới biết trong một

số sách và bài báo có tính chất bút chiến. Theo quan điểm của chúng tôi, tất cả những sự bất đồng ý kiến đó hầu như không có một ảnh hưởng gì đối với tiến trình thực tế của phong trào dân chủ - xã hội Nga; những sự bất đồng ý kiến chỉ làm hại phong trào, mang lại sự chia rẽ không nên có giữa những đồng chí hoạt động ở Nga, vì vậy chúng tôi không thể không chê trách cái huyết khí bút chiến của tờ "Tia lửa", nhất là khi nó vượt ra khỏi phạm vi mà lễ nghi cho phép.

Cũng cái khuyết điểm cơ bản đó của tờ "Tia lửa" là nguyên nhân của sự không triệt để của nó trong vấn đề quan hệ của đảng dân chủ - xã hội đối với các giai cấp xã hội khác và các khuynh hướng khác. Sau khi đã giải quyết bằng những tính toán có tính chất lý thuyết, nhiệm vụ chuyển ngay qua cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế và có lẽ vì cảm thấy tất cả cái khó khăn của nhiệm vụ ấy đối với công nhân trong tình hình hiện nay, nhưng lại không kiên nhẫn chờ đợi họ tích lũy lực lượng hơn nữa cho cuộc đấu tranh đó, tờ "Tia lửa" bắt đầu tìm đồng minh trong hàng ngũ những người tự do chủ nghĩa và trí thức, và trong khi tìm tòi đó, nó thường thoát ly quan điểm giai cấp, xoá nhoà những mâu thuẫn giai cấp, và nêu lên hàng đầu sự bất bình chung đối với chính phủ, mặc dầu nguyên nhân và mức độ bất bình đó rất khác nhau trong những người "đồng minh". Ví dụ, thái độ của tờ "Tia lửa" đối với hội đồng địa phương là như vậy. Những vụ đả kích của hội đồng địa phương, mà nguyên nhân thường là do chính phủ bảo vệ không đầy đủ, như họ đã bảo vệ trong công nghiệp, đối với những thêm muốn ruộng đất của các ngài trong hội đồng địa phương, tờ "Tia lửa" cố thổi thành ngọn lửa đấu tranh chính trị và hứa hẹn với bọn quý tộc không hài lòng trước những bố thí của chính phủ rằng giai cấp công nhân sẽ giúp đỡ họ, mà không hề nói một câu nào về sự bất hoà giai cấp giữa các tầng lớp dân chúng đó. Chúng tôi cho rằng có thể nói đến sự thức tỉnh của các hội đồng địa phương, và coi họ là những thành phần đang đấu tranh chống lại chính phủ, nhưng phải nói dưới một hình thức rõ ràng, rành mạch, để không để lại một nghi vấn gì về tính chất của sự thoả hiệp có thể có giữa chúng ta với những thành phần phân ấy. Nhưng tờ "Tia lửa" lại đặt vấn đề thái độ đối với hội đồng địa phương một cách mà chúng tôi cho là chỉ có thể làm lu mờ ý thức giai cấp, vì ở đây, nó cũng không hơn gì những người tuyên truyền chủ nghĩa tự do và những sự nghiệp văn hóa khác, nó đối lập lại với nhiệm vụ cơ bản của sách báo dân chủ - xã hội, tức nhiệm vụ phê phán chế độ tư bản chủ nghĩa và giải thích quyền lợi giai cấp chứ không phải xoá nhoà tính chất đối kháng của những quyền lợi đó. Thái độ của tờ "Tia lửa" đối với phong trào sinh viên cũng như vậy. Thế nhưng trong những bài khác thì tờ "Tia lửa" lại lên án một cách gay gắt mọi sự

"thoả hiệp" và lên tiếng bênh vực cái hành vi không chịu được của phái Ghe-đơ chẳng hạn.

Chúng tôi không bàn đến những khuyết điểm và sai lầm khác ít quan trọng hơn của tờ "Tia lửa", và để kết thúc, chúng tôi thấy có trách nhiệm nói rõ là với sự phê phán của mình, chúng tôi không hề muốn làm giảm ý nghĩa mà tờ "Tia lửa" có thể có, và cũng không nhắm mắt trước những ưu điểm của nó. Chúng tôi hoan nghênh nó với tư cách là một tờ báo chính trị dân chủ - xã hội ở Nga. Chúng tôi cho rằng nó có công lớn trong việc giải thích một cách rất đạt vấn đề khủng bố, nó đã viết mấy bài về vấn đề ấy rất đúng lúc. Cuối cùng, chúng tôi không thể không nêu lên rằng trong những xuất bản phẩm bất hợp pháp mà có được lối văn kiểu mẫu, xuất bản đều đặn và có nhiều tài liệu mới mẻ và rất hay như của tờ "Tia lửa" thì thật là hiếm.

Tháng Chín 1901

Những đồng chí!

Về bức thư này, trước hết chúng ta nói rằng chúng ta hết lòng hoan nghênh sự thẳng thắn và cởi mở của những tác giả bức thư ấy. Từ lâu rồi, đã đến lúc thôi không nên chơi cái trò úp mở, giấu giếm cái "credo"¹⁾ "kinh tế" của mình (như một bộ phận của Uỷ ban ở Ô-đét-xa đã làm, bộ phận mà từ đó các "nhà chính trị" đã tách ra) hoặc tuyên bố một cách như đùa bỡn với chân lý rằng hiện nay "tuyệt đối không có một tổ chức dân chủ - xã hội nào phạm vào "chủ nghĩa kinh tế" cả" (tập "Hai đại hội" do "Sự nghiệp công nhân" xuất bản, tr. 32). — Bây giờ xin đi vào việc

Sai lầm chủ yếu của các tác giả bức thư này hoàn toàn giống như sai lầm của tờ "Sự nghiệp công nhân" (xem đặc biệt là tờ số 10). Họ nhầm lẫn trong vấn đề mối quan hệ qua lại giữa những yếu tố "vật chất" (tự phát, theo thuật ngữ của "Sự nghiệp công nhân") của phong trào với những yếu tố tư tưởng (tự giác, hoạt động "theo kế hoạch"). Họ không hiểu rằng, "nhà tư tưởng" chỉ xứng đáng với danh hiệu nhà tư tưởng khi nào họ đi *trước* phong trào tự phát, chỉ đường cho nó, khi nào họ biết giải quyết, trước những

1) — tín điều, cương lĩnh, bản trình bày thế giới quan.

người khác, tất cả các vấn đề lý luận, chính trị, sách lược và các vấn đề về tổ chức mà "những yếu tố vật chất" của phong trào húc phải một cách tự phát. Muốn thực sự "chú ý đến những yếu tố vật chất của phong trào", phải có thái độ phê phán đối với nó, phải biết chỉ rõ sự nguy hiểm và những thiếu sót của phong trào tự phát, phải biết *nâng* tính tự phát lên đến tính tự giác. Bảo rằng các nhà tư tưởng (tức là những người lãnh đạo tự giác) không thể làm cho phong trào đi chệch ra khỏi con đường đã được quy định bởi sự tác động qua lại của môi trường và các yếu tố, — tức là đã quên cái chân lý giản đơn là tính tự giác *tham dự* vào sự tác động qua lại và sự quy định ấy. Những liên đoàn công nhân công giáo và bảo hoàng ở châu Âu — đây cũng là kết quả tất nhiên của sự tác động qua lại của môi trường và các yếu tố, song tham dự vào sự tác động qua lại đó thì chỉ có tính tự giác của các cố đạo và những tên Du-ba-tốp, chứ không phải tính tự giác của những người xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm lý luận của các tác giả bức thư (cũng như của tờ "Sự nghiệp công nhân") không phải là chủ nghĩa Mác, mà chỉ là nhại theo chủ nghĩa Mác; các nhà "phê bình" của chúng ta và bọn Béc-stanh đã say mê nhại theo chủ nghĩa Mác, không hiểu làm thế nào gắn liền được sự tiến hoá tự phát với hoạt động cách mạng tự giác.

Trong giai đoạn chúng ta đang sống, sự nhầm lẫn sâu sắc ấy về lý luận nhất định sẽ dẫn đến sai lầm hết sức lớn về sách lược, chính sai lầm này đã gây nên và đang gây nên những thiệt hại không lường được cho phong trào dân chủ - xã hội Nga. Vấn đề là ở chỗ cao trào tự phát của cả quần chúng công nhân lẫn (nhờ ảnh hưởng của nó) các tầng lớp xã hội khác, đã diễn ra với một tốc độ nhanh lạ lùng trong những năm gần đây. "Những yếu tố vật chất" của phong trào đã lớn lên rất nhiều, ngay cả như nếu ta đem so sánh với năm 1898, nhưng *những nhà lãnh đạo tự giác* (những người dân chủ - xã hội) *thì lại lạc hậu đối*

với sự phát triển đó. Đây là nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng mà phong trào dân chủ - xã hội Nga đang trải qua. Phong trào quần chúng (tự phát) đang thiếu những "nhà tư tưởng" được chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận để có thể tránh được mọi sự dao động; thiếu những nhà lãnh đạo có được một tầm mắt chính trị bao quát, một nghị lực cách mạng, một tài ba tổ chức để có thể sáng lập một chính đảng chiến đấu trên cơ sở một phong trào mới.

Nhưng tất cả những cái đó chưa phải đã là một tai họa lớn lắm. Cả tri thức lý luận lẫn kinh nghiệm chính trị và tài tổ chức, — tất cả đều là những điều có thể có được. Chỉ cần có ý thích học hỏi và rèn luyện cho mình có những phẩm chất cần thiết. Nhưng từ cuối năm 1897, và đặc biệt từ mùa thu 1898, trong phong trào dân chủ - xã hội Nga, đã có những người và những cơ quan tỏ ra kiêu căng, họ không những nhắm mắt trước cái thiếu sót ấy, mà còn tuyên bố rằng đó là một đức hạnh đặc biệt, họ nâng sự khuất phục và cúi đầu trước tính tự phát lên thành một lý thuyết, họ bắt đầu tuyên truyền rằng những người dân chủ - xã hội không nên đi lên hàng đầu, mà phải lèo đèo đi *theo đuôi* phong trào. (Trong số các cơ quan đó, không những có tờ "Tư tưởng công nhân", mà còn có cả tờ "Sự nghiệp công nhân" nữa, tờ này đã bắt đầu bằng cái "thuyết giai đoạn" và đã kết thúc bằng sự bảo vệ về nguyên tắc chủ nghĩa tự phát, "tính hoàn toàn hợp lý của phong trào hiện nay", "sách lược - quá trình", v. v.).

Đây đã là một tai họa thật sự rồi. Như thế là đã hình thành *một khuynh hướng đặc thù*, mà người ta thường gọi là "chủ nghĩa kinh tế" (theo nghĩa rộng của chữ này) và nét cơ bản của chủ nghĩa này là không hiểu và thậm chí còn *bệnh vực sự lạc hậu*, tức là, như chúng tôi đã giải thích, sự lạc hậu của những người lãnh đạo tự giác so với cao trào tự phát của quần chúng. Khuynh hướng ấy có những đặc điểm: về mặt nguyên tắc — nó tầm thường hoá chủ nghĩa

Mác và tỏ ra bất lực trước "sự phê phán" hiện thời, một biến dạng mới mẻ nhất của chủ nghĩa cơ hội; về mặt chính trị — đó là khuynh hướng muốn thu hẹp hoặc biến việc cố động chính trị và đấu tranh chính trị thành một điều nhỏ nhặt, không hiểu rằng nếu không nắm lấy phong trào dân chủ chung vào trong tay *mình*, thì đảng dân chủ - xã hội sẽ không thể lật đổ được nền quân chủ chuyên chế; về mặt sách lược — đó là một sự không kiên định hoàn toàn (từ "Sự nghiệp công nhân" trong mùa xuân đã tỏ ra rất bỡ ngỡ trước vấn đề "mới mẻ" là vấn đề khủng bố, và chỉ nửa năm sau, sau một chuỗi do dự, mới đưa ra được một nghị quyết rất lấp lửng chống lại nó, và bao giờ cũng lèo đèo đi theo đuôi phong trào); về mặt tổ chức — nó không hiểu rằng tính chất quần chúng của phong trào không những không giảm bớt, mà trái lại, còn tăng thêm trách nhiệm của chúng ta trong việc thành lập một tổ chức vững mạnh và tập trung của những người cách mạng, một tổ chức có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh có chuẩn bị, cũng như lãnh đạo mọi cuộc bùng nổ bất ngờ, và sau rốt, là lãnh đạo cuộc tấn công quyết liệt cuối cùng.

Chúng ta đã đấu tranh và sẽ đấu tranh không điều hoà chống lại khuynh hướng đó. Rõ ràng chính bản thân những tác giả của bức thư đều thuộc về khuynh hướng ấy. Họ chỉ ra cho chúng ta rằng cuộc đấu tranh kinh tế đã chuẩn bị cho công nhân tham gia các cuộc biểu tình. Vâng, chính chúng tôi, trước hơn ai hết và sâu hơn ai hết, đã đánh giá sự chuẩn bị đó ngay từ tháng Chạp 1900 (số 1), khi chúng tôi chống lại thuyết giai đoạn¹⁾, khi trong tháng Hai (số 2), ngay sau vụ bắt sinh viên đi lính và ngay trước khi các cuộc biểu tình bắt đầu, chúng tôi đã kêu gọi công nhân giúp đỡ sinh viên²⁾. Những sự kiện tháng Hai và tháng Ba đã không

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 468 - 475.

2) Như trên, tr. 493 - 500.

"bác bỏ sự sợ sệt và lo lắng" của tờ "Tia lửa" (như Mác-tư-nốp — "Sự nghiệp công nhân" số 10, tr. 53 — đang nghĩ, vì thế mà đã tỏ ra không hiểu biết một tí gì về sự việc), mà trái lại, đã hoàn toàn xác nhận điều đó, bởi vì những người lãnh đạo đã tỏ ra *đi sau* cao trào tự phát của quần chúng, đã tỏ ra không được chuẩn bị để làm tròn nhiệm vụ của họ, nhiệm vụ của những người lãnh đạo. Sự chuẩn bị ấy hiện nay còn rất chưa hoàn hảo, bởi vậy mọi luận điệu "đánh giá quá cao vai trò của hệ tư tưởng" hoặc vai trò của yếu tố tự giác so với yếu tố tự phát v. v. tiếp tục có một ảnh hưởng thực tiễn tai hại nhất đối với đảng chúng ta.

Những luận điệu bảo rằng cần phải, vì cái có vẻ là quan điểm giai cấp, ít nhấn mạnh hơn về sự bất mãn chung của các tầng lớp dân cư khác nhau đối với chính phủ, cũng có một ảnh hưởng tai hại như thế. Trái lại, chúng ta tự hào rằng tờ "Tia lửa" đã đánh thức sự bất bình chính trị trong *tất cả* các tầng lớp dân cư, và chúng ta chỉ tiếc rằng chúng ta không thể làm việc đó trên một quy mô rộng lớn hơn nữa. Bảo rằng chúng ta vì thế mà xoá nhoà quan điểm giai cấp là không đúng: các tác giả bức thư đã không thể và cũng sẽ không thể đưa ra được một thí dụ cụ thể nào về việc xoá nhoà nói trên. Nhưng, với tư cách là một chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho nền dân chủ, đảng dân chủ - xã hội phải — trái với ý kiến của tờ "Sự nghiệp công nhân" số 10, tr. 41 — lãnh đạo sự hoạt động tích cực của mọi tầng lớp đối lập khác nhau, giải thích cho họ rõ ý nghĩa chính trị của những cuộc xung đột có tính chất cá nhân và nghề nghiệp của họ chống lại chính phủ, lôi kéo họ ủng hộ đảng cách mạng, phải đào tạo trong hàng ngũ mình những người lãnh tụ biết ảnh hưởng, về mặt chính trị, đến tất cả và bất cứ tầng lớp đối lập nào. Mọi sự từ chối không đảm nhiệm vai trò ấy, dù nấp dưới bất cứ những câu rất hoa mỹ nào nói về sự liên hệ chặt chẽ, hữu cơ, với cuộc đấu

tranh của giai cấp vô sản, v. v. đi nữa, cũng đều có nghĩa là lại "bảo vệ sự lạc hậu" của những người dân chủ - xã hội, lạc hậu so với cao trào dân chủ có tính chất toàn dân, cũng đều xem như là giao phó vai trò lãnh đạo vào tay phái dân chủ tư sản. Các tác giả bức thư hãy suy nghĩ kỹ về vấn đề tại sao những sự kiện mùa xuân lại gây nên một phong trào sôi nổi như thế của các xu hướng cách mạng *không phải* là xu hướng dân chủ - xã hội, chứ không tăng cường ảnh hưởng và uy tín của đảng dân chủ - xã hội.

Chúng ta cũng không thể nào không chống lại cái bệnh cạnh thị lạ lùng mà các tác giả bức thư đã để lộ ra trong vấn đề về cuộc luận chiến và đấu tranh ruột thịt giữa những người lưu vong. Họ lấp lại những luận điệu vô vị đã cũ rích về "cái bất lịch sự" trong việc viết bài về Du-ba-tốp để đả kích tờ "Tư tưởng công nhân". Phải chăng họ muốn phủ nhận sự thật là việc phổ biến "chủ nghĩa kinh tế" đã làm cho nhiệm vụ của các ngài Du-ba-tốp được dễ dàng hơn? Chính chúng tôi muốn nói điều đó, nhưng như thế hoàn toàn không có nghĩa rằng chúng tôi đã "san bằng" sách lược của "những người kinh tế chủ nghĩa" với sách lược của Du-ba-tốp. Còn đối với "những người lưu vong" (nếu như các tác giả bức thư đã không lơ là một cách không thể tha thứ được đối với tính chất thừa kế của tư tưởng trong phong trào dân chủ - xã hội Nga thì chắc họ đã rõ rằng những điều mà "những người lưu vong", cụ thể là nhóm "Giải phóng lao động", đã nói phòng ngừa trước về "chủ nghĩa kinh tế", đã được chứng minh một cách hết sức rạch ròi!), thì đây, xin các bạn hãy lắng nghe Lát-xan, năm 1852, trong khi hoạt động trong công nhân vùng sông Rê-na-ni đã nhận xét về những cuộc tranh luận của những người lưu vong ở Luân-đôn như thế nào:

"Chưa chắc, — ông viết cho Mác, — cảnh sát đã gây khó khăn cho việc xuất bản những tác phẩm của anh chống những "vĩ nhân", Kin-ken, Ru-ghê, v. v.. ...Tôi cho rằng chính phủ

sẽ vui sướng nữa là đằng khác, khi thấy xuất hiện những tác phẩm như thế, vì họ nghĩ rằng "những người cách mạng sẽ cấu xé lẫn nhau". Đấu tranh trong đảng sẽ đem lại cho đảng sức mạnh và sức sống, bằng chứng vĩ đại của sự yếu đuối của đảng là sự mơ hồ và xoá nhoà những ranh giới đã được quy định một cách rõ ràng của đảng, đảng được củng cố là nhờ việc thanh trừ trong đảng, — những cái đó, lô-gích của bọn quan lại không hề ngờ tới và không hề lo ngại" (trích thư Lát-xan gửi Mác, ngày 24 tháng Sáu 1852)¹⁴⁴.

Những kẻ thù địch tốt bụng chống lại việc quá gay gắt, việc không điều hoà, chống lại việc quá thích bút chiến, v. v., những kẻ đó hiện nay rất nhiều, xin họ hãy nhớ lấy đoạn trên đây!

Để kết thúc, chúng tôi xin nói rằng ở đây chúng tôi chỉ có thể đề cập một cách sơ sài những vấn đề đang còn tranh luận. Chúng tôi sẽ dành một cuốn sách nhỏ riêng để phân tích tỉ mỉ những vấn đề ấy, và hy vọng rằng nó sẽ ra đời trong quãng một tháng rưỡi sắp tới.

"Tia lửa", số 12, ngày 6
tháng Chạp 1901

Theo đúng bản in
trên báo "Tia lửa"

KỶ NIỆM HAI MƯƠI LĂM NĂM HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA G. V. PLÊ-KHA-NỐP

Ban biên tập báo "Tia lửa" hết lòng hưởng ứng buổi kỷ niệm hai mươi lăm năm hoạt động cách mạng của G. V. Plê-kha-nốp¹⁴⁵. Mong rằng buổi kỷ niệm đó sẽ góp phần vào việc củng cố chủ nghĩa Mác cách mạng, là chủ nghĩa duy nhất có thể lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng có tính chất toàn thế giới của giai cấp vô sản, và có thể chống lại cuộc tấn công của chủ nghĩa cơ hội bao giờ cũng cũ rích nhưng lại đang xuất hiện một cách âm ỉ dưới những danh hiệu mới. Mong rằng buổi kỷ niệm đó sẽ góp phần vào việc củng cố mối liên hệ giữa hàng ngàn đảng viên dân chủ - xã hội Nga trẻ tuổi đang cống hiến hết tất cả sức lực của mình cho công tác thực tiễn nặng nề, với nhóm "Giải phóng lao động" là nhóm đã đem lại cho phong trào những cái rất cần thiết cho nó: nguồn dự trữ to lớn về tri thức lý luận, tầm mắt chính trị rộng rãi, kinh nghiệm cách mạng phong phú.

Chủ nghĩa dân chủ - xã hội cách mạng Nga muôn năm, chủ nghĩa dân chủ - xã hội quốc tế muôn năm!

*Viết đầu tháng Chạp 1901
In lần đầu vào năm 1924,
trên tạp chí "Cách mạng
vô sản", số 7*

Theo đúng bản thảo

BƯỚC ĐẦU CỦA NHỮNG CUỘC BIỂU TÌNH

Trước đây hai tuần, chúng ta đã làm lễ kỷ niệm 25 năm cuộc biểu tình xã hội cách mạng đầu tiên ở Nga ngày 6 tháng Chạp 1876, trên quảng trường Ca-dan ở Pê-téc-bua, và chúng ta đã chỉ cho mọi người thấy cao trào biểu tình lớn lao đã diễn ra vào đầu năm nay. Chúng ta đã nói rằng những người biểu tình phải đưa ra khẩu hiệu chính trị rõ ràng hơn là khẩu hiệu "ruộng đất và tự do" (năm 1876)¹⁴⁶, phải đưa ra yêu sách rộng rãi hơn là yêu sách đòi "bỏ Những điều lệ tạm thời" (năm 1901). Khẩu hiệu như thế phải là *tự do chính trị*, yêu sách có tính chất toàn dân như thế phải là *yêu sách triệu tập những người đại diện nhân dân*.

Và bây giờ chúng ta đã thấy rằng những cuộc biểu tình lại nổ ra, bởi nhiều lý do khác nhau, cả ở Ni-giơ-ni, cả ở Mát-xcơ-va, lẫn ở Khác-cốp. Sự kích động đang lớn lên ở khắp nơi, và sự cần thiết phải thống nhất nó lại thành một dòng thác *chống chế độ chuyên chế* đang gieo rắc chuyên quyền, áp bức và bạo lực ở khắp nơi, càng ngày càng trở nên cấp bách. Ở Ni-giơ-ni, một cuộc biểu tình không lớn, nhưng có kết quả đã được tổ chức vào ngày 7 tháng Mười một, nhân cuộc tiến đưa Mác-xim Goóc-ki. Chính phủ chuyên chế trực xuất không xét xử, không điều tra, nhà văn nổi tiếng khắp châu Âu ra khỏi thành phố sinh quán của ông, một nhà văn mà tất cả vũ khí — như diễn giả đã diễn

đạt rất đúng trong cuộc biểu tình ở thành phố Ni-giơ-ni, — chỉ là lời nói tự do. Bọn côn đồ buộc tội ông là đã gây ảnh hưởng xấu đến chúng ta — diễn giả đã nói nhân danh tất cả những người Nga có chút ít khát vọng muốn vươn lên ánh sáng và tự do — nhưng chúng ta tuyên bố rằng đó là ảnh hưởng rất tốt. Những tên vệ binh thực hiện sự ngược đãi của chúng một cách bí mật, còn chúng ta thì chúng ta sẽ vạch tội ác của chúng ra công khai cho mọi người đều thấy. Ở nước ta, người ta đánh đập công nhân vì họ bảo vệ quyền của mình được hưởng một đời sống khá hơn; ở nước ta, người ta đánh đập sinh viên vì họ chống lại sự chuyên quyền; ở nước ta, người ta cấm đoán mọi lời nói chân thành và dũng cảm! — Cuộc biểu tình trong đó có cả công nhân tham gia đã kết thúc bằng lời tuyên bố long trọng của một sinh viên: "chuyên quyền sẽ sụp đổ, và nhân dân vĩ đại, tự do, hùng mạnh sẽ nổi dậy!".

Ở Mát-xcơ-va, hàng trăm học sinh đã đợi Goóc-ki ở nhà ga, nhưng cảnh sát quá sợ hãi *đã bắt giữ* ông ở giữa đường, trong toa xe, đã cấm ông (mặc dù trước đó đã cho phép) không được vào Mát-xcơ-va, và buộc ông phải đi thẳng từ tuyến đường Ni-giơ-ni đến Cuốc-xcơ. Cuộc biểu tình nhân vụ trục xuất Goóc-ki đã thất bại, nhưng ngày 18 lại có một cuộc biểu tình nhỏ, không có một sự chuẩn bị nào trước của các sinh viên và của "những người lạ" (theo lối nói của các vị bộ trưởng của chúng ta) trước dinh thống đốc nhân việc cấm tổ chức buổi kỷ niệm 40 năm ngày N. A. Đô-brô-li-u-bốp từ trần, mất vào ngày 17 tháng Mười một. Tên đại diện của chính quyền chuyên chế ở Mát-xcơ-va đã bị mọi người la ó, vì họ cũng như tất cả những người có học thức và biết suy nghĩ ở nước Nga đều rất yêu quý nhà văn, người đã ghét cay ghét đắng sự chuyên quyền và thiết tha chờ đợi sự nổi dậy của nhân dân chống lại "bọn Thổ bèn trong" — chống lại chính phủ chuyên chế. Ban chấp hành các tổ chức sinh viên Mát-xcơ-va đã chỉ

ra một cách rất đúng trong tập san của họ ra ngày 23 tháng Mười một rằng cuộc biểu tình chưa được chuẩn bị trước đây là một biểu hiện rõ rệt của sự phẫn nộ và phản kháng.

Ở Khác-cốp, cuộc biểu tình do các vụ sinh viên gây nên, đã chuyển thành một cuộc xô xát thực sự ngoài đường phố, trong đó không phải chỉ có một mình sinh viên tham gia. Kinh nghiệm của năm ngoái không phải là vô ích đối với sinh viên. Họ thấy rằng, chỉ có sự ủng hộ của nhân dân và chủ yếu là sự ủng hộ của công nhân thì mới có thể bảo đảm cho họ thắng lợi, và để đạt được sự ủng hộ như thế, họ phải đấu tranh không chỉ cho tự do học đường (của sinh viên), mà còn cho *tự do của toàn dân*, cho *tự do chính trị*. Hội đồng liên đoàn các tổ chức sinh viên ở Khác-cốp đã nói thẳng điều đó ngay trong bản tuyên ngôn tháng Mười của họ. Và cả những sinh viên ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ki-ép, Ri-ga, Ô-đét-xa, cứ qua những truyền đơn và tuyên bố của họ thì thấy rõ là họ đã bắt đầu hiểu tất cả "sự vô nghĩa của những ước mơ" về tự do học đường trong khi nhân dân đang sống trong cảnh nô lệ tối tăm. Bài diễn văn đề tiện của tướng Van-nốp-xki ở Mát-xcơ-va, cải chính "tin đồn" là dường như hãn có hứa hẹn một cái gì vào lúc nào đó; sự vô liêm sỉ chưa từng có của tên mật thám ở Pê-téc-bua (hãn bắt anh sinh viên ở Học viện kỹ thuật điện để tước của anh lá thư nhận được của một người đưa thư); việc cảnh sát đánh đập dã man những sinh viên I-a-rô-xláp ở ngoài phố và ở trong đồn cảnh sát, — tất cả những sự thật ấy và hàng nghìn sự thật khác nữa đều thét lên là phải đấu tranh, đấu tranh và đấu tranh chống toàn bộ chế độ chuyên chế. Việc xảy ra với những thú y sĩ ở Khác-cốp lại càng làm cho người ta không thể nhẫn nại thêm được nữa. Những sinh viên năm thứ nhất làm đơn xin đuổi giáo sư La-ghéc-mác vì ông này làm việc quan liêu, có thái độ thô bỉ không ai chịu nổi, đã đi đến chỗ ném giáo trình vào mặt các sinh viên! Chính phủ không tìm hiểu rõ sự việc,

đã đáp lại bằng cách đuổi toàn lớp ra khỏi học viện, và trong bản thông cáo, lại còn vu cho sinh viên đòi được quyền bổ nhiệm các giáo sư. Lúc đó toàn thể giới sinh viên Khác-cốp đã nổi lên, họ quyết định tổ chức bãi khoá và biểu tình. Ngày 28 tháng Mười một - 2 tháng Chạp, Khác-cốp lần thứ hai trong năm nay lại biến thành bãi chiến trường giữa "tên Thổ bên trong" và nhân dân phản kháng sự lộng quyền của chính thể chuyên chế. Một bên là những tiếng hô: "đả đảo chế độ chuyên chế! tự do muôn năm!". Bên khác là những nhát chém bằng gươm, những cái quất bằng roi da, và sự giày xéo của ngựa lên mình nhân dân. Cảnh sát và lính cô-dắc đánh đập không thương tiếc tất cả mọi người, không phân biệt nam nữ, già trẻ; chúng đã chiến thắng những người không có vũ khí và chúng đang ăn mừng thắng lợi...

Chẳng lẽ chúng ta để cho chúng ăn mừng thắng lợi ư?

Hỡi anh em công nhân! Các bạn đã thừa biết rõ cái lực lượng thù địch đang nhạo báng nhân dân Nga. Cái lực lượng thù địch ấy trói chân tay các bạn trong cuộc đấu tranh hàng ngày của các bạn chống lại bọn chủ để thực hiện một đời sống tốt đẹp hơn và để bảo vệ phẩm giá con người. Cái lực lượng thù địch ấy đang cướp đi hàng trăm và hàng nghìn đồng chí ưu tú của các bạn, ném họ vào ngục tù, đưa họ đi đày, và thật đáng nực cười, lại còn tuyên bố rằng họ là "những người có hành vi tội lỗi". Cái lực lượng thù địch ấy ngày 7 tháng Năm đã bắn vào những công nhân Ô-bu-khốp ở Pê-téc-bua, khi họ nổi dậy hô lớn: "chúng tôi cần tự do!" — sau đó lại tổ chức ra một cuộc xử án hài hước để kết án khổ sai những người anh hùng mà những viên đạn không giết chết được. Cái lực lượng thù địch ấy, ngày hôm nay đánh đập các sinh viên, ngày mai sẽ nhả xổ vào đánh đập các bạn, những công nhân, một cách tàn ác hơn. Không nên bỏ phí thời gian! Các bạn hãy nhớ là các bạn cần phải ủng hộ mọi cuộc phản kháng và mọi cuộc đấu tranh chống

lại những tên côn đồ của chính phủ chuyên chế! Hãy cố gắng mọi cách để liên hiệp với những sinh viên biểu tình; hãy tổ chức những nhóm để truyền tin đi cho nhanh, để phổ biến những lời kêu gọi; hãy giải thích cho mọi người thấy rằng các bạn đang đứng dậy đấu tranh cho tự do của toàn thể nhân dân.

Khi nào mà ở chỗ này hay chỗ khác đã bắt đầu bùng lên những tia lửa căm giận của nhân dân, và những tia lửa đấu tranh công khai, thì trước hết và hơn cả, cần phải có một luồng không khí tươi mát, mạnh mẽ để cho những tia lửa đó có thể bùng lên thành một ngọn lửa lớn!

"Tia lửa", số 13, ngày 20
tháng Chạp 1901

Theo đúng bản in
trên báo "Tia lửa"

VỀ LÁ THƯ CỦA "CÔNG NHÂN MIỀN NAM"

Chúng tôi đã nhận được lá thư của "Công nhân miền Nam" chào mừng sự lớn mạnh của xu hướng cách mạng trong phong trào dân chủ - xã hội Nga, và nhờ chúng tôi chuyển những lời chào mừng của họ tới "Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở ngoài nước". Rất tiếc là vì thiếu chỗ nên chúng tôi không thể đăng toàn bộ bức thư đó ở đây. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với những tác giả bức thư cho rằng "phương tiện truyền đơn được chúng ta sử dụng ở nước Nga để truyền bá tư tưởng cách mạng trong đông đảo quần chúng, không thể nâng cao được giác ngộ chính trị của quần chúng", rằng "cần phải xuất bản sách báo riêng để giáo dục chính trị cho giai cấp vô sản Nga". Nhưng chưa chắc dự kiến của những tác giả lá thư định xuất bản, nhằm mục đích ấy, những cuốn sách nhỏ phổ cập chỉ mỏng độ 3 - 4 trang và phổ biến chúng "cùng một lúc trong khắp nước Nga", đã là thiết thực. Chúng tôi nghĩ rằng giai cấp vô sản Nga đã trưởng thành đầy đủ để có thể thích hợp với loại sách báo mà tất cả các giai cấp khác cũng sử dụng, nghĩa là tờ báo. Chỉ có tờ báo chính trị mới có thể thực sự giáo dục được ý thức chính trị cho quần chúng và mới soi sáng được, theo cách nói của những tác giả lá thư, "toàn bộ đời sống xã hội của chúng ta, kể từ đảng cấp thứ tư cho đến giai cấp tư sản lớn". Chỉ có tờ báo chung cho toàn Nga, — nếu nó được sự ủng hộ tích cực của các cấp

ủy và các tiểu tổ địa phương, — mới có thể được lưu hành ít nhiều "cùng một lúc trong toàn nước Nga" và mới có thể ra được thường xuyên để xứng đáng với danh hiệu là một tờ báo. Và chỉ có xây dựng được một cách vững vàng một cơ quan cách mạng như thế thì mới nói lên được rằng phong trào của chúng ta đã hoàn toàn chuyển "từ đấu tranh bãi công kinh tế sang đấu tranh cách mạng rộng rãi chống chính phủ chuyên chế Nga".

"Tia lửa", số 13, ngày 20
tháng Chạp 1901

Theo đúng bản in
trên báo "Tia lửa"

CHỦ NGHĨA VÔ CHÍNH PHỦ VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đề cương:

1) Chủ nghĩa vô chính phủ trong 35 - 40 năm (Ba-cu-nin và Quốc tế¹⁴⁷ 1866 —) tồn tại của nó (nếu tính từ Stiéc-nơ thì còn nhiều năm hơn nữa) không mang lại cái gì trừ những câu nói chung chung về chống *bóc lột*.

Những câu nói ấy đã được dùng trong hơn 2 000 năm nay. Vẫn chưa hiểu đầy đủ (α) về *nguyên nhân* của bóc lột; (β) về *sự phát triển* của xã hội, dẫn đến chủ nghĩa xã hội; (γ) về *đấu tranh giai cấp*, là lực lượng sáng tạo của việc thực hiện xã hội chủ nghĩa.

2) Sự hiểu biết về *những nguyên nhân* của bóc lột. Chế độ *tư hữu* là cơ sở của kinh tế *hàng hóa*. Chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất. Nihil¹⁾ trong chủ nghĩa vô chính phủ.

Chủ nghĩa vô chính phủ là mặt trái của *chủ nghĩa cá nhân* tư sản. Chủ nghĩa cá nhân là cơ sở của toàn bộ thế giới quan của chủ nghĩa vô chính phủ.

{ Bảo vệ quyền sở hữu nhỏ và nền *kinh tế tiểu nông*.
Keine Majorität²⁾.
Phủ nhận sức đoàn kết và tổ chức của chính quyền. }

1) — *Nihil* — không có gì

2) — Không có đa số nào cả (nghĩa là những người vô chính phủ phủ nhận việc thiểu số phải phục tùng đa số).

Chapman u. conchagua.

Mexico:

1) Chapman p. 35 (Comp. L. 1866-) ch. 100. (a) ca. 4000
Wynona unon carum ut) te del reuain
krouk adax foyas ryojib rreutaje.
> 2000 up of foyas & rudo. te doojar) (a) novu.
ynura rreutaje; (β) novu. pabaje orre, baje.
& Cey; (γ) novu. rre. orr, re poyruu- rre
oyyis Ecu.

2) Novu. rre. rreutaje. Chap. 100
re rre. pl. or. or. rre. rre. rre. rre. rre.
yayruyru.

Mexico - Chapman u. conchagua. Chap. 100
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.

3) Novu. pab. orre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.

(Chapman - Chap. 100. Chap. 100. Chap. 100.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.
re rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre. rre.)

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin

"Chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa xã hội". — 1901

Ảnh thu nhỏ

3) Không hiểu sự phát triển của xã hội — vai trò của nền sản xuất lớn — sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

(Chủ nghĩa vô chính phủ là sản vật của *thất vọng*. Tâm trạng của người trí thức hay tên lưu manh bị mất hướng, chú không phải của giai cấp vô sản).

4) Không hiểu cuộc đấu tranh *giai cấp* của giai cấp vô sản.

Phủ nhận một cách mù quáng chính trị trong xã hội tư sản.

Không hiểu vai trò của việc tổ chức và giáo dục công nhân.

Thuốc vụn ứng làm bằng những thứ thuốc hạn chế, không có liên hệ với nhau.

5) Chủ nghĩa vô chính phủ xưa kia thống trị trong những nước la-tinh, đã mang lại được gì trong lịch sử hiện đại của châu Âu?

— Chẳng có chủ nghĩa nào cả, chẳng có học thuyết cách mạng nào cả, chẳng có lý thuyết nào cả.

— Sự tảo mạn của phong trào công nhân.

— Fiasko¹⁾ hoàn toàn trong những thực nghiệm của phong trào cách mạng (chủ nghĩa Pru-đông 1871, chủ nghĩa Ba-cu-nin¹⁴⁸ 1873).

— Dưới hình thức phủ nhận chính trị, đem giai cấp công nhân phụ thuộc vào chính trị *tư sản*.

Viết vào năm 1901

In lần đầu vào năm 1936

trong tạp chí "Cách mạng vô sản", số 7

Theo đúng bản thảo

1) — thất bại, sụp đổ.

CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ

NHỮNG ĐIỂM SỬA CHỮA VÀ NHỮNG NHẬN XÉT ĐỐI VỚI BẢN DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CỦA TỔ CHỨC DÂN CHỦ - XÃ HỘI CÁCH MẠNG NGA Ở NƯỚC NGOÀI¹⁴⁹

ĐIỀU LỆ

Văn bản dự thảo Điều lệ

1. Tổ chức cách mạng "Người dân chủ - xã hội" và "Tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" ở nước ngoài" hợp nhất thành.

2. Tổ chức đó hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại. Trong cương lĩnh chính trị của mình, tổ chức này đồng tình với bản Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đặt nhiệm vụ cho mình là phải bảo vệ tính chất giai cấp của phong trào công nhân và đấu tranh chống mọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa và tư sản ở trong phong trào đó, tổ chức đó

Văn bản do V. I. Lê-nin đã hiệu đính

1. Tổ chức cách mạng "Người dân chủ - xã hội" và "Bộ phận của tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" ở nước ngoài" hợp nhất thành một tổ chức mang tên "*tổ chức (đồng minh?) dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài*".

coi cuộc đấu tranh chống chế độ }
Nga hoàng là mục đích hàng }
đầu.

3. Phụ trách công tác báo chí của tổ chức gồm có: 1) ban biên tập tạp chí "Bình minh" và báo "Tia lửa", và 2) ban biên tập "Tủ sách công nhân", và 3) nhóm "Giải phóng lao động".

Chú thích. Các ban biên tập của các tổ chức có quyền bổ sung vào thành phần của mình các thành viên của tổ chức để thực hiện những chức năng tạm thời.

4. Tổ chức xuất bản các cơ quan ngôn luận "Bình minh" và "Tia lửa" và các sách mỏng.

Chú thích. Vấn đề xuất bản các cơ quan ngôn luận mới thì được giải quyết tại đại hội chung của tổ chức.

5. Thông qua Ban lãnh đạo, cứ hai tuần một lần, ban biên tập báo "Tia lửa" lại gửi cho tất cả các thành viên của tổ chức những tin tức nhận được từ nước Nga ¹⁾.

I. Ban lãnh đạo chung

II. Ban lãnh đạo ở nước ngoài

3. Phụ trách công tác báo chí của tổ chức gồm có: 1) ban biên tập của tạp chí "Bình minh" [[và của "Tia lửa"]] cùng với nhóm "Giải phóng lao động".

Chú thích. Ban biên tập của tổ chức có quyền bổ sung vào thành phần của mình các thành viên của tổ chức để thực hiện những chức năng tạm thời.

5. Ban biên tập [của "Tia lửa"], một tháng hai lần, chuyển cho Ban lãnh đạo ở nước ngoài những tin tức để thông báo cho các thành viên của "Đồng minh" (của "tổ chức").

1) Thu tiền ở nước ngoài.

2) Tổ chức tuyên truyền.

3) " việc bán và phổ biến báo chí.

¹⁾ Điểm 4 và 5 do Lê-nin xoá bỏ đi. Đoạn tiếp của điểm 5 thì do Người viết trên những tờ riêng.

I. Ban lãnh đạo chung.

Ban biên tập báo "Tia lửa" đảm nhiệm việc đại diện của Đồng minh, uỷ chung, phụ trách việc xuất bản sách báo và công việc vận chuyển sách báo.

4) Tổ chức nhóm công tác.

5) " việc phổ biến các bản tin.

6) Nghiên cứu sơ bộ các kiến nghị, nguyện vọng và đơn khiếu nại để trình lên đại hội.

7) Tổ chức đại hội.

8) Biên soạn 3 nguyệt san nói về toàn bộ các hoạt động ở nước ngoài.

6. Tổ chức "Người dân chủ - xã hội" và tổ chức "Bình minh" và "Tia lửa" chuyển giao cho ban lãnh đạo các kho của mình, các tài khoản hiện tồn và nhà in (của "Bình minh" và của nhóm "Giải phóng lao động")¹⁾.

7. Phụ trách các công việc chung của tổ chức gồm có: 1) Đại hội chung của các thành viên, 2) Ban lãnh đạo gồm có một bí thư do ban biên tập của "Bình minh" chỉ định, và hai uỷ viên do tổ chức bầu ra, với nhiệm kỳ hai năm ¹⁾.

8. Các đại hội chung của tổ chức hai năm họp một lần.

8a) Đại hội thảo ra các chỉ thị cho ban biên tập¹⁾.

9. Các đại hội quyết định tất cả mọi việc thông qua đa số phiếu của tất cả các thành viên trong tổ chức.

1) Điểm này do Lê-nin xoá bỏ đi.

10. Ban lãnh đạo ấn định thời gian và địa điểm họp các đại hội chung và vạch ra chương trình nghị sự¹⁾.

11. Ban lãnh đạo quyết định triệu tập các đại hội bất thường, do sáng kiến của bản thân hoặc theo yêu cầu của $\frac{1}{3}$ số thành viên trong tổ chức¹⁾.

12. Ban lãnh đạo tổ chức và chỉ đạo việc vận chuyển sách báo¹⁾. } 3

13. Hai tháng một lần, ban lãnh đạo gửi cho tất cả các thành viên của tổ chức bản báo cáo về tình hình vận chuyển, về tình hình quỹ của tổ chức, số lượng và các loại báo chí đã xuất bản và gửi về nước Nga, và những tin tức nhận được của tổ chức Nga¹⁾. } ?

14. Ban lãnh đạo trình các đại hội thường kỳ bản báo cáo về hoạt động của tổ chức trong hai năm đã qua. } }

15. Ban lãnh đạo cung cấp sách báo và các bản thuyết trình cho các nhóm cộng tác viên và giúp đỡ bằng mọi cách các thành viên của tổ chức để họ hoạt động. } Đoạn cuối cùng

16. Ban lãnh đạo giải quyết mọi việc thông qua đa số phiếu²⁾

17. Toàn bộ số tiền do các thành viên của tổ chức thu được để dùng vào hoạt động cách mạng, thì đều đưa vào quỹ chung.

1) Điểm này không rõ ai xoá.

2) Điểm này do Lê-nin xoá bỏ đi.

18. Toàn bộ số tiền thu được thì chi cho: 1) công việc lãnh đạo chung, 2) xuất bản "Tia lửa", 3) xuất bản "Tủ sách công nhân", 4) xuất bản "Bình minh".

19. Việc kết nạp các thành viên mới phải do 5 thành viên của tổ chức giới thiệu và được $\frac{2}{3}$ số thành viên của tổ chức tán thành.

20. Việc khai trừ các thành viên ra khỏi tổ chức phải được $\frac{2}{3}$ số thành viên của tổ chức tán thành.

21. Ở những thành phố nào có vài thành viên của tổ chức, thì toàn bộ hoạt động của các thành viên đó, trừ những nhiệm vụ đặc biệt của ban lãnh đạo trao, đều phải là hoạt động tập thể.

22. Trong trường hợp tổ chức bị tan rã, các nhà in và các kho tàng trao trả lại cho người sở hữu ban đầu¹⁾

Viết vào giữa 24 tháng Tư
(7 tháng Năm) và 11 (24)
tháng Bảy 1901

In lần đầu, theo đúng bản thảo

1) Các điểm 19 - 22 không rõ đã được ai ghi thêm ở một tờ riêng.

NHỮNG TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ VIẾT BÀI "TRẬN KỊCH CHIẾN MỚI"

¹⁾ Ngày 11 tháng Ba	8.	Xanh Pê-téc-bua	II. III	$\left. \begin{array}{l} \text{số } 3^{150} \\ \text{số } 3 \\ \text{số } 4 \\ \text{số } 3 \\ \text{số } 4 \end{array} \right\}$
	8.	Ki-ép	II. III	
1. V	8.	Tây Xi-bi-ri	II. III	
7. V	8.	Ca-dan	II. III	
	8.	I-a-rô-xláp	9 - 10.III.	
			các cuộc tụ tập	

1. 200 người bỏ việc và đưa ra "những yêu sách không có cơ sở".

α [Thậm chí theo pháp luật Nga thì "bỏ việc" chỉ bị toà án phạt].

β. Ai phán xét về những yêu sách "không có cơ sở" ?

Trợ lý giám đốc nhà máy.

2. Người ta dùng *vũ lực* để dừng máy và "trong khi đó", như cảnh sát nói, "*tất cả công nhân đều bỏ việc*".

[Thử hỏi, *vũ lực ở đây* thể hiện ở chỗ nào? Nếu như mọi người đã bỏ đi thì làm thế nào mà máy còn chạy được? Người ta bỏ đi, máy ngừng chạy, — thế thì ở đây sao lại gọi là "vũ lực"? Schutz der Arbeitsstilllegung??²⁾].

1) Đoạn này trong bản thảo do Lê-nin xoá bỏ đi.

2) — Sự đảm bảo để cho máy ngừng việc??

3. Người ta điều đến 2 đại đội kỵ binh (150?? x 2 = 300) + một đội (100 — 150 ???) + 200 cảnh sát [Ergo¹⁾, có lẽ > 500 người].
4. Công nhân (3 600) chiếm đường phố và chặn lại các xe ngựa chạy trên đường sắt.
5. Sự tấn công của cảnh sát (đòi giải tán) đã bị đánh lui bằng gạch đá.

[Từ sau các hàng rào và từ trong đám người, gạch đá ném như mưa. Công nhân đã tỏ rõ rằng họ chiến đấu tốt].

6. Đội quân có vũ trang đã được điều tới — có những tiếng súng nổ từ trong đám người.
7. Ba loạt súng nổ — 1 người bị giết + 8 người bị thương (1 người đã chết).
8. Các đại đội thuộc trung đoàn bộ binh Ôm-xơ.

Đá từ trong các sân ném ra.

Bài báo "Thời mới"
(số 9051 ra ngày 11. V).

Bài báo này là *điển hình* của trí sáng suốt "tột đỉnh" của các quan chức Nga: so sánh năm 1886 (Cát-cốp), 1896 - 1897 (ngày 2. VI).

"Cái từ bên ngoài đưa vào"

1. Dù là một phần — "việc tuyên truyền các tư tưởng chống nhà nước và chống xã hội" (!)
— "những tà thuyết tai hại"
— "những tư tưởng đen tối và những hy vọng".
2. Nhưng — "những điều kiện hiện có tạo điều kiện thuận lợi"
— "gây ra và nuôi dưỡng sự bất bình".
3. (Đó là những điều kiện nào vậy?).
4. "Tiếc rằng, chúng ta biết quá ít".

["Đáng tiếc"...]

1) — Vậy là.

5. (α) "Công nhân rời bỏ các tổ ấm của mình ở nông thôn"... "sống trong... một *hoàn cảnh luân lý - xã hội* đặc biệt, được tạo ra... nhờ... sự sống tụ tập của quần chúng gắn bó với nhau *không phải bằng những lợi ích xã hội thiết thân* mà nhờ sự tập trung của máy móc".
- (β) "Nông dân rời bỏ làng xóm với những lợi ích và những quan hệ kinh tế - xã hội *nhỏ bé nhưng độc lập*".
6. Hành động bỉ ổi chống lại *các dị tộc*.
["thô bạo và tham lam"].
7. (γ) Chủ nghĩa tư bản: trả tiền lương tối thiểu cho một sự lao động tối đa... sự bất lực trong tình trạng thất nghiệp.
- Ergo (1) sự rời bỏ nông thôn (α).
 (2) " " những quan hệ "nhỏ bé" (β).
 (3) sự nô dịch của tư bản (γ).
8. *Cương lĩnh: "sự bảo hộ của nhà nước"*.
"Đòi cho kỳ được".
9. "Giống như"... năm 1861 (!!)
"Một sự tin tưởng sáng suốt".

Viết vào cuối tháng
Năm 1901

In lần đầu, theo đúng bản thảo

**CÁC TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ VIẾT
BÀI "NHỮNG KẾ ÁP BỨC
CÁC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
VÀ NHỮNG AN-NI-BAN
CỦA PHÁI TỰ DO"**

1

**NHỮNG KẾ ÁP BỨC CÁC HỘI ĐỒNG
ĐỊA PHƯƠNG VÀ
NHỮNG AN-NI-BAN
CỦA PHÁI TỰ DO¹⁵¹**

Suy nghĩ của phái tự do về những tàn tích của chế độ hội
đồng địa phương¹⁾

Ban biên tập của tạp chí chúng ta đã cho đăng bản điều trần mật của bộ trưởng Bộ tài chính X. I-u. Vít-te dưới nhan đề là "Chế độ chuyên chế và hội đồng địa phương", trong đó nói về tầm quan trọng của hội đồng địa phương và nói rằng không nên thành lập hội đồng địa phương ở các vùng biên khu. (Stuttgart, Verlag Dietz. 1901). Đó là một tác phẩm rất dày (tới 212 trang in), nó đã hệ thống hoá các quan điểm và sự kiện thực tế chứng minh tính chất lập hiến của hội đồng địa phương và tính chất không thể dung hợp giữa cơ quan đó với chính thể chuyên chế. Ngài R. N. X. đã cung cấp cho chúng ta chính tài liệu mật đó và những phương tiện để xuất bản nó, ông ta cũng thêm phần giới thiệu dài vào bản điều trần (gồm 44 trang), viết theo tinh thần của phái tự do. Chúng ta cần xem xét tỉ mỉ hơn

1) Nhan đề ban đầu này đã bị Lê-nin xoá bỏ.

về lời giới thiệu đó, mà do chỗ đưa nó vào nên toàn bộ bản tài liệu xuất bản đã bị dở đi hơn là đã tốt lên.

Thế mà bản tài liệu xuất bản đó, nói chung, có một tầm quan trọng không phải là nhỏ¹⁾

những điểm đáng chú ý hơn¹⁾

tương đối ít quan trọng hơn: từ những lời nhận xét mộc mạc của các nhà quan sát nước ngoài và của các học giả. Mê-ken-di Oa-lê-xơ, tác giả một cuốn sách nổi tiếng (đương nhiên không phải là nổi tiếng đối với cho công chúng Nga) nói về nước Nga, xuất bản ở Anh, đã nói về hội đồng địa phương như sau: "Xét về mặt hình thức của nó, cơ quan này là một cơ quan thuần túy có tính chất đại nghị, nghĩa là bao gồm các đại biểu do dân chúng bầu ra". Và dưới đây là lời nhận xét của nhà văn Pháp Đê-môm-bi-nơ (Démombynes) chuyên viết về các vấn đề pháp quyền nhà nước: "việc thành lập các hội đồng địa phương, các hội nghị tỉnh và huyện có thể được coi như là điểm xuất phát của thời đại những cải cách, những cải cách đó không tránh khỏi xâm nhập cả vào chính quyền lập pháp". Dưới đây là những đối chiếu với lịch sử của Phổ. Chế độ tự quản thành thị đã được áp dụng ở Phổ từ năm 1808, và Stanh, là người thực hiện cuộc cải cách này, đã đặt nó trong mối liên hệ với việc thực hiện hiến pháp trong tương lai. Từ chế độ tự quản thành thị dần dần đã phải chuyển sang chế độ xây-mơ hàng tỉnh. Mặc dù trong các xây-mơ này có thành phần quý tộc, các xây-mơ này từ năm 1842 đã bắt đầu đề nghị triệu tập cơ quan đại diện toàn quốc. Người ta buộc phải triệu tập ở Béc - lanh các phiên họp liên tịch của các uỷ ban thay mặt cho tất cả các xây-mơ đó, tại các phiên họp này các đại biểu tư vấn chỉ bàn tới những vấn đề mà chính phủ đã nêu ra cho họ. "Cái nghị viện hợp nhất đó không hài lòng về vai trò tư vấn của

1) Nguyên bản đã bị mất.

minh, đòi phải được tham gia vào chính quyền ở cấp cao nhất, thoát đầu dưới một hình thức rất tôn kính là gửi những lời tạ ơn, và sau đó là hành động chống đối trực tiếp với ý muốn và ý chí của nhà vua. Và ba năm sau khi triệu tập, cái nghị viện có tính chất tư vấn đó đã biến thành Quốc hội lập hiến năm 1848"*.

Nói một cách đơn giản và thẳng thừng ra thì phải công khai thừa nhận rằng ngài R. N. X. *cũng đã ve vãn một cách không xứng đáng các định kiến chính trị của đồng đảo phải tự do trong hội đồng địa phương, cũng như từ "Tư tưởng công nhân" đã ve vãn một cách không xứng đáng các định kiến chính trị của đồng đảo quần chúng công nhân.* Nếu như đảng dân chủ - xã hội cách mạng tổ thái độ bao dung đối với sự ve vãn đó, cả trong trường hợp thứ nhất lẫn trong trường hợp thứ hai, thì thật là điên rồ và tội lỗi.

* Nhân tiện xin nói qua là trong khi mô tả ý nghĩa của những cải cách của Stanh ở Phổ và dẫn ra các quan điểm của nhà sử học Tư-rai-tskê thì ngài Vít-te, tác giả bản điều trần đã hoàn toàn chép lại tác phẩm bất hợp pháp của Đra-gô-ma-nốp, *nhưng không gọi tên tác phẩm đó ra* (xem bản "Điều trần", tr. 36 - 37 và bài báo của Đra-gô-ma-nốp: "Chế độ chuyên chế, chế độ tự quản địa phương và toà án độc lập", tr. 55 - 56). Chỉ sau đó vài trang, tác giả bản điều trần mới trích Đra-gô-ma-nốp (ấy là chưa nói rằng việc "sử dụng" cái đó có lợi cho ông ta) và thừa nhận là ông ta có lý khi ông tham gia, năm 1889, cuộc bút chiến giữa tờ "Truyền tin nước Nga"¹⁵² và tờ "Truyền tin châu Âu"¹⁵³ về vấn đề tính dung nạp giữa chế độ chuyên chế với chế độ tự quản địa phương và tuyên bố rằng thực ra phần đúng thuộc về phía chế độ chuyên chế, rằng "ngày nay ở Nga chế độ tự quản địa phương thực sự không thể dung hoà với nền quân chủ chuyên chế, — bởi vì giờ đây không thể hình dung được nền quân chủ chuyên chế mà lại không có bộ máy quan liêu". Ngài Vít-te, tác giả bản điều trần đã *nhiều lần* buộc phải chép lại những tác phẩm bất hợp pháp và phải thừa nhận thẳng rằng các tác phẩm đó đã nói lên *sự thật*, rằng quan điểm trình bày trong các tác phẩm đó là đúng¹⁾.

1) Ở trong bản thảo, đoạn bắt đầu từ chữ: "và từ "Truyền tin châu Âu"" cho đến hết là do Lê-nin xóa bỏ đi.

Quan điểm cho rằng như thế là các cuộc cải cách vĩ đại được nghĩ ra không phải là để cho bọn quan liêu thu được thắng lợi to lớn hơn, — rằng hội đồng địa phương có một vai trò chính trị lớn, — rằng sự tồn tại của hội đồng địa phương là một dịp rất tốt để mang lại cho đất nước một hiến pháp ôn hoà, — rằng ngọn cờ đấu tranh giành tự do chính trị ở Nga có thể là khẩu hiệu "pháp chế và hội đồng địa phương toàn Nga có quyền lực", — quan điểm đó chỉ là một thứ định kiến mà thôi.

2

ĐỀ CƯƠNG BÀI BÁO

Những nhận xét mở đầu	1 - 3				
Ý kiến nhận xét của những người nước ngoài	4 - 5 ¹⁾				
Phong trào tự do chủ nghĩa trong những năm 60	<table> <tr> <td>I</td> <td>6 - 18 — Phong trào cách mạng</td> </tr> <tr> <td>II</td> <td>19 - 23 — Tính chất nửa vởi của việc cải cách hội đồng địa phương</td> </tr> </table>	I	6 - 18 — Phong trào cách mạng	II	19 - 23 — Tính chất nửa vởi của việc cải cách hội đồng địa phương
I	6 - 18 — Phong trào cách mạng				
II	19 - 23 — Tính chất nửa vởi của việc cải cách hội đồng địa phương				
Thế lực phản động...	24 - 29 — Thế lực phản động				
	III				
Phong trào cách mạng trong những năm 70 và kỷ nguyên mới	30 - 41				
	IV				
Thế lực phản động	42 - 56				

1) Dòng này do Lê-nin xoá bỏ đi.

V
Lời giới thiệu của R. N. X. 57 - 78

VI
Vấn đề ý nghĩa của hội
đồng địa phương 79 - 92
90 trang

3

TRÍCH TẠP CHÍ
"TIẾNG NÓI TỰ DO"¹⁵⁴

*D. X. Mười tám năm đấu tranh giữa bọn quan lại và hội
đồng địa phương. "Tiếng nói tự do" số 53 — (20.1.1883)
[cũng đã được in thành một cuốn sách mỏng]*

...Như mọi người đều biết,... Thế lệ về các cơ quan hội
đồng địa phương năm 1864 còn lâu mới đáp ứng được yêu
cầu của dư luận xã hội...

...Chính phủ — qua lời phát ngôn của các cơ quan ngôn
luận quan phương của mình như "Bưu cục miền Bắc" và
thậm chí qua lời của bọn tỉnh trưởng nữa — đã làm giảm
nỗi lo sợ* đang xuất hiện, bằng cách nói rằng các thiết chế
mới chỉ là sự thử nghiệm thôi, tựa hồ như một trường học
về chế độ đại nghị, và chính phủ đã ngỏ ý về việc mở rộng
các cơ quan đó... ("Tiếng nói tự do" số 53, tr. 6).

...Số người tư hữu trong 8 tỉnh ở vùng trung tâm, bao
gồm 93 900 người với số ruộng đất tư hữu là 119 880 véc-
xta¹⁾ vuông, có 1 817 đại biểu trong cơ quan tự quản địa
phương, trong khi đó nông dân, bao gồm 5 800 000 người với
181 440 véc-xta vuông ruộng đất, chỉ có vên vện 1 597
đại biểu... (số 55, tr. 6).

* D. X. muốn nói đến sự lo ngại của xã hội về tính chất nửa vời của
cuộc cải cách.

1) — đơn vị đo chiều dài ở Nga, 1 véc-xta bằng 1,06km.

Trong số 57 (§VI của bài báo), D. X. trình bày tỉ mỉ về sự bất lực của hội đồng địa phương trong việc bắt phạt những địa chủ đóng thuế không đúng thời hạn, và xác nhận rằng việc đánh thuế không đều ruộng đất tư hữu và ruộng đất của nông dân:

Huyện Rô-xtốp tỉnh I-a-rô-xláp — ruộng đất của nông dân được định giá là 12 rúp (với tiền nộp là 13 cô-pếch), ruộng đất được chia — 16 rúp (20 cô-pếch), ruộng đất của địa chủ — 10 rúp (11 cô-pếch!).

Huyện	Vla-đi-mia	tỉnh	Vla-đi-mia	18,2	9,4	(Giá
—	Xu-dơ-đan	—	—	16,9	4,7	trung
—	Cô-vrốp	—	—	12,3	3,6	bình một
—	Vi-a-dơ-ni-ki	—	—	12,8	5,9	đê-xi-a-
—	Gô-rô-khô-vết	—	—	13,3	6,2	tin tính
—	Mu-rôm	—	—	14,1	6,7	bằng
—	Pô-crốp	—	—	10,3	2,8	rúp)
—	A-léch-xan-đrốp	—	—	10,4	4,0	

v. v.. Ở tỉnh Ca-lu-ga, các hội đồng địa phương thậm chí còn tiến hành thu thuế thân đối với nông dân.

"Tuy nhiên quyết định này đã bị viên tỉnh trưởng phản đối, như vậy là tạo ra cho bọn quan liêu có cơ làm người bảo vệ quần chúng nhân dân chống lại hành động bất công do cơ quan hội đồng địa phương gây ra — mặc dù cơ quan này mang tính chất đẳng cấp chặt hẹp do luật lệ và những thủ tục phức tạp mà chính bọn quan liêu đó bày đặt ra" (tr. 6, số 57).

§ VII (số 59) — về giáo dục quốc dân:

Thế lệ về các trường học nhân dân năm 1864 — "thật là một sự thỏa hiệp kỳ quặc giữa nguyên tắc quan liêu, những mưu đồ của giới tăng lữ với lợi ích của nhà trường của hội đồng địa phương, — nhưng sự thỏa hiệp đó mà đem so sánh với những luật lệ sau này, nhất là với Thế lệ năm 1874, thì các hội đồng địa phương giờ đây nhớ lại nó với một nỗi hối tiếc" (tr. 8).

"Trong năm 1869, người ta đã đặt ra các viên thanh tra các trường học nhân dân — mỗi tỉnh một viên thanh tra. Năm 1871, Bộ giáo dục quốc dân đã phá hoại Thế lệ 1864 bằng cách ra chỉ thị cho các viên thanh tra mới được cử ra đó của các trường học nhân dân" (số 59, tr. 8) — thêm vào đó có quyền sa thải giáo viên... "Thế chế mới về cảnh sát nhà trường, trên thực tế đã nhanh chóng phát huy tác dụng: ngay từ năm 1873, theo đề nghị của một người trong số họ, của ngài Đru-gi-nin trường kỹ thuật của hội đồng địa phương ở thành phố Rơ-giép đã bị đóng cửa, vì hội đồng địa phương không thực hiện yêu cầu của viên giám đốc đòi đuổi các học sinh do" "ngài Đru-gi-nin ghi sổ đen".

[Sic? ¹⁾. Tôi không hiểu thế nào là]

[bị ghi sổ đen, theo cách nói của ngài D. X. (như người ta thấy rõ ở đoạn sau) điều đó có nghĩa là làm phạm đến danh dự: "ghi họ vào sổ đen coi như những kẻ không đáng tin cậy về mặt chính trị"].

Số 60 (phần cuối).

Chỉ dụ đề ngày 25. XII. 1873, hầu như không mang lại kết quả gì (so "sự thụ động hoàn toàn của những người thủ lĩnh quý tộc ở nước ta") "trừ sự khuyến khích nào đó đối với việc tố giác những người hoạt động tại các nhà trường" (tr. 11).

"Điều đáng chú ý là dù sao đi nữa trong xã hội đã có những người hoan nghênh chỉ dụ đó, với hy vọng là những thủ lĩnh quý tộc, với tư cách là một phần tử, dù sao cũng là của hội đồng địa phương, có thể làm tê liệt vai trò của các viên thanh tra trong các trường học nhân dân, những phần tử này chắc chắn là của cảnh sát".

Thế lệ ban hành năm 1874 về các trường học nhân dân "đã đánh tan cả những hy vọng đó": toàn bộ quyền lực quản lý các trường đã được trao vào tay các viên giám đốc và các viên tranh tra.

1) — như thế?

Những thí dụ về những hành động quá quắt theo lối cảnh sát của các viên thanh tra (trong trường hợp tốt nhất thì đó cũng chỉ là thái độ quan liêu).

Kết luận của *D. X.* — cần phải thực hiện chế độ tự quản *nhà nước...*

Viết vào tháng Sáu 1901

In lần đầu, theo đúng bản thảo

**CÁC TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ VIẾT
BÀI "BỘN CHỦ NÔNG NÔ
ĐANG HOẠT ĐỘNG"**

1

VIỆC TẠO RA NHỮNG ĐỊA CHỦ

Sự bố thí mới cho giới quý tộc cao thượng

Các cơ sở của đạo luật 8. VI. 1901.

- A) bán } Các tỉnh Tô-bôn-xcơ, Tôm-xcơ, *Xtép-nô-e*, *Iéc-cút-*
B) thuê } *xcơ và vùng ven A-mua (bài I)*

Ergo ¹⁾, tất cả những chỗ tốt nhất ở Xi-bi-ri

- A) 1) Từ chỗ bán đấu } (α) với khối lượng không quá
giá (điều 8) } 3 000 đê-xi-a-tin (!) (điều 5)
2) theo giá tự do } — nếu được sự cho phép
dành cho các công } đặc biệt thì nhiều hơn
xưởng, nhà máy, } thế (điều 6)
các xí nghiệp nông }
nghiệp (điều 9) }
và
(β) xen kẽ với ruộng đất
của nông dân (điều 4).

1) — Vậy là.

(γ) Trong tương lai không thể cho và cũng không thể bán cho những người dị tộc (điều 7).

{Không cho những người không phải dân tộc Nga} [điều 762 t. IX¹⁵⁵ ergo, cả những người Do - thái nữa].

Các cơ sở:

1. Cuộc họp đặc biệt bàn về những ruộng đất được chia của quý tộc.
2. Quy mô: 3 000.
Thời hạn — 99 năm.
3. Bán theo điều kiện ưu tiên (37 năm).
Trả tiền thuê đất = 0 trong 5 năm.
4. Thu hồi > 3 000; theo giá tự do; > 1 năm; thuê;
- Ad¹⁾ I? 5. Chỉ dành cho bọn quý tộc — không phải là những người dị tộc.
6. "Xe kê"
Thuê trong 1 vụ.

"Tin tức nước Nga", ngày 1 tháng Tám.

Ở tỉnh U-pha (I huyện !!!)¹⁵⁶.

Ruộng đất công do tư nhân bán với giá 587.696 rúp

— 63.426 —	9
+ 524. 270 rúp	1
Trong số 54 000	

đê-xi-a-tin sau 2 năm bán
39. 683 = 72,5%.

1) — Vào điểm.

B) Thời hạn tới 99 năm (điều 13).

Chỉ dành cho quý tộc... (điều 11) ("vừa lòng chính phủ...").

Số tiền thuê ruộng không ít hơn số thuế đảm phụ mà nông dân phải đóng (điều 16).

" " trong 5 năm đầu không phải trả (điều 16).

Nếu không nộp tiền thuê đất thì phạt ($1/2\%$ trong một tháng), và sau một năm — thu hồi lại ... (điều 18).

Nhưng "trong những trường hợp chính đáng đặc biệt" thì được phép hoãn lại tới 3 năm (điều 19).

Phát canh ruộng đất thuê ["một vụ trở lên" NB, NB¹⁾] — nếu được phép (điều 20).

Việc canh tác trên ruộng đất thuê phải được sự chứng thực của các quan chức Bộ nông nghiệp và tài sản quốc gia (điều 21).

Bán với 5% và trả dần trong 37 năm (điều 25).

[Còn giá bán = tiền thuế x 20] (điều 23).

Việc trả tiền có thể hoãn đến 1 năm (do Cục quản lý tài sản quốc gia cho phép) — đến 3 năm (do bộ trưởng cho phép).

[Đạo luật đã được thông qua trong hội nghị đặc biệt giải quyết những vấn đề thuộc đẳng cấp quý tộc].

1) — Nota bene — chú ý.

2

VIỆC TẠO RA NHỮNG ĐỊA CHỦ

Sự bố thí mới cho giới quý tộc cao thượng¹⁾

1. Đạo luật về sự phân phối ruộng đất ở Xi-bi-ri cho các tư nhân đã được ban hành — đạo luật này rất quan trọng, xét về thời gian ban hành và về tính chất của nó (quan trọng hơn là xét về những hậu quả có thể có) và đáng được chú ý.
2. Đã từ lâu chính phủ chúng ta giúp đỡ bọn quý tộc bằng mọi cách — nào ngân hàng quý tộc, nào các định mức trong lĩnh vực sản xuất đường, nào các ghế béo bở dành cho các trưởng quan địa phương, nào việc bán rượu cho nhà nước, và v. v. — nhưng bây giờ, chính phủ không những chỉ làm cái việc bố thí đó mà còn đẩy dân chúng vào chỗ *lệ thuộc* vào bọn địa chủ.
3. Đạo luật mới *tạo nên* một giai cấp những kẻ bóc lột mới — ăn bám vào hàng nghìn và hàng triệu những người nghèo khổ.
4. Các cơ sở của đạo luật.
Các ruộng đất được chia của quý tộc (Hội nghị đặc biệt). Bán (không bán cho những người dị tộc) và cho thuê ruộng đất — chỉ cho quý tộc.
5. Số lượng — 3 000 (!). Thời hạn 99 năm.

1) Đầu đề khởi thảo này do Lê-nin xoá.

6. Bán theo điều kiện ưu đãi (37 năm) và cho thuê (không phải trả tiền trong 5 năm).
7. Những trường hợp đặc biệt (nộp thuế không đúng hạn được hoãn: > 3 000 đê-xi-a-tin theo giá tự do etc.).
8. "Xen kẽ" và gieo trồng 1 vụ.
9. Có thể bán lại. Tặng vật. (Ví dụ ở tỉnh U-pha).

Về việc đánh giá.

10. — (4).
11. — (1).
12. — (2).
13. — (3).
14. — (5) và (6).
15. Vào thời kỳ khủng hoảng và đói — đó là sự quan tâm trước nhất của chính phủ. Ở đây, chính phủ đã bộc lộ toàn bộ bản chất của mình — bản chất của tên chủ nô.

Lưu ý:

- (1) Việc đối chiếu với nạn đói. Khoản bố thí gồm vài triệu.
- (2) Mối liên hệ với việc di cư. (Lo sợ sự di cư vì lao động của công nhân ở Nga sẽ đất lên). Sự hình thành giai cấp công nhân làm thuê *thường xuyên* ở Xi-bi-ri.
["xen kẽ"]¹⁾
- (3) Mối liên hệ với "các ý đồ" *chính trị*: tạo nên thành phần "hội đồng địa phương" ở Xi-bi-ri đối lập với giới trí thức "đi đây" ở Xi-bi-ri.
- (4) Đạo luật ban hành chính là *sau khi* xây dựng xong đường sắt và sau khi bãi bỏ việc đầy ải¹⁾.

1) Điểm này do Lê-nin xoá.

- (5) Đưa người nông dân khá giả và độc lập ở Xi-bi-ri xuống địa vị nửa nông nô.
- (6) Bộc lộ quan điểm thật sự của chính phủ Nga hoàng về tác dụng của chế độ đại sở hữu ruộng đất, coi đó là chỗ dựa tốt nhất của chế độ chuyên quyền và ăn cướp, là biện pháp kiểm chế tốt nhất đối với quần chúng nhân dân lao động.

3

MỘT KIỂU CỦA ĐOẠN KẾT THÚC BÀI BÁO

Chính phủ và những kẻ ủng hộ nó, các nhà chính luận theo khuynh hướng quý tộc (bọn bồi bút bảo vệ lợi ích của giới quý tộc), tất nhiên, đang cố gắng che đậy việc ăn cắp trắng trợn đó bằng mọi câu nói cao thượng: người ta nói đến việc phát triển văn hóa trong các doanh nghiệp kiểu mẫu. Ở đây, người ta gọi việc chuyển các chế độ nửa nông nô từ nước Nga đến Xi-bi-ri với tình cảnh không có lối thoát của nông dân bị bần cùng hoá — trên thực tế cũng đang phải chịu chế độ lao dịch như dưới chế độ cũ — là sự phát triển của văn hóa. Những doanh nghiệp kiểu mẫu không thể được xây dựng nên qua việc ban bố các mệnh lệnh hành chính và việc ăn cắp công quỹ, và việc phân phối ruộng đất sẽ chỉ đưa đến việc bọn quý tộc buôn đất, bọn này sống dựa vào việc bán lại ruộng đất một cách còn vô liêm sỉ hơn bọn cu-lắc, bọn cho vay nặng lãi v. v., những kẻ mà chúng đã nhìn bằng con mắt hết sức khinh bỉ. Khi mà ruộng đất không được mua đi bán lại, thì người ta thấy không phải là các doanh nghiệp kiểu mẫu, mà lại là một nền kinh tế dựa vào sự nô dịch nông dân, vào mọi hoạt động cho vay nặng lãi (cho vay tiền, lúa mì nhưng phải lao động để trả v. v.), tức là một nền kinh tế theo kiểu cu-lắc thật sự. Người ta còn nói đến ý nghĩa chính trị của thành phần địa chủ - quý tộc : ở Xi-bi-ri, nơi những người bị đày ải chiếm đa số trong giới trí thức địa phương, thì

theo người ta nói, cần phải tạo ra một chỗ dựa vững chắc cho chính quyền nhà nước, đó là thành phần tham gia hội đồng địa phương. Chính trong những lời bàn luận đó về ý nghĩa chính trị của tầng lớp đại địa chủ bao hàm một sự thật lớn hơn nhiều và hết sức sâu sắc hơn nhiều là mức độ tương tượng của những ai vẫn dùng cái luận cứ đó. Cách nghị luận ấy đã chỉ rõ là nhà nước cảnh sát có thể tồn tại nhờ dựa vào đâu: nhà nước cần tạo ra giai cấp những kẻ bóc lột lớn; tất cả cái gì bọn này có đều là do nhà nước bán cho, bọn này luôn phụ thuộc vào nhà nước (chẳng hạn, trong những điều kiện nhất định thì chính phủ có thể thu hồi ruộng đất của những người thuê ruộng đất của nhà nước), chúng tìm kiếm những nguồn thu nhập cho mình bằng những thủ đoạn dễ tiền nhất (kinh doanh kiểu cu-lắc, buôn bán theo kiểu môi giới, cho vay nặng lãi) và vì thế mà bao giờ chúng cũng là những kẻ ủng hộ trung thành của mọi chế độ độc tài và áp bức. Chính sách Á châu của chính phủ đòi hỏi phải có chỗ dựa là chế độ đại chiếm hữu ruộng đất Á châu, là chế độ nông nô "ban thưởng các thái ấp" (nếu giờ đây không thể ban thưởng các thái ấp với những người nông nô, như người ta đã làm trong thế kỷ trước, thì giờ đây người ta lại chia ruộng đất *xen kẽ* với ruộng đất của nông dân, những người này do túng thiếu sẽ buộc phải chịu một chế độ tạt dịch cũng như thế). Do đó chúng ta sẵn sàng tán thành với tờ "Tin tức Mát-xcơ-va" và "Công dân" rằng việc tạo ra giai cấp địa chủ thực tế là *cần thiết* để phục vụ các ý đồ chính trị của chính phủ Nga hoàng: ngày nay nhà vua chuyên chế không thể đứng vững được nếu không có các biện pháp nông nô etc. Chính sách (*moderne*¹⁾) của giai cấp tư sản đối với những ruộng đất bỏ hoang ở vùng biên khu là ở chỗ bán ruộng đất đó cho các chủ điền trang và nông dân, những người này hình thành một giai

1) — hiện đại.

cấp hoàn chỉnh trong tầng lớp dân cư khá giả (như ở Mỹ) đang có đòi hỏi lớn về các sản phẩm của giai cấp tư sản tạo nên một sự hưng thịnh chưa từng thấy trong toàn bộ đời sống công nghiệp. Chính sách nông nô là hạn chế việc di cư, là kiểm soát một cách quan liêu mọi sự di dân, là chia (trực tiếp hoặc dưới hình thức bán và cho thuê) ruộng đất nhà nước cho bọn đại địa chủ, những kẻ tìm kiếm những khoản thu nhập bằng cách nô dịch người khác.

Và ý nghĩa đặc biệt quan trọng của đạo luật mới này chính là ở chỗ...¹⁾.

Viết vào tháng Tám - đầu tháng

Chín năm 1901

In lần đầu năm 1932, trong

Văn tập Lê-nin, t. XIX

Theo đúng bản thảo

1) Bản thảo bị ngắt ở đây.

**NHẬN XÉT
VỀ BÀI BÁO CỦA RI-A-DA-NỐP
"HAI SỰ THẬT"¹⁵⁷**

Tr.

1. Tác giả lấy cơ sở là những lời nói của Mác (về hai con đường), mà thực ra được phát biểu một cách có điều kiện và trong những hoàn cảnh *đặc biệt*. Tác giả đã xuyên tạc vấn đề bằng cách *gán ghép* cho chính Mác *bản thân việc đặt vấn đề* về hai con đường.
7. "Việc chế giễu" những người thuộc thời kỳ những năm 70 (quay ngược bánh xe lịch sử) *không những* chứng tỏ "sự thiếu khả năng hoàn toàn đứng trên quan điểm lịch sử", mà nó còn chứng tỏ *sự hạ thấp*, về mặt lý luận, những người thuộc thời kỳ những năm 70 so với những người thuộc thời kỳ những năm 40 và 60.
- 7a. Qua việc nhấn mạnh rằng Mi-khai-lốp-xki lên tiếng phản đối V. V., mà không nói đến việc Mi-khai-lốp-xki thường hay đồng tình nhất và đồng tình nhiều nhất với V. V., tác giả đã tô điểm cho Mi-khai-lốp-xki.
8. Luận điệu sau đây là vô cùng sai sự thật: gán cho chính Mi-khai-lốp-xki chịu trách nhiệm về *tấn bi kịch* là sự diệt vong của nhóm "*Dân ý*" và cuộc "đi vào nhân dân". Bài báo chuyên nói về Mi-khai-lốp-xki mà Untergang¹⁾ của ông này chính là mang tính chất *persönlicher*²⁾,

1) — sự suy sụp.

2) — cá nhân.

và trong vận mệnh của ông ta "cái bi" thì rất ít, còn cái lối bịch thì rất nhiều.

9. Lẫn lộn *sự mắng nhiếc* Mi-khai-lốp-xki với "việc bôi nhọ thế hệ những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thời kỳ những năm 70" là một *điều ngu xuẩn*.
9. NB "từ chối" việc theo dõi sự phản ánh phái đa số cách mạng trong sách báo hợp pháp.
- 9 - 10. Say sưa lắng nghe tiếng nói của kẻ khờ khạo là tất cả "Gekreuzigte und Verbannte¹⁾".

(thuộc những năm 70)

13. "Các vấn đề xã hội được thay thế bằng các vấn đề cá nhân" (*và cho đến cuối trang* NB). (Xu hướng Pi. | ?? | xa-rép).
15. ...(Pi-xa-rép) "Lời tuyên truyền yêu đời về hạnh phúc cá nhân".
— — — "về các lý tưởng cá nhân chủ nghĩa". | ?? |
18. " " "lao đầu vào những vấn đề tự hoàn thiện bản thân".
- 24 - 25. (§ III) Đánh giá chủ nghĩa xã hội không tưởng của những *người cách mạng* (thuộc thời kỳ những năm 70), chủ nghĩa này bị lẫn lộn với khuynh hướng Mi-khai-lốp-xki.
- 28 - 29. Mi-khai-lốp-xki thường "hy sinh" một trong những sự thật. *Nhưng* chúng ta không quan tâm đến "giai đoạn cuối cùng" trong quá trình hoạt động của ông ta. Chúng ta chỉ quan tâm đến Mi-khai-lốp-xki như là người đại biểu cho một trào lưu nhất định trong giới *thanh niên* thuộc thời kỳ những năm 70 và 80.

1) — "những kẻ bị xích xiềng và bị đày ải".

31. Những "ranh giới" nào do "tự nhiên" đã tạo ra cho "trí tuệ"? (Lý luận về nhận thức).
- 29 - 35. Trình bày "hệ thống sự thật".
35. ... Hệ thống đó "cố gắng tìm kiếm trong thực tế một thành phần xã hội..." "quan tâm đến việc thực hiện lý tưởng".
41. Từ cuộc tranh luận với I-u-dốp và K⁰ (thuật lại một cách khô khan) — nhảy sang I-a-cô-ven-cô (năm 1886).
- 46 - 48. Pendant ¹⁾ = *Tơ - ca - tsép*.
Tiếp theo *Ác-xen-rốt*
và chuyển sang những người D. C. - X. H.
Tất cả những điều đó được trình bày một cách tế nhị và rất ít liên quan đến "2 điểm nói trên" và đến *Mi-khai-lốp-xki*.
Và N. — ôn (52) !! — với những kết luận rút ra từ đó, những kết luận mà Mi-khai-lốp-xki đã rút ra (53).
- § V, từ trang 57 - trang 77 (78 - 80 nói về "những người phê phán") — sự ra đời của chủ nghĩa Mác.
Sự buồn tẻ kinh khủng, chỉ có ở trang 82 người ta mới quay lại "*sự thật cũ*".
- 85 — Chúng ta bác bỏ việc phân chia thế giới ra thành nu-men và phê-nô-men¹⁵⁸.

Viết vào tháng Chín -
tháng Mười 1901

In lần đầu, theo đúng bản thảo

1) — một cái gì tương tự.

TÀI LIỆU DÙNG CHO BÀI "CUỘC ĐẤU TRANH VỚI NHỮNG KẺ ĐỐI"

Trong thông tư ngày 17 tháng Tám, có *ba điểm chủ yếu đập* vào mắt:

- A) Tổ chức quan liêu: bọn tỉnh trưởng, bọn cầm đầu quý tộc huyện, bọn chánh hội đồng địa phương.
- B) Tiêu chuẩn để xác định sự bần cùng và số lượng cho vay. ("Chỉ cốt sao họ không chết").
[điểm 5 và 10] ("Đói, nhưng đừng chết").
- C) "Sự tuyên truyền chống chính phủ".

[điểm 16] Đó là điều giả dối, bởi vì không có những trường hợp sử dụng sự giúp đỡ để gây nên những cuộc nổi loạn, biểu tình etc.

Đó không phải là cuộc đấu tranh với nạn đói, mà là đấu tranh chống những người đói, chủ yếu là *đấu tranh chống việc giúp đỡ người đói*.

- Ad¹⁾ A.) (1) tất cả đều do bọn quan lại, là bọn bận bịu vào những trách nhiệm hành chính và *chủ yếu* là trách nhiệm cảnh sát. *Bộ* là cơ quan quyết định cuối cùng vấn đề thừa nhận % bị nạn.
- (2) các tỉnh trưởng: "điều kiện chủ yếu nhất" làm cho điều quan tâm của họ thành đạt... tất cả các quan lại khác đều phục tùng họ; theo chỉ thị của họ mà hội Hồng thập tự đã tiến hành trợ giúp; có những cá nhân tự trình báo với

1) — về điểm.

họ; họ cho phép chọn những người giúp việc khi xây dựng các phòng ăn etc.

- (3) Những người
cầm đầu quý
tộc huyện —
phụ trách các
quyền lợi của
điền chủ trong
các huyện

"cơ quan quản lý trung tâm của
huyện về lương thực"

- (4) Những chánh hội đồng địa phương — lập danh sách — điều khiển các công việc xã hội tại khu vực (điểm 14).
(5) Dự tính các khoản chi về hành chính (điểm 7 và 8).
(6) Mệnh lệnh chung: tiết kiệm các khoản tiền được phép chi và — "sự làm mất tinh thần", "những niềm hy vọng quá cao"...

Điểm độc đáo trong thông tư ngày 17. VIII.

1. Quy mô tai họa (12 tỉnh).
2. Không thực hiện cách tổ chức mới trong công tác lương thực (12. VI. 1900).
3. "Điều kiện chủ yếu nhất" làm cho "tất cả" (!) các biện pháp thành công — các tỉnh trưởng phải áp dụng những biện pháp "đặc biệt" (etc).
(còn bài báo 322 này nói cả đến việc "nâng cao phúc lợi của các thành phố và nông thôn", còn bài 323: chia các biện pháp nhằm đảm bảo lương thực cho nhân dân thành những biện pháp "chung" và những biện pháp "đặc biệt").
4. Thảo luận xem những huyện nào "bị nạn mất mùa". "Quyết định cuối cùng về vấn đề này là thuộc quyền của bộ" (!!)
- (5) Những huyện không phải là bị nạn —
 1. khi mà $< \frac{1}{3}$ xã.
 2. khi mà số thóc thiếu là việc "thường xảy ra".

và thóc mua thêm "hàng năm" là nhờ vào những "khoản tiền kiểm phụ".

3. Khi có thể tự giải quyết nhờ vào những dự trữ của địa phương.
- (6) "Truyền tin của chính phủ" sẽ đăng tin về "các huyện bị nạn mất mùa".
- (7) Những cá nhân đặc biệt được phụ trách công tác lương thực trong các huyện — "*những người cầm đầu quý tộc huyện*".
Dành cho các khoản chi — một khoản đặc biệt. + 1 000 rúp chi một lần về "thủ tục lương thực" (sic!).
[= "cơ quan quản lý trung tâm của huyện về lương thực"].
- (8) Trong các tỉnh (với nhiều huyện bị mất mùa) + 1 000 rúp — 1 500 rúp "chi phí văn phòng phẩm những cơ quan tỉnh".
- (9) Tác hại của việc chuẩn bị lập danh sách quá sớm: "*những hy vọng quá cao*" etc.
- (10) Định mức: (a) sản lượng thu hoạch trung bình của một đề-xi-a-tin — mức lương thực trung bình.
(b) 48 pút cho mỗi gia đình.
(c) 48: 2.
(d) $48 : 2 = 24$. 24 — (33% — 10%)...
"...ít khi được nâng lên một chút...".
- (11) Gieo hạt không $> \frac{1}{2}$ phần ruộng đất được chia của 3 nhân khẩu [căn cứ vào các điều luật về nông dân]. Thêm vào đó: (a) tiết kiệm tiền được phép chi.
(b) tránh khoản trợ cấp "làm hại đạo đức" cho những người khá giả.
- (12) Sự trợ giúp cho "những người có thể tự giải quyết" cũng "không kém phần tai hại, xét về mặt lợi ích

và nhu cầu của nhà nước" — so với việc bỏ mặc không giúp đỡ những người thực sự túng thiếu (!)

- (13) Những công việc lao động xã hội... chủ yếu — lấy từ các số tư bản chi vào đường sá, số tư bản đó là...> 2,5 triệu (!) [chỉ có thế!]
- (14) Những công việc lao động xã hội nhỏ theo chỉ thị của các trưởng quan địa phương ("những công việc lao động có thể thực hiện được và bổ ích") và để bọn chúng quản lý tiên.
- (15) "Thường thường" hội Hồng thập tự trợ giúp "với một quy mô hết sức rộng".
- (16) "Sự cố động chống lại chính phủ" ("nhiều khi", "thường xuyên") "gây nên sự bất bình và đòi hỏi" ("nhu cầu không được thoả mãn một cách đầy đủ", "tình trạng rối loạn tất yếu của nền kinh tế" etc.).

Giọng quan phương, viện dẫn đạo luật nói về sự bảo trợ (cũng mang cùng ý nghĩa như đạo luật "cấm tất cả mọi người say rượu"), những đoạn gồm khoảng 18 dòng (và có đoạn gồm 36 (!) dòng), nhai lại một cách quan liêu những điều mà mọi người đều đã biết, những câu thật kêu etc. "Mục đích đã được giải thích rõ" etc.



Ví dụ, hãy nhắc nhở — "hãy làm cho tất cả các cơ quan trực thuộc đặc biệt lưu ý đến sự cần thiết phải tác động tùy theo sức mình" etc.

Viết xong vào tháng Mười
1901

In lần đầu, theo đúng bản thảo

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
CHƯA TÌM THẤY CỦA V. I. LÊ-NIN

CHÚ THÍCH

CÁC BẢN CHỈ DẪN

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA
V. I. LÊ-NIN

**DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM CỦA V. I. LÊ-NIN
CHO ĐẾN NAY CHƯA TÌM THẤY**
(tháng Năm - tháng Chạp 1901)

SƠ THẢO CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG

Lê-nin đã gửi văn kiện này cho G. V. Plê-kha-nốp, trong thời gian Người đến Muyn-khen, vào đầu tháng Năm 1901. Trong thư gửi cho V. I. Lê-nin đề ngày 12 tháng Bảy 1901, P. B. Ác-xen-rốt viết: "Bây giờ nói tới bản cương lĩnh. Tôi nhớ rằng người anh em [Plê-kha-nốp] đã lấy ở chỗ anh bản sơ thảo của anh và hình như người anh em tự đảm nhiệm công việc đó". Tiếp đó Ác-xen-rốt báo tin rằng ông ta đã đọc bản sơ thảo và "sau khi đọc xong tôi có ấn tượng là bản sơ thảo này có thể dùng làm phần mở đầu...." (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46).

**LỜI BẠT VIẾT CHO BÀI
"NHỮNG KẺ ÁP BỨC CÁC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
VÀ NHỮNG AN-NI-BAN CỦA PHÁI TỰ DO"**

Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp đề ngày 30. VII. 1901, V. I. Lê-nin viết: "Tôi đã gửi đảng bài báo chống lại R. N. X. sau khi đã bỏ đi nhiều câu gay gắt. Tôi lại viết cả lời bạt ngắn cho bài báo đó, trong đó có đối chiếu bài báo của Đra-gô-ma-nốp ("Cứ gỗ đi là người ta sẽ mở cửa") với bài của R. N. X. và khen Đra-gô-ma-nốp" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 134 - 135). Lời bạt này không được in.

**DỰ THẢO QUY CHẾ VỀ CÁC TỔ CHỨC CỦA BÁO
"TIA LỬA" Ở NGA**

Nội dung văn kiện này được trình bày trong thư của N. C. Crúp-xcai-a và của V. I. Lê-nin gửi cho L. I. Gôn-đman, lá thư này viết vào khoảng giữa 31 tháng Bảy và 12 tháng Tám 1901. Trong thư có nói: "Chúng tôi nghĩ nên làm như thế này: gửi bản dự thảo về tổ chức — do chúng tôi thảo ra — về Nga để thảo luận với hai, ba người, nhờ sự giúp đỡ của họ chúng tôi sẽ thảo ra điều lệ của tổ chức". Nội dung

dự thảo cũng được trình bày trong thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi cho L. I. Gôn-đman và X. Ô. Txê-đéc-bau-mơ; lá thư này viết vào tháng Tám 1901 (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46).

THƯ GỬI M. T. Ê-LI-DA-RỐP

Trong thư gửi cho M. I. U-li-a-nô-va đề ngày 6 (19) tháng Năm 1901, Lê-nin viết: "Anh vừa viết thư cho Mác-cơ và đã trình bày một cách hết sức chi tiết là nên đề ra "chế độ" như thế nào cho tốt nhất..." (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 208 - 209).

NHỮNG THƯ GỬI A. I. Ê-LI-DA-RÔ-VA

V. I. Lê-nin có nhắc tới một lá thư khác trong lá thư Lê-nin gửi cho P. B. Ác-xen-rốt đề ngày 4 tháng Tám 1901: "để hiểu một cách tường tận về vấn đề này¹⁾, tôi sẽ viết thư ngay cho bà chị..." (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46).

Qua các thư gửi cho Ma-ri-a A-léch-xan-đrốp-na U-li-a-nô-va, người ta thấy rõ ràng là V. I. Lê-nin đã có trao đổi thư từ với A. I. Ê-li-da-rô-va lúc đó đang ở nước ngoài (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 211 - 212, 213, 214, 215 - 216).

THƯ GỬI R. X. DEM-LI-A-TSƠ-CA

R. X. Dem-li-a-tơ-ca cho biết về bức thư này trong tập hồi ký của mình: "Năm 1901, tôi đã nhận được của Vla-đi-mia I-li-tơ một lá thư nói rằng tôi được chỉ định làm phái viên của tờ "Tia lửa" và phải đến ngay Ô-đét-xa" (xem "Sự thật", số 213, ra ngày 4 tháng Tám 1938).

NHỮNG BỨC THƯ GỬI CHO Ê. Đ. XTA-XÔ-VA

Ê. Đ. Xta-xô-va cho biết về những lá thư này trong tập hồi ký của mình, như sau: "Tôi đã quen biết Vla-đi-mia I-li-tơ vào mùa thu năm 1905 ở Giơ-ne-vơ, nhưng những thư từ trao đổi giữa chúng tôi thì có từ trước đó rất lâu, nghĩa là từ năm 1901. Sự trao đổi thư từ trong thời gian đó rất sôi nổi và không những chỉ mang tính chất trao đổi về công việc mà còn mang tính chất bạn bè thuần túy (xem, "Thay thế", 1940, số 4).

1) Ở đây nói về A. I-u. Phi-nơ - Ê-nô-ta-ép-xki.

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM CÓ THỂ LÀ CỦA V. I. LÊ-NIN

BÀI BÁO NHỎ "XANH PÊ-TÉC-BUA" ("TIA LỬA", SỐ 7, THÁNG TÁM 1901)

Bài báo nhỏ này được viết nhân ban biên tập báo "Tia lửa" nhận được bức thư của một công nhân ở Pê-téc-bua với lời nhận xét ca ngợi tờ "Tia lửa", số 4 và bài báo của V. I. Lê-nin "Bắt đầu từ đâu?" và thông báo về khí thế của công nhân ở Pê-téc-bua. Cuối bài báo có nói: "Người ta đã viết cho chúng tôi như sau: từ ngày 7 tháng Bảy nhà máy Ô-bu-khốp lại bãi công vì viên trợ lý giám đốc, tên là I-va-nốp, bị sa thải — hẳn là người làm nổ ra cuộc bãi công đầu tiên — lại thấy xuất hiện trong nhà máy". Bài báo "Trận kịch chiến mới" của V. I. Lê-nin dành cho các sự biến đã kể tới ở trên tại nhà máy Ô-bu-khốp (xem tập này, tr. 16 - 23).

"NHỮNG CHƯỞNG NGẠI MỚI" ("TIA LỬA", SỐ 9, THÁNG MƯỜI 1901)

Xét về đề tài và nội dung thì bài báo nhỏ này thuộc loại các bài báo của V. I. Lê-nin "Cuộc đấu tranh với những kẻ đối", "Luật khổ sai và án khổ sai", đồng thời thuộc loại bài "Điểm qua tình hình trong nước", trong bài báo đó V. I. Lê-nin đã viện dẫn bài sau đây: "Chúng ta sẽ không nói đến "điều nhỏ nhặt" của bản thông tư, — so với bản thông tư đã được phân tích — cũng của vị bộ trưởng đó nói về việc tăng cường giám sát các buổi hoà nhạc, các buổi biểu diễn kịch v. v. nhằm mục đích từ thiện (xem, "Tia lửa", số 9 "Những chương ngại mới)". (Xem tập này, tr. 377.)

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
MÀ V. I. LÊ-NIN
ĐÃ THAM GIA HIỆU ĐÍNH

"Tia lửa", số 4 — tháng Năm 1901.

"Tia lửa", số 5 — tháng Sáu 1901.

"Tia lửa", số 6 — tháng Bảy 1901.

"Tia lửa", số 7 — tháng Tám 1901.

"Tia lửa", số 8 — 10 tháng Chín 1901.

"Tia lửa", số 9 — tháng Mười 1901 (với phụ trương "Bảo vệ những công nhân ở I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xcơ").

"Tia lửa", số 10 — tháng Mười một 1901.

"Tia lửa", số 11 — 20 tháng Mười một 1901.

"Tia lửa", số 12 — 6 tháng Chạp 1901.

"Tia lửa", số 13 — 20 tháng Chạp 1901.

Tạp chí "Bình minh", số 2 - 3, tháng Chạp 1901.

Cuốn sách mỏng: "Những văn kiện của đại hội "thống nhất"". "Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga" xuất bản, Giơ-ne-vơ, 1901.

Tuyên bố của Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài. Xuất bản thành tờ riêng vào cuối năm 1901.

CHÚ THÍCH

- ¹ Bài báo của V. I. Lê-nin "*Bắt đầu từ đâu?*", lần đầu tiên được đăng trên số 4 báo "Tia lửa" dưới dạng một bài xã luận nhằm trả lời các vấn đề quan trọng nhất trong thời gian đó của phong trào dân chủ - xã hội ở Nga: về tính chất và nội dung chủ yếu của công tác cổ động chính trị, về những nhiệm vụ tổ chức và kế hoạch thành lập một đảng mác-xít có tính chiến đấu cho toàn Nga.

Bài báo là một tài liệu có tính chất cương lĩnh đối với phong trào dân chủ - xã hội cách mạng, nó đã được phổ biến rộng rãi ở nước Nga và nước ngoài. Các tổ chức dân chủ - xã hội địa phương đã đọc bài báo đó trên tờ "Tia lửa" và in lại thành sách riêng. Hội liên hiệp dân chủ - xã hội Xi-bi-ri đã in 5 000 bản và phân phát trong toàn Xi-bi-ri. Cuốn sách này cũng đã được in ở Rơ-giép và được truyền bá ở Xa-ra-tốp, Tam-bốp, Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, U-pha và các thành phố khác.

Những quan niệm về mặt sách lược và tổ chức mà Lê-nin nêu lên trong bài "*Bắt đầu từ đâu?*" cũng đã được Người phát triển tỉ mỉ trong tác phẩm "*Làm gì? Những vấn đề cấp bách trong phong trào của chúng ta*", xuất bản tháng Ba 1902, những quan niệm đó đã chỉ đạo hoạt động thực tiễn hàng ngày cho việc thành lập một đảng mác-xít ở Nga. — 1.

- ² *Xu hướng "kinh tế"* hay là "*chủ nghĩa kinh tế*" là trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội Nga cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, là một biến dạng của chủ nghĩa cơ hội quốc tế ở Nga. Các cơ quan báo chí của "phái kinh tế" là báo "Tư tưởng công nhân" (1897 - 1902) ở Nga và tạp chí "Sự nghiệp công nhân" (1899 - 1902) ở nước ngoài.

Năm 1899 "Credo" xuất hiện, đó là bản tuyên ngôn của "phái kinh tế" do Ê. Đ. Cu-xcô-va biên soạn. Khi còn bị đày, Lê-nin đã

nhận được "Credo", Người viết "Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 207 - 224), phê phán kịch liệt cương lĩnh của "phái kinh tế". Lời phản kháng đã được thảo luận và nhất trí thông qua tại cuộc hội nghị của 17 người mác-xít bị đày vì hoạt động chính trị, họp tại thôn Êc-ma-cốp-xcôi-ê, khu Mi-nu-xin-xcơ. "Phái kinh tế" đã hạn chế những nhiệm vụ của giai cấp công nhân trong khuôn khổ cuộc đấu tranh kinh tế đòi tăng lương, cải thiện điều kiện lao động v. v., và khẳng định rằng đấu tranh chính trị là việc của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Họ phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân, cho rằng đảng chỉ cần quan sát quá trình tự phát của phong trào, và chỉ nên là người ghi chép các sự biến. Sùng phục trước tính tự phát của phong trào công nhân, "phái kinh tế" đã hạ thấp ý nghĩa của học thuyết cách mạng, của tính tự giác, khẳng định rằng hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa có thể nảy sinh từ phong trào tự phát; họ phủ nhận sự cần thiết phải đưa ý thức xã hội chủ nghĩa vào phong trào công nhân và do đó đã dọn đường cho hệ tư tưởng tư sản. "Phái kinh tế" biện hộ cho tình trạng tản mạn và tính chất thủ công nghiệp của các nhóm riêng lẻ, duy trì tình trạng bất đồng và ngả nghiêng trong phong trào dân chủ - xã hội, bác bỏ sự cần thiết phải thành lập một đảng tập trung của giai cấp công nhân. "Chủ nghĩa kinh tế" gây ra nguy cơ làm cho giai cấp công nhân xa rời con đường giai cấp cách mạng và biến nó thành vật phụ thuộc chính trị của giai cấp tư sản.

Tờ "Tia lửa" của phái Lê-nin đã đóng một vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa kinh tế". Trong tác phẩm "Làm gì?", V. I. Lê-nin đã hoàn toàn đánh bại về mặt tư tưởng "chủ nghĩa kinh tế". — 5

³ "Sự nghiệp công nhân" là tạp chí của "phái kinh tế", cơ quan ngôn luận không định kỳ của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài". Tạp chí này xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ tháng Tư 1899 đến tháng Hai 1902, do B. N. Cri-tép-xki, A. X. Mác-tư-nốp, P. Tê-plốp, và sau đó là V. P. I-van-sin biên tập. Ra tất cả được 12 số (chín tập). Ban biên tập của "Sự nghiệp công nhân" là cơ quan trung ương ở nước ngoài của "phái kinh tế" ("phái "Sự nghiệp công nhân"). "Sự nghiệp công nhân" ủng hộ khẩu hiệu của Béc-stanh là "tự do phê phán" chủ nghĩa Mác, đưa ra "học thuyết về các thời kỳ", tỏ ra dao động trong vấn đề khủng bố cá nhân, tuyên bố không nên chống lại sự bành trướng của các thủ đoạn

khủng bố. "Sự nghiệp công nhân" đã tiến hành một cuộc đấu tranh công khai chống kế hoạch của phái "Tia lửa" về việc thành lập đảng, kêu gọi ủng hộ chính sách công liên chủ nghĩa, phủ nhận những khả năng cách mạng của giai cấp nông dân v. v.. Một trong những biên tập viên của tờ "Sự nghiệp công nhân" (V. P. I-van-sin) đã tham gia biên tập báo "Tư tưởng công nhân" — cơ quan ngôn luận của "phái kinh tế" công khai là cơ quan được tờ "Sự nghiệp công nhân" ủng hộ. Tại Đại hội II của đảng, "phái "Sự nghiệp công nhân"" là đại biểu của cánh cực hữu cơ hội chủ nghĩa trong đảng. — 5

⁴ "*Sự nghiệp công nhân*" khổ nhỏ" là phụ san không định kỳ của tạp chí "Sự nghiệp công nhân" xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ tháng Sáu 1900 đến tháng Bảy 1901; ra được tất cả 8 số. — 6

⁵ "*Tư tưởng công nhân*" là tờ báo, cơ quan ngôn luận của "phái kinh tế"; xuất bản từ tháng Mười 1897 đến tháng Chạp 1902. Ra được 16 số. Hai số đầu được in rô-nê-ô ở Pê-téc-bua, các số từ 3 đến 11 xuất bản ở nước ngoài, ở Béc-lanh; các số 12, 13, 14 và 15 xuất bản ở Vác-sa-va; số cuối cùng, số 16, xuất bản ở nước ngoài. Tờ báo do C. M. Ta-khta-rép và những người khác biên tập.

Lê-nin đã phê phán các quan điểm của báo "Tư tưởng công nhân" trong một loạt bài đăng trên tờ "Tia lửa" và trong tác phẩm "Làm gì?". — 6

⁶ V. I. Lê-nin có ý nói về bài báo của Người: "Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta", đăng trên báo "Tia lửa", số 1, tháng Chạp 1900, dưới dạng một bài xã luận (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất 1962, t. 4, tr. 466 - 473).

"Tia lửa" là tờ báo mác-xít bí mật đầu tiên cho toàn Nga, do Lê-nin sáng lập năm 1900, đã đóng vai trò quyết định trong việc thành lập đảng mác-xít cách mạng của giai cấp công nhân.

Do không thể xuất bản một tờ báo cách mạng ở nước Nga vì bị cảnh sát truy nã, cho nên ngay từ khi còn bị đày ở Xi-bi-ri, Lê-nin đã suy nghĩ hết sức tỉ mỉ kế hoạch xuất bản tờ báo ấy ở nước ngoài. Khi mãn hạn đi đày (tháng Giêng 1900) Lê-nin bắt tay thực hiện ngay kế hoạch của mình. Tháng Hai 1900 tại Pê-téc-bua, Lê-nin đàm phán với V. I. Da-xu-lích từ nước ngoài bí mật trở về, về việc nhóm "Giải phóng lao động" tham gia vào việc xuất bản tờ báo. Cuối tháng Ba - đầu tháng Tư 1900, một hội nghị gọi là "Hội nghị Pơ-xcốp" đã họp, tham gia hội nghị này có V. I. Lê-nin

L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ), A. N. Pô-tơ-rê-xốp, X. I. Rát-tsen-cô và "những người mác-xít hợp pháp" (P. B. Xtơ-ru-vê, M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki); hội nghị đã thảo luận dự thảo tuyên bố — do Lê-nin viết — của ban biên tập của tờ báo cho toàn Nga ("Tia lửa") và của tạp chí chính trị khoa học ("Bình minh") về cương lĩnh và nhiệm vụ của hai tờ này. Trong nửa đầu năm 1900, Lê-nin đã đi đến nhiều thành phố ở Nga (Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, Ri-ga, Xmô-len-xcơ, Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, U-pha, Xa-ma-ra, Xư-dơ-ran) để liên hệ với các nhóm dân chủ - xã hội và một số người dân chủ - xã hội và thoả thuận với họ về việc ủng hộ tờ "Tia lửa" sắp xuất bản. Tháng Tám 1900, Lê-nin sang Thụy-sĩ, và cùng A. N. Pô-tơ-rê-xốp thảo luận với các thành viên của nhóm "Giải phóng lao động" về cương lĩnh và những nhiệm vụ của tờ báo và tờ tạp chí, về những người có thể làm cộng tác viên, về thành phần và địa điểm của ban biên tập; cuộc toạ đàm đó suýt nữa thì tan vỡ (xem bài báo của V. I. Lê-nin ""Tia lửa" suýt tắt như thế nào?", Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, t. 4, tr. 423 - 445), song cuối cùng cuộc toạ đàm cũng đi đến nhất trí về tất cả các vấn đề đã tranh cãi.

Số đầu tiên báo "Tia lửa" của Lê-nin ra tháng Chạp 1900 ở Lai-pxích, những số tiếp theo ra ở Muyn-khen, từ tháng Bảy 1902 ở Luân-đôn và từ mùa xuân 1903 ở Giơ-ne-vơ. Tờ báo đã được sự giúp đỡ to lớn về mặt tổ chức (tổ chức nhà in bí mật, sưu tầm bộ chữ Nga v. v.) của những người dân chủ - xã hội Đức như C. Txét-kin, A. Bra-un v. v., của I-u. Mác-khlép-xki — một nhà cách mạng Ba-lan trong thời gian đó sống ở Muyn-khen, và của H. Quen-sơ — một trong những người lãnh đạo Hội liên hiệp dân chủ - xã hội Anh.

Ban biên tập báo "Tia lửa" gồm có: V. I. Lê-nin, G. V. Plê-kha-nốp, I-u. Ô. Mác-tốp, P. B. Ác-xen-rốt, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và V. I. Da-xu-lích. Thư ký ban biên tập lúc đầu là I. G. Xmi-đô-vích - Lê-man, sau đó, từ mùa xuân 1901 là N. C. Crúp-xcai-a — người kiêm nhiệm cả mọi việc liên hệ giữa tờ báo "Tia lửa" với các tổ chức dân chủ - xã hội Nga. Lê-nin thực sự là tổng biên tập và là người lãnh đạo báo "Tia lửa". Người đã phát biểu trên báo "Tia lửa" những bài nói về tất cả các vấn đề cơ bản của việc xây dựng đảng và của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản Nga, đã ứng phó với những sự biến quan trọng nhất xảy ra trong đời sống quốc tế.

"Tia lửa" trở thành trung tâm thống nhất các lực lượng của đảng, tập hợp và giáo dục các cán bộ của đảng. Nhiều nhóm và

ban chấp hành của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thuộc xu hướng "Tia lửa" của Lê-nin đã được thành lập tại một loạt thành phố ở Nga (Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Xa-ma-ra v. v.), và đến tháng Giêng 1902, tại đại hội của phái "Tia lửa" họp ở Xa-ma-ra, tổ chức "Tia lửa" Nga đã được thành lập. Các tổ chức "Tia lửa" xuất hiện và hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của những học trò và bạn chiến đấu của V. I. Lê-nin như: N. E. Bau-man, I. V. Ba-bu-skin, X. I. Gu-xép, M. I. Ca-li-nin, P. A. Cra-xi-cốp, G. M. Cờ-gi-gia-nốp-xki, Ph. V. Len-gnich, P. N. Lê-pê-sin-xki, I. I. Rát-tsen-cô v. v..

Theo sáng kiến và với sự tham gia trực tiếp của Lê-nin, ban biên tập báo "Tia lửa" đã thảo ra một bản dự án cương lĩnh của đảng (đăng trên báo "Tia lửa", số 21) và đã chuẩn bị cho Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào tháng Bảy-tháng Tám 1903. Tính đến ngày triệu tập đại hội, đa số các tổ chức dân chủ - xã hội địa phương ở Nga đều đứng về phía báo "Tia lửa", tán thành sách lược, cương lĩnh và kế hoạch tổ chức của nó, công nhận nó là cơ quan lãnh đạo của mình. Trong một nghị quyết đặc biệt, đại hội đã nêu rõ vai trò đặc biệt của báo "Tia lửa" trong cuộc đấu tranh cho đảng và tuyên bố đó là cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đại hội II đã thông qua thành phần ban biên tập gồm có Lê-nin, Plê-kha-nốp và Mác-tốp. Bất chấp cả nghị quyết của đại hội đảng, Mác-tốp đã từ chối không tham gia ban biên tập, thành ra từ số 46 đến số 51 báo "Tia lửa" xuất bản dưới sự chỉ đạo biên tập của Lê-nin và Plê-kha-nốp. Về sau, Plê-kha-nốp chuyển sang lập trường của phái men-sê-vích và đòi đưa vào ban biên tập báo "Tia lửa" tất cả các biên tập viên cũ thuộc phái men-sê-vích đã bị đại hội bác bỏ. Không thể tán thành những đòi hỏi ấy được nên ngày 19 tháng Mười (ngày 1 tháng Mười một) 1903 Lê-nin đã rút ra khỏi ban biên tập báo "Tia lửa", được bổ sung vào Ban chấp hành trung ương và trên cương vị đó đấu tranh chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa - men-sê-vích. Báo "Tia lửa", số 52 xuất bản dưới sự lãnh đạo của một mình Plê-kha-nốp. Ngày 13 (26) tháng Mười một 1903, Plê-kha-nốp bất chấp ý chí của đại hội, đã tự ý bổ sung vào ban biên tập báo "Tia lửa" những biên tập viên cũ thuộc phái men-sê-vích. Kể từ số 52, phái men-sê-vích đã biến báo "Tia lửa" thành cơ quan riêng của họ. — 6.

⁷ Đây là nói về những hoạt động cách mạng có tính chất quần chúng của sinh viên và công nhân: các cuộc biểu tình chính trị, mít-tinh, bãi công đã xảy ra hồi tháng Hai - tháng Ba 1901 ở Pê-téc-bua,

Mát-xơ-va, Ki-ép, Khác-cốp, Ca-dan, I-a-rô-xláp, Vác-sa-va, Bê-lô-xtốc, Tôm-xơ, Ô-đét-xa và ở các thành phố khác của nước Nga. Phong trào sinh viên năm học 1900 - 1901 xuất hiện trên cơ sở của những yêu sách học tập, nó mang tính chất của những hoạt động chính trị cách mạng chống lại chính sách phản động của chế độ quân chủ chuyên chế, phong trào được sự ủng hộ của những công nhân tiên tiến và sự hưởng ứng của tất cả các tầng lớp xã hội ở Nga. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các cuộc biểu tình và bãi công vào tháng Hai và tháng Ba 1901 là việc 183 sinh viên trường đại học tổng hợp Ki-ép bị cưỡng bức nhập ngũ vì họ đã tham gia vào cuộc mít-tinh của sinh viên. Về vấn đề này xem bài báo của V. I. Lê-nin: "Việc 183 sinh viên bị cưỡng bức đi lính" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xơ-va, t. 4, tr. 493 - 500). Chính phủ đã đàn áp những người tham gia đấu tranh cách mạng: cảnh sát và lính Cô-dắc đến giải tán cuộc biểu tình và đánh đập những người tham gia, hàng trăm sinh viên bị bắt và bị đuổi ra khỏi trường đại học; đặc biệt dã man là cuộc đàn áp những người tham gia biểu tình ngày 4 (17) tháng Ba 1901 trên quảng trường nhà thờ Ca-dan ở Pê-téc-bua. Những sự kiện tháng Hai - tháng Ba 1901 đã chứng minh sự lớn mạnh của cao trào cách mạng ở Nga; sự tham gia của công nhân vào phong trào dưới các khẩu hiệu chính trị có một ý nghĩa lớn lao. — 9.

⁸ Đây là nói về tác phẩm của V. I. Lê-nin "Làm gì? Những vấn đề cấp bách trong phong trào chúng ta". Tác phẩm này đã được in vào tháng Ba 1902 tại nhà xuất bản Đít-tơ ở Stút-ga. — 10.

⁹ Ở đây có ý nói về bản tin "ngày 1 tháng Năm ở Nga", đăng trên báo "Tia lửa", số 5, tháng Sáu 1901, trong mục "Tin vắn về phong trào công nhân và bức thư gửi từ công xưởng và nhà máy". — 19.

¹⁰ Đây là nói về "Lời nói đầu" của Ph. Ăng-ghe-n viết cho tác phẩm của C. Mác "Cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850". Năm 1895, khi đăng "Lời nói đầu" trên báo "Vorwärts" ("Tiến lên"), ban biên tập không báo trước cho Ăng-ghe-n biết mà đã vứt bỏ hết tất cả những công thức quan trọng nhất về đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và khi đăng thì lại xuyên tạc nguyên bản. Xem những bức thư về vấn đề này của Ph. Ăng-ghe-n 1. IV và 3. IV. 1895 (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, 1953, tiếng Nga, tr.487-488).

Bọn thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội Đức đã dùng tài liệu đó để biện hộ cho đường lối cự tuyệt cách

mạng do chúng thi hành, để phủ nhận tính tất yếu của khởi nghĩa vũ trang và các trận chiến đấu của giai cấp vô sản sau luỹ chương ngại, để bảo vệ sách lược dung hòa.

Toàn văn "Lời nói đầu" được in lần đầu tiên ở Liên-xô trong tác phẩm của C. Mác "Cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850", Mát-xơ-va - Lê-nin-grát, 1930. "Lời nói đầu" cũng được in trong tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ hai, 1970, t. I, tr.128 - 153, . — 22.

¹¹ Lê-nin muốn nói đến cuộc xung đột hồi tháng Chạp 1898 giữa cảnh sát và công nhân bãi công thuộc công xưởng Mác-xơ-ven ở ngoài cửa ô Nê-va của thành Pê-téc-bua. Để bóp chết cuộc bãi công, cảnh sát đã quyết định bắt giữ những công nhân tích cực nhất — những người tổ chức cuộc bãi công. Đêm 15 rạng 16 tháng Chạp, các đơn vị bộ binh và kỵ binh cảnh sát đã bao vây nhà tập thể của công xưởng, ngôi nhà số 63 đường Slít-xen-bua. Trong khi định xông vào nhà, bọn cảnh sát đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của những công nhân tay không vũ khí, của vợ con họ, họ đã anh dũng tự vệ trong nhiều giờ. Sự kiện đó đã chứng minh cho tính cương nghị, dũng cảm và kiên quyết của công nhân trong cuộc đấu tranh vì quyền lợi của mình. — 22.

¹² Ngày 4 (17) tháng Ba 1901, tại quảng trường nhà thờ Ca-dan ở Pê-téc-bua đã diễn ra một cuộc biểu tình phản đối việc bắt 183 sinh viên Trường đại học tổng hợp Ki-ép nhập ngũ vì họ đã tham gia phong trào cách mạng. Chính phủ Nga hoàng đã giải tán cuộc biểu tình của hàng nghìn sinh viên và công nhân. Bọn lính Cô-dắc, cảnh sát và hiến binh đã đánh đập tàn nhẫn hàng trăm người tham gia biểu tình, làm cho một số người bị chết, nhiều người bị thương và tàn phế. Báo "Tia lửa", số 3, tháng Tư 1901 đã đưa tin tỉ mỉ về cuộc biểu tình này. — 23.

¹³ "Bình minh" là tạp chí chính trị - khoa học mác-xít; xuất bản công khai ở Stút-ga trong những năm 1901 - 1902, dưới sự chỉ đạo của ban biên tập báo "Tia lửa". Tạp chí "Bình minh" ra được tất cả bốn số (ba quyển): số 1 ra tháng Tư 1901 (đúng ra là ngày 23 tháng Ba, theo lịch mới), số 2 - 3 ra tháng Chạp 1901, số 4 ra tháng Tám 1902.

Những nhiệm vụ của tạp chí này đã được xác định trong dự thảo tuyên bố của tờ "Tia lửa" và "Bình minh", do V. I. Lê-nin

viết ở Nga. Vì khi thảo luận vấn đề xuất bản các cơ quan này ở nước ngoài, cùng với nhóm "Giải phóng lao động", hội nghị đã quyết định cho tờ "Bình minh" được xuất bản công khai, còn tờ "Tia lửa" thì xuất bản bí mật, nên trong bản tuyên bố đã công bố của ban biên tập báo "Tia lửa", người ta không nhắc tới tạp chí "Bình minh" nữa. Bản tuyên bố của ban biên tập tạp chí "Bình minh" cho số đầu tiên được giao cho P. B. Ác-xen-rốt viết. Nhưng nhà xuất bản Đít-tơ đã từ chối không in bản tuyên bố ấy vì trong đó có nói đến tờ "Tia lửa" bí mật. Số 1 của tạp chí "Bình minh" mở đầu bằng một lời kêu gọi ngắn "Gửi bạn đọc": để duy trì tính chất hợp pháp, trên bìa của tạp chí "Bình minh" đã ghi rõ rằng tạp chí này có sự tham gia của G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích và P. B. Ác-xen-rốt; tên của Lê-nin không được nhắc tới chính là vì công việc biên tập tạp chí "Bình minh" là do ban biên tập báo "Tia lửa" đảm nhận. Năm 1902, khi xuất hiện sự bất đồng và xung đột trong nội bộ ban biên tập "Tia lửa" và "Bình minh", Plê-kha-nốp đưa ra một dự án đòi tách tạp chí ra khỏi tờ báo (để giành lấy công tác biên tập tạp chí "Bình minh"), nhưng đề nghị đó không được thông qua, và ban biên tập của hai cơ quan này vẫn là một.

Tạp chí "Bình minh" đã phê phán chủ nghĩa xét lại Nga và quốc tế ("chủ nghĩa Mác hợp pháp" và "chủ nghĩa kinh tế"), bảo vệ những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác. Tạp chí "Bình minh" đã đăng các tác phẩm của Lê-nin nói về vấn đề đó: "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", "Các ngài "phê phán" trong vấn đề ruộng đất" (bốn chương đầu của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"), "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga", và cả các tác phẩm của G. V. Plê-kha-nốp: "Sự phê phán những kẻ phê phán chúng ta. Phần I. Ông P. Xơ-ru-vê đóng vai của một nhà phê bình học thuyết của Mác về sự phát triển xã hội", "Cant chống lại Can-tơ hay là lời di chúc tinh thần của ngài Béc-stanh" v. v.. — 24.

- ¹⁴ V. I. Lê-nin viết bài báo "*Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do*" nhân sự ra đời vào năm 1901 của cuốn sách "Chế độ chuyên chế và hội đồng địa phương. Bản điều trần mật của bộ trưởng Bộ tài chính quốc vụ khanh X. I-u. Vít-te (1899)", kèm theo lời tựa và chú thích của R. N. X. (P. B. Xơ-ru-vê); bài báo gồm những tài liệu nhằm bóc trần chính sách của chính phủ Nga hoàng đối với hội đồng địa phương và nêu lên bản chất tư sản của chủ nghĩa tự do ở Nga. Lê-nin mỉa mai gọi những người tự do chủ nghĩa Nga là những An-ni-ban của phái tự do, vì họ, như P. Xơ-

ru-vê viết, thể đấu tranh chống chế độ chuyên chế, giống như thống soái An-ni-ban thành Các-pha-ghe-n, thể suốt đời đấu tranh chống quân La-mã.

Thoạt đầu, Lê-nin định đăng bài báo này trên tờ "Tia lửa"; người ta đã thông báo sẽ đăng nó trên số 5, trong bản tin "Tài liệu mật" (xem tập này, tr. 24). Nhưng vì bài báo quá dài, nên lại quyết định đăng nó trong tạp chí "Bình minh".

Ban biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh" đã tranh luận về bài đồ găm một tháng rưỡi. Người ta đã sôi nổi trao đổi thư từ cho nhau trong khi tranh luận, điều đó chứng tỏ rằng có một sự bất đồng nghiêm trọng đang diễn ra trong nội bộ ban biên tập về các vấn đề sách lược của đảng mác-xít đối với chủ nghĩa tự do tư sản. Một số uỷ viên ban biên tập: G. V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rốt, V. I. Da-xu-lích, trong khi thừa nhận việc phê phán phái tự do theo kiểu Lê-nin là đúng, thì họ lại đòi sửa đổi sao cho giọng văn tố giác gay gắt và cho tính chất luận chiến của bài báo trở nên mềm mỏng hơn, đòi phê phán chủ nghĩa tự do một cách nhẹ nhàng hơn. Lê-nin chỉ đồng ý thay đổi một số lối nói không quan trọng, chứ dứt khoát không đồng ý thay đổi giọng văn, phương châm và tính chất luận chiến trong bài báo. Bài báo như thế đã được đăng trong số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh", ra tháng Chạp 1901. Bản in đầu tiên của bài báo không còn giữ được. — 25.

- ¹⁵ "*Cái chuông*" là tạp chí ra hàng tháng, đôi khi ra 2 số một tháng, dưới câu châm ngôn "Vivos Voco!" ("Kêu gọi những người sống!"), do A. I. Ghéc-txen và N. P. Ô-ga-rép xuất bản, từ ngày 1 tháng Bảy 1857 đến tháng Tư 1865 ở Luân-đôn và từ năm 1865 đến tháng Bảy 1867 ở Giơ-ne-vơ. Ra được tất cả 245 số. Năm 1868, tạp chí này xuất bản bằng tiếng Pháp; một vài số có thêm phụ trương bằng tiếng Nga. "Cái chuông" phát hành tới 2 500 bản và được truyền bá rộng rãi khắp nước Nga. "Cái chuông" đã vạch trần sự lộng quyền của chế độ chuyên chế, sự tham nhũng và ăn cắp công quỹ của bọn quan lại, sự bóc lột tận xương tuỷ người nông dân của bọn địa chủ, đồng thời, nó cũng đã kêu gọi cách mạng và góp phần thức tỉnh quần chúng đấu tranh chống chính phủ Nga hoàng và các giai cấp thống trị.

"Cái chuông" là tờ báo đứng đầu báo chí cách mạng không bị kiểm duyệt, xuất hiện trước báo chí công nhân ở Nga và đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển phong trào dân chủ, nói chung, và phong trào cách mạng, trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế và chế độ nông nô. — 32.

¹⁶ "*La Revue des deux Mondes*" ("Bình luận của thế giới cũ và mới") là tạp chí ra hàng tháng của phái tự do - tư sản Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1829 đến năm 1940. Ban đầu xuất bản dưới hình thức là tạp chí văn học nghệ thuật, về sau nó đã dành phần lớn vị trí cho các vấn đề triết học và chính trị. Trong từng thời gian khác nhau, những nhà văn có tên tuổi sau đây đã cộng tác với tờ báo: V. Huy-gô, Gioóc-giơ Xan-đơ, Ô. Ban-dắc, A. Đuy-ma, v. v.. Từ năm 1948, tạp chí này đổi tên là "*La Revue. Littérature, histoire, arts et sciences des deux mondes*" ("Bình luận. Văn học, lịch sử, nghệ thuật và khoa học của thế giới cũ và mới"). — 32.

¹⁷ Ở đây có ý nói về cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc của Ba-lan trong những năm 1863 - 1864 nhằm chống lại chế độ chuyên chế của Nga hoàng. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến khởi nghĩa là do việc chính phủ Nga hoàng và nhà cầm quyền Ba-lan bắt lính một cách khác thường nhằm đưa hàng loạt thanh niên có tư tưởng cách mạng ra khỏi các thành phố. Ban đầu, Ủy ban dân tộc trung ương do phái "đỏ" của đảng tiểu quý tộc thành lập vào năm 1862, đã lãnh đạo khởi nghĩa. Nội dung cương lĩnh của Ủy ban là đòi độc lập dân tộc cho Ba-lan, bình đẳng cho tất cả nam giới trong nước, không phân biệt tôn giáo và thành phần xuất thân; trả lại ruộng đất cho nông dân và không đòi tiền chuộc, bãi bỏ chế độ tạp dịch; bố trí thường ruộng đất cho địa chủ bằng ngân quỹ nhà nước v. v.. Cương lĩnh đó đã lôi cuốn được các tầng lớp rất khác nhau trong dân cư Ba-lan tham gia khởi nghĩa: thợ thủ công, công nhân, sinh viên, trí thức quý tộc, một bộ phận của giai cấp nông dân, giới tu hành.

Trong quá trình khởi nghĩa, một số phần tử tập hợp xung quanh phái "trắng" (phái đại quý tộc ruộng đất và đại tư sản), cũng đã tham gia khởi nghĩa nhằm mục đích lợi dụng nó để mưu lợi ích cho mình và với sự giúp đỡ của Anh và Pháp, thoả hiệp một cách có lợi với chính phủ Nga hoàng.

Giới dân chủ cách mạng Nga thông cảm sâu sắc với những người khởi nghĩa. Các thành viên của hội bí mật "Ruộng đất và tự do", có liên hệ với N. G. Tséc-nur-sép-xki, đã cố gắng giúp đỡ họ bằng mọi cách. Ban chấp hành trung ương hội "Ruộng đất và tự do" đã ra lời kêu gọi "Gửi sĩ quan và binh lính Nga", phân phát trong các đơn vị đến đàn áp những người khởi nghĩa. A. I. Ghéc-txen và N. P. Ô-ga-rép cho đăng trên tờ "Cái chuông" nhiều bài báo viết về cuộc đấu tranh của nhân dân Ba-lan và giúp đỡ về vật chất cho những người khởi nghĩa.

Do tính chất không triệt để của phái "đỏ" nên họ mất chủ động

cách mạng, và quyền lãnh đạo khởi nghĩa đã lọt vào tay phái "trắng" đã phản bội khởi nghĩa. Tới mùa hạ 1864, cuộc khởi nghĩa bị quân đội Nga hoàng đàn áp dã man.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đánh giá cuộc khởi nghĩa Ba-lan 1863-1864 là một cuộc khởi nghĩa tiến bộ, hai ông đã bày tỏ ra sự thông cảm sâu sắc đối với cuộc khởi nghĩa đó và hy vọng rằng nhân dân Ba-lan giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh của mình để giải phóng dân tộc. Thay mặt các kiều dân Đức sống ở Luân-đôn, Mác đã viết lời kêu gọi giúp đỡ những người Ba-lan. Khi nêu lên tính chất tiến bộ, đối với thời kỳ đó, của cuộc khởi nghĩa Ba-lan, Lê-nin viết: "Trong khi quân chúng nhân dân Nga và đa số các nước Xla-ơ còn đang mê ngủ; trong khi ở các nước ấy *chưa có* những phong trào dân chủ có tính chất quần chúng và độc lập, thì phong trào giải phóng có *tính chất quý tộc ở Ba-lan*, nếu đứng về quan điểm của phong trào dân chủ không những của toàn bộ nước Nga, không những của tất cả các nước Xla-ơ, mà cả của toàn thể châu Âu nữa mà xét, đều có một tầm quan trọng hết sức to lớn, hàng đầu" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr.508 - 509). — 33.

¹⁸ "*Nước Nga trẻ*" là một tờ truyền đơn do nhóm sinh viên cách mạng Mát-xcơ-va của P. G. Dai-tơ-nép-xki đưa ra vào tháng Năm 1862. Tờ truyền đơn đó đã bóc trần chế độ nông nô chuyên chế ở Nga, vạch mặt phái tự do thoả hiệp và kêu gọi đấu tranh lật đổ chế độ quân chủ và thành lập "nước Nga cộng hoà dân chủ - xã hội", dựa trên cơ sở của khối liên minh liên bang tự nguyện của các khu vực. Tờ truyền đơn — như Mác đã chỉ rõ — là "sự mô tả rõ ràng và chính xác tình hình trong nước, tình hình của các đảng phái khác nhau, tình hình của báo chí và vì là tuyên ngôn của chủ nghĩa cộng sản", nó "tất yếu đi đến kết luận về sự cần thiết phải làm một cuộc cách mạng xã hội" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XIII, ph. 2, 1940, tr. 642). Tờ truyền đơn đòi: bình đẳng cho phụ nữ, toà án phải do bầu cử mà ra, đánh thuế phải công bằng, xây dựng các nhà máy và cửa hàng bách hoá công cộng, giáo dục xã hội cho trẻ em, độc lập cho nước Ba-lan và Lit-va, thay thế quân thường trực bằng các đơn vị cận vệ quốc gia v.v.. Khi tuyên truyền cho một cuộc đột biến cách mạng, "Nước Nga trẻ" khuyến khích phần tử cách mạng nên tìm chỗ dựa trong những tín đồ cựu giáo, trong nông dân, trong những sĩ quan có trình độ học thức cao, nhưng đồng thời nó lại tuyên bố rằng giới trí thức bình dân cách mạng là lực lượng chủ yếu của phong trào.

Tờ truyền đơn được phổ biến ở Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua và nhiều tỉnh thành ở Nga. — 33.

- ¹⁹ "*Trên vị trí vinh quang*" là văn tập báo chí, do những người dân túy xuất bản nhân dịp kỷ niệm bốn mươi năm (1860 - 1900) hoạt động văn hoá và xã hội của nhà tư tưởng của phái dân túy N. C. Mi-khai-lốp-xki. Trong văn tập này có các bài của N. An-nen-xki, N. Ca-rư-sép, P. Mi-li-u-cốp, N. Mi-khai-lốp-xki, P. Mô-ki-ép-xki, V. Mi-a-cô-tin, A. Pê-sê-khôn-ốp, M. Ra-pha-i-lốp, N. Ru-ba-kin, V. Xê-mép-xki, V. Tséc-nốp, A. Tsu-pơ-rốp, X. I-u-gia-cốp và những người khác. — 34.
- ²⁰ "*Người đương thời*" là tạp chí chính trị - khoa học và văn học ra hàng tháng, do A. X. Pu-skin sáng lập; phát hành ở Pê-téc-bua từ 1836 đến 1866. Từ 1847 đến 1862, tạp chí này do N. A. Nê-cra-xốp và I. I. Pa-na-ép xuất bản, từ 1863 chỉ có một mình N. A. Nê-cra-xốp xuất bản. Các cộng tác viên của tạp chí là: V. G. Bê-lin-xki, N. G. Tséc-nư-sép-xki, N. A. Đô-brô-li-u-bốp, N. V. Sen-gu-nốp, M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin, M. A. An-tô-nô-vích, v. v.. "*Người đương thời*" là tạp chí có uy tín nhất lúc bấy giờ, nó phản ánh khuynh hướng dân chủ cách mạng và có ảnh hưởng to lớn trong các phân tử tiến bộ của xã hội Nga và nhất là trong giới thanh niên có tinh thần cách mạng. Trong thời kỳ cải cách nông dân, tạp chí này là cơ quan của giới dân chủ cách mạng, tuyên truyền cho những tư tưởng cách mạng, của cuộc đấu tranh của quần chúng nhằm lật đổ chế độ Nga hoàng, bảo vệ quyền lợi của giai cấp nông dân. Năm 1866, chính phủ Nga hoàng đã đóng cửa tạp chí. — 34.
- ²¹ "*Lời nói nước Nga*" là tạp chí chính trị - văn học, ra hàng tháng, xuất bản ở Pê-téc-bua từ 1859 đến 1866. Đ. I. Pi-xa-rép, N. V. Sen-gu-nốp và những người khác đã cộng tác với tạp chí. Tạp chí này là một trong những cơ quan tiến bộ, có nhiều ảnh hưởng, đã tuyên truyền những tư tưởng dân chủ cách mạng và có ảnh hưởng lớn trong những thanh niên tiên tiến của những năm 60. Năm 1866, chính phủ Nga hoàng đã đóng cửa tạp chí. — 34.
- ²² "*Ban ngày*" là tuần báo có khuynh hướng thân Xla-vơ, do I. X. Ác-xa-cốp xuất bản ở Mát-xcơ-va từ 1861 đến 1865. — 34.
- ²³ "*Quyĩ tương tế nhà văn*" ("*Hội quyĩ tương tế nhà văn để trợ cấp cho các nhà văn và các học giả nghèo và gia đình của họ*") là hội

tự nguyện công khai, được thành lập ở Pê-téc-bua năm 1859 với sự tham gia của N. G. Tséc-nư-sép-xki. Viện lý do giúp đỡ các nhà văn và các học giả nghèo, các nhà tổ chức của Hội có ý định muốn đoàn kết một bộ phận trí thức tiên tiến có tinh thần cách mạng. Tháng Tư 1862, họ thành lập một tổ chức sinh viên công khai. "Phân hội giúp đỡ học sinh nghèo" đã ra đời (phân hội thứ 2 trực thuộc "Quyĩ tương tế nhà văn"). Đứng đầu phân hội là ủy ban sinh viên. Phần lớn các uỷ viên trong uỷ ban này có quan hệ với tổ chức cách mạng bí mật "Ruộng đất và tự do". Tháng Sáu 1862, "Phân hội" đã bị chính phủ Nga hoàng giải tán. — 35.

- ²⁴ *Câu lạc bộ đánh cờ* được thành lập vào tháng Giêng 1862 ở Pê-téc-bua theo sáng kiến của N. G. Tséc-nư-sép-xki và các bạn thân của ông. Những người lãnh đạo câu lạc bộ là: N. A. Nê-cra-xốp, anh em A. A. và N. A. Xéc-nô - Xô-lô-vi-ê-vích, anh em V. X. và N. X. Cu-rốt-skin, P. L. La-vrốp, G. E. Bla-gô-xvét-lốp, G. D. Ê-li-xê-ép, N. G. Pô-mi-a-lốp-xki. Thành phần câu lạc bộ gồm có những người tham gia tổ chức cách mạng bất hợp pháp "Ruộng đất và tự do". Câu lạc bộ đánh cờ thực tế là câu lạc bộ của các nhà văn, là trung tâm của đời sống xã hội và chính trị của giới trí thức tiên tiến có tinh thần cách mạng ở Pê-téc-bua. Tháng Sáu 1862 câu lạc bộ đã bị chính phủ Nga hoàng giải tán. — 35.
- ²⁵ Ở đây có ý nói đến "Đạo luật chung về những nông dân thoát khỏi chế độ nông nô, do vua A-lếch-xan-đơ II ký ngày 19 tháng Hai 1861 cùng với bản Tuyên ngôn tuyên bố thủ tiêu quyền chiếm hữu nông nô.

"*Cuộc cải cách nông dân*" 1861 do chính phủ Nga hoàng tiến hành vì lợi ích của bọn địa chủ - chủ nô. Tính tất yếu của cuộc cải cách được quyết định bởi toàn bộ quá trình phát triển kinh tế của đất nước và sự lớn mạnh của phong trào quần chúng nông dân chống lại chế độ bóc lột kiểu nông nô. Về hình thức, "cuộc cải cách nông dân" là một cuộc cải cách tư sản do bọn chủ nô tiến hành. "Chùng nào ruộng đất của nông dân bị cắt xén ít hơn, ruộng đất của nông dân tách khỏi ruộng đất của địa chủ một cách *triệt để hơn*, số cống vật nộp cho bọn chủ nô giảm xuống *thấp hơn*", thì chùng đó, "nội dung tư sản của cuộc cải cách càng bộc lộ mạnh mẽ hơn" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 20, tr. 173 - 174). "Cuộc cải cách nông dân" là một bước tiến trên con đường biến nước Nga thành một nước quân chủ tư sản.

Tất cả có 22,5 triệu nông dân được "giải phóng". Song, đất đai của địa chủ vẫn được bảo toàn. Ruộng đất của nông dân bị coi là tài sản của địa chủ. Nông dân chỉ có thể nhận được phần ruộng được chia bằng cách chuộc lại, theo mức quy định của luật pháp (và được sự đồng ý của địa chủ). Số tiền chuộc này nông dân phải nộp cho chính phủ Nga hoàng, vì chính phủ đã thanh toán với địa chủ theo mức quy định. Theo sự ước tính, số ruộng đất của bọn quý tộc sau cải cách là 71,5 triệu đê-xi-a-tin, của nông dân là 33,7 triệu đê-xi-a-tin. Nhờ cải cách, bọn địa chủ đã chiếm được hơn $\frac{1}{5}$ và thậm chí đến $\frac{2}{5}$ ruộng đất của nông dân.

Chế độ lao dịch cũ của nền kinh tế chỉ bị cuộc cải cách phá vỡ ít nhiều chứ không bị thủ tiêu. Bọn địa chủ vẫn chiếm giữ trong tay những phần đất tốt nhất của nông dân ("những phần đất bị cắt", rừng, đồng cỏ, nguồn nước, bãi chăn nuôi v. v.), mà nếu không có những phần đất này, người nông dân không thể nào độc lập canh tác được. Trước khi hợp đồng chuộc đất được ký kết, người nông dân bị coi là "những người có nghĩa vụ tạm thời" và họ phải làm nghĩa vụ đối với địa chủ dưới hình thức nộp tô và làm tạp dịch. Việc nông dân phải chuộc lại những phần đất của mình là sự cướp đoạt trắng trợn ruộng đất mà bọn địa chủ và chính phủ Nga hoàng đã tiến hành. Về món nợ mà người nông dân phải trả cho chính phủ Nga hoàng thì nghĩa vụ quy định thời hạn là 49 năm với lợi ích 6%. Tiền nợ trả không đúng hạn theo hợp đồng sẽ tăng lên hàng năm. Chỉ riêng số nông dân trước thuộc địa chủ đã phải nộp cho chính phủ Nga hoàng theo hợp đồng là 1,9 tỉ rúp; trong khi đó giá thị trường về ruộng đất chuyển cho nông dân không vượt quá 544 triệu rúp. Trên thực tế, người nông dân đã buộc phải trả hàng trăm triệu rúp cho ruộng đất của mình, điều đó dẫn đến chỗ phá vỡ nền kinh tế nông dân và bản cùng hoá đại bộ phận giai cấp nông dân.

Những người dân chủ cách mạng Nga, đứng đầu là N. G. Tséc-nư-sép-xki, đã phê phán "cuộc cải cách nông dân" vì tính chất nông nô của nó.

V. I. Lê-nin gọi "cuộc cải cách nông dân" năm 1861 là hành động bạo lực hàng loạt đầu tiên đối với giai cấp nông dân vì lợi ích của chủ nghĩa tư bản đang phát sinh trong nông nghiệp, là "việc dọn đất" theo kiểu địa chủ cho chủ nghĩa tư bản.

Về cuộc cải cách năm 1861, xem bài của Ph. Ăng-ghen "Chủ nghĩa xã hội ở Đức" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 252 - 254) và các tác phẩm của V. I. Lê-nin: "Năm mươi năm ngày sụp đổ của chế độ nông nô",

"Nhân ngày kỷ niệm", ""Cuộc cải cách nông dân" và cuộc cách mạng nông dân vô sản" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 20, tr. 139 - 142, 161 - 170, 171 - 180). — 35.

²⁶ *Những viên trọng tài hoà giải* là một chức vụ hành chính do chính phủ Nga hoàng đặt ra trong thời kỳ tiến hành "cuộc cải cách nông dân" năm 1861. Những viên trọng tài hoà giải do tỉnh trưởng bổ nhiệm từ bọn quý tộc phương, được uỷ quyền phân xử và giải quyết những vụ xung đột giữa địa chủ và nông dân xảy ra trong đời sống hàng ngày khi thi hành "Luật" về việc giải phóng nông dân, nhưng thực tế là nhằm bảo vệ quyền lợi cho địa chủ. Chức năng cơ bản của những viên trọng tài hoà giải là soạn ra cái gọi là những "bản điều lệ" trong đó xác định đúng phạm vi và địa thế những phần đất của nông dân và những thứ đảm phụ của nông dân; theo dõi quyền tự trị của nông dân. Những viên trọng tài hoà giải có quyền phê chuẩn các cá nhân có trách nhiệm được bầu ra để quản lý nông dân, có quyền xử phạt nông dân, bắt giam hoặc bắt phạt; cũng như có quyền bác bỏ các nghị quyết của hội nghị nông dân.

V. I. Lê-nin muốn nói về những viên trọng tài hoà giải có đầu óc tự do chủ nghĩa của tỉnh Tve, đã từ chối không thi hành "Luật". Họ đã thông qua một bản nghị quyết nói rằng: chỉ đạo mọi hoạt động của họ là do quyết định của hội nghị quý tộc tỉnh họ; hội nghị họp vào tháng Hai 1862 đã thừa nhận tính không đầy đủ của "Luật", thừa nhận rằng nông dân phải chuộc lại ngay những phần đất của nông dân với sự giúp đỡ của nhà nước và phải thiết lập nhiều thiết chế dân chủ. Những viên trọng tài hoà giải tỉnh Tve đã bị chính phủ Nga hoàng bắt và kết án mỗi người hơn hai năm tù. — 35.

²⁷ Ở đây có ý nói về cuộc khởi nghĩa của một đơn vị quân đội đồn trú ở Pê-téc-bua, xảy ra vào ngày 14 tháng Chạp 1825, do những nhà cách mạng quý tộc lãnh đạo (từ đó có tên "những người tháng Chạp").

Những người tháng Chạp thành lập ba tổ chức bí mật: "Hội miền Bắc" — ở Pê-téc-bua, do N. M. Mu-ra-vi-ép, C. Ph. Ru-lê-ép, X. P. Tô-ru-bét-xcôi lãnh đạo; "Hội miền Nam" — ở U-cra-i-na, do P. I. Pê-xtên, X. I. Mu-ra-vi-ép - A-pô-xtôn, M.P. Bê-xtu-giép - Ri-u-min v. v. lãnh đạo, và hội "Những người Xla-vơ hợp nhất" do anh em A. I. và P. I. Bô-ri-xốp lãnh đạo. Tất cả các tổ chức này đều có cương lĩnh riêng của mình đòi huỷ bỏ pháp quyền nông

nô và hạn chế nền chuyên chế Nga hoàng. Vì sợ xảy ra một cuộc khởi nghĩa quần chúng rộng lớn, những người tháng Chạp đã dự định thực hiện những yêu sách này bằng một cuộc đảo chính quân sự không có sự tham gia của quần chúng nhân dân.

Sáng 14 tháng Chạp 1825, ngày tuyên thệ trước hoàng đế mới Ni-cô-lai I, các thành viên của "Hội miền Bắc" đã tiến các đơn vị quân đội trung thành của họ tiến về quảng trường Viện nguyên lão, các đơn vị này từ chối không tuyên thệ, nhưng cũng không dám tấn công. Chiều ngày hôm đó, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp. Tiếp theo sự kiện này là cuộc khởi nghĩa của trung đoàn Tséc-ni-gốp-xki nổ ra vào 29 tháng Chạp 1825, do các thành viên của "Hội miền Nam" lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp ngày 3 tháng Giêng 1826. Chính phủ Nga hoàng đã đàn áp dã man những người khởi nghĩa: bắt giam hàng trăm sĩ quan và hơn 4 000 binh sĩ. Những nhà hoạt động nổi tiếng của những người tháng Chạp như Pê-xtên, Ru-lê-ép, Mu-ra-vi-ép - A-pô-xtôn, Bê-xtu-giép - Ri-u-min, Ca-khốp-xki đã bị treo cổ, hơn một trăm người bị đày đi Xi-bi-ri với án khổ sai và đày biệt xứ, một số sĩ quan bị hạ xuống làm lính bị đẩy đi Cáp-ca-dơ xung vào đội quân chiến đấu: 188 binh sĩ bị đánh đập bằng que thông nòng súng, hơn ba ngàn binh sĩ bị chuyển sang đội quân biên phòng.

Lê-nin đánh giá cao hoạt động của những người tháng Chạp, coi họ là những chiến sĩ cách mạng đầu tiên đã thành lập các tổ chức cách mạng bất hợp pháp và đã đứng lên khởi nghĩa vũ trang chống chế độ chuyên chế và chế độ nông nô. Trong khi nhận xét sự hạn chế về mặt giai cấp của những người tháng Chạp, Lê-nin đã nhấn mạnh đến lòng hy sinh quên mình, đến chủ nghĩa yêu nước cao cả và tính cách mạng của họ, ý nghĩa quan trọng của phong trào tháng Chạp trong sự nghiệp làm thức tỉnh phong trào cách mạng - dân chủ ở Nga. V. I. Lê-nin viết: "Phạm vi của những người cách mạng này chật hẹp. Họ hết sức xa rời nhân dân. Nhưng sự nghiệp của họ không phải đã kết thúc. Những người tháng Chạp đã thức tỉnh Ghéc-txen. Ghéc-txen mở rộng công tác tuyên truyền cách mạng" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 21, tr. 261). — 36.

²⁸ Đoạn văn này nói về việc quân đội của Nga hoàng Ni-cô-lai I tham gia đàn áp phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước Tây Âu. Năm 1848, nhà vua đưa quân vào Ru-ma-ni, Ba-lan, vùng ven biển Ban-tích, hữu ngạn U-cra-i-na, cho hoàng đế Áo vay sáu triệu đồng để dùng vào việc đàn áp phong trào

giải phóng dân tộc ở Ý. Năm 1849, với sự giúp đỡ của các đội quân Nga hoàng, cách mạng ở Hung-ga-ri đã bị đàn áp. — 36.

²⁹ Tháng Ba 1901, tướng Van-nốp-xki được bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân; nhằm mục đích xoa dịu lòng công phẫn của sinh viên, Van-nốp-xki đã dùng những lời lẽ của phái tự do để "tỏ tình" và biểu lộ "sự bảo trợ ân cần" đối với thanh niên học sinh. Trong khi tiến hành hàng loạt những cải cách tầm thường trong lĩnh vực giáo dục, Van-nốp-xki vẫn tiếp tục áp dụng các thủ đoạn đàn áp chống lại giới sinh viên cách mạng: bắt bớ, tù đày, đui mắt, đuổi khỏi trường đại học, v. v. — 40.

³⁰ "*Bưu cục phương Bắc*" là báo ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận chính thức thuộc Bộ nội vụ của chính phủ Nga hoàng; xuất bản ở Pê-téc-bua từ 1 tháng Giêng 1862 đến năm 1869. Trong số các biên tập viên chủ yếu của tờ báo có nhà văn A. V. Ni-ki-ten-cô và I. A. Gôn-tsa-rốp. Từ 1869, tờ "Truyền tin của chính phủ" được xuất bản thay cho tờ "Bưu cục phương Bắc". — 44.

³¹ "*Tiếng nói tự do*" là báo ra hàng tuần nhưng từ số 17 thì hai tuần ra một số, xuất bản ở Giơ-ne-vơ trong những năm 1881 - 1883, ra được tất cả 62 số. "Tiếng nói tự do" đặt mục tiêu hợp nhất các phần tử đối lập và tuyên truyền tư tưởng tự do chủ nghĩa về sự cần thiết phải cải tạo chế độ xã hội Nga "trên những nguyên tắc tự do cá nhân và quyền tự quản". Trên thực tế, "Tiếng nói tự do" được các thành viên của "Đội quân thần thánh" (tổ chức bí mật của tầng lớp trên của bọn quý tộc - địa chủ và của bọn quan lại cao cấp Nga hoàng, đứng đầu là công tước P. Su-va-lốp v. v.) thành lập với sự cho phép của cơ quan an ninh, nhằm các mục đích khiêu khích. Xuất bản phẩm này do tên mật thám A. P. Man-sin-xki biên tập.

Cuối năm 1882, "Đội quân thần thánh" bị tan vỡ, từ số 52 (8 tháng Giêng 1883) "Tiếng nói tự do" xuất bản dưới sự chỉ đạo của M. P. Đra-gô-ma-nốp, nó tự xưng là cơ quan của Liên minh hội đồng địa phương, trên thực tế, tổ chức này không tồn tại như một tổ chức thường trực và hoàn chỉnh. — 49.

³² "*Truyền tin của chính phủ*" là báo ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ Nga hoàng, xuất bản ở Pê-téc-bua từ 1869 đến 1917. — 49.

- ³³ Tháng Ba 1880, 25 nhà hoạt động của Hội đồng địa phương Mát-xơ-va (gồm các giáo sư, nhà văn, luật sư) gửi cho bộ trưởng Bộ nội vụ Lô-rít - Mê-li-cốp một lá đơn thỉnh nguyện. Các tác giả của lá đơn thỉnh nguyện này đề nghị mở rộng quyền hạn của các hội nghị hội đồng địa phương và cho phép các đại biểu của họ được tham gia quản lý nhà nước. — 50.
- ³⁴ Ở đây có ý nói về tờ "*"Dân ý" khổ nhỏ"*, số 2, ngày 20 tháng Tám 1880, trong đó đã in bài báo "Thủ bản về đặc điểm của Lô-rít- Mê-li-cốp.
Báo "*"Dân ý" khổ nhỏ"* do đảng "Dân ý" xuất bản hợp pháp từ 1880 đến 1886 tại các thành phố khác nhau ở Nga (Pê-téc-bua, Tu-la). Ra được bảy số. — 51.
- ³⁵ *États généraux (Hội đồng ba đẳng cấp)* là cơ quan đại biểu các đẳng cấp ở Pháp hồi thế kỷ XIV - XVIII, gồm có đại biểu của quý tộc, tăng lữ và thị dân (đẳng cấp thứ ba), do nhà vua triệu tập để giải quyết những vấn đề tài chính và hành chính. Suốt thời gian 175 năm (1614 - 1789), Hội đồng ba đẳng cấp không họp kỳ nào. Đến năm 1789, Lu-i XVI mới triệu tập Hội đồng ba đẳng cấp để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính. Dưới áp lực của quần chúng các đại biểu đẳng cấp thứ ba đã tự tuyên bố là Quốc hội. Khi cách mạng tư sản bùng nổ, Quốc hội này lại đổi tên thành Quốc hội lập hiến. — 52.
- ³⁶ *Hội nghị những người có tên tuổi* do nhà vua Pháp triệu tập, bao gồm các đại biểu của tầng lớp quý tộc phong kiến, của tăng lữ và của một số thị dân giàu có, để thảo luận các vấn đề quan trọng nhất, chủ yếu là vấn đề tài chính. Dưới thời Lu-i XVI, Hội nghị những người có tên tuổi được triệu tập vào năm 1787 và 1788 để giải quyết nạn khủng hoảng tài chính ở trong nước. Hội nghị đã từ chối không thông qua sắc luật về việc đánh thuế vào những đẳng cấp có đặc quyền cho nên sau đó Lu-i XVI buộc phải triệu tập Hội đồng ba đẳng cấp. — 52.
- ³⁷ "*Chuyên chính của trái tim"*, là tên gọi mỉa mai cái chính sách tạm thời, nhằm ve vãn phái tự do, của viên đại thần của Nga hoàng là Lô-rít - Mê-li-cốp; năm 1880, lúc đầu tên này được bổ nhiệm làm chủ tịch "Ban chỉ huy tối cao" trong cuộc đấu tranh chống "sự biến loạn", về sau được cử làm bộ trưởng Bộ nội vụ. Hứa hẹn "nhượng bộ" phái tự do và đàn áp không thương tiếc những người cách mạng,

- đó là chính sách mà Lô-rít - Mê-li-cốp toan tính xây dựng. Chính sách lựa chiều này là do tình thế cách mạng trong những năm 1879 - 1880 tạo nên, nó nhằm làm suy yếu phong trào cách mạng và lôi kéo giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa có xu hướng đối lập về phía chính phủ Nga hoàng. Sau khi làn sóng cách mạng của những năm 1879 - 1880 bị đẩy lùi, chính phủ Nga hoàng từ bỏ chính sách "chuyên chính của trái tim" và vội vàng đưa ra bản tuyên ngôn về "tính chất không thể lay chuyển nổi" của chế độ chuyên chế. Tháng Tư 1881 Lô-rít - Mê-li-cốp đã phải từ chức. — 53.
- ³⁸ "*Người dân chủ - xã hội"* là tạp chí chính trị văn học do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản ở nước ngoài (Luân-đôn và Giơ-ne-vơ) trong những năm 1890 - 1892; tạp chí đã có tác dụng lớn trong việc truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác ở Nga; tạp chí này chỉ ra được tất cả bốn số. Những người tham gia chủ yếu của tạp chí "Người dân chủ - xã hội", là G. V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rốt, V. I. Da-xu-lích. — 53.
- ³⁹ Ngày 1 tháng Ba 1881 A-lếch-xan-đơ II bị phái "Dân ý" giết chết.
"*Dân ý"* là tổ chức chính trị bí mật của phái dân túy chủ trương khủng bố, xuất hiện vào tháng Tám 1879, do sự phân liệt của tổ chức dân túy "Ruộng đất và tự do" mà ra. Đứng đầu tổ chức "Dân ý" là một ban chấp hành, thành phần gồm có: A. I. Giê-li-a-bốp, A. Đ. Mí-khai-nốp, M. Ph. Phrô-len-cô, M. A. Mô-rô-dốp, V. N. Phi-gne, X. L. Pê-rốp-xcai-a, A. A. Cvi-át-cốp-xki và những người khác. Do đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội không tưởng dân túy, phái "Dân ý" đã đi theo con đường đấu tranh chính trị, họ coi việc lật đổ chế độ chuyên chế và giành quyền tự do chính trị là nhiệm vụ quan trọng nhất. Cương lĩnh của họ đã dự định tổ chức "một cơ quan đại diện thường trực của nhân dân" bầu ra trên cơ sở phổ thông đầu phiếu, tuyên bố tự do dân chủ, giao lại ruộng đất cho nhân dân và đề ra các biện pháp để chuyển công xưởng và nhà máy vào tay công nhân. V. I. Lê-nin viết: "Khi chuyển sang đấu tranh chính trị, phái "Dân ý" đã tiến lên được một bước, nhưng họ không gắn liền nổi cuộc đấu tranh chính trị với chủ nghĩa xã hội" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1965, t. 8, tr. 75 - 76).
- Phái "Dân ý" đã anh dũng tiến hành cuộc đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế Nga hoàng. Nhưng, do xuất phát từ lý luận sai lầm về "những người anh hùng" chủ động và "đám đông" thụ động, họ định xây dựng lại xã hội mà không cần nhân dân tham

gia, bằng sức mình, bằng con đường khủng bố cá nhân, làm khiếp đảm và phá vỡ tổ chức của chính phủ. Sau ngày 1 tháng Ba 1881 (ngày A-lếch-xan-đơ II bị giết), bằng những cuộc khủng bố tàn khốc, bằng tử hình và khiêu khích, chính phủ đã phá vỡ tổ chức "Dân ý". Trong suốt những năm 80, người ta đã nhiều lần mưu toan phục hồi lại tổ chức "Dân ý" nhưng đều vô hiệu. Thế là năm 1886, một nhóm kế tục truyền thống của tổ chức "Dân ý", do A. I. U-li-a-nốp (anh của V. I. Lê-nin) và P. I-a. Sê-vư-rép cầm đầu, đã xuất hiện. Sau khi âm mưu ám sát A-lếch-xan-đơ III vào năm 1887 không thành, nhóm này bị bại lộ và những người tham gia tích cực của nhóm đều bị tử hình.

Trong khi phê phán cương lĩnh có tính chất không tưởng và sai lầm của phái "Dân ý", V. I. Lê-nin tỏ ra rất tôn kính cuộc đấu tranh quên mình của những thành viên của tổ chức "Dân ý" nhằm chống lại chế độ Nga hoàng, Người đánh giá cao kỹ thuật lẩn tránh và tổ chức tập trung chặt chẽ của họ. — 53.

⁴⁰ "*Trật tự*" là tờ báo chính trị và văn học của phái tự do ôn hoà. Xuất bản ở Pê-téc-bua trong những năm 1881 - 1882, do M. M. Xta-xi-u-lê-vích biên tập. — 54.

⁴¹ "*Quốc gia*" là tờ báo chính trị và văn học của phái tự do ôn hoà. Xuất bản ở Pê-téc-bua trong những năm 1880 - 1883, do L. A. Pô-lôn-xki biên tập: ban đầu, ra 2 số một tuần, nhưng từ năm 1881 ra 3 số một tuần. — 54.

⁴² "*Tiếng nói*" là tờ báo chính trị và văn học ra hàng ngày của phái tự do ôn hoà, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1863 đến năm 1884, do A. A. Cra-ép-xki biên tập: có thái độ thù địch đối với phong trào cách mạng. — 54.

⁴³ Ở đây có ý nhắc đến bản Tuyên ngôn của A-lếch-xan-đơ III nói về sự củng cố và bảo vệ chính thể chuyên chế, do tên đại thần thời Nga hoàng là C. P. Pô-be-đô-nốt-txép, một tên tối phản động về mặt quan điểm, thảo ra. Bản Tuyên ngôn đã bộc lộ rõ bản chất phản động của đường lối đối nội và đối ngoại của chế độ mà A-lếch-xan-đơ III đang thống trị. — 55.

⁴⁴ *Kế hoạch Mác-ki-a-vê-li* là kế hoạch được thảo ra theo tinh thần của chính sách Mác-ki-a-vê-li (một chính khách người Ý cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI), người mà trong cuộc đấu tranh cho những

mục tiêu đã định, đã không từ bỏ bất kỳ một biện pháp nào, kể cả các biện pháp bội tín, phản trắc, lừa dối, giết chóc v. v.. — 56.

⁴⁵ "*Số sánh hai lần hai với một cây nến*" là một lối nói trong tiểu thuyết của I. X. Tuốc-ghe-nép: "Ru-đin"; dùng để chỉ sự thiếu lô-gích trong tư duy, thiếu mọi sự liên hệ giữa tiền đề và kết luận. — 70.

⁴⁶ "*Phụ trương riêng của tờ "Tư tưởng công nhân"*" là cuốn sách mỏng, do ban biên tập báo "Tư tưởng công nhân" của "phái kinh tế" xuất bản vào tháng Chín 1899. Trong cuốn sách mỏng đó, đặc biệt là trong bài "" Thực tế của chúng ta", ký tên R. M., đã nói thẳng những quan điểm cơ hội chủ nghĩa. Lê-nin đã phê phán cuốn sách đó trong bài "Khuynh hướng thụt lùi trong Đảng dân chủ - xã hội Nga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 303 - 345) và trong cuốn "Làm gì?". — 72.

⁴⁷ *Thuyết Béc-stanh* (chủ nghĩa Béc-stanh) là trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX ở Đức và được mang tên nhà dân chủ - xã hội Đức E. Béc-stanh. Béc-stanh là người biểu hiện công khai chủ nghĩa xét lại trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội Đức, đặc biệt rõ rệt vào năm 1895, sau khi Ph.Ăng-ghen mất.

Trong những năm 1896 - 1898, Béc-stanh đã đăng một loạt bài trong tờ "Die Neue Zeit" ("Thời mới"), cơ quan lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức, dưới nhan đề chung là "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", nhằm công khai xét lại chủ nghĩa Mác. Cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức đã bắt đầu đấu tranh chống lại Béc-stanh trên các trang báo của mình, nhưng Ban chấp hành trung ương đảng thì không chống lại Béc-stanh và chủ nghĩa Béc-stanh. Cuộc bút chiến trên các trang tạp chí "Die Neue Zeit" được mở đầu từ tháng Bảy 1898 bằng bài viết của G. V. Plê-kha-nốp: Béc-stanh và chủ nghĩa duy vật".

Tháng Ba 1899, những bài báo của Béc-stanh được xuất bản thành sách riêng với nhan đề là "Tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội". Cuốn sách đã được cánh hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và các phân tử cơ hội chủ nghĩa trong các đảng khác của Quốc tế II ủng hộ. Khẩu hiệu "tự do phê bình" của Béc-stanh cũng đã được "phái mác-xít hợp pháp" và "phái kinh tế" ở Nga hưởng ứng. Sở kiểm duyệt Nga đã ba lần cho phép xuất bản cuốn sách của Béc-stanh, còn Du-ba-tốp thì liệt cuốn sách đó vào số những sách giới thiệu cho công nhân đọc.

Tại các đại hội của Đảng dân chủ - xã hội Đức, — Stút-ga (tháng Mười 1898), Han-nô-vơ (tháng Mười 1899) và Lu-bêch (tháng Chín 1901), — phái Béc-stanh đã bị lên án, nhưng do lập trường dung hoà của đa số các thủ lĩnh, nên đảng đã không đoạn tuyệt được với Béc-stanh. Phái Béc-stanh tiếp tục tuyên truyền một cách công khai những tư tưởng xét lại trong cơ quan lý luận của mình là tờ "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") và trong các tổ chức đảng. Chỉ có đảng của những người bôn-sê-vích đứng đầu là V. I. Lê-nin mới tiến hành được một cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại phái Béc-stanh, chống lại đồng bọn và những môn đồ của y. V. I. Lê-nin đã phê phán phái Béc-stanh trong hàng loạt tác phẩm của Người, trong đó có cuốn "Khuynh hướng thụ lùi trong Đảng dân chủ - xã hội Nga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 303 - 345), "Mạn đàm với những người bảo vệ chủ nghĩa kinh tế"⁴⁸ (tập này, tr. 442 - 451), cuốn "Làm gì?" và các cuốn khác. — 80.

⁴⁸ "*Báo khổ nhỏ*" là tờ báo có khuynh hướng tự do - lập hiến, do công tước P. V. Đôn-gô-ru-cốp xuất bản bí mật ở nước ngoài. Ra từ tháng Mười một 1862 đến tháng Bảy 1864, được tất cả 22 số. Năm số đầu xuất bản ở Bruy-xen, các số còn lại xuất bản ở Luân-đôn. — 84.

⁴⁹ *Đảng "Dân quyền"* là tổ chức bí mật của giới trí thức dân chủ Nga, thành lập vào mùa hè 1893 với sự tham gia của những đảng viên đảng "Dân ý" cũ: O. V. Áp-téc-man, A. I. Bô-gơ-đa-nô-vích, A. V. Ghê-đê-ô-nốp-xki, M. A. Na-tan-xôn, N. X. Ti-út-tsép và những người khác. Đảng "Dân quyền" đề ra cho mình nhiệm vụ thống nhất các lực lượng đối lập để đấu tranh đòi những cải cách chính trị. Tổ chức đó đã xuất bản hai tài liệu có tính chất cương lĩnh: "Tuyên ngôn" và "Một vấn đề cấp thiết". Mùa xuân 1894, đảng đã bị chính phủ Nga hoàng phá vỡ. Xem sự nhận xét của V. I. Lê-nin về những đảng viên đảng "Dân quyền" với tính cách là một đảng chính trị, trong các tác phẩm của Người: "Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?" và "Những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội Nga" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 1, tr. 423 - 426 và t. 2, tr. 576 - 579). Đa số đảng viên đảng "Dân quyền" sau đó đều gia nhập Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — 88.

⁵⁰ V. I. Lê-nin có ý nói đến nguyên lý rút ra từ tác phẩm của Các Mác "Cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, 1956, tr. 7). — 88.

⁵¹ "*Thời mới*" là báo ra hàng ngày; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1868 đến năm 1917; nó thuộc về nhiều nhà xuất bản và đã nhiều lần thay đổi xu hướng chính trị của mình. Thoạt đầu nó là tờ báo của phái tự do - ôn hoà, nhưng từ năm 1876, sau khi A. X. Xu-vô-rin phụ trách xuất bản tờ báo đó thì nó trở thành cơ quan ngôn luận của giới quý tộc và quan lại quan liêu phản động. Từ năm 1905 nó trở thành cơ quan ngôn luận của phái Trăm đen. Sau cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, tờ báo này hoàn toàn ủng hộ chính sách phản cách mạng của Chính phủ tư sản lâm thời và đã kịch liệt đả kích những người bôn-sê-vích, Tờ báo này đã bị Ủy ban quân sự - cách mạng trực thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-grát đóng cửa ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917. V. I. Lê-nin gọi báo "Thời mới" là một điển hình của những tờ báo viết thuê. — 90.

⁵² Đây là nói về bản thông tư mật ngày 11 tháng Năm 1901 của Tổng cục báo chí thuộc Bộ nội vụ gửi các tổng biên tập các tờ báo và tạp chí. Bản thông tư cấm đưa tin về phong trào cách mạng của công nhân trong các nhà máy và công xưởng khi chưa được sự đồng ý trước của cục cảnh sát. Nội dung của bản thông tư đã được nêu ra trên báo "Tia lửa" số 6 (tháng Bảy 1901), trong bản tin "Xanh Pê-téc-bua" (mục "Từ trong đời sống xã hội ở nước ta). — 90.

⁵³ Phong trào bãi công năm 1885 đã bao trùm lên nhiều xí nghiệp dệt ở Vla-đi-mia, Mát-xcơ-va, Tve và ở các tỉnh khác của vùng trung tâm công nghiệp. Quy mô lớn nhất và có ý nghĩa quan trọng nhất là cuộc bãi công nổ ra hồi tháng Giêng 1885 của công nhân nhà máy sợi Ni-côn-xki gần Ô-rê-khô-vô - Du-ê-vô, nhà máy này thuộc quyền sở hữu của Mô-rô-dốp (từ đó có tên gọi là "cuộc bãi công Mô-rô-dốp"). Những yêu sách cơ bản của công nhân nhà máy sợi Ni-côn-xki là đòi giảm tiền phạt, sửa đổi lại điều kiện thuê mướn v. v.; lãnh đạo cuộc bãi công là những công nhân tiên tiến: P. Mô-i-xê-ên-cô, L. I-va-nốp và V. Vôn-cốp. Cuộc bãi công Mô-rô-dốp có gần 8 nghìn công nhân tham gia, cuộc bãi công này đã bị quân đội Nga hoàng đàn áp; hơn 600 công nhân bị bắt. Do ảnh hưởng của phong trào bãi công trong những năm 1885 - 1886, chính

phủ Nga hoàng buộc phải đưa ra đạo luật ngày 3 tháng Sáu 1886 (đạo luật về tiền phạt), quy định tiền phạt không được bỏ vào túi các chủ xưởng mà phải được sử dụng cho chính bản thân công nhân (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 15 - 70). — 92.

⁵⁴ "*Tin tức Mát-xcơ-va*" là tờ báo Nga lâu năm nhất, lúc đầu (từ năm 1756 do trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va xuất bản bằng khổ nhỏ. Từ năm 1863, tờ báo chuyển sang tay M. N. Cát-cốp, trở thành cơ quan của phái bảo hoàng - dân tộc chủ nghĩa, truyền bá những quan điểm của các tầng lớp địa chủ và thầy tu phản động nhất. Từ năm 1905, báo này trở thành một trong những cơ quan ngôn luận chính của phái Trăm đen. Tờ báo được phát hành đến ngày Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại 1917 thành công.

Tờ báo đã nêu lên những khát vọng hão huyền và bản chất chính trị của chính phủ Nga hoàng. Vì thế nên Lê-nin thường sử dụng những tài liệu đăng trên báo "*Tin tức Mát-xcơ-va*" vào mục đích tố giác và gọi báo này là "... người cộng sự không thể thay thế được của công tác tuyên truyền cách mạng. — 93.

⁵⁵ Lê-nin muốn nói về những cuộc bãi công của công nhân Pê-téc-bua, chủ yếu là công nhân dệt, trong năm 1895, và nhất là năm 1896. Cuộc bãi công năm 1896 bắt đầu nổ ra từ ngày 23 tháng Năm tại xưởng sợi Ca-lin-kin, nguyên nhân gây ra bãi công là do bọn chủ không chịu trả đủ lương cho công nhân trong những ngày nghỉ nhân dịp Ni-cô-lai II lên ngôi. Cuộc bãi công nhanh chóng lan ra tất cả các nhà máy dệt và sợi lớn ở Pê-téc-bua, sau đó lan tới các nhà máy cơ khí lớn, tới xưởng sản xuất cao su, xí nghiệp làm giấy và nhà máy đường. Lần đầu tiên giai cấp vô sản Pê-téc-bua đã mở ra một mặt trận rộng lớn đấu tranh chống bọn bóc lột. Hơn 30 nghìn công nhân đã bãi công. Cuộc bãi công diễn ra dưới sự lãnh đạo của "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua, hội này đã phát hành những truyền đơn và những bản tuyên bố kêu gọi công nhân đoàn kết và kiên trì bảo vệ quyền lợi của mình. "Hội liên hiệp đấu tranh" đã in và phổ biến những yêu sách chủ yếu của những người bãi công: rút ngắn ngày làm việc xuống còn 10 giờ rưỡi một ngày, tăng mức tiền công, trả lương đúng kỳ hạn v..

Những thông báo về cuộc bãi công đã gây một ấn tượng vô cùng to lớn ở nước ngoài. Các tin tức nói về cuộc bãi công đều

được đăng trên các báo "Vorwärts" ("Tiến lên") (Béc-lanh) và "Arbeiter Zeitung" ("Báo công nhân") (Viên). Bức thư thỉnh nguyện của công nhân Anh, được các lãnh tụ của tất cả các tổ chức xã hội chủ nghĩa và các nghiệp đoàn ký tên, đã được dịch ra tiếng Nga, được "Hội liên hiệp đấu tranh" phân phát trong công nhân Pê-téc-bua. Tại cuộc mít-tinh của những người công liên chủ nghĩa ở Luân-đôn, bản thông báo của V. I. Da-xu-lích về cuộc bãi công và bài phát biểu của con gái C. Mác là Ê-lê-ô-nô-ra Mác - Ê-vê-linh đã được hoan hô nhiệt liệt; những người tham gia mít-tinh đã tiến hành quyên góp để giúp đỡ những người bãi công, những người công liên chủ nghĩa cũng đã tổ chức những cuộc quyên góp như thế. Việc quyên góp được tiến hành cả ở Đức, Áo và Ba-lan. Đại hội Luân-đôn của Quốc tế II, họp vào tháng Bảy 1896 đã nhiệt liệt hoan nghênh bản thông báo của G. V. Plê-kha-nốp về cuộc bãi công năm 1896 và đã thông qua một nghị quyết đặc biệt — lời chào mừng gửi công nhân Nga, những người đang đấu tranh chống lại "một trong những chỗ dựa cuối cùng của chế độ phản động châu Âu".

Những cuộc bãi công ở Pê-téc-bua đã thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân Mát-xcơ-va và các thành phố khác của Nga, buộc chính phủ phải mau chóng xét lại các luật công xưởng và đưa ra đạo luật ngày 2 (14) tháng Sáu 1897, đạo luật rút ngắn ngày lao động tại các nhà máy và công xưởng xuống còn 11 giờ rưỡi. Những cuộc bãi công đó, — như sau này Lê-nin viết, — "đã mở ra một kỷ nguyên của phong trào công nhân ngày càng dâng cao, đó là nhân tố hùng mạnh nhất thúc đẩy toàn bộ cuộc cách mạng ở nước ta" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 95). — 93.

⁵⁶ Đây là nói về con đường sắt Xi-bi-ri, bắt đầu xây dựng từ năm 1891 và hoàn thành (kể cả việc xây dựng con đường sắt Da-bai-can) vào năm 1901. Việc hoàn thành công trình xây dựng con đường sắt Xi-bi-ri đã làm cho việc di dân từ nước Nga thuộc phần châu Âu tới Xi-bi-ri tăng lên mạnh mẽ. — 110.

⁵⁷ Sắc lệnh của chính phủ Nga hoàng "Về việc bãi bỏ chế độ đi đày và phê chuẩn điều lệ tạm thời thay thế chế độ đi đày bằng những hình phạt khác", sắc lệnh này do nhà vua ký ngày 10 (23) tháng Sáu 1900 và được công bố trên tờ "Truyền tin của chính phủ" số ra ngày 20 tháng Sáu (3 tháng Bảy) 1900 cùng với điều lệ tạm thời. Sắc lệnh này bãi bỏ việc đày các tội phạm đi Xi-bi-ri (trừ mấy tỉnh

hẻo lánh) và Da-cáp-ca-dơ mà thay thế vào đó là giao trả họ cho các trại giam hoặc đày ra đảo Xa-kha-lin. — 110.

⁵⁸ "*Người công dân*" là tạp chí phản động; xuất bản ở Pê-téc-bua từ 1872 đến 1914. Từ những năm 80 của thế kỷ XIX trở đi, nó là cơ quan ngôn luận của bọn bảo hoàng cực đoan; do công tước Mê-séc-xki làm chủ biên, được chính phủ trợ cấp về tài chính. Từ tạp chí được phổ biến không rộng lắm, nhưng nó đã có ảnh hưởng tới giới quan lại quan liêu. — 112.

⁵⁹ *Đầu óc Ma-ni-lốp* là sự tổng hợp những cá tính vốn có của tên Ma-ni-lốp, một trong những nhân vật trong tác phẩm của N. V. Gô-gôn: "Những linh hồn chết". Qua hình tượng tên địa chủ Ma-ni-lốp đa cảm, có một tâm hồn "tuyệt đẹp", nhà văn đã thể hiện những nét đặc trưng của một kẻ nhu nhược, mơ tưởng hão huyền, ba hoa rỗng tuếch. — 116.

⁶⁰ Tác phẩm "*Vấn đề ruộng đất và 'những kẻ phê phán Mác'*" nhằm bảo vệ lý luận mác-xít về vấn đề ruộng đất và thảo ra các vấn đề về cương lĩnh và sách lược của đảng công nhân đối với nông dân. Tác phẩm này được Lê-nin viết làm hai lần: chín chương đầu viết vào tháng Sáu - tháng Chín 1901, ba chương sau viết vào mùa thu 1907. Bốn chương đầu của tác phẩm đã được đăng trên tạp chí "Bình minh", số 2 - 3 hồi tháng Chạp 1901, với nhan đề là "Các ngài 'phê phán' trong vấn đề ruộng đất. Tuỳ bút đầu tiên, ký tên N. Lê-nin. Sau đó, vào năm 1905, nhà xuất bản "Chim hải âu" ở Ô-đét-xa đã công khai tái bản những chương đó thành tập sách riêng với nhan đề là: N. Lê-nin. "Vấn đề ruộng đất và 'những kẻ phê phán Mác'".

Những chương V - IX được đăng lần đầu tiên trong tạp chí công khai, tạp chí "Giáo dục", số 2, tháng Hai 1906. Những chương này đều được ghi thêm các phụ đề, còn các chương I - IV được đăng trong tờ "Bình minh" và được xuất bản thành tập sách riêng năm 1905, thì không có các phụ đề đó.

Năm 1908, văn tập VI. I-lin. "Vấn đề ruộng đất", phần I, được xuất bản ở Pê-téc-bua. Trong văn tập đó ngoài các tác phẩm khác của V. I. Lê-nin nói về vấn đề ruộng đất, lần đầu tiên được xuất bản cùng một lúc mười một chương, với nhan đề là: "Vấn đề ruộng đất và 'những kẻ phê phán Mác'". Cuốn sách này có thêm phụ đề cho các chương I - IV, nguyên bản được biên tập lại một vài chỗ và được bổ sung thêm một vài chú thích. Chương XII,

chương cuối cùng, vô tình không được đưa vào văn tập này mà đăng riêng vào năm 1908, trong văn tập "Đời sống hàng ngày".

Những luận điểm mà Lê-nin trình bày trong tác phẩm này là sự phát triển thêm những tư tưởng trong tác phẩm của Người: "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", và là cơ sở cho cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Trong các lần xuất bản Toàn tập, V. I. Lê-nin lần thứ 2, 3 và 4 trước đây, các chương các tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và 'những kẻ phê phán Mác'" đã được xuất bản riêng và được sắp xếp trong các tập theo thứ tự thời gian viết các chương đó. Cho nên, trong lần xuất bản thứ 4, chín chương đầu (I - IX) được in trong tập 5, ba chương còn lại (X - XII) in trong tập 13. Trong lần xuất bản thứ 5, toàn bộ tác phẩm đều được in trong tập này. Các tài liệu chuẩn bị viết tác phẩm sẽ được xuất bản thành tập riêng vào cuối lần xuất bản. — 117.

⁶¹ "*Cửa cải nước Nga*" là tạp chí ra hàng tháng, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1876 đến năm 1918. Từ đầu những năm 90, tạp chí này trở thành cơ quan ngôn luận chính thức của phái dân túy - tự do chủ nghĩa, đứng đầu là N. C. Mi-khai-lốp-xki; năm 1893 nó đã mở một chiến dịch chống lại những người dân chủ - xã hội Nga. Trong khi xuyên tạc và giả mạo chủ nghĩa Mác, tờ "Cửa cải nước Nga" đã dựa vào bọn xét lại Tây Âu. Tập hợp xung quanh tờ "Cửa cải nước Nga" là các nhà chính luận mà về sau, đã trở thành những đảng viên nổi tiếng của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, của "bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân" và của các nhóm lao động trong các Đu-ma nhà nước. Mục văn nghệ của tạp chí đã từng đăng những tác phẩm của các nhà văn tiến bộ như: V. V. Vê-rê-xa-ép, V. M. Gác-sin, A. M. Gôóc-ki, V. G. Cô-rô-len-cô, A. I. Cu-pơ-rin, Đ. N. Ma-min - Xi-bi-ri-ắc, G. I. U-xpen-xki và của các nhà văn khác. Từ năm 1906, tờ "Cửa cải nước Nga" trở thành cơ quan ngôn luận của đảng nửa dân chủ lập hiến của bọn "xã hội chủ nghĩa nhân dân".

Tạp chí "Cửa cải nước Nga" có vài lần đổi tên ("Ký sự thời nay", "Thời đại hiện nay", "Ký sự nước Nga"; từ tháng Tư 1917 lại lấy tên là "Cửa cải nước Nga"). — 121.

⁶² "*Bước đầu*" là tạp chí khoa học, văn học và chính trị ra hàng tháng, cơ quan ngôn luận của "những người mác-xít hợp pháp", xuất bản ở Pê-téc-bua vào nửa đầu năm 1899, do P. B. Xơ-ru-vê, M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki và những người khác biên tập. Cộng tác

với tạp chí này có: G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích v.v.. Trong số 4 của tạp chí có đăng đoạn trích nhật ký đi đường của Ph. Ăng-ghen: "Từ Pa-ri tới Béc-nơ", viết năm 1848; tạp chí đã đăng: bài phê bình của V. I. Lê-nin về cuốn sách của C. Cau-xky "Vấn đề ruộng đất", sáu mục trong chương III của cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", dưới nhan đề là "Chủ nghĩa tư bản thay thế chế độ tạp dịch trong nền nông nghiệp hiện thời của nước Nga", và bài phê bình cuốn sách của Hốp-xơn: "Sự tiến hoá của chủ nghĩa tư bản hiện đại". — 122.

⁶³ "*Đời sống*" là tạp chí văn học, khoa học và chính trị, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1897 đến năm 1901. "Những người mác-xít hợp pháp" (M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, P. B. Xtơ-ru-vê v. v.), những nhà văn và nhà phê bình tiến bộ (A. M. Goóc-ki, A. P. Tsê-khốp, V. V. Vê-rê-xa-ép, X. G. Xki-ta-lết-xơ, I. A. Bu-nin, E. A. Xô-lô-vi-ép) đã cộng tác với tờ tạp chí. Tạp chí "*Đời sống*" đã đăng tác phẩm của C. Mác: "Tiền lương, giá cả và lợi nhuận", những tác phẩm của V. I. Lê-nin: "Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp (Bản về cuốn sách của Cau-xky và về bài báo của ông Bun-ga-cốp)" và bài "Trả lời ông P. Nê-giơ-đa-nốp" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 121 - 193, 199 - 206). Tạp chí "*Đời sống*" đã bị chính phủ đóng cửa hồi tháng Sáu 1901, nhưng nó lại được nhóm dân chủ - xã hội "*Đời sống*" (V. Đ. Bôn-tơ - Bru-ê-vích, V. A. Pốt-xê, V. M. Vê-lít-ski-na, G. A. và M. A. Cu-clin và những người khác) phục hồi vào tháng Tư 1902 ở nước ngoài. Ở nước ngoài người ta đã xuất bản được sáu cuốn tạp chí, 12 số "*Đời sống*" khổ nhỏ" và hàng loạt những xuất bản phẩm riêng là "Thư viện "*Đời sống*". Nhóm "*Đời sống*" đã từ bỏ các quan điểm và sách lược dân chủ - xã hội, chuyển sang phía chủ nghĩa xã hội cơ đốc giáo và chủ nghĩa vô chính phủ. Tháng Chạp 1902 nhóm này bị giải tán, việc xuất bản cũng bị bãi bỏ. — 122.

⁶⁴ *Chủ nghĩa Man-tuyt* là chủ nghĩa phản động thù ghét nhân loại, của một nhà kinh tế học tư sản người Anh — linh mục R. Man-tuyt (1766 - 1834), nhằm bảo vệ chủ nghĩa tư bản, mưu toan dùng những nguyên nhân lịch sử tự nhiên để giải thích tất cả những tệ nạn xã hội gắn chặt với chủ nghĩa tư bản và do đó làm lạc hướng cuộc đấu tranh của quần chúng lao động chống chế độ tư bản. Man-tuyt khẳng định rằng không phải chủ nghĩa tư bản và sự bóc lột là nguyên nhân của sự bần cùng hoá những người lao động, mà

là do việc nhân khẩu tăng nhanh hơn các phương tiện sản xuất hiện có, rằng muốn loại trừ tất cả những tệ nạn xã hội thì chỉ có cách là hạn chế một cách nhân tạo sự tăng lên của dân số, có nghĩa là hạn chế kết hôn và sinh đẻ.

P. Xtơ-ru-vê, M. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, X. Bun-ga-cốp v. v. đã du nhập những tư tưởng của chủ nghĩa Man-tuyt vào nước Nga để hòng giải thích nguyên nhân của sự bần cùng và sự phá sản của quần chúng nông dân Nga là do nạn nhân mãn.

Chủ nghĩa Man-tuyt đã biện hộ cho các nạn dịch, cho chiến tranh, coi đó là phương tiện để làm giảm dân số; các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc đang sử dụng rộng rãi chủ nghĩa Man-tuyt để biện hộ cho cái chính sách thù ghét nhân loại của những kẻ đi thôn tính đất đai của người khác, đi áp bức các dân tộc thuộc địa và gây ra những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới. — 129.

⁶⁵ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 673. Trong lời chỉ dẫn tài liệu tham khảo cho tập III bộ "Tư bản" của Mác, Lê-nin đã sử dụng bản tiếng Đức, năm 1894, và dẫn ra tất cả những đoạn trích trong bản dịch của mình. — 135.

⁶⁶ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 758. — 136.

⁶⁷ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 755 - 757, 757 - 758, — 136.

⁶⁸ *Ruộng đất của công xã* (đất công xã) là ruộng đất thuộc về công xã.

Công xã (nông thôn) ở Nga là hình thức nông dân cùng nhau sử dụng ruộng đất; có đặc điểm là chế độ luân canh cưỡng bách, không phân chia đồng cỏ và rừng rú. Những dấu hiệu quan trọng nhất của công xã nông thôn ở Nga là chế độ liên đới bảo lãnh, thường xuyên chia lại ruộng đất và không có quyền khước từ ruộng đất được chia, nghiêm cấm việc mua bán ruộng đất công xã.

Công xã ở Nga đã có từ thời cổ xưa. Trong quá trình phát triển lịch sử, công xã dần dần trở thành một trong những cơ sở của chế độ phong kiến ở Nga. Sau cải cách năm 1861, công xã được tồn tại với tư cách là một trong những tàn tích chủ yếu của chế độ nông nô, được chính phủ Nga hoàng và bọn địa chủ sử dụng vào mục đích đàn áp và bòn rút, trước hết là bòn rút các

khoản tiền chuộc và thuế má của nông dân, rồi đến các khoản nghĩa vụ khác. V. I. Lê-nin vạch ra rằng công xã "không những không giúp cho nông dân khỏi bị vô sản hoá, mà trên thực tế, nó lại đóng vai trò một bức tường của chế độ trung cổ ngăn cách nông dân bị cột chặt vào các liên minh nhỏ bé và vào những đẳng cấp đã mất hết mọi "ý nghĩa của sự tồn tại" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 65).

Vấn đề công xã đã gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi và làm nảy sinh ra nhiều tác phẩm kinh tế. Nhất là phái dân tụy đã hết sức chú ý đến công xã, coi đó là một đảm bảo cho nước Nga có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường phát triển đặc biệt. Lựa chọn có dụng ý và xuyên tạc những sự kiện, dùng những cái gọi là "những con số trung bình", phái dân tụy đã gắng sức chứng minh rằng giai cấp nông dân công xã ở Nga là giai cấp đặc biệt "ổn định"; rằng công xã tuồng như đã ngăn ngừa được sự xâm nhập của những quan hệ tư bản chủ nghĩa vào đời sống của nông dân, "đảm bảo" nông dân khỏi lâm vào tình trạng phá sản và tình trạng phân hoá giai cấp. Ngay trong những năm 80 của thế kỷ XIX, G. V. Plê-kha-nốp đã nêu rõ tính chất vô căn cứ của những ảo tưởng dân tụy về "chủ nghĩa xã hội công xã"; và vào những năm 90, V. I. Lê-nin đã đập tan hoàn toàn các học thuyết của phái dân tụy. Căn cứ vào tài liệu thống kê và tài liệu thực tế hết sức phong phú, Lê-nin đã chứng minh rằng những quan hệ tư bản chủ nghĩa ở nông thôn nước Nga đã phát triển như thế nào, và tư bản một khi đã thâm nhập vào công xã nông thôn gia trưởng, thì phân hoá nông dân trong nội bộ công xã thành những giai cấp đối kháng: cu-lắc và bản nông.

Hoảng sợ trước những cuộc khởi nghĩa của đông đảo nông dân trong những năm 1902 và 1903, cũng như hoảng sợ trước cuộc cách mạng 1905 - 1907, chế độ chuyên chế Nga hoàng và bọn địa chủ đã đột nhiên thay đổi chính sách đối với công xã, chúng không bảo vệ công xã nữa mà theo đuổi chính sách dùng bạo lực để phá hoại công xã, tạo ra ở nông thôn một chỗ dựa rộng lớn, dưới hình thức là một tầng lớp (giai cấp) đông đảo của bọn cu-lắc. Chính sách này có liên quan với bộ trưởng Nga hoàng Xtô-lư-pin, tên đàn áp cách mạng. Theo sáng kiến của y, ngày 9 tháng Mười một 1906, chính phủ Nga hoàng ra sắc lệnh cho phép mỗi chủ hộ có phần đất được chia theo luật công xã, có thể nhận một phần đất làm của riêng, có quyền đòi hỏi khoanh vùng phần đất ấy vào một chỗ và có quyền tách ra khỏi công xã. Bọn cu-lắc đã cướp đoạt ruộng đất của nông dân công xã bằng sắc lệnh này. Chín

năm sau khi đạo luật đó ra đời, một đạo luật mở đầu cho việc chính thức thủ tiêu chế độ công xã ở nông thôn và tăng cường phân hoá nông dân, đã có hơn 2 triệu chủ hộ ra khỏi công xã. — 140.

⁶⁹ *Chế độ sở hữu thị tộc* là chế độ sở hữu ruộng đất thị tộc. — 140.

⁷⁰ *Cầm cố (tín dụng cầm cố)* là khoản mà ngân hàng cho vay nhưng phải cầm trước các bất động sản như: ruộng đất, rừng rú, các công trình xây dựng v. v.; là một trong những hình thức chuyển tư bản vào nông nghiệp và là một hình thức tách nông nghiệp ra khỏi chế độ chiếm hữu ruộng đất. Cầm cố đã tạo điều kiện tập trung ruộng đất vào tay các chủ ngân hàng, làm cho nông nghiệp lệ thuộc vào tư bản tài chính và làm phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp. Do món nợ cầm cố ngày một tăng lên nên nông dân đã mất hết ruộng đất và tài sản của mình. Từ khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại thành công, chế độ cầm cố đã vĩnh viễn bị thủ tiêu, và nông dân đã thoát khỏi những món nợ cầm cố. — 141.

⁷¹ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 663 - 664. — 143.

⁷² Xem C. Mác. "Những học thuyết về giá trị thặng dư ("Tư bản", t. IV)", tiếng Nga, ph. II, 1957, tr. 305 - 306. — 147.

⁷³ "*Sozialistische Monatshefte*" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") là tạp chí, cơ quan ngôn luận chủ yếu của phái cơ hội chủ nghĩa Đức và là một trong những cơ quan ngôn luận của chủ nghĩa xét lại quốc tế. Xuất bản ở Béc-lanh từ năm 1897 đến năm 1933. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) tạp chí này giữ lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô vanh. — 157.

⁷⁴ Câu nói "*lâm vào tình trạng con lừa Bu-ri-dan*" dùng để biểu thị tình cực kỳ do dự, ngả nghiêng trong việc lựa chọn giữa hai vật thể, hai nghị quyết v.v. giống nhau. Người ta cho rằng đó là câu nói của nhà triết học Pháp — nhà kinh viện của thế kỷ XIV là Giảng Bu-ri-dan, người đã phủ nhận sự tồn tại của tự do ý chí. Để dẫn chứng, ông ta lấy ví dụ về một con lừa đứng giữa hai đồng cỏ khô, hoặc giữa hai thùng nước giống hệt nhau, con lừa sẽ bị chết đói hoặc chết khát bởi vì với sự hoàn toàn tự do lựa chọn, nó không thể thích vật này hơn vật kia. — 164.

- ⁷⁵ *"Die Neue Zeit"* ("Thời mới") là tạp chí lý luận của đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Stút-ga từ năm 1883 đến năm 1923 (từ năm 1890 ra mỗi tuần một số). Trước năm 1917, do C. Cau-xy chủ biên, về sau do G. Cu-nốp chủ biên. Trong những năm 1885 - 1895, tạp chí đã đăng nhiều bài của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Ăng-ghe-n thường chỉ bảo giúp đỡ ban biên tập của tạp chí và nghiêm khắc phê phán tạp chí đó khi nó xa rời chủ nghĩa Mác. Tạp chí đã đăng các bài của Ph. Mê-rinh, P. La-phác-gơ và của các nhà hoạt động khác trong phong trào công nhân quốc tế. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ph. Ăng-ghe-n mất đi, tạp chí này là kẻ truyền đạt những quan điểm cơ hội chủ nghĩa, đã thường xuyên đăng những bài của bọn xét lại. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), tạp chí này giữ lập trường của phái giữa, thực tế là ủng hộ bọn xã hội -sô-vanh. — 165.
- ⁷⁶ *Phiếu cầm cố* là một biến dạng đặc biệt của những chứng từ có giá trị cao, do các ngân hàng cầm cố phát hành trong các nước tư bản để làm vật đảm bảo cho ruộng đất và bất động sản. Những giấy cam đoan này được tự do lưu thông và được dùng trong việc đầu cơ ở sở giao dịch. — 175.
- ⁷⁷ *Đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa* đã được chính phủ Bi-xmác thi hành ở Đức năm 1878 nhằm chống lại phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa. Với đạo luật này, người ta đã cấm tất cả các tổ chức của đảng dân chủ - xã hội, các tổ chức của quần chúng công nhân, báo chí công nhân; tịch thu sách báo xã hội chủ nghĩa; truy nã và đày ải những người dân chủ - xã hội. Nhưng những cuộc đàn áp đó đã không phá vỡ được đảng dân chủ - xã hội, đảng lại tiếp tục hoạt động trong những điều kiện bí mật: cơ quan trung ương của đảng là tờ báo "Người dân chủ - xã hội" được xuất bản ở nước ngoài và các đại hội đảng triệu tập đúng kỳ hạn (năm 1880, 1883 và 1887); ở Đức trong hoàn cảnh bí mật, các tổ chức và các nhóm dân chủ - xã hội được khôi phục nhanh chóng, đứng đầu các tổ chức và các nhóm đó là Ban chấp hành trung ương bí mật. Đồng thời đảng đã lợi dụng một cách rộng rãi những khả năng hợp pháp để thắt chặt mối quan hệ với quần chúng. Ảnh hưởng của đảng không ngừng tăng lên: số phiếu bỏ cho các đảng viên dân chủ - xã hội trong các cuộc bầu cử nghị viện, từ năm 1878 đến năm 1890, tăng hơn ba lần.

- C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã giúp đỡ rất nhiều cho những người dân chủ - xã hội Đức. Năm 1890, dưới áp lực của phong trào quần chúng và công nhân ngày càng tăng, đạo luật đặc biệt đó đã bị huỷ bỏ. — 177.
- ⁷⁸ *"Vorwärts"* ("Tiến lên") là báo ra hàng ngày, cơ quan trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Lai-pxích từ năm 1876 dưới sự chỉ đạo biên tập của V. Liép-nếch và những người khác.
- Sau khi đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa được ban hành vào năm 1878, tờ báo đã bị đóng cửa. Từ tháng Giêng 1891 báo này lại bắt đầu được xuất bản ở Béc-lanh là để kể tục tờ "Berliner Volksblatt" ("Báo nhân dân Béc-lanh") đã xuất bản từ năm 1884. Trên những trang báo này, Ph. Ăng-ghe-n đã tiến hành cuộc đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ăng-ghe-n mất, ban biên tập tờ "Vorwärts" đã rơi vào tay cánh hữu của đảng và đã đăng một cách có hệ thống những bài báo của bọn cơ hội chủ nghĩa là bọn đang thống trị trong đảng dân chủ - xã hội và trong Quốc tế II. Trong khi giải thích một cách có dụng ý cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tờ "Vorwärts" đã ủng hộ "phái kinh tế", và về sau, — sau khi đảng bị phân liệt, — nó đã ủng hộ bọn men-sê-vích. Trong những năm có chế độ phản động, tờ "Vorwärts" đã đăng những bài có tính chất vu khống của Tơ-rốt-xki, nhưng lại không cho Lê-nin và những người bên-sê-vích đăng những bài báo bác lại và đánh giá một cách khách quan tình hình công tác trong đảng.
- Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ "Vorwärts" đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh; sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, nó trở thành một trong những trung tâm tuyên truyền chống Chính quyền xô-viết. Tờ báo đã bị đóng cửa năm 1933. — 178.
- ⁷⁹ Qua hình ảnh của Vô-rô-si-lốp, Tuốc-ghe-nép đã nêu lên điển hình của một học giả nặc danh, một con một sách, không có khả năng độc lập suy nghĩ. (Xem I. X. Tuốc-ghe-nép. Toàn tập, tiếng Nga, t. 4, Mát-xcơ-va, 1954, tr. 5 - 187). — 179.
- ⁸⁰ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, 1955, tr. 428. — 183.
- ⁸¹ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XV, 1935, tr. 73. — 184.

- ⁸² Xem Ph. Ăng-ghen. "Chống Duy-rinh", tiếng Nga, 1957, tr. 278 - 282. — 184.
- ⁸³ *Chủ nghĩa Pru-đông* là một trào lưu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, — trào lưu phản khoa học, thù địch với chủ nghĩa Mác, — mang tên Pru-đông, một phần tử vô chính phủ ở Pháp, là người sáng lập ra chủ nghĩa đó. Trong khi đứng trên quan điểm tiểu tư sản để phê phán chế độ sở hữu đại tư bản chủ nghĩa, Pru-đông mong muốn duy trì vĩnh viễn chế độ tiểu tư hữu, y đề nghị tổ chức ngân hàng "nhân dân" và ngân hàng "trao đổi", nhờ sự giúp đỡ của hai ngân hàng này mà công nhân có thể mua sắm được những phương tiện sản xuất riêng, có thể trở thành những thợ thủ công và đảm bảo việc tiêu thụ "công bằng" các sản phẩm của mình. Pru-ông không hiểu vai trò lịch sử và tác dụng của giai cấp vô sản, phủ nhận đấu tranh giai cấp, cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản; xuất phát từ các quan điểm vô chính phủ, Pru-đông đã phủ nhận tính tất yếu của nhà nước. Mác và Ăng-ghen đã triệt để đấu tranh chống các mưu đồ của Pru-đông nhằm bắt Quốc tế I phải theo các quan điểm của y. Chủ nghĩa Pru-đông đã bị Mác kịch liệt phê phán trong tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học". Cuộc đấu tranh quyết liệt của Mác, Ăng-ghen và của những người ủng hộ hai ông chống chủ nghĩa Pru-đông đã giành được thắng lợi hoàn toàn, chủ nghĩa Mác đã đánh bại chủ nghĩa Pru-đông trong Quốc tế I.
- Lê-nin gọi chủ nghĩa Pru-đông là: "sự trì độn của một tên tiểu tư sản và tên phi-li-xtanh" không có khả năng hấp thụ quan điểm của giai cấp công nhân. Những tư tưởng của chủ nghĩa Pru-đông đã được "các nhà lý luận" tư sản sử dụng một cách rộng rãi để tuyên truyền cho sự hợp tác giai cấp. — 188.
- ⁸⁴ "*Der Volksstaat*" ("Nhà nước nhân dân") là tờ báo, cơ quan trung ương của đảng dân chủ - xã hội Đức (đảng Ai-xơ-nách); xuất bản ở Lai-pxích trong những năm 1869 - 1876, do V. Liép-nếch biên tập, lúc đầu ra hai số một tuần, về sau, từ năm 1873, ra ba số một tuần. C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã cộng tác với tờ báo này. — 189.
- ⁸⁵ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XV, 1935, tr. 60. — 189.
- ⁸⁶ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. I, 1937, tr. 276. — 190.

- ⁸⁷ Trong kinh thánh, Ru-thơ là kẻ làm vào cảnh hết đường sinh sống nên đã mót lúa trên ruộng của người khác. Thuật ngữ "như Ru-thơ mót lúa" ở đây dùng để chỉ một việc làm nhẹ nhàng và vô tư. — 202.
- ⁸⁸ *Dre-na-giơ* là biện pháp làm khô đất nhờ một hệ thống đặc biệt, gồm những ống ngầm, những đường máng lộ thiên hoặc những giếng chứa nước với mục đích là làm tăng độ phì nhiêu của đất. — 205.
- ⁸⁹ *Mác-na-giơ* là một trong những hình thức làm tăng độ phì nhiêu của đất bằng cách bón mác-nơ (chất khoáng gồm có vôi trộn lẫn với đất sét và cát) cho đất. — 206.
- ⁹⁰ Ở đây chắc là có ý nói tới những trục lăn, vì trong đoạn do V. I. Lê-nin trích tác phẩm của C. Cláp-ki "Về khả năng cạnh tranh của nền sản xuất tiểu nông", thuật ngữ "Ringelwalze" — "máy trục lăn" thường được nhắc đến. Thuật ngữ này đã được mọi người thừa nhận trong từ vựng thuật ngữ khi phân loại các thứ máy trục. — 206.
- ⁹¹ "*Báo công thương*" là phụ trương hàng ngày của tờ "Truyền tin tài chính, công nghiệp và thương nghiệp". Xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1893 đến 1918. Từ năm 1894, phụ trương này trở thành một tờ báo xuất bản độc lập.
- Đoạn văn do V. I. Lê-nin trích trong tờ thông báo "Hội chợ Ni-côn-xcai-a ở Ca-khốp-ca", đã được đăng trong mục "Hội chợ". — 209.
- ⁹² "*Hội liên hiệp chính trị xã hội*" ("*Verein für Sozialpolitik*") là hội của những nhà kinh tế học tư sản Đức, do G. Smôn-lơ sáng lập năm 1872. Cương lĩnh và hoạt động của hội là nhằm bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa, biện hộ cho tính tất yếu của các cuộc cải cách nửa vời không đụng chạm đến nền tảng của chủ nghĩa tư bản, làm dịu tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp. Hội đã tiến hành đấu tranh chống đảng dân chủ - xã hội Đức, mưu toan bắt phong trào công nhân phải phục tùng lợi ích của giai cấp tư sản; bảo vệ ách thống trị của chế độ độc quyền tư bản chủ nghĩa và bảo vệ chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Đức. Năm 1936, hội tự giải tán; và đến năm 1948, nó lại được phục hồi ở Tây Đức với tên là "Hội khoa học kinh tế và xã hội". — 215.
- ⁹³ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 820. — 223.

- ⁹⁴ Xem N. Sê-đrin (M. Ê. Xan-tư-cốp). "Bài ca hoa tình hiện đại". Toàn tập, tiếng Nga, t. XV, 1940, tr. 101 - 102. — 233.
- ⁹⁵ *Vác-nơ* là một nhân vật trong vở bi kịch "Phau-xơ" của Gơ-tơ. *Vác-nơ* tiêu biểu cho loại công chức xa rời thực tế. — 234.
- ⁹⁶ Tất cả những chữ số trong cột này là đều căn cứ vào bản thống kê do V. I. Lê-nin làm trong các tài liệu chuẩn bị của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" (xem Tuyển tập V. I. Lê-nin, tiếng Nga, t. XXXI, 1938, tr. 107). — 255.
- ⁹⁷ *Thống kê của các hội đồng địa phương* là tài liệu thống kê do các cơ quan hội đồng địa phương thu thập. Các phòng, các sở, các tiểu ban thống kê trực thuộc các Ban thường trực của hội đồng địa phương huyện và tỉnh đã tiến hành điều tra thống kê (điều tra những cơ sở kinh doanh nông nghiệp và thủ công nghiệp theo hộ, xác định mức thu nhập do ruộng đất mang lại, đánh giá lại ruộng đất và tài sản phải nộp thuế cho hội đồng địa phương, nghiên cứu bản chi thu của nông dân v. v.), đã xuất bản nhiều bài điểm qua và nhiều tập thống kê với nhiều tài liệu thực tế về từng huyện và tỉnh.

V. I. Lê-nin đã đánh giá cao những tài liệu thống kê nói trên của hội đồng địa phương, nhưng đồng thời Người đã phê phán phương pháp tổng hợp và phân loại của các nhà thống kê đối với những tài liệu thống kê này. Lê-nin viết: "Đó là điểm yếu nhất trong công tác thống kê của hội đồng địa phương ở nước ta, một công tác thống kê rất có giá trị vì làm cản trở và chi tiết" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr. 88). Các nhà thống kê địa phương, trong số họ có rất nhiều người đứng trên quan điểm của phái dân túy, thường có dụng ý đối với các tài liệu thống kê này. Trong các cột số liệu thống kê của họ, những sự khác nhau căn bản và những dấu hiệu về từng nhóm nông dân, — là những nhóm hình thành trong quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa, — đã biến mất.

Lê-nin đã nghiên cứu, kiểm tra và xử lý những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương. Người đã tính toán lấy các số liệu, làm những bản tổng hợp và các biểu đồ; đã phân tích theo quan điểm mác-xít và sắp xếp một cách khoa học những tài liệu thu thập được về các hộ nông dân và thủ công nghiệp. Sử dụng những tài liệu thống kê phong phú này của các hội đồng địa phương,

Lê-nin đã vạch trần những sơ đồ giả mạo của phái dân túy và phác ra một bức tranh thực tế về sự phát triển kinh tế ở Nga. Lê-nin đã sử dụng rộng rãi những tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương trong các tác phẩm của Người, nhất là trong cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga". Về công tác thống kê của các hội đồng địa phương, xem tác phẩm của V. I. Lê-nin "Về những nhiệm vụ thống kê của các hội đồng địa phương", viết năm 1914 (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr. 86 - 93). — 261.

- ⁹⁸ Căn cứ vào các chương VII và IX, lần đầu tiên được đăng trong tạp chí "Giáo dục", rõ ràng là Lê-nin định xem xét trong tác phẩm này những tài liệu của thống kê nông nghiệp ở Pháp, và phân tích những quan điểm có tính chất "phê phán" của nhà kinh tế học Pháp là Mô-rít. Nhưng kế hoạch đó đã không thực hiện được, và trong lần xuất bản năm 1908 Lê-nin đã thay đổi những đoạn văn tương ứng nói về ý định ban đầu của Người. Ví dụ như câu: "Việc vô sản hoá nông dân vẫn đang tiếp tục, — điều đó chúng tôi sẽ chỉ ra dưới đây trong nhiều tài liệu về công tác thống kê ở Đức và ở Pháp...", hai chữ "ở Pháp" đã bị bỏ đi. Câu: "Sự phát triển mau chóng của các thành phố không ngừng làm cho số các "chủ trại sữa" ấy tăng lên, và tất nhiên là luôn luôn sẽ có những người, như Héc-tơ, Đa-vít, Héc-xơ và Tséc-nốp, (và để không làm méch lòng nước Pháp, — cả Mô-rít nữa mà chúng tôi sẽ nói tới sau)..." những chữ ở trong dấu ngoặc đơn đã bị bỏ đi. Phần cuối của câu: "Vì thế cho nên nếu lẫn lộn hai quá trình này hoặc bỏ qua một, thì có thể dễ dàng mắc phải những sai lầm nghiêm trọng nhất, điển hình của những sai lầm đó chúng ta sẽ được thấy ở dưới đây, trong khi phân tích những kết luận mà ngài Bun-ga-cốp đã rút ra từ những tài liệu nước Pháp" đã được thay bằng những chữ mới: "mà người ta thấy rải rác rất nhiều trong cuốn sách của Bun-ga-cốp". — 272.

- ⁹⁹ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, 1955, tr. 96 - 97. — 279.

- ¹⁰⁰ Lê-nin muốn nói tới những bức thư "Từ nông thôn" của nhà chính luận thuộc phái dân túy tên là A. N. En-ghe-n-hác, những bức thư này nổi tiếng khắp nơi. Mười một bức thư đã được đăng trên tạp chí "Kỷ sự nước nhà" trong những năm 1872 - 1882; bức thư thứ mười hai đăng năm 1887. — 279.

- ¹⁰¹ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1953, tr. 758. — 287.
- ¹⁰² Xem C. Mác. "Những học thuyết về giá trị thặng dư", tiếng Nga, t. II, ph. 2, 1936, tr. 5 - 154. — 287.
- ¹⁰³ *Những người dân chủ - lập hiến* là các đảng viên của đảng dân chủ - lập hiến, một đảng chủ yếu của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa ở Nga. Đảng dân chủ - lập hiến được thành lập hồi tháng Mười 1905; thành phần của đảng gồm có: các đại biểu của giai cấp tư sản quân chủ - tự do, các nhà hoạt động của hội đồng địa phương xuất thân từ tầng lớp địa chủ và giới trí thức tư sản, được che đậy bằng những câu nói "dân chủ" giả dối nhằm lôi cuốn nông dân về phía mình. Những người hoạt động xuất sắc của đảng dân chủ - lập hiến là: P. N. Mi-li-u-cốp, X. A. Mu-rôm-txép, V. A. Ma-cla-cốp, A. I. Sin-ga-rép, P. B. Xtơ-ru-vê, Ph. I. Rô-đi-txép và những người khác. Những người dân chủ - lập hiến tán thành duy trì chế độ quân chủ, mục đích cơ bản của họ là đấu tranh chống lại phong trào cách mạng và mong muốn chia sẻ quyền lực với Nga hoàng và bọn địa chủ - chủ nô. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, những người dân chủ - lập hiến đã tích cực ủng hộ chính sách đối ngoại ăn cướp của chính phủ Nga hoàng. Trong thời kỳ Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, họ cố sức cứu vãn chế độ quân chủ. Trong chính phủ tư sản lâm thời, bọn dân chủ - lập hiến thi hành chính sách phản cách mạng, phản nhân dân, làm hài lòng bọn đế quốc Mỹ, Anh, Pháp. Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, bọn dân chủ - lập hiến là kẻ thù không đội trời chung của Chính quyền xô-viết, đã tham gia vào tất cả các cuộc nổi loạn vũ trang phản cách mạng và tham gia các cuộc hành quân của bọn can thiệp. Sau khi bọn can thiệp và bọn bạch vệ bị đánh tan, bọn dân chủ - lập hiến đã phải sống lưu vong ở nước ngoài, nhưng chúng vẫn, không chấm dứt những hoạt động phản cách mạng chống lại Chính quyền xô-viết. — 313.
- ¹⁰⁴ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 825. — 319.
- ¹⁰⁵ Mùa xuân và mùa hạ 1901, nhờ sự giúp đỡ và theo sáng kiến của nhóm "Đấu tranh", các tổ chức dân chủ - xã hội ở ngoài nước ("Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga", Ban chấp hành ở nước ngoài của phái Bun, tổ chức cách mạng "Người dân chủ - xã hội", tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" ở nước ngoài) đã tiến hành cuộc đàm phán về sự thoả thuận và thống nhất các tổ chức. Để chuẩn bị

cho đại hội thống nhất, tháng Sáu 1901, tại Giơ-ne-vơ, hội nghị đại biểu của tất cả các tổ chức đã được triệu tập (từ đó người ta gọi hội nghị này là hội nghị "tháng Sáu" hoặc hội nghị "Giơ-ne-vơ"). Tại hội nghị này, một nghị quyết (thoả thuận trên nguyên tắc) thừa nhận sự cần thiết phải đoàn kết tất cả các lực lượng dân chủ - xã hội ở Nga trên cơ sở của những nguyên tắc cách mạng mà tờ "Tia lửa" đã nêu ra và thống nhất tất cả các tổ chức dân chủ - xã hội ở ngoài nước, đã được thảo ra. Nghị quyết đã lên án chủ nghĩa cơ hội với tất cả mọi biểu hiện và màu sắc của nó như: "chủ nghĩa kinh tế", chủ nghĩa Béc-stanh, chủ nghĩa Min-lơ-răng v. v. (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, xuất bản lần thứ 7, ph. I, 1954, tr. 22-24). Sau hội nghị đại biểu của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" và cơ quan của nó là tạp chí "Sự nghiệp công nhân", người ta đã tăng cường tuyên truyền chủ nghĩa cơ hội (trước hết là các bài báo: của B. Cri-txép-xki "Những nguyên tắc, sách lược và đấu tranh", của A. Mác-tư-nốp "Văn học tố giác và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản" đăng trong số 10 của tờ "Sự nghiệp công nhân" hồi tháng Chín 1901, và những điều sửa đổi có tính chất cơ hội chủ nghĩa của Đại hội III của "Hội liên hiệp" trong nghị quyết của hội nghị tháng Sáu, đã xác nhận điều đó), đã làm cho sự thống nhất giữa những người thuộc tổ chức "Tia lửa" với những người thuộc phái "Sự nghiệp công nhân" không thể thực hiện được, và Đại hội "thống nhất" đã không thành công.

Đại hội "thống nhất" các tổ chức của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài họp ở Duy-rích ngày 21-22 tháng Chín (4 - 5 tháng Mười) 1901. Thành phần đại hội gồm có: 6 uỷ viên của tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" ở nước ngoài (V. I. Lê-nin, N. C. Crúp-xcai-a, I-u. Ô. Mác-tốp và những người khác), 8 uỷ viên của tổ chức "Người dân chủ - xã hội" (trong đó có 3 uỷ viên của nhóm "Giải phóng lao động": G. V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rôt, V. I. Da-xu-lích), 16 uỷ viên của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" (trong đó có 5 uỷ viên thuộc Ban chấp hành ở nước ngoài của phái Bun) và 3 uỷ viên của nhóm "Đấu tranh". Về vấn đề thứ nhất trong chương trình nghị sự: "Sự thoả thuận có tính nguyên tắc và chỉ thị gửi các ban biên tập", Lê-nin đã phát biểu rất hùng hồn vạch trần những hành động cơ hội chủ nghĩa của "Hội liên hiệp", Người có mặt tại Đại hội với biệt danh là "Phrây". Đây là bài phát biểu đầu tiên mà V. I. Lê-nin đã đọc trước những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài. Sau khi tại đại hội người

ta đã công bố những điểm sửa đổi và những điểm bổ sung có tính chất cơ hội chủ nghĩa cho nghị quyết tháng Sáu, — những điểm này đã được thông qua tại Đại hội III của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga", — thì bộ phận cách mạng của đại hội (gồm các uỷ viên của các tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh", "Người dân chủ - xã hội" tuyên bố là không thể thống nhất được và đã rời bỏ đại hội. Theo sáng kiến của V. I. Lê-nin, tháng Mười 1901, những tổ chức này đã thống nhất lại thành "Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài". — 331.

¹⁰⁶ "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài" thành lập năm 1894 ở Giơ-ne-vơ theo sáng kiến của nhóm "Giải phóng lao động", với điều kiện là tất cả các hội viên của hội phải thừa nhận cương lĩnh của nhóm. Nhóm "Giải phóng lao động" được uỷ nhiệm soạn những xuất bản phẩm của "Hội liên hiệp", và tới tháng Ba 1895, nhóm đã chuyển giao nhà in của mình cho "Hội liên hiệp" sử dụng. Mùa hè năm 1895, trong thời gian V. I. Lê-nin sống ở nước ngoài, người ta đã thông qua một nghị quyết về việc "Hội liên hiệp" chịu trách nhiệm xuất bản văn tập "Người lao động", đồng thời, những người dân chủ - xã hội Nga đã đề nghị để cho họ đảm nhiệm việc xuất bản này với điều kiện nhóm "Giải phóng lao động" chịu trách nhiệm biên soạn các văn tập. "Hội liên hiệp" đã xuất bản được 6 văn tập "Người lao động" không đều kỳ, mười số "Người lao động" khổ nhỏ, tác phẩm của V. I. Lê-nin "Giải thích về luật phạt tiền" v. v..

Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào tháng Ba 1898 đã thừa nhận "Hội liên hiệp" là đại biểu của đảng ở nước ngoài. Về sau, những phần tử cơ hội chủ nghĩa — "phái kinh tế" hay còn gọi là "phái trẻ" — đã chiếm ưu thế trong "Hội liên hiệp". Họ không chịu đồng tình với bản "Tuyên ngôn" của đại hội, vì bản tuyên ngôn này đã tuyên bố việc giành tự do chính trị là mục tiêu trước mắt của đảng dân chủ - xã hội.

Tháng Mười một 1898, tại Đại hội lần thứ nhất của "Hội liên hiệp" họp ở Duy-rích, nhóm "Giải phóng lao động" tuyên bố không đảm nhận việc biên tập những xuất bản phẩm của "Hội liên hiệp", trừ văn tập "Người lao động" số 5 - 6 và hai cuốn sách mỏng của V. I. Lê-nin là "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga" và "Luật công xưởng mới", mà nhóm đã nhận xuất bản. Từ tháng Tư 1899, "Hội liên hiệp" bắt đầu xuất bản tạp chí "Sự nghiệp công nhân", tham gia vào ban biên tập của tạp chí này có những người thuộc "phái kinh tế" như: B. N. Cri-tsep-xki, V. P. I-van-sin v. v..

"Hội liên hiệp" tuyên bố đồng tình với Ê. Béc-stanh, với phái Min-lơ-răng và những người khác.

Cuộc đấu tranh trong nội bộ "Hội liên hiệp" vẫn tiếp diễn cho tới trước và trong Đại hội lần thứ hai của Hội (tháng Tư năm 1900, ở Giơ-ne-vơ). Kết quả của cuộc đấu tranh này là nhóm "Giải phóng lao động" và những người cùng tư tưởng với nhóm đó đã rời bỏ đại hội và thành lập tổ chức độc lập "Người dân chủ - xã hội".

Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp vào năm 1903, các đại biểu của "Hội liên hiệp" (phái "Sự nghiệp công nhân") đã giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa cực đoan và rời bỏ Đại hội sau khi Đại hội thừa nhận "Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng ở nước ngoài" là tổ chức duy nhất của Đảng ở nước ngoài. Đại hội II của Đảng đã tuyên bố giải tán "Hội liên hiệp" (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, xuất bản lần thứ 7, ph. I, 1954, tr. 56). — 333.

¹⁰⁷ Tổ chức "Người dân chủ - xã hội" do các hội viên của nhóm "Giải phóng lao động" và những người cùng tư tưởng với nhóm đó thành lập hồi tháng Năm 1900, sau khi có sự chia rẽ trong "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài". Trong tờ truyền đơn kêu gọi, tổ chức "Người dân chủ - xã hội" đã tuyên bố những mục tiêu của mình là: "giúp đỡ phong trào xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản Nga" và đấu tranh chống mọi âm mưu có tính chất cơ hội chủ nghĩa nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Tổ chức này đã xuất bản bằng tiếng Nga bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" và hàng loạt tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, cũng như một số cuốn sách mỏng của G.V. Plê-kha-nốp v. v.. Tháng Mười 1901 theo đề nghị của V. I. Lê-nin, tổ chức này đã hợp nhất với tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" ở nước ngoài thành "Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài". — 334.

¹⁰⁸ Đây là nói về một nhóm gồm có: Đ. B. Ri-a-da-nốp, I - u. M. Xê-clốp (Nê-vdô-rốp) E. L. Gu-rê-vích (V. Đa-nê-vích, E. Xmiéc-nốp), nhóm này thành lập ở Pa-ri vào mùa hè năm 1900 và tới tháng Năm 1901 thì được gọi là nhóm "Đấu tranh". Trong khi định dung hoà khuynh hướng cách mạng với khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội Nga, nhóm "Đấu tranh" đề nghị thống nhất các tổ chức dân chủ - xã hội ở nước ngoài và tiến hành đàm phán về vấn đề đó với các tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh", "Người dân chủ - xã hội", "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã

hội Nga"; cũng nhằm mục đích đó nhóm "Đấu tranh" tham gia hội nghị Giơ-ne-vơ (tháng Sáu 1901) và Đại hội "thống nhất" (tháng Mười 1901). Mùa thu 1901, nhóm "Đấu tranh" được hình thành như một nhóm hoạt động sách báo độc lập và ra tuyên bố về Những xuất bản phẩm. Trong các xuất bản phẩm của mình "Những tài liệu dùng để thảo cương lĩnh của đảng", thiên I - III, "Truyền đơn bướm", số 1, 1902 v. v.), nhóm "Đấu tranh" đã xuyên tạc học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác, đã chống lại một cách thù địch các nguyên tắc của Lê-nin về tổ chức và sách lược của đảng dân chủ - xã hội cách mạng Nga. Do từ bỏ các quan điểm và sách lược dân chủ - xã hội, do những hành động phá hoại và thiếu sự liên hệ với các tổ chức dân chủ - xã hội ở nước Nga, nhóm "Đấu tranh" đã không được phép dự Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đại hội II đã quyết định giải tán nhóm "Đấu tranh". — 334.

¹⁰⁹ *Phái Núi và phái Gi-rông-đanh* là tên gọi hai phái chính trị của giai cấp tư sản thời kỳ cách mạng tư sản Pháp hồi cuối thế kỷ XVIII. Phái Núi — phái Gia-cô-banh, — là tên gọi các đại biểu kiên quyết nhất của giai cấp tư sản, giai cấp cách mạng thời bấy giờ, đã bảo vệ sự cần thiết phải thủ tiêu chế độ chuyên chế và phong kiến. Những người theo phái Gi-rông-đanh khác với những người theo phái Gia-cô-banh, họ ngả nghiêng giữa cách mạng và phản cách mạng, và đi theo con đường thông đồng với bọn bảo hoàng. Lê-nin gọi những người dân chủ - xã hội cách mạng là những người Gia-cô-banh vô sản là "phái Núi", gọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội là "phái Gi-rông-đanh xã hội chủ nghĩa". Sau khi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga chia rẽ thành bên-sê-vích và men-sê-vích, Lê-nin luôn luôn nhấn mạnh rằng bọn men-sê-vích là đại diện của trào lưu Gi-rông-đanh trong phong trào công nhân. — 336.

¹¹⁰ *Đại hội Lu-bếch* là đại hội đảng dân chủ - xã hội Đức, họp ở Lu-bếch ngày 9 - 15 (22-28) tháng Chín 1901. Trung tâm công tác của đại hội là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại đã hình thành vào thời kỳ đó với cương lĩnh riêng của nó và có cơ quan ngôn luận là tờ "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa"). Trong bài diễn văn của mình đọc tại đại hội, thủ lĩnh của bọn xét lại là Béc-stanh đã đòi "tự do phê phán" chủ nghĩa Mác. Đại hội đã bác bỏ dự án nghị quyết do những người ủng hộ Béc-stanh đưa ra, và thông qua một nghị quyết trực tiếp cảnh cáo Béc-stanh. Đồng thời, do lập trường dung hoà của các lãnh tụ phái đa số, nên đại

hội đã không đặt ra vấn đề có tính chất nguyên tắc là không dung nạp bọn xét lại trong hàng ngũ của đảng dân chủ - xã hội. — 337.

¹¹¹ *Những người theo Giơ-re-xơ* là những người ủng hộ nhà xã hội chủ nghĩa Pháp Gi. Giơ-re-xơ; trong những năm 90 ông đã cùng với A.Min-lơ-răng tổ chức ra nhóm "những người xã hội chủ nghĩa độc lập" và cầm đầu cánh hữu cải lương trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp. Dưới chiêu bài đòi "tự do phê phán", phái Giơ-re-xơ đã lên tiếng xét lại những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác, tuyên truyền cho việc hợp tác giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Năm 1902, họ thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp đứng trên lập trường cải lương chủ nghĩa. — 337.

¹¹² *"Đảng công nhân giải phóng chính trị Nga"* là một tổ chức nhỏ có khuynh hướng dân túy, xuất hiện ở Min-xơ vào năm 1899. Các nhóm riêng lẻ của tổ chức có ở Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Gi-tô-mia, Bê-lô-xtốc và ở một vài thành phố khác. Đứng đầu tổ chức là: Kh. A. Gan-pê-rin, G. Géc-su-ni, L. M. Cli-a-tơ-cô (Rô-đi-ô-nô-va), S. S. Ru-xa-nốp, M. Đ. Xlát-cô-pê-pxép và những người khác. Mùa hè 1902, những thành viên của tổ chức này đã gia nhập đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — 337.

¹¹³ *"Liên minh toàn thể công nhân Do-thái ở Li-tva, Ba-lan và Nga"* ("*Bun*") được tổ chức năm 1897 tại đại hội thành lập của các nhóm dân chủ - xã hội Do-thái ở Vin-nô; chủ yếu gồm những phần tử nửa vô sản trong những thợ thủ công Do-thái ở các tỉnh miền Tây nước Nga. Tại Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1898), phái Bun gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "với tư cách là một tổ chức tự trị, chỉ độc lập trong các vấn đề có liên quan riêng tới giai cấp vô sản Do-thái" (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết nghị của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, xuất bản lần thứ 7, ph. I, 1954, tr. 14).

Phái Bun là đại biểu cho chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa phân lập trong phong trào công nhân Nga. Sau khi Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bác bỏ yêu sách của phái Bun đòi phải thừa nhận nó là đại biểu duy nhất của giai cấp vô sản Do-thái, phái Bun đã ra khỏi đảng. Năm 1906, trên cơ sở nghị quyết của Đại hội IV (Đại hội "Thống nhất"), phái Bun lại gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Trong nội bộ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những người thuộc phái Bun thường xuyên ủng hộ bọn cơ hội chủ nghĩa trong đảng ("phái kinh tế", phái men-sê-vích, phái thủ tiêu), tiến hành cuộc đấu tranh chống những người bôn-sê-vích và chủ nghĩa bôn-sê-vích. Phái Bun đưa ra yêu sách dân tộc tự trị về văn hóa để đổi lập lại yêu sách có tính chất cương lĩnh của những người bôn-sê-vích về quyền dân tộc tự quyết. Trong những năm thi hành chính sách phản động của Xtô-lư-pin, phái Bun đã giữ lập trường thủ tiêu đảng, đã tích cực tham gia việc thành lập khối tháng Tám chống đảng. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), những người phái Bun đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - số - vanh. Năm 1917, phái Bun ủng hộ chính phủ lâm thời phản cách mạng, và chiến đấu trong hàng ngũ những kẻ thù của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. Trong những năm có sự can thiệp vũ trang của nước ngoài và trong những năm nội chiến, ban lãnh đạo phái Bun đã cấu kết chặt chẽ với các lực lượng phản cách mạng. Đồng thời trong hàng ngũ những hội viên của Bun cũng đã bắt đầu có sự chuyển biến có lợi cho sự cộng tác với Chính quyền xô -viết. Năm 1921, phái Bun tự tan rã, một bộ phận những hội viên của Bun đã gia nhập Đảng cộng sản (b) Nga trên những nguyên tắc chung. — 339.

¹¹⁴ "*Bộ luật của đế quốc Nga*" là bộ các đạo luật hiện hành ở nước Nga Nga hoàng. Bộ luật này được thiết lập năm 1833 và có hiệu lực từ năm 1835, gồm 15 tập, tới năm 1892 thì ra thêm tập thứ 16. — 342.

¹¹⁵ Lê-nin muốn nói đến tờ truyền đơn "Bức thư đầu tiên gửi cho những nông dân đang bị đói", do "Nhóm Dân ý" xuất bản năm 1892, bên dưới ký tên "Những người đồng tình với nông dân". Tờ truyền đơn này do N. M. A-xtư-rép viết và được in tại nhà in bí mật Lác-tin-xki, do những người Dân ý thành lập ở Pê-téc-bua. — 348.

¹¹⁶ *Những khát vọng kiểu I-u-đa* là cách nói theo tên gọi của I-u-đa Gô-lô-vlêp, một nhân vật trong tác phẩm của M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin: "Các ngài Gô-lô-vlêp". Thông qua hình tượng I-u-đa, nhà văn đã miêu tả sự suy đồi về tinh thần và thể xác của giai cấp địa chủ - chủ nô lỗi thời, đã bị diệt vong trong lịch sử, miêu tả lối sống ăn bám, tính gian tham, giả dối, lừa lọc vô hạn độ và phản trắc. V. I. Lê-nin thường dùng hình tượng này để vạch trần những nét đặc trưng đó của các nhóm xã hội thù địch với nhân dân. — 349.

¹¹⁷ Ở đây có ý muốn nói về Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân", lúc đó còn nằm trong tay "phái kinh tế".

"*Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân*" do Lê-nin sáng lập vào mùa thu 1895, hội đã tập hợp được khoảng hai mươi nhóm công nhân mác-xít ở Pê-téc-bua. Toàn bộ công tác của "Hội liên hiệp đấu tranh" được xây dựng trên nguyên tắc của chế độ tập trung và kỷ luật nghiêm ngặt. Đứng đầu "Hội liên hiệp đấu tranh" là nhóm trung tâm gồm có: V. I. Lê-nin, A. A. Va-nê-ép, P. C. Đa-pô-rô-giê-txơ, G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki, N. C. Crúp-xcai-a, I-u. Ô. Mác-tốp, M. A. Xin-vin, V. V. Xtác-cốp và những người khác. Trực tiếp lãnh đạo công tác là 5 uỷ viên của nhóm do V. I. Lê-nin đứng đầu. Tổ chức được chia ra thành các nhóm theo khu vực. Những công nhân giác ngộ, tiên tiến (I. V. Ba-bu-skin, V. A. Sen-gu-nốp v. v.) đã giúp cho nhóm liên hệ chặt chẽ với các nhà máy và công xưởng. Tại các nhà máy có những người chuyên thu thập tin tức và phổ biến các sách báo; tại các xí nghiệp lớn thì thành lập các nhóm công nhân.

Lần đầu tiên ở Nga, "Hội liên hiệp đấu tranh" đã bắt đầu thực hiện sự kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân, việc chuyển từ tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong một số ít các công nhân tiên tiến ở các nhóm sang cổ động chính trị trong quảng đại quần chúng giai cấp vô sản. "Hội liên hiệp" đã lãnh đạo phong trào công nhân, gắn liền cuộc đấu tranh của công nhân đòi thực hiện những yêu sách kinh tế với cuộc đấu tranh chính trị chống chế độ Nga hoàng. Tháng Mười một 1895, "Hội liên hiệp đấu tranh" đã tổ chức cuộc bãi công tại xưởng dệt dạ Toóc-nơ-tôn. Mùa hè 1896, dưới sự lãnh đạo của "Hội liên hiệp" đã nổ ra cuộc bãi công nổi tiếng của công nhân dệt ở Pê-téc-bua, có trên 30 nghìn công nhân tham gia. "Hội liên hiệp đấu tranh" đã phát hành truyền đơn và sách cho công nhân. V. I. Lê-nin là người biên tập các xuất bản phẩm của "Hội liên hiệp đấu tranh"; dưới sự lãnh đạo của Người, việc xuất bản tờ báo của công nhân, tờ "Sự nghiệp công nhân", đã được chuẩn bị. "Hội liên hiệp đấu tranh" đã mở rộng ảnh hưởng của mình ra ngoài phạm vi Pê-téc-bua. Theo sáng kiến của hội, các nhóm công nhân ở Mát-xcơ-va, Ki-ép, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, ở các thành phố và các tỉnh khác trong nước Nga cũng đã hợp nhất thành các "Hội liên hiệp đấu tranh" tương tự.

Tháng Chạp 1895, chính phủ Nga hoàng đã giáng một đòn nghiêm trọng vào "Hội liên hiệp đấu tranh": đem 8 rạng ngày 9 (đêm

20 rạng ngày 21) tháng Chạp 1895, một bộ phận lớn các nhà hoạt động của "Hội liên hiệp", đứng đầu là V. I. Lê-nin, đã bị bắt; cả số báo đầu tiên của tờ "Sự nghiệp công nhân" chuẩn bị đưa đi xếp chữ cũng bị tịch thu.

Chỉ vài hôm sau khi vụ bắt bớ xảy ra, tại phiên họp đầu tiên của nhóm, người ta đã thông qua quyết nghị gọi tổ chức của những người dân chủ - xã hội Pê-téc-bua là "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân". Để trả lời việc bắt giữ Lê-nin và những hội viên khác của "Hội liên hiệp đấu tranh", những hội viên còn lại của "Hội liên hiệp" phát hành truyền đơn theo chủ đề chính trị do công nhân viết.

Trong khi ở tù, V. I. Lê-nin vẫn lãnh đạo "Hội liên hiệp", giúp đỡ hội bằng những lời khuyên của mình, gửi ra những lá thư và truyền đơn viết bằng mật mã; Người viết cuốn sách nhỏ "Bàn về bãi công" (cho đến nay vẫn chưa tìm thấy), "Dự thảo và thuyết minh về cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 95 - 130).

Ý nghĩa của "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua do Lê-nin sáng lập là ở chỗ: theo lời Lê-nin, hội đó là mầm mống đầu tiên của một đảng cách mạng dựa vào phong trào công nhân, lãnh đạo cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân.

Tháng Hai 1897, trước khi bị đi đày những người lãnh đạo cũ của "Hội liên hiệp" vừa ra khỏi nhà tù đã tổ chức một cuộc họp liên tịch giữa "phái già" và "phái trẻ"; tại cuộc họp này, những bất đồng về vấn đề cơ bản — về những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội Nga — đã được bộc lộ. "Phái già" muốn củng cố "Hội liên hiệp đấu tranh", coi nó là một tổ chức lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân; "phái trẻ" thì đứng trên lập trường của chủ nghĩa công liên, đòi thành lập các quỹ bãi công của công nhân v. v.. Sự vắng mặt một thời gian dài của những người sáng lập ra "Hội liên hiệp đấu tranh", — lúc đó họ đang bị đày ở Xi-bi-ri, — nhất là sự vắng mặt của V. I. Lê-nin, đã tạo điều kiện dễ dàng cho "phái trẻ" thực hiện chính sách của họ. Từ nửa cuối 1898, "Hội liên hiệp đấu tranh" nằm trong tay "phái kinh tế"; thông qua tờ "Tư tưởng công nhân", họ đã truyền bá những tư tưởng của chủ nghĩa công liên, chủ nghĩa Béc-stanh ở nước Nga. — 351.

¹¹⁸ Nhóm "Giải phóng lao động" là nhóm mác-xít đầu tiên ở Nga, do Plê-kha-nốp thành lập năm 1883 ở Giơ-ne-ơ. Ngoài Plê-kha-nốp

ra, tham gia nhóm này còn có: P. B. Ác-xen-rốt, L. G. Đây-tso, V. I. Da-xu-lích, V. N. I-gna-tốp.

Nhóm "Giải phóng lao động" đã tiến hành một công tác rộng lớn trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga. Nhóm đó đã dịch ra tiếng Nga, xuất bản ở nước ngoài và phát hành ở nước Nga những tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen: "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", "Lao động làm thuê và tư bản", "Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học" và các tác phẩm khác; đồng thời đã phổ cập hoá chủ nghĩa Mác trong các xuất bản phẩm của mình. Nhóm "Giải phóng lao động" đã giáng một đòn chí mạng vào chủ nghĩa dân túy, một trở ngại chủ yếu về mặt tư tưởng trên con đường phổ biến chủ nghĩa Mác và phát triển phong trào dân chủ - xã hội ở Nga. Trong các tác phẩm: "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị" (1883), "Những sự bất đồng giữa chúng ta" (1885) v. v.. G. V. Plê-kha-nốp đã phê phán theo lập trường mác-xít những lý luận dân túy phản động về con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa của nước Nga, phê phán việc những người dân túy phủ nhận vai trò tiên phong của giai cấp vô sản trong phong trào cách mạng, và quan điểm duy tâm chủ quan của chúng đối với vai trò cá nhân trong lịch sử v. v.. Hai bản dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga (1883 và 1885), do G. V. Plê-kha-nốp viết và do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản, là một bước quan trọng trong việc chuẩn bị và thành lập đảng dân chủ - xã hội ở Nga. Cuốn sách "Bàn về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử" (1895) của Plê-kha-nốp (N. Ben-tốp) đã có một ý nghĩa đặc biệt to lớn trong việc truyền bá những quan điểm mác-xít và trong việc bảo vệ chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; nhờ cuốn sách đó mà "cả một thế hệ những người mác-xít Nga đã được giáo dục" (Lê-nin). Nhóm đó đã xuất bản và phổ biến ở Nga 4 văn tập "Người dân chủ - xã hội", đồng thời cũng đã xuất bản hàng loạt sách dành riêng cho công nhân.

Ph. Ăng-ghen đã chào mừng sự ra đời của nhóm "Giải phóng lao động", "nhóm đã tiếp thu một cách chân thành và vô điều kiện những học thuyết vĩ đại về lịch sử và về kinh tế của Mác" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 461). G. V. Plê-kha-nốp và V. I. Da-xu-lích đã có quan hệ thân thiện riêng và trong nhiều năm đã trao đổi thư từ với Ăng-ghen. Nhóm "Giải phóng lao động" đã đặt quan hệ với phong trào công nhân quốc tế, và suốt cả thời gian tồn tại, nhóm đã đại diện cho đảng dân chủ - xã hội Nga tham dự tất cả các cuộc hội nghị của Quốc tế II, kể từ cuộc hội nghị đại biểu lần thứ nhất vào năm 1889 (Pa-ri).

Nhưng nhóm "Giải phóng lao động" đã phạm những sai lầm nghiêm trọng: đánh giá quá cao vai trò của giai cấp tư sản tự do, đánh giá thấp tính cách mạng của giai cấp nông dân, đội hậu bị của cuộc cách mạng vô sản. Những sai lầm đó là mầm mống của các quan điểm men-sê-vích sau này của Plê-kha-nốp và của các thành viên khác trong nhóm. V. I. Lê-nin đã chỉ rõ rằng, nhóm "Giải phóng lao động" "chỉ mới đặt cơ sở lý luận cho đảng dân chủ - xã hội và tiến một bước đầu để xích lại gần phong trào công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr. 319).

Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào tháng Tám 1903, nhóm "Giải phóng lao động" tuyên bố chấm dứt sự tồn tại của mình. — 351.

¹¹⁹ *"Đồng minh dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài"* thành lập vào tháng Mười 1901 theo sáng kiến của V. I. Lê-nin. Tham gia Đồng minh đó có bộ phận ở nước ngoài của tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" và tổ chức "Người dân chủ - xã hội" (bao gồm cả nhóm "Giải phóng lao động"). Nhiệm vụ của Đồng minh là truyền bá tư tưởng của đảng dân chủ - xã hội cách mạng và góp phần thành lập tổ chức dân chủ - xã hội chiến đấu. Trên thực tế Đồng minh là đại biểu ở nước ngoài của tổ chức "Tia lửa". Đồng minh đã tập hợp những người ủng hộ từ "Tia lửa" trong số những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài, giúp đỡ tờ báo về mặt vật chất, tổ chức vận chuyển báo về nước Nga và đã xuất bản các sách báo mác-xít phổ cập. Đồng minh đã xuất bản một số "Tập san" và sách. Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã xác nhận Đồng minh là tổ chức duy nhất của đảng ở nước ngoài, có đủ quyền hạn của một ban chấp hành và buộc nó phải hoạt động dưới sự lãnh đạo và kiểm tra của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Sau Đại hội II, bọn men-sê-vích ẩn nấp trong "Đồng minh ở nước ngoài" đã tiến hành đấu tranh chống Lê-nin và những người bên-sê-vích. Tại đại hội lần thứ hai của Đồng minh họp vào tháng Mười 1903, bọn men-sê-vích đã lên tiếng vu khống những người bên-sê-vích, vì vậy Lê-nin và những người ủng hộ Lê-nin đã rời bỏ đại hội. Bọn men-sê-vích thông qua bản điều lệ mới của Đồng minh nhằm chống lại bản điều lệ của đảng là điều lệ đã được Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua. Từ đó Đồng minh đã trở thành chỗ dựa của bọn men-sê-vích và tồn tại cho tới năm 1905. — 353.

¹²⁰ *Các vùng di dân quân sự* là cách tổ chức đặc biệt của quân đội ở Nga; xuất hiện dưới thời A-lếch-xan-đơ I. Khi thành lập các vùng di dân quân sự, chính phủ Nga hoàng có hy vọng là vừa làm giảm bớt được chi phí nuôi sống quân đội, mà vẫn có được những đội quân dự bị đã được huấn luyện dùng cho thời chiến và tạo ra được một đẳng cấp quân sự tách khỏi nhân dân, dựa vào lực lượng này để chống lại phong trào cách mạng đang phát triển. Tên bộ trưởng Bộ quốc phòng A. A. A-rắc-tsê-ép, một tên cực kỳ phản động, đã được chỉ định làm tổng chỉ huy các khu di dân quân sự này (từ đó có tên gọi là khu di dân A-rắc-tsê-ép).

Toàn bộ nông dân sống trên lãnh thổ dành cho các khu di dân quân sự đều là những người lính vĩnh viễn. Người ta đã tuyển vào các đội quân chiến đấu những dân binh ở vào lứa tuổi từ 18 đến 45 ("những ông chủ"), còn những người nông dân còn lại, có thể phục vụ trong quân đội được, thì đều trở thành "những người giúp việc cho các ông chủ". Mỗi một ông chủ — dân di cư, bằng sức lao động của mình, phải nuôi thêm 3 người lính đóng trong doanh trại của các khu di dân quân sự. Tất cả những người dân di cư buộc phải mặc quân phục luôn, thường xuyên được huấn luyện quân sự. Họ phải sống một cuộc sống hà khắc, phải chịu lấy những quy định ngặt nghèo, ngay cả trong các vấn đề gia đình. Chế độ giáo dục quân sự và các công tác quân sự khác đã làm cho họ không còn có một chút thời gian nào để trông nom đến công việc đồng áng cả, vì vậy ruộng đất ngày càng trở nên cằn cỗi.

Điều kiện sống khổ sai và những công việc trong các khu di dân quân sự đã làm cho nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nổ ra liên tiếp, binh lính Nga hoàng đã đàn áp các cuộc khởi nghĩa một cách tàn khốc. Năm 1857, các khu di dân quân sự bị bãi bỏ. — 357.

¹²¹ Chương đầu trong tác phẩm này của Lê-nin đã được xuất bản thành sách riêng, cả hai lần xuất bản đều lấy tên chung là "Cuộc đấu tranh với những kẻ đối". Lần xuất bản đầu tiên được xuất bản dưới hình thức là một trang riêng của tờ "Bình minh" số 2 - 3; lần xuất bản thứ hai in tại nhà in bí mật của tờ "Tia lửa" ở Ki-si-nép với số lượng ba nghìn bản. — 365.

¹²² Thành ngữ *"đi tới những cột (những cái móc) Héc-quyn"* có nghĩa là đi tới giới hạn cuối cùng, tới sự phóng đại quá mức. Những cột

- Héc-quyn, theo thần thoại Hy-lạp, là do Héc-quyn (Hê-rác-lơ) dựng lên và theo quan niệm của những người cổ Hy-lạp thì đó là chỗ tận cùng của thế giới, ở đó không có đường đi tiếp nữa. — 368.
- ¹²³ Đây là nói về Ác-ca-đi Páp-lơ-vích Pê-nô-tơ-kin — một nhân vật trong chuyện của I. X. Tuốc-ghê-nép: "Viên xã trưởng" (xem I. X. Tuốc-ghê-nép, Toàn tập, tiếng Nga, t. I, Mát-xcơ-va, 1953, tr. 203). — 369.
- ¹²⁴ Chắc là V. I. Lê-nin không có các số báo "Tia lửa" cho nên Người đã dẫn ra các số 6 và 7 của báo "Tia lửa" theo trí nhớ. Trên thực tế thì các bài phóng sự gửi từ Xim-phê-rô-pôn (về cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm) đã được đăng trong số 7 báo "Tia lửa" gửi từ Cuốc-xơ ("Những phản ứng về các sự biến thán Ba ở Pê-téc-bua và về nổi bất bình trong học sinh và nông dân"), đăng trong số 8 báo "Tia lửa". — 375.
- ¹²⁵ *Những ông quan*, đó là hình ảnh tượng trưng, có tính chất khái quát do M.Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin dựng lên trong tác phẩm "Những ông quan và những bà quan", trong tác phẩm đó nhà văn trào phúng lớn của Nga đã nghiêm khắc lên án bọn quan lại cao cấp của Nga hoàng, các bộ trưởng và tỉnh trưởng. Cái từ chính xác mà Xan-tư-cốp - Sê-đrin dùng để chỉ bọn quan lại chuyên quyền và độc đoán đã đi vào ngôn ngữ Nga một cách vững chắc. — 378.
- ¹²⁶ Lê-nin dẫn tác phẩm của M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin "Lịch sử của một thành phố" (xem N. Sê-đrin (M.Ê. Xan-tư-cốp). Toàn tập, t. IX, 1934, tr. 427). — 378.
- ¹²⁷ Lê-nin muốn nói về bản báo cáo của ban thường trực cơ quan hội đồng địa phương tỉnh Xa-ra-tốp trình bày trước hội nghị bất thường của tỉnh, họp ngày 29 tháng Tám 1901. Nội dung bản báo cáo đã được trình bày trong tờ "Nhật ký Xa-ra-tốp" số 187, ra ngày 29 tháng Tám 1901. Những đoạn mà Lê-nin trích trong bản báo cáo chính là lời thuật lại các luận điểm của bản báo cáo. — 378.
- ¹²⁸ "Vùng ven biển A-dốp" là báo ra hàng ngày, xuất bản ở Rốt-xtốp trên sông Đôn từ 1892 đến 1916; nó kế tục tờ "Cánh đồng sông Đôn" xuất bản từ 1889 đến 1891. — 383.

- ¹²⁹ *Chế độ liên đới bảo lãnh* là chế độ tập thể nông dân trong mỗi công xã nông thôn buộc phải chịu trách nhiệm nộp đúng hạn và đầy đủ tất cả các khoản tiền chuộc và thực hiện mọi loại nghĩa vụ cho nhà nước và bọn địa chủ (thuế má, tiền chuộc, mộ lính v. v.). Hình thức nô dịch nông dân này vẫn được duy trì ngay cả sau khi chế độ nông nô bị bãi bỏ ở Nga, và chỉ mãi đến năm 1906 mới bị thủ tiêu. — 384.
- ¹³⁰ *Danh mục các khoản* là tên gọi các tài liệu do các cơ quan địa phương tỉnh biên soạn, trong đó có nhiều tin tức chi tiết về những người bị bắt và bị đày đi Xi-bi-ri. — 388.
- ¹³¹ V. I. Lê-nin muốn nói về cuốn sách của Ni-cô-lai — ôn (N. Ph. Đa-ni-en-xôn): "Lược khảo về nền kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách", xuất bản ở Pê-téc-bua năm 1893. — 397.
- ¹³² "Tin tức nước Nga" là báo xuất bản ở Mát-xcơ-va từ 1863; báo này phát biểu những quan điểm của giới trí thức tự do ôn hoà. Trong những năm 80 - 90, các nhà văn thuộc phe dân chủ (V. G. Cô-rô-len-cô, M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin, G. I. U-xpen-xki v. v.) đã tham gia viết bài cho báo, báo này cũng đã đăng các tác phẩm của những người dân tuý tự do chủ nghĩa. Từ năm 1905, báo này là cơ quan của cánh hữu trong đảng dân chủ - lập hiến. Lê-nin chỉ ra rằng "Tin tức nước Nga" đã kết hợp một cách độc đáo "chủ nghĩa dân chủ - lập hiến hữu khuynh với chủ nghĩa dân tuý" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr.193).
Năm 1918, tờ "Tin tức nước Nga" bị đóng cửa cùng với những tờ báo phản cách mạng khác. — 398.
- ¹³³ *Toà thượng thẩm* là một cơ quan toà án của Nga hoàng, được thành lập sau cuộc cải cách toà án năm 1864; chuyên xét xử các vụ án dân sự và các vụ án hình sự đặc biệt; là toà án sơ thẩm xét xử những vụ đã xử ở các toà án khu. Toà thượng thẩm đã được thành lập ở một số tỉnh. — 400.
- ¹³⁴ Đây là nói về *A-ca-ki A-ca-ki-ê-vích Ba-sma-tơ-kin* nhân vật chính trong truyện ngắn của N. V. Gô-gôn: "Chiếc áo choàng". — 403.
- ¹³⁵ *Con người nằm trong vỏ ốc* là nhân vật cùng tên với truyện ngắn của A. P. Tsê-khốp. Trong văn học, người ta dùng cách nói này

- để nêu lên đặc tính của những kẻ thoái hoá đã thoát ly cuộc sống, sợ tất cả những cái mới. — 403.
- ¹³⁶ Đây là nói về "Điều lệ về các cơ quan hội đồng địa phương tỉnh và huyện" do A-lếch-xan-đơ III phê chuẩn ngày 12 tháng Sáu 1890. — 404.
- ¹³⁷ *Kít Ki-tư-tơ* hoặc *Tít Ti-tư-tơ* là một nhân vật trong hài kịch của A. N. Ôt-xơ-rốp-xki "Người ăn ốc kẻ đồ vớ". Điển hình của một con người cố chấp, ngu muội, thô bạo và mù quáng. — 405.
- ¹³⁸ "*Tạp chí của các nhà truyền giáo*" là nguyệt san thần học, do giới tu sĩ nhà thờ thiên chúa giáo xuất bản từ 1896 đến 1898 ở Ki-ép, từ 1899 đến 1916 ở Pê-téc-bua. V. M. Xcơ-voóc -txốp là tổng biên tập kiêm người xuất bản. Tạp chí này đã thống nhất các nhóm phản động nhất trong giới tăng lữ — giới thi hành chính sách ngu dân và cấu kết với cảnh sát, đã tiến hành đấu tranh chống lại các giáo phái. — 414.
- ¹³⁹ "*Truyền tin Ô-ri-ôn*" — báo ra hàng ngày, là tờ báo chính trị - xã hội và văn học có xu hướng tự do - ôn hoà, xuất bản ở Ô-ri-ôn từ 1876 đến 1918. — 416.
- ¹⁴⁰ "*Lòng tin và Lý trí*" là tạp chí triết học - thần học, xuất bản tại trường dòng Khắc-cốp từ 1884 đến 1916; mỗi tháng ra hai kỳ. Tạp chí này giữ lập trường tối phản động, nó đã điên cuồng chống lại phong trào dân chủ và tư tưởng tiến bộ. — 418.
- ¹⁴¹ "*Tiếng nói tự do*" là nhà xuất bản đã cho in ở nước ngoài (Anh và Thụy -sĩ) các tác phẩm của L. N. Tôn-xtôi — các tác phẩm này đã bị sở kiểm duyệt của Nga hoàng cấm, và những sách mỏng nhằm chống lại việc chính phủ Nga hoàng truy nã các tín đồ giáo phái. Từ 1899 đến 1901 nhà xuất bản này đã cho ra tạp chí "Tư tưởng tự do", và từ 1901 đến 1905 thì xuất bản tạp chí "Tiếng nói tự do". — 419.
- ¹⁴² "*Tự do*" là tạp chí do nhóm cùng tên, — ra đời vào tháng Năm 1901 và tự xưng là "nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng", — xuất bản tại Thụy-sĩ trong những năm 1901 - 1902. Tạp chí này ra được hai số: số 1 ra năm 1901 và số 2 ra năm 1902. Nhóm "Tự do" còn xuất bản: "Hôm trước cách mạng. Bình luận không đều kỳ

các vấn đề về lý luận và sách lược" số 1, báo - tạp chí "Bình luận" số 1, cuốn sách nhỏ của L. Na-đê-giơ-đin "Phục hồi chủ nghĩa cách mạng ở Nga" và các xuất bản phẩm khác.

Nhóm "Tự do" không có "tư tưởng nghiêm chỉnh và vững vàng, không có cương lĩnh, sách lược, tổ chức cũng như cơ sở trong quần chúng" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 25, tr.221). Trong các xuất bản phẩm của mình, nhóm "Tự do" đã tuyên truyền tư tưởng của "chủ nghĩa kinh tế" và của chủ nghĩa khủng bố, đã ủng hộ nhóm chống "Tia lửa" ở Nga. Lê-nin gọi nhóm "Tự do" là nhóm "những người kinh tế chủ nghĩa tuyên truyền chủ nghĩa khủng bố" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, t. 5, tr. 578). Nhóm đã tự giải tán vào năm 1903. — 440.

¹⁴³ "*Công nhân miền Nam*" là tờ báo dân chủ - xã hội, do nhóm cùng tên xuất bản bí mật từ tháng Giêng 1900 đến tháng Tư 1903. Xuất bản được tất cả 12 số. Các biên tập viên và cộng tác viên của tờ "Công nhân miền Nam" vào các thời kỳ khác nhau là: I. Kh. La-lai-an-tơ, A.Vi-len-xki ("I-li-a"), O. A. Cô-gan (Êc-man-xki), B. X. Txây-tlin (Ba-tu-rơ-xki), E. I-a. và E. X. Lê-vin, V. N. Rô-da-nốp v. v.. Nhà in báo thường xuyên phải thay đổi địa điểm và đã từng chuyển đến Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Xmô-len-xcơ, Ki-si-nép, Ni-cô-lai-ép và các thành phố khác.

Nhóm "Công nhân miền Nam" chủ trương chống lại "chủ nghĩa kinh tế", chủ nghĩa khủng bố; bảo vệ sự cần thiết phải mở rộng phong trào cách mạng của quần chúng và tiến hành công tác cách mạng rộng khắp ở miền Nam nước Nga. Tháng Tám 1902, nhóm "Công nhân miền Nam" đã đàm phán với phái "Tia lửa" về công tác chung, kết quả của cuộc đàm phán này là việc ra đời của bản tuyên bố hợp tác với tờ "Tia lửa", đăng trên báo "Tia lửa", số 27, ngày 1 tháng Mười một 1902 và trên báo "Công nhân miền Nam", số 10, tháng Chạp 1902. Đồng thời, nhóm "Công nhân miền Nam" đã không tán thành triệt để kế hoạch tổ chức của phái "Tia lửa" — kế hoạch xây dựng đảng trên cơ sở của những nguyên tắc tập trung dân chủ, và như Lê-nin đã chỉ ra rằng: nhóm "Công nhân miền Nam" thuộc số những tổ chức mà ngoài miệng thì "thừa nhận "Tia lửa" là cơ quan lãnh đạo nhưng trong thực tế lại theo đuổi những kế hoạch riêng của mình và tỏ ra rõ rệt là thiếu vững vàng về mặt nguyên tắc" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 7, tr. 230).

Sau khi nêu lên "sự hoạt động có kết quả về mặt tổ chức và báo chí của nhóm " Công nhân miền Nam" là có lợi cho việc thống nhất và khôi phục đảng", Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã quyết định đình chỉ việc xuất bản tờ "Công nhân miền Nam" và giải tán nhóm xuất bản ra nó cũng như tất cả các nhóm và các tổ chức dân chủ - xã hội độc lập khác. — 442.

¹⁴⁴ V. I. Lê-nin tự tay trích dịch bức thư của Ph. Lát-xan gửi cho C. Mác ngày 24 tháng Sáu 1852. V. I. Lê-nin sử dụng đoạn trích này làm đề từ cho tác phẩm "Làm gì?" của mình. — 451.

¹⁴⁵ Ngày 6 (19) tháng Chạp 1901, tại Giơ-ne-vơ, những người dân chủ - xã hội Nga đã tổ chức lễ kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày hoạt động cách mạng của G. V. Plê-kha-nốp cùng một lúc với việc kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày nổ ra cuộc biểu tình ở gần nhà thờ Ca-dan tại Pê-téc-bua. Cuộc biểu tình này do công nhân và sinh viên tổ chức vào ngày 6 tháng Chạp 1876 để chống lại sự lộng hành của chế độ chuyên chế. Trong cuộc biểu tình, G. V. Plê-kha-nốp đã đọc bài diễn văn cách mạng. Cuộc biểu tình đã bị cảnh sát và quân đội giải tán, nhiều người tham gia biểu tình bị bắt và bị đưa đi tù, đi đày và làm khổ sai. G. V. Plê-kha-nốp buộc phải lưu vong ra nước ngoài.

Những cuộc họp trọng thể để kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày hoạt động cách mạng của G. V. Plê-kha-nốp được tổ chức ở Giơ-ne-vơ, Béc-nơ, Pa-ri, Duy-rích và ở các thành phố khác, là nơi có những người dân chủ - xã hội Nga sống lưu vong. — 452.

¹⁴⁶ Lúc đó, khẩu hiệu "Ruộng đất và tự do" là khẩu hiệu của tổ chức bất hợp pháp cùng tên do phái dân túy thành lập ở Nga năm 1876. Những nhà hoạt động nổi tiếng của tổ chức "Ruộng đất và tự do" là: A. Đ. Mi-khai-lốp, G. V. Plê-kha-nốp, O. V. Áp-téc-man, A. A. Kvi-át-cốp-xki, X. M. Cráp-tsin-xki (Xtép-ni-ác), X. L. Pê-rốp-xcai-a, N. A. Mô-rô-dốp, V. N. Phi-gơ-ne và những người khác.

Trong khi coi nông dân là lực lượng cách mạng chủ yếu ở nước Nga, những người thuộc tổ chức "Ruộng đất và tự do" mưu toan phát động nông dân khởi nghĩa chống lại chế độ Nga hoàng. Họ tiến hành công tác cách mạng ở nhiều tỉnh thuộc nước Nga như: Tam-bốp, Vô-rô-ne-giơ v. v.. Năm 1879, trong nội bộ tổ chức "Ruộng đất và tự do" đã hình thành phái khủng bố, họ

coi việc khủng bố là phương tiện chủ yếu của cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng. Tại đại hội họp ở Vô-rô-ne-giơ vào năm đó, tổ chức "Ruộng đất và tự do" đã chia thành hai tổ chức là: "Dân ý" và "Chia đều ruộng đất". — 453.

¹⁴⁷ Đoạn văn này nói về Quốc tế I ("Hội liên hiệp lao động quốc tế") — tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản, thành lập ngày 28 tháng Chín 1864 tại hội nghị công nhân quốc tế họp ở Luân-đôn, do công nhân Anh và Pháp đứng ra triệu tập. Việc thành lập Quốc tế I là kết quả của cuộc đấu tranh kiên trì trong nhiều năm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen để thành lập một đảng cách mạng của giai cấp công nhân. C. Mác là người tổ chức và lãnh đạo Quốc tế I, là tác giả các bản "Tuyên ngôn thành lập", Điều lệ và các tài liệu có tính chất cương lĩnh và sách lược khác của Quốc tế. Như V. I. Lê-nin nhận xét, Quốc tế I "đã đặt nền tảng cho tổ chức quốc tế của công nhân nhằm chuẩn bị cho cuộc tấn công cách mạng của họ chống tư bản", "đã đặt nền tảng cho cuộc đấu tranh vô sản, có tính chất quốc tế để thực hiện chủ nghĩa xã hội" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1968, t. 29, tr. 341 - 342).

Cơ quan lãnh đạo trung ương của Quốc tế I là Hội đồng trung ương của Hội liên hiệp lao động quốc tế mà C. Mác là ủy viên thường trực. Khắc phục những ảnh hưởng tiểu tư sản và những khuynh hướng bè phái lúc đó đang thống trị trong phong trào công nhân (chủ nghĩa công liên ở Anh, chủ nghĩa Pru-đông và chủ nghĩa vô chính phủ ở các nước thuộc ngôn ngữ Rô-manh, chủ nghĩa Lát-xan ở Đức), Mác đã đoàn kết được những công nhân tiên tiến ở châu Âu và châu Mỹ trên những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học. Quốc tế I đã lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị và kinh tế của công nhân ở các nước và củng cố sự đoàn kết quốc tế giữa họ. Quốc tế I đã đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp truyền bá chủ nghĩa Mác và trong việc kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

Sau khi công xã Pa-ri thất bại, một nhiệm vụ đặt ra trước giai cấp công nhân là phải thành lập các đảng dân tộc có tính chất quần chúng dựa trên cơ sở các nguyên tắc mà Quốc tế I đã nêu ra. Năm 1873, C. Mác đã viết: "Xét tình hình ở châu Âu, tôi cho rằng tạm thời đưa xuống hàng thứ yếu việc tổ chức một Quốc tế chính thức là hết sức có lợi" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 288). Năm 1876, tại hội nghị Phi-la-đen-phi-a, Quốc tế I đã chính thức giải tán. — 460.

¹⁴⁸ *Chủ nghĩa Ba-cu-nin* là một trào lưu mang tên M. A. Ba-cu-nin — nhà lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ và là kẻ thù nguy hại của chủ nghĩa Mác và của chủ nghĩa xã hội khoa học. Những người theo chủ nghĩa Ba-cu-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại lý luận của Mác và sách lược của phong trào công nhân. Những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Ba-cu-nin là: phủ nhận mọi nhà nước, trong đó kể cả chuyên chính vô sản, không hiểu vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản. Ba-cu-nin nêu ra cái tư tưởng "binh đẳng" giai cấp, thống nhất "các hội tự do" từ dưới lên. Theo phái Ba-cu-nin thì hội cách mạng bí mật, bao gồm những nhân vật "lỗi lạc", cần phải lãnh đạo các cuộc nổi dậy ngay tức khắc của quần chúng nhân dân. Ví dụ, phái Ba-cu-nin cho rằng ở Nga, giai cấp nông dân đã rất sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa. Cái sách lược tiến hành âm mưu, nổi dậy ngay lập tức và khủng bố của họ là phiêu lưu và thù địch với học thuyết Mác về khởi nghĩa. Chủ nghĩa Ba-cu-nin rất gần gũi với chủ nghĩa Pru-đông — một trào lưu tiểu tư sản phản ánh tư tưởng của những người tiểu tư hữu bị bản cùng hoá. X.G. Nê-tsa-ép, một trong những đại biểu của phái Ba-cu-nin ở nước Nga, đã có quan hệ mật thiết với Ba-cu-nin khi Ba-cu-nin còn ở nước ngoài. Cương lĩnh của hội tiến hành những vụ âm mưu đã được phái Ba-cu-nin trình bày trong cuốn "Hỏi và đáp về cách mạng". Năm 1869 Nê-tsa-ép định thành lập ở Nga một tổ chức tiến hành những vụ âm mưu trong phạm vi nhỏ gọi là "Sự trừng phạt của nhân dân". Song, Nê-tsa-ép chỉ kịp thành lập ở Mát-xcơ-va một số nhóm nhỏ. Tổ chức "Sự trừng phạt của nhân dân" đã bị chính phủ Nga hoàng phát hiện và phá vỡ vào tháng Chạp 1869. Lý luận và sách lược của phái Ba-cu-nin đã bị C.Mác, Ph. Ăng-ghe-n lên án nghiêm khắc. V. I. Lê-nin coi chủ nghĩa Ba-cu-nin là thế giới quan "của người tiểu tư sản bị thất vọng trong việc tự cứu lấy mình" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 21, tr. 257). Chủ nghĩa Ba-cu-nin là một trong những nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa dân túy. Về Ba-cu-nin và phái Ba-cu-nin, xem tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: "Đồng minh dân chủ - xã hội chủ nghĩa và Hội liên hiệp lao động quốc tế" (1873), của Ph. Ăng-ghe-n: "Phái Ba-cu-nin đang hành động" (1873), "Văn học lưu vong" (1875), tác phẩm của V. I. Lê-nin: "Về chính phủ cách mạng lâm thời" (1905) v. v. — 463.

¹⁴⁰ Mùa xuân 1901, do phong trào cách mạng ở Nga mạnh lên cho nên trong những người dân chủ - xã hội Nga lưu vong, người

ta đã thảo luận vấn đề cần thiết phải thống nhất và phối hợp hành động giữa tất cả các tổ chức dân chủ - xã hội ở nước ngoài. Khi thấy, về mặt nguyên tắc, không thể thống nhất các tổ chức có khuynh hướng cách mạng với các tổ chức cơ hội chủ nghĩa, Lê-nin đã đề nghị thống nhất các tổ chức dân chủ - xã hội cách mạng lại với nhau. Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin viết: "Tôi nghĩ rằng, chẳng lẽ lại không đặt ra kế hoạch tổ chức sau đây: thống nhất tổ chức "Người dân chủ - xã hội", ban biên tập tạp chí "Bình minh" và các nhóm tương tự... thành *Đồng minh, chẳng hạn*" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 98). Chính trong thư này Lê-nin đã trình bày những nguyên tắc của bản dự thảo về tổ chức đó.

Bản sơ thảo điều lệ của đồng minh ở nước ngoài do bộ phận ban biên tập ở Muyn-khen cùng với G. V. Plê-kha-nốp vừa đến Muyn-khen biên soạn và đã được toàn thể các hội viên của các tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh" và "Người dân chủ - xã hội" thảo luận. Có lẽ, trong thời gian này, Lê-nin đã viết phần sửa đổi cho bản dự thảo điều lệ. — 467.

¹⁵⁰ Ở đây và ở dưới nữa, Lê-nin liệt kê các số báo "Tia lửa" có đăng các bài và các thông báo về những cuộc biểu tình của công nhân và sinh viên ở các thành phố của nước Nga. — 472.

¹⁵¹ Tài liệu này có lẽ là một trong những đề cương của bài "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do". — 475.

¹⁵² "*Truyền tin nước Nga*" là tạp chí chính trị và văn học, xuất bản từ 1856 đến 1906. Địa điểm xuất bản của tạp chí phải thay đổi luôn. Trong những năm 1856 - 1887 tạp chí đó xuất bản ở Mát-xcơ-va. M. N. Cát-cốp là tổng biên tập kiêm nhà xuất bản. Lúc đầu tạp chí có xu hướng tự do chủ nghĩa; từ những năm 60 thế kỷ XIX, tạp chí biến thành cơ quan ngôn luận của phái phản động nông nô. Sau khi Cát-cốp chết, từ cuối 1887 đến 1896 tờ "Truyền tin nước Nga" xuất bản ở Pê-téc-bua, trong những năm 1896 - 1902 xuất bản ở Mát-xcơ-va và trong những năm 1902 - 1906 lại xuất bản ở Pê-téc-bua. — 477.

¹⁵³ "*Truyền tin châu Âu*" là tạp chí lịch sử - chính trị và văn học ra hàng tháng, thuộc xu hướng tư sản - tự do chủ nghĩa; xuất bản

ở Pê-téc-bua từ 1866 đến 1918. Tạp chí đã đăng các bài báo chống lại những người mác-xít cách mạng. — 477.

¹⁵⁴ Tài liệu này gồm có phần trình bày tóm tắt đại cương các bài báo nói về hội đồng địa phương, đăng trong tạp chí "Tiếng nói tự do", số 53, 57, 59, 60, ký tên "D. X.". Tài liệu này được viết vào thời kỳ V. I. Lê-nin viết bài "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do". — 481.

¹⁵⁵ Đây là nói về điều 762, t. IX. "Bộ luật của đế quốc Nga", điều này nêu rõ: "Những người ngoại tộc đang sống ở đế quốc Nga gồm có: 1) những người ngoại tộc Xi-bi-ri; 2) những người Xa-mô-ét ở tỉnh Ác-khan-ghen-xơ; 3) những người ngoại tộc du mục ở tỉnh Xta-vrô-pôn; 4) những người Can-mức du mục ở các tỉnh A-xơ-ra-khan và Xta-vrô-pôn; 5) những người Kiéc-ghi-dơ thuộc Nội Oóc-đa; 6) những người ngoại tộc ở khu Ác-mô-lin-xơ, Xê-mi-pa-la-tin-xơ, Xê-mi-rê-tse khu Ngoại Ca-xpiên, U-ran và Tuốc-gai; 7) những người ngoại tộc khu Ngoại Ca-xpiên; 8) những người Do-thái". — 486.

¹⁵⁶ Trong tờ "Tin tức nước Nga" số 210, ngày 1 tháng Tám 1901 có đăng bài bút ký của ban biên tập nói về cuộc thảo luận đạo luật ngày 8 tháng Sáu 1901 "Về việc chia ruộng đất công ở Xi-bi-ri cho tư nhân". Bài bút ký đã dẫn ra những tài liệu, — điển hình là ở tỉnh U-pha, — xác nhận những món lợi kếch sù của bọn quý tộc, và sự bần cùng và phá sản của quần chúng nông dân là hậu quả của việc áp dụng đạo luật này. Lê-nin đã trích dẫn một số tài liệu trong bài bút ký này. — 486.

¹⁵⁷ Tài liệu này là lời nhận xét của V. I. Lê-nin đối với bài báo của Đ. B. Ri-a-da-nốp "Hai sự thật" viết vào mùa hè 1901 cho tạp chí "Bình minh". Bài báo này đã bị ban biên tập từ chối không đăng trong tạp chí.

Trong lời nhận xét, Lê-nin đã chỉ rõ các trang bản thảo bài báo của Ri-a-da-nốp được gửi đến ban biên tập tờ "Bình minh". — 494.

¹⁵⁸ *Thực thể (bản thể) và hiện tượng* là hai khái niệm trái ngược nhau trong triết học duy tâm của Can-tơ.

Theo Can-tơ, bản thể là "vật tự nó" không thể hiểu biết được, tồn tại độc lập ngoài ý thức của con người và con người không thể nhận thức được. Hiện tượng là cái chỉ tồn tại

trong ý thức của con người và là đối tượng của tri thức của con người.

Sự đối lập "vật tự nó" — bản thể và của hiện tượng — là một trong những luận điểm cơ bản của học thuyết duy tâm chủ quan về nhận thức của Can-tơ, học thuyết này đã được các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc và bọn xét lại sử dụng trong cuộc đấu tranh của chúng chống lại chủ nghĩa duy vật.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng đã bóc trần tính đối lập đó và đã chứng minh rằng học thuyết của Can-tơ là bất hợp lý về mặt khoa học. — 496.

BẢN CHỈ DẪN CÁC SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU GỐC MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ TRÍCH DẪN VÀ NÓI ĐẾN

- A-lếch-xan-đơ II. [Diễn văn đọc trước đại biểu các đẳng cấp ở Mát-xcơ-va, 20 tháng Mười một 1878.] — Александр II. [Речь перед представителями сословий в Москве 20 ноября 1878 г.] — «Правительственный Вестник», Спб., 1878, № 261, 21 ноября (3 декабря), стр. 1. — 49.*
- Ác-xa-cốp, I. X. Về cách đặt vấn đề đúng đắn cho quyền tự trị địa phương. — Аксаков, И. С. О правильной постановке местного самоуправления. — В кн.: Аксаков, И. С. Полное собрание сочинений. Т. 5. Государственный и земский вопрос. Статьи о некоторых исторических событиях. М., Волчанинов, 1886, стр. 45 - 57. — 56.*
- Ác-xen-rốt, P. B. Hoàn cảnh lịch sử và mối quan hệ qua lại giữa dân chủ tự do chủ nghĩa và dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Nga. — Аксельрод, П. Б. Историческое положение и взаимное отношение либеральной и социалистической демократии в России. Изд. РСДРП. Женева, тип. «Союза русских социал-демократов», 1898, 34 стр. — 79.*
- An-đoóc-xki, I. Tập pháp lệnh có liên quan đến thể chế hội đồng địa phương (căn cứ theo Bộ luật và căn cứ theo việc tiếp tục ban in 1886), bao gồm những quyết định của Thượng nghị viện chấp chính, những lời giải thích của chính phủ và bản phụ lục và thể chế thành thị. — Андогский, И. Сборник узаконений, относящихся к земским учреждениям (по Своду законов и продолжениям издания 1886 года) с включением решений правительствующего Сената и правительственных разъяснений и с прилож. Городового положения. Изд. 2-е, испр. и доп. Спб., Евдокимов, 1888, стр. 11, 59, 136 - 137, 439, 563 - 575. — 45, 46, 483.*
- Bài diễn văn đáng buồn và chưa từng thấy. — Печально-знаменательная речь. — «Московские Ведомости», 1901, № 268, 29 сентября (12 октября), стр. 1. — 413 - 414.*

- Bài phát biểu của một trong những thủ lĩnh cấp huyện của giới quý tộc tại hội nghị riêng của các thủ lĩnh nhân vụ các sinh viên. — Речь одного из уездных предводителей дворянства на частном собрании предводителей по поводу студенческих дел. 1901. Гект. — 342 - 428.*
- Ban chấp hành hội [«Dân ý»] gửi hoàng đế A-lếch-xan-đơ III. — Исполнительный комитет [«Народной воли»] императору Александру III. 10 марта 1881 г. Б. м., тип. «Народной воли», 12 марта 1881 г. 4 стр. — 69.*
- «Ban ngày». — «День», М. — 34.*
- Bản cáo trạng [về vụ đấu tranh hồi tháng Năm ở nhà máy Ô-bu-khốp]. — Обвинительный акт [по делу о майских волнениях на Обуховском заводе]. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 9, октября, стр. 3 - 5. — 359, 360, 361 - 362.*
- [Bản dự thảo kiến nghị gửi A-lếch-xan-đơ II được kèm theo bản truyền đơn «Đại Nga». 1862]. — [Проект адреса Александру II, приложенный к прокламации «Великорусс». 1862 г]. — В кн.: Бурцев, В. За сто лет (1800 -1896). Сборник по истории политических и общественных движений в России. В 2-х ч. Сост. В. Бурцев при ред. уч. С. М. Кравчинского (Степняка). London, 1897, стр. 39 - 40. — 32 - 33.*
- [Bản thông báo về những sự kiện ở xưởng Ô-bu-khốp]. — [Сообщение о событиях на Обуховском заводе]. — «Новое время», Спб., 1901, № 9049, 9 (22) мая, стр. 2. — 17, 19 - 20, 472 - 474.*
- Bản tuyên bố của các đại biểu hội nghị hội đồng địa phương tỉnh Tve năm 1879. — Заявление гласных Тверского губернского земского собрания 1879 г. — В кн.: Мнения земских собраний о современном положении России. Berlin, Behr, 1883, стр. 85 - 90. — 49*
- Báo cáo của hội nghị Ủy ban hội đồng địa phương tỉnh Tséc-ni-gốp 1879. — Доклад Комиссии Черниговского губернского земского собрания 1879 г. — В кн.: Мнения земских собраний о современном положении России., Berlin, Behr, 1883, стр. 91 - 98. — 49.*
- [Báo cáo của Cục hội đồng địa phương tỉnh Ха-ra-tốp về những biện pháp đấu tranh khắc phục hậu quả của nạn mất mùa]. — [Доклад Саратовской губернской земской управы о мероприятиях по борьбе с последствиями неурожая. 29 августа 1901 г. Сжатое изложение.] — «Саратовский Дневник, Приложение к № 187», 1901, 31 августа, стр. 1, в ст.: «Чрезвычайное губернское земское собрание». — 379 - 381.*
- «Báo khổ nhỏ». — «Листок», Брюссель, 1862, № 3, декабрь, стр. 17 - 19. — 84.*

- «*Báo khởi nhỏ*». — Лондон, 1864, № 18, 25 февраля, стр. 137 - 139. — 84.
- «*Báo công thương*». — «*Tоргово-Промышленная Газета*», Спб., 1901, № 109, 16 (29) мая, стр. 2. — 209.
- Béc-đi-a-ép, N. Chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa cá nhân trong triết học xã hội.* — Бердяев, Н. Субъективизм и индивидуализм в общественной философии. Критический этюд о Н. К. Михайловском. С предисл. П. Струве. Спб., Попова, 1901. [360] стр. — 80, 81 - 82.
- «*Bình minh*». — «*Заря*», Штутгарт. — 30, 335, 433, 467, 475.
— 1901, № 1, апрель, стр. 247 - 270. — 413.
- Blé-clôp, X. M. báo cáo về tình hình kiểm tra huyện Đni-ép-rơ tháng Năm và tháng Sáu 1901.* — Блеклов, С. М. Отчет по обследованию Днепровского уезда в течение мая и июня 1901 г. Август 1901. Гект. 53 стр. — 408 - 409.
- Bộ luật của đế quốc Nga.* — Полное собрание законов Российской империи. Собрание 2-е. Т. 39. Отд-ние 1-е. Спб., 1867, ст. 40457, стр. 1 - 14. — 33, 39.
— Собрание 2-е. Т. 41. Отд-ние 2-е. Спб., 1868, ст. 43874, стр. 258 - 259. — 44.
- Bộ luật của đế quốc Nga.* — Полное собрание законов Российской империи. Собрание 2-е. Т. 42. Отд-ние 1-е. Спб., 1871, ст. 44690, стр. 896 - 898. — 45 - 46.
— Собрание 2-е. Т. 44. Отд-ние 1-е. Спб., 1873, ст. 47456, стр. 67. — 46.
— Собрание 3-е. Т. 10. Отд-ние 1-е. Спб., 1893, ст. 6927, стр. 493 - 511. — 59, 64, 115, 404.
— Собрание 3-е. Т. 13. Отд-ние 2-е. Спб., 1893, ст. 9744, 9791, стр. 414 - 419, 448 - 456. — 59 - 60.
- Bun-ga-cốp, X. N. Bàn về sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp.* — Булгаков, С. Н. К вопросу о капиталистической эволюции земледелия. — «Начало», Спб., 1899, № 1 - 2, стр. 1 - 21; № 3, стр. 25 - 36. — 122, 159 - 160, 177, 181 - 182, 183, 186, 190, 215, 241, 243 - 244, 253 - 254, 272.
- *Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp.* — *Капитализм и земледелие*. Т. 1 - 2. Спб., Тиханов, 1900. 2т. — 121 - 157, 158 - 165, 167, 168, 169, 170, 186, 199, 200 - 201, 202 - 203, 204, 209, 210 - 211, 213, 215, 216, 217 - 218, 220, 223 - 224, 228, 230 - 234, 237 - 238, 239 - 244, 251, 253 - 256, 257, 266, 272 - 273, 274, 275, 278, 284, 285, 287, 288 - 289.
- Bước-bếp, V. Trong một trăm năm (1800 - 1896).* — Бурцев, В. За сто лет (1800 - 1896). Сборник по истории политических и обществен-

- ных движений в России. В. 2-х ч. Сост. В. Бурцев при ред. уч. С. М. Кравчинского (Степняка). London, 1897. 267, 164 стр. (Изд. фонда ВРП. Вып. 23). — 33, 84.
- Bút ký của những người tự do chủ nghĩa Mát-xơ-va gửi bá tước Lô-rít - Mê-li-cốp, chủ tịch Ban chấp hành tối cao.* — *Записка московских либералов гр. Лорис-Меликову, нач. Высшей Исполнительной Комиссии.* [Петиция 25 московских земских деятелей. Март 1880 г.] — В кн.: Ж. Кеннан. Последнее заявление русских либералов. Genève, Elpidine, 1890, стр. 20 - 40. — 50.
- Bức thư đầu tiên gửi những nông dân bị đói.* — *Первое письмо к голодающим крестьянам.* [Листовка. Спб.], тип. Народоольцев, март 1892. [1]стр. Подпись: Мужичкине доброхоты. — 348.
- «*Bước đầu*». — «*Начало*», Спб., 1899, № 1 - 2, стр. 1 - 21; № 3, стр. 25 - 36. — 122, 159, 177, 182, 183, 186, 190, 215, 241, 243, 253, 272.
- Bước ngoặt lịch sử.* — *Исторический поворот.* — «Листок «Рабочего Дела»», Женева, 1901, № 6, апрель, стр. 1 - 6. — 5 - 9, 15.
- «*Bưu cục miền Bắc*». — «*Северная Почта*», Спб., 1867, № 13, 17 (29) января, стр. 1. — 44.
- Cà-dan.* — *Казань.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 3, апрель, стр. 5, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 272.
- Cà-ra-va-ép, A. L. Diễn văn đọc ngày 26 tháng Năm 1907 tại Đu-ma nhà nước.* — *Караваев, А. Л. Речь, произнесенная в Государственной думе 26 мая 1907 г.* — В кн.: Государственная дума. Второй созыв. Стенографические отчеты. 1907 год. Сессия вторая. Т. II. Заседание 31 — 53 (с 1 мая по 2 июня). Спб., 1907, стб. 1180 - 1197. — 304.
- Cà-vê-lin, C. Đ. Thư gửi bà X. Соóc-ха-cô-va.* — *Кавелин, К. Д. Письмо к С. Корсаковой.* — «Вестник Европы», Спб., 1886, № 10, стр. 757 - 758. — 47.
- Các cơ quan hội đồng địa phương trước kia.* — *Прошедшее земских учреждений.* — «Земство», М., 1880, № 1, 3 декабря, стр. 2 - 8. — 51.
- «*Cái chuông*». — «*Колокол*», Лондон — Женева. — 34.
— Лондон, 1862, № 126, 22 марта, стр. 1 - 2. — 31 - 32.
- [*Cát-cốp, M. N.] Mát-xơ-va, 28 tháng Năm.* — [Катков, М. Н.] Москва, 28 мая. — «Московские Ведомости», 1886, № 146, 29 мая, стр. 2. — 92 - 93.

- Chiếu chỉ của nhà vua gửi cho bá tước Đ. A. Tôn-xtôi, bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân.* — *Высочайший рескрипт, данный на имя министра народного просвещения графа Д. А. Толстого.* 25 декабря 1873 г. — «Правительственный Вестник», Спб., 1873, № 307, 27 декабря (8 января 1874), стр. 1. — 46, 483.
- Chiếu chỉ của nhà vua gửi cho Van-nốp-xki, uỷ viên Hội đồng nhà nước.* — *Высочайший рескрипт, данный на имя члена Государственного совета Ванновского.* 25 марта 1901 года. — «Правительственный Вестник», Спб., 1901, № 68, 25 марта (7 апреля), стр. 1. — 42, 114.
- Cô-sê-lép, A. Hiến pháp, nền quân chủ chuyên chế và Du-ma của hội đồng địa phương.* — *Кошелев, А. Конституция, самодержавие и земская дума.* Лейпциг, Вагнер, 1862. IV, 59 стр. — 37 - 38, 44 — 45.
- [*Cô-va-lép-xki, M. M.*] *Hiến pháp của bá tước Lô-rít — Mê-li-cốp.* — [*Ковалевский М. М.*] *Конституция графа Лорис-Меликова.* Лондон, 1893. [2], 43, VIII стр. (Изд. Фонда ВРП. Вып. 7.) — 52, 54, 67 - 68.
- Côn-đôi-đi, V. G. Bài phát biểu của ông tỉnh trưởng tỉnh Ха-ma-ra [trong phiên họp công khai thường kỳ của hội đồng địa phương tỉnh, 11 tháng Giêng 1900].* — *Кондоиди, В. Г. Речь г. управляющего Самарской губернией [при открытии очередной сессии губернского земского собрания 11 января 1900 г.]* — «Самарская Газета», 1900, № 9, 13 февраля, стр. 1 - 2. — 394, 401 - 402, 403 - 405, 409.
- Cri-tsép-xki, B. Những nguyên tắc, sách lược, đấu tranh.* — *Кричевский, Б. Принципы, тактика, борьба.* — «Рабочее Дело», Женева, 1901, № 10, сентябрь, стр. 1 - 36. — 334, 335 - 337, 338 - 339, 354, 432, 445, 447.
- Cru-lốp, I. A. Cái gương và Con khỉ.* — *Крылов, И. А. Зеркало и Обезьяна.* — 428.
- *Con mèo và người nấu bếp.* — *Кот и Повар.* — 366 - 367.
- *Anh chàng tò mò.* — *Любопытный.* — 142.
- «*Cửa cái nước Nga.*» — «*Русское Богатство*», Спб., 1900, № 4, стр. 127 - 157; № 7, стр. 153 - 169; № 8, стр. 201 - 239; № 10, стр. 212 - 259. — 121, 172, 173, 174 - 175, 176, 178, 179, 181, 188 - 189, 190, 191, 192 - 194, 223, 227 - 228, 261 - 262, 264 - 265, 274, 277 - 278.
- 1900, № 11, стр. 232 - 248. — 186.
- Cuộc bãi công của các nhà thống kê hội đồng địa phương.* — *Стачка земских статистиков.* — «Московские Ведомости», 1901, № 263, 24 сентября, (7 октября), стр. 1. — 409 - 411.

- Cuộc biến động ở Vla-đi-mia trên sông Cl-i-a-dơ-ma.* — *Крамола во Владимире на Клязьме.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 5, июнь, стр. 2 - 3, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 407.
- D. X. Mười tám năm chiến tranh của giới quan lại chống hội đồng địa phương.* — *З. С. Восемнадцать лет войны чиновничества с земством.* — «Волное Слово», Женева, 1883, № 53, 20 января, стр. 5 - 7; № 54, 1 февраля, стр. 6 - 7; № 55, 15 февраля, стр. 5 - 8; № 56, 1 марта, стр. 6 - 8; № 57, 15 марта, стр. 4 - 6; № 59, 15 апреля, стр. 6 - 8; № 60, 1 мая, стр. 10 - 12. — 481 - 484.
- Da-xu-lích, V. Những nhà cách mạng xuất thân từ tầng lớp tư sản.* — *Засулич В. Революционеры из буржуазной среды.* — «Социал-Демократ», Лондон, 1890, № 1, февраль, стр. 50 - 87. — 53.
- «*«Dân ý» khổ nhỏ.*» — «*Листок «Народной Воли»*», [Спб.], 1880, № 2, 20 августа, стр. 3 - 5. — 51 - 59.
- Do Cục hội đồng địa phương thuộc Bộ nội vụ.* — *От земского отдела министерства внутренних дел.* — «Правительственный Вестник», Спб., 1901, № 203, 16 (29) сентября, стр. 2. — 381.
- Do Hội liên hiệp đấu tranh.* — *От Союза борьбы.* — «Рабочая Мысль», [Варшава], 1901, № 12, июль, стр. 19. Под общ. загл.: Партийные дела. — 351 - 352.
- Dơ-na-men-xki, N. A. Phần tử thứ ba.* — *Знаменский, Н. А. Третий элемент.* — «Московские Ведомости», 1901, № 279, 10 (23) октября, стр. 1 - 2. — 409 - 410.
- [*Đa-ni-en-xôn, N. Ph.*] *Lược khảo về kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách.* — [*Даниельсон, Н. Ф.*] *Очерки нашего пореформенного общественного хозяйства.* Спб., 1893. XVI, 353 стр.; XVI л. табл. Перед загл. авт.: Николай — он. — 397.
- Đa-vít, Ê. Chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế nông nghiệp.* — *Давид, Э. Социализм и сельское хозяйство.* Пер. с нем. под ред. Г. А. Гроссмана. Спб., 1906, VIII, 550 стр. — 157, 273 - 290, 295, 296, 300, 301 - 303, 312 - 313.
- Đích-ken, Ts. Di chúc của câu lạc bộ Pích-vích.* — *Диккенс, Ч. Посмертные записки Пикквикского клуба.* — 385.
- Điều lệ của Hội đồng bộ trưởng về chế độ cho các tư nhân, gửi từ 1 tháng Giêng 1870, qua đường bưu điện, những văn kiện, công văn,*

- mà không phải trả tiền phí tổn.* — Положение Комитета министров о порядке отправления, с 1 января 1870 года, частными лицами по почте всякого рода документов и бумаг, не подлежащих оплате страховым сбором. 19 сентября 1869 г. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 2-е. Т. 44. Отд-ние 1-е. Спб., 1873, ст. 47456, стр. 67. — 46.
- Điều lệ của các cơ sở chữa bệnh thuộc Bộ nội vụ.* — Устав лечебных заведений министерства внутренних дел. 10 июня 1893 г. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 3-е. Т. 13. Отд-ние 2-е. Спб., 1893, ст. 9791, стр. 448 - 456. — 59.
- Điều lệ về các cơ quan hội đồng địa phương huyện và tỉnh.* — Положение о губернских и уездных земских учреждениях. 1 января 1864 года. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 2-е. Т. 39. Отд-ние 1-е. Спб., 1867, ст. 40457, стр. 1 - 14. — 33, 38.
- Điều lệ về các cơ quan hội đồng địa phương huyện và tỉnh.* — Положение о губернских и уездных земских учреждениях. 12 июня 1890 г. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 3-е. Т. 10. Отд-ние 1-е. Спб., 1893, ст. 6927, стр. 493 - 511. — 59, 64, 114 - 116, 404.
- Điều lệ về các trường quốc dân.* — Положение о начальных народных училищах. (25 мая 1874 г.) — В кн.: Андогский, И. Сборник узаконений, относящихся до земских учреждений (по Своду законов и продолжениям издания 1886 года) с включением решений правительствующего Сената и правительственных разъяснений с прилож. Городового положения. Изд. 2-е, испр. и доп. Спб., Евдокимов, 1888, стр. 563 - 575. — 46, 483.
- Điều lệ về những nông dân đã thoát khỏi địa vị phụ thuộc kiểu nông nô.* — Положение о крестьянах, вышедших из крепостной зависимости. 19 февраля 1861 года. Спб., 1861. Разд. паг. — 34 - 35.
- Đô-brô-li-u-bốp, N. A. Khi một ngày thật sự sẽ đến?* — Добролюбов, Н. А. Когда же придет настоящий день? — 454, 456.
- [Đôn-gô-ru-cốp, P. V.] Quan điểm về những nguyên tắc cơ bản của hệ thống toà án, của phương pháp xét xử và của các cơ quan hội đồng địa phương.* — [Долгоруков, П. В.] Взгляд на основные положения судостроительства, судопроизводства и земских учреждений. —

- «Листок», Брюссель, 1862, № 3, декабрь, стр. 17 - 19. Подпись: КПД. — 84.
- *Trích bài: «Quan điểm về những nguyên tắc cơ bản của hệ thống toà án, của phương pháp xét xử và của các cơ quan hội đồng địa phương».* — Из статьи: «Взгляд на основные положения судостроительства, судопроизводства и земских учреждений». — В кн.: Бурцев, В. За сто лет (1800 - 1896). Сборник по истории политических и общественных движений в России. В. 2-х ч. Сост. В. Бурцев при ред. уч. С. М. Кравчинского (Степняка). London, 1897. стр. 63 - 66. — 84.
- *Trích bài: «Về các cơ quan hội đồng địa phương».* — Из статьи: «О земских учреждениях». — В кн.: Бурцев, В. За сто лет (1800 - 1896). Сборник по истории политических и общественных движений в России. В. 2-х ч. Сост. В. Бурцев при ред. уч. С. М. Кравчинского (Степняка). London, 1897. стр. 66 - 67. — 84.
- *Về các cơ quan hội đồng địa phương.* — О земских учреждениях. — «Листок», Лондон, 1864, № 18, 25 февраля, стр. 137 — 139. — 84.
- «*Đời sống*». — «Жизнь», Спб., 1900, № 1, стр. 84 - 110; № 2, стр. 59 - 68. — 122.
- 1901, № 3, стр. 162 - 186; № 4, стр. 63 - 100. — 148, 165.
- Đra-gô-ma-nốp, M. Chủ nghĩa tự do của hội đồng địa phương ở Nga (1858 — 1883).* — Драгоманов, М. Земский либерализм в России. (1858 — 1883). — В кн.: Драгоманов, М. Либерализм и земство в России. (Отд. оттиск из 1-го №-ра «Свободной России».) Genève, Georg, 1889, стр. 1 - 51. — 31 - 32, 48, 57 - 58.
- *Chủ nghĩa tự do và hội đồng địa phương ở nước Nga.* — Либерализм и земство в России. (Отд. оттиск из 1-го №-ра «Свободной России».) Genève, Georg, 1889. 64 стр. — 31 - 32, 48, 57 - 58, 477.
- *Chế độ quân chủ chuyên chế, chế độ tự trị địa phương và toà án độc lập.* — Самодержавие, местное самоуправление и независимый суд. — В кн.: Драгоманов, М. Либерализм и земство в России. (Отд. оттиск из 1-го №-ра «Свободной России».) Genève, Georg, 1889, стр. 52 - 64. — 31, 477.
- Đu-ma nhà nước.* — Государственная дума. [Первый созыв.] Стенографические отчеты. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседание 1-18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., 1906, стр. 465 - 471. — 304.

- Đu-ma nhà nước*. — Государственная дума. Второй созыв. Стенографические отчеты. 1907 год. Сессия вторая. Т. II. Заседание 31- 53 (с 1 мая по 2 июня). Спб., 1907, стб. 1180 - 1197. — 304.
- [*Ếc-mô-lôp, A. X.*] *Mất mùa và tai nạn của nhân dân*. — [Ермолов, А. С.] *Неурожай и народное бедствие*. Спб., Киришбаум, 1892. 270 стр. — 109.
- En-ghen-hác, A. N.* *Từ chốn thôn quê*. — *Энгельгардт, А. Н. Из деревни*. — 279.
- En-ghen-hác, A. P.* [*Cuộc tọa đàm với cộng tác viên của tờ «Ха-ra-tốp khổ nhỏ»*]. — *Энгельгардт, А. П. [Беседа с сотрудником «Саратовского Листка»]* — «Новое Время», Спб., 1901, № 9195, 9 (22) октября, стр. 4, в отд.: Внутренние известия. — 378 - 379, 380.
- Ghéc-tsen-stanh, M. I-a.* *Diễn văn đọc tại Đu-ma nhà nước 18 tháng Năm 1906*. — *Герценштейн, М. Я. Речь, произнесенная в Государственной думе 18 мая 1906 г.* — В кн.: Государственная дума. [Первый созыв.] Стенографические отчеты. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседание 1- 18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., 1906, стр. 465 - 471. — 304.
- Ghéc-tơ, Ph. O.* *Những vấn đề ruộng đất*. — *Герци, Ф. О. Аграрные вопросы*. С предисл. Э. Бернштейна. Пер. А. Ильинского. Спб., 1900. 323стр. — 121, 151, 152, 153, 157 - 158, 161 - 162, 172 - 177, 178, 182, 191, 193, 194, 195, 201 - 202, 211, 215 - 216, 217, 218 - 219, 221, 231, 262, 264, 266 - 267, 273 - 274, 278.
- «*Giáo dục*». — «Образование», Спб., 1906, № 2, стр. 175 - 226. — 277 - 278.
- Góp phần đánh giá ông Lô-rít - Mê-li-cốp*. — *К характеристике Лорис-Меликова*. — «Листок «Народной Воли»», [Спб.], 1880, № 2, 20 августа, стр. 3 - 5. — 51, 58 - 59.
- Gô-gôn, N. V.* *Chiếc áo choàng*. — *Гоголь, Н. В. Шинель*. — 403.
- *Những linh hồn chết*. — *Мертвые души*. — 116, 251.
- Gốt-tơ, Phau-xtơ*. — *Гёте. Фауст*. — 234.
- Gra-đốp-xki, A. Đ.* [*Bản phúc trình*]. — *Градовский, А. Д. [Докладная записка]*. — В кн.: [Ковалевский, М. М.] Конституция графа Лорис-Меликова. Лондон, 1893, стр. 28 - 30. — 54.

- Gri-bô-ê-đốp, A. X.* *Khổ vì khôn*. — *Грибоедов, А. С. Горь от ума*. — 62, 231, 440.
- Gri-gô-rô-vích, Đ. V.* *Những kẻ múa may từ thiện*. — *Григоревич, Д. В. Акробаты благотворительности*. — 384 - 385.
- «*Hội đồng địa phương*». — «Земство», М., 1880, № 1, 3 декабря, стр. 2 - 8. — 51.
- 1881, № 23, 6 мая, стр. 1. — 55, 56.
- 1881, № 24, 13 мая, стр. 5. — 56.
- Huyện Bu-gu-ru-xlan*. — *Бугурусланский уезд*. — «Русские Ведомости», М., 1901, № 244, 4 сентября, стр. 2, в отд.: Внутренние известия. — 398 - 399.
- I-a-rô-xláp*. — *Ярославль*. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 4, май, стр. 5, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 406 - 407, 472.
- I-gna-chi-ép, N. P.* — *Игнатъев, Н. П.* — *xem Thông tư 6 tháng Năm 1881 của bộ trưởng Bộ nội vụ gửi các tỉnh trưởng*.
- I-lin, VI.* — *xem Lê-nin, V. I.*
- Kên-nan, Gi.* *Bản tuyên bố cuối cùng của những người tự do chủ nghĩa Nga*. — *Кеннан, Ж. Последнее заявление русских либералов*. Genève, Elpidine, 1890. 40 стр. — 48, 50.
- Kha-ri-tô-nốp, A.* *Hội chợ Ni-côn-xcôi-ê ở Ca-khốp-ca*. — *Харитонов, А. Никольская ярмарка в Каховке*. — «Торгово-Промышленная Газета», Спб., 1901, № 109, 16 (29) мая, стр. 2, в отд.: Ярмарки. — 209.
- Ki-ép*. — *Киев*. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 3, апрель, стр. 5, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 472.
- Kiến nghị của giới quý tộc Tve*. — *Адрес тверского дворянства*. 2 февраля 1862 г. — «Колокол», Лондон, 1862, № 126, 22 марта, стр. 1 - 2. — 32.
- Kiến nghị của hội đồng địa phương gửi Ni-cô-lai II 1894 - 1895*. — *xem Miéc-nưi, X.*
- [*Lê-nin, V. I.*] — *Bình luận thời sự*. — *Случайные заметки*. — «Заря», Штутгарт, 1901, № 1, апрель, стр. 247 - 270. Подпись: Т. X. — 413 - 414.

- *Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp (Bàn về một cuốn sách của Cau-xky và về một bài báo của Bun-ga-cốp)*. — *Капитализм в сельском хозяйстве (О книге Каутского и о статье г. Булакова)*. — «Жизнь», Спб., 1900, № 1, стр. 84 - 110; № 2, стр. 59 - 68. Подпись: Вл. Ильин. — 122.
- *Làm gì? Những vấn đề cấp bách trong phong trào chúng ta*. — *Что делать? Наболевшие вопросы нашего движения*. — 10, 433, 451.
- *Lời ban biên tập*. — *От редакции*. [Заявление редакции «Искры»]. Листовка. [Мюнхен], тип. «Искры», [октябрь 1900]. [2] стр. (РСДРП). — 335.
- *Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga*. — *Задачи русских социал-демократов*. С предисл. П. Аксельрода. Женева, тип. «Союза русских социал-демократов», 1898. 32 стр. — 88, 100 - 101.
- *Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta*. — *Насущные задачи нашего движения*. — «Искра», [Лейпциг], 1900, № 1, декабрь, стр. 1. — 6, 448.
- *[Những vấn đề đề nghị với «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga» tại Đại hội «thống nhất», 21 tháng Chín (4 tháng Mười) 1901.]* — *[Вопросы, предложенные «Союзу русских социал-демократов» на «объединительном» съезде 21 сентября (4 октября) 1901 г.]* — В кн.: *Документы «объединительного» съезда*. Женева, изд. Лиги русской революционной социал-демократии, 1901, стр. 6. — 431.
- *Sự chia rẽ trong Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài*. — *Раскол в заграничном Союзе русских социал-демократов*. — «Искра», [Лейпциг], 1900, № 1, декабрь, стр. [8], в отд.: Из партии. — 333, 351.
- Tình hình công việc ở ngoài nước*. — *Заграничные дела*. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 9, октябрь, стр. 8. — 429.
- *Trận kịch chiến mới*. — *Новое побоище*. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 5, июнь, стр. 1 - 2. — 359.
- *Vấn đề ruộng đất*. — *Аграрный вопрос*. Ч.1. Спб., 1908, стр. 164 - 263. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. — 304.

- *Vấn đề ruộng đất và «những kẻ phê phán» Mác*. — *Аграрный вопрос и «критики» Маркса*. [Гл. I - IV.] Одесса, «Буревестник», 1905. 49 стр. Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 190.
- *Vấn đề ruộng đất và «những kẻ phê phán» Mác*. — *Аграрный вопрос и «критики» Маркса*. [Гл. V - IX.] — «Образование», Спб., 1906, № 2, стр. 175 - 226. Подпись: Н. Ленин. — 190, 277 - 278.
- *Vấn đề ruộng đất và «những kẻ phê phán Mác»*. — *Аграрный вопрос и «критики Маркса»*. В кн.: [Ленин, В. И.] *Аграрный вопрос*. Ч. I. Спб., 1908, стр. 164 - 263. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. — 304.
- *Việc 183 sinh viên bị cưỡng bức đi lính*. — *Отдача в солдаты 183-х студентов*. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 2, февраль, стр. 6. — 448 - 449.
- «*Lòng tin và Lý trí*». — «*Bera và Разум*», Харьков, 1901, № 8, апрель, стр. 457 - 462. — 418 - 421.
- Lời giải thích của Thượng nghị viện*. — *Разъяснение правительствующего Сената*. 16 декабря 1866 г. — В кн.: Андогский, И. *Сборник узаконений, относящихся до земских учреждений (по Своду законов и продолжениям издания 1886 года) с включением решений правительствующего Сената и правительственных разъяснений и с прилож. Городового положения*. Изд. 2-е, испр. и доп. Спб., Евдокимов, 1888, стр. 59. — 45.
- Lời giải thích của Thượng nghị viện*. — *Разъяснение правительствующего Сената*. 4 мая 1867 г. — В кн.: Андогский, И. *Сборник узаконений, относящихся до земских учреждений (по Своду законов и продолжениям издания 1886 года) с включением решений правительствующего Сената и правительственных разъяснений и с прилож. Городового положения*. Изд. 2-е, испр. и доп. Спб., Евдокимов, 1888, стр. 11. — 45.
- [Lời kêu gọi của chính phủ về việc ủng hộ xã hội...]* — *[Призыв правительства к содействию общества...]*. — «*Правительственный Вестник*», Спб., 1878, № 186, 20 августа (1 сентября), стр. 1. — 49.
- «*Lời nói nước Nga*». — «*Русское Слово*», Спб. — 34.
- Ma-xlốp, P. Bàn về vấn đề ruộng đất. (Sự phê phán của những kẻ phê phán.)* — *Маслов, П. К аграрному вопросу*. (Критика критиков.) — «Жизнь», Спб., 1901, № 3, стр. 162 - 186; № 4, стр. 63 - 100. — 148, 165.

- Mác, C.* [Thư gửi ban biên tập «Ký sự nước nhà» (Thư gửi ông Mi-khai-lốp-xki.) Tháng Mười một 1877.] — *Маркс, К.* [Письмо в редакцию «Отечественных Записок». (Письмо Михайловскому.) Ноябрь 1877 г.] — «Юридический Вестник», М., 1888, октябрь, стр. 270 - 273, в ст.: «Письмо Карла Маркса». — 494.
- [*Mác-tốp, L.*] *Nạn đói đang hoành hành.* — [*Мартов, Л.*] *Голод идет.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 6, июль, стр. 8. — 349 - 350, 365 - 366.
- [*Mác-tư-nớp, A.*] *Hai đại hội — [Мартынов, А.] Два съезда. III-й очередной съезд Союза и «объединительный съезд».* Женева, изд. Союза русских социал-демократов, 1901, 34 стр. — 429 - 432, 445 - 446.
- *Sách báo có tính chất tố giác và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản.* — *Обличительная литература и пролетарская борьба.* — «Рабочее Дело», Женева, 1901, № 10, сентябрь, стр. 37 - 64. — 334, 335, 336 - 339, 354, 432, 445, 449.
- Mát-xơ-va, 1 tháng Tám.* — *Москва, 1 августа.* — «Русские Ведомости», М., 1901, № 210, 1 августа, стр. 1. — 110 - 111, 486, 489.
- Miéc nưi, X. Kiến nghị của hội đồng địa phương năm 1894 - 1895 và cương lĩnh chính trị của nó.* — *Мирный, С. Адреса земств 1894 - 1895 и их политическая программа.* Женева, 1896, 63 стр. (Голоса из России. Вып. I.) — 19.
- Miền Tây Xi-bi-ri.* — *Западная Сибирь.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 4, май, стр. 3, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 472.
- Ngày 1 tháng Năm ở Nga.* — *Первое мая в России.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 5, апрель, стр. 4. — 19.
- [*Nghị quyết của hội nghị đại biểu Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga, cơ quan ở nước ngoài của báo «Tia lửa» và tạp chí «Bình minh», và tổ chức cách mạng «Dân chủ - xã hội». Giơ-ne-vơ, tháng Sáu 1901.*] — [Резолюция конференции представителей Союза Р.С.-Д., заграничной организации «Искры» и «Зари» и революционной организации «Социал-Демократ». Женева, июнь 1901 г.] — В кн.: Документы «объединительного» съезда. Женева, изд. Лиги русской революционной социал-демократии, 1901, стр. 1 - 3. — 334 - 335, 337, 338 - 339, 340, 353 - 354, 432.
- «*Người công dân.*» — «Гражданин», Спб. — 112, 491.
- «*Người dân chủ - xã hội.*» — «Социал-Демократ», Лондон, 1890, № 1, февраль, стр. 50 - 87. — 53.

- «*Người đương thời.*» — «Современник», Спб. — 34.
- Nhà máy Ô-bu-khốp.* — *Обуховский завод.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 6, июль, стр. 4 - 5, в отд.: Хроника рабочего движения и письма с фабрик и заводов. — 359.
- «*Nhật báo Ха-та-ра.*» — «Самарская газета», 1900, № 9, 13 февраля, стр. 1 - 2. — 394, 401 - 402, 403 - 404, 408.
- «*Nhật ký Ха-ра-tốp.*» — «Саратовский Дневник», 1901, № 187, 29 августа, стр. 3; «Приложение к № 187», 1901, 31 августа, стр. 3. — 379 - 381.
- Những cản trở mới.* — *Новые рогатки.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 9, октябрь, стр. 4, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 377.
- Những kẻ phá hoại bãi công ở Vi-át-ca.* — *Вятские истребители.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 9, октябрь, стр. 3, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 408.
- Những luật tạm thời về việc dân chúng bị nạn mất mùa ở các địa phương tham gia vào các công việc tiến hành dưới sự quản lý của các cục giao thông và nông nghiệp và tài sản quốc gia.* — *Временные правила об участии населения пострадавших от неурожая местностей в работах, производимых распоряжением ведомств путей сообщения и земледелия и государственных имуществ.* 15 сентября 1901 года. — «Правительственный Вестник», Спб., 1901, № 208, 22 сентября (5 октября), стр. 3. — 355 - 359, 384 - 391.
- Những người bạn mới của giai cấp vô sản Nga.* — *Новые друзья русского пролетариата.* (Посвящается «Рабочей Мысли».) — «Искра» [Лейпциг], 1900, № 1, декабрь, стр. 2 - 3. — 449 - 450.
- Những nhiệm vụ cấp bách của hội đồng địa phương.* — *Ближайшие задачи земства.* — «Вольное слово», Женева, 1883, № 56, 1 марта, стр. 4 - 6. — 49.
- Những quy định về hình phạt đối với các tội thường phạm và các hình phạt cải tạo.* — *Уложение о наказаниях уголовных и исправительных.* Изд. 1885 г. со включением статей по продолжениям 1890 и 1891 гг. Спб., б. г. 683 стр. — 355, 360 - 362, 367 - 367.
- Những sửa đổi đối với bài diễn văn của ông Xta-khô-vích.* — *Поправки к речи г. Стаховича.* [Письмо П. Рождественского в редакцию «Орловского Вестника».] — «Московские Ведомости», 1901, № 269, 30 сентября (13 октября), стр. 2. — 413 - 417.

- Những tài liệu của Đại hội «thống nhất». — Документы «объединительного съезда».* Женева, изд. Лиги русской революционной социал-демократии, 1901, IV, 11 стр. — 334 - 335, 336 - 337, 338 - 339, 340, 353, 354, 429 - 433.
- Những tài liệu mật có liên quan đến đạo luật 2 tháng Sáu 1897. — Тайные документы, относящиеся к закону 2-го июня 1897 года.* Женева, изд. РСДРП, 1898. 66 стр. — 93.
- Những thành tựu mới của ngoại thương Nga với Ba-tư. — Новые успехи русской торговли с Персией.* — «Новое Время», Спб., 1901, № 9188, 2 (15) октября, стр. 2. — 400.
- Ni-cô-lai-ôn — xem Đa-ni-en-xôn, N. Ph.*
- Ni-ki-ten-cô, A. V. Ký sự và nhật ký (1826 - 1877). — Никитенко, А. В. Записки и дневник (1826 - 1877).* Моя повесть о самом себе и о том, «чему свидетель в жизни был». Т. 3. Спб., Суворин, 1893. 458 стр. — 45.
- Ni-lu-xơ, X. G. Ông Xta-khô-vích tại Đại hội các nhà truyền đạo ở Ô-ri-ôn. — Нилус, С. Г. Стахович на миссионерском съезде в Орле. (Открытое письмо о г. Стаховиче и к г. Стаховичу.) — «Московские Ведомости», 1901, № 269, 30 сентября (13 октября), стр. 2. — 414.*
- Nước Nga trẻ. — Молодая Россия.* [Прокламация]. Б. м., [май 1862]. — 33, 34.
- «Nước nhà». — «Страна», Спб. — 54.*
- Ô-xtơ-rốp-xki, A. N. Người ăn ốc kẻ đố võ. — Островский, А. Н. В чужом пиру похмелье. — 405.*
- Ôm. Sự công khai cần thiết. — Ом. Необходимая гласность. — «Приазовский Край», Ростов-на-Дону, 1901, № 236, 5 сентября, стр. 2. — 383.*
- Pan-tê-lê-ép, L. Trích hồi ức về những năm 60. — Пантелеев, Л. Из воспоминаний о 60-х годах. — В кн.: На славном посту. Литературный сборник, посвященный Н. К. Михайловскому. Ч. II, Б. м., [1900], стр. 314 - 326. — 34 - 35.*
- Phôn-vi-din, D. I. Cật ảm. — Фонвизин, Д. И. Недоросль. — 418 - 419.*
- Phụ trương riêng của tờ «Tư tưởng công nhân». — Отдельное приложение к «Рабочей Мысли». Пб., изд. петербургского «Союза», 1899, сентябрь, стр. 3 - 16. — 72.*

- Prê-ô-bra-gien-xki, I. Thư gửi đức giám mục Am-vrô-xi địa phận Khác-sốp. — Преображенский, И. Письмо к преосвященному Амвросию, архиепископу харьковскому. — «Вера и Разум», Харьков, 1901, № 8, апрель, стр. 457 - 462. — 417 - 421.*
- Quy tắc giá cả những bất động sản để cho hội đồng địa phương đánh thuế. — Правила оценки недвижимых имуществ для обложения земскими сборами. 8 июня 1893 г. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 3-е. Т. 13. Отд-ние 2-е. Спб., 1893, ст. 9744, стр. 414 - 419. — 60.*
- R. M. Thực tại của nước ta. — Р. М. Наша действительность (Рабочее движение, самодержавие, общество с его слоями... и общественная борьба). В кн.: Отдельное приложение к «Рабочей Мысли». Пб., изд. петербургского «Союза», 1899, сентябрь, стр. 3 - 16. — 72.*
- Ri-a-da-nốp, Đ. B. Hai sự thật. Bản chép tay¹⁾ — Рязанов, Д. Б. Две правды. Рукопись.¹⁾ — 494 - 496.*
- Rô-giơ-đê-xtơ-ven-xki, P. Thư gửi ban biên tập tờ «Truyền tin Ô-ri-ôn». — Рождественский, П. Письмо в редакцию «Орловского Вестника». — «Орловский Вестник», 1901, № 257, 28 сентября, стр. 3, в отд.: Письма в редакцию. — 415 - 417.*
- Sa-khốp-xcôj, N. Những nghề phụ trong nông nghiệp làm ở ngoài công xã. — Шаховской, Н. Сельскохозяйственные отхожие промыслы. (Движение сельских рабочих. Условия найма. Отношения между нанимателями и рабочими. Меры к упорядочению рабочего движения.) М., Сыгин, 1896. VII, 253, II стр. — 209.*
- Séc-ba-tsép, V. X. Khảo cứu về nghề trồng thuốc lá ở Nga. — Щербачев, В. С. Обзор табаководства в России. Вып. II — III. (Малороссия и Туркестанский край.) Спб., Демаков, 1894. II, 192 стр.; 7 табл., 19 л. илл. — 263.*
- Sự biến ở Hội đồng địa phương tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp. — Инцидент в Екатеринославском земстве. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 7, август, стр. 3 - 4. — 407.*

1) Bài «Hai sự thật» ký tên «N. Ri-a-da-nốp» đã được in thành phụ lục cho cuốn sách nhỏ của I-u. Nếp-dô-rốp [Xtê-clốp, I-u.] «Chúng ta có từ bỏ di sản hay không?» (Giơ-ne-vơ, 1902).

- «*Sự nghiệp công nhân*». — «*Рабочее Дело*», Женева. — 5, 6, 7, 9, 353 - 354, 445, 447, 448 - 449.
- 1901, № 10, сентябрь, стр. 1 - 64. — 334 - 339, 354, 432, 445, 447, 448 - 449.
- ««*Sự nghiệp công nhân*» *khở nhỏ*». — «*Листок «Рабочего Дела»*», Женева, 1901, № 6, апрель, стр. 1 - 6. — 5 - 9, 15.
- Sự thiếu công khai*. — *Недостаток гласности*. — «*Московские Ведомости*», 1901, № 252, 13 (26) сентября, стр. 4. — 383 - 384.
- «*Тạp chí của các nhà truyền giáo*». — «*Миссионерское Обозрение*», Киев. — 414.
- «*Tập sắc lệnh và chỉ thị của chính phủ do Thượng nghị viện xuất bản*». — «*Собрание узаконений и распоряжений правительства, изд. при правительствующем Сенате*», Спб., 1886, № 68, 15 июля, ст. 639, стр. 1390 - 1405. — 93.
- 1897, № 62, 13 июня, ст. 778, стр. 2135 - 2139. — 40, 93.
- Thất nghiệp...* — *Безработица...* — «*Искра*», [Мюнхен], 1901, № 2, февраль, стр. 5, в отд.: Хроника рабочего движения и письма с фабрик и заводов. — 101.
- Thông báo mới về những công tác xã hội*. — *Новый циркуляр об общественных работах*. — «*Московские Ведомости*», 1901, № 258, 19 сентября (2 октября), стр. 1 - 2. — 379.
- Thông tư của Bộ kinh tế*. Ngày 22 tháng Mười 1870. — *Циркуляр хозяйственного департамента*. 22 октября 1870 г. — В кн.: Андогский, И. Сборник узаконений, относящихся до земских учреждений (по Своду законов и продолжениям изданий 1886 года), с включением решений правительствующего Сената и правительственных разъяснений и с прилож. Городового положения. Изд. 2 - е, испр. и доп. Спб., Евдокимов, 1888, стр. 439. — 46.
- Thông tư của Bộ nội vụ*. — *Циркуляр Министерства внутренних дел*. 8 октября 1867 г. — В кн.: Андогский, И. Сборник узаконений, относящихся до земских учреждений (по Своду законов и продолжениям издания 1886 года), с включением решений правительствующего Сената и правительственных разъяснений и с прилож. Городового положения. Изд. 2-е, испр. и доп. Спб., Евдокимов, 1888, стр. 136 - 137. — 45 - 46.

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ nội vụ gửi các tỉnh trưởng các tỉnh bị mất mùa 1901*. — *Циркуляр министра внутренних дел начальникам губерний, пострадавших от неурожая 1901 года*. (17-го августа 1901 г.) — «*Правительственный Вестник*», Спб., 1901, № 182, 19 августа (1 сентября), стр. 2 - 3. — 341 - 350, 356, 357, 368 - 377, 378, 379, 382, 384 - 385, 387, 389, 394, 395, 400, 472 - 474, 497 - 500.
- Thông tư của Tổng cục xuất bản*. — *Циркуляр Главного управления по делам печати*. 11 мая 1901 г. — «*Искра*», [Мюнхен], 1901, № 6, июль, стр. 2, в ст.: «С.-Петербург». — 90.
- Thông tư của tổng đốc Cờ-xơ-rô-ma gửi các cảnh sát trưởng thành phố Cờ-xơ-rô-ma và các cảnh sát trưởng cấp huyện của tỉnh Cờ-xơ-rô-ma*. 19 tháng Sáu 1901. Mật. — *Циркуляр Костромского губернатора гг. полицмейстеру г. Костромы, исправникам Костромской губернии*. 19-го июня 1901 г. Секретно. — «*Искра*», [Мюнхен], 1901, № 6, июль, стр. 8, в отд.: Последние известия. — 375.
- Thông tư 6 tháng Năm 1881 của Bộ trưởng Bộ nội vụ gửi các tỉnh trưởng*. — *Циркуляр министра внутренних дел гг. начальникам губерний от 6-го мая 1881 г.* — «*Земство*», М., 1881, № 24, 13 мая, стр. 5. — 56 - 57.
- «*Thời mới*». — «*Новое время*», Спб. — 359.
- 1901, № 9049, 9 (22) мая, стр. 2. — 17, 19 - 21, 472 - 474.
- 1901, № 9051, 11 (24) мая, стр. 1. — 90 - 91, 94 - 98, 473 - 474.
- 1901, № 9188, 2 (15) октября, стр. 2. — 400.
- 1901, № 9191, 5 (18) октября, стр. 1 - 2. — 414.
- 1901, № 9195, 9 (22) октября, стр. 4. — 378 - 379, 380.
- 1901, № 9191, 5(18) октября, стр. 4; № 9192, 6 (19) октября, стр. 4; № 9193, 7 (20) октября, стр. 5; № 9195, 9 (22) октября, стр. 4; № 9196, 10 (23) октября, стр. 4; № 9198, 11 (24) октября, стр. 1 - 2. — 400 - 402.
- Thư trả lời của thư ký «Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga» ...* — *Ответное письмо секретаря «Союза русских социал-демократов»...* — В кн.: Документы «объединительного» съезда. Женева, изд. Лиги русской революционной социал-демократии, 1901, стр. 10 - 11. — 429.
- «*Tia lửa*», [«*Lai-pxich — Muyn-khen*»]. — «*Искра*», [Лейпциг-Мюнхен]. — 333, 334, 335, 336 - 337, 354, 433, 448 - 449, 467, 468.

- [Лейпциг], 1900, № 1, декабрь, стр. 1, 2 - 3, [8]. — 6, 333, 351, 448, 449.
- [Мюнхен], 1901, № 2, февраль, стр. 5, 6. — 105, 448.
- 1901, № 3, апрель, стр. 2 - 4, 5. — 472.
- 1901, № 4, май, стр. 3, 5. — 105, 406 - 407, 472.
- 1901, № 5, июнь, стр. 1 - 3, 4. — 19, 359 - 407.
- 1901, № 6, июль, стр. 2, 4 - 5, 8. — 90, 249 - 250, 359, 365 - 366, 375.
- 1901, № 7, август, стр. 3 - 4, 5. — 375, 407.
- 1901, № 8, 10 сентября, стр. 2. — 375.
- 1901, № 9, октябрь, стр. 3 - 5, 8. — 359, 360, 361 - 362, 377, 429.
- «*Tiếng nói*». — «Голос», Спб. — 54.
- «*Tiếng nói tự do*». — «Вольное Слово», Женева. — 49.
- 1883, № 53, 20 января, стр. 5 - 7; № 54, 1 февраля, стр. 6 - 7; № 55, 15 февраля, стр. 5 - 8; № 56, 1 марта, стр. 6 - 8; № 57, 15 марта, стр. 4 - 6; № 59, 15 апреля, стр. 6 - 8; № 60, 1 мая, стр. 10 - 12. — 381 - 384.
- 1883, № 56, 1 марта, стр. 4 - 6. — 49.
- «*Tin tức Mát-xơ-va*». — «Московские Ведомости». — 93, 112, 349, 372 - 378, 410, 413, 492.
- 1886, № 146, 29 мая, стр. 2. — 92 - 93.
- 1901, № 252, 13 (26) сентября, стр. 4. — 383.
- 1901, № 258, 19 сентября (2 октября), стр. 1 - 2. — 379.
- 1901, № 263, 24 сентября (7 октября), стр. 1. — 409 - 410.
- 1901, № 268, 29 сентября (12 октября), стр. 1. — 413 - 414.
- 1901, № 269, 30 сентября (13 октября), стр. 2. — 413, 415 - 417.
- 1901, № 279, 10 (23) октября, стр. 1 - 2. — 409.
- «*Tin tức nước Nga*». — «Русские Ведомости», М., 1901, № 210, 1 августа, стр. 1. — 110 - 111, 486, 489 - 490.
- 1901, № 244, 4 сентября, стр. 2. — 398 - 399.
- «*Trật tự*». — «Порядок», Спб. — 54.

- Trên vị trí vinh quang*. — *На славном посту*. Литературный сборник, посвященный Н. К. Михайловскому. Ч. II. Б. м., [1900], стр. 157 - 197, 314 - 326. — 34, 121, 178, 187.
- «*Truyền tin của chính phủ*». — «Правительственный Вестник», Спб., 1873, № 307, 27 декабря (8 января 1874), стр. 1. — 46, 483.
- 1878, № 186, 20 августа (1 сентября), стр. 1. — 49.
- 1878, № 261, 21 ноября (3 декабря), стр. 1. — 49.
- 1901, № 68, 25 марта (7 апреля), стр. 1. — 42, 114.
- 1901, № 167, 31 июля (13 августа), стр. 1. — 107 - 113, 485 - 487, 488 - 490, 491 - 493.
- 1901, № 182, 19 августа (1 сентября), стр. 2 - 3. — 341- 350, 356, 357 - 358, 368 - 377, 378 - 379, 380, 381 - 382, 384 - 385, 387, 389, 394 - 395, 396, 400, 497 - 500.
- 1901, № 203, 16 (29) сентября, стр. 2. — 381.
- 1901, № 208, 22 сентября (5 октября), стр. 3. — 355 - 359, 384 - 391.
- «*Truyền tin nước Nga*». — «Русский Вестник», М. — Спб. — 477.
- «*Truyền tin châu Âu*». — «Вестник Европы», Спб. — 477.
- 1886, № 10, стр. 757 - 758. — 47.
- «*Truyền tin pháp luật*». — «Юридический Вестник», М., 1888, октябрь, стр. 270 - 273. — 494.
- «*Truyền tin Ô-ri-ôn*». — «Орловский Вестник», 1901, № 254, 25 сентября, стр. 2 - 3. — 412 - 414, 415.
- 1901, № 257, 28 сентября, стр. 3. — 415 - 417.
- 1901, № 259, 30 сентября, стр. 3. — 417.
- Tséc-nốp, V. M. Các hình thức của sự phát triển tư bản chủ nghĩa và nông nghiệp*. — Чернов, В. М. Типы капиталистической и аграрной эволюции. — «Русское Богатство», Спб., 1900, № 4, стр. 127 - 157; № 5, стр. 29 - 48; № 6, стр. 203- 232; № 7, стр. 153 - 169; № 8, стр. 201- 239; № 10, стр. 212 - 258. — 121, 172, 173, 174 - 175, 176, 177, 178 - 179, 181, 188, 189 - 190, 191, 192 - 194, 223, 227, 262, 264 - 265, 273 - 274, 278.

- *Nông dân và công nhân như là những tầng lớp trong hệ thống kinh tế.* — *Крестьянин и рабочий, как категории хозяйственного строя.* — В кн.: На славном посту. Литературный сборник, посвященный Н. К. Михайловскому. Ч. II. Б. м., [1900], стр. 157 - 197. — 121, 178 - 179, 186 - 189.
- *Thủ bản vấn đề về sự phát triển tư bản chủ nghĩa và nông nghiệp.* — *K вопросу о капиталистической и аграрной эволюции.* — «Русское Богатство», Спб., 1900, № 11, стр. 232 - 248. — 186.
- Tsê-khốp, A. P. Con người nằm trong vỏ ốc.* — *Чехов, А. П. Человек в футляре.* — 403.
- Tsi-tsê-rin, B. N. [Bản phúc trình gửi bá tước Mi-li-u-tin].* — Чичерин, Б.Н. [Докладная записка, поданная графу Милютину]. — В кн.: [Ковалевский, М. М.] Конституция графа Лорис-Меликова. Лондон, 1893, стр. 21 - 24. — 54, 68.
- Tuyên ngôn của nhà vua [A-lếch-xan-đrơ III, 29 tháng Tư 1881].* — *Высочайший манифест [Александра III от 29 апреля 1881 г.].* — «Земство», М., 1881, № 23, 6 мая, стр. 1. — 54 - 55, 56.
- Tuốc-ghe-nép, I. X. Bút ký người thợ săn. Người quản gia.* — *Тургенев, И. С. Записки охотника. Бурмистр.* — 369.
- *Khói.* — Дым. — 179, 180 - 181, 186 - 189, 190, 191, 195 - 196, 203 - 204, 216 - 217, 225, 265 - 266, 267.
- *Ru-đin.* — Рудин. — 70.
- «*Tư tưởng công nhân.*» — «*Рабочая Мысль*», [Пб. — Берлин — Варшава]. — 5, 82, 338, 447, 450, 477.
- «*Tư tưởng công nhân.*» — «*Рабочая Мысль*», [Варшава], 1901, № 12, июль, стр. 1. — 251 - 252.
- Từ Sibéc-xcơ.* — *Из Курска.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 8, 10 сентября, стр. 2, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 375.
- Từ I-va-nô-vô - Vô-dơ-ne-xen-xcơ.* — *Из Иваново-Вознесенска.* — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 4, май, стр. 5, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 105.
- «*Tự do.*» — «*Свобода*», Женева, 1901, № 1. — 440 - 441.
- Vê-lê-rôn-xki, A. [Bản phúc trình. 6 tháng Ba 1881].* — *Велепольский, А. [Докладная записка. 6 марта 1881 г.]* — В кн.: [Ковалевский, М. М.]

- Конституция графа Лорис-Меликова. Лондон, 1893, стр. 25 - 27. — 54.
- Về độ dài của thời gian lao động và về phân bố thời gian đó trong các xí nghiệp thuộc công nghiệp công xưởng - nhà máy* [2 tháng Sáu 1897]. — *О продолжительности и распределении рабочего времени в заведениях фабрично - заводской промышленности* [2 июня 1897 г.]. — «Собрание узаконений и распоряжений правительства, изд. при правительствующем Сенате», Спб., 1897, № 62, 13 июня, ст. 778, стр. 2135 - 2139. — 40, 93.
- Về những vụ lộn xộn trong công nhân.* — *По поводу рабочих беспорядков.* — «Новое время», Спб., 1901, № 9051, 11 (24) мая, стр.1. — 90 - 91, 94 - 95, 473 - 474.
- Về việc bế mạc cuộc hội nghị hội đồng địa phương Xanh Pê-téc-bua hiện nay và việc bãi bỏ không thi hành ở Xanh Pê-téc-bua bản Điều lệ về các cơ quan hội đồng địa phương.* — *О закрытии нынешнего с.-петербургского губернского земского собрания и приостановлении в С.-Петербургской губернии действия Положения о земских учреждениях.* — «Северная Почта», Спб., 1867, № 13, 17 (29) января, стр. 1. — 44.
- Về việc giám sát đối với các công xưởng của ngành công nghiệp chế tạo và mối quan hệ qua lại giữa chủ và thợ* [3 tháng Sáu 1886]. — *О надзоре за заведениями фабричной промышленности и о взаимных отношениях фабрикантов и рабочих* [3 июня 1886 г.]. — «Собрание узаконений и распоряжений правительства, изд. при правительствующем Сенате», Спб., 1886, № 68, 15 июля, ст. 639, стр. 1390 - 1405. — 93.
- Về việc những súc vật cày kéo ở địa phương bị giết hại trong khi mất mùa.* — *О продовольствии скота в местностях, пострадавших от неурожая.* [Изложение доклада Саратовской губернской земской управы.] — «Саратовский Дневник», 1901, № 187, 29 августа, стр. 3. — 378 - 381.
- Về việc phân ruộng đất công vùng Xi-bi-ri cho tư nhân.* — *Об отводе частным лицам казенных земель в Сибири.* 8 июня 1901 г. — «Правительственный Вестник», Спб., 1901, № 167, 31 июля (13 августа), стр. 1. — 107 - 113, 485 - 487, 488 - 490, 491 - 493.
- Về việc sửa đổi điều khoản 9 và 11 của Quy tắc tạm thời đối với các cơ quan hội đồng địa phương nói về việc thương nghiệp và công nghiệp*

- phải đóng các khoản đảm phụ cho hội đồng địa phương. — Об изменении редакции ст. 9 и 11 Временных правил для земских учреждений, касательно обложения торговли и промышленности сборами на земские повинности. [Мнение Государственного совета. 21 ноября 1866 г.]. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 2-е. Т. 41. Отд-ние 2-е. Спб., 1868, ст. 43874, стр. 258 - 259. — 44.
- Vít-te, X. I-u. *Chế độ quân chủ chuyên chế và hội đồng địa phương.* — Витте, С. Ю. *Самодержавие и земство.* Конфиденциальная записка министра финансов (1899 г.), с предисл. и примеч. Р. Н. С. [П. Б. Струве]. Печ. «Зарей». Штутгарт, Дитц, 1901. XLIV, 212 стр. — 24, 29 - 33, 39 - 89, 475 - 478, 479.
- Vụ xử những hiện tượng quá lạm trong ngành giao thông vận tải ở khu Că-dan. — Дело о злоупотреблениях в Казанском округе путей сообщения. — «Новое Время», Спб., 1901, № 9191, 5 (18) октября, стр. 4; № 9192, 6 (19) октября, стр. 4; № 9193, 7 (20) октября, стр. 5; № 9195, 9 (22) октября, стр. 4; № 9196, 10 (23) октября, стр. 4; № 9198, 11 (24) октября, стр. 1 - 2. В №№ 9191 - 9193 загл.: Дело о злоупотреблениях в Казанском округе путей сообщения; в №№ 9195 - 9196 загл.: Дело о злоупотреблениях волжских путевых инженеров; в № 9198 загл.: Волжское строительство. — 400 - 401.
- «Vùng ven biển A-dôp». — «Приазовский Край», Ростов-на-Дону, 1901, № 236, 5 сентября, стр. 2. — 383.
- Xan-tư-cốp - Sê-đrin, M. Ê. *Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép.* — Салтыков-Щедрин, М. Е. *Господа Головлевы.* — 349, 371.
- *Chuyện một người tu-gích nuôi hai viên tướng.* — Повесть о том, как один мужик двух генералов прокормил. — 109.
- *Nơi ẩn trốn Môn-re-rô.* — Убежище Монрепо. — 211 - 212.
- *Lịch sử của một thành phố.* — История одного города. — 378, 395 - 396.
- *Một bài ca hoa tình hiện đại.* — Современная идилия. — 233.
- *Những bài diễn văn với giọng chính thức.* — Благонамеренные речи. — 70.
- *Địa chủ hung bạo.* — Дикий помещик. — 372.
- *Những ông quan Pôm-pa-đua và những bà quan Pôm-pa-đua.* — Помпадурсы и помпадурши. — 378, 379, 405.
- Xanh Pê-téc-bua. — С.-Петербург. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 3, апрель, стр. 2 - 4, в отд.: Из нашей общественной жизни. — 472.

- Xanh Pê-téc-bua trong bản mục lục ngày 15 tháng Chạp 1890. — С.-Петербург по переписи 15 декабря 1890 года. Изд. городской управы по статистическому отделению под ред. Ю. Э. Янсона. Ч. I, вып. 1-2, Спб., 1891-1892. 2 т. — 269 - 270.
- Xi-pi-a-ghin, Đ. X - xem Thông tư của bộ trưởng Bộ nội vụ gửi các tỉnh trưởng các tỉnh bị mất mùa 1901.
- Xim-phe-rô-pôn. — Симферополь. — «Искра», [Мюнхен], 1901, № 7, август, стр. 5, в отд.: Хроника рабочего движения и письма с фабрик и заводов. — 375.
- Xta-khô-vích, M. A. *Báo cáo đọc tại đại hội các nhà truyền giáo tỉnh Ô-ri-ôn.* — Стахович, М. А. *Доклад, читанный на Орловском миссионерском съезде.* — «Орловский Вестник», 1901, № 254, 25 сентября, стр. 2 - 3. — 412 - 414, 415.
- *Thư gửi ban biên tập.* — Письмо в редакцию. [Возражения на поправки. П. Рождественского]. — «Орловский Вестник», 1901, № 259, 30 сентября, стр. 3. — 417 - 418.
- Xơ-ru-vê, P.B. *Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga.* — Струве, П. Б. *Критические заметки к вопросу об экономическом развитии России.* Вып. I. Спб., Скороходов, 1894, X, 291 стр. — 131.
- Lời tựa [cho cuốn sách của X. Vít-te «Chế độ quân chủ chuyên chế và hội đồng địa phương»]. — Предисловие [к книге С. Витте «Самодержавие и земство»]. — В кн.: Витте, С. Ю. *Самодержавие и земство.* Конфиденциальная записка министра финансов (1899). Печ. «Зарей». Штутгарт, Дитц, 1901, стр. I — XLIV. — 24, 30, 65 - 89, 475, 476 - 478.
- Xu-vô-rin, A. *Những bức thư nhỏ.* — Суворин, А. *Маленькие письма.* CDXIX. — «Новое время», Спб., 1901, № 9191, 5 (18) октября, стр. 1 - 2. — 414.
- Ý kiến của các hội nghị hội đồng địa phương về tình cảnh hiện nay ở Nga. — Мнения земских собраний о современном положении России. Berlin, Behr, 1883. [2], 107 стр. — 49 - 50, 51.
- Ý kiến của hội đồng nhà nước về thể thức tiến hành công việc trong các cuộc hội nghị hội đồng địa phương, hội nghị quý tộc, hội nghị hội

đồng thành phố, hội nghị của các hội và hội nghị của các tầng lớp. 13 tháng Sáu 1867. — *Мнение Государственного совета о порядке производства дел в земских, дворянских и городских, общественных и сословных собраниях.* 13 июня 1867 г. — В кн.: Полное собрание законов Российской империи. Собрание 2-е. Т. 42. Отд-ние 1-е. Спб., 1871, ст. 44690, стр. 896 - 898. — 45.

«*Archiv für soziale Gesetzgebung und Statistik*», Berlin, 1899, Bd. XIII, S. 710 - 734. — 177.

— 1900, Bd. XV, S. 406 - 418. — 165 - 166, 168, 169 - 170.

Auhagen, H. über Groß- und Kleinbetrieb in der Landwirtschaft. — In: «*Landwirtschaftliche Jahrbücher*», Bd. XXV Berlin, 1896, S. 1 - 55. — 201.

Bäuerliche Zustände in Deutschland. Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik. Bd. 1- 3. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1883. I Bd. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXII- XXIV.) — 215.

— Bd. I. S. 61 - 74, 273 - 294. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXII.) — 216 - 217, 218.

— Bd. 2. S. 193 - 226. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXIII.) — 217 - 218.

— Bd. 3. S. 59 - 112; 2 Tab. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXIV.) — 291 - 303, 325.

Bensing, F. Der Einfluss der landwirtschaftlichen Maschinen auf Volks- und Privatwirtschaft. Breslau, 1898. IX, 205 S. — 154 - 157, 275.

Bibliothek Russischer Denkwürdigkeiten — xem Kawelin, K. und Turgeniew, I. Sozialpolitischer Briefwechsel mit A. I. Herzen.

Brauns Archiv — xem «*Archiv für soziale Gesetzgebung und Statistik*».

Bulgakoff, S. Diêm sách : Kautsky, Karl. Die Agrarfrage. Eine Uebersicht über die Tendenzen der modernen Landwirtschaft und die Agrarpolitik der Sozialdemokratie. Stuttgart, 1899, Dietz, gr. 8°. VIII und 451 S. — In: «*Archiv für Soziale Gesetzgebung und Statistik*», Berlin, 1899, Bd. XIII, S. 710 - 734. — 177.

Danmarks Statistik. Statistik Aarbog. 8^{de} aarg. 1903. Udgivet af Statens Statistiske Bureau. København, Bogtrykkeri, [1903]. XIV, 199 S. — 305.

— *Statistik Tabelvoerk, 4-de Raekke, Litra C, N 1. Kreaturholdet den 17^{de} Juli 1876.* Udgivet af det Statistiske Bureau. København, Bogtrykkeri, 1878. XXI, 136 S. — 323, 325 - 329.

Danmarks Statistik. Statistik Tabelvoerk, 5-e Raekke, Litra C, N 2. Kreaturholdet den 15^{de} Juli 1898. Udgivet af Statens Statistiske Bureau. København, Bogtrykkeri, 1901. 52, 144 S. — 313 - 322, 323 - 325.

— *Statistik Tabelvoerk, 4-de Raekke, Litra C, N 9.* Danmarks Jordbrug, ordnede efter Størelsen af deres Hartkorn den 1. Januar 1895. Udgivet af Statens Statistiske Bureau. — København, Bogtrykkeri, 1896. 40, 183 S. — 305 - 307, 308 - 311.

David, E. Bäuerliche Barbaren. — In: — «*Sozialistische Monatshefte*», Berlin, 1899, N 2, S. 62 - 71. — 157 - 158, 191, 193, 195, 262 - 263.

Demombynes, G. Constitutions européennes. Résumé de la législation concernant les parlements, les conseils provinciaux et communaux et l'organisation judiciaire dans les divers etats de l'Europe avec une notice sur le Congrès des Etats-Unis d'Amérique. T. I. Paris, 1881. XXXV, 740 p. — 476.

Die Deutsche Volkswirtschaft am Schlusse des 19. Jahrhunderts. Auf Grund der Ergebnisse der Berufs- und Gewerbezahlung von 1895 und nach anderen Quellen bearbeitet im Kaiserlichen Statistischen Amt. Berlin, Puttkammer u. Mühlbrecht, 1900. VII, 209 S. — 263.

Dittenberger. Die bäuerlichen Verhältnisse des Eisenacher Unterlandes. (III. Verwaltungsbezirk des Großherzogtums Sachsen.) — In: *Bäuerliche Zustände in Deutschland.* Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik. Bd. I. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1883, S. 61 - 74. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXII.) — 216.

Drechsler, H. Die bäuerlichen Zustände in einigen Teilen der Provinz Hannover. — In: *Bäuerliche Zustände in Deutschland.* Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik. Bd. 3. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1883, S. 59 - 112; 2 Tab. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik, XXIV.) — 290 - 303, 325.

— *Die Verteilung des Grundbesitzes und der Viehhaltung im Bezirke des landw. Kreisvereins Göttingen.* — In: «*Landwirtschaftliche Jahrbücher*», Bd. XV. Berlin, 1886, S. 753 - 811. — 209 - 303, 325.

- Engels, F. *Herrn Eugen Dühring's Umwälzung der Wissenschaft*. Philosophie. Politische Ökonomie. Sozialismus. Leipzig, Genossenschafts-Buchdr., 1878. VIII, 274 S. — 184.
- *Vorbemerkung* [zu: Der Deutsche Bauernkrieg]. 1. Juli 1874. In: F. Engels. *Der Deutsche Bauernkrieg*. Leipzig, 1875, S. 3 - 19. — 22.
- *Vorwort* [zu: Zur Wohnungsfrage]. 10 Januar 1887. — In: F. Engels. *Zur Wohnungsfrage*. S.-Abdr. aus dem «Volksstaat» von 1872. Zweite, durchges. Aufl. Höttingen-Zürich, 1887, S. 3 - 10. — 190.
- *Zur Wohnungsfrage*. S.-Abdr. aus dem «Volksstaat» von 1872. Zweite, durchges. Aufl. Höttingen-Zürich, 1887. 72 S. (Sozialdemokratische Bibliothek. XIII.) — 184, 188 - 190.
- [Zur Wohnungsfrage.] «Der Volksstaat», Leipzig, 1872, N 51, 26. Juni, S. 1 - 2; N 52, 29. Juni, S. 1 - 2; N 53, 3. Juli, S. 1 - 2; N 103, 25. Dezember, S. 1 - 2; N 104, 28. Dezember, S. 1 - 2; 1873, N 2, 4. Januar, S. 1 - 3; N 3, 8. Januar, S. 1; N 12, 8. Februar, S. 1; N 13, 12. Februar, S. 1 - 2; N 15, 19. Februar, S. 1; N 16, 22. Februar, S. 1. Trong các số 51 - 53 ra 1872, nhan đề là: Wie Proudhon die Wohnungsfrage löst; trong các số 103 - 104 ra 1872 và trong các số 2 - 3 ra 1873, nhan đề là: Wie die Bourgeoisie die Wohnungsfrage löst; trong các số 12 - 13, 15 - 16 ra 1873, nhan đề là: Nachtrag über Proudhon und die Wohnungsfrage. — 184, 188 - 190.
- Ergebnisse der Erhebungen über die Lage der Landwirtschaft im Großherzogtum Baden 1883*. [Karlsruhe, Braun, 1883.] 185 S., 8 Taf. (Trong xuất bản phẩm: Erhebungen über die Lage der Landwirtschaft im Großherzogtum Baden 1883, veranstaltet durch das Großherzogliche Ministerium des Innern. Bd. 4.) — 218 - 226.
- Erhebungen über die Lage der Landwirtschaft im Großherzogtum Baden 1883, veranstaltet durch das Großherzogliche Ministerium des Innern*. Bd. 4. Karlsruhe, Braun, 1883. 185 S., 8 Taf. — 218 - 226.
- Goltz, T. *Die ländliche Arbeiterklasse und der preußische Staat*. Jena, Fischer, 1893. VI, 300 S. — 162 - 163.
- Hecht, M. *Drei Dörfer der badischen Hard*. Eine wirtschaftliche und soziale Studie. Leipzig, Wilhelm, 1895. 94 S. — 191 - 200, 220 - 221, 222, 229, 251, 262, 278 - 279.

- * Helms, E. *Die sozialdemokratische und gewerkschaftliche Bewegung in Danemark*. Leipzig, Hirschfeld, 1907. 200 S. — 283.
- Hertz, F. O. *Die agrarischen Fragen im Verhältnis zum Sozialismus*. Mit einer Vorrede von Ed. Bernstein. Wien, 1899. VII, 141 S. — 121, 151, 152, 153, 157- 159, 161, 172 - 176, 177 - 178, 182, 191, 193, 194, 195, 200 - 201, 211, 215 - 216, 217, 218 - 219, 221, 231, 262, 264 - 265, 266 - 267, 273 - 274, 278.
- Huschke, L. *Landwirtschaftliche Reinertrags-Berechnungen bei Klein-, Mittel- und Großbetrieb, dargelegt an typischen Beispielen Mittelthüringens*. Jena, Fischer, 1902. VI, 184 S. — 214 - 215.
- * Kautsky, K. *Die Agrarfrage*. Eine Übersicht über die Tendenzen der modernen Landwirtschaft und die Agrarpolitik der Sozialdemokratie. Stuttgart, Dietz, 1899. VIII, 451 S. — 121, 122, 152, 153 - 154, 157, 159 - 160, 163, 168, 175 - 176, 180, 184 - 185, 187, 190 - 191, 194, 201, 202, 228, 243, 276, 279.
- *Die Elektrizität in der Landwirtschaft*. — «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1900 - 1901, 19 J-g, Bd. I, N 18, S. 565 - 572. — 165.
- *Tolstoi und Brentano*. — «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1900 - 1901, 19 J-g, Bd. II, N 27, S. 20 - 28. — 181 - 182.
- *Zwei Kritiker meiner «Agrarfrage»*. — «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1899 - 1900, 18 J-g, Bd. I, N 10, S. 292 - 300; N 11, S. 338 - 346; N 12, S. 363 - 368; N 14, S. 428 - 463; N 15, S. 470 - 477. — 174 - 175, 176 - 179, 201.
- Kawelin, K. D. *Briefe an A. I. Herzen. 6. August 1862*. — In: Kawelin, K. und Turgenew, I. *Sozial-politischer Briefwechsel mit A. I. Herzen*. Mit Beil. und Erläut. hrsg. v. M. Dragomanow. Aut. Übers. aus dem Russischen v. B. Minzes. Stuttgart, 1894, S. 64 - 66. (Bibliothek Russischer Denkwürdigkeiten. Hrsg. v. Schiemann. Bd. 4.) — 36 - 37, 38 - 39, 43.
- Kawelin, K. und Turgeniew, I. *Sozial-politischer Briefwechsel mit A. I. Herzen*. Mit Beil. und Erläut. Hrsg. v. M. Dragomanow. Aut. Übers.
- * Hoa thị trên dùng để chỉ những sách trong đó có bút tích của V. I. Lê-nin. Những sách này được bảo quản ở kho lưu trữ Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

- aus dem Russischen v. B. Minzes. Stuttgart, 1894, S. 64 - 66. (Bibliothek Russischer Denkwürdigkeiten. Hrsg. v. Schiemann. Bd. 4.) — 36 - 37, 38 - 39, 43.
- Klawki, K. *Über Konkurrenzfähigkeit des landwirtschaftlichen Kleinbetriebes.* — In: «Landwirtschaftliche Jahrbücher», Bd. XXVIII. Berlin, 1899, S. 363 - 484. — 200, 202 - 214, 222, 240, 249 - 250, 280, 303.
- Laferté, V. *Alexandre II. Détails inédits sur sa vie intime et sa mort.* Bâle — Genève — Lyon, Georg, 1882. 219 p. — 52.
- «Landwirtschaftliche Jahrbücher», Bd. XV. Berlin, 1886, S. 753 - 811. — 291 - 303, 325.
- Bd. XXV. Berlin, 1896, S. 1 - 55. — 200, 201.
- Bd. XXVIII. Berlin, 1899, S. 363 - 484. — 200, 201 - 214, 222 - 223, 240, 249 - 250, 280, 303.
- Langsdorff, K. *Die bäuerlichen Verhältnisse im Königreich Sachsen.* — In: *Bäuerliche Zustände in Deutschland. Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik.* Leipzig, 1883, Bd. 2. S. 193 - 226. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXIII.) — 217.
- Lassalle, F. *Brief an K. Marx. 24. Juni 1852.* — In: Lassalle, F. *Briefe an K. Marx. und F. Engels 1849 bis 1862.* Stuttgart, Dietz, 1902, S. 52 - 54. (In: Aus dem literarischen Nachlass von K. Marx, F. Engels und F. Lassalle. Hrsg. F. Mehring. Bd. 4.) — 350 - 351.
- Leroy-Beaulieu, A. *Un homme d'état Russe (Nicolas Milutine) d'après sa correspondance inédite.* Etude sur la Russie et la Pologne pendant le règne d'Alexandre II (1855 - 1872). Paris, Hachette, 1884. XI, 332 p. — 40.
- Mack, P. *Der Aufschwung unseres Landwirtschaftsbetriebes durch Verbilligung der Produktionskosten.* Eine Untersuchung über den Dienst, den Maschinentechnik und Elektrizität der Landwirtschaft bieten. Königsberg, 1900. 56 S. — 166, 168 - 169.
- Mackenzie, W. *La Russie.* Le pays — les institutions, les moeurs. Ouvrage trad. de l'angl. par H. Bellenger. Paris, Decaux e. Dreyfous, 1877. III, 431, 448 p. — 476.
- Marx, K. und Engels, F. *Manifest der Kommunistischen Partei.* Veröffentlicht im Februar 1848. London, gedr. in der Office der «Bildungs-Gesellschaft für Arbeiter» von J. E. Burghard, 1848. 23 S. — 182.

- Marx, K. *Das Elend der Philosophie.* Antwort auf Proudhouns «Philosophie des Elends». Deutsch von E. Bernstein und K. Kautsky. Mit Vorw. und Noten von F. Engels. Stuttgart, Dietz, 1885. XXXVII, 209 S. — 279.
- *— *Das Kapital.* Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III, T. 2. Buch III : Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kap. XXIX bis LII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894. IV, 422 S. — 133 - 138, 142 - 143, 223, 287 - 288, 319.
- Marx, K. *Die Klassenkämpfe in Frankreich 1848 bis 1850.* Abdr. aus der «Neuen Rheinischen Zeitung». Mit Einl. von F. Engels. Berlin, «Vorwärts», 1895. 112 S. — 90.
- *Theorien über den Mehrwert.* Aus dem nachgelassenen Manuskript «Zur Kritik der politischen Ökonomie». Hrsg. v. K. Kautsky. Bd. II. David Ricardo. 2 T. Stuttgart, Dietz, 1905. IV, 384 S. — 147, 287.
- Mazade, Ch. de. *La Russie sous l'Empereur Alexandre II.* La crise de l'autocratie et la société russe. — In: «La Revue des deux Mondes», Paris, 1862, 15 Juin, p. 769 - 803. — 32.
- «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1899 - 1900, 18 J-g, Bd. I, N 10, S. 292 - 300; N 11, S. 338 - 346; N 12, S. 363 - 368; N 14, S. 428 - 463; N 15, S. 470 - 477. — 174 - 175, 176 - 179, 201.
- 1900 - 1901, 19 J-g, Bd. I, N 18, S. 565 - 572. — 165 - 166.
- 1900 - 1901, 19 J-g, Bd. II, N 27, 20 - 28. — 181.
- Pringsheim, O. *Landwirtschaftliche Manufaktur und elektrische Landwirtschaft.* — «Archiv für soziale Gesetzgebung und Statistik», Berlin, 1900, Bd. XV, S. 406 - 418. — 165 - 166, 167.
- Pudor, H. *Das landwirtschaftliche Genossenschaftswesen im Auslande.* Bd. I. Das landwirtschaftliche Genossenschaftswesen in den skandinavischen Ländern. Leipzig, Dietrich, 1904. VIII, 153 S. — 304, 305, 312 - 313.
- Ranke, H. *Die Verhältnisse von drei Bauerngemeinden in der Umgebung Münchens.* — In: *Bäuerliche Zustände in Deutschland. Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik.* Bd. 1. Leipzig, Duncker u.

- Humblot, 1883, S. 273 - 294. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXII.) — 217 - 218.
- «*La Revue des deux Mondes*», Paris, 1862, 15 Juin, p. 769 - 803. — 32.
- Richter, E. *Sozialdemokratische Zukunftsbilder*. Berlin, 1891. 48 S. — 178.
- Schriften des Vereins für Sozialpolitik*. XXII - XXIV. Bäuerliche Zustände in Deutschland. Bd. 1 - 3. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1883. 1 Bd. — 215.
- XXII. Bäuerliche Zustände in Deutschland. Bd. 1. S. 61 - 74, 273 - 294. — 215 - 216, 217 - 218.
- XXIII. Bäuerliche Zustände in Deutschland. Bd. 2. S. 193 - 226. — 216 - 218.
- XXIV. Bäuerliche Zustände in Deutschland. Bd. 3. S. 59 - 112 ; 2 Tab. — 291 - 303, 325.
- Seufferheld, A. *Die Anwendung der Elektrizität im landwirtschaftlichen Betriebe, aus eigener Erfahrung mitgeteilt*. Stuttgart, Ulmer, 1899. 42 S. — 165 - 166.
- «*Sozialistische Monatshefte*», Berlin, 1889, N 2, S. 62 - 71. — 157 - 158, 191, 193, 195, 263 - 264.
- Sprenger. *Die Lage der Landwirtschaft in Baden*. Karlsruhe, 1884. — 224.
- Statistik des Deutschen Reichs*. Hrsg. vom Kaiserlichen Statistischen Amt. Neue Folge. Bd. 112. Die Landwirtschaft im Deutschen Reich. Nach der landwirtschaftlichen Betriebszählung vom 14 Juni 1895. Berlin, 1898. VIII, 70, 500 S. — 129 - 131, 157 - 158, 170 - 172, 205 - 206, 230, 234 - 235, 272, 276 - 277, 278, 280, 302.
- Statistique agricole de la France*. Résultats généraux de l'enquête décennale de 1892. Paris, 1897. 451, 365 p. — 128.
- «*Thiel's Landwirtschaftliche Jahrbücher*» — xem «Landwirtschaftliche Jahrbücher».
- Tikhomirov, L. *La Russie politique et sociale*. Paris, Giraud, 1886. IV, 560 p. — 48.

- «*Der Volksstaat*», Leipzig, 1872, N 51, 26. Juni, S. 1 - 2; N 52, 29. Juni, S. 1 - 2; N 53, 3. Juli, S. 1 - 2; N 103, 25. Dezember, S. 1 - 2; N 104, 28. Dezember, S. 1 - 2; 1873, N 2, 4. Januar, S. 1 - 3; N 3, 8. Januar, S. 1; N 12, 8. Februar, S. 1; N 13, 12. Februar, S. 1 - 2; N 15, 19. Februar, S. 1; N 16, 22. Februar, S. 1. — 184, 188 - 190.
- «*Vorwärts*», Leipzig — Berlin. — 178.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A Ẻ

A-lếch-xan-đrơ I (Rô-ma-nốp) (1777 - 1825) là hoàng đế Nga (1801 - 1825). — 434, 438.

A-lếch-xan-đrơ II (Rô-ma-nốp) (1818 - 1881) là hoàng đế Nga (1855 - 1881). — 46, 49, 52, 54, 76, 82.

A-lếch-xan-đrơ III (Rô-ma-nốp) (1845 - 1894) là hoàng đế Nga (1881 - 1894). — 55, 67, 69, 92.

A-lếch-xan-đrốp P. G. (sinh năm 1859) là kỹ sư, trợ lý của người phụ trách công việc nạo vét lòng sông Vôn-ga. Năm 1893 - 1895, ông điều khiển công việc xây dựng đập nước Xoóc-mô-vô (gần Ni-giơ-ni Nốp-gô- rôt), tham ô trên 50 nghìn rúp công quỹ của nhà nước chi phí cho công trình xây dựng, vì vậy đã bị kết án 1 năm tù và giam trong pháo đài. — 400 - 402.

A-rắc-tsê-ép, A. A. (1769 - 1834) là một trong những đại biểu tối phản động của chính thể quân chủ Nga hoàng, bá tước, bộ trưởng Bộ chiến tranh dưới triều A-lếch-xan-đrơ I, y là người nham hiểm và tàn nhẫn, đã ảnh hưởng lớn tới chính sách đối nội và đối ngoại của nước Nga. Tên tuổi của A-rắc-tsê-ép gắn liền với toàn bộ thời kỳ của sự chuyên quyền cảnh sát phản động, của phái quân phiệt thô bạo, của tổ chức mật thám, của tính chất hối lộ, của thời kỳ tham tàn và bệnh hình thức nhỏ nhất. Người ta gọi chế độ đó là "A-rắc-tsê-ép hoá". — 36.

Ác-xa-cốp, I.X (1823-1886) là một nhà hoạt động nổi tiếng của chủ nghĩa Xla-vơ, nhà văn và nhà chính luận. Ông đã vạch trần sự lạm dụng của bộ máy cai trị của Nga hoàng, bảo vệ cương lĩnh của phái tự do- ôn hoà — tự do báo chí, thủ tiêu chế độ đặc quyền của bọn quý tộc v.v.. Ông đã xuất bản các tờ "Cánh buồm", "Ban ngày", và Mát-xcơ-va", dưới sự kiểm duyệt nghiêm ngặt của nhà đương cục. Từ thời kỳ khởi nghĩa Ba-lan năm 1863, Ác-xa-cốp ủng hộ chế độ phản động nông nô - quý tộc, tuyên truyền quan niệm thống nhất các dân tộc Xla-vơ, trong đó chế độ quân chủ Nga chiếm địa vị ưu thế. Tuy có phê phán chính phủ

về một vài vấn đề riêng, nhưng Ác-xa-cốp lại luôn luôn là kẻ gắn bó với chính thể quân chủ. Kế hoạch của ông là: sáng lập ra một nhà nước tự trị địa phương, đứng đầu chế độ chuyên chế là nhà vua, chính phủ Nga hoàng đã sử dụng rộng rãi kế hoạch đó nhằm ve vãn những người thuộc phái tự do, — 34, 56.

Ác-xen-rôt, P.B (1850 - 1928) là một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích, trong những năm 70, ông là người thuộc phái dân tụy, sau khi nhóm "Ruộng đất và tự do" bị phân liệt, Ác-xen-rôt gia nhập nhóm "Chia đều ruộng đất". Năm 1883, tham gia thành lập nhóm "Giải phóng lao động". Từ năm 1900, là uỷ viên ban biên tập của tờ "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh". Tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ác-xen-rôt là người theo phái men-sê-vích. Năm 1905, ông đưa ra một chủ trương cơ hội chủ nghĩa về việc triệu tập "đại hội công nhân" rộng rãi và đem đối lập nó với đảng của giai cấp vô sản. Trong những năm có chế độ phản động, Ác-xen-rôt là một trong những người lãnh đạo của phái thủ tiêu, tham gia ban biên tập tờ "Tiếng nói người dân chủ-xã hội" của phái men-sê-vích - thủ tiêu chủ nghĩa, năm 1912 gia nhập "khối tháng Tám" chống đảng. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Ác-xen-rôt giữ lập trường của phái giữa, che đậy những quan điểm xã hội sô-vanh của mình bằng những lời lẽ về chủ nghĩa quốc tế. Ác-xen-rôt đã tham dự hội nghị Xim-méc-ven và Ki-en-tan, tại hội nghị này Ác-xen-rôt gia nhập cánh hữu.

Ác-xen-rôt chống lại cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại và tuyên truyền cho việc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô viết, — 79, 496.

Am-vrô-xi (Clí-u-tsa-rép, A.I.) (1821-1901) — một trong những đại biểu cực kỳ phản động của giới tu hành chính giáo Nga, đã đấu tranh chống lại từng biểu hiện nhỏ nhất của phong trào giải phóng. Từ năm 1860 - 1867 ông xuất bản ở Mát-xcơ-va tạp chí "Cứu vớt linh hồn". Từ năm 1882, ông là Hồng y giáo chủ ở Khắc-cốp và Ác-tư-rơ-xơ. Từ năm 1884 đến cuối đời ông là biên tập viên kiêm người xuất bản tạp chí tôn giáo "Lòng tin và Lý trí", xuất bản ở Khắc-cốp. — 418.

An-nen-xki, N. Ph. (1843-1912) là nhà thống kê - kinh tế và nhà chính luận, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào dân úy - tự do chủ nghĩa, lãnh đạo công tác thống kê của hội đồng địa phương hàng loạt tỉnh, nhiều tác phẩm thống kê đã được xuất bản dưới sự lãnh đạo của ông và của ban biên tập. Đã tham gia biên soạn văn tập gồm 2 quyển "Ảnh hưởng của mùa màng và giá lúa mì đối với một số mặt trong nền kinh tế của nhân dân Nga" (1897), ông cộng tác với các tạp chí: "Sự nghiệp", "Ký sự nước nhà", tham gia ban biên tập tạp chí dân tụy - tự do chủ nghĩa "Của cải nước Nga". Năm 1904 - 1905, ông là

một trong những nhà lãnh đạo "Hội liên hiệp giải phóng" của phái tự sản - tự do chủ nghĩa. Năm 1906, ông là một trong số những người tổ chức và lãnh đạo đảng "Những người xã hội chủ nghĩa nhân dân" — đó là một đảng tiêu tự sản gắn gũi với Đảng dân chủ - lập hiến và đã tách ra khỏi cánh hữu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong những năm cuối đời, ông đã từ bỏ mọi hoạt động chính trị. — 407.

An-ni-ban (Hannibal), *Bác-ca* (247 - 183 trước công nguyên) là thống soái ở Các-pha-ghen, năm 216 trước công nguyên, đã dành được thắng lợi vĩ đại trong trận chiến đấu ở Ca-no chống lại những người La-mã. Ông đã thể trước cha mình là suốt đời chiến đấu chống lại những người La-mã, đã nô dịch nhân dân Các-pha-ghen. Thành ngữ "Lời thề An-ni-ban" có từ đó. — 71.

An-tô-nô-vích là nhà thống kê, năm 1901, làm việc trong văn phòng thống kê của hội đồng địa phương tỉnh Khác-cốp. — 408.

An-tsep-xki, *A.C* (1836-1901) là nhà triệu phú, ông đã thành lập ngân hàng thương nghiệp Khác-cốp (1868), ngân hàng ruộng đất Khác-cốp (1871), An-tsep-xki liên tục là chủ tịch ban quản trị ngân hàng. Ông là người sáng lập và là chủ các hội công nghiệp khai khoáng A-lếch-xê-ép-ca (1879) và Đôn-bát - I-u-ri-ép (1894) và của hàng loạt các nhà máy. Bị phá sản trong thời kỳ khủng hoảng, đã kết liễu đời mình bằng con đường tự sát. — 105.

Ăng-ghen (Engels), *Phri-đrich* (1820-1895) là một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế, là bạn và bạn chiến đấu của Các Mác (xem bài báo của V.I. Lê-nin "Phri-đrich Ăng-ghen". Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 1-14). — 22, 184, 188 - 190.

Au-ha-ghên (Auhagen), Hu-be là nhà kinh tế tư sản người Đức, cộng tác viên của tờ "Landwirtschaftliche Jahrbücher" ("Niên giám nông nghiệp"), ông là tác giả của tác phẩm "Großbetrieb und Kleinbetrieb in der Landwirtschaft" ("Nền đại sản xuất và tiểu sản xuất trong kinh tế nông nghiệp") (1896). — 201

B

Ba-cu-nin, *A.A.* (1823 - 1882) (em của M. A. Ba-cu-nin) là nhà hoạt động của phái tự do chủ nghĩa, tham gia tích cực vào mọi hoạt động chống đối của giới quý tộc ở Tve trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành cải cách nông dân. Năm 1860, được bầu làm lãnh tụ của giới quý tộc huyện Nô-vô-tô-rơ-xcơ. Năm 1862, cùng với anh là N. A. (xem bên dưới) và những người khác đã ký vào bản kháng nghị của giới quý tộc ở Tve, vì thế ông đã bị giam trong pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xcơ, ông đã từ chối việc ký đơn xin ân xá. Sau khi được trả lại tự do, ông bị tước đoạt quyền phục vụ nhà nước và mất quyền công dân. — 32.

Ba-cu-nin, *M. A.* (1814 - 1876) là nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ. Trong những năm 1836 - 1840, tham gia nhóm của N. V. Xtan-kê-vích, ông có quen biết B. G. Bê-lin-xki và A. I. Ghéc-txen, nhưng lại xa lạ với các quan điểm dân chủ - cách mạng tiên tiến lúc bấy giờ. Năm 1840, ông ra nước ngoài, ông đã sống ở Đức, Thụy-sĩ, Pháp. Ở nước ngoài ông đã phê phán nghiêm khắc chế độ chuyên chế của Nga hoàng và chế độ nông nô ở Nga, tỏ thái độ đồng tình đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Ba-lan; vì thế đến năm 1844, ông bị Xê-nát thời Nga hoàng tước mất danh hiệu quý tộc, tất cả các quyền sở hữu tài sản và kết án vắng mặt: phát vãng đi Xi-bi-ri làm mọi công việc khổ sai. Năm 1848, ông tham gia cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha, tháng Năm 1849, ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Đrét-đen, bị bắt và bị kết án treo cổ, sau giảm xuống tù chung thân. Các nhà đương cục ở Đắc-dên đã trao ông cho chính phủ Áo, đến năm 1851 chính phủ Áo đã trao ông cho chính phủ Nga hoàng. Những năm 1851 - 1854 ông bị giam trong hệ thống phòng thủ A-lếch-xê-ép thuộc pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xcơ, về sau trong pháo đài Sli-xen-bu-rơ-xcơ. Trong khi ở tù, ông đã viết "Bản tự thú" gửi cho Ni-cô-lai I, trong "Bản tự thú" Ba-cu-nin đã tỏ ra hối hận vì những hành động của mình và từ bỏ những quan điểm cách mạng. Năm 1857, bị đưa đến Xi-bi-ri và bị cấm cố ở đó. Năm 1861, từ Xi-bi-ri ông đã chạy trốn sang Anh, mưu toan hợp tác với tờ "Cái chuông", nhưng chẳng bao lâu ông lại bị A. I. Ghéc-txen từ chối, vì không tán thành các quan điểm của Ba-cu-nin. Từ năm 1868, tham gia hoạt động trong Quốc tế I, trong đó Ba-cu-nin đã tổ chức liên minh bí mật của các phần tử vô chính phủ ("Liên minh dân chủ - xã hội"); định đem nó đối lập với Quốc tế và chiếm quyền lãnh đạo Hội đồng trung ương, không từ "bất kỳ một thủ đoạn nào, một sự phản trắc nào; lừa dối, vu khống, dọa dẫm, công kích một cách bí mật — tất cả những cái đó đều là bản chất của ông ta" (Mác và Ăng-ghen, Toàn tập, tập XIII, phần 2, 1940, tr. 539). Do hoạt động phá hoại tổ chức, nên năm 1872, theo đề nghị của Mác, Ba-cu-nin đã bị đuổi ra khỏi Quốc tế.

Ăng-ghen viết "cái học thuyết độc đáo của Ba-cu-nin là một sự kết hợp hổ lốn của chủ nghĩa Pru-đông với chủ nghĩa cộng sản..." (Các Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc. Mát-xcơ-va, 1953, tr. 277). Ba-cu-nin đã kết hợp quan niệm sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất với "tự do tuyệt đối" vô chính phủ của cá nhân. Đại diện cho quyền lợi của giai cấp vô sản lưu manh hóa và giai cấp tiểu tư sản, ông đòi thủ tiêu nhà nước, và cho tệ nạn chính của xã hội tư sản là do nhà nước chứ không phải là do nhà tư bản. Khi phủ nhận vai trò có ý nghĩa lịch sử thế giới của giai cấp vô sản, Ba-cu-nin cho rằng

ở những nước lạc hậu có đông nông dân rất dễ dàng nổ ra cuộc cách mạng xã hội vô chính phủ. Kết quả của một cuộc cách mạng phải là "sự quân bình các giai cấp", sự thống nhất "các hội tự do". Trong các tác phẩm của mình Mác và Ăng-ghe-n đã bóc trần bản chất phản động của chủ nghĩa Ba-cu-nin, cái chủ nghĩa — theo như Lê-nin định nghĩa — là thế giới quan "của giai cấp tiểu tư sản đã tuyệt vọng trong việc tìm lối thoát cho mình" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 21, tr. 257). — 32, 460.

Ba-cu-nin, N. A. (1818 - 1901) (anh của A. A. và là em của M. A. Ba-cu-nin) là nhà hoạt động theo phái tự do chủ nghĩa của giới quý tộc tỉnh Tve. Năm 1858, trở thành ủy viên ban chấp hành tỉnh Tve phụ trách vấn đề nông dân, từ năm 1861 là ủy viên cơ quan tỉnh Tve phụ trách các công việc của nông dân. Là một trong những người thủ xướng của giới quý tộc tỉnh Tve, năm 1862, đã gửi cho chính phủ Nga hoàng một bản kiến nghị đòi thủ tiêu các đặc quyền đẳng cấp, đòi lập một tòa án công khai, mời những người do nhân dân bầu ra không phân biệt đẳng cấp. Ông đã bị bắt và giam trong pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xơ cùng với những người quý tộc khác đã ký tên vào bản kiến nghị. Ông đã từ chối việc ký vào đơn xin ân xá. Ông được trả lại tự do sau 1 năm cầm tù, nhưng bị tước hết quyền giữ những cương vị xã hội. — 32.

Béc-stanh (Bernstein), *Ê-đư-a* (1850 - 1932) là thủ lĩnh cánh tả của chủ nghĩa cơ hội cực đoan trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II, nhà lý luận của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Từ năm 1881 đến năm 1890 là người chỉ đạo biên tập tờ báo bí mật "Der Sozial-Demokrat" ("Người dân chủ - xã hội"), cơ quan trung ương của đảng dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm 1896 - 1898, ông đã đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới") một loạt bài dưới đầu đề chung là "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", sau đó in thành sách dưới nhan đề "Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội" (1899), trong cuốn sách đó ông đã công khai xét lại những nguyên lý chính trị, kinh tế và triết học của chủ nghĩa Mác cách mạng. Béc-stanh phủ nhận học thuyết mác-xít về đấu tranh giai cấp, phủ nhận học thuyết về sự phá sản không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. "Còn về cách mạng vô sản, thì người cơ hội chủ nghĩa đã mất thói quen nghĩ đến". Lê-nin nói câu đó nhằm ám chỉ Béc-stanh (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 25, tr. 498). Béc-stanh cho cuộc đấu tranh giành những cải cách nhằm "cải thiện" hoàn cảnh kinh tế của công nhân trong chế độ tư bản là nhiệm vụ duy nhất của phong trào công nhân và đưa ra cái công thức có tính chất cơ hội

chủ nghĩa: "phong trào là tất cả, còn mục đích cuối cùng chẳng là gì cả".

Những quan điểm lý luận của Béc-stanh và các môn đồ của ông ta đã đặt cơ sở cho chủ nghĩa xét lại quốc tế, và những hoạt động thực tiễn cơ hội của họ đã dẫn đến chỗ trực tiếp phản bội lợi ích của giai cấp công nhân, sự phản bội đó đã đưa tới sự phá sản nhục nhã của Quốc tế II. — 177, 233.

Béc-đi-a-ép, N. A. (1874 - 1948) là nhà triết học duy tâm phản động và nhà chính luận. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX, y tiến hành đấu tranh chống phái dân túy theo quan điểm của chủ nghĩa tự do tư sản. Năm 1901, y xuất bản cuốn "Chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa cá nhân trong triết học xã hội", trong đó Béc-đi-a-ép công khai chống lại chủ nghĩa Mác. Năm 1905, y gia nhập đảng dân chủ - lập hiến. Trong thời kỳ phản động, là một trong những đại biểu của trào lưu triết học tôn giáo của thuyết tìm thần thủ địch với chủ nghĩa Mác, đã tham gia soạn văn tập phản cách mạng "Cái móc". Sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, là kẻ ca tụng triết học kinh viện thời trung cổ, cho đó là lối thoát khỏi chủ nghĩa cộng sản đang phát triển. Năm 1922, y ra nước ngoài, trở thành một trong các thủ lĩnh của thuyết thần bí và chủ nghĩa duy tâm phản động nhất, có khuynh hướng chống lại thế giới quan cách mạng và chủ nghĩa xã hội. — 80, 148, 182.

Ben-dinh (Bensing), *An-gu-xơ Phran-tơ* (sinh năm 1870) là nhà kinh tế tư sản Đức, giáo sư trường đại học tổng hợp Hen-đen-bua, tác giả cuốn "Der Einfluß der Landwirtschaftlichen Maschinen auf Volks- und Privat-wirtschaft" ("Ảnh hưởng của những máy móc nông nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân và cá thể"), xuất bản ở Brô-xláp-vơ năm 1897. — 154 - 157, 275.

Bi-xmác (Bismarck), *Ô-tô Ê-đư-a Lê-ô-pôn* (1815 - 1898) là nhà hoạt động quốc gia và nhà ngoại giao Phổ và Đức, thủ tướng đầu tiên của đế quốc Đức, được mệnh danh là "thủ tướng sắt". Năm 1862, y là thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao Phổ. Mục đích chủ yếu của Bi-xmác là thống nhất các quốc gia Đức phân tán bằng "máu và sắt" và thành lập một đế quốc Đức duy nhất, dưới quyền bá chủ của nước Phổ gioong-ke. Tháng Giêng 1871, Bi-xmác giữ chức thủ tướng đế quốc Đức. Từ năm 1871 đến 1890, Bi-xmác điều khiển toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại của nước Đức nhằm phục vụ cho lợi ích của bọn địa chủ gioong-ke, đồng thời cố sức đảm bảo sự liên minh giữa tầng lớp gioong-ke với giai cấp đại tư sản.

Sau khi không bóp chết được phong trào công nhân, thông qua một đạo luật đặc biệt do y đặt ra năm 1878 nhằm chống lại những người xã hội chủ nghĩa, Bi-xmác đã đưa ra một chương trình mị dân trong pháp chế xã hội, đồng thời thi hành các đạo luật về sự bảo hiểm bắt

buộc đối với một số loại công nhân nhất định. Nhưng ý đồ chia rẽ phong trào công nhân bằng những bố thí thảm hại ấy đã không đưa lại kết quả. Tháng Ba 1890 y đã phải từ chức. — 91.

Blé-clôp, X. M. (1860 - 1913) là nhà thống kê dân tụy của hội đồng địa phương, sau khi tốt nghiệp trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va (1885) ông làm việc trong các cơ quan phụ trách về ruộng đất ở các tỉnh Pôn-ta-a, Tve, Ô-ri-ôn. Năm 1900 - 1901, lãnh đạo việc điều tra ở một số huyện thuộc tỉnh Ta-vrích. Trong các tác phẩm và các bản báo cáo của mình, ông đã vạch trần sự lạm dụng vô hạn của các cơ quan hành chính Nga hoàng, năm 1902, ông bị cách chức khỏi hội đồng địa phương. Trong những năm 1905 - 1906, ông tham gia phong trào xã hội, gia nhập đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Tham gia tổ chức Liên minh nông dân toàn Nga, vì thế ông đã bị bắt, sau lần bị bắt đó ông đã lưu vong ra nước ngoài. — 408 - 409.

Bô-bri-côp, N. I. (1839 - 1904) là viên tướng trong quân đội Nga hoàng, từ năm 1898, toàn quyền ở Phần-lan, thi hành chính sách Nga hóa của Nga hoàng ở Phần-lan, áp dụng tiếng Nga một cách bắt buộc trong công việc văn thư của Phần-lan, thực tế là bãi bỏ hiến pháp, thanh trừ quân đội riêng của Phần-lan, đàn áp dã man mọi biểu hiện của phong trào giải phóng dân tộc. Ngày 3 (16) tháng Sáu 1904, bị những kẻ chủ trương khủng bố Phần-lan giết chết. — 439.

Brau-nơ (Braun), *Hen-ri-ích* (1854 - 1927) là nhà dân chủ - xã hội Đức, nhà văn chuyên viết về các vấn đề chính trị - xã hội. Năm 1883, là một trong những người sáng lập cơ quan lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức — tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"). Năm 1888 - 1903, ông xuất bản tạp chí "Archiv für sociale Gesetzgebung und Statistik" ("Tư liệu pháp chế xã hội và thống kê"), trong đó trình bày những vấn đề về lý luận và thực tiễn của phong trào công nhân và bộ luật công nhân, những bài báo có tính chất xét lại. Năm 1903, là nghị sĩ quốc hội. Trong những năm 1905 - 1907, Brau-nơ xuất bản tạp chí "Neue Gesellschaft" ("Xã hội mới"), và trong những năm 1911 - 1913 xuất bản tạp chí "Annalen für Socialpolitik und Gesetzgebung" ("Biên niên sử về các vấn đề chính trị xã hội và làm luật"). — 165, 177.

Bren-ta-nô (Brentano), *Lu-i-ô* (1844 - 1931) là nhà kinh tế học tư sản Đức, từ năm 1896 là giáo sư khoa chính trị kinh tế học của trường đại học tổng hợp Muyn-khen; người ủng hộ "diễn đàn xã hội chủ nghĩa", đã tuyên truyền cho việc từ bỏ cuộc đấu tranh giai cấp và khả năng giải quyết các mâu thuẫn xã hội trong xã hội tư bản và dung hòa quyền lợi giữa công nhân và nhà tư bản bằng con đường tổ chức các công đoàn có tính chất cải lương và đạo luật... Trong vấn đề ruộng đất, y bảo vệ "lý luận" phản động về sự ổn định của nền kinh tế tiểu nông trong nông

nghiệp và bảo vệ "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" có tính chất tư sản giả danh khoa học. Y bảo vệ quyền lợi của bọn tư bản độc quyền. V. I. Lê-nin đã vạch trần mối quan hệ khăng khít giữa "chủ nghĩa Bren-ta-nô", "chủ nghĩa Mác hợp pháp" ở Nga và chủ nghĩa xét lại quốc tế. — 125, 137, 181, 184.

Bun-ga-côp, X. N. (1871 - 1944) là nhà kinh tế học tư sản, nhà triết học duy tâm. Trong những năm 90 là nhà "mác-xít hợp pháp". Chủ trương xét lại học thuyết của Mác về vấn đề ruộng đất, mưu toan chứng minh "tính ổn định" và "sức sống" của nền kinh tế tiểu nông, "tính ưu việt" của nó so với nền kinh tế đại tư bản, Bun-ga-côp giải thích sự bản cùng hóa của quần chúng nhân dân bằng cái gọi là "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ". Sau cách mạng năm 1905 - 1907 Bun-ga-côp đi theo bọn dân chủ - lập hiến, tham gia soạn văn tập "Cái mốc", Lê-nin đã gọi văn tập đó là "Bách khoa toàn thư về sự phản bội của phái tự do". Đứng trên quan điểm của phái Can-tơ mới và của thần học, tôn giáo, Bun-ga-côp công khai đấu tranh chống lại triết học duy vật. Sau năm 1918 làm linh mục, lưu vong ra nước ngoài và tiến hành việc tuyên truyền thù địch chống nước Nga xô-viết. — 121, 122 - 123, 125 - 126, 127 - 130, 131 - 133, 135 - 136, 137 - 139, 141, 142 - 144, 145 - 146, 148 - 151, 152 - 154, 155, 156, 157, 158 - 159, 160 - 161, 162, 163 - 164, 168, 169, 170, 176, 177, 181, 186, 190, 198, 199, 200, 202, 203, 204, 209, 211, 213, 214, 215, 217, 220, 223 - 224, 228, 230, 231 - 233, 237 - 238, 239 - 240, 241 - 242, 243 - 244, 251, 253 - 255, 256, 257, 266, 272, 273 - 274, 275, 278, 284 - 285, 287, 288.

Buốc-txép, V. L. (1862 - 1936) đã tham gia vào phong trào cách mạng những năm 80, trở nên gần gũi với phái Dân ý, sau lần bị bắt, ông chạy ra nước ngoài, ở đó ông thu thập và công bố các tài liệu về phong trào cách mạng. Năm 1897, xuất bản văn tập những tài liệu về lịch sử phong trào cách mạng "Trong một trăm năm", năm 1898 xuất bản tờ "Nước Nga tự do" ở Giơ-ne-vơ, sau đó xuất bản tạp chí "Quá khứ" và tờ "Tương lai". Đã bóc trần những công việc bí mật của Cục cảnh sát, đã lột mặt nạ tên khiêu khích A-dép. Trước cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, Buốc-txép gần gũi với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, sau khi cách mạng bị thất bại, Buốc-txép ủng hộ phái dân chủ - lập hiến. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất — là một kẻ sô- vanh cực đoan, từ bỏ mọi lập trường đối lập với Nga hoàng và trở về nước Nga, đứng về phía phản cách mạng chống lại những người bôn-sê-vích. Năm 1917 là kẻ ủng hộ Coóc-ni-lốp, sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại là một trong những kẻ thù tàn ác nhất của Liên-xô, lưu vong ra nước ngoài, ở đó tham gia việc thành lập các tổ chức quân chủ - bạch vệ để đấu tranh chống lại nước Nga xô-viết. — 33, 84.

C

- Ca-blu-cốp, N. A.* (1849 - 1919) là nhà kinh tế và nhà thống kê, người thuộc phái dân túy, giáo sư trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va. Trong những năm 1885 - 1907 phụ trách Phòng thống kê của hội đồng địa phương tỉnh Mát-xcơ-va, dưới sự lãnh đạo của ông người ta đã biên soạn "Những tập Thống kê về tỉnh Mát-xcơ-va" (1877 - 1879). Ông đã cộng tác với hàng loạt tờ báo và tạp chí. Trong các tác phẩm về kinh tế và thống kê ông đã bảo vệ quan điểm "tính ổn định" của nền kinh tế tiểu nông, lý tưởng hóa công xã ruộng đất, coi đó là một hình thức dường như có thể ngăn ngừa được sự phân hóa trong tầng lớp nông dân. Lên tiếng chống lại chủ nghĩa Mác trong các vấn đề về vai trò và ý nghĩa của đấu tranh giai cấp, đồng thời ông tuyên truyền cho hòa bình giữa các giai cấp. Trong một loạt tác phẩm của mình, đặc biệt là trong tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", V. I. Lê-nin đã nghiêm khắc phê phán các quan điểm của Ca-blu-cốp. Năm 1917, ông đã làm việc tại Ban ruộng đất trung ương trực thuộc Chính phủ tư sản lâm thời. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, ông làm việc tại Cục thống kê trung ương sau làm công tác giảng dạy và văn học. Các tác phẩm chủ yếu của ông là: "Vấn đề công nhân trong nông nghiệp" (1884), "Những bài giảng về kinh tế của nền kinh tế nông nghiệp" (1897), "Về những điều kiện phát triển kinh tế nông dân ở Nga" (1899), "Chính trị kinh tế học" (1918) và các tác phẩm khác. — 188.
- Ca-ra-va-ép, A. L.* (1855 - 1908) là bác sĩ thuộc hội đồng địa phương, người theo phái dân túy, một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của Liên minh nông dân, ông là đại biểu tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, được bầu vào Đu-ma nhà nước II, trong Đu-ma ông cầm đầu phái lao động, ông là ủy viên ủy ban ruộng đất, đã phát biểu về những vấn đề ruộng đất và lương thực. Tác giả của một loạt sách nhỏ về các vấn đề nông dân ("Đảng và nông dân trong Đu-ma nhà nước", "Những hứa hẹn của chính phủ về vấn đề ruộng đất và những yêu sách của các đại biểu nông dân", "Những đạo luật mới về ruộng đất"). Trước cuộc bầu cử vào Đu-ma nhà nước III, ông đã bị phái Trăm đen tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp giết chết. — 304.
- Ca-vê-lin, K. Đ.* (1818 - 1885) là nhà sử học và luật gia, giáo sư các trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va (1844 - 1848) và Pê-téc-bua (1857 - 1861), đại biểu của chủ nghĩa tự do quý tộc - tư sản. Đã cộng tác với các tờ "Người đương thời", "Ký sự nước nhà" và "Truyện tin châu Âu". Trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành cuộc cải cách ngày 19 tháng Hai 1861, đã chống lại phong trào dân chủ - cách mạng, đồng tình với chính sách đàn áp của chế độ chuyên chế, hoan nghênh chính phủ trong cuộc

đấu tranh của nó nhằm chống lại cách mạng. Lê-nin đã gọi Ca-vê-lin là một "trong những loại người điển hình ghê tởm nhất có tính chất thô bỉ của chủ nghĩa tự do". — 36, 38 - 39, 47.

Cát-cốp, M. N. (1818 - 1887) là nhà chính luận phản động người Nga, từ năm 1851, là biên tập viên báo "Tin tức Mát-xcơ-va", một công cụ tuyên truyền cho chế độ phản động quân chủ. Y là người theo chủ nghĩa quân chủ cực đoan, kẻ thù của mọi tiến bộ xã hội, đã tự gọi mình là "Con chó giữ nhà trung thành của chế độ chuyên chế". Tên tuổi của Cát-cốp là tượng trưng cho chế độ phản động quân chủ cực đoan nhất. — 33, 54 - 55, 56, 58, 92 - 93, 410.

Cau-xky (Kautsky), *Các-lơ* (1854 - 1938) là một trong những thủ lĩnh của đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II, lúc đầu là người mác-xít, về sau phản bội chủ nghĩa Mác, nhà tư tưởng của một trong những trào lưu tư tưởng mang tính chất cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân là phái giữa (chủ nghĩa Cau-xky). Cau-xky bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa từ năm 1874. Những quan điểm chính trị của Cau-xky trong thời gian này là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa Lát-xan, chủ nghĩa Man-tuyt mới và chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1881, Cau-xky làm quen với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen và do ảnh hưởng của hai ông nên Cau-xky đã đi theo chủ nghĩa Mác, song ngay trong thời kỳ ấy Cau-xky đã tỏ ra dao động và ngã về phía chủ nghĩa cơ hội, vì thế C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen đã nhiều lần phê phán gay gắt Cau-xky. Trong những năm 80 và 90 Cau-xky đã viết nhiều tác phẩm về một số vấn đề về học thuyết của Mác như: "Học thuyết kinh tế của Các Mác" (1887), "Vấn đề ruộng đất" (1899) v. v., mặc dù có những sai lầm nhưng các tác phẩm đó đã đóng một vai trò tích cực trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác.

Về sau, đến thời kỳ phong trào cách mạng lan rộng, Cau-xky chuyển sang lập trường của chủ nghĩa cơ hội, trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Cau-xky đã trở thành một phần tử thuộc phái giữa, trong thời kỳ chiến tranh Cau-xky đã chuyển sang phía những kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác cách mạng, Cau-xky đã che đậy chủ nghĩa xã hội - sô - vanh của mình bằng những câu nói rỗng tuếch về chủ nghĩa quốc tế. Cau-xky đã đưa ra thuyết về chủ nghĩa siêu đế quốc, mà bản chất phản động của nó đã bị Lê-nin vạch trần trong các tác phẩm của Người: "Sự phá sản của Quốc tế II" (1915), "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" (1916) v. v. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, Cau-xky đã công kích một cách thù địch chế độ xã hội chủ nghĩa xô-viết và chủ nghĩa cộng sản.

Trong các tác phẩm của mình "Nhà nước và cách mạng" (1917), "Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky" (1918) và trong một số tác phẩm khác, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán chủ nghĩa Cau-xky.

Khi vạch trần tính chất nguy hại của chủ nghĩa Cau-xky, V. I. Lê-nin viết: "Giai cấp công nhân không thể làm trọn vai trò cách mạng toàn thế giới của mình, nếu không tiến hành đấu tranh thẳng tay chống sự phản bội đó, lập trường thiếu bản lĩnh, thái độ bợ đỡ đối với chủ nghĩa cơ hội và sự tầm thường hóa chủ nghĩa Mác một cách chưa từng thấy trong lĩnh vực lý luận" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 21, tr. 362). — 121, 122, 148, 152, 153 - 154, 157, 158, 159 - 160, 161, 163, 165, 168, 174 - 175, 176 - 179, 180, 181, 184 - 188, 190, 192, 194, 201, 215, 217, 237 - 238, 239 - 240, 241, 243, 266 - 267, 279, 284.

Cláp-ki (Klawki) *Các-lơ* là nhà kinh tế tư sản người Đức, tác giả cuốn "Über Konkurrenzfähigkeit des landwirtschaftlichen Kleinbetriebs" ("Về khả năng cạnh tranh của nền sản xuất tiểu nông") (1899). — 202, 204 - 213, 222, 249 - 250, 280, 304.

Clin-ghen-béc, N. M. (sinh năm 1852) — năm 1901, tỉnh trưởng tỉnh Vi-át-ca, trong những năm 1905 - 1906, tỉnh trưởng Mô-ghi-lép. — 383.

Cô-gan - Cri-nê-vích, M. G. (Cru-glóp) (sinh năm 1874) là người men-sê-vich dân chủ - xã hội, một trong những nhà hoạt động của phong trào công đoàn, ông đã tham gia hoạt động của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài" có khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa, trong những năm 1900 - 1902 là cộng tác viên của tờ "Tư tưởng công nhân. Sau khi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phân liệt, ông đi theo phái men-sê-vich. Trong những năm 1906 - 1908, cộng tác viên của tờ báo tư sản "Đồng chí" — cơ quan của đảng dân chủ - lập hiến cánh tả. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại ông tham gia hoạt động công đoàn. — 334.

Cô-sê-lép, A. I. (1806 - 1883) là nhà chính luận thuộc tầng lớp quý tộc, người thuộc phái bạn những người Xla-vơ. Năm 1862, xuất bản cuốn "Hiến pháp, nền quân chủ chuyên chế và Đu-ma của hội đồng địa phương" ở Lai-pxích, trong cuốn sách đó ông đã chống lại hiến pháp và bảo vệ quan điểm triệu tập hội nghị hội đồng địa phương — cơ quan tư vấn dưới chế độ chuyên chế Nga hoàng. Trong những năm 1880 - 1882, xuất bản tờ "Hội đồng địa phương", trong đó đòi phải áp dụng những biện pháp phản động nhất đối với Ba-lan. — 36 - 37.

Côn-đôi-đi, V. G. là phó tỉnh trưởng tỉnh Xa-ma-ra trong thời kỳ đầu của những năm 900, tác giả cuốn thuật ngữ đã được truyền bá rộng rãi "Yếu tố thứ ba", — nó ghi lại đại bộ phận tâm trạng của tầng lớp trí thức cấp tiến có tinh thần cách mạng, làm việc trong các hội đồng địa phương và trong các cơ quan quản lý thành phố v. v.. — 401, 403-404, 412.

Cri-tsép-xky, B. N. (1866 - 1919) là đảng viên dân chủ - xã hội Nga, nhà chính luận, một trong những thủ lĩnh của "chủ nghĩa kinh tế".

Từ cuối những năm 80, tham gia công tác trong các nhóm dân chủ - xã hội ở Nga; đầu những năm 90, ông lưu vong ra nước ngoài, ở nước ngoài Cri-tsép-xki gia nhập nhóm "Giải phóng lao động", tham gia các cơ quan xuất bản của nhóm đó. Không bao lâu Cri-tsép-xki từ bỏ nhóm "Giải phóng lao động". Cuối những năm 90, ông trở thành một trong những người lãnh đạo của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài" có khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa, là chủ biên của báo "Sự nghiệp công nhân", cơ quan của "Liên minh". Sau đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Cri-tsép-xki không giữ một vai trò nào trong phong trào dân chủ - xã hội. — 336 - 339.

Cru-dê, N. Ph. (1823 - 1901) là nhà văn Nga và nhà hoạt động xã hội. Từ năm 1855 đến 1858 là nhân viên kiểm duyệt, năm 1865, được bầu làm chủ tịch cơ quan hội đồng địa phương tỉnh Pê-téc-bua; do chống đối lại chính phủ, theo lệnh của Nga hoàng, ông bị tước mất chức vụ đó và đưa đi Ô-ren-bua (1867). Về sau tham gia những hoạt động văn học, cộng tác với tờ "Truyền tin châu Âu", "Truyền tin nước Nga" và "Nước Nga cổ". — 44.

Cru-glóp — xem Cô-gan - Gri-nê-vích, M. G.

Cút-tơ-lép (*Kutzleb*) V. là nhà kinh tế học tư sản người Đức, tác giả cuốn "Ist der bauerliche Wirtschaftsbetrieb mit dem der großen Güter konkurrenzfähig?" ("Nền kinh tế tiểu nông liệu có thể cạnh tranh được với nền kinh tế lớn được không?"), in năm 1885 trong "Landwirtschaftliche Jahrbücher" ("Niên giám nông nghiệp"). — 153.

D

D. X. là tác giả bài "Mười tám năm chiến tranh của giới quan lại chống hội đồng địa phương", đã được đăng trong tạp chí "Tiếng nói tự do" năm 1883. — 481 - 484.

Da-xu-lích, V. I. (1849 - 1919) là thành viên xuất sắc nhất của phong trào dân túy và, sau đó, của phong trào dân chủ - xã hội ở Nga. Bà bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1869, bà là thành viên của những tổ chức dân túy "Ruộng đất và tự do" và "Chia đều ruộng đất", khi lưu vong ra nước ngoài, vào đầu những năm 80, bà đoạn tuyệt với phái dân túy và chuyển sang lập trường của chủ nghĩa Mác. Năm 1883, bà tham gia thành lập tổ chức mác-xít đầu tiên ở nước Nga, đó là nhóm "Giải phóng lao động". Trong những năm 80 và 90, Da-xu-lích đã dịch tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học" của Mác, "Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học" của Ph. Ăng-ghen ra tiếng Nga, bà đã viết quyển "Lược khảo lịch sử của Hội liên hiệp lao động quốc tế" và tác phẩm nói về G. G. Rút-sô; bà đã hợp tác với các cơ quan

xuất bản của nhóm "Giải phóng lao động", với tạp chí "Lời nói mới" và "Bình luận khoa học", hàng loạt bài phê bình văn học của bà đã được đăng trong các tạp chí đó. Năm 1900, bà tham gia ban biên tập báo "Tia lửa" của Lê-nin và tạp chí "Bình minh".

Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bà trở thành một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích, tham gia ban biên tập báo "Tia lửa" men-sê-vích. Năm 1905, bà trở về Nga, trong thời kỳ phản động, bà theo phái thủ tiêu, trong thời gian đầu của chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 - 1918, bà đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô - vanh. Bà đã có thái độ tiêu cực đối với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. — 53.

Doi-phéc-hen (Seufferheld), *A-đôn-phơ*, là địa chủ người Đức, tác giả một số sách về kinh tế nông nghiệp, trong các tác phẩm đó ông đã nêu lên kinh nghiệm áp dụng điện lực trong cơ sở kinh doanh của mình. — 165 - 166.

Dơ-na-men-xki, *N. A.* là cộng tác viên của tờ "Tin tức Mát-xcơ-va". — 409.

Du-ba-tốp, *X. V.* (1864 - 1917) là đại tá sen đầm, người cổ vũ và tổ chức ra chính sách khiêu khích "của chủ nghĩa xã hội cánh sắt" (người ta gọi là "chế độ Du-ba-tốp"). Trong những năm 90, y được cử làm cục trưởng Cục bảo vệ Mát-xcơ-va, y mở rộng hoạt động cánh sắt một cách rộng khắp ở nhiều thành phố ở Nga. Năm 1902 - 1903, phụ trách cơ quan cảnh sát đặc biệt tối cao của quốc gia. Đã tổ chức các hội liên hiệp công nhân mang tính chất cảnh sát — "Hội tương tế của công nhân ngành cơ khí" ở Mát-xcơ-va và "Cuộc họp mặt của công nhân các công xưởng - nhà máy ở Xanh Pê-téc-bua ở Nga" và các liên minh khác với mục đích làm cho công nhân lãng quên cuộc đấu tranh cách mạng. Trong các liên hiệp đó, y đã ra sức tuyên truyền cuốn sách của E. Béc-stanh. Sau khi chính sách khiêu khích của y chống lại cuộc đấu tranh của phong trào công nhân không đạt được hy vọng mong muốn, Du-ba-tốp đã bị cách chức và từ bỏ hoạt động chính trị. Trong những ngày đầu của cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai, Du-ba-tốp đã tự sát. — 446, 450.

Đ

Đa-khôn, *Ê. X.* (sinh năm 1871) là công nhân nhà máy A-lếch-xan-đrốp ở Pê-téc-bua, là một trong những người bị cáo về việc gây rối trật tự hồi tháng Năm tại nhà máy Ô-bu-khốp năm 1901. — 359.

Đa-ni-en-xôn, *N. Ph.* (N. — ôn, Ni-cô-lai — ôn) (1844 - 1918) là nhà văn kiêm nhà kinh tế học người Nga, một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy tự do chủ nghĩa trong những năm 80 và 90, trong những năm 60 và 70 có quan hệ với các nhóm thanh niên trí thức bình dân cách

mạng. Đa-ni-en-xôn đã hoàn thành bản dịch đầu tiên bộ "Tư bản" của Các Mác ra tiếng Nga mà G. A. Lô-pa-tin là người khởi đầu. Trong khi dịch bộ "Tư bản", ông đã trao đổi thư từ với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, trong những bức thư đó, ông có đề cập đến cả những vấn đề phát triển kinh tế của nước Nga. Song Đa-ni-en-xôn đã không hiểu được thực chất của chủ nghĩa Mác, và về sau Đa-ni-en-xôn đã chống lại chủ nghĩa Mác. Năm 1893, ông cho xuất bản cuốn "Lược khảo về kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách", cuốn sách này cùng với các tác phẩm của V. P. Vô-rôn-txốp là cơ sở lý luận của phái dân túy tự do. Trong các tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán các quan điểm phản động của Đa-ni-en-xôn — 188, 397, 496.

Đa-vít (David), *Ê-đua* (1863 - 1930) là một trong những thủ lĩnh phái tả của đảng dân chủ - xã hội Đức, một trong những người sáng lập ra tạp chí xét lại "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa"), là nhà kinh tế học chuyên nghiệp. Ông đã biên soạn dự thảo về cương lĩnh ruộng đất, mà yêu cầu đảm bảo và củng cố quyền sở hữu cá nhân trong xã hội tư bản, được đề ra như là yêu cầu chủ yếu (Đại hội Bre-xláp-xcơ 1895 đã bác bỏ dự thảo đó). Năm 1903, xuất bản cuốn "Chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế nông nghiệp". Lê-nin đã gọi cuốn sách đó là "tác phẩm chính của chủ nghĩa xét lại trong vấn đề ruộng đất". Trong cuốn sách này, Đa-vít mưu toan bác bỏ học thuyết của chủ nghĩa Mác về vấn đề ruộng đất và chứng minh "tính ưu việt" và "tính vững chắc" của nền kinh tế tiểu nông so với nền kinh tế đại tư bản chủ nghĩa. Từ năm 1903, Đa-vít là nghị viên. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất ông là người xã hội - sô-vanh cực đoan, năm 1919, tham gia chính phủ liên hiệp đầu tiên của nước cộng hòa Đức, những năm 1919 - 1920 làm bộ trưởng Bộ nội vụ, từ 1922 - 1927, là đại diện của chính phủ ở Ghéc-xen, đã ủng hộ những mục đích phục thù của chủ nghĩa đế quốc Đức, kẻ thù của Liên-xô và của giai cấp công nhân. V.I.Lê-nin đã nêu rõ đặc điểm của Đa-vít là một người mà "toàn bộ cuộc đời chỉ chuyên tâm làm thoái hoá phong trào công nhân theo lối tư sản". (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 26, tr. 277). — 157, 158, 191, 192, 193, 195, 220 - 221, 260 - 261, 262, 273 - 289, 290, 295, 296, 300, 302 - 303, 316.

Đê-môm-bi-nơ (Demombynes), Ga-bri-en (sinh năm 1840) là luật sư người Pháp, chuyên gia về các vấn đề pháp quyền nhà nước, tác giả cuốn "Constitutions européennes" ("Hiến pháp châu Âu"), — 476.

Dích-ken (Dickens), Sác-lơ (1812-1870) là nhà văn hiện thực nổi tiếng người Anh. Trong các tác phẩm của mình, ông đã miêu tả cuộc sống của nước Anh tư sản (trong số các tác phẩm đó, những tác phẩm có tầm quan trọng nhất là: "Di chúc của câu lạc bộ Pích-

vích" (1873), "Ô-li-véc Tô-vít-xơ" (1838), "Đôm-bi và con" (1848), "Thời gian khó" (1854), "Bé Đơ-rít" (1857), "Người bạn chung của chúng ta" (1865)). Ông đã chỉ cái hố ngăn cách ngày càng rộng thêm giữa hai phía đối lập là giàu sang và nghèo túng; sự xa hoa của kẻ giàu sang, sự bần cùng và không có quyền hành của những người lao động, những nơi tối tăm, bẩn thỉu ở Luân-đôn, những nhà ngủ đêm, tình cảnh cơ cực không thể chịu đựng nổi của các trẻ em nhà nghèo. Trong khi tố giác những trật tự của chế độ tư bản chủ nghĩa, Đích-ken đã không kêu gọi đấu tranh chống lại những trật tự đó mà lại tuyên truyền cho những quan niệm không tưởng về thành tựu của sự công bằng trong xã hội tư sản bằng cách giúp đỡ những người có đầu óc tư hữu cải tạo đạo đức.

Mác đã liệt Đích-ken vào lớp người xuất sắc của "các nhà lãnh mạn Anh hiện đại. Trong các quyển sách kiệt xuất và hùng biện đó, họ đã mở ra cho thế giới thấy nhiều chân lý chính trị, xã hội hơn tất cả các nhà chính trị chuyên nghiệp, các nhà chính luận và các nhà đạo đức gộp lại" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 10, 1958, tr. 648). — 385.

Đít-tên-béc-gơ (Dittenberger) là uỷ viên kinh tế, nhân viên của các cơ quan đặc điền nhà nước Đức, đã tiến hành việc kiểm tra kinh tế nông dân ở Ay-xơ-nách, — 216.

Đít-xơ (Dietz), *Giô-han Hen-rích Vin-hem* (1843-1922) là đảng viên đảng dân chủ - xã hội Đức, nghị viên từ năm 1881 đến năm 1918. Đã lãnh đạo nhà xuất bản của đảng dân chủ - xã hội, nhà xuất bản này đã xuất bản các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghen; các số đầu của báo "Tia lửa" của đảng bôn-sê-vích Nga, tạp chí "Bình minh" và tác phẩm "Làm gì?" của V.I.Lê-nin đã được in trong xưởng in của nhà xuất bản đó. — 24, 30, 475.

Đô-brô-li-u-bốp, *N. A.* (1836-1861) là nhà dân chủ - cách mạng Nga vĩ đại, nhà phê bình văn học và triết học duy vật nổi tiếng, bạn rất thân và bạn chiến đấu của N.G.Tséc-nư-sép-xki. Từ mùa thu năm 1857, Đô-brô-li-u-bốp phụ trách tiểu ban tư liệu phê bình của tạp chí "Người đương thời", sau phụ trách tiểu ban trào phúng của tạp chí "Tiếng còi". Trong vòng bốn năm hoạt động trên lĩnh vực văn học, Đô-brô-li-u-bốp đã viết một loạt bài xuất sắc ("Chế độ Nga hoàng đen tối", "Tia sáng trong chế độ Nga hoàng đen tối", "Tính nhu nhược là cái gì", "Khi một ngày thật sự sẽ đến" v.v.), những tác phẩm này là mẫu mực về sự phê bình văn học có tính chiến đấu. Đô-brô-li-u-bốp trở thành kẻ thù không đội trời chung của chính thể chuyên chế và chế độ nông nô, ông căm thù tột độ chế độ chuyên quyền và là người ủng hộ cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống lại chính phủ chuyên chế.

Đô-brô-li-u-cốp cùng với A. I. Ghéc-txen, B. G. Bê-lin-xki, và N. G. Tséc-nư-sép-xki là bậc tiền bối của chủ nghĩa Mác cách mạng ở Nga. — 454.

Đôn-gô-ru-cốp, *P. V.* (1816 - 1868) là hoàng thân, nhà văn và nhà chính luận, đại biểu của bộ phận tự do chủ nghĩa trong xã hội Nga. Do việc đệ trình lên chính phủ bức thư về sự cần thiết phải giải phóng nông dân và ruộng đất khỏi phải chuộc lại nên đã bị truy nã. Năm 1859, phải lưu vong ra nước ngoài. Trong khi lưu vong ông đã viết cuốn "Sự thật về nước Nga", trong đó ông đã chủ trương việc áp dụng chế độ hiến pháp ở Nga. Ông đã thành lập xưởng in và xuất bản các tạp chí, sách báo của các khuynh hướng đối lập như: năm 1860 - 1861, xuất bản báo "Tiền đồ", năm 1862, xuất bản tạp chí "Đúng sự thật", năm 1862 - 1864, xuất bản tờ "Báo khổ nhỏ", hợp tác với tờ "Cái chuông", ông đã vạch trần chế độ nông nô - chuyên chế ở Nga và theo lời của A. I. Ghéc-txen thì Đôn-gô-ru-cốp "... như là một kỵ sĩ đầu bò không bao giờ mệt mỏi, không nghỉ ngơi và không thương tiếc, đã trêu chọc đúng vào con bò đực là chính phủ Nga" (Ghec-txen, A. I. Toàn tập và các thư từ, tiếng Nga, t. 21, 1923, tr. 89). Chính phủ Nga hoàng đã kết án vắng mặt Đôn-gô-ru-cốp là bị trục xuất vĩnh viễn và tước danh hiệu hoàng thân và toàn bộ ruộng đất. — 84.

Dra-gô-ma-nốp, *M. P.* (1841 - 1895) là nhà sử học người U-cra-i-na, nhà nhân chủng học và nhà chính luận, một trong số những đại biểu của chủ nghĩa tự do tư sản, đã làm phó giáo sư ở trường đại học tổng hợp Ki-ép; cộng tác với các tờ tạp chí của phái tự do nên đã bị chính phủ Nga hoàng truy nã, ông phải lưu vong ra nước ngoài. Khi ở nước ngoài ông vẫn tiếp tục hoạt động báo chí, ông đã vạch trần chính sách của chế độ Nga hoàng và đồng thời kiên quyết chống lại chủ nghĩa xã hội và học thuyết về đấu tranh giai cấp, phê phán những người dân túy và những người dân chủ - xã hội. Trong cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng ông đã tìm thấy chỗ dựa là hoạt động của hội đồng địa phương; năm 1883, là biên tập viên của tờ "Tiếng nói tự do", tờ báo coi mình là cơ quan đối lập thuộc hội đồng địa phương. Ông là một trong số những nhà lãnh đạo nổi tiếng của phái ôn hòa trong phong trào giải phóng dân tộc ở U-cra-i-na, đấu tranh cho quyền tự trị văn hóa - dân tộc. Năm 1889, cuốn sách "Chủ nghĩa tự do và Hội đồng địa phương ở Nga" của ông đã được xuất bản ở Giơ-ne-vơ, dưới sự lãnh đạo của ông bạn biên tập đã xuất bản những bức thư của Ca-vê-lin và Tuốc-ghê-nép gửi cho Ghéc-txen và những bức thư của Ba-cu-nin gửi Ghéc-txen và Ô-ga-rép. — 31 - 33, 48, 57, 477.

Đrêch-xơ (Drechsler), *Gu-xta-vơ* (1833 - 1890) là giáo sư người Đức, giám đốc và người sáng lập trường đại học nông nghiệp ở Gôt-tinh-ghen.

Cùng với V. Gen-ne-béc-gơ ông xuất bản "Journal für Landwirtschaft" ("Tập chí về kinh tế nông nghiệp"), tác giả các cuốn sách về kinh tế nông nghiệp như: "Die Statik des Landbaues" ("Tình trạng nông nghiệp") (1869), "Die Entschädigungsberechnung expropriierter Grundstücke" ("Thanh toán những khoảnh ruộng mua lại") (1873) và các tác phẩm khác. Năm 1887, được bầu vào nghị viện. — 290 - 293, 296, 298, 300, 325.

Dru-gi-nin là nhân viên thanh tra các trường trung học, cao đẳng nhân dân tỉnh Tve. — 483.

E

Éc-ma-cốp, A. I. (sinh năm 1879) là công nhân nhà máy Ô-bu-khốp, một trong những nhà lãnh đạo cuộc bãi công tháng Năm ở nhà máy năm 1901. Đã bị tòa án của Nga hoàng kết án năm năm tù khổ sai. — 359.

Éc-mô-lốp, A. X. (1846 - 1917) là quan chức trong chính phủ Nga hoàng. Năm 1893, là người lãnh đạo Bộ tài sản quốc gia, từ năm 1894 đến 1905 — bộ trưởng Bộ nông nghiệp và tài sản quốc gia, sau đó là uỷ viên Hội đồng nhà nước. Năm 1886 - 1888 là phó chủ tịch Hội kinh tế tự do. Y đã viết một số tác phẩm về các vấn đề nông nghiệp, trong các tác phẩm đó y được coi là người đại diện cho lợi ích của bọn địa chủ - chủ nô. Năm 1892, cho xuất bản quyển "Mất mùa và tai nạn của quốc dân", trong đó y đã mưu toan bào chữa cho các hành động của chính phủ Nga hoàng đối với những người nông dân nghèo đói. — 109.

En-ghen-hác, A. N. (1832 - 1893) là nhà chính luận, nhà dân tụy nổi tiếng do hoạt động trong lĩnh vực nông học và xã hội của ông và nhờ cuộc thí nghiệm của ông trong việc tổ chức phương pháp kinh doanh hợp lý trong điền trang của mình ở làng Ba-ti-sép, thuộc tỉnh Xmô-lên-xcơ. Trong tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", V. I. Lê-nin đã nhận định về điền trang của En-ghen-hác; qua ví dụ về điền trang ấy, Lê-nin đã vạch rõ toàn bộ tính chất không tưởng của những lý luận dân tụy. En-ghen-hác là tác giả của những bức thư "Từ chốn thôn quê" (xuất bản thành sách riêng năm 1882) trong tạp chí "Ký sự nước nhà" và là tác giả của nhiều tác phẩm viết về các vấn đề nông nghiệp; ông còn là chủ bút của "Tạp chí hóa học" đầu tiên của nước Nga (1859 - 1860). — 279.

En-ghen-hác, A. P. (1845 - 1903) là nhà hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng. Năm 1890, giữ chức phó tỉnh trưởng tỉnh Ca-dan, năm 1893 là tỉnh trưởng tỉnh Ác-khan-ghen-xcơ, trong những năm 1901 - 1903 là tỉnh trưởng tỉnh Xa-ra-tốp. — 378, 379, 381.

G

Ga-vri-lốp, A. I. (sinh năm 1869), là công nhân nhà máy Ô-bu-khốp, một trong những người lãnh đạo các cuộc bãi công trong nhà máy hồi tháng Năm 1901. Đã bị bắt và bị tòa án Nga hoàng kết án 6 năm tù khổ sai. — 359.

Ghéc-txen, A. I. (1812 - 1870) là nhà dân chủ - cách mạng vĩ đại Nga, nhà triết học duy vật, nhà chính luận và nhà văn. Ghéc-txen đã tham gia phong trào giải phóng với tư cách là một nhà cách mạng quý tộc, một người tiếp tục truyền thống của những người tháng Chạp. Những năm 1829 - 1833, khi còn ở trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va, ông là người đứng đầu nhóm những thanh niên tiên tiến, có chí hướng cách mạng, những thanh niên này đã nghiên cứu những học thuyết về chính trị và lý luận của các nhà tư tưởng cách mạng thế kỷ XVIII và của những người xã hội chủ nghĩa - không tưởng. Năm 1834, bị bắt cùng với các thành viên khác của nhóm và đến năm 1835, bị đày ở Péc-mơ, sau đó bị đưa đi Vi-át-ca, Vla-di-mia và Nốp-gô-rôt. Năm 1842, sau khi bị đày về ông sống Mát-xcơ-va. Trong thời gian này ông đã viết những tác phẩm triết học như: "Thái độ hời hợt trong khoa học" (1842 - 1843) và "Những bức thư bàn về việc nghiên cứu giới tự nhiên" (1844 - 1846), các tác phẩm đó đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển triết học duy vật ở nước Nga. V. I. Lê-nin đánh giá Ghéc-txen là một nhà tư tưởng lỗi lạc, người đã đến gần sát với chủ nghĩa duy vật biện chứng và dừng lại trước chủ nghĩa duy vật lịch sử. Tháng Giêng 1847, do sự truy nã của chính phủ Nga hoàng Ghéc-txe phải ra nước ngoài. Thời kỳ đầu sống ở Pa-ri, Ni-xơ và tới năm 1852, sang Luân-đôn, tại đây ông thành lập một nhà in Nga và xuất bản báo chí tự do của Nga ở nước ngoài. Sau khi in một số truyền đơn cách mạng, những tập luận văn và bài báo, 1855, bắt đầu xuất bản tập san văn nghệ "Sao bắc đẩu", và từ năm 1857, cùng với N. P. Ô-ga-rép xuất bản tập san "Cái chuông". Do không hiểu được thực chất dân chủ - tư sản của phong trào năm 1848 và do không hiểu chủ nghĩa xã hội trước Mác, nên Ghéc-txen cũng không thể hiểu được bản chất tư sản của cuộc cách mạng Nga, ông tỏ ra dao động giữa chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa tự do. Trong những năm 60 Ghéc-txen kiên quyết từ bỏ chủ nghĩa tự do và đứng hẳn về phía lực lượng dân chủ cách mạng, "ông đã hướng về *Quốc tế* do Mác lãnh đạo" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 21, tr. 257 - 258). Trong thư gửi cho Ô-ga-rép, Ghéc-txen hoan nghênh bản dịch các tác phẩm của Mác ra tiếng Nga.

V. I. Lê-nin đã đánh giá vai trò của Ghéc-txen trong lịch sử của phong trào giải phóng ở Nga, qua bài "Kỷ niệm Ghéc-txen" (1912). — 38, 39, 75.

Ghéc-txen-stanh, M. I-a. (1859 - 1906) là nhà kinh tế học tư sản, giáo sư trường đại học nông nghiệp Mát-xcơ-va, ủy viên của Đu-ma nhà nước I, một trong những thủ lĩnh của đảng dân chủ - lập hiến, đảng chủ yếu của giai cấp tư sản Nga; là nhà lý luận về vấn đề ruộng đất của giai cấp tư sản. Ông bị những người thuộc phái Trăm đen giết ở Phần-lan sau khi Đu-ma nhà nước I giải tán, — 304.

Goóc-đê-en-cô, M. E. là chủ tịch Hội đồng địa phương tỉnh Khác-cốp trong những năm 1900 - 1901. — 407 - 408.

Goóc-ki, Mác-xim (bí danh *Pê-scốp, A. M.*) (1868 - 1936) là nhà văn vô sản vĩ đại, người sáng lập ra chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, người sáng lập ra văn học xô-viết. Ngay từ những năm còn thơ ấu, Goóc-ki đã phải trải qua thử thách với những cảnh đói khát cùng cực và thiếu thốn, Goóc-ki đã sống nhiều nơi khắp nước Nga, tham gia phong trào công nhân cách mạng, thường xuyên bị chính phủ Nga hoàng truy lùng. Trong những tác phẩm của mình, Goóc-ki đã miêu tả đời sống của giai cấp công nhân Nga và cuộc đấu tranh anh dũng của họ chống lại chế độ Nga hoàng và chủ nghĩa tư bản để giải phóng nhân dân lao động. Với sức mạnh kỳ diệu, ông đã vạch trần sự chuyên quyền và chế độ độc tài của cơ quan cai trị của Nga hoàng, công kích kịch liệt tính nhỏ nhen và tính tầm thường, ông đã vạch trần sự rỗng tuếch bên trong và tính lỗi thời của tầng lớp trí thức tư sản và chứng minh sức mạnh sáng tạo vĩ đại của quần chúng lao động, sự ra đời của một con người mới trong quá trình đấu tranh cách mạng. Tất cả những tác phẩm của Goóc-ki đều thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng. M. Goóc-ki đã đồng tình với giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh của họ, đã giúp đỡ đảng dân chủ - xã hội. V. I. Lê-nin gần gũi và trở thành người thân thiết với Goóc-ki; Người đã đánh giá cao tài năng của Goóc-ki, chỉ cho ông những sai lầm của mình, Người đã biểu lộ sự quan tâm thường xuyên đối với Goóc-ki. Sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, Goóc-ki đã tiến hành công tác toàn diện to lớn nhằm đoàn kết tầng lớp trí thức xung quanh Chính quyền xô-viết. Ông là người đề xướng việc thành lập Hội liên hiệp các nhà văn Xô-viết và làm chủ tịch của Hội cho tới cuối đời. Những bài phát biểu của Goóc-ki về vấn đề xây dựng nhà nước xô-viết và bảo vệ hòa bình có một ý nghĩa to lớn. Goóc-ki đã không ngừng kêu gọi đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít, vạch trần âm mưu chuẩn bị chiến tranh thế giới lần thứ hai, ông giúp

đỡ việc tổ chức các đại hội quốc tế chống chiến tranh. Trong một loạt bài tùy bút và các bài văn công kích, ông đã phê phán kịch liệt chủ nghĩa đế quốc hiện đại và đặc biệt là chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Là một nghệ sĩ, Goóc-ki đã hoàn thiện sự phát triển nền văn học Nga thế kỷ thứ XIX và là người sáng lập ra nền văn học xã hội chủ nghĩa vô sản. Goóc-ki là một nhà phê bình và nhà chính luận nổi tiếng, ông đã có ảnh hưởng vô cùng lớn lao đối với sự phát triển của văn học xô-viết, đối với nhiều nhà văn tiến bộ ở nước ngoài và đối với sự phát triển của nền văn học dân chủ trên toàn thế giới. — 453 - 454.

Gô-rê-mư-kin, I. L. (1839 - 1917) là nhà hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng, một trong những đại biểu điển hình của tầng lớp quan liêu phản động, tên quân chủ cực đoan. Trong những năm 1895 - 1899, là bộ trưởng Bộ nội vụ, thi hành chính sách phản động, nhằm làm suy yếu và hủy bỏ những cải cách trong những năm 60 (còn gọi là chính sách "chống cải cách"), đàn áp dã man phong trào công nhân. Làm chủ tịch Hội đồng bộ trưởng từ tháng Tư đến tháng Tám 1906 và từ tháng Giêng 1914 đến tháng Giêng 1916. — 24, 30, 62, 63, 65.

Gôn-txơ (Goltz), Tê-ô-đô A-lếch-xan-đrơ (1836-1905) là nhà kinh tế và nông học tư sản người Đức, giám đốc trường đại học nông nghiệp Cơ-ních-xbê và sau về Học viện nông nghiệp I-ê-na, đã viết một loạt tác phẩm về các vấn đề nông nghiệp, trong các tác phẩm đó đã bảo vệ quyền lợi của giai cấp địa chủ. — 162 - 163.

Gra-đốp-xki, A. Đ. (1841 - 1889) là luật sư người Nga, nhà sử học pháp quyền và nhà chính luận, giáo sư trường đại học tổng hợp Pê-téc-bua, đại biểu của chủ nghĩa tự do tư sản. Trong thời kỳ đầu của những năm 80 tham gia báo "Tiếng nói", với những bài báo có xu hướng chống phong trào cách mạng và đồng thời nêu lên sự cần thiết phải cải cách ôn hòa; cuộc cải cách đó không hạn chế chế độ chuyên chế nhưng cần làm giảm bớt chế độ độc đoán và bất chấp pháp luật đang tồn tại. Sau khi tờ "Tiếng nói" bị đóng cửa (1884), Gra-đốp-xki chỉ đơn thuần hoạt động giáo dục - khoa học. — 54.

Grôt-xman, G. A. (Cốp-rốp, A.) (sinh năm 1863) là nhà báo, đảng viên men-sê-vích, đã cộng tác với các tạp chí "Cửa cải nước Nga", "Giáo dục", "Đời sống", đã dịch ra tiếng Nga cuốn "Chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế nông nghiệp" của Ê. Đa-vít, coi cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là thù địch; năm 1919, tham gia việc xuất bản tạp chí "Ngày mai" của phái men-sê-vích ở Ô-đét-xa chống lại nhà nước xô-viết, sau lưu vong ra nước ngoài. — 277.

H

Héc-tơ (Hertz), *Phri-đrich Ốt-tô* (sinh năm 1878), là nhà kinh tế học Áo, người dân chủ - xã hội, một kẻ xét lại. Trong cuốn "Die Agrarischen Fragen im Verhältnis zum Sozialismus. Mit einer Vorrede von Ed. Bernstein" ("Những vấn đề ruộng đất theo quan điểm của chủ nghĩa xã hội. Cùng với lời nói đầu của Béc-stanh, E.") (1899) chống lại học thuyết của chủ nghĩa Mác về vấn đề ruộng đất và đã xuyên tạc các sự kiện, mưu toan chứng minh tính ổn định của nền kinh tế tiểu nông, mà khả năng của nó có thể đổi lập được với sự cạnh tranh của một nền kinh tế lớn. Cuốn sách của Héc-tơ được dịch ra tiếng Nga và đã được Bun-ga-cốp. Tséc-nốp và những tên khác tán tụng chủ nghĩa tư bản lợi dụng một cách rộng rãi để đấu tranh chống lại chủ nghĩa Mác. — 121, 151, 152, 153, 157, 158, 161 - 162, 172 - 173, 174, 175, 176, 177 - 178, 182, 191, 193, 194, 195, 201 - 202, 211, 215 - 216, 217, 218, 219, 221, 231, 260 - 261, 262, 264 - 265, 266 - 267, 273 - 274, 278.

Hen-xơ (Helms), *Ê-mi-lơ* là người theo chủ nghĩa xã hội giảng đường Đan-mạch, tác giả cuốn "Die sozialdemokratische und gewerschaft - liche Bewegung in Dänemark" ("Đảng dân chủ - xã hội và phong trào nghiệp đoàn ở Đan-mạch"), xuất bản ở Lai-pích năm 1907. — 283.

Hen-ri-ghen (Hellriegel) *Héc-man* (1831 - 1895) là nhà hoá học nông nghiệp nổi tiếng Đức, lập luận một cách khoa học rằng những vi khuẩn sống trong rễ cây đậu có quan hệ với khí đạm trong không khí, vì đối với cây đậu, không khí là nguồn tạo ra khí đạm. Những năm 1856 - 1873 lãnh đạo trạm thí nghiệm ở Đam (Phổ), và từ năm 1882 — phụ trách trạm thí nghiệm ở Béc-nơ-buốc.

Những tác phẩm chính của Hen-ri-ghen là: "Beitrage zu den naturwissenschaftlichen Grundlagen des Ackerbaues mit besonderer Rücksicht auf die agrikulturchemischen Methoden der Sandkultur" ("Tài liệu về cơ sở khoa học tự nhiên của nông nghiệp, đặc biệt về các phương pháp hóa học - nông nghiệp trong việc nghiên cứu đất pha cát"); cùng với N. Vin-phác-tơ đã viết cuốn "Untersuchungen über die Stickstoffnarung der Gramineen und Leguminosen" ("Nghiên cứu về sự sinh dưỡng khí đạm của các cây cỏ và những cây có hạt"). — 180.

Hê-ghen (Hegel), *Gioóc-giơ Vin-hem Phri-đích* (1770 - 1831) là nhà triết học vĩ đại Đức — người theo chủ nghĩa duy tâm khách quan. Triết học của Hê-ghen là sự kết thúc và là đỉnh cao của chủ nghĩa duy tâm ở Đức hồi cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. Việc nghiên cứu sâu sắc và toàn diện phép biện chứng duy tâm là công lao

có tính chất lịch sử của Hê-ghen, phép biện chứng đó là một trong những nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Theo Hê-ghen thì toàn bộ thế giới tự nhiên, thế giới lịch sử và thế giới tinh thần đều không ngừng vận động, thay đổi, biến hoá và phát triển; song Hê-ghen lại coi thế giới khách quan và thực tại là sản phẩm của tinh thần tuyệt đối và ý niệm tuyệt đối. V. I. Lê-nin đã gọi ý niệm tuyệt đối là một sự bịa đặt có tính chất thần học của nhà duy tâm Hê-ghen. Mâu thuẫn sâu sắc giữa phương pháp biện chứng với quan điểm bảo thủ và siêu hình, mà thực chất của quan điểm đó là đòi chấm dứt sự phát triển, là một đặc điểm trong triết học của Hê-ghen. Xét theo quan điểm chính trị xã hội thì Hê-ghen là một phần tử phản động.

C. Mác, Ph. Ăng-ghen và V. I. Lê-nin đã cải biến một cách có phê phán phương pháp biện chứng của Hê-ghen, và sáng tạo ra phép biện chứng duy vật phản ánh các quy luật chung nhất về sự phát triển của thế giới khách quan và của tư duy con người.

Những tác phẩm chính của Hê-ghen là "Hiện tượng học tinh thần" (1806), "Khoa học lô-gích" (1812 - 1816), "Bách khoa toàn thư các bộ môn triết học" (1817), "Triết học pháp quyền" (1821). Những tác phẩm xuất bản sau khi Hê-ghen qua đời là: "Những bài giảng về lịch sử triết học" (1833 - 1836), "Những bài giảng về mỹ học hay là triết học nghệ thuật" (1836 - 1838). — 189.

Hê-khtơ (Hecht), *Mô-rit-xơ* là nhà kinh tế và nhà thống kê tư sản Đức, tác giả của nhiều sách chuyên đề về kinh tế nông dân: "Drei Dörfer der badischen Hard" ("Ba làng của vùng Hác-đơ ở Ba-đen") (1895), đã bảo vệ quan điểm của các nhà kinh tế tư sản về tính ổn định của nền kinh tế nhỏ trong chủ nghĩa tư bản. Bọn xét lại đã lợi dụng cuốn sách đó để chống lại chủ nghĩa Mác. — 191 - 192, 193 - 194, 195 - 197, 198 - 200, 222 - 223, 251, 260 - 261, 262, 278, 279 - 280.

Hu-skê (Huschke), *Lê-ô* là nhà kinh tế tư sản người Đức, tác giả cuốn "Landwirtschaftliche Reinertrags-Berechnungen bei Klein-, Mittel- und Großbetrieb, dargelegt an typischen Beispielen Mittelthüringens" (1902) ("Sự tính toán số thu nhập rút ra từ nền tiểu, trung và đại sản xuất nông nghiệp, đã được xác định bằng các ví dụ điển hình của miền trung Ti-u-rin-gi-a"). — 214 - 215.

I

I-a-cô-ven-cô, V. I. (sinh năm 1859) là nhà chính luận, nhà thống kê của hội đồng địa phương; đã làm việc trong ban thường vụ thống kê của Hội đồng địa phương Mát-xcơ-va và Tve. Từ năm 1894 đến năm 1901,

đã lãnh đạo các công tác thống kê của Hội đồng địa phương Pê-téc-bua. Đã cộng tác với các tạp chí "Tin tức nước Nga", "Ký sự nước nhà", "Truyền tin miền Bắc". — 496.

I-a-cô-vlê-va, M (sinh năm 1883) là nữ công nhân nhà máy sản xuất con bài ở Pê-téc-bua, bà là một trong những người phụ nữ đã tham gia cuộc bãi công ở nhà máy Ô-bu-khốp năm 1901. — 360, 362.

I-an-xôn, I-u-E. (1835 - 1893) là nhà kinh tế và thống kê, giáo sư trường đại học tổng hợp Pê-téc-bua. Là uỷ viên hội đồng thống kê của Bộ nội vụ, phó chủ tịch uỷ ban thống kê tỉnh Pê-téc-bua, uỷ viên của Hội địa lý và kinh tế, viện sĩ thông tấn của Viện hàn lâm khoa học Nga (từ năm 1892). Ông tham gia nghiên cứu việc buôn bán lúa mì, tham gia uỷ ban nghiên cứu thủ công nghiệp, là người tổ chức việc kiểm tra dân số ở thủ đô và thống kê công tác vệ sinh. Tác giả các cuốn: "Bàn về ý nghĩa của học thuyết về tô của Ri-các-đô" (1864), "Thống kê có tính chất so sánh giữa nước Nga và các nước ở Tây Âu" (1878 - 1880), "Kinh nghiệm của việc nghiên cứu thống kê về phần đất chia và tiền trả của nông dân" (1877) và các tác phẩm khác. — 269 - 270.

I-gna-chi-ép, N. P. (1832 - 1908) là công tước, một trong những nhà hoạt động cực kỳ phản động của chính phủ Nga hoàng. Từ năm 1881, làm bộ trưởng Bộ nội vụ; tham gia đề xuất luận đề "về việc bảo vệ đặc biệt và được tăng cường", luận đề đó đã làm tăng cường rất mạnh chính quyền cảnh sát và sự chuyên quyền ở các địa phương. Hắn là một trong những người sáng lập ra "Đạo quân Thần thánh" — một tổ chức phản cách mạng để đấu tranh chống những người cách mạng. Sau năm 1905, cầm đầu các nhóm cực hữu trong tầng lớp quý tộc phản động đòi chính thể Nga hoàng huỷ bỏ những nhượng bộ mà nó đã thi hành trong thời kỳ cao trào cách mạng. — 56, 58, 82.

I-lin, Vl. — xem V. I. Lê-nin

I-u-dốp (Ca-bli - txơ, I. I.) (1848 - 1893) là nhà chính luận dân túy. Trong những năm 70, I-u-dốp tham gia phong trào "Thâm nhập vào quần chúng; trong những năm 80 và 90, trở thành nhà tư tưởng của phái dân túy tự do chủ nghĩa; đã cộng tác với tờ "Tuần lễ" của phái dân túy tự do chủ nghĩa. Những tác phẩm chính của I-u-dốp là: "Những nguyên lý của chủ nghĩa dân túy" (1882), — "Giới trí thức và nhân dân trong đời sống xã hội nước Nga" (1885). — 496.

I-va-nốp, C. V. là trung tá trợ lý của chủ nhà máy Ô-bu-khốp trong khi có làn sóng công nhân của công nhân nhà máy đó hồi tháng Năm 1901. — 20 - 21, 472.

I-va-nốp-xki, N. I. (1840 - 1913) là một trong những đại biểu cực kỳ phản động của giới tu hành chính giáo. Từ năm 1869, là giáo sư

Viện thần học Ca-dan, đã đấu tranh với mọi giáo phái chia rẽ khác, với những người theo nghi lễ cũ và những môn đồ của các giáo phái. — 414.

K

Kên-nan (Kennan), Gióoc-giơ (1845 - 1924) là nhà báo và nhà du lịch người Mỹ. Những năm 1865 - 1868 đã đi du lịch ở Xi-bi-ri và xuất bản cuốn "Cuộc sống du mục ở Xi-bi-ri" (bản dịch tiếng Nga, Xanh Pê-téc-bua, 1872), năm 1870, du lịch ở Cáp-ca-dơ, những năm 1885 - 1886 ông đã nghiên cứu cuộc sống của những người bị đày đi Xi-bi-ri và đã xuất bản cuốn "Xi-bi-ri và sự đi đày" (bản dịch ra tiếng Nga, Pa-ri - Luân-đôn, 1890), trong cuốn sách đó ông đã nêu lên những hoàn cảnh nặng nề của tù nhân chính trị. Cuốn sách đó đã bị chính phủ Nga hoàng cấm. Năm 1901, khi Kên-na trở lại Pê-téc-bua lần nữa, ông bị trục xuất ngay ra khỏi biên giới nước Nga. — 48.

L

La-ghéc-mác, G. L. (sinh năm 1843) là giáo sư hoá học hữu cơ ở trường đại học tổng hợp Khác-cốp, những năm 1889 - 1901, giữ chức giám đốc, đã giảng ở trường đại học thú y ở Khác-cốp và cuối năm 1902 thì về hưu. Xét theo các quan điểm chính trị thì La-ghéc-mác là một tên phản động, kẻ thù của phong trào tiến bộ xã hội. — 455.

Lan-xcôi, X. X. (1787 - 1862) là nhà hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng, bộ trưởng Bộ nội vụ (1855 - 1861). Trong thời kỳ đầu cuộc cải cách 19 tháng Hai 1861, là uỷ viên uỷ ban bí mật phụ trách công tác nông dân. Năm 1857, đưa ra dự thảo các cơ sở chủ yếu của việc bãi bỏ pháp quyền nông nô, trong đó kiến nghị giải phóng nông dân bằng cách chuộc lại. Dự thảo của Lan-xcôi đã có ảnh hưởng lớn đến tính chất ăn cướp và nông nô của cuộc cải cách. — 40.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825 - 1864) là nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Đức, người sáng lập ra một loại chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Đức — chủ nghĩa Lát-xan.

Lát-xan là một trong những người sáng lập ra "Tổng hội công nhân Đức" (1863). Việc thành lập Tổng hội có một ý nghĩa tích cực đối với phong trào công nhân, song khi Lát-xan được bầu làm chủ tịch Tổng hội, thì ông lại đưa Tổng hội đi theo con đường của chủ nghĩa cơ hội. Phái Lát-xan hạn chế mục đích đấu tranh của mình ở hoạt động tại nghị trường, hy vọng rằng bằng con đường tuyên truyền công khai cho quyền phổ thông đầu phiếu, bằng con

đường sáng lập các hội sản xuất được nhà nước giao-ke trợ cấp thì có thể thiết lập được một "nhà nước nhân dân tự do". Lát-xan ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền lãnh đạo của nước Phổ phản động. Chính sách cơ hội của phái Lát-xan là một trở ngại cho hoạt động của Quốc tế I và cho việc thành lập một đảng công nhân chân chính ở Đức, trở ngại cho việc giáo dục ý thức giai cấp cho công nhân.

Những sai lầm về mặt lý luận và chính trị của phái Lát-xan đã bị những tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nghiêm khắc phê phán (xem Các Mác. "Phê phán cương lĩnh Gô-ta", V. I. Lê-nin "Nhà nước và cách mạng" v. v.). — 450.

Lê-nin, V. I. (Vi. I-lin, Phrây) (1870 - 1924) — những tài liệu tiểu sử. — 88, 122, 284, 304, 305, 333, 431.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 - 1873) là nhà hoá học nổi tiếng người Đức, một trong những người sáng lập ra môn hoá nông nghiệp về môn thổ nhưỡng học, sáng lập "quy luật phục hồi" của các chất hữu cơ và khoáng chất ở trong đất. Các Mác đánh giá cao những tác phẩm của Li-bích. Những sách của ông đã được xuất bản bằng tiếng Nga "Phân nhân tạo hay là phân khoáng", "Những bức thư về hoá học", "Sách hướng dẫn về sự phân tích cơ thể", "Hóa học áp dụng vào nông nghiệp và sinh lý học" và các sách khác. — 136, 137, 184.

Li-u-bô-sin-xki, M. N. (1817 - 1889) trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành cải cách nông dân, là uỷ viên công tố chính của tiểu ban thứ nhất của Xê-nát. Đã đưa ra hàng loạt nhận xét về dự thảo điều lệ thủ tục tố tụng của công dân, đã làm cho chính phủ Nga hoàng không đồng tình. Những năm cuối cùng, ông đã làm chủ tịch hội đồng, phụ trách các công việc nhà tù. — 44.

Liép-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826 - 1900) là nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Đã tham gia tích cực cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng bị thất bại, ông phải lưu vong ra nước ngoài, lúc đầu ở Thụy-sĩ, về sau ở Luân-đôn, tại đây ông đã tiếp xúc với C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Do ảnh hưởng của Các Mác và Ph. Ăng-ghe-n ông đã trở thành người xã hội chủ nghĩa; sau khi hồi hương về Đức năm 1862 và khi Quốc tế I được thành lập ông là một trong những người tuyên truyền sôi sảng nhất những tư tưởng cách mạng của Quốc tế I và là người thành lập các chi bộ của Quốc tế cộng sản ở Đức. Từ năm 1875 và cho đến cuối đời, Liép-nếch là uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đảng

dân chủ - xã hội Đức và là tổng biên tập của tờ "Worärts" ("Tiến lên") cơ quan trung ương của Đảng. Từ năm 1867 đến năm 1870 là nghị sĩ Quốc hội miền Bắc Đức, và từ năm 1874, liên tục được bầu làm đại biểu Quốc hội Đức, ông đã khéo biết lợi dụng diễn đàn quốc hội để vạch trần chính sách đối nội và đối ngoại phản động của bọn giao-ke Phổ. Vì hoạt động cách mạng nên nhiều lần ông bị kết án tù. Liép-nếch đã tham gia vào việc tổ chức Quốc tế II. Mác và Ăng-ghe-n đã đánh giá cao Liép-nếch và hướng dẫn sự hoạt động của ông, nhưng đồng thời cũng nghiêm khắc phê phán chính sách thoả hiệp của ông đối với các phần tử cơ hội chủ nghĩa. — 6.

Lô-khtin, V. M. (1849 - 1919) là cán bộ kỹ thuật ngành thuỷ lực và nhà thuỷ lực học. Những năm 1892 - 1899 phụ trách giao thông khu vực Ca-dan. Tháng Mười 1901, đã bị gọi ra toà với tư cách là nhân chứng để xét vụ lạm dụng quyền hạn của các kỹ sư giao thông ở Vôn-ga. Trước đó chính bản thân Lô-khtin cũng đã từng lạm dụng nhưng không phải đưa ra toà. — 401, 402.

Lô-rít - Mê-li-cốp, M. T. (1825 - 1888) là bá tước, viên tướng, tháng Hai 1880, giữ chức chủ tịch "ủy ban quản lý tối cao về việc bảo vệ trật tự xã hội và sự bình yên của xã hội", từ Tháng Tám 1880, làm bộ trưởng Bộ nội vụ. Có đặc điểm là biết che đậy những hành động phản động của mình bằng chính sách mỵ dân của phái tự do chủ nghĩa. Người ta đặt cho chính sách của Lô-rít - Mê-li-cốp cái tên là chính sách "mỡm chó sói" và "cái đuôi con cáo", trong thời kỳ làm bộ trưởng được báo chí gọi với cái tên mỉa mai là "chuyên chính của tấm lòng". Sau ngày 1 tháng Ba 1881, khi chính phủ Nga hoàng chấm dứt chính sách quanh co của mình thì Lô-rít - Mê-li-cốp từ chức. — 50 - 53, 54, 82.

Lơ-roa - Bô-li-ơ (Leroy - Beaulieu), A-na-tôn (1842 - 1912) là nhà chính luận tự do chủ nghĩa người Pháp, giáo sư sử học. Từ năm 1872 đến năm 1881, đã bốn lần ở Nga, ông đã viết cuốn "L'Empire des Tsars et Russes" ("Đế quốc của Nga hoàng và những người Nga") nói về chế độ nhà nước và xã hội Nga. Ông đã viết nhiều tác phẩm về các vấn đề lịch sử, kinh tế và quan hệ quốc tế của các nước châu Âu. — 40.

M

Ma-ca-rốp, V. A. là kỹ sư đường sá; thời kỳ đầu những năm 900 phụ trách giao thông khu vực Ca-dan. Đã bị gọi ra toà với tư cách là nhân chứng để xét vụ lạm dụng quyền hạn của các kỹ sư giao thông ở Vôn-ga tháng Mười 1901. — 402.

Ma-xlốp, P. P. (1867 - 1946) là nhà kinh tế học người Nga, người dân chủ - xã hội, ông đã viết nhiều tác phẩm về vấn đề ruộng đất, trong các tác phẩm đó ông có ý định xét lại chủ nghĩa Mác; cộng tác với các tạp chí "Đời sống", "Bước đầu" và "Bình luận khoa học". Sau khi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bị phân liệt, ông gia nhập phái men-sê-vích, ông đã đưa ra cương lĩnh men-sê-vích về "thị hữu hoá" ruộng đất. Trong những năm phản động ông là người thuộc phái thủ tiêu, trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất là người theo chủ nghĩa xã hội - số - vanh. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, ông từ bỏ những hoạt động chính trị mà làm công tác giáo dục và khoa học. Từ năm 1929, là viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học Liên-xô. — 148, 165, 287- 288.

Ma-cơ (Mack), P. là địa chủ ở miền Đông Phổ, tác giả của công trình nghiên cứu về vai trò của kỹ thuật máy móc và điện khí hóa trong nông nghiệp. — 165 - 166, 168 - 169.

Mác (Marx), Céc (1818 - 1883) là người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, nhà tư tưởng thiên tài, ông tổ của môn khoa học cách mạng, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế (xem bài "C. Mác, sơ lược tiểu sử, kèm theo sự trình bày chủ nghĩa Mác" của V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 21, tr. 39 - 40). — 88, 125, 130, 133 - 135, 136, 137, 138, 140, 141 - 142, 143, 145 - 146, 147, 154, 156 - 157, 166, 183, 184, 187, 223, 279, 285, 287, 319, 451, 494.

Mác-tư-nốp, A. X. (1865 - 1935) là người tham gia các nhóm dân ý trong những năm 80, sau nhiều cuộc đàn áp liên tục, ông phải lưu vong ra nước ngoài, ở nước ngoài ông trở thành một trong những nhà lý luận của "phái kinh tế" và là biên tập viên tờ "Sự nghiệp công nhân". Tại Đại hội lần thứ II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông gia nhập phái men-sê-vích và trở thành một trong những thủ lĩnh của phái này. Trong những năm phản động, là người thuộc phái thủ tiêu. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, là người men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế. Do ảnh hưởng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, ông đã từ bỏ phái men-sê-vích và đến năm 1923, tại Đại hội XII của Đảng, ông đã gia nhập Đảng cộng sản Nga (b). Công tác tại Viện Mác - Ăng-ghen, và từ tháng Giêng 1924, là uỷ viên ban biên tập tạp chí "Quốc tế cộng sản." — 338, 448.

Man-tuyt (Malthus), Tô-mát Rô-bốt (1766 - 1834) là nhà kinh tế học tư sản phản động Anh, một trong những người sáng lập thuyết nhân khẩu, một thuyết thù ghét nhân loại. Trong tác phẩm "Thứ

bản về quy luật nhân khẩu" (1798), Man-tuyt đã cố gắng chứng minh rằng nguyên nhân của nạn nhân khẩu thừa và tình trạng nghèo nàn của người lao động không phải là do những điều kiện kinh tế dưới chế độ tư bản mà là do thiên nhiên, do sự thiếu thốn tuyệt đối về những tư liệu sinh hoạt trên trái đất gây nên. Theo "học thuyết" — sơ đồ của Man-tuyt thì việc sản xuất ra tư liệu sinh hoạt hình như chỉ tăng theo cấp số cộng, trong khi đó dân số lại tăng theo cấp số nhân. Viện cố đó, Man-tuyt đã biện hộ cho chiến tranh và các nạn dịch, coi đó là phương tiện để giảm bớt dân số; Man-tuyt kêu gọi nhân dân lao động không nên kết hôn. Mác viết: "Khi đưa ra những kết luận về các vấn đề khoa học, Man-tuyt đã rụt rè "liếc nhìn" giai cấp thống trị nói chung, và "liếc nhìn" những phần tử phản động trong các giai cấp thống trị đó nói riêng; mà như thế có nghĩa là: Man-tuyt xuyên tạc khoa học vì lợi ích của các giai cấp đó" (C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư", tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1969, quyển IV của bộ "Tư bản", phần hai, tr.162). Ở nước Nga, Xtơ-ru-vê và Bun-ga-cốp v. v. đã đi theo quan điểm của Man-tuyt. Giai cấp tư sản đế quốc hiện đại đang làm sống lại các học thuyết Man-tuyt, dùng những thuyết đó làm vũ khí đấu tranh chống lại nhân dân lao động và biện hộ cho chính sách đế quốc chủ nghĩa. — 134, 137.

Mi-khai-lô-va, P. là nữ công nhân của một quán rượu vang, người chứng kiến các sự kiện tháng Năm tại nhà máy Ô-bu-khốp ở Pê-téc-bua năm 1901. — 360.

Mi-khai-lốp, M. I. (1826 - 1865) là nhà cách mạng Nga, nhà thơ, nhà chính luận và dịch giả, bạn của N. G. Tséc-nư-sép-xki và N. A. Đô-brô-li-u-bốp. Năm 1861, ở Luân-đôn ông đã xuất bản truyền đơn nhan đề "Gửi thế hệ trẻ" và truyền bá nó ở nước Nga. Năm 1862, do sự tố giác của một tên khiêu khích, ông đã bị bắt và kết án khổ sai, ông đã chết ở đó vì bệnh lao. — 33.

Mi-khai-lốp-xki, N. C. (1842 - 1904) là nhà lý luận nổi tiếng của phái dân túy tự do chủ nghĩa, nhà chính luận, nhà phê bình văn học, nhà triết học thực chứng chủ nghĩa, một trong những đại biểu của trường phái chủ quan trong xã hội học. Mi-khai-lốp-xki bắt đầu hoạt động văn học từ 1860; năm 1868, là cộng tác viên và về sau là một trong những biên tập viên của tạp chí "Ký sự nhà nước". Năm 1892, chủ bút tạp chí "Của cải nước Nga" Mi-khai-lốp-xki, đã dùng tạp chí này để chống lại chủ nghĩa Mác một cách hằn thù gay gắt. V. I. Lê-nin đã phê phán những quan điểm của Mi-khai-lốp-xki, trong tác phẩm "Những "người bạn dân"

là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?" (1894) và trong các tác phẩm khác. — 178, 494, 496.

Mi-li-u-tin, Đ. A. (1816 - 1912) là bá tước, viên tướng, nhà hoạt động nhà nước và quân sự nổi tiếng của nước Nga. Từ năm 1861 đến năm 1881 là bộ trưởng Bộ chiến tranh; những cải cách quân sự tư sản đã gắn liền với những hoạt động của ông. Mi-li-u-tin là tác giả những tác phẩm về thống kê quân sự và lịch sử quân sự. — 68.

Mi-li-u-tin, N. A. (1818 - 1872) (em trai của Mi-li-u-tin, Đ. A.) là bá tước, người đã lãnh đạo việc khởi thảo dự luật 19 tháng Hai 1861, cho rằng có thể củng cố được chế độ Nga hoàng bằng cách thi hành những cải cách tự do ôn hoà; là kẻ thù của phong trào cách mạng, tham gia tích cực vào việc chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở Ba-lan năm 1863. Đã viết hàng loạt tác phẩm thống kê. — 40.

Muyn-béc-gơ (Mülberger), *Ác-tuya* (1847 - 1907) là bác sĩ người Đức, nhà xã hội chủ nghĩa tâm thường, môn đồ của Pru-đông, tác giả các bài báo nói về vấn đề nhà ở, đăng trên báo "Volksstaat" ("Nhà nước nhân dân"), đã bị Ph. Ăng-ghen phê phán nghiêm khắc; cộng tác viên của tạp chí cơ hội chủ nghĩa "Die Zukunft" ("Tương lai"), cơ quan ngôn luận của cánh hữu của Đảng dân chủ - xã hội Đức. — 189.

N

N. — *ôn, Ni-cô-lai* — *ôn* — xem Đa-ni-en-xôn, N. Ph.

Na-pô-lê-ông III (Bô-na-pác-tơ, Lu-i) (1808 - 1873) — là hoàng đế Pháp từ năm 1852 đến 1870, cháu của Na-pô-lê-ông I, sau thất bại của cuộc cách mạng năm 1848 được bầu làm tổng thống nước Cộng hoà Pháp; đem mộng 2 tháng Chạp 1851, Na-pô-lê-ông tiến hành cuộc đảo chính. Mác đã đánh giá cuộc đảo chính đó trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (C. Mác, Ph. Ăng-ghen, tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, t. I, tr. 286 - 415). — 91.

Ni-ca-nô (*Ca-men-xki, N. T.*) (1847 - 1910) là một trong những đại biểu của các nhóm phản động trong giới tu hành chính giáo, tác giả nhiều cuốn sách về các vấn đề giáo hội, trong những năm 1901 - 1902 làm giáo chủ ở Ô-ri-ôn. — 414.

Ni-cô-lai I (*Rô-ma-nốp*) (1796 - 1855) là hoàng đế Nga (1825 - 1855). — 36.

Ni-cô-lai II (*Rô-ma-nốp*) (1868 - 1918) là hoàng đế Nga cuối cùng (1894 - 1917), đã bị bắn ngày 17 tháng Bảy 1918 ở Ê-ca-tê-rin-bua

(Xvéc-lốp) theo sắc lệnh của Xô-viết đại biểu công nhân và binh lính vùng U-ran. — 60, 67, 68, 113, 434, 438.

Ni-ki-ten-cô, A. V. (1805 - 1877) là nhà nghiên cứu lịch sử văn học Nga, viện sĩ Viện hàn lâm. Xét về quan điểm chính trị, Ni-ki-ten-cô là người thuộc phái tự do ôn hoà. Tác giả tập hồi ký "Ghi chép và nhật ký. Chuyện ngắn của tôi về chính bản thân tôi và về cái gì tôi đã "chứng kiến trong cuộc sống"" (Xanh Pê-téc-bua, 1893), nội dung chứa đựng nhiều tài liệu có giá trị về đặc điểm của thời đại thịnh trị của Ni-cô-lai I và A-lếch-xan-đrơ II. — 45.

Nô-vô-xê-lốp, M. A. là phó tiến sĩ thần học. — 414

O

Oa-lê-xơ (Wallace), *Đô-nan Mê-ken-di* (1841 - 1919) là một nhà văn và nhà báo người Anh. Là phóng viên của tờ "Times", ở nhiều nước, trong đó có nước Nga. Năm 1891 - 1899 phụ trách bộ phận nước ngoài của tờ "Times", sau đó tham gia việc xuất bản bách khoa toàn thư của nước Anh. Tác giả cuốn sách nói về nước Nga "Russia" (1877). — 476.

Oe-xơ (West), *Ê-đu-a* (1782 - 1824) là nhà kinh tế học người Anh, một trong những đại biểu của chính trị kinh tế học tư sản cổ điển. Năm 1815, xuất bản cuốn "Essay on the application of capital to land" ("Thử bàn về việc đầu tư tư bản vào ruộng đất") mà trong đó, trước đây Ri-các-đô đã phát triển quy luật về địa tô. Đồng thời Oe-xơ mưu toan giải thích sự bần cùng và phá sản của những người lao động trong chế độ tư bản chủ nghĩa bằng "các quy luật tự nhiên" về sự hạ thấp năng suất của ruộng đất và đã cùng với Man-tuyt và Ri-các-đô nêu ra cái "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" giả danh khoa học. — 134, 137.

Ô

Ô-bô-len-xki, I. M. (1845 - 1910) là công tước. Từ đầu những năm 90 ở tỉnh Khéc-xôn, về sau ở tỉnh Khác-cốp, là tỉnh trưởng, một trong những người ủng hộ cuồng nhiệt và là người phụ trách thực hiện chính sách của Nga hoàng đối với những người bị đói; bằng mọi cách cố tình không nói đến sự nghèo đói của nhân dân, cấm đoán những ai tỏ ra muốn giúp đỡ nông dân. Có đặc điểm là đàn áp rất dã man các cuộc nổi dậy của nông dân ở tỉnh Khác-cốp năm 1902, đã đàn áp khốc liệt trong tất cả các làng mạc. Năm 1904, giữ chức tướng - thống đốc Phần-lan, tháng Mười 1905, đàn áp khốc liệt

cuộc khởi nghĩa cách mạng ở Hen-xinh-pho, sau đó thì từ chức. — 366 - 367, 368 - 369.

Ô-bru-tsep, V. A. (1836 - 1912) là người tham gia phong trào dân chủ - cách mạng trong những năm 60, nhà chính luận cùng cộng tác với N. G. Tséc-nư-sép-xki và N. A. Đô-brô-li-u-bốp trong tạp chí "Người đương thời". Đã tham gia việc tuyên truyền tờ truyền đơn bí mật "Đại Nga", vì thế năm 1862, ông bị đày đi Xi-bi-ri, sau khi được tha ông công tác tại cơ quan hàng hải và năm 1906, thì từ chức. — 32.

Ôm là cộng tác viên của tờ "Khu Pri-a-dốp", — 383.

P

Pan-tê-lê-ép, L. Ph (1840 - 1919) là nhà văn người Nga, nhà chính luận và nhà hoạt động xã hội, người đã tham gia phong trào cách mạng trong những năm 60, trong các năm 1861 - 1892 tham gia nhóm "Ruộng đất và tự do", vì vậy ông bị kết án 6 năm tù khổ sai, sau đó đã bị phát vãng đi Xi-bi-ri. Sau khi hết hạn tù ông trở về Pê-téc-bua, hợp tác với một số tạp chí. Năm 1901, vì đã ký tên vào một bức thư phản đối của các nhà văn chống lại sự tàn sát những người biểu tình ngày 4 tháng Ba tại quảng trường Ca-dan nên bị chính quyền trục xuất ra khỏi Pê-téc-bua ba năm. Về sau tham gia đảng dân chủ - lập hiến và hoạt động trong ngành xuất bản. Tác giả cuốn hồi ký về phong trào xã hội trong những năm 60. — 34.

Pê-ren-xơ (Perels), *Ê-mi-lơ* (1837 - 1893) là giáo sư người Đức, chuyên gia về ngành cơ khí nông nghiệp và cải tạo đất đai. Đã giảng dạy ở nhiều trường cao đẳng ở Béc-lanh, Han-lơ và Viên, tác giả các cuốn sách về cơ khí nông nghiệp. — 153.

Pê-rê-véc-dép, Đ. là linh mục ở tỉnh Ô-ri-ôn. — 416.

Phi-la-rết (*Đrô-dơ-dốp*, V. M.) (1782 - 1867) là một trong những đại biểu cực kỳ phản động của nhà thờ chính giáo Nga, người bảo vệ một cách mù quáng chế độ nông nô. Từ năm 1826, là tổng giám mục ở địa phận Mát-xcơ-va. Được sự uỷ nhiệm của A-lếch-xan-đrơ II, biên soạn bản tuyên ngôn của chính phủ Nga hoàng, ngày 19 tháng Hai 1861, về việc bãi bỏ pháp quyền nông nô ở Nga. — 418.

Phrây — xem Lê-nin, V. I.

Phuy-linh (Fühling), *Giô-han Giô-dép* (1823 - 1884) là chuyên gia về kinh tế và cơ khí nông nghiệp người Đức. Từ năm 1864, xuất bản tờ "Fühling's landwirtschaftliche Zeitung" ("Báo nông nghiệp Phuy-linh"). Trong những năm 1872 - 1880 là giáo sư trường đại học Gây-đen-bua. Tác giả cuốn "Ökonomie der Landwirtschaft" ("Kinh tế nông nghiệp"). — 153.

Pi-xa-rép, Đ. I. (1840 - 1868) là nhà dân chủ cách mạng và nhà phê bình văn học nổi tiếng người Nga, nhà triết học duy vật. Năm 1861, sau khi tốt nghiệp trường đại học Pê-téc-bua, ông trở thành người lãnh đạo thực sự của tạp chí tiến bộ lúc bấy giờ — tờ "Tiếng nói nước Nga". Ngày 2 tháng Bảy 1862, bị bắt vì một bài báo đã kêu gọi lật đổ chế độ chuyên chế. Pi-xa-rép bị tù 4 năm rưỡi tại pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xcơ, tại đây ông đã viết nhiều bài báo về các vấn đề văn học, vạn vật học và triết học, Tháng Mười một 1866, sau khi được tha, ông cộng tác với các tạp chí "Sự nghiệp" và "Ký sự nước nhà". Trong các tác phẩm của mình, Pi-xa-rép đã lột mặt nạ cả chế độ nông nô lẫn chủ nghĩa tư bản Tây Âu, tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ mục tiêu cách mạng là cải tạo xã hội, nhưng trong vấn đề này ông không đánh giá hết được vai trò của quần chúng nhân dân, ông đã xa rời chủ nghĩa dân chủ - cách mạng. Trong các tác phẩm văn học, Pi-xa-rép đã đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật để phê phán triết học duy tâm, vạch trần mỹ học phản động, "nghệ thuật thuần túy", ông đã nhấn mạnh ý nghĩa xã hội của văn học và nghệ thuật, tầm quan trọng của chân lý cuộc sống trong nghệ thuật và việc phục vụ nhân dân của nó.

Pi-xa-rép đấu tranh liên tục chống chủ nghĩa tự do; những bài báo hấp dẫn của ông có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành các quan điểm cách mạng của những phân tử tiên tiến trong xã hội Nga. — 495.

Plê-kha-nốp, G. V. (1856 - 1918) là một trong những nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Nga và quốc tế, nhà tuyên truyền chủ nghĩa Mác đầu tiên ở Nga, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh không khoan nhượng cho thế giới quan duy vật. Năm 1875, khi còn là sinh viên, Plê-kha-nốp đã quan hệ với phái dân túy, với công nhân Pê-téc-bua và tham gia các hoạt động cách mạng. Năm 1877, tham gia tổ chức dân túy "Ruộng đất và tự do", năm 1879, sau khi tổ chức đó bị phân liệt, một lần nữa ông trở thành người đứng đầu tổ chức mới "Chia đều ruộng đất" của phái dân túy. Năm 1880, lưu vong ra nước ngoài, Plê-kha-nốp đã đoạn tuyệt với phái dân túy và tới năm 1883, thành lập tổ chức mác-xít Nga đầu tiên ở Giơ-ne-vơ — nhóm "Giải phóng lao động". Đầu những năm 90, Plê-kha-nốp cùng với V. I. Lê-nin biên tập tờ "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh", ông đã tham gia việc khởi thảo dự án cương lĩnh của đảng và việc chuẩn bị cho Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Plê-kha-nốp viết nhiều tác phẩm về triết học, về lịch sử các học thuyết chính trị - xã hội, về các vấn đề lý luận nghệ thuật và văn hóa, những tác phẩm ấy là một

cống hiến quý báu trong kho tàng của chủ nghĩa xã hội khoa học. Những tác phẩm lý luận quan trọng của Plê-kha-nốp là "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị" (1883), "Những sự bất đồng giữa chúng ta" (1885), "Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật" (1896), "Bản về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử" (1895), "Sự luận chứng chủ nghĩa dân túy trong các tác phẩm của ông Vô-rôn-txốp (V. V)" (1896), "Bản về quan niệm duy vật lịch sử" (1897) và các tác phẩm khác. V. I. Lê-nin viết: "Trong 20 năm (1883 - 1903), Plê-kha-nốp đã viết nhiều tác phẩm xuất sắc, đặc biệt chống lại phái cơ hội chủ nghĩa, phái Ma-khơ và phái dân túy" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, t. 20, tr. 416) Lê-nin đã coi những tác phẩm triết học của Plê-kha-nốp là những tác phẩm kiệt xuất trong kho tàng sách báo mác-xít quốc tế.

Song Plê-kha-nốp đã mắc những sai lầm nghiêm trọng mà những sai lầm đó là mầm mống của các quan điểm men-sê-vích sau này của ông. Plê-kha-nốp đã không đánh giá đúng vai trò cách mạng của nông dân, coi giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa là bạn đồng minh của giai cấp công nhân. Trên lời nói, Plê-kha-nốp thừa nhận tư tưởng bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, nhưng trong việc làm thì chống lại thực chất của tư tưởng đó.

Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Plê-kha-nốp đã giữ lập trường thoả hiệp với bọn cơ hội chủ nghĩa, về sau thì ngã theo phái men-sê-vích. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907, Plê-kha-nốp có những mâu thuẫn lớn với phái bôn-sê-vích về các vấn đề cơ bản thuộc sách lược. Về sau, có đôi lần ông từ bỏ phái men-sê-vích và tỏ ra ngả nghiêng giữa chủ nghĩa men-sê-vích và chủ nghĩa bôn-sê-vích. Trong những năm 1908 - 1912, Plê-kha-nốp chống lại phái thủ tiêu và lãnh đạo, "nhóm men-sê-vích ủng hộ đảng". Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 - 1918, ông đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Sau cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai 1917, Plê-kha-nốp trở về Nga, ủng hộ Chính phủ tư sản lâm thời. Plê-kha-nốp hoàn toàn phủ nhận cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại — 351, 452.

Prê-ô-bra-gien-xki, I. là tác giả của những bức thư gửi cho tổng giám mục Am-vrô-xi ở Khắc-cốp, đã đăng trong tạp chí "Lòng tin và Lý trí", số 8, năm 1901. — 418.

Prinh-xhêm (Pringsheim) *Ô-tô* (sinh năm 1860) là nhà kinh tế học tư sản Đức, chuyên gia về các vấn đề áp dụng điện kỹ thuật trong nông nghiệp — 165 - 166, 168, 169 - 170.

Pu-đo (Pudor), *Hen -rích* (sinh năm 1855) là chính khách tư sản người Đức, cộng tác viên và người xuất bản nhiều tạp chí phản động của những người thuộc phái hữu. V. I. Lê-nin đã gọi Pu-đo là "kẻ thù nguy hiểm của chủ nghĩa Mác". — 304, 312 - 313.

R

R. M. là tác giả bài báo của phái cơ hội chủ nghĩa "Thực tế của chúng ta", đăng trong "Phụ trương riêng của tờ "Tư tưởng công nhân" ra tháng Chín 1899 — 72.

R. N. X. — xem Xơ -ru-vê, P. B.

Ra-đi-sép, A. N. (1749 - 1802) là nhà văn nổi tiếng người Nga, người tuyên truyền tư tưởng tiến bộ cách mạng, tác giả tác phẩm nổi tiếng "Cuộc hành trình từ Pê-téc-bua đến Mát-xcơ-va" in bí mật năm 1790 với số lượng 650 bản. Cuốn sách đó đã vạch trần chế độ nông nô chuyên chế và tình cảnh nặng nề của nhân dân Nga, nó cũng là đòn tiến công khai đầu tiên trong văn học Nga chống lại pháp quyền nông nô mà nội dung là lời kêu gọi thiết tha hưởng về cuộc cách mạng nhân dân và lật đổ chế độ Nga hoàng.

Theo lệnh của Ê-ca-tê-ri-na II, Ra-đi-sép đã bị bắt, bị giam trong pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xcơ và bị kết án tử hình, sau giảm xuống 10 năm phát vãng ở Xi-bi-ri (ở thành I-lim-xcơ), và cuốn sách đó của ông đã bị thiêu huỷ. Trong khi đi đày, Ra-đi-sép đã viết văn tập triết học "Về con người, về cái chết và cái bất tử của nó" và các tác phẩm khác. Năm 1796, được ân xá, Ra-đi-sép ra khỏi nơi lưu đày và trở về sống ở làng Nhem-tô -vô, thuộc tỉnh Ca-lu-xki dưới sự theo dõi nghiêm ngặt của cảnh sát. Năm 1801, Ra-đi-sép được quyết định trở về Pê-téc-bua, ông được phép làm việc trong uỷ ban biên soạn một bộ luật, tại uỷ ban ông đã đưa ra đề nghị thay đổi lập tức pháp quyền nông nô, và ban bố quyền bình đẳng cho tất cả các đẳng cấp trước pháp luật. Trước nguy cơ của những cuộc truy lùng mới của chính phủ Nga hoàng ông đã tự sát. Trong các tác phẩm khoa học của mình, Ra-đi-sép là hiện thân một nhà bác học vĩ đại, nhà tư tưởng duy vật và nhà yêu nước nhiệt tình của đất nước; cùng với M. V. Lô-mô-nô-xốp, Ra-đi-sép là một nhà sáng lập ra triết học duy vật Nga. Những tác phẩm và hoạt động của Ra-đi-sép đã đóng vai trò to lớn trong việc phát triển phong trào cách mạng giải phóng ở Nga. — 36.

Ri-a-bu-sin-xki, P.P. (sinh năm 1871) là chủ nhà băng và nhà công nghiệp lớn ở Mát-xcơ-va, một trong những kẻ cầm đầu cuộc

phản cách mạng. Từ năm 1907, xuất bản tờ "Buổi sáng nước Nga" đại biểu cho lợi ích của giai cấp đại tư sản. Tháng Tám 1917, đề đoạ đàn áp cách mạng bằng "bàn tay xương xẩu của nạn đói", Ri-a-bu-sin-xki là một trong những người cổ vũ và tổ chức phái Coóc-ni-lốp phản cách mạng. Sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, lưu vong sang Pháp, tại đây, Ri-a-bu-sin-xki tiến hành hoạt động phản cách mạng chống lại nhà nước Xô-viết — 105.

Ri-a-da-nốp, D. B (Gôn-đen-đác) (1870 - 1938) đã tham gia phong trào cách mạng từ những năm 90, tiến hành công tác đảng ở Ô-đét-xa, Pê-téc-bua và ở nước ngoài. Sau khi ra nước ngoài, giữ thái độ trung lập giữa những người cách mạng tham gia nhóm "Tia lửa" và phái kinh tế; là một trong những người sáng lập ra nhóm "Đấu tranh" của những người cơ hội chủ nghĩa ở nước ngoài. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất là người thuộc phái giữa, cộng tác viên của tờ "Tiếng nói" và "Tiếng nói của chúng ta" của phái Tô-rốt-xki - men-sê-vích. Sau cuộc Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai trở về Nga, tham gia phong trào nghiệp đoàn, gia nhập Đảng cộng sản Nga (bôn-sê-vích). Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, là người ủng hộ việc thành lập "chính phủ xã hội chủ nghĩa thống nhất" có sự tham gia của những đảng viên men-sê-vích và đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Làm công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lịch sử đảng và phong trào công nhân quốc tế, giám đốc Viện Mác - Ăng-ghen. Năm 1931, bị khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản Liên-xô. — 494 - 496.

Ri-các-đô (Ricardo), *Đa-vít* (1772 - 1823) là nhà kinh tế học nổi tiếng người Anh, tác giả các tác phẩm "Nguyên lý của chính trị kinh tế học và thuế má" (1817), "Về sự bảo trợ nông nghiệp" (1822), và các tác phẩm khác, trong đó chính trị kinh tế học cổ điển của giai cấp tư sản đã đạt đến đỉnh cao nhất. Ri-các-đô đã bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của nó chống lại những tàn dư phong kiến, kiên trì nguyên tắc tự do cạnh tranh, đòi thủ tiêu mọi sự hạn chế nhằm kìm hãm sự phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các tác phẩm của Ri-các-đô có ý nghĩa lịch sử đối với khoa học kinh tế, trước hết là ở chỗ ông đã nêu ra thuyết về giá trị của lao động, ông đã cố gắng lấy thuyết này xây dựng thành cơ sở cho toàn bộ chính trị kinh tế học. Khi phát triển học thuyết về giá trị của A. Xmit, Ri-các-đô chứng minh rằng: giá trị là do lao động đã hao phí trong sản xuất hàng hóa quyết định và lao động là nguồn gốc tạo ra tiền công của công nhân cũng như các khoản thu nhập của những người không lao động, như lợi nhuận và địa tô. Ri-các-đô đã phát hiện ra sự đối lập giữa tiền công của công nhân và lợi

nhuận của nhà tư bản, nghĩa là vạch rõ sự xung đột về lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trong phạm vi lưu thông.

Tuy nhiên sự hạn chế về mặt giai cấp đã làm cho Ri-các-đô không thể phân tích chủ nghĩa tư bản một cách thật sự khoa học và không thể vạch trần được bí mật của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Ri-các-đô cho rằng việc sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản là một hình thái tự nhiên và vĩnh cửu của nền sản xuất xã hội. Ông không vạch ra được tính chất xã hội của giá trị, không thấy được sự khác nhau giữa giá trị và giá cả trong sản xuất và cũng không thể hiểu được nguồn gốc và thực chất của tiền tệ.

C. Mác đã phê phán những quan điểm lý luận của Ri-các-đô trong bộ "Tư bản", trong cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư" và trong nhiều tác phẩm khác. — 133, 135, 137, 147.

Rích-tơ (Richter) *Ô-giê-ni* (1838 - 1906) là một trong những thủ lĩnh của "đảng của những người tự do tư tưởng". Đức, biểu hiện những quan điểm của giai cấp tư sản, tự do, kẻ thù nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội, đã tuyên truyền cho cái khả năng dung hòa về quyền lợi giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Tác giả bài báo công kích "Sozialdemokratische Zukunftsbilder" ("Những bức tranh dân chủ - xã hội trong tương lai") có khuynh hướng chống lại những người dân chủ - xã hội. Trong cuốn sách đó, khi kể một câu chuyện hoang đường về "A-gơ-nê-xơ bunn xinn", Rich-tơ cố tình chứng minh về sự bình đẳng giữa những người lao động và những người tư sản. Những người dân chủ - xã hội Đức đã đấu tranh không khoan nhượng với sự tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội của Rich-tơ. — 178.

Rô-be-xpi-e (Robespierre) *Mác-xi-mi-liêng Ma-ri I-di-đô* (1758 - 1794) là một trong những lãnh tụ của cách mạng tư sản Pháp hồi cuối thế kỷ XVIII, nhà lãnh đạo của chính phủ Gia-cô-banh, đại diện cho giai cấp tư sản dân chủ - cách mạng, cùng với quần chúng lao động chống lại cuộc phản cách mạng của chế độ phong kiến. Rô-be-xpi-e đã được đông đảo quần chúng nhân dân lao động biết đến. Do những tính cách của mình, Rô-be-xpi-e còn có tên là "người không thể mua chuộc được". Trong thời gian đảo chính phản cách mạng 27 tháng Bảy 1794 (ngày 9 tét-mi-đo theo lịch cộng hòa) chính phủ Gia-cô-banh bị lật đổ. Rô-be-xpi-e và các đồng chí của ông bị bắt và bị xử tử mà không qua xét xử. — 414.

Rô-giơ-đê-xtơ-ven-xki, P. là giám mục, chủ tịch đồng đạo Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xơ của Hội đồng chính giáo tỉnh Ô-rin-ôn và chủ tịch hội

nghe những người truyền giáo tỉnh Ô-ri-ôn. — 415 - 416, 417.

Rốt-di-an-cô, M. V. (1859 - 1924) là đại địa chủ, một trong những thủ lĩnh của đảng của giai cấp tư sản nông nghiệp và đại công thương nghiệp ("Hội liên hiệp 17 tháng Mười"), người theo chủ nghĩa quân chủ. Đầu những năm 900, là chủ tịch ủy ban ruộng đất tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, chủ tịch Đu-ma nhà nước III và IV, ủng hộ chính phủ Nga hoàng trong cuộc đấu tranh chống cách mạng. Trong thời kỳ Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai đã tổ chức ra "Ban chấp hành lâm thời", trung tâm phản cách mạng trong Đu-ma nhà nước, sau lại tổ chức ra "Hội nghị riêng biệt" của các ủy viên Đu-ma nhà nước; là một trong những kẻ cầm đầu bọn phản cách mạng Coóc-ni-lốp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, chạy theo Đê-ni-kin, âm mưu hợp nhất tất cả những lực lượng phản cách mạng để đấu tranh chống Chính quyền xô-viết, về sau lưu vong ra nước ngoài. — 407.

Rư-ma-ren-cô, X. (sinh năm 1839) là sinh viên của học viện phẫu thuật y học ở Pê-téc-bua, thành viên của hội "Ruộng đất và tự do", năm 1862, bị bắt cùng một lúc với N. G. Tséc-nư-sép-xki và N. A. Xéc-nô - Xô-lô-vi-ê-vích. Bị mất quyền cư trú trong các thành phố trung tâm và bị trục xuất ra khỏi thành phố Pê-téc-bua. — 35.

S

Sa-khốp-xcô-i, D. I. (sinh năm 1861) là bá tước, nhà hoạt động trong hội đồng địa phương, một trong những người tổ chức ra "Liên hiệp giải phóng" (1904 - 1905). Từ năm 1905, là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến, là đại biểu của Đu-ma nhà nước I và thư ký của Đu-ma đó. Từ tháng Năm đến tháng Sáu 1917, là bộ trưởng Bộ cứu tế quốc gia trong chính phủ liên hiệp lâm thời thứ nhất. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại làm việc trong tổ chức hợp tác xã xô-viết. — 114.

Sa-khốp-xcô-i, N. V. (1856 - 1906) là bá tước, chủ tịch ban kiểm duyệt Pê-téc-bua, người đứng đầu Sở báo chí; tác giả các cuốn: "Những nghề phụ trong nông nghiệp" (1896), "Sự tách rời nông nghiệp của nông dân" (1903). — 209.

Sê-đrin — xem Xan-tư-cốp - Sê-đrin, M. E.

Si-man (Schiemann), *Tê-ô-đo* (1847 - 1921) là nhà sử học tư sản người Đức, từ năm 1892 làm giáo sư trường đại học tổng hợp Béc-lanh, chuyên nghiên cứu về lịch sử Nga thế kỷ XIX, đã xuất bản tác phẩm văn học cổ điển Nga. — 39.

Sna-ken-bua, R. Kh. là kỹ sư, phụ trách phần dưới của thành phố thuộc khu vực Ca-dan của Bộ giao thông, năm 1901, bị đưa ra tòa vì đã lấy cắp tài sản của nhà nước. — 400 - 401, 402.

Spreng-ơ (Sprenger), *A. Ê.* là nhà kinh tế học tư sản người Đức, tác giả cuốn "Die Lage der Landwirtschaft in Baden" ("Tình hình nông nghiệp ở Ba-đen") (1884). — 224.

Stanh (Stein), *Hen-rích Phri-đrich Các-lơ* (1757 - 1831), năm 1804, được cử làm bộ trưởng Bộ tài chính Phổ. Sau khi nước Phổ đã bị quân đội của Na-pô-lê-ông đánh bại, tháng Mười 1807 ông là người đứng đầu chính phủ. Với mục đích khôi phục sức mạnh quân sự, kinh tế và chính trị của đất nước và ngăn ngừa nguy cơ các cuộc nổi dậy của nhân dân, trong một thời gian rất ngắn, đã tiến hành hàng loạt những cuộc cải cách tư sản có tính chất dung hòa như: đặt cơ sở cho việc giải phóng nông dân, tiến hành cải tổ cơ quan quản lý thành phố, bắt đầu tổ chức lại quân đội. Do yêu sách của tầng lớp gioong-ke đã bất bình về những cuộc cải cách đó, do đề nghị có tính chất bắt buộc của Na-pô-lê-ông, nên tháng Mười một 1808 ông đã bị cách chức và buộc phải chạy trốn sang Pra-ha, và năm 1812, dời đến Pê-téc-bua, tại đây ông trở thành cố vấn của A-lếch-xan-đrơ I. Stanh đã đóng vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh để giải phóng nước Đức khỏi ách thống trị của Pháp. — 477.

Stiéc-nơ (Stirner), *Mác-xơ* [Smit, Ca-xpa (Schmidt, Kaspar)] (1806 - 1856) là nhà triết học Đức, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản và chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1844 ông đã trình bày các quan điểm của mình trong cuốn "Der Einzige und sein Eigentum" ("Người duy nhất và sự sở hữu của nó"). C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã nhiều lần phê phán các quan điểm đó của Stiéc-nơ. — 460.

Stum-phê (Stumpfe), *Ê.* (sinh năm 1866) là viên quan nổi tiếng của cơ quan hành chính quản lý tài sản quốc gia ở Đức, tác giả cuốn "Über die Konkurrenzfähigkeit des kleinen und mittleren Grundbesitzes gegenüber dem Großgrundbesitz" ("Về khả năng cạnh tranh của các điền chủ loại nhỏ và loại trung với tầng lớp đại địa chủ"), đã đăng trong "Landwirtschaftliche Jahrbücher", Bd. 25, 1896 ("Niên giám nông nghiệp", t. 25, 1896) và các tác phẩm khác. Trong các tác phẩm của mình ông mưu toan chứng minh khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nhỏ với nền kinh tế lớn. — 153.

Su-va-lốp, A. P. (1861 - 1876) là bá tước, từ năm 1872, là người cầm đầu tầng lớp quý tộc ở Pê-téc-bua, người thuộc phái tự do ôn hòa, đã đấu tranh cho sự độc lập của các cơ quan hội đồng địa phương. Nghiên cứu các vấn đề kinh tế nông nghiệp, là tác

giả một loạt bài báo đã đăng trong tờ "Công trình nghiên cứu" của Hội kinh tế tự do. — 44.

T

Téc-náp-txép, V. A. — trong những năm 1902 - 1917, là công chức trong văn phòng hội thánh. — 414.

Ti-khô-mi-rốp, L. A. (1852 - 1923) là một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cách mạng trong những năm 70 và 80 thế kỷ XIX, về sau là một tên phản bội. Là thành viên của phái "Ruộng đất và tự do", là một trong những biên tập viên của cơ quan báo chí của phái. Từ năm 1879, là ủy viên Ban chấp hành phái "Dân ý", tác giả bức thư nổi tiếng của Ban chấp hành gửi nhà vua sau ngày 1 tháng Ba 1881 (xem tập này tr. 69). Năm 1883, lưu vong ra nước ngoài và làm chủ bút tờ "Truyền tin Dân ý". Năm 1888 ở Pa-ri, xuất bản cuốn "Vì sao tôi không làm một người cách mạng nữa", trong đó Ti-khô-mi-rốp đã từ bỏ những quan điểm cách mạng trước kia. Năm 1889, sau khi viết một lá thư thú tội gửi cho nhà vua, Ti-khô-mi-rốp đã trở về Nga và trở thành một người theo chế độ quân chủ và một tên phản động có tên tuổi cộng tác với tờ "Tin tức Mát-xcơ-va", "Thời mới", "Bình luận nước Nga". Từ năm 1917, từ bỏ hoạt động chính trị. — 48.

Ti-lơ (Thiel), Hu-gô (1839 - 1918) là đại địa chủ người Đức, giáo sư các trường đại học nông nghiệp Đác-mơ-sơ-tát và Muyn-khen. Từ 1897 lãnh đạo các trường đại học nông nghiệp ở Phổ; từ năm 1873 đến năm 1918 xuất bản tờ "Landwirtschaftliche Jahrbücher" ("Niên giám nông nghiệp"). — 202, 291.

Tôn-xtôi, Đ. A. (1823 - 1889) là bá tước, nhà hoạt động nhà nước phản động của nước Nga Nga hoàng. Năm 1865, giữ chức công tố ủy viên trưởng của hội thánh, và từ năm 1866 đồng thời giữ chức bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân, tiến hành nhiều cải cách phản động trong các trường tiểu học và trung học. Từ năm 1882, làm bộ trưởng Bộ nội vụ và là người chỉ huy bọn hiến binh, đưa ra cái "Thẻ lệ tạm thời" hà khắc, hết sức hạn chế tính tự chủ của các cơ quan hội đồng địa phương, chống lại mọi biểu hiện nhỏ nhất của tư tưởng tự do. — 58.

Tôn-xtôi, L. N. (1828 - 1910) là nhà văn thiên tài người Nga, một trong những nhà văn vĩ đại của thế giới, đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn học Nga và thế giới. Trong tác phẩm của mình, Tôn-xtôi đã làm sáng tỏ cuộc sống của nước Nga trước cách mạng, đã phản ánh những mâu thuẫn phức tạp trong thời gian đó, những

mâu thuẫn ấy đã xác định rõ tâm trạng của các giai cấp khác nhau và của các tầng lớp khác nhau trong xã hội Nga, trong thời đại sau cải cách, trước cách mạng và tính cách của họ trong cuộc cách mạng 1905-1907.

Tôn-xtôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình thuộc giới quý tộc lớp trên, đó là giai cấp thống trị nước Nga thời bấy giờ. Nhưng ông đã đoạn tuyệt với các quan điểm của giới mình và là một người tố cáo mạnh mẽ các trật tự kinh tế - xã hội và nhà nước đã được thiết lập trên sự nô lệ hoá và bóc lột quần chúng lao động; ông đã phá kịch liệt các giai cấp thống trị, vạch trần sự bất công của pháp quyền nhà nước, của tòa án, của đạo đức tư sản, v.v.. Tôn-xtôi đã kịch liệt phê phán nhà thờ, chỗ dựa của chế độ chuyên chế, ủng hộ và bào chữa cho ách áp bức và bóc lột, vì thế ông bị khai trừ giáo tịch. V. I. Lê-nin gọi Tôn-xtôi là "tám gương của cách mạng Nga". Khi đánh giá cái vĩ đại của nhà văn, đánh giá trình độ nghệ thuật thiên tài của ông, đánh giá ý nghĩa lớn lao của ông đối với văn học Nga và thế giới, Lê-nin đã chỉ ra rằng: thế giới quan của Tôn-xtôi đã phản ánh một cách rõ ràng những đặc điểm độc đáo của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất và cũng là một cuộc cách mạng tư sản nông dân; phản ánh những mâu thuẫn của cuộc cách mạng này, phản ánh mặt mạnh và mặt yếu của cách mạng.

Khi tố cáo sự độc tài của nền chuyên chế, đáng lẽ phải đấu tranh với chế độ nông nô và nhà nước cảnh sát chuyên chế thì Tôn-xtôi lại đi tuyên truyền cho cái "thuyết không chống lại sự độc ác bằng bạo lực", tuyên truyền cho việc từ bỏ chính trị, từ bỏ cách mạng, tuyên truyền việc hoàn thiện bản thân; lẽ ra phải đấu tranh chống lại tôn giáo thì ông lại tuyên truyền cho việc cần thiết phải thay đổi tôn giáo cũ bằng tôn giáo mới. Tôn-xtôi không thể hiểu được phong trào công nhân, không hiểu được nguyên nhân và tính tất yếu của cách mạng. Học thuyết của ông — "học thuyết Tôn-xtôi" có tính chất phản động và không tưởng, và đã gây nên tác hại sâu sắc cho phong trào cách mạng. V.I.Lê-nin đã dành nhiều tác phẩm để vạch rõ đặc điểm về thế giới quan của Tôn-xtôi và đánh giá toàn bộ những hoạt động của ông: "Lép Tôn-xtôi, tám gương phản chiếu của cách mạng Nga" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 206-213), "L. N. Tôn-xtôi", "Tôn-xtôi và phong trào công nhân hiện đại", "Tôn-xtôi và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, xuất bản lần thứ nhất, t. 16, tr. 425 - 431, 435 - 438, 467 - 468) và các tác phẩm khác.

Tôn-xtôi là một trong những đại biểu vĩ đại của khoa học sư phạm Nga. Ông đã sáng lập ra "bảng chữ cái" của mình, với những

phương tiện của mình, ông đã mở một trường học cho con em nông dân và tự mình giảng dạy ở đó; đã sáng lập ra tạp chí sư phạm "Rừng thưa trong sáng". — 181.

Tơ-ca-tsép, P. N. (1844 - 1885) là một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy cách mạng, nhà chính luận và nhà phê bình văn học. Từ năm 1861, tham gia tích cực trong phong trào sinh viên, cộng tác với nhiều tạp chí, vì vậy đã bị chính phủ Nga hoàng truy nã. Từ năm 1873, phải sống lưu vong ở nước ngoài. Đã có thời gian cộng tác với tờ "Tiến lên" của P. L. La-vrốp; trong những năm 1875-1881, cùng với nhóm những người Ba-lan lưu vong xuất bản tạp chí "Tiếng chuông cấp báo"; năm 1880, cộng tác với tờ "Ni Dieu, ni Maitre" ("Không phải ông trời cũng không phải ông chủ") của L. O. Blăng-ki.

Tơ-ca-tsép lãnh đạo khuynh hướng mới trong phái dân túy cách mạng, ông cho rằng đấu tranh chính trị là một tiền đề cần thiết của cách mạng, nhưng không đánh giá được vai trò quyết định của quần chúng nhân dân. Theo Tơ-ca-tsép, thì thiếu số cách mạng cần phải nắm lấy chính quyền, thành lập một nhà nước mới, phải tiến hành những cải tạo cách mạng vì lợi ích của nhân dân, nhân dân chỉ còn có việc chào đón những kết quả sẵn có của cách mạng. Ông đã tính toán một cách sai lầm khi cho rằng nhà nước chuyên chế không có cơ sở xã hội ở nước Nga và không đại diện về quyền lợi cho bất cứ một giai cấp nào. Ph.Ăng-ghe-n đã phê phán tính chất cách mạng tiểu tư sản của Tơ-ca-tsép, là người đã chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Blăng-ki, trong các bài báo đăng trên tờ "Văn học của ngoại kiều" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, t. XV, 1935, tr. 241 - 264). Những năm cuối đời Tơ-ca-tsép phải chữa bệnh ở bệnh viện thần kinh ở Pa-ri, rồi chết tại đó. — 469.

Tơ-rai-tskê (Treitschke), Hen-ri-ích (1834 - 1896), là nhà sử học người Đức, nhà chính luận, nhà tư tưởng và nhà tuyên truyền cho sự hợp nhất các quốc gia Phổ phản động, cho chủ nghĩa sô-vanh, cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trong những năm 1866-1869, là biên tập viên của tạp chí phản động, "Preussische Jahrbücher" ("Niên giám Phổ"). Trong những năm 1871-1884, là nghị sĩ, tích cực ủng hộ chính sách đối nội và đối ngoại của Bi-xmác, năm 1878 hoan nghênh việc áp dụng đạo luật đặc biệt nhằm chống lại những người xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1886 là nhà nghiên cứu lịch sử chính thức của nhà nước Phổ. Năm 1895, được bầu làm viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Béc-lanh. Tác phẩm chính của Tơ-rai-tskê là "Lịch sử nước Đức trong thế kỷ 19 qua" gồm 5 tập. Tơ-rai-tskê

đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Đức. V.I.Lê-nin đã xếp Tơ-rai-tskê vào số "những nhà sử học cảnh sát quan liêu của Đức" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 9).— 477.

Tséc-nốp, V. M. (1876-1952) là một trong những thủ lĩnh và nhà lý luận của đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, biên tập viên của cơ quan trung ương đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng "Nước Nga cách mạng" xuất bản ở nước ngoài. Trong tạp chí "Của cải nước Nga", ông đã viết những bài báo xét lại có khuynh hướng chống lại chủ nghĩa Mác, mưu toan chứng minh việc không thể áp dụng học thuyết của Mác vào nông nghiệp. Sau cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai, làm bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong chính phủ liên hiệp lâm thời thứ nhất và thứ hai, là người tổ chức những cuộc đàn áp khốc liệt chống lại nông dân đã chiếm ruộng của địa chủ. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, tham gia tổ chức các cuộc phiến loạn chống Chính quyền xô-viết của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Năm 1920, lưu vong ra nước ngoài, ở đó Tséc-nốp vẫn tiếp tục những hoạt động chống lại Chính quyền xô-viết. — 121, 152, 172, 173, 174-175, 176, 177, 178, 181, 186, 188, 191, 192-194, 212, 221, 223, 227, 260-261, 262, 264-265, 273-274, 278.

Tséc-nư-sép-xki, N. G. (1828-1889) là nhà dân chủ cách mạng vĩ đại người Nga, nhà bác học, nhà văn, nhà phê bình văn học; một trong những bậc tiền bối nổi tiếng của phong trào dân chủ - xã hội Nga. Tséc-nư-sép-xki là người cổ vũ về tư tưởng và là lãnh tụ của phong trào dân chủ - cách mạng trong những năm 60 ở Nga. Vốn là người xã hội chủ nghĩa không tưởng, ông cho rằng: có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường công xã nông thôn, nhưng đồng thời, với tư cách là một nhà dân chủ cách mạng "ông biết tác động vào toàn bộ các sự kiện chính trị lúc bấy giờ theo tinh thần cách mạng và truyền bá — vượt qua mọi trở ngại của mạng lưới kiểm duyệt — tư tưởng về cách mạng nông dân, về cuộc đấu tranh của quần chúng để lật đổ tất cả các chính quyền cũ" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 20, tr. 175). Tséc-nư-sép-xki đã lãnh đạo ban biên tập tạp chí "Người đương thời", đó là tiếng nói của các lực lượng cách mạng ở Nga. Tséc-nư-sép-xki đã công phần vạch trần tính chất nông nô của cuộc cải cách "nông dân" năm 1861, ông đã kêu gọi nông dân khởi nghĩa. Năm 1862, ông bị chính phủ Nga hoàng bắt giam trong pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xơ gần 2 năm, về sau bị kết án bảy năm tù khổ sai và bị đi đày biệt xứ ở Xi-bi-ri, cho đến khi về già ông mới thoát khỏi cảnh bị đày. Đến cuối đời, ông vẫn là một chiến sĩ hăng say

đấu tranh chống lại mọi bất công xã hội, chống lại mọi biểu hiện của sự áp bức về chính trị và kinh tế.

Tséc-nư-sép-xki có công to lớn trong việc phát triển triết học duy vật ở Nga. Những quan điểm triết học của ông là đỉnh cao của toàn bộ triết học duy vật trước Mác. Chủ nghĩa duy vật của ông có tính chất cách mạng và thực tiễn. Tséc-nư-sép-xki đã kịch liệt phê phán mọi học thuyết duy tâm và đã cố gắng sửa lại phép biện chứng của Hê-ghe theo tinh thần chủ nghĩa duy vật.

Trong lĩnh vực chính trị kinh tế học, mỹ học và lịch sử Tséc-nư-sép-xki đã nêu được những kiểu mẫu về phương pháp biện chứng khi nghiên cứu thực tế. Sau khi nghiên cứu các tác phẩm của Tséc-nư-sép-xki, C.Mác đã đánh giá rất cao các tác phẩm đó và gọi ông là một nhà bác học Nga vĩ đại. Lê-nin đã viết về Tséc-nư-sép-xki như sau: "Tséc-nư-sép-xki thật sự là một đại văn hào Nga duy nhất từ những năm 50, mãi đến năm 88 vẫn đứng vững ở chủ nghĩa duy vật triết học hoàn chỉnh... Nhưng do tình trạng lạc hậu trong đời sống của nước Nga, ông đã không vươn lên hay nói cho đúng hơn đã không thể vươn tới chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác và Ăng-ghe-n" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, t. 14, tr. 507).

Tséc-nư-sép-xki đã viết hàng loạt tác phẩm xuất sắc về các lĩnh vực triết học, chính trị kinh tế học, lịch sử, luân lý học và mỹ học. Những tác phẩm phê bình văn học của ông đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển văn học và nghệ thuật Nga. Tiểu thuyết "Làm gì?" của Tséc-nư-sép-xki (1863) đã có tác dụng giáo dục nhiều thế hệ cách mạng ở Nga và ở nước ngoài. — 33, 35, 75.

Tsi-tse-rin, B. N. (1828 - 1904) là nhà luật học nghiên cứu về chế độ nhà nước, nhà sử học và triết học, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào tự do chủ nghĩa. Từ năm 1861 đến năm 1868 là giáo sư trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va. Trong những năm 1882-1883 ông là thị trưởng Mát-xcơ-va. Xét về quan điểm chính trị thì ông là người ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến. Trong triết học thì ông là nhà duy tâm và nhà siêu hình tự giác. Những tác phẩm chính của ông là: "Chế độ sở hữu và nhà nước" (1882-1883), "Lịch sử các học thuyết chính trị" (1869-1902), "Triết học pháp luật" (1900) và các tác phẩm khác. — 54, 68.

Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, M. I. (1865 - 1919) là nhà kinh tế học tư sản Nga, trong những năm 90 là đại biểu nổi tiếng của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", cộng tác viên của các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899) và các tác phẩm khác. Trong thời kỳ Cách mạng dân chủ tư sản Nga lần thứ nhất, là đảng viên Đảng dân chủ - lập

hiến. Sau Cách mạng xã hội - chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại là kế hoạch động tích cực của bọn phản cách mạng tư sản ở U-cra-i-na, bộ trưởng Bộ tài chính trong Hội đồng trung ương của chính phủ tư sản ở U-cra-i-na.

Những tác phẩm chủ yếu của Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki là "Những cuộc khủng hoảng công nghiệp ở nước Anh hiện nay, nguyên nhân và ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng đó đến đời sống nhân dân" (1894), "Công xưởng Nga trước kia và hiện nay", t. I, (1898) và các tác phẩm khác. — 126, 159.

Tuốc-ghê-nép, I. X. (1818 - 1883) là nhà văn vĩ đại Nga, đã sáng tác rất nhiều để phát triển ngôn ngữ văn học Nga, tác giả hàng loạt tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện kể và các bài dân ca; trong các tác phẩm đó những sự tìm kiếm lý tưởng đã được nêu ra và tâm lý của xã hội Nga trong những năm 30-70 của thế kỷ trước đã bị vạch trần. Trong các tác phẩm của mình Tuốc-ghê-nép đã phản ánh những mâu thuẫn chủ yếu trong đời sống xã hội Nga; ông đã dựng nên một loạt những điển hình về "những con người vô dụng" đã biết rõ sự diệt vong của chế độ quý tộc, nhưng thực tế lại không có khả năng nào để quyết định việc thay đổi của chế độ đó; lần đầu tiên trong văn học đã xuất hiện một đại biểu của thế hệ mới là người trí thức bình dân - dân chủ cách mạng ("Lớp trí thức bình dân"). Sự phản kháng sôi nổi chống chế độ nông nô của Tuốc-ghê-nép đã kết hợp với những yêu sách của phái tự do ôn hoà. Theo như Lê-nin nói thì: "Tuốc-ghê-nép đã thiên về hiến pháp quý tộc và quân chủ ôn hoà... ông chán ghét chủ nghĩa dân chủ mu-gích của Đô-brô-li-u-bốp và Tséc-nư-sép-xki" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, t. 27, tr. 346). — 39, 369.

U

U-xpen-xcai-a là một trong những người luôn luôn có lòng từ thiện, năm 1901 đã đi đến tỉnh Khéc-xôn để giúp đỡ những người nông dân, bị đói. — 367.

Un-cốp-xki, A. M. (1828 - 1893) là nhà hoạt động xã hội người Nga thuộc phái tự do. Trong những năm 1857-1859, là người cầm đầu tầng lớp quý tộc tỉnh Tve, tham gia việc chuẩn bị cuộc cải cách nông dân và đã đưa ra một trong những dự thảo có tính chất tự do chủ nghĩa nhất nhằm bãi bỏ pháp quyền nông nô. Năm 1860, vì sự phản đối của tầng lớp quý tộc tỉnh Tve chống lại việc ngăn cấm các cuộc họp của giới quý tộc thảo luận vấn đề nông dân, Un-cốp-xki là người thủ tướng ra vấn đề đó nên đã buộc phải

từ chức và bị đui ra Vi-át-ca. Từ năm 1861, ông làm công việc của một luật gia và một nhà chính luận ở Mát-xcơ-va, chuyên về các vấn đề nông dân và các vấn đề thuộc toà án. — 75.

V

V. V. — xem Vô-rôn-txốp, V. P.

Van-nốp-xki, P. X. (1822 - 1904) là viên tướng trong quân đội Nga hoàng, trong những năm 1882-1898 là bộ trưởng Bộ chiến tranh. Năm 1899, là chủ tịch Uỷ ban điều tra nguyên nhân những sự phản đối của sinh viên trong các trường cao đẳng. Trong những năm 1901-1902 là bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân. Với mục đích xoa dịu sự phản đối của sinh viên, Van-nốp-xki đã đưa ra những lời lẽ tự do chủ nghĩa về sự "quan tâm một cách nhiệt tình đối với nhà trường". Bằng sự ve vãn giả nhân giả nghĩa, Van-nốp-xki nhằm làm giảm sự bất bình của các tầng lớp tiến bộ trong xã hội về chính sách phản động của chính phủ Nga hoàng. Thi hành một loạt cải cách không đáng kể trong lĩnh vực giáo dục, Van-nốp-xki tiếp tục áp dụng biện pháp đàn áp chống lại giới sinh viên cách mạng. — 40, 42, 114, 455.

Ve-xơ— xem Oe-xơ, E.

Vê-lê-pôn-xki, A. (1803 - 1877) là hâu tước và bá tước, nhà hoạt động nhà nước Ba-lan, thi hành chính sách phản động, nhằm bảo vệ lợi ích giai cấp của bọn quý tộc nông thôn Ba-lan. Năm 1861, trong thời kỳ cao trào của phong trào xã hội ở Ba-lan, Vê-lê-pôn-xki đã gửi cho A-lếch-xan-đrơ II một lá thư, trong đó chỉ ra rằng điều cần thiết là phải có những cải cách bộ phận, nhằm mục đích ngăn ngừa cách mạng. Ít lâu sau được A-lếch-xan-đrơ quyết định giữ những chức vụ lãnh đạo các cơ quan hành chính ở Ba-lan (phụ trách cơ quan dân sự, phó chủ tịch Hội đồng nhà nước vương quốc Ba-lan). Trong khi hoạt động đã ve vãn các tầng lớp tự do - ôn hoà trong xã hội Ba-lan, đồng thời đàn áp khốc liệt những cuộc tấn công cách mạng. Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba-lan năm 1863, bị cách chức và lưu vong ra nước ngoài. — 54.

Vin-hem II (Hô-hen-txôn-léc) (1859 - 1941) là hoàng đế Đức và vua Phổ (1888 - 1918). — 91.

Vít-te, X. I-u (1849 - 1915) là nhà hoạt động nhà nước Nga hồi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đại biểu cho lợi ích của "chủ nghĩa đế quốc phong kiến - quân phiệt" ở nước Nga Nga hoàng. Y kiên trì chế độ chuyên chế, mưu toan bảo vệ chính thể quân chủ bằng những sự nhượng bộ nhỏ và bằng những lời hứa hẹn với giai cấp tư sản tự

do chủ nghĩa, bằng những hoạt động đàn áp dã man nhân dân; y là một trong những kẻ tổ chức đàn áp cuộc cách mạng năm 1905-1907. Với cương vị là bộ trưởng Bộ giao thông (từ tháng Hai đến tháng Tám 1892), bộ trưởng Bộ tài chính (1892-1903) và chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (tháng Mười 1905 đến tháng Tư 1906), Vít-te đã áp dụng những biện pháp của mình trong lĩnh vực tài chính, trong chính sách thuế quan, trong việc xây dựng đường sắt, đưa ra dự luật về các nhà máy, khuyến khích bằng mọi cách tư bản nước ngoài, do đó đã xúc tiến việc phát triển chủ nghĩa tư bản Nga và tăng cường sự lệ thuộc của nước Nga vào cường quốc đế quốc. "Bộ trưởng mại bản", "mật thám của Sở giao dịch", — Lê-nin đã chỉ rõ bản chất của Vít-te như vậy. — 24, 29-31, 33, 40-42, 48, 49-50, 52, 54, 56, 58, 60, 61-65, 67-68, 76-77, 79, 81, 86, 455, 477.

Vô-rôn-txốp, V. P. (V. V.) (1847 - 1918) là nhà kinh tế học và nhà chính luận Nga, một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy tự do chủ nghĩa trong những năm 80-90, tác giả các tác phẩm "Vận mệnh của chủ nghĩa tư bản ở Nga" (1882), "Những phương hướng của chúng ta" (1893), "Khái luận về kinh tế lý thuyết" (1895) và các tác phẩm khác, trong các tác phẩm đó Vô-rôn-txốp khẳng định rằng ở nước Nga không có điều kiện để phát triển chủ nghĩa tư bản, ca tụng nền sản xuất hàng hoá nhỏ, lý tưởng hoá công xã nông thôn, tuyên truyền chủ trương thoả hiệp với chính phủ Nga hoàng và kiên quyết chống lại chủ nghĩa Mác. Những quan điểm của Vô-rôn-txốp đã bị phê phán nghiêm khắc trong các tác phẩm của Lê-nin. — 296, 494.

X

Xan-tư-cốp, M. Ê. (Sê-đrin, N.) (1826 - 1889) là nhà văn trào phúng vĩ đại người Nga, nhà dân chủ cách mạng. Ông đã phê phán kịch liệt chế độ nông nô chuyên chế ở Nga trong những tác phẩm của mình, tạo được hàng loạt những điển hình về bọn địa chủ bạo ngược, bọn đại biểu quan liêu của Nga hoàng, bọn tự do chủ nghĩa, nhút nhát, lần đầu tiên trong văn học, ông đã nêu lên được những điển hình về bọn tư sản tham tàn. Vì những truyện ngắn đầu tiên của mình như: "Mâu thuẫn" (1847), và "Một vụ rắc rối" (1848) nên tháng Tư 1848 ông bị đày đi Vi-át-ca và phải ở đó hơn bảy năm. Đầu năm 1856, trở lại Pê-téc-bua, Xan-tư-cốp lấy bí danh là "N. Sê-đrin"; ông đã viết "Tuỳ bút tỉnh lẻ" và về sau trong những năm 60 đến 80, ông đã viết một loạt những tác phẩm lớn như: "Lịch sử của một thành phố" (1869-1870), "Những bài diễn văn với giọng chính thức"

(1872 - 1876), "Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép" (1875 - 1880) và các tác phẩm khác. Hình tượng của nhân vật chính trong tiểu thuyết "Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép" là I-u-đu-sca — đã được Lê-nin gọi là một con người bất hủ và thường xuyên sử dụng điển hình đó, cũng như các điển hình khác trong tác phẩm của Xan-tư-cốp nhằm vạch trần những nhóm xã hội và các chính đảng thù địch đối với nhân dân. C. Mác đã đánh giá cao những tác phẩm của Xan-tư-cốp. Trong những năm 1863 - 1864, Xan-tư-cốp trở thành nhà chính luận chủ yếu của tạp chí dân chủ - cách mạng "Người đương thời", từ năm 1868, ông tham gia ban biên tập tạp chí "Ký sự nước nhà". Sau khi Nê-cra-xốp chết, năm 1878, ông là tổng biên tập tạp chí này và là lãnh tụ thực sự về mặt tinh thần của tầng lớp trí thức dân chủ, tiếp tục truyền thống vĩ đại của phong trào dân chủ cách mạng trong những năm 60. — 233.

Xcơ-voóc-txốp A. I. (1848 - 1914) là nhà kinh tế học tư sản, nhà nông học, giáo sư trường đại học nông lâm Nô-vô-a-lếch-xan-đrô; tác giả hàng loạt tác phẩm kinh tế chính trị và kinh tế nông nghiệp. V. I. Lê-nin đã nhiều lần phê phán các quan điểm của Xcơ-voóc-txốp trong các tác phẩm của mình.

Những tác phẩm chủ yếu của Xcơ-voóc-txốp là "Ảnh hưởng của ngành vận tải bằng hơi nước đối với nông nghiệp" (1890) "Nghiên cứu kinh tế" (1894), "Nguyên lý kinh tế chính trị học" (1898), v. v. — 130.

Xcơ-voóc-txốp, V. M. (sinh năm 1859) là nhà văn tôn giáo, đại biểu cho giới tăng lữ chính giáo tích cực, tổ chức sự liên minh giữa giáo hội với cảnh sát. Là biên tập viên và người xuất bản tạp chí "Tạp chí của các nhà truyền giáo". Trong những năm 1906 - 1917 đã xuất bản, có sự gián đoạn, tờ báo chính trị tôn giáo "Cái chuông". — 414.

Xéc-nô - Xô-lô-vi-ê-vích, N. A. (1834-1866) là nhà dân chủ cách mạng người Nga, làm việc trong "ủy ban trung ương về việc tổ chức nông nghiệp", ủy ban thành lập nhằm mục đích chuẩn bị cho cải cách giải phóng nông dân và ông tin rằng, trong chế độ hiện nay thì việc giải phóng thực sự là không thể làm được. Đầu năm 1860, thôi việc và ra nước ngoài, ở đó ông được sống gần gũi với A. I. Ghéc-txen. Năm 1861, ông xuất bản ở Béc-lingh cuốn "Phương pháp giải quyết dứt khoát vấn đề nông dân", trong đó ông đã phê phán kịch liệt "Dự luật 19 tháng Hai" và đưa ra dự án hiến pháp để trình lên A-lếch-xan-đrô II. Cũng năm đó ông trở về Pê-téc-bua, mở hiệu sách và thư viện có phòng đọc với mục đích khai sáng quần chúng và để thống nhất tầng lớp trí thức cấp tiến. Tham gia hoạt động trong tổ chức của hội bí mật "Ruộng đất và tự do";

năm 1862 cùng với N. G. Tséc-nư-sép-xki, bị giam trong pháo đài Pê-to-rô-pa-vlốp-xcơ, bị kết án 12 năm khổ sai; bản án tiến hành theo nghi thức "xử thường phạm" đã diễn ra ngày mồng 2 tháng Sáu 1865 tại quảng trường Mút-nin-xcơ ở Pê-téc-bua; sau đó ông bị đày đi Xi-bi-ri và chết ở đó. — 35.

Xê-da (Caesar), *Cai-út Giuy-li-út* (100 - 44 trước công nguyên) một trong những nhà hoạt động quốc gia vĩ đại của đế quốc La-mã, thống soái và nhà văn. — 367.

Xi-pi-a-ghin, D. X. (1853 - 1902) là một trong những nhà hoạt động quốc gia phản động nhất của chính phủ Nga hoàng, kẻ ủng hộ chế độ nông nô. Từ năm 1899 làm bộ trưởng Bộ nội vụ và chỉ huy trưởng bọn hiến binh; truy nã thẳng tay mọi biểu hiện nhỏ nhất của chủ nghĩa dân chủ, đàn áp ác liệt cuộc đấu tranh của công nhân, sinh viên và nông dân; bằng mọi cách đã ngăn cản những ý định của các tổ chức xã hội và cá nhân về việc giúp đỡ những người nông dân bị đói. Ngày mồng 2 tháng Tư 1902 bị tên xã hội chủ nghĩa - cách mạng X. V. Ban-ma-sép giết chết. — 64 - 65, 114, 341, 343, 345, 347, 348, 358, 370, 371, 372, 374, 376, 377, 378, 379, 380, 382, 397, 412.

Xta-khô-vích, M. A. (1861 - 1923) là người thuộc phái tự do ôn hòa, trong những năm 1895 - 1907, là người cầm đầu tầng lớp quý tộc ở tỉnh Ô-ri-ôn, đóng vai trò quan trọng trong phong trào tự trị địa phương; là thành viên của Đu-ma nhà nước I và II; gia nhập đảng dân chủ - lập hiến; về sau là một trong những người tổ chức ra đảng của những người tháng Mười ("Liên minh 17 tháng Mười"). Trong thời gian cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai 1917, giữ chức tướng - thống đốc Phần-lan, về sau là đại biểu của chính phủ lâm thời ở nước ngoài. — 413, 414, 415.

Xtôn-bốp-xki, R. D. (chết năm 1867) là một viên quan cảnh sát của Nga hoàng, năm 1862 là ủy viên ủy ban điều tra nguyên nhân của những vụ hỏa hoạn tháng Ba 1862 ở Pê-téc-bua. — 35.

Xtơ-ru-vê, P. B. (R. N. X.) (1870 - 1944) là nhà kinh tế học và nhà chính luận tư sản người Nga, đại biểu nổi tiếng nhất của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", cộng tác viên và là biên tập viên của các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899), và "Đời sống" (1900). Ngay từ tác phẩm đầu tiên của mình "Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga" (1894), trong khi phê phán phái dân túy, Xtơ-ru-vê lại "bổ sung" và "phê phán" học thuyết kinh tế và triết học của C. Mác, đồng tình với các đại biểu của nhóm kinh tế chính trị học tư sản tầm thường, và tuyên truyền chủ nghĩa Man-tuyt. "Kẻ phản bội bậc thầy", Lê-nin đã gọi Xtơ-ru-vê như vậy (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 467).

Xtơ-ru-vê là một trong những nhà lý luận và nhà tổ chức của "Hội liên hiệp giải phóng" thuộc phái dân chủ tự do (1904 - 1905) và là biên tập viên tờ "Giải phóng" (1902 - 1905), cơ quan bất hợp pháp của Hội liên hiệp. Từ khi thành lập đảng dân chủ - lập hiến năm 1905, Xtơ-ru-vê là ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng đó. Sau khi cuộc cách mạng 1905 - 1907 bị thất bại, Xtơ-ru-vê sa vào chủ nghĩa dân tộc của phái Trăm đen; ngay từ đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 - 1918, là một trong những nhà tư tưởng có đầu óc xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Nga. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, Xtơ-ru-vê là kẻ thù nguy hiểm của chính quyền xô-viết, đã tham gia chính phủ phản cách mạng Vran ghen và là một phần tử bạch vệ lưu vong. — 24, 30, 65 - 66, 68, 69, 70 - 72, 73 - 75, 76, 77 - 79, 80, 81 - 82, 83, 85 - 86, 126, 131, 141, 159, 181, 182 - 183, 233, 475, 477, 480.

Xu-vô-rin, A. X. (1834 - 1912) là nhà báo và người xuất bản phản động. Từ 1876 đến 1912, là chủ xuất bản tờ báo tư sản bị mua chuộc là tờ "Thời mới" — cơ quan của các nhóm quan lại - quan liêu và quý tộc phản động. Bắt đầu hoạt động báo chí ở tỉnh lẻ rồi ở Mát-xcơ-va sau đến Pê-téc-bua, cộng tác với tờ "Ký sự nước nhà" và "Người đương thời". Từ năm 1876, ông đứng hẳn về phía phản động. "Người nghèo, người theo phái tự do và thậm chí người dân chủ trong thời kỳ đầu của con đường của mình, thì trong thời kỳ cuối của con đường đó đã thành một nhà triệu phú, kẻ thích khoe khoang đầy tính tự cao tự đại và vô liêm sỉ của giai cấp tư sản, kẻ đã quy lụy trước mọi sự chuyển biến về chính trị của bọn cầm quyền vào cuối đường này". — V. I. Lê-nin đã nêu lên đặc tính của Xu-vô-rin như vậy. — 414.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA V. I. LÊ-NIN

(tháng Năm - tháng Chạp 1901)

1901

*Tháng Năm -
tháng Chạp.*

Lê-nin sống ở nước ngoài, tại Muyn-khen; Người lãnh đạo cuộc đấu tranh của phái dân chủ - xã hội cách mạng Nga để thành lập ở nước Nga một đảng công nhân mácxít có tính chiến đấu, và lãnh đạo báo "Tia lửa".

5 (18) tháng Năm.

Trong thư gửi cho M. G. Vê-t-sê-xlốp, Lê-nin thay mặt ban biên tập báo "Tia lửa" tỏ ý tán thành việc nhóm "Tia lửa" ở Béc-lanh xuất bản các tập san; Người khuyên nên vạch kế hoạch thật tỉ mỉ và giải quyết nhiều vấn đề có liên quan tới việc xuất bản các tập san.

6 (19) tháng Năm.

Trong những bức thư gửi cho chị Ma-ri-a I-li-ni-tơ-na U-li-a-nô-va và cho M. T. Ê-li-da-rốp đang bị tù, Lê-nin nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ một chế độ đều đặn trong hoàn cảnh bị giam một mình; khuyên nên sắp đặt lại các công việc trí óc, nên có biện pháp nghiên cứu ngoại ngữ một cách thích đáng và nên tập thể dục hàng ngày.

Sớm nhất là

6 (19) tháng Năm.

Lê-nin lập bản kiểm kê thu chi của ban biên tập báo "Tia lửa" từ ngày 11 tháng Tư đến ngày 19 tháng Năm 1901.

11 (24) tháng Năm.

Trong thư gửi cho N. E. Bau-man, Lê-nin cảm ơn ông ta "về sự tỉ mỉ và chính xác của

bản thu chi", hỏi những tin tức tỉ mỉ về công việc của ông ta, thông báo tình hình khó khăn về mặt tài chính của báo "Tia lửa", nêu lên tầm quan trọng của việc chi tiêu một cách tiết kiệm các khoản thu nhập và của việc cải tiến công tác vận chuyển báo "Tia lửa" về nước Nga; khuyên ông ta nên chuyển đến ở gần biên giới.

11 - 17
(24 - 30) tháng Năm.

Lê-nin và một số ủy viên khác của ban biên tập báo "Tia lửa" ở Muyn-khen tiếp Đ. B. Ri-a-da-nốp, thảo luận với ông ta về những điều kiện cộng tác của nhóm "Đấu tranh" với báo "Tia lửa" và về vấn đề thống nhất các tổ chức ở nước ngoài của Đảng dân chủ - xã hội Nga.

12 (25) tháng Năm.

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin thông báo dự định mới của nhóm "Đấu tranh" là sẽ bắt đầu đàm phán về việc thống nhất các tổ chức ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, về kế hoạch triệu tập hội nghị trừ bị của các đại biểu các tiểu tổ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, và về sự nhất trí của mình đối với việc triệu tập hội nghị; thông báo sự có mặt của Ri-a-da-nốp và những cuộc đàm phán với ông ta về các điều kiện để nhóm "Đấu tranh" tham gia báo "Tia lửa"; yêu cầu dực tổ chức "Người dân chủ - xã hội" nhanh chóng trả lời đồng ý triệu tập hội nghị; hỏi đề cương số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh".

Trước 13
(26) tháng Năm.
13 - 15 (26 - 28)
tháng Năm.

Lê-nin bắt đầu viết cuốn "Làm gì? Những vấn đề cấp bách trong phong trào chúng ta".

Trong bài "Bắt đầu từ đâu?", đăng trong số 4 báo "Tia lửa", Lê-nin đã trình bày kế hoạch cụ thể về việc thành lập ở nước Nga một đảng cách mạng của giai cấp công nhân, kế hoạch đó về sau được phát triển trong cuốn "Làm gì?".

Nửa đầu tháng
Năm.

Lê-nin chuyển đến một căn buồng khác ở ngoại ô Muyn-khen Sva-bin-gơ.

15 (28) tháng Năm.

Trong thư gửi cho R. E. Clát-xôn, Lê-nin thay mặt ban biên tập "Tia lửa" và "Bình minh" đề nghị giúp đỡ về mặt tài chính cho tờ báo.

Trong thư gửi đi A-xơ-ra-khan cho L. M. Cni-pô-vich, Lê-nin hỏi về kế hoạch tổ chức in báo "Tia lửa" ở nước Nga, về những khả năng in báo ấy trong các nhà in hợp pháp; nhấn mạnh sự cần thiết phải tiết kiệm tiền của và lực lượng để chuyển báo "Tia lửa" về nước Nga và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc này đối với toàn bộ công tác của đảng dân chủ - xã hội Nga.

19 tháng Năm
(1 tháng Sáu).

Lê-nin viết thư gửi đi Pơ-xcốp cho P. N. Lê-pê-sin-xki và P. A. Cra-xi-cốp bản về việc vận chuyển và phân phát báo "Tia lửa".

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin báo cho biết là Người nhận được các tài liệu và thư từ của nhà cách mạng trong những năm 70 Đê-bô-gô-ri - Mô-cri-ê-vích, do Ác-xen-rốt gửi đến, và đồng ý cho đăng bài hồi ký của ông ta trên tạp chí "Bình minh", số 2 - 3; báo cho biết thời hạn ra tạp chí "Bình minh", nội dung và thời hạn ra số 5 của báo "Tia lửa"; yêu cầu thúc đẩy tổ chức "Người dân chủ - xã hội" nhanh chóng trả lời đồng ý triệu tập hội nghị trừ bị của các đại biểu đại diện cho tất cả các tổ chức ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

23 tháng Năm
(5 tháng Sáu).

Trong thư gửi nhóm trợ lực cho tờ "Tia lửa" ở Béc-lanh, Lê-nin đã ra chỉ thị tỉ mỉ về các vấn đề tổ chức vận chuyển bí mật báo "Tia lửa" qua biên giới.

25 tháng Năm
(7 tháng Sáu).

Lê-nin viết thư gửi đi Pô-đôn-xơ cho mẹ là Ma-ri-a A-lếch-xan-đrốp-na U-li-a-nô-va, trong thư Người cảm ơn em trai là Đmi-tơ-ri I-lích U-li-a-nốp đã gửi báo đến và yêu cầu em tiếp tục gửi ra nước ngoài những số báo hay của các tờ báo ở Nga; Người báo tin là đã nhận được tiền và đã gửi thư vào nhà giam cho M. I. U-li-a-nô-va và M. T. Ê-li-da-rốp.

29 tháng Năm
(11 tháng Sáu).

Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin thông báo việc bổ sung vào nội dung số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh".

Cuối tháng Năm.

Lê-nin viết bài "Trận kịch chiến mới", chép các đoạn trích báo "Thời mới" và soạn đề cương chi tiết cho bài báo.

Tháng Năm -
tháng Sáu.

Lê-nin lãnh đạo việc tổ chức chuyển báo "Tia lửa" về nước Nga.

Lê-nin tiến hành hội đàm với nhóm "Tia lửa" của Ba-cu về việc chuyển báo "Tia lửa" sang in tại nhà in bí mật ở địa phương do V. D. Kê-tơ-khô-ven tổ chức.

Trong các thư gửi các phái viên báo "Tia lửa", Lê-nin chỉ thị cho in, tại nhà in báo "Tia lửa" ở Ki-si-nép, những tài liệu lấy ở các số báo "Tia lửa".

4 (17) tháng Sáu.

Lê-nin sửa chữa và bổ sung vào bức thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi phái viên báo "Tia lửa" I. V. Ba-bu-skin ở Ô-rê-khô-vô - Du-ê-vô, trong đó Crúp-xcai-a thông báo việc sắp đặt các bài báo của ông ta trên báo "Tia lửa", nêu lên sự cần thiết phải bác lại bài báo vu khống công nhân ở I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xơ đăng trên tạp chí "Cửa cải nước Nga"; hỏi ông ta đã nhận được các số mới của báo "Tia lửa" và sắp có lương chưa.

Trong thư gửi đến Béc-lanh cho M. G. Vê-tséc-lốp, Lê-nin khẩn thiết yêu cầu ông ta gửi ngay bản báo cáo cụ thể về công tác và kế hoạch sắp tới.

Sau ngày 4
(17) tháng Sáu.

Lê-nin trích báo "The Times" ("Thời đại") số 3683 ra ngày 17 tháng Sáu 1901 nói về phong trào phản đối của công nhân ở Xanh Pê-téc-bua.

Trước ngày 5
(18) tháng Sáu.

Trong thư gửi về nước Nga cho một người không rõ tên, do L. M. Cni-pô-vich chuyển, Lê-nin đề nghị tổ chức quyên góp tiền cho báo "Tia lửa".

5 (18) tháng Sáu.

Trong thư gửi đi Ba-cu cho L. E. Gan-pê-rin, Lê-nin báo tin về việc gửi số báo "Tia lửa" qua Viên đến Ba-tư; hỏi kế hoạch in báo "Tia lửa" ở Cáp-ca-dơ; nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quyên góp tiền cho báo "Tia lửa" và tìm những con đường mới để chuyển báo ấy về nước.

Sau ngày 11
(24) tháng Sáu.

Lê-nin trích báo "Frankfurter Zeitung" ("Báo Phrăng-pho") số 173 ra ngày 24 tháng Sáu 1901 nói về phong trào phản đối của công nhân ở Xanh Pê-téc-bua.

Trước ngày 12
(25) tháng Sáu.

Ban biên tập báo "Tia lửa" nhận được bức thư của một công nhân gửi từ Pê-téc-bua đến hoan nghênh bài "Bắt đầu từ đâu?" của Lê-nin và hoan nghênh báo "Tia lửa" số 4.

13 (26) tháng Sáu.

Lê-nin viết thư gửi đi Mát-xơ-va cho N. E. Bau-man, bàn việc chuyển báo "Tia lửa" và các sách báo bí mật khác về nước Nga.

Trước ngày 24
tháng Sáu
(7 tháng Bảy).

Lê-nin cùng với một bộ phận ban biên tập báo "Tia lửa" ở Muyn-khen viết bản dự thảo thống nhất các tổ chức "Tia lửa" và "Bình minh", "Người dân chủ - xã hội" với "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" v. v..

- Lê-nin viết bài "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do".
- 24 tháng Sáu (7 tháng Bảy).* Lê-nin viết thư cho G. V. Plê-kha-nốp báo tin đã nhận được từ nước Nga những tin tức về việc dự định triệu tập đại hội Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; nhấn mạnh tầm quan trọng phải gấp rút thảo ra cương lĩnh của đảng; báo tin về việc chuẩn bị ra các số 6 và 7 của báo "Tia lửa".
- 24 và 26 tháng Sáu (7 và 9 tháng Bảy).* Lê-nin đặt ra trước các uỷ viên ban biên tập báo "Tia lửa" vấn đề nhanh chóng viết bản dự thảo cương lĩnh của đảng.
- 24 tháng Sáu (7 tháng Bảy) - 17 (30) tháng Tám.* Trong khi thảo luận bài báo của Lê-nin "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", trong ban biên tập báo "Tia lửa" đã có sự bất đồng ý kiến giữa Lê-nin và những uỷ viên khác của ban biên tập về thái độ đối với phái tự do. Lê-nin từ chối không thay đổi khẩu khí chung của bài báo và không thay đổi lập trường có tính chất nguyên tắc về thái độ đối với phái tự do.
- 26 tháng Sáu (9 tháng Bảy)* Lê-nin tiếp V. P. Nô-ghin và X. V. An-đrô-pốp từ Luân- đôn đến nước Nga, với tư cách là các phái viên của báo "Tia lửa"; bàn với họ về việc xây dựng công tác ở các địa phương.
- Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin thông báo nội dung số 6 của báo "Tia lửa" và số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh"; báo tin là đã nhận được từ nước Nga những tin tức về việc triệu tập đại hội Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; đề nghị ông ta cùng với G. V. Plê-kha-nốp bắt tay thảo bản cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; báo tin Người đã gặp và tọa đàm với C. Cau-xky; về chuyến đi của V. P. Nô-ghin và X. V. An-đrô-pốp đến Muyn-khen, về cuộc tọa đàm của Người với họ.

- Trước ngày 29 tháng Sáu (12 tháng Bảy).* Lê-nin tham gia biên soạn bản dự thảo mới Điều lệ của tổ chức đảng dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài.
- 30 tháng Sáu (13 tháng Bảy).* Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin báo tin Người đã bắt đầu viết bài "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác""; đề nghị gửi cuốn sách của Liép-nếch "Zur Grund - und Bodenfrage" ("Thứ bàn về vấn đề ruộng đất").
- Tháng Sáu.* Bài báo của Lê-nin "Trận kịch chiến mới", nói về sự phòng thủ Ô-bu-khốp, đã được đăng trên số 5 báo "Tia lửa".
- Tháng Sáu-tháng Chín.* Lê-nin viết tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"", nhằm phê phán bọn xét lại, bảo vệ học thuyết mác-xít về vấn đề ruộng đất và vạch ra những nguyên lý cho cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.
- 8 (21) tháng Bảy.* Trong thư gửi P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin đề nghị gửi cho Người cuốn sách của V. Liép-nếch "Zur Grund — und Bodenfrage" và biên bản các cuộc hội nghị của Quốc tế hoặc tờ "Der Vorbote" ("Kẻ báo trước") với các bản báo cáo về các cuộc hội nghị đó, rất cần thiết để Người viết bài "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"".
- 12 (25) tháng Bảy.* Trong thư gửi G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin cảm ơn ông ta về việc gửi các cuốn sách, báo cho ông ta biết tác phẩm của Người viết về vấn đề ruộng đất và về ý định của Người sẽ phê phán kịch liệt bọn xét lại.
- 14 (27) tháng Bảy.* Lê-nin viết thêm trong thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi cho X-u nói về công tác của các phái viên báo "Tia lửa", về sự cần thiết phải tổ chức tốt hơn nữa việc vận chuyển báo chí qua biên giới.

Tại phiên họp toàn thể của bộ phận ban biên tập báo "Tia lửa" ở Muyn-khen, vấn đề sắp xếp để đăng trong tạp chí "Bình minh" bài báo của Lê-nin "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do" đã được quyết định.

*Trước ngày 17
(30) tháng Bảy.*

Lê-nin viết lời bạt cho bài báo "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do".

17 (30) tháng Bảy.

Trong thư gửi G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin cảm ơn ông ta về việc gửi các cuốn sách nói về vấn đề ruộng đất; báo tin là đã gửi cho ông ta cuốn sách của V. Cu-lê-man "Phong trào công đoàn"; báo tin đã nhận được những tin tức từ nước Nga về việc ngày càng có nhiều người say mê các tác phẩm của Béc-đi-a-ép; nêu lên sự cần thiết phải "đập tan Béc-đi-a-ép không những chỉ riêng trong lĩnh vực triết học"; tỏ ra hài lòng vì Plê-kha-nốp báo cho biết ông ta đã bắt đầu thảo bản cương lĩnh của đảng.

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin cảm ơn ông ta về việc gửi tạp chí "Vorbote" và cuốn sách của V. Liếp-nêch "Zur Grund" und Bodenfrage"; thông báo về ý định của Người muốn gặp L. Na-đê-giơ-đin tại Duy-rích vào khoảng từ ngày 8 đến 12 tháng Tám, và việc Người muốn gặp và hội đàm với P. B. Ác-xen-rốt.

*Giữa 18 và 30
tháng Bảy (31
tháng Bảy và
12 tháng Tám).*

Lê-nin nhận được một cuốn sách nhỏ, từ nước Nga gửi đến, của N. C. Crúp-xcai-a "Phụ nữ - công nhân" — bản thứ nhất, in tại nhà in bí mật ở Ki-si-nép của báo "Tia lửa".

Lê-nin tham gia viết bản dự thảo tình hình về các tổ chức "Tia lửa" ở Nga. Bản dự thảo này được gửi về nước Nga vào tháng Tám 1901.

Lê-nin bổ sung vào bức thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi cho L. I. Gôn-đman ở Ki-si-nép, trong đó Người tỏ lời cảm ơn về việc gửi từ nước Nga đến cuốn sách của N. C. Crúp-xcai-a "Phụ nữ - công nhân", in tại nhà in bí mật; giải thích vấn đề về thái độ của ban biên tập báo "Tia lửa" đối với việc in các tài liệu của ban biên tập tại nhà in bí mật ở nước Nga; thông báo ý định sẽ gửi về nước Nga bản dự thảo của ban biên tập về tình hình của các tổ chức "Tia lửa" để cùng nhau thảo luận và thảo ra bản dự thảo điều lệ.

Lê-nin sửa chữa và bổ sung bức thư của N. C. Crúp-xcai-a gửi L. E. Gan-pê-rin ở Ba-cu, trong đó Người thay mặt ban biên tập báo "Tia lửa" đồng ý in báo "Tia lửa" ở Ba-cu; nêu rõ khả năng in bằng chữ đúc, giải thích ưu điểm của phương pháp in này và tầm quan trọng phải áp dụng nhanh nhất phương pháp đó.

Nửa cuối tháng Bảy.

Trong thư gửi cho X. Ô. Txê-đéc-bau-mơ, Lê-nin không tán thành kế hoạch — do X. V. An-đrô-pốp và V. P. Nô-ghin gửi đến báo "Tia lửa" — thành lập ở Pê-téc-bua một cơ quan ngôn luận khu vực của tổ chức "Tia lửa" Nga và không tán thành việc chuyển các uỷ viên ban biên tập báo "Tia lửa" đến Pê-téc-bua; phê phán tính không hiện thực, hẹp hòi của kế hoạch ấy, tính không hợp lý và nguy hại đến công tác cách mạng của nó; nhấn mạnh tầm quan trọng phải tổ chức tốt hơn nữa việc vận chuyển và phân phát báo "Tia lửa" ở nước Nga.

Tháng Bảy.

Bài báo của Lê-nin "Lời thú nhận quý giá" được đăng trên số 6 của báo "Tia lửa".

11 (24) tháng Tám.

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin tỏ ra phẫn nộ do mâu thuẫn trong hành động

của I-u. Ô. Mác-tốp, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và các uỷ viên khác trong ban biên tập báo "Tia lửa" đối với bài báo của Xtê-clốp "Vậy thì bắt đầu từ cái gì?"; họ tuyên bố bài báo này là có hại, là phản bội, nhưng đồng thời lại đồng ý cho đăng bài báo đó trên tạp chí "Bình minh", phản nộ trước "cái sách lược độ lượng và khoan dung" của họ đối với bọn cơ hội chủ nghĩa; nhấn mạnh tầm quan trọng phải mau chóng thảo ra cương lĩnh của đảng, thông báo việc sắp cho ra số 7 báo "Tia lửa" trong một thời gian gần nhất, và việc ban biên tập đang có các tài liệu để chuẩn bị cho các số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh".

Trước 13 (26) tháng Tám.

Lê-nin gửi cho G. V. Plê-kha-nốp những nhận xét của Người về bài báo của ông ta "Cant chống lại Can-tơ hay là lời di chúc tinh thần của Béc-stanh" dự định sẽ đăng trong tạp chí "Bình minh" số 2 - 3. Theo yêu cầu của G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin đã hiệu đính lại bài báo của ông ta và phác thảo đề cương phân bài báo ra thành từng chương.

Trước 17 (30) tháng Tám.

Bài báo của Lê-nin "Những bài học của cuộc khủng hoảng" được đăng trên số 7 báo "Tia lửa".

17 (30) tháng Tám.

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin báo tin số 7 báo "Tia lửa" đã ra đời và nội dung của số 8 đã được dự kiến; báo tin về việc viết bài báo "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"".

Lê-nin viết nhiều đề cương cho bài "Việc tạo ra những địa chủ". Bài báo này được đăng trên tờ "Tia lửa" số 8 ra ngày 10 tháng Chín 1901, dưới nhan đề là "Bọn chủ nông nô đang hoạt động".

18 (31) tháng Tám

Trong thư gửi cho M. A. U-li-a-nô-va ở Mát-xcơ-va, Lê-nin khuyên bà nên đi Pê-téc-bua để khiêu tố những hành động phi pháp

của các cơ quan tư pháp đã kéo dài vụ xét xử M. I. U-li-a-nô-va và M. T. Ê-li-da-rốp; báo cho biết việc Người có ý định sẽ đi Thụy-sĩ thăm A. I. Ê-li-da-rô-va.

Tháng Tám.

Lê-nin gửi cho các phái viên báo "Tia lửa" ở Nga bản dự thảo của tổ chức "Tia lửa" chung cho toàn Nga; đề nghị họ thảo luận, cho những ý kiến nhận xét và sửa đổi bản dự thảo đó.

8 (21) tháng Chín.

Trong thư gửi cho M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo tin đã nhận được số tiền do bà gửi; đã nhận được tin tức từ Thụy-sĩ do A. I. Ê-li-da-rô-va gửi đến, nói về kết quả của vụ xét xử M. I. U-li-a-nô-va và M. T. Ê-li-da-rốp, những tin tức mà người ta đã giao cho viện thanh tra; khuyên bà nên đi Pê-téc-bua để khiêu tố việc kéo dài vụ án của M. I. U-li-a-nô-va và M. T. Ê-li-da-rốp; cho địa chỉ của những người quen ở Pê-téc-bua, bà ta có thể nghỉ lại ở chỗ họ được.

10 tháng Chín (23).

Bài báo của V. I. Lê-nin "Bọn chủ nông nô đang hoạt động" và bài bút ký "Đại hội hội đồng địa phương" được đăng trên số 8 báo "Tia lửa".

Khoảng 16 và 19 tháng Chín (29 tháng Chín và 2 tháng Mười).

Lê-nin rời Muyn-khen đi Duy-rích dự Đại hội "thống nhất" các tổ chức của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài.

20 tháng Chín (3 tháng Mười).

Lê-nin dự hội nghị đại biểu các tổ chức ở nước ngoài của các cơ quan "Tia lửa" và "Bình minh", "Người dân chủ - xã hội" ở nước ngoài, họp tại Duy-rích. Hội nghị uỷ nhiệm cho Lê-nin phát biểu ý kiến tại Đại hội "thống nhất" các tổ chức của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài.

21 tháng Chín (4 tháng Mười).

Tại phiên họp của Đại hội "thống nhất", Lê-nin ghi lại những điểm sửa đổi mà Cri-tsep-

xki đã thay mặt "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" bổ sung vào nghị quyết của hội nghị Giơ-ne-vơ.

Tại Đại hội "thống nhất" các tổ chức ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Tia lửa" và "Bình minh", "Người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài", phái Bun và nhóm "Đấu tranh"), Lê-nin đã đọc diễn văn vạch trần chủ nghĩa cơ hội của các nhà lãnh đạo "Hội liên hiệp".

Giữa 21 và 23 tháng Chín (4 và 6 tháng Mười).

Lê-nin dự hội nghị toàn thể các uỷ viên ban biên tập báo "Tia lửa", hội nghị thảo luận các vấn đề: xuất bản tờ "Tia lửa", "Bình minh" và việc thành lập "Tổ chức của những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài" đã được hợp nhất.

22 tháng Chín (5 tháng Mười).

Sau khi công khai tuyên bố kiên quyết đoạn tuyệt với "Hội liên hiệp", Lê-nin đã cùng với các đại biểu của các tổ chức ở nước ngoài của tờ "Tia lửa" và "Bình minh", tờ "Người dân chủ - xã hội", rời bỏ Đại hội "thống nhất".

Sau 22 tháng Chín (5 tháng Mười).

Trong thư gửi cho L. I. Ác-xen-rốt (bà là một trong những thư ký của đại hội), Lê-nin yêu cầu mau chóng sao lại những văn kiện của đại hội "thống nhất" và gửi những văn kiện ấy đến Muyn-khen cho Người; báo tin Người sẽ rời Duy-rích đi Muyn-khen.

Lê-nin từ Duy-rích trở về Muyn-khen.

Sớm nhất là 23 tháng Chín (6 tháng Mười).

Tại Muyn-khen, Lê-nin tọa đàm với G. M. và D. P. Crơ-gi-gia-nốp-xki nhân lúc mãn hạn đi đày ở Xi-bi-ri đến thăm Người và bàn kế hoạch thành lập ở nước Nga một cơ quan trung ương của phái "Tia lửa".

Cuối tháng Chín - đầu tháng Mười.

Lê-nin tham gia tổ chức "Đồng minh những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài", — một tổ chức hợp nhất những

người tán thành phái "Tia lửa" và "Bình minh" và tổ chức "Người dân chủ - xã hội", — được thành lập theo sáng kiến của Người.

8 (21) tháng Mười.

Lê-nin viết thư cho G. V. Plê-kha-nốp bàn các vấn đề công tác của ban biên tập báo "Tia lửa"; báo tin đã gửi cho ông ta số 1 của tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"), trong đó có bài báo của Ph. Ăng-ghen nói về cương lĩnh, bài này cần thiết đối với ông ta trong việc thảo luận cương lĩnh của đảng; báo cho Plê-kha-nốp biết ý định của mình sẽ viết bài "Điểm qua tình hình trong nước", để đăng trên số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh", cũng như tiến trình viết cuốn "Làm gì?".

Sau ngày 8 (21) tháng Mười.

Lê-nin bắt đầu viết bài "Điểm qua tình hình trong nước" cho tạp chí "Bình minh".

9 (22) tháng Mười.

Trong thư gửi cho L. I. Ác-xen-rốt, Lê-nin yêu cầu gửi tất cả những văn kiện của Đại hội "thống nhất" đến Giơ-ne-vơ để xuất bản, báo tin đã gửi cho bà quyền thứ tám của tạp chí "Lời nói mới" (1897), trong đó có các bài của X. N. Bun-ga-cốp và của những người khác.

Hạ tuần tháng Mười.

Lê-nin cùng với I-u. Ô. Mác-tốp thảo bức thư gửi nhóm "Tia lửa" ở Pê-téc-bua nói về công tác của nhóm này và về những mối quan hệ qua lại của nó với phái "Tia lửa"; về tầm quan trọng của công tác tuyên truyền và của việc thuyết phục những người dân chủ - xã hội Pê-téc-bua đứng về phía "Tia lửa", về việc thông báo cho ban biên tập báo "Tia lửa" biết công tác ở Pê-téc-bua.

20 tháng Mười (2 tháng Mười một).

Lê-nin viết thư cho G. V. Plê-kha-nốp về việc xuất bản các số 9, 10 của báo "Tia lửa" và số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh"; hỏi khi nào ông ta thảo xong bản cương lĩnh của đảng; báo tin hoàn thành bài "Điểm qua tình hình trong nước".

<i>21 tháng Mười (3 tháng Mười một).</i>	Trong thư gửi G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin báo tin về việc gửi tiền cho ông ta; về việc ban biên tập đã nhận được các món tiền thu; về tình hình tài chính của ban biên tập.
<i>Tháng Mười.</i>	Các bài báo của Lê-nin: "Cuộc đấu tranh chống những kẻ đối", "Trả lời Ban chấp hành Xanh Pê-téc-bua" và "Công việc ngoài nước", đã được đăng trong số 9 báo "Tia lửa".
<i>6 (19) tháng Mười một.</i>	Lê-nin viết thư cho G. V. Plê-kha-nốp nói về nội dung số 4 của tạp chí "Bình minh"; thông báo việc đa số các uỷ viên trong ban biên tập và cơ quan hành chính của báo "Tia lửa" đã đồng ý cho in gấp các văn kiện của Đại hội "thống nhất".
<i>14 (27) tháng Mười một.</i>	Trong thư gửi cho L. I. Ác-xen-rốt, Lê-nin tỏ lời cảm ơn vì đã gửi cho Người cuốn sách của bà ta "Thế giới quan của Tôn-xtôi và sự phát triển của thế giới quan đó"; báo tin về việc Người viết cuốn "Làm gì?".
<i>18 tháng Mười một (1 tháng Chạp).</i>	Lê-nin viết thư cho G. V. Plê-kha-nốp bàn về nội dung của các mục kinh tế và lịch sử trong báo "Tia lửa"; kiên trì nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thảo ra bản cương lĩnh; báo tin về việc Người viết cuốn "Làm gì?".
<i>Trước 20 tháng Mười một (3 tháng Chạp).</i>	Bài báo của Lê-nin "Luật khổ sai và án khổ sai" đã được đăng trên số 10 báo "Tia lửa".
<i>20 tháng Mười một (3 tháng Chạp).</i>	Bài báo của Lê-nin "Lời phản kháng của nhân dân Phần-lan" đã được đăng trên số 11 báo "Tia lửa".
<i>Trước 29 tháng Mười một (12 tháng Chạp).</i>	Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt và G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin thông báo về cuộc hội nghị trụ bị của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa họp ở Brút-xen, nói rõ ý kiến của mình về việc G. V. Plê-kha-nốp cần phải đến Brút-xen; báo tin đã gửi cho hai ông dàn bài nội dung số 4 của tạp chí "Bình minh".

<i>Tháng Mười một- tháng Chạp.</i>	Lê-nin gấp rút viết cuốn "Làm gì?".
<i>Mùa thu.</i>	Lê-nin viết bút ký "Bàn về tạp chí "Tự do"".
<i>Trước 5 (18) tháng Chạp</i>	Trong thư gửi các tổ chức "Tia lửa" ở nước Nga, Lê-nin thông báo việc cuốn "Làm gì?" sắp được xuất bản trong một thời gian gần nhất.
<i>5 (18) tháng Chạp.</i>	Trong thư gửi cho một phái viên báo "Tia lửa", Lê-nin kiên quyết phản đối việc sử dụng nhà in báo "Tia lửa" ở Ki-si-nép để in những xuất bản phẩm gần gũi với "chủ nghĩa kinh tế".
	Trong thư gửi cho I. G. Xmi-đô-vích, Lê-nin thông báo Người đã nhận được những tin tức về việc nhà in báo "Tia lửa" in báo "Tiến lên", một tờ báo có xu hướng "kinh tế chủ nghĩa"; tỏ thái độ rất công phẫn trước việc làm đó, và đề nghị giải thích tin đó có chính xác hay không; đề nghị L. N. Rát-tsen-cô và X. Ô. Txê-đéc-bau-mơ nhanh chóng đến chỗ Người ở Muyn-khen.
<i>Trước 6 (19) tháng Chạp.</i>	Lê-nin thay mặt ban biên tập báo "Tia lửa" viết thư chúc mừng G. V. Plê-kha-nốp nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày hoạt động cách mạng của ông.
<i>6 (19) tháng Chạp.</i>	Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin nhấn mạnh sự cần thiết phải đi Brút-xen dự cuộc hội nghị của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa; thông báo việc ban biên tập báo "Tia lửa" đã gửi tiền đi đường cho ông ta; mời ông trên đường về ghé qua Muyn-khen để giải quyết các vấn đề về bản cương lĩnh của đảng, về số 4 của tạp chí "Bình minh" và các vấn đề khác; đề nghị viết bình luận về các phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho báo "Tia lửa".

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin báo tin về chuyến đi sắp tới của G. V. Plê-kha-nốp đến Brút-xen dự cuộc hội nghị của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa; về việc bộ phận ở Muyn-khen của ban biên tập báo "Tia lửa" mời ông ta trên đường về ghé qua Muyn-khen; mời Ác-xen-rốt cũng đến Muyn-khen trong thời gian đó để giải quyết các vấn đề về bản cương lĩnh của đảng, về số 4 của tạp chí "Bình minh" và các vấn đề khác.

Bài báo của Lê-nin "Mạn đàm với những người bảo vệ chủ nghĩa kinh tế" được đăng trên số 12 báo "Tia lửa".

*Giữa 6 và 10
(19 và 23) tháng
Chạp.*

Các bài báo của Lê-nin: "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", bốn chương đầu của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác" dưới nhan đề "Các ngài "phê phán" trong vấn đề ruộng đất" (tác phẩm đầu tiên ký tên N. Lê-nin) và "Điểm qua tình hình trong nước", đã được đăng trong số 2 - 3 của tạp chí "Bình minh".

*10 (23) tháng
Chạp.*

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin hỏi xem ông có thể duyệt lại tác phẩm "Làm gì?" được không.

Giữa tháng Chạp.

Trong thư gửi cho các tổ chức "Tia lửa" ở nước Nga, Lê-nin báo tin Người đã nhận được những tin tức về việc triệu tập hội nghị các ban chấp hành tối cao ở nước Nga và chỉ ra cho các ban chấp hành và các nhóm những biện pháp tiến hành hội nghị đó.

*20 tháng Chạp
(2 tháng Giêng
1902).*

Bài báo của Lê-nin "Bước đầu của những cuộc biểu tình" và bài bút ký "Nói về bức thư của "Công nhân miền Nam"" được đăng trên số 13 báo "Tia lửa".

*21 tháng Chạp
(3 tháng Giêng
1902).*

Lê-nin nhận được bản in đầu tiên của số 10 báo "Tia lửa", số này được in tại nhà in bí mật ở Ki-si-nép của báo ""Tia lửa".

Tháng Chạp.

Trong thư gửi cho L. I. Gôn-đman, Lê-nin nêu lên tầm quan trọng của việc cải tiến công tác của các tổ chức "Tia lửa" ở nước Nga, của việc tập trung công tác đó; Người nhấn mạnh rằng "toàn bộ tương lai của báo "Tia lửa" là ở chỗ nó có khắc phục được tình trạng thủ công cục bộ và biệt lập theo khu vực để trở thành một tờ báo chung cho toàn Nga hay không".

Năm 1901.

Lê-nin viết luận cương "Chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa xã hội".

Từ Muyn-khen, Lê-nin đã trao đổi thư từ với E. Đ. Xta-xô-va ở nước Nga.

Lê-nin gặp R. Lú-xăm-bua ở Sva-bin-gơ (Muyn-khen).

Lê-nin trao đổi thư từ với R. Dem-li-a-tso-ca về việc chỉ định bà làm phái viên của báo "Tia lửa" ở Ô-đét-xa.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản.....	
Lời tựa	VII - XVIII

1901

BẮT ĐẦU TỪ Đâu ?	1 - 15
TRẬN KỊCH CHIẾN MỚI	16 - 23
TÀI LIỆU MẬT	24
NHỮNG KẾ ÁP BỨC CÁC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHỮNG AN-NI-BAN CỦA PHÁI TỰ DO	25 - 89
I	30
II	39
III	47
IV	55
V	65
VI	79
LỜI THỨ NHẬN QUÝ GIÁ	90 - 99
NHỮNG BÀI HỌC CỦA KHỦNG HOẢNG	100 - 106
BỌN CHỦ NÔNG NÔ ĐANG HOẠT ĐỘNG	107 - 113
ĐẠI HỘI HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	114 - 116
VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ "NHỮNG KẾ PHÊ PHÁN MÁC"	117 - 330
I. "Quy luật" ruộng đất giảm bớt màu mỡ	122
II. Lý luận địa tô	138

III. Máy móc trong nông nghiệp	151
IV. Sự xoá bỏ tình trạng đối lập giữa thành thị và nông thôn. Những vấn đề phụ do "các nhà phê phán" nêu lên .	172
V. "Sự phồn thịnh của những doanh nghiệp nhỏ, hiện đại và tiên tiến". Tấm gương Ba-đen	190
VI. Năng suất của doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp lớn. Một thí dụ lấy ở Đông Phổ	200
VII. Bản điều tra về kinh tế nông dân ở Ba-đen	218
VIII. Những số liệu tổng quát của thống kê nông nghiệp Đức về những năm 1882 và 1895. Vấn đề các doanh nghiệp hạng vừa	234
IX. Nghề làm sữa và các hợp tác xã nông nghiệp ở Đức. Dân cư nông nghiệp ở Đức phân chia theo địa vị kinh tế	250
X. "Tác phẩm" của Ê. Đa-vít, một Bun-ga-cốp người Đức	273
XI. Chăn nuôi trong doanh nghiệp nhỏ và trong doanh nghiệp lớn	288
XII. "Xứ lý tương" theo quan điểm của những người chống lại chủ nghĩa Mác trong vấn đề ruộng đất	304
ĐẠI HỘI "THỐNG NHẤT" CÁC TỔ CHỨC ĐCND CXHN Ở NƯỚC NGOÀI 21 - 22 tháng Chín (4 - 5 tháng Mười) 1901	331 - 339
1. DIỄN VĂN ĐỌC NGÀY 21 THÁNG CHÍN (4 THÁNG MƯỜI). (Biên bản)	333
2. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐỀ NGHỊ VỚI "HỘI LIÊN HIỆP NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA" TẠI ĐẠI HỘI "THỐNG NHẤT" NGÀY 21 THÁNG CHÍN (4 THÁNG MƯỜI) 1901	340
CUỘC ĐẤU TRANH VỚI NHỮNG KẾ ĐỐI	341 - 350
TRẢ LỜI BAN CHẤP HÀNH XANH PÊ-TÉC-BUA	351 - 352
TÌNH HÌNH CÔNG VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI	353 - 354
LUẬT KHỔ SAI VÀ ÁN KHỔ SAI	355 - 362
ĐIỂM QUA TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC	363 - 428
I. Nạn đói	365

II. Thái độ đối với cuộc khủng hoảng và nạn đói.....	392
III. Phân tử thứ ba	401
IV. Hai bài diễn văn của các thủ lĩnh giới quý tộc.....	412
BÀI TỰA CHO CUỐN "TÀI LIỆU CỦA ĐẠI HỘI "THỐNG NHẤT"	429 - 433
KHÁNG NGHỊ CỦA NHÂN DÂN PHẦN-LAN	434 - 439
VỀ TẠP CHÍ "TỰ DO".....	440 - 441
MAN ĐÀM VỚI NHỮNG NGƯỜI BẢO VỆ CHỦ NGHĨA KINH TẾ	442 - 451
KỶ NIỆM HAI MƯƠI LĂM NĂM HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA G.V. PLÊ-KHA-NỐP	452
BƯỚC ĐẦU CỦA NHỮNG CUỘC BIỂU TÌNH.....	453 - 457
VỀ LÁ THƯ CỦA "CÔNG NHÂN MIỀN NAM"	458 - 459
CHỦ NGHĨA VÔ CHÍNH PHỦ VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	460 - 462
CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ	
NHỮNG ĐIỂM SỬA CHỮA VÀ NHỮNG NHẬN XÉT ĐỐI VỚI BẢN DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CỦA TỔ CHỨC DÂN CHỦ - XÃ HỘI CÁCH MẠNG NGA Ở NƯỚC NGOÀI.....	467 - 471
NHỮNG TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ VIẾT BÀI "TRẬN KỊCH CHIẾN MỚI"	472 - 474
CÁC TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ VIẾT BÀI "NHỮNG KẾ ÁP BỨC CÁC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHỮNG AN- NI-BAN CỦA PHÁI TỰ DO"	475 - 484
1. NHỮNG KẾ ÁP BỨC CÁC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHỮNG AN-NI-BAN CỦA PHÁI TỰ DO.....	475
2. ĐỀ CƯƠNG BÀI BÁO	479
3. TRÍCH TẠP CHÍ "TIẾNG NÓI TỰ DO"	481
CÁC TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ VIẾT BÀI "BỌN CHỦ NÔNG NÔ ĐANG HOẠT ĐỘNG"	485 - 493
1. VIỆC TẠO RA NHỮNG ĐỊA CHỦ	485
2. VIỆC TẠO RA NHỮNG ĐỊA CHỦ	488
3. MỘT KIỂU CỦA ĐOẠN KẾT THÚC BÀI BÁO.....	491

NHẬN XÉT VỀ BÀI BÁO CỦA RI-A-DA-NỐP "HAI SỰ THẤT"	494 - 496
TÀI LIỆU DÙNG CHO BÀI "CUỘC ĐẤU TRANH VỚI NHỮNG KẾ ĐỐI"	497 - 500
Danh mục các tác phẩm của V. I. Lê-nin cho đến nay chưa tìm thấy (tháng Năm - tháng Chạp 1901)	503 - 504
Danh mục các tác phẩm có thể là của V. I. Lê-nin	505
Danh mục các tác phẩm mà V. I. Lê-nin đã tham gia hiệu đính	506
Chú thích	507 - 564
Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến.....	566 - 597
Bản chỉ dẫn tên người.....	598 - 646
Thân thế và sự nghiệp của V. I. Lê-nin.....	647 - 663

PHỤ BẢN

Trang đầu báo "Tia lửa" số 4 với bài của V. I. Lê-nin "Bắt đầu từ đâu?" — 1901	3
Bìa tạp chí "Bình minh" số 2 - 3, 1901, tức là tạp chí đã đăng những tác phẩm của V. I. Lê-nin: "Những kế áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", bốn chương đầu của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kế phê phán Mác" (dưới nhan đề "Các ngài "phê phán" trong	

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THỨC HUỠNH
Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung:	TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO
Trình bày kỹ, mỹ thuật:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN PHƯƠNG MAI
Sửa bản in:	BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO
Đọc sách mẫu:	BAN SÁCH GIÁO KHOA - THAM KHẢO

In 1. 000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty In và Văn hóa phẩm.
Giấy phép xuất bản số: 148 - 37/CXB -QLXB, cấp ngày 14-1-2005.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2005.